

*«Ăn ở có* ***nhân****, mười phần chẳng khó»*

*Cùng với tổ quốc, tổ tiên,*

*cùng với dân đen, dân oan,*

*cùng các tù nhân lương tâm,*

*đứng về phía nước mắt,*

*cùng một giòng sinh mệnh với Việt tộc.*

*Vì nhân cách giáo lý Việt tộc,*

*Vì nhân quyền*

*để bảo vệ nhân phẩm, nhân đạo, nhân bản,*

*để bảo trì nhân tính, nhân tri, nhân từ,*

*để bảo hành nhân trí, nhân tâm, nhân nghĩa… Vì nhân sinh!*

******

**Mục:**

*Nhân Việt.1*

**Nhân và Việt**

**\*\*\***

*Nhân Việt.2*

**Nhân lý trọng nhân trí:**

**Chuyển hoá kiếp Đảng**

**\*\*\***

*Nhân Việt.3*

**Nhân tâm-niềm tin**

***(nhân trí vị nhân tri)***

**\*\*\***

*Nhân Việt.4*

**Nhân quyền-nhân trí**

**\*\*\***

*Nhân Việt.5*

**Nhân tri dắt chính tri.**

**\*\*\***

*Nhân Việt.6*

**Nhân đạo phán ác, nhân từ xét tà**

***(dân đen-dân oan-dân chủ)***

**\*\*\***

*Nhân Việt.7*

***Nhân tình-nhân thế:***

***nỗi niềm giáo lý Việt tộc***

**\*\*\***

*Nhân Việt.8*

**Toàn cầu hoá nhân quyền, toàn cầu luận Việt tộc,**

***(giòng sinh mệnh Việt tộc trước họa Trung Quốc hóa)***

**\*\*\***

*Nhân Việt.9*

**Nhân *Việt* nghiệm nhân *Trung***

***(Đồng bào suy thiên hạ)***

**\*\*\***

*Nhân Việt.10*

**Nhân cách tạo nhân dạng**

***(phong cách dựng tư cách, thể diện lập sĩ diện)***

**\*\*\***

**Nhân Việt*:***

***nhân kết***

**NHÂN VIỆT. N°1**

***(Nhân cách giáo lý Việt tộc)***

**Nhân và Việt**

*Mọi nơi, mọi chốn, mọi nẻo,*

*luôn cùng một giòng sinh mệnh với Việt tộc.*

**Tặng CẤN THỊ THÊU**

*.*

Đất nước Việt Nam một lần nữa bị Trung Quốc xâm chiếm, lần này giặc phương Bắc bắt đầu cuộc xâm lược bằng cách chiếm hải phận của chúng ta, quần đảo Trường Sa thân yêu, trước đó họ đã chiếm Hoàng Sa. Lại một lần nữa, như nhiều lần trước trong lịch sử của Việt tộc, chúng ta **sẽ** đoàn kết với nhau để giữ trọn vẹn lãnh thổ của tổ tiên, vì tương lai của nhiều thế hệ mai sau, nhất là vì một đạo lý bao quát của nhân loại qua chữ: *nhân*, về đạo làm người, biết đạo lý và tôn trọng pháp lý. Chữ *nhân*lần này được thử thách trên một mặt trận lớn, đưa chúng ta đi xa hơn nữa trong *nhân lý* giữa bối cảnh toàn cầu hoá, trong *nhân tính* của quá trình thế giới hoá, chúng ta sẽ giữ cho bằng được *nhân cách* trước đe doạ của chiến tranh tới từ một đối phương lớn và thô bạo. Đây là một mặt trận vừa mới về *nhân phẩm*, vừa lớn về *nhân sinh*… Trước thế giới, chúng ta phải đủ vai vóc của *nhân nghĩa*, tầm vóc của *nhân giáo*, nội công của *nhân bản* để thắng được đối phương trong lần thư hùng này, chính nghĩa của ta chính là *nhân đạo,* mà cha ông của chúng ta đã dạy chúng ta từ hồi lập quốc, từ khi Việt tộc là Việt tộc.

Năm 1992, tôi chủ trì số báo: *Chỗ đứng của văn hoá Việt Nam trong Khổng giáo*, cho tập san Approches-Asie của đại học Nice-Sophia Antipolis, mà tôi đang làm giám đốc biên tập; ngoài các bài viết của các chuyên gia, tôi giữ chỗ trung tâm cho bài phỏng vấn về *Bản sắc Việt Nam* do giáo sư Hoàng Xuân Hãn đảm nhận trả lời. Tôi tránh vòng vo, hỏi trực tiếp giáo sư: *Bản sắc Việt Nam* là gì? Thì bác Hãn trả lời là: «*Bản sắc của người Việt vừa là nhân phẩm của người Việt, mà cũng vừa là nhân phẩm của nhân loại trong chuyện làm người phải luôn đấu tranh để bảo vệ chủ quyền, độc lập, tự do của mình trước mọi thế lực ngoại xâm, nhất là những thế lực lại là những cường quốc».* Từ đó tới giờ đã hơn hai mươi năm, tôi không còn được nghe, được đọc các định nghĩa *bản sắc của người Việt* nào rõ ràng hơn, cao hơn, rộng hơn, sâu hơn định nghĩa này của bác Hoàng Xuân Hãn. Đây là chỗ dựa, chỗ đứng tạo ra lý luận và lập luận của tôi trong diễn tri chính luận này. Xin hãy coi đây như lời tâm huyết của tôi với tổ tiên tôi, với đồng bào tôi; rộng hơn nữa hãy coi đây như lời tâm sự của tôi với đồng loại -không phải chỉ là đồng bào của tôi- trong chuyện bảo vệ nhân tính của nhân sinh hiện nay. Vì trên trận đồ này, không còn là xung đột đơn thuần giữa Việt Nam và Trung Quốc, mà là một chiến trường không biên giới giữa thế giới nhân bản và Trung Quốc bá quyền. Không những chỉ có Á châu, mà Úc châu, Âu châu, Mỹchâu, Phi châu hãy cảnh tỉnh**!** Cảnh giác càng sớm càng hay trên mặt trận này! Vì trước sau gì bành trướng sẽ vô nhân, bá quyền sẽ thất nhân.

Chữ *nhân* là cả sự nghiệp của Khổng Tử, dân tộc Việt Nam từ nhiều thế kỷ đã học và đã hiểu chữ *nhân* của người thầy gốc Trung Quốc này, và Việt tộc chúng ta sẵn sàng chỉ bảo nhau, rồi dạy cho các thế hệ mai sau phải đào sâu thêm chữ *nhân* này. Chúng ta còn học được ở Mạnh Tử, Trang Tử… khi họ diễn luận để làm phong phú thêm chữ *nhân* này của Khổng Tử, mà chúng ta coi như là một luận thuyết lớn của đạo lý, một chủ thuyết rộng của của luân lý. Vậy mà, tháng 5 năm 2014 này, giới cầm quyền Trung Quốc lại vô cùng thô bạo, biến thành loại cướp biển, chiếm thềm lục địa Việt Nam theo phản xạ bành trướng trong thói bá quyền, bất chấp đạo lý, gạt bỏ luân lý giữa các láng giềng biết tôn trọng lẫn nhau. Bất nhân khi bắt bớ ngư dân Việt Nam, vô nhân khi bắn giết các lính biên phòng Việt Nam. Hãy đặt một giả thuyết: nếu Khổng Tử, Mạnh Tử, Trang Tử đang sống cùng chúng ta trong đầu thế kỷ 21 này, thì chắc chắn họ sẽ cúi đầu xin lỗi dân tộc Việt Nam! Hãy cùng nhau phân biệt *«phong cách đại quốc»* của Khổng Tử, Mạnh Tử, Trang Tử và *«thái độ nước lớn bất nhân»* của các nhà cầm quyền Bắc Kinh hiện nay. Nếu có *«phong cách đại quốc»,* thì chúng ta sẵn sàng coi họ như đàn thầy, đàn anh… còn nếu chỉ có *«hành vi nước lớn bất chính»* đi ăn hiếp nước nhỏ láng giềng, cướp biển thì dân tộc ta đã có từ *thủy man*, bọn cướp biển man rợ. Chữ *nhân* từ nay phải trở thành sách lược của Việt tộc trên mặt trận ngoại giao, chiến lược trên mặt trận quân sự, nhất là chủ lược trên mặt trận truyền thông của Việt Nam đối với thế giới để cảnh tỉnh toàn cầu về chủ nghĩa bành trướng vô nhân của Trung Quốc. Chúng ta sẽ dùng phạm trù *nhân-hữu-nhân* để đối mặt bọn *vô-bất-nhân.* Ông bà ta gọi chiến lược này là *nhân địch luận*, dùng *nhân giáo* của đối phương để thắng thái độ thô bạo, hành vi hàm hồ, phong cách lỗ mãng của đối phương, rồi biến chữ *nhân* ởđây đã trở thành: nhân dịp, nhân cơ hội, nhân thời cơ, nhân hoàn cảnh, nhân thời thế, nhân bối cảnh… để làm rõ chính nghĩa của ta, cùng lúc tạo điều kiện cho đối phương cải thiện, sám hối trở lại với nhân giáo do chính họ chế tác ra. Đây là loại chiến thuật thông minh, vì nó dựa trên đạo lý thông minh của đối phương, giúp đối thủ ta tìm mọi cách tránh cảnh sắc máu chiến tranh vô phương, chỉ vì vô minh của họ.

Cao hơn nữa, trong những ngày tháng tới, chữ *nhân* sẽ vừa là kim chỉ nam trong quá trình toàn cầu hoá nhân cách đạo lý Việt tộc, vừa là cầu nối *nhân duyên* giữa thế giới và Việt Nam trước thảm hoạ mới của chủ nghĩa bá quyền Trung Quốc bất chấp công pháp quốc tế. *Tứ hải giai huynh đệ* sẽ được ta chuyển hoá thành *năm châu nhân cách đạo lý Việt.* Trong 40 năm sống với Việt học ở phương Tây, tôi học được nhiều phân tích của các chuyên gia, của giới chính khách, họ hiểu thấu về lịch sử Việt Nam, mặc dù họ không phải người Việt nhưng họ rất hiểu sâu người Việt, họ thống nhất trên nhận định: *«Le peuple vietnamien, un peuple farouchement indépendant» (Dân tộc Việt Nam, một dân tộc độc lập một cách quyết liệt)*. Đừng hiểu chữ *quyết liệt* theo nghĩa quá khích mà hãy hiểu theo nghĩa quyết tâm, quyết chí và sẵn sàng quyết chiến để quyết thắng… Những chuyên gia phương Tây về Việt Nam này họ thấy rất rõ *độc lập tính trong Việt Nam tính* của dân tộc ta qua quá trình đánh giặc và đuổi giặc ra khỏi bờ cõi của tổ tiên. Các cường quốc ngoại xâm đã thua trận trên đất nước này, trong đó nhiều lần có Trung Quốc, trên ngàn năm chưa hề đồng hoá được Việt tộc. Những năm gần đây, trong các buổi gặp gỡ tại Liên Hiệp Quốc về văn hoá, tôi lại nghe nhắc lại câu này: *un peuple farouchement indépendant.* Các chuyên gia ngoại quốc xem *độc lập tính trong Việt Nam tính* vừa là cái lõi lại vừa là cái gốc, vừa là cái nguồn lại vừa là cái rễ của dân tộc Việt… Tựu trung, nó là cái trung tâm -*nhân tâm*- tạo thành cái cốt cách, thể hiện nhân cách đạo lý của Việt tộc. Người nước ngoài nhìn dân tộc ta không sai!

**Nhân phẩm**

Tết năm 1288, vừa xong chiến thắng chống bọn Nguyên-Mông, sau cuộc chiến long trời lở đất, vua Trần Thánh Tông gởi tới dân tộc một bài thơ chúc Tết rất hay và rất lạ, trong đó có hai câu: «*Vũ trụ đã trong, nhơ đã lắng… Trăng vô sự soi người vô sự»*. Đuổi hết cái tà ma ngoại xâm, cái u ám xâm lược ra khỏi quê hương, đất trời trong suốt trở lại; bọn giặc đi cướp nước ta chỉ là đám bùn nhơ, bẩn thỉu về nhân cách, thấp tồi về nhân phẩm, thắng rồi thì từ đây không còn chuyện gì phải lo, vô sự vì không còn gì phải bất an nữa, trăng yên bình vô sự soi người yên tâm cũng vô sự. Đối với các đấng minh quân, chuyện độc lập dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước không phải chỉ là chuyện đất đai, mà là chuyện của một nhân sinh quan phải đầy đủ từ thân tới tâm, là chuyện của một thế giới quan phải toàn vẹn từ rễ tới ngọn, là chuyện của vũ trụ quan phải tinh nguyên từ đất tới trời. Tầm nhìn của cha ông ta rất hoàn chỉnh, thế đứng của tổ tiên ta vừa vững, vừa cao. Nhân phẩm của dân tộc bắt các người lãnh đạo phải nhìn xa trông rộng như vậy.

Từ thế kỷ XV, Nguyễn Trãi đã nhận ra muốn đánh thắng Trung Quốc xâm lược để thoát ách nô lệ, phải phối hợp quân sự với ngoại giao, tuyên truyền dân vận với chiến tranh tâm lý, án binh trên núi Chí Linh, nhưng không ở thế thụ động, luôn linh động để xoay chuyển nhanh nhẹn theo thời thế. Chữ *thời* không rời chữ *thế: «Đã đố trời mà biết thời, lại có chí để thành công, đợi thời chờ dịp, giấu sắc giấu tài, ăn thường nếm mật, ngủ thường nằm gai»*. Mỗi chuyện trên đời này đều có cái giá của nó, cái giá của độc lập dân tộc, của toàn vẹn lãnh thổ có khi phải trả rất đắt nhưng không ai tiếc sức, tiếc công, tiếc thân vì từ kẻ sĩ tới nông dân, chỉ một tấm lòng bảo vệ quê hương: «*Duy chỉ một lòng trung với hiếu, đêm ngày cuồn cuộn nước triều dâng».* Nhân phẩm của dân tộc bắt các người lãnh đạo phải biết nắm lấy thời thế, tạo được thời cơ, sau khi đã có lòng dân như triều dâng.

Rồi tới thế kỷ XVIII với Quang Trung, nắm được thời thế trong tay đã tốc chiến, từ Phú Xuân ra giải phóng chớp nhoáng Thăng Long, vậy mà khi đất nước vừa thoát được ách vong nô, là có ngay một đám quan thần vây chung quanh vua, trao cho vua một danh sách các kẻ bị buộc tội là bán nước, là thông đồng với giặc. Vị minh quân đã xé ngay danh sách đó, làm tức khắc việc hoà hợp, hoà giải dân tộc, lại còn lập đàn giải oan cho bao sinh linh mất mạng trong cuộc chiến. Không phải trí thức, nhưng có nhân phẩm nên có tri thức để bảo vệ hoà bình. Không phải chuyên gia trong chính giới, nhưng có nhân tâm nên không cho phép kẻ xấu *«dây dưa»* chuyện huynh đệ tương tàn. Nhân phẩm của dân tộc bắt các người lãnh đạo phải biết từ tâm, nắm trí khoan dung để thực hiện cho bằng được đức khoan hồng, giữ lòng rộng lượng để rộng cửa cứu nhau.

Tôi đi tìm trong ngữ pháp của các dân tộc khác nhau, gần xa với Việt tộc, hiếm khi nào tôi tìm được động từ *xí xoá* như ta có trong Việt ngữ, theo nghĩa rộng lượng để khoan dung, từ tâm để tha lỗi, không cố chấp vì mê chấp, rộng tình để rộng trí, *chín bỏ làm mười*. Hình như động từ *xí xoá* này từ đạo Phật ra, chứ không thể từ Khổng giáo tới. Vì trước các lầm lỗi, Phật khẳng định có thể tha lỗi được hết, bằng *tứ vô lượng tâm*, hiểu được thì thương được, thương được thì tha thứ được. Cũng câu hỏi về khả năng tha thứ của nhân sinh trước chuyện ân oán trong nhân thế, Khổng Tử trả lời hoàn toàn khác: *«Nếu lấy ân trả cho oán, thì lấy gì trả cho ân?»,* một câu trả lời dưới dạng một câu hỏi rất nghiêm minh trong chuyện xét xử, nhưng vắng bóng của chất từ bi. Như vậy, trong tam giáo đồng nguyên tại Việt Nam, có lẽ đạo Phật đã thấm sâu vào nhân phẩm của Việt tộc hơn Khổng giáo, qua khả năng *xí xoá.* Tôi muốn kể một chuyện khác trong khi giới nghiên cứu phương Tây họ nghiên cứu, phân tích cách thanh trừng lẫn nhau trong giới lãnh đạo Trung Quốc. Chuyện thanh toán nhau vì quyền lực đều có trong các Đảng độc tài toàn trị, nhưng nó diễn biến một cách rất tục tĩu, rất dã man trong cách vùi dập nhân phẩm lẫn nhau khi kẻ thắng truy diệt, giết hại kẻ thua trong Đảng của Trung Quốc. Trong cách mạng văn hoá cho tới chuyện thanh trừng *bè lũ bốn tên.* Kẻ thua trận trên chính trường phải đội phân ra phố để đám đông bôi xấu nhân phẩm họ; từ Lưu Thiếu Kỳ tới Đặng Tử Bình đều phải qua cái cầu bị nhục mạ, bị phỉ báng, bị làm thô bỉ hoá nhân cách của mình trước đám đông. Hành vi tục tĩu luôn đi đôi với phong cách dã man, trước phong trào đòi dân chủ của sinh viên Trung Quốc năm 1989, các lãnh đạo Bắc Kinh đã ra lệnh cho quân đội của họ bắn vào trí thức trẻ, lấy xe tăng cán lên thân thể thanh niên của họ, ta cầu mong chuyện này đừng xảy ra trên đất nước ta, vì nó triệt hậu. Trung Quốc xưa nay, vẫn được xem là đất nước đặt ra nhiều nhục hình vô nhân nhất, nhiều cách tra tấn bất nhân nhất, Việt Nam ta rất xa lạ về lối nghĩ và lối làm này.

Có hai cách đối nhân xử thế: *thanh* và *tục*, ông bà ta luôn dặn con cháu phải chọn thanh, gạt tục; trong quan hệ hàng ngày không may gặp kẻ tục trong cuộc sống nếu phải nói chuyện, trao đổi, trả lời, ta phải luôn giữ nhân cách *«đố tục, giảng thanh»*. Giảng thanh là nói ra lời thanh tao, vì biết lập ngôn như biết lập thân, phòng thân, thủ thân… rơi vào tục tức là đã bắt đầu mất nhân cách. Trong các cuộc đàm phám sắp tới, lúc đối diện với các nhà lãnh đạo Trung Quốc, những người trách nhiệm ngoại giao của Việt Nam nên chuẩn bị tinh thần là sẽ gặp những loại người tục; ta phải luôn giữ thể diện trong lời ăn tiếng nói như giữ nhân cách, bảo vệ cái *thanh* như bảo vệ cái trong sạch trong nhân tính, cái trong sáng trong nhân trí. *«Thân em như giếng giữa đàng, người sang rửa mặt kẻ hèn rửa chân», rửa mặt* hay *rửa chân*, thể diện là đây; tránh xúc phạm, cẩn thận từng lời, từng chi tiết, vì *«lụa kia tuy trắng, vụng cầm cũng đen»,* nhân tính dựa trên *tử tế*, *tử* đã là nhỏ, mà *tế* còn nhỏ hơn *tử.* Tổ tiên luôn dặn ta xa lánh các cách hành xử tục tĩu, các cách ứng xử bỉ ổi, các cáchxử thế thô bỉ. Những kẻ nhục mạ, phỉ báng nhân phẩm của đồng loại là những kẻ không có văn minh, nhất là không có tri lực *xí xoá.*

**Nhân đạo**

Nhân đạo trong hệ thống tư tưởng Trung Quốc, từ Khổng giáo qua Lão giáo, là đạo của nhân, lối đi của nhân tính, nó khác với nhân đạo cộirễ của tình thương trong Phật giáo, chỗ dựa của *từ, bi, hỉ, xả*. Vì trên thượng nguồn đạo của nhân, các tổ sư Trung Quốc tách quân tử đại diện cho cái hay, cái đẹp, cái tốt, cái lành ra khỏi thế giới của tiểu nhân ngụp lặn trong cái tồi, cái xấu, cái dở, cái thấp. Đạo làm người quân tử là sự tu tập của nhân tính, nhưng chính Khổng Tử cũng công nhận là tiểu nhân đầy rẫy trong thiên hạ, còn quân tử thì khó nhận ra được ngay; nhưng mỗi lần quân tử đối diện với tiểu nhân thì thực hư được bày ra ánh sáng, thực chất mỗi bên lộ ra trong quan hệ giữa người và người. Một bên là quân tử: nhân phẩm đã trở thành nhân cách, bên kia là tiểu nhân: không có nhân cách nên không có tư cách. Khổng sư đưa ra hai biểu tượng chính xác: *quân tử như gió nổi lên, khó thấy nhưng mạnh; còn tiểu nhân như cỏ hèn, thấy gió nổi lên là cúi rạp thân*. Đối với quân tử: nhân phẩm, nhân cách, tư cách là một; còn đối với tiểu nhân: nhân phẩm, nhân cách, tư cách, có hay không có không quan trọng. Đây là bài học rất hay cho tư cách đàm phán của Việt Nam trong những ngày tháng tới khi đối diện với các lãnh đạo Trung Quốc; cùng với các dữ kiện pháp lý, song song với các sử liệu công pháp quốc tế về chủ quyền của Việt Nam trên Hoàng Sa và Trường Sa, những người lãnh đạo ngoại giao của Việt Nam phải có phong cách quân tử, tư thế anh minh, thẳng lưng và nghiêm túc nắm vững đạo của nhân, để đại diện cho cái hay, cái đẹp, cái tốt, cái lành. Lấy những bài học của các tổ sư cùng huyết thống với bọn tiểu nhân lãnh đạo Bắc Kinh hiện nay, để dạy chúng trở về cái nguồn hay, cái rễ đẹp, cái gốc tốt, cái cội lành của văn minh Trung Quốc. Qua hình ảnh, qua truyền hình, thế giới sẽ quan sát rất kỹ lưỡng phong cách ngoại giao Việt Nam, *có thực mới vực được đạo;* nên có ngay những lớp huấn luyện, những bài tập luyện nhân cách ngoại giao này cho tất cả các nhân vật đại diện cho đất nước đi đàm phán với Trung Quốc, biết trả lời có giáo lý trước báo chí quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay. *Nói có sách, mách có chứng* (言之凿凿，言必有据; 有案可稽), làm **rõ**, làm sáng chữ *nhân* của Việt tộc, bằng cách quán triệt ngoại ngữ, có lý luận pháp lý, có lập luận đạo lý. Hãy đặt vai trò ngoại giao và truyền thông quốc tế vào các chiến lược ưu tiên trong việc giữ nước. Đây là chiến lược ngoại giao *nhân địch luận duy giáo*, tranh đấu chống đối phương trên chính chiến trường giáo lý của họ. *Có đầu có đuôi, có ngành có ngọn (*有条有理、有头有尾、有板有眼*)*. Ai sẽ thắng ai về đạo của nhân? Tôi xin đưa ra kết quả nghiên cứu sau đây: từ nhiều năm qua, tôi làm việc có lúc là thành viên chính thức, có lúc là thành viên được mời của các viện, các nhóm nghiên cứu về Trung Quốc học tại các đại học của Paris. Các nhà chuyên môn phương Tây về Trung Quốc khám phá ra được một điều khi xem xét, phân tích lý lịch của các ủy viên trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc, từ một Đảng đại diện cho giai cấp công nhân và nông dân, các ủy viên trung ương hiện nay phần đông là trọc phú, thực chất là gian thương theo nghĩa *buôn thần bán thánh* qua tham nhũng và hối lộ, đúng là hình dạng chân tướng của tiểu nhân. Đại đa số sống với một mẫu số chung là không hiểu biết gì nhiều về đạo lý minh triết, giáo lý hiền triết cổ nhân của họ. Khi họ phát biểu trên chính trường quốc tế, các ủy viên này rất mù mờ về uy phong giáo lý của tiền nhân họ. Vì thiếu học vấn, cũng vì thiếu đạo lý, họ không đại diện được cho giới hàng đầu *nhất sĩ*, vì trên thực tế, họ còn thấp hơn giới thấp nhất là *tứ thương*, và tri thức gian thương đã tạo ra tư duy thô bạo của các lãnh đạo Trung Quốc hiện nay, một tri thức không hề được hỗ trợ bởi trí thức của nhân giáo Khổng Mạnh. Lực lượng ngoại giao mới của Việt tộc nên có nhân cách của Nguyễn Trãi trên chính trường quốc tế: *«Vườn quỳnh đầu chim kêu hót, cõi trần có trúc đừng ngăn»*, chim hót lời chân lý với nội lực của nhân tâm, quân tử thẳng lưng như trúc, đứng thẳng giữa đời để ngăn chặn các hành vi xằng bậy của tiểu nhân.

Ta không quên Lão Tử trong câu chuyện về chữ *nhân*, trong nhiều bài học của Lão sư có một bài học ngắn gọn nhưng rất hay: *«Quân tử là thầy của tiểu nhân, nhưng tiểu nhân là vốn của quân tử».* Chữ *thầy* thì nghĩa rõ, không cần bàn, còn chữ *vốn* đầy biến số, dày ẩn số, ta nên bàn kỹ. Trước hết, phải biết phân loại các thành phần trong đất nước Trung Quốc để phân hoá đối phương ngay trên chính trường của họ. Hãy phân biệt trí thức Trung Quốc chuộng nhân quyền và các nhà lãnh đạo gian thương của Bắc Kinh, hãy phân biệt đám lính thủy man cuồng tín giết hại ngư dân Việt Nam trên Biển Đông với các tầng lớp thanh niên tiến bộ Trung Quốc muốn sống trong một toàn cầu hóa thái hòa. Nhưng cùng lúc ta cũng phải thấu hiểu thêm một thực tế trong phân tích tình hình hiện nay, chuyện này giúp ta kiên nhẫn với các tầng lớp tiến bộ yêu hòa bình, trọng láng giềng của Trung Quốc hiện nay. Vì ta thấy rất rõ là trước thảm họa bị đồng hóa của Tây Tạng trong những năm qua, giới trí thức Trung Quốc dường như không lên tiếng nói, không tạo được một cao trào để chống chính quyền của họ rất vô nhân trên vận mệnh của dân tộc Tây Tạng. Đất nước Trung Quốc chưa dân chủ nên nhân dân Trung Quốc chậm có những phán đoán công minh, đây là chuyện dễ hiểu. Nhưng các lực lượng tiến bộ, yêu nhân quyền của các nước văn minh, dân chủ Tây Âu và Bắc Mỹ sẽ nổi lên trước để ủng hộ Việt Nam, đây là *lực lượng quốc tế nổi,* nhưng ta cũng không quên *lực lượng nội tại chìm Trung Quốc*, cũng sẽ nổi lên để ủng hộ chính nghĩa Việt Nam sau khi thấy các dân tộc Tây Âu và Bắc Mỹ làm chuyện này. Phải tranh thủ mọi lực lượng trong và ngoài Trung Quốc bằng một loại truyền thông đầy nhân tính. Sau khi phân loại để phân **hóa**, vốn thứ hai của quân tử là bọn tiểu nhân luôn *giấu đầu lòi đuôi* (藏头露尾；狐狸尾巴；欲盖弥彰), không sao giấu được các con tính thấp hèn của họ, các ý đồ sang đoạt của họ. K.Marx, cha đẻ của chủ nghĩa cộng sản, có một phân tích rất lạ: *«le dominant est dominé par sa domination», kẻ ham đua đòi đi khống chế kẻ khác sẽ là nạn nhân của chính ý đồ khống chế của mình,* chóng chày sẽ trả những giá rất **đắt** về tham vọng của họ. Ý đồ cướp đoạt đất người, thâm ý sang đoạt biển hàng xóm chính là những cái bẫy trong quy trình *gậy ông sẽ đập lưng ông* (以其人之道，还治其人之身; 搬起石头打自己的脚)*.* Sau cùng, phải hiểu *vốn* là bàn đạp, vì quân tử biết khai thác cái mà tiểu nhân có, quân tử đủ thông minh để công cụ hóa các ý muốn, ý định, ý đồ của tiểu nhân, rồi biến thành ý lực cho chính nghĩa của mình. Nhân sinh quan hạn hẹp của tiểu nhân chỉ là đất bằng cho thế giới quan rộng lớn của quân tử, đạp lên và tiến tới. Trên chính trường quốc tế, các chủ thể ngoại giao Việt Nam phải là *đại nhân*, tách biệt hẳn mình ra khỏi các hành vi của bọn *tiện nhân* đang lãnh đạo đất nước Trung Quốc sống với phản xạ trộm, cắp, cướp, giật giữa nhân gian.

Không thể nào quên Mạnh Tử trong định nghĩa sắc nhọn về chữ *nhân* của ông, trong đó nền tảng của nhân tính là lòng trắc ẩn, nó khác với sự thương hại, nó xa với chuyện bố thí, nó là *nhân đạo* tiềm ẩn trong *nhân tâm*, nhưng sẵn sàng bùng nổ mãnh liệt trước các bất công của nhân thế, mà Mạnh sư đúc kết là: *«Không chịu đựng những chuyện không chịu đựng được».* Không chịu đựng được chuyện bị cướp nước, cướp đất, cướp biển vì đây là hậu quả trắng trợn của bất công, *cá lớn nuốt cá bé,* không chịu đựng được vì không chấp nhận được. Nước nào chủ đó. Nước Nam của người Nam, đây là chân lý của Việt tộc, đây cũng là nội lực của lòng trắc ẩn, giúp cả nước đoàn kết lại thành một tổng thể vững mạnh để thắng ngoại xâm; mỗi lần cơ đồ tổ tiên bị đe doạ là mỗi lần dân ta biến chân lý này, lòng trắc ẩn này thành sự thông minh tập thể, nội công đề kháng trong bản lĩnh cộng đồng để chống lại cái vong nô; nhân đạo, đạo của nhân, đường đi nẻo về của nhân cách, vì không ai muốn bị vong quốc.

**Nhân tính**

Rousseau có phân tích rõ và gọn về nhân tính: *«les hommes soyez humains»,* *con người ơi hãy giữ nhân tính*, như vậy không phải làm người là có nhân tính, có những kẻ sống cả đời mà không có nhân tính, muốn có nhân tính phải có giáo dục về đạo lý (*giáo lý*), phải được tu tập về luân lý (*nhân lý*). Giáo lý là chỗ dựa cho nhân lý; chuyện này đã rõ trong triết học luân lý hiện đại mà Ricœur đã đúc kết được: kẻ có nhân tính là kẻ tự tôn trọng mình nhưng không quên ân cần và hữu ích cho người khác, mong muốn có một cuộc sống hay, đẹp, tốt, lành và đòi hỏi xã hội cùng các cơ chế phải thực hiện và bảo đảm những cái hay, đẹp, tốt, lành đó. Đây cũng là chính nghĩa của ta khi đối mặt, đối đầu, đối kháng với Trung Quốc, khi chúng ta có *đạo lý* (hay, đẹp, tốt, lành) thì chúng ta sẽ có *luân lý* (trách nhiệm và bổn phận) để bảo vệ những cái hay, đẹp, tốt, lành này. Nhưng chúng ta cũng phải cẩn trọng, vì trong lịch sử thôn tính, chiếm đoạt, ức chế, đô hộ Việt Nam, người Trung Quốc sẵn sàng có hành vi: *đường ở mồm* (有嘴就有路), trong điêu khẩu của họ: *lưỡi không xương nhiều đường lắt léo.* Gian trá là vốn của họ, *nói một đàng, làm một nẻo* (出尔反尔；说一套作一套), xảo quyệt là phản xạ của họ, *vừa ăn cướp vừa la làng* (贼喊徒贼); không ngần ngại trong chuyện *gắp lửa bỏ tay người* (以邻为壑), không thấy ngượng trước chính thái độ *sáng nắng chiều mưa* (朝令夕改) của họ. Quen thói nước lớn vô phép, họ tự cho phép: *được voi đòi tiên* (得一望十；这山望着那山高； 骑马找马；得陇望蜀). Khi vào đàm phán với họ, chúng ta sẽ phải gặp loại người: *dai như đỉa đói* (韧如饿蛭), mà ông cha ta đã gọi là: *dai như giẻ rách.* Gần đây, chính khách phương Tây đã nhận diện ra được loại người này trong ngoại giao của Trung Quốc và đồng ý gọi họ là: *des vieux torchons (giẻ rách cũ)*. Song song với cách ngoại giao lưỡi gỗ vô tri, loại này còn có một khẩu thuật khác trong đàm phán là: *cáo đội lốt hổ* hoặc *cáo mượn oai hùm* (狐假虎威). Nếu ta có chính nghĩa thì ta đừng nản lòng với bọn này, mà ngược lại phải xếp loại cho đúng tên, phân tích cho đúng chữ để lột mặt nạ bọn này trên chính trường quốc tế bằng cách hiểu và sử dụng vững vàng châm ngôn, tục ngữ, dân ca… của chính nhân dân Trung Quốc để vạch rõ chân tướng bọn này với thế giới. Chúng ta bắt buộc phải làm chuyện này, vì những năm qua Trung Quốc nghiên cứu rất kỹ về Việt Nam, có dày đặc các chuyên gia về Việt Nam, bên cạnh hàng trăm chuyên gia về công pháp quốc tế và luật về thềm lục địa. Cẩn trọng hơn nữa là trò *ném đá dấu tay* từ chính trị qua thương mại, sẵn sàng phối hợp *nội gián* gây ung thư trong nội bộ Việt Nam, cùng lúc giở trò *mê hồn trận* xung quanh biên giới, với giọng điệu ngoại giao giả dối *khẩu Phật, tâm xà* trước thế giới. Độc địa hơn, chúng sẽ tìm ra trên chính đất nước Việt Nam loại vong nô bán nước, khai thác trò phản quốc, như Kiều Công Tiển, Trần Ích Tắc, Lê Chiêu Thống, *cõng rắn cắn gà nhà*, loại người vừa run sợ trước thiên triều, vừa chìm ngợp trong tư lợi. Nhưng loại này rất ít, rất hiếm, rất lẻ loi trong Việt tộc, vì nếu loại người này đông đúc, thì ta đã bị đồng hóa từ lâu rồi. Nhưng phải cẩn trọng để không bị thiệt hại vô ích, cẩn trọng để khử trừ một cách sáng suốt cái liên minh giữa các bọn xấu sau đây: *cõng rắn cắn gà nhà* (背蛇害家鸡), *rước voi về giày mả tổ* (招象踏祖坟)*,* *nuôi ong tay áo*, *nuôi cáo dòm nhà*,vì bốn loại này có cùng một ý đồ rất tồi*: thừa nước đục thả câu.* Loại tạp nhân này chỉ thấy tư lợi trong khi đất nước bị đe dọa bởi ngoại xâm để *đục nước béo cò* (浑水摸鱼). Loại liên minh tạp lý bán nước kiểu *mượn gió bẻ măng* (趁火打劫) này sẽ có chung một số phận *gieo nhân nào, gặt quả ấy* (种瓜得瓜、种豆得豆); chúng sẽ không có tuổi thọ dài lâu, vì nếu chúng chọn lối đi vong quốc, thì chóng chầy chúng sẽ vong thân, vong hồn rồi sẽ thành cô hồn, chết bờ chết bụi, với kiếp tứ cố vô thân.

**Nhân nghĩa**

Trong Khổng giáo, người Trung Quốc tôn sùng chữ *trung*, trung với vương, với triều, với tộc… Việt Nam ta trọng dụng chữ *nghĩa,* vì nó là độ bền của nhân tính, chiều dài của nhân trí, kiên trì với thời gian, chấp nhận thử thách của mọi thời cuộc: *«đường dài ngựa chạy biệt tăm, người thương có nghĩa mấy năm cũng chờ »,* chấp nhận thử thách như mở lối cho tính kiên trì, vun đắp trên mảnh đất của tính nhẫn nại. *Thức khuya mới biết đêm dài,* chữ *dài* là cột xương sống của chữ *nghĩa,* đường dài hay thời gian dài là chuyện nhân sinh; nhưng khi tình ái, tình yêu, tình thương đã thành tình nghĩa, thì chữ *dài* sẽ kết với chữ *lâu: sống lâu mới biết lòng người có nhân*. *Nghĩa* như vậy vừa là cội rễ của nhân phẩm, vừa là đường đi nẻo về của nhân tính. Trong *nghĩa* vừa có đường dài của thời gian, lại vừa có gân cốt của ký ức, đủ sức nối kết quá khứ với hiện tại. *Nghĩa* còn đủ bản lĩnh đặt nền cho *ân,* từ đây luân lý có thể trở thành giáo lý, đây là chuyện vừa nguồn, vừa gốc của nhân lý mà cũng là chuyện thân, cành, ngọn, lá của nhân trí. *Nghĩa* bắt ta trải nghiệm, để có kinh nghiệm như một kiến thức vững chãi, dần dà sẽ thành ý thức: hải đăng của nhân tính. Chúng ta phải đủ nội công để *gạn đục khơi trong* trong chuyện ân oán với Trung Quốc, cái gì hay, đẹp, tốt, lành của họ ta học; cái gì xấu, tồi, độc, ác của họ ta khử, ta dẹp, ta loại. Nếu phải mang ân, ta mang ân cho trọn vẹn; nếu phải loại trừ cái bất nhân, vô nhân, ta đừng nhượng bộ; chính những người Trung Quốc chân chính, yêu công bằng, trọng nhân ái, muốn ta làm được điều đó để thức tỉnh các lãnh đạo tham tục Trung Quốc hiện nay. Đây là tiền đề cho việc *đánh rắn dập đầu* (除恶务尽；打落水狗).

Có nền gốc nhân nghĩa của cha ông, phải có thông minh tạo ra các nhân nghĩa mới cho thời nay và đời sau, trước hết là đối với các láng giềng gần nhất chung bán đảo Đông Dương với ta: Campuchia và Lào, nếu họ đồng cảnh ngộ với ta trước đe doạ của Hán triều, thì ta phải ăn ở có nghĩa tình dài lâu với họ. *Đổi bà con xa mua láng giềng gần*. Vì sao? Vì những năm qua, lãnh đạo Trung Quốc rất thâm độc trong ý đồ tách Việt Nam ra hai láng giềng này. Một mặt thì thao túng kinh tế, thương mại, thị trường, cùng lúc phân hoá giới các lực lượng lãnh đạo chính quyền Việt Nam; mặt khác thì chiêu dụ hai láng giềng này qua đầu tư, hợp tác, cùng lúc lẳng lặng đào tạo cán bộ cấp hạ tầng và trung tầng cho hai láng giềng này, rồi gài người thân *thiên triều* dày đặc trong các guồng máy, trong các cơ chế. Hãy đoàn kết chặt chẽ với hai láng giềng gần nhất trên chính nghĩa của nhân tính, tạo ra một niềm tin mới dựa trên nhân đạo, trên tinh thần coi trọng lẫn nhau. Rộng hơn nữa là Đông Nam Á, xa hơn nữa là cả Châu Á, cũng cùng một cảnh ngộ với Việt Nam là bị chủ nghĩa Đại Hán đe doạ xâm chiếm. Ở đây, Việt Nam ta có một kinh nghiệm mà các láng giềng Châu Á không có: ta biết đánh và biết thắng Trung Quốc, một trải nghiệm kéo dài hằng ngàn năm. Báo cho láng giềng Châu Á biết: Đừng sợ Trung Quốc! Không có gì phải sợ! Hãy học kinh nghiệm chiến đấu của Việt Nam: nhân nghĩa Việt là kinh nghiệm bản sắc Việt: *đánh cho để đen răng, đánh cho để dài tóc.* Trung Quốc là Trung Quốc; Việt Nam là Việt Nam. Hán triều đừng nhầm lẫn trên chiến trường văn hoá này. Nhân nghĩa Việt là kinh nghiệm quyết tâm Việt, quyết chiến và quyết thắng: *đánh trận đầu cho xác xơ kinh ngạc, đánh trận sau cho tan tác chim muông.*Nhân nghĩa Việt là kinh nghiệm nhân đạo Việt, đánh thắng rồi thì mở lối cho về lại *«Hán hương»,* không đánh chặn, đánh diệt, đánh đòn thù… mà là đánh đuổi, đánh xua, đánh cho về, có khi cho thêm lương thực và ngựa xe để về cho mau... Lấy *nhân hiếu hoà* nuôi *nghĩa hoà bình*. Thái độ tham tục chiếm biển hàng xóm của Trung Quốc đã vô tình đẩy Tây Tạng và Nhật Bản gần với Việt Nam, rồi sẽ làm cho Philippines, Mã Lai, Nam Dương gần với Việt Nam hơn nữa, từ đó củng cố chính nghĩa Việt Nam, bồi đắp cho nhân nghĩa Việt Nam. Trong những ngày tháng tới, Việt Nam phải tỏ ra đủ vai vóc, gân cốt đại diện cho nhân nghĩa cả Á Châu trước bọn thô lậu Bắc Kinh, thích *ăn trên ngồi trốc* giữa thiên hạ. Sau cùng, nếu ta biết là ta sẽ ăn đời ở kiếp tại Châu Á này với các làng giềng gần xa trước họa bá quyền Trung Quốc thì ta nên đối xử như ông bà ta dặn: *xem nhau như bát nước đầy là hơn*.

**Nhân giáo**

Xếp dân tộc Việt Nam vào khu vực tam giáo đồng nguyên (Khổng giáo, Lão giáo, Phật giáo) như Hàn Quốc, Nhật Bản xung quanh Trung Quốc cũng chưa rõ chuyện; thêm vào đạo thờ ông bà để nói lên cái đặc thù của văn hoá Việt Nam vẫn chưa đủ chuyện, phải thêm vào một đặc tính mạnh của Việt tộc là biết thờ các triều đại, các công thần đã cứu nước, đã giữ nước, từ đền Hùng đến hằng trăm nơi thờ tổ, thờ thần đã phù hộ độ trì dân tộc vượt qua những thăng trầm của đất nước. Đặc tính này đã thành cá tính của dân tộc, *Việt tính* vượt không gian, xuyên thời gian. Liên tục các cuộc điền dã từ Bắc vô Nam, tôi cũng quan sát được hai chuyện khác, chuyện thứ nhất: hải phận ta bị cưỡng chiếm, mọi người Việt từ già đến trẻ, ai cũng thấy như bị xúc phạm tới tận nhân cách của mình, thấy *lửa đỏ con ngươi* (Thanh Tâm Tuyền). Chuyện thứ hai, tôi không thấy người Việt nào tỏ ra sợ hãi, rụt rè trước Trung Quốc. Không biết sợ là sức mạnh của *nhân*, vì *nhân* luôn phải dựa trên sự can đảm, chấp nhận hy sinh để giữ gìn *nhân phẩm*, bảo vệ *nhân cách*.

Nhưng cùng với luân lý tập thể trong giáo dục, ta phải nghiên cứu, phân tích tâm lý tập thể của ta. Trong những trận đánh mà dân tộc ta thắng lớn trước ngoại xâm phương Bắc, lãnh đạo ta luôn sáng suốt, đồng bào ta luôn tỉnh táo. Sáng suốt và tỉnh táo là chủ nhân tính của chủ thể, tự mình trách nhiệm từ quyết định tới hành động, từ đàm phán tới phản công; rồi từ đó đảm nhận luôn cả sáng tạo của mình trong mọi bối cảnh để đối phó một cách hữu hiệu nhất với đối phương. Kinh nghiệm ông cha ta đối với Trung Quốc bá quyền là chúng ta nhận ra được các kẻ lãnh đạo của nước lớn này là những kẻ: *thâm, hiểm, độc, ác*; những kẻ có bốn loại hành vi này là những kẻ luôn nguội lạnh với đạo lý, luôn thờ ơ với luân lý. Những kẻ vừa nguội lạnh, vừa thờ ơ trước nhân tính là những kẻ có cái sáng suốt của riêng họ trước tư lợi, có cái tỉnh táo của riêng họ về hành vi vô nhân trước con tính ích kỷ của họ. Chính vì vậy, ta cũng phải sáng suốt và tỉnh táo, không nóng nảy vội, không nổi giận mau, nếu không sẽ rơi vào bẫy cùa họ. Phương Tây có câu châm ngôn: *Chuyện ân oán là một món ăn nguội,* nguội để tỉnh, lạnh để thấu… Khi họ chiếm Hoàng Sa, rồi Trường Sa, họ đã tính toán rất nguội lạnh trong nhiều năm, bằng cách thao túng kinh tế, tiêu diệt công nghiệp, hủy hoại thủ công, giật dây nông nghiệp, mua chiếm tài nguyên, phủ ám thị trường của Việt Nam. Biết bao ngành nghề đã lọt vô cạm bẫy của họ, biết bao lãnh đạo đã bị mua chuộc, hối lộ bởi họ. Dài lâu, nếu muốn thoát ức chế của Trung Quốc, Việt tộc chúng ta phải tìm ra lối đi sáng tạo như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapour, không chấp nhận đời làm công cho ngoại quốc với lương bổng thấp, với phong cách tiêu thụ dễ dãi hàng nước ngoài; nếu lãnh đạo sáng suốt thì sẽ xoá được *kiếp dở để đổi lấy nhân* *hay* cho dân tộc.

Ông bà ta có dặn con cái nên quan sát kỹ đối phương: *khôn quá hoá dại*. Chính hành động cướp giật thô bạo hải phận Việt Nam đã đưa Trung Quốc vào một cái bẫy mới mà họ hoàn toàn chưa có ý thức đầy đủ: tưởng là khôn nhưng họ đã thật dại khi lập lại hành vi bạo ngược, thô thiển trong chuyện chiếm đất, chiếm biển của các nước láng giềng như họ đã làm trong quá khứ. Thế giới đã hoàn toàn đổi thay trong thế kỷ mới của toàn cầu hóa, trong đó, công pháp quốc tế giữ được nghiêm minh để bảo vệ sự tôn trọng chủ quyền của nhau. *Giật dây động rừng,* chỉ cần giật một dây trên lãnh thổ Việt Nam, tất cả rừng năm châu bừng tỉnh, thấy được bản chất thô bạo, ngược nhân của họ. Trên mặt trận mà nhân loại hòa đồng dựa trên nhân tính, họ đã làm một chuyện trái chiều, vô tri, cướp đoạt trắng trợn. Mặt trận liên minh toàn Châu Á chống Trung Quốc tự nó hình thành, vì tất cả các nước láng giềng với Trung Quốc đều là nạn nhân mất lãnh thổ vì bá quyền Trung Quốc; từ Tây Tạng qua Nhật Bản, từ Ấn Độ tới nhiều nước Đông Nam Á đều có xung đột lãnh thổ với Trung Quốc. Ăn ở không *có nhân*, thì chóng chầy rồi sẽ thấy là mình sống không *có hậu*. Chúng ta có thể hình dung được số phận của người Trung Quốc trong những năm tháng tới, đi tới đâu đều bị ngờ vực, bị canh chừng, thậm chí bị xua đuổi, như cái *nhân* phải đuổi cái *tà* để giữ cho nhân tính được trong sáng, nhân cách được trọn vẹn. Sau thế chiến thứ hai, người Đức bị ruồng rẫy mọi nơi, vì họ bị xét xử như tội phạm đã gây ra thế chiến thứ hai; làm thiệt mạng bao triệu người; từ đó người Đức sống giữa nhân loại mà không có tâm giao, sống giữa nhân sinh mà không có đắc khí, sống giữa đồng loại mà không có bạn bè, láng giềng theo nghĩa nhân, nghĩa đạo của tình người. Đã hơn nửa thế kỷ qua, hình ảnh *tà* này vẫn *ám* nhân dân Đức, ăn ở không yên, đi lại không ổn. Nếu chúng ta ý thức được chuyện này, chúng ta phải tìm ra một *nhân giáo* cho dân tộc ta. Kể từ thời điểm này, chúng ta sẽ không đi xâm chiếm lãnh thổ, xâm lược hải phận của bất cứ láng giềng nào. *Nhân giáo* phải có chỗ dựa là *nhân trọng*, trọng mình để trọng người, vì biết người để biết ta. Chuyện *nhân sử* trong quan hệ của hai nước Trung Quốc và Việt Nam, về cách đối nhân xử thế, về cách ứng xử giữa láng giềng, có nhiều chuyện thật lạ, chẳng hạn như chuyện người Nam ta gọi cái *ly*, thì người Bắc ta gọi là cái *cốc*, chữ *cốc* là cổ ngữ của người Trung Quốc, mà hiện nay chính họ cũng không biết *cốc* tức là cái sừng trâu trong tiếng Hán xưa, mà các chuyên gia cổ văn, cổ sử của Trung Quốc phải tới Việt Nam để tìm về nguồn cội các ngữ pháp của họ; như vậy dân Việt Nam đã giúp dân Trung Quốc bảo giữ kho tàng ngôn ngữ Hán tộc của họ. Trước thái độ *vô nhân* từ ngoại giao tới quân sự, từ kinh tế tới môi trường của các nhà lãnh đạo Bắc Kinh, chúng ta có thể thành thật khuyên họ là họ có thể tới Việt Nam để học chữ *nhân* của Khổng Tử, Mạnh Tử, Trang Tử, nếu một ngày kia họ thấy họ đã lạc đường trước đạo lý, lạc lõng trước luân lý, không bè, không bạn giữa nhân sinh.

**Nhân cách**

Ông bà ta dặn con cháu phải biết ít nhất hai cách ứng xử tạo nên nhân cách Việt Nam, trước hết ở trong nhà ngoài phố phải biết tạo ra hòa khí: *trong ấm ngoài êm;* và khi xa nhà, ra nước ngoài phải biết: *nhập gia tùy tục*. Đại đa số Việt kiều ta hiểu thấu đáo hai chuyện này, dù ở bất cứ quốc gia nào, đồng bào hải ngoại ta chọn ưu tiên là hội nhập vào xã hội, chấp nhận phân tán về mặt địa lý, học tiếng, học nghề, rồi tuân thủ các luật lệ của nước sở tại, ăn ở có nghĩa tình với dân tộc đã tiếp nhận mình, *một ly nước lã, nhớ ơn nghìn trùng*. Còn cách cấu trúc các cộng đồng Hoa kiều thì khác hẳn, họ định cư theo mô hình cộng đồng nguyên thủy của họ và không coi chuyện hội nhập bằng cách tuân thủ các luật lệ nước sở tại là ưu tiên. Tạo lãnh thổ cộng đồng xong, họ vạch biên giới sắc tộc của họ bằng cách sống tụ lại, không có cố gắng phân tán rộng rãi trên địa lý nước sở tại, mà quây quần lại để tổ chức thương mại đặc thù Hoa kiều, rồi không tránh khỏi chuyện đầu cơ tích trữ trái phép, bóc lột sức lao động của nhau, tạo ra khoảng cách giầu nghèo đầy cách biệt giữa cùng một cộng đồng chung đụng nhau về sắc tộc, nhưng mâu thuẫn nhau về quyền lợi. Thật sự họ có đoàn kết với nhau để thành công trong buôn bán, nhưng song song thì đầy dẫy những chuyện lừa đảo nhau, thanh toán nhau; không kể tới chuyện buôn lậu, đĩ điếm, du đãng làm cho các người Hoa đồng hương muốn làm ăn lương thiện cũng phải khốn đốn. Khi tôi đưa các đồng nghiệp Singapour gốc người Hoa tới thăm khu Hoa kiều mà đại đa số là người Hoa gốc Triều Châu đã sống tại Campuchia đi di tản tới Pháp, định cư tại quận XIII của thủ đô Paris, thì các đồng nghiệp này phát biểu là họ thấy lối sống đóng kín sắc tộc giữa một thủ đô ánh sáng này là: *thiếu văn minh.* Một lần khác, tôi đưa các đồng nghiệp Đài Loan đi thăm quận XI, nơi có nhiều Hoa kiều tới từ Trung Hoa lục địa, mà trong ngày thì buôn bán trái phép, chiều tối xuống biến phố xá thiên hạ thành chuyện buôn gái ăn sương, thấy cảnh đó thì các đồng nghiệp này tâm sự là họ thấy: *rất ngượng khi làm người Trung Quốc*.

Chuyện Hoa kiều tuyệt đối đoàn kết, có tinh thần tương thân tương trợ hoàn hảo là một huyền thoại. Thói hối lộ hành chính địa phương, tật tham nhũng chính quyền nước sở tại của người Hoa, thường làm dân tình các nước tiếp nhận họ rất khó chịu, các chính khách đã lỡ nhận hối lộ của Hoa kiều thường thì tuổi thọ trong chính trường rất thấp. Từ những năm 1984 tới giờ, tôi trách nhiệm nghiên cứu, điều tra, điền dã, báo cáo về tình hình định cư và hội nhập cho các bộ giáo dục, kinh tế, lao động, xã hội, văn hoá của các chính phủ Âu Châu, tôi nhận thấy là các nhà chức trách của các chính phủ này luôn tách ra hai thành phần người Châu Á: người Hoa và người Châu Á không phải người Hoa, rồi xếp những người Châu Á không phải người Hoa là hạng biết *nhập gia tùy tục,*và xếp người Hoa vào hạng *nhập gia không tùy tục.* Một bên có nhân cách trong hội nhập, một bên không có nhân cách trong hội nhập, thậm chí không tôn trọng luật pháp nước sở tại, không biết người, chỉ thấy ta -là (tinh) Hoa-, là hơn tất cả những ngườixung quanh. Đây cũng là chuyện ngược nhân của người Trung Quốc, vì tiền nhân của họ có viết rất rõ trong *Kinh Dịch*-tuyệt phẩm của văn minh Trung Quốc về cách đối nhân xử thế-*nhập gia tùy tục* là chuyện tất yếu, mà thái độ thông minh nhất của kẻ tạm trú hoặc thường trú là phải mềm mỏng với người chủ đã mở cửa đón tiếp mình. Vậy mà khi sống chung với các dân tộc tiếp nhận mình, thì cộng đồng Hoa kiều luôn tìm cách thao túng xã hội, cơ chế, luật pháp của các nước sở tại. Lạ hơn nữa là các cộng đồng Hoa kiều luôn là nạn nhân của các ý đồ bá quyền của Bắc Kinh, vì họ bị xem như là công cụ trong tà ý bành trướng của thiên triều. Tới khi các dân tộc tiếp nhận các cộng đồng Hoa kiều nổi lên chống lại các chuyện đầu cơ, tích trữ, tham nhũng, hối lộ trong việc họ thao túng kinh tế các nước này; cộng thêm với vài thành phần sẵn sàng làm tay sai cho ý đồ đại Hán, thì các cộng đồng Hoa kiều này lại phải *bỏ của chạy lấy thân*…

Khổng Tử dạy rất rõ: *vô trương bất tín*, không thấy thì không tin. Vậy nếu các dân tộc tiếp nhận các cộng đồng Hoa kiều không thấy nhân cách của người Hoa thành thật trong hội nhập, cùng chia ngọt sẻ bùi với họ, cùng đồng hội đồng thuyền với họ trên đất nước của họ, thì các dân tộc này có quyền không tin là các cộng đồng Hoa kiều đã chọn lựa chuyện ăn đời ở kiếp với họ, sẵn sàng tôn trọng luân lý và pháp lý của họ. Đó là chuyện sử học và xã hội học nhập cư và di dân; nhưng riêng Việt Nam ta phải xem xét thật kỹ để tách ra: một bên là con tính mờ ám của lãnh đạo Bắc Kinh luôn thao túng, giật dây các cộng đồng Hoa kiều để thực hiện chủ nghĩa bá quyền; và một bên là những người Hoa làm ăn lương thiện, đừng để họ bị kết tội oan uổng. Đây vừa là nhân tính, vừa là nhân cách của người Việt. Hãy nhớ lại những năm lãnh dạo Bắc Kinh quấy phá tình hình Việt Nam, sau khi thất bại về chuyện ủng hộ Khmer đỏ 1977-1979, có nhiều người Hoa lương thiện phải uất ức bỏ đất nước Việt Nam ra đi mà trong thâm tâm họ luôn coi đất nước Việt Nam này là đất nước của họ. Dân tộc ta phải sáng suốt trên việc này, dùng nhân cách Việt để *nhìn xa trông rộng*; chính quyền Việt Nam hiện nay phải tỉnh táo trên việc này, *người khôn chưa đắng đã đo, chưa ra tới biển đã dò nông sâu.* Tránh oan uổng trước mắt để tránh ân oán dài lâu về sau*.* Nhân cách Việt Nam có một lịch sử lâu đời về chuyện đón nhận nhiều kiều dân tới Việt Nam sinh sống, không chỉ người Hoa, mà có cả người Ấn Độ, cả các kiều dân phương Tây, và nhiều kiều dân khác nữa; dân ta là dân tộc mở cửa chớ không phải dân tộc đóng cửa. Hãy xác nhận nhân cách Việt: *«Đã mở cõi thì đừng có ngăn miền»* (Bùi Giáng)*.* Đừng tự đặt những vùng giới cấm quá đáng để ngăn mặt cách lòng với nhân gian.

**Nhân sinh**

Nếu các bạn có lần đi thăm nước Mỹ, có thì giờ vượt qua California, qua biên giới và tới thăm nước láng giềng Mễ Tây Cơ, các bạn sẽ rất ngạc nhiên khi nghe họ nói lên câu ngạn ngữ rất buồn của họ, mỗi khi họ hướng cái nhìn của họ về phía nước cờ hoa: *«Bi kịch của Mễ Tây Cơ là sống quá xa thượng đế, mà lại quá gần nước Mỹ».* Nước Mỹnhư một hằng số, điều kiện hoá số phận và tương lai của Mễ Tây Cơ từ kinh tế qua địa lý chính trị. Có sự trùng hợp giữa Mễ Tây Cơ với Việt Nam chăng trong thế của ta kề cận với một nước quá lớn như Trung Quốc? Có sự trùng hợp về địa lý nhưng không có sự trùng hợp về lịch sử. Vì sao? Vì quan hệ giữa Mễ Tây Cơ và Mỹ, thứ nhất còn non trẻ, trên dưới 500 năm, trong thời gian đó Mễ Tây Cơ coi như chưa có chiến tích gì với Mỹ, mà Mỹ cũng không hề có ý đồ đô hộ Mễ Tây Cơ. Còn quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc thì khác hẳn; thứ nhất, về mặt lịch sử, đã trên ngàn năm mà Trung Quốc có đô hộ nhưng không hề đồng hoá được Việt Nam; thứ hai về mặt độc lập,Việt Nam có những chiến tích quân sự, chính trị, ngoại giao lẫy lừng trong việc bảo vệ được lãnh thổ, giữ gìn được bản sắc, bảo trọng được nhân phẩm của mình. Trong hằng số Trung Quốc trên số phận và tương lai của Việt tộc, có một hằng số của hằng số đó là Trung Quốc không bao giờ thuần hóa được quyết tâm giữ vững độc lập dân tộc, không bao giờ đồng hóa được ý chí giữ cho bằng được bờ cõi của Việt tộc.

Nhưng chúng ta biết là các lãnh đạo bá quyền Bắc Kinh sẽ không để ta yên, *cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng* (树欲静而风不止), nhưng ta cũng được ông bà căn dặn là *chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo* (莫见浪大松橹桨). Trong lập luận của nhân học, cái **lõi** của bản sắc, của văn hoá nằm trong cái *khác*, chữ *khác* này chủ yếu, không hiểu chữ *khác* thì sẽ không nắm được cái đặc thù, đặc điểm, đặc sắc của ta. Sống cạnh một nước lớn mà cái gì cũng giống họ, thì đã bị họ đồng hoá từ lâu rồi. Cái *khác* chứng minh một điều là ta không hề nằm trong mô hình văn hoá của họ, mặc dầu bị họ ảnh hưởng; ta không nằm trong mô hình tức là không nằm trong khuôn khổ của họ; khuôn khổ rốt cuộc chỉ là khuôn bánh nằm ở trong rồi thì sẽ bị nhào nặn như… bột cho tới khi mất gốc, mất thân. Chữ *nhân sinh* luôn đi với chữ *môi sinh*, môi trường sống của mình tạo nên nhân cách của mình, ta khác họ vì ta không phải họ, mà ta cũng sẽ không bao giờ muốn trở thành họ, mặc dù họ có cái gì hay ta sẵn sàng học. Học nhưng vẫn giữ các *khác* của ta, nhân cách đạo lý Việt tộc luôn tiềm ẩn trong cái *khác,* không những đối với Trung Quốc mà đối với cả tất cả các nước khác đã đến và đã ép dân tộc ta phải theo mô hình bản sắc, văn hóa của họ. Ta phục Trung Quốc có ẩm thực thuộc loại *sơn hào hải vị*, nhưng ta rất yêu thích các món *cây nhà lá vườn* của dân tộc ta, cái ngon cầu kỳ của *giàu sang phú quý* ta phải biết, nhưng ta rất quý lối sống *thanh đạm*, thấy vui sống trong *thanh bạch*, nếu cần cũng sống được với *thanh bần.* Cái *khác* là cái thông minh, vì nó tạo ra được một khoảng cách rất hay, rất tích cực để những kẻ khác nhau, những văn hoá khác nhau có thể đối thoại với nhau, trao đổi với nhau, vì nếu giống nhau như đúc, như khuôn thì không có gì để trao, không có gì để đổi. Chính những cái *khác* khi gặp nhau tạo ra cái đa dạng, cái đa nguyên, chính những cái *khác* này làm cho nhân sinh phong phú. Khẳng định cái *khác* để vừa bảo vệ ta, vừa bảo vệ cái muôn vẻ, muôn màu của nhân loại; từ triết học qua nhân học, các chuyên gia đã nhận ra rất rõ là mỗi lần cái khác được tôn trọng là mỗi lần con người được thêm kiến thức mới, mỗi lần cái khác được tôn vinh là mỗi lần nhân thế được thêm những lý lẽ mới, những cách làm mới. Khẳng định cái *khác* của ta như khẳng định độc lập suy nghĩ để có tự chủ trong hành động. Đảng cộng sản Trung Quốc luôn tìm cách tác động vào Đảng cộng sản Việt Nam, mỗi lần nghe họ, làm theo ý họ là hậu họa sớm chiều **sẽ** tới, chẳng hạn như trong cải cách ruộng đất. Còn mỗi lần người Việt giữ được độc lập tư duy là người Việt sáng suốt ra, tỉnh táo ra, rồi thấy lối ra, sớm chiều thành công sẽ tới. Chẳng hạn như cách chọn chiến lược quân sự trước khi nhập trận Điện Biên Phủ; đám cố vấn Trung Quốc qua lời «khuyên» của họ nhưng thật ra là ếm một lá bùa theo thói quen đánh *biển người* là *đánh mau-dứt mau*, bất chấp việc cân đo đong đếm trong chuyện hy sinh xương máu. Đại tướng Võ Nguyên Giáp, môn sinh của Trần Quốc Tuấn, của Nguyễn Trãi, của Quang Trung đã chọn lựa hoàn toàn khác: *đánh chắc-thắng chắc*. Khác vì khôn, lấy cái khôn để nuôi cái khác, khác người để tự khôn, để tự lớn, để tự vệ, để tự cứu mình, mà không phải mang *nợ khuôn*, vì loại nợ này cũng phức tạp như phải mang *nợ máu* vậy.

**Nhân tình**

Chưa bao giờ Đảng cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) chịu thử thách lớn như hiện nay, thiếu đồng minh, vắng đồng chí, cùng lúc nắm trọn vẹn vận mệnh dân tộc trước dầu sôi lửa bỏng, trước thái độ khinh mạc của Trung Quốc, kẻ đã lừa các lãnh tụ ĐCSVN là sẽ bảo vệ chế độ độc Đảng tại Việt Nam. *Thà trễ còn hơn không,* ĐCSVN phải đủ sức bảo vệ ý nghĩa nội kết của ý lực *«Không gì quý hơn độc lập tự do».* Đây là lúc ĐCSVN phải chứng minh được tầm vóc trong việc an ninh quốc phòng để bảo vệ chủ quyền của Việt tộc, *so ra mới biết ngắn dài*. Nắm quân đội và công an tức là nắm an ninh quốc nội và quốc phòng trên toàn lãnh thổ. Hãy bắt đầu cũng bằng chữ *nhân* dựa trên chữ *đồng*. Phương trình nhân tình đầu tiên là dùng chữ *nhân* để hóa giải các chiến tuyến còn lại sau 1975, hiểu thấu đáo chữ *đồng hương*, là đồng bào theo nghĩa gần gũi nhất. Bị đồng chí bội phản trên chính trường quốc tế, thì còn *đồng hương* chấp nhận *đồng hội đồng thuyền* với mình trước hiểm hoạ mất nước. Hóa giải để hòa giải, biến *đồng bào, đồng hương* thật sự thành *đồng cảm* trong một cộng đồng *Đại Việt* cùng nhau bảo vệ tiền đồ dân tộc.ĐCSVN đừng nên giữ độc quyền bảo vệ tổ quốc, đây là chuyện viển vông, vì **3** triệu đảng viên, không đủ sức bảo vệ được tổ quốc Việt Nam, mà phải dựa trên hơn 90 triệu dân Việt, nếu không nói là gần 100 triệu người trong và ngoài nước. Vẫn chưa đủ, phải dựa trên hằng tỷ người của nhân loại thế kỷ XXI này, trên trận đồ chữ *nhân*, trong cái thế lấy yếu đánh mạnh, lấy nhỏ đánh to, nhưng dài lâu sẽ có cả thế giới ủng hộ ta, vì ta đại diện cho nhân tính. Hoá giải để hoà giải, để tập hợp cả dân tộc, cần có nhiều can đảm, can đảm thứ nhất là nhận lỗi trước các lỗi lầm vừa qua, không những đã đàn áp thanh niên yêu nước, lại bỏ tù cả trí thức yêu nòi. Phải tìm cho ra những đấng minh chủ trong lãnh đạo, để ít nhiều làm được chuyện cứu nước mà chúng ta đã thấy trong các đời Lý-Trần qua các đấng minh vương. Thiếu đầu sẽ yếu đuôi, thiếu vai vóc lãnh đạo **sẽ** yếu tầm vóc trong tập hợp Diên Hồng.

Tập hợp càng rộng rãi các thành phần xã hội, càng thăng hoa sức mạnh dân tộc. Càng không tập hợp rộng rãi thì ngày tàn của chế độ càng gần. Vì các thành phần chủ lực yêu nước: trí thức, thanh niên, không quên nông dân, các tín đồ các tôn giáo… phải có chỗ đứng chính thức trong việc cứu nước; vì nếu không cho họ thể hiện lòng yêu nước theo cách của họ, chính họ sẽ khuynh động để thay đổi chế độ cũ, lập ra chế độ mới biết hóa giải để hòa giải, để cứu nước, giữ nước. *Nhân tình* qua *đồng bào, đồng hương, đồng cảm* cũng phải qua *đồng thời*, thời đây là thời cuộc, thời thế trong thế kỷ toàn cầu hoá nhân tính mà dân chủ là cốt lõi của tự do, nguồn cội của nhân quyền. *Thời bắt thế theo thời phải thế*, đi ngược lại trào lưu *nhân thế* này sẽ phải trả những giá rất đắt, vì có dân chủ dể cứu nước, vì Diên Hồng là dân chủ.Hãy nhớ lại các bài học xưa trong chuyện giữ nước, chẳng hạn như đời Trần, chúng ta cần những nhân vật quyết đoán, không nhượng bộ như Trần Thủ Độ; tài năng chiến lược như Trần Hưng Đạo; và minh quân Trần Nhân Tông cần luôn cả kẻ khó chịu, khó bảo, khó dạy như Trần Khánh Dư. Vì bàn tay có ngón dài, ngón ngắn, con một nhà cùng tổ, cùng tông, biết *xí xoá* cho nhau để cùng nhau bảo vệ đất nước. Lòng yêu nước đủ sức xoá bỏ được các tị hiềm, đẩy lùi các khuyết tật sẵn có giữa anh em. Tôi thấy rõ được chuyện này vì tháng 5 năm 2014, tôi có mặt trên đất nước mà hải phận ta vừa bị bọn thủy man xâm chiếm. Tôi thấy rõ hàng ngày đồng bào mình gần gũi nhau hơn, thương yêu nhau hơn, phải tập hợp tất cả sức mạnh của nhân dân trong tình dân tộc, nghĩa đồng bào này; nếu làm lãnh đạo mà không thấy được loại tình nghĩa Việt tộc này, thì đừng nên lãnh đạo. Trước đe doạ của ngoại xâm, những minh vương, minh chủ, minh chúa khi xưa luôn tập hợp được nhân quần, tất cả đồng bào chung lưng sát cánh, họ triệu tập được luôn cả chí sĩ, hiền nhân,xung quanh họ, không làm được việc này thì rất khó thắng bọn lãnh đạo Trung Quốc *thâm, ác, độc, hiểm*.

**Nhân tâm**

Bản nhạc ***Nối*** *vòng tay lớn* của nhạc **s**ĩ Trịnh Công Sơn xứng đáng là quốc ca của Việt Nam trong giai đoạn cả dân tộc phải ra sức giữ cho bằng được đất, biển, trời của quê hương; với lời nhạc nói lên ý chí thống nhất cùng với thông điệp rất rõ ràng của một Việt tộc: yêu hoà bình, yêu nhân loại. *Ta đi vòng tay lớn mãi để nối sơn hà…* Gọi quê hương là đất nước, tức nửa quê hương là đất, còn nửa kia là nước, trọn vẹn lãnh thổ của dân tộc phải có cả đất đai và biến cả; không ngây ngô mà xem đất đai là quan trọng, coi thường biển cả. Cùng lúc cẩn trọng luôn cả tên gọi tên biển của ta, ta gọi là biển Đông, vì ở phía đông về mặt địa lý của ta; nhưng cũng biển này trên bản đồ nhiều bản đồ thế giới lại gọi là biển Trung Quốc (mer de Chine), một tên gọi rất vô tri, vì rất vô trách nhiệm với nhiều nước Đông Nam Á sống quây quần trên biển này. Nhà địa lý học xuất sắc Yves Lacoste đã đề nghị từ lâu bằng những lý lẽ công bằng nhất với tên gọi là: *biển Đông Nam Á*; trước công pháp quốc tế, ta nên bảo vệ những lý lẽvới tên gọi này, một cách thông minh để ta gạt đi cái bất công về cái tên gọi biển Trung Quốc thật vô cớ này. Trí thông minh của dân tộc sẽ thúc đẩy các ngườilãnh đạo hiện nay phải hòa hợp, hòa giải rộng rãi hơn nữa, tận dụng mọi sức sáng tạo của mọi tầng lớp nhân dân trong nước, cùng lúc không quên tài năng của các đứa con tại hải ngoại: Việt kiều. Đừng quên là lãnh đạo Trung Quốc khai thác triệt để Hoa kiều của họ, nhưng ta rất khác họ vì ta không làm với ý đồ xấu, mà vì đoàn kết chỉ để cùng nhau bảo vệ quê cha đất tổ của ta. Chưa bao giờ chữ *đồng bào* có ý nghĩa sâu rộng như hiện nay trướchọa ngoại xâm. Các lực lượng từ chính trị tới quân sự, từ văn hoá tới xã hội muốn giành độc quyền yêu nước, từ đó loại ra các lực lượng yêu nước khác đều đáng ngờ vực, không ai có độc quyền về chuyện cứu nước, giữ nước, vì đây là việc chung của cả nước -trong và ngoài nước- trong bối cảnh toàn cầu hoá ngày càng sâu rộng. Càng sâu rộng, ta càng sáng suốt tập hợp đa phương, càng sâu rộng ta càng tỉnh táo triệu tập quy mô. Từ lâu, mỗi lần đối đầu với Trung Quốc, cha ông khuyên ta phải biết *cửa đóng then cài,* chuyện này đúng trong quốc phòng nhưng không đúng trong cách tổ chức một mặt trận dân tộc thật rộng lớn trong bối cảnh toàn cầu hóa ngoại giao hiện nay. Ta tập hợp càng lớn càng hay, vì đối thủ của ta rất rộng về địa lý và rất lớn nhân số. Trong trò *khuấy trong, phá ngoài* của lãnh đạo Trung Quốc hiện nay, ta đừng để bị rơi vào bẫy của họ, từ đó có những phản xạ thiếu tầm vóc như *bế môn tỏa cảng*, thiếu nội công như *ngăn sông cấm chợ,* thiếu bản lĩnh như *kín cổng cao tường*, để rồi tự mình vô hiệu hoá mình, tự mình cô lập hoá mình, tự mình xây nhà tù nhốt mình; hiểu sai sẽ gây ra nhiều hậu quả sau này; *sai một ly, đi một dặm* (一步错，步步错;差之毫厘谬已千里).

Trong hệ vấn đề thái hòa của phương trình Khổng Mạnh: *tề gia, trị quốc, bình thiên hạ,* ta thấy cách luận giải leo thang từ việc nhà đến việc nước rồi mới tới việc nhân loại sống trong chữ *bình*. Nhưng các người thầy này không quên vai trò của cá nhân là chỗ dựa cho gia đình, tổ quốc và nhân sinh, mà cái lõi của đạo lý của cá nhân là *tâm,* tâm của *nhân*, qua nhân cách rõ ràng của quân tử là thẳng thắn, là thành thật để tạo nên cái liêm sỉ: *chính tâm*, là cơ sở của *thành ý*: ý tưởng minh bạch, ý định liêm chính, giúp ý muốn có sức nội kết mạnh trong thái độ sống, trong hành vi trước đời, trong cách hành đạo của người quân tử. Chữ *tâm* trong Phật học thì lại khác, vừa là nguồn gốc của hạnh phúc nhưng cũng là cội rễ của khổ đau; *tâm* cần được điều chế thường xuyên để biết buông bỏ những mê chấp, để tiếp nhận hạnh phúc, rồi trở thành nơi chế tác tình thương. Như vậy, *chính tâm* chưa đủ mà phải *chỉnh tâm, điều tâm. Điều tâm như chuốt ngọc* (Phạm Thiên Thư), bắt ta phải cẩn trọng trước những hành vi vô minh và những thái độ ác chế, bản lai diện mục của đau khổ. Bắt ta nhìn vào bản chất của *tâm*, nhìn vào trong tự tính của *tâm* (nội quán) để tìm ra tuệ giác, để có giác ngộ; nếu làm được chuyện chuyển hoá tâm linh nhanh gọn này thì gọi là *trực ngộ*, giác ngộ một cách trực tiếp.Chúng ta muốn các lãnh đạo hiện nay trước tình hình khẩn trương của một đất nước đang bị ngoại xâm đe doạ, vừa phải có *chính tâm,* vừa phải biết *chỉnh tâm* để có *tuệ giác* bảo vệ giống nòi, có được *trực ngộ* càng hay.

Hãy khơi lên nguồn tri thức trong lãnh đạo, can đảm lập ra một thể chế mới dân chủ hơn để sáng tạo hơn, dựa trên các pháp quyền phân lập tạo ra sức mạnh mới cho Việt tộc. Các lực lượng yêu nước -trong và ngoài nước- cũng phải có thái độ rõ ràng trước tổ tiên, trước dân tộc, trước con cháu trong việc đóng góp cụ thể công sức của mình trước quyết tâm bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ. Nếu trí thức biết động não, thì thanh niên phải biết rõ chí hướng của mình là bảo vệ đất nước. Công nhân biết đóng góp công sức thì thương gia biết cống hiến tài lực. Phật giáo biết dạy thương thân thì sẽ biết dạy thương nòi, Công giáo biết dạy thương đạo thì sẽ biết dạy thương đồng bào trong và ngoài đạo. Đừng để mất đi bất cứ một sinh lực nào của dân tộc. Thống hợp mọi nội lực Việt tộc rồi biến thành bão lớn cuốn sạch ngoại xâm. Nhân phẩm cao trong thử thách, nhân đạo rộng trong trầm luân, nhân tính rõ trong sinh ly, nhân nghĩa dài trong kiếp người, nhân giáo vững trong độc lập, nhân cách mạnh trong tự do, nhân sinh lớn trong biến thiên, nhân tình vui trong nhân thế, nhân tâm vang trong nhân loại.

***Nhân Việt. N°2***

**(nhân cách giáo lý Việt tộc)**

**Nhân lý trọng nhân trí:**

***Chuyển hoá kiếp Đảng***

*Tổ tiên, liệt sĩ, phụ lão,*

*hiền tài, thanh niên, sơ nhi …*

*cùng một dòng sinh mệnh với Việt tộc*

Tặng **HOÀNG VI**

Chuyển hóa là đưa một điều mình mong muốn vào hướng hay, đẹp, tốt, lành; kiếp đây một giai đoạn dài của sự sống phải chịu những quy luật vừa khách quan của ngoại giới, vừa chủ quan của chính mình, những quy luật này tác động thẳng lên sức sống của một dân tộc, qua nhiều thế hệ; đảng đây là Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) – một lực lượng chính trị có chỗ đứng trung tâm rồi trở thành độc quyền trong chính trường Việt Nam gần một thế kỷ qua. Sau khi xác nhận ngữ văn và ngữ pháp của bài này, thì tác giả xin đặt chỉ một câu hỏi và tự xem câu hỏi này là định hướng chính của lý luận, lập luận, diễn luận của mình: ĐCSVN đang nằm *trong* hay nằm *trên* số phận của dân tộc Việt Nam đang lăn trên con dốc đầy thảm họa: suy kiệt về đạo lý, băng hoại về xã hội, thậm chí đang lâm vào vòng diệt vong trước mưu đồ thâm, độc, ác, hiểm của ngoại xâm Bắc Kinh? Đối với những ai có tri thức thì đều tin là: cái lý đủ lẽ để loại cái ngoan cố, cái luận đủ lối để loại cái ngu muội, ý lành của đối thoại đủ lực để loại cái vô lý của bạo quyền. Cân, đo, đong, đếm trong lý luận, lập luận, diễn luận vừa là chuyện khoa học, vừa là chuyện của luân lý; cũng vừa là chuyện của sự thông minh, vừa là chuyện tương lai. Đặt được một câu hỏi, thì đặt được một giả thuyết: nằm *trong* số phận của Việt tộc thì tồn tại lâu dài trong kiếp người, từ kiếp này qua kiếp khác trong lòng dân tộc; nằm ***trên*** số phận của Việt tộc thì tuổi thọ trong kiếp người sẽ yểu đi, chân lý này còn đúng không trong bối cảnh hiện nay? Nếu nó còn đúng, thì một *kiếp xấu* rồi sẽ biến thành *hoạn nghiệp*, mà người dân Việt thường dùng từ *nghiệp chướng*, chóng chầy rồi cũng rơi vào *mạt vận*. Lịch sử Việt tộc quyện chặt vào đạo thờ tổ tiên từ nhà tới làng, từ làng tới nước, lý luận rất rành mạch điều này. Dùng kiến thức để lý luận, dùng tri thức để lập luận, tác giả bài chính luận này chỉ làm việc phân tích và dứt khoát không rơi vào thóa mạ, giải thích mà không rơi vào chỉ trích, diễn luận mà không rơi vào bài bác; chủ ý của tác giả dựa trên ý lực của một cá nhân cùng với đồng bào mình, đi tìm một sinh lộ cho Việt tộc; mọi vu khống, chụp mũ đều là những thủ đoạn thấp hèn, không có chỗ đứng trong đối thoại dân chủ và nhân tính giữa các chủ thể có liêm sỉ.

**Chuyển kiếp bằng nhân**

Các chuyên gia quốc tế theo dõi sát tình hình Việt Nam đã thấy rất rõ những chuyển hoá xấu của chế độ mà trong một chính quyền lại có Bộ Công an, một bộ tiêu hao tiền của của dân nhiều nhất, được sử dụng để đàn áp dân, một chuyện hoàn toàn bất thường trong bối cảnh toàn cầu hóa mà dân chủ và nhân quyền là cơ sở cho mọi việc tự do phát biểu và đi lại. Từ chuyện hoàn toàn bất thường tới chuyện thật sự bệnh hoạn của một Bộ Công an chỉ vài ông tướng trước 1975, giờ đã hơn 200 tướng với một hệ thống tiêu xài phí phạm và bổng lộc dày đặc, càng ngày càng bị nhân dân khinh ghét. Một lực lượng ăn hiếp dân, sẵn sàng chọn đàn áp, hành hung mà không có một hệ thống pháp quyền nào thanh tra, kiểm soát, kiềm chế được. Đối với các chuyên gia quốc tế bám sát chuyển biến của Bộ Công an Việt Nam thì đây là hệ thống gây nhiều tội phạm, nhiều bạo động mà không hề có một khung luân lý về nghĩa nghiệp vụ, một nền đạo lý về định chế vụ. Một nơi mà công an tự do đánh dân, thậm chí đánh chết, gây án mạng mà không hề bị kiểm tra; lộng quyền và lộng hành vì là công cụ đàn áp bảo vệ thế độc quyền, chỗ độc tôn, vị độc tài của ĐCSVN, một công cụ bảo vệ chế độ không có nhân cách luân lý, không có phong cách đạo lý, một hệ thống vô chính phủ mà thực quyền là diễn biến tranh giành quyền lợi, mà bản thân chính quyền không kiểm soát, không khống chế được; cũng theo các chuyên gia quốc tế am tường tình hình hiện nay thì chóng chầy gì rồi cũng sẽ có hiện tượng*: “retour de bâton” (gậy trở ngược);* mà ông bà ta diễn luận rất rõ là *“gậy ông lại đập lưng ông”.* Bất lý, bất luân sẽ dẫn tới bất nhân, khi đàn áp đồng bào mình như là một phản xạ, bắt bớ trí thức yêu nước như là chuyện rất dễ làm, hãm hại những cá nhân đòi hỏi dân chủ như là chuyện không cần lương tâm, rình rập, đe dọa Việt kiều một cách mờ ám, trừng phạt tàn nhẫn thanh niên, sinh viên yêu tổ quốc, chống bọn trộm, cắp, cướp, giật Bắc Kinh. Không có luân lý thương yêu đồng bào; không có đạo lý bảo vệ nguyên khí quốc gia (trí thức, sinh viên, thanh niên) thì sẽ không có hậu. Triệt hậu. Một hệ thống công an mà các chuyên gia quốc tế về an ninh cho là đã lậm nặng ung thư cơ chế, để du đãng hoành hành trong các đô thị lớn, cùng lúc sử dụng, giật dây, thậm chí mướn du đãng hành hung nông dân nạn nhân các vụ cướp đất, bạo hành với trí thức, với sinh viên, với thanh niên yêu dân chủ, quý nhân quyền. Một lực lượng công an không có một lý luận nào đạo lý của an ninh, lập luận nào về luân lý của trật tự, dùng phản xạ bạo hành như sử dụng một loại đặc quyền bất chấp pháp lý, dùng phản xạ đàn áp như sử dụng một loại ân sủng bất chấp lương tri. Các chuyên gia quốc tế về chính trị an ninh, về quản lý trật tự của các nước phương Tây vừa có văn minh, lại vừa có dân chủ thường tư vấn cho chính quyền của họ là không nên “ăn cùng chiếu, ngồi cùng mâm” với các lãnh đạo công an của ba nước “cộng sản sau cùng” là Bắc Triều Tiên, Trung Quốc và Việt Nam, vì những người này lãnh đạo những guồng máy đầy tội đồ, tội phạm, tội lỗi, càng ngày càng xa đạo lý an ninh, luân lý trật tự. Đây là lúc các lãnh đạo công an Việt Nam hiện nay nên cảnh tỉnh càng sớm càng hay! Hãy bảo vệ tinh hoa nòi giống Việt, tâm nguyện không làm tay sai đánh mướn, giết mướn cho bất cứ tập đoàn nào, cá nhân nào; hãy tự cho mình một nghĩa vụ học an ninh và trật tự nghiêm túc nhất, đừng sống với sự khinh bỉ, chán ghét của dân tộc. Từ khẩu lệnh “ĐCSVN tổ chức mọi thắng lợi cho dân tộc”, mà hiện nay qua miệng dân đã trở thành “ĐCSVN nguyên nhân mọi lụi bại của dân tộc”, trong dân tình đã có những thay đổi vô cùng lớn, trong tâm tư của tất cả các tầng lớp xã hội. Từ “đảng ta” giờ đã đổi qua “đảng chúng nó”, xã hội học chính trị phân tích rõ được điều này: vì “dân ta” trong lúc đấu tranh giành độc lập, giờ đã thành “dân oan”, ngày càng đông trước trăm nghìn bất công của một xã hội nhiễu nhương, dần dần mất đạo lý, mà trước mắt sẽ là “tức nước, vỡ bờ”. Có những cá nhân có đạo lý trong nguồn máy công an hiện nay, có những lãnh đạo trong hệ thống công an thương dân, họ phải đứng ra trực diện với thử thách hiện nay để bảo vệ dân, chống lại một lực lượng xấu suốt kiếp làm công cụ, trắng trợn tổ chức các lực lượng “chống biểu tình”, “đàn áp biểu tình”, sẵn sàng “dính máu dân”. Từ xa xưa tới gần đây, lịch sử nói rất rõ về chân lý an ninh: “giết dân trước là tự giết mình sau”. Đây vừa là chân lý của chính trị, vừa là sự thật của chính trường, vừa là lẽ phải của chính nhân.

Đề nghị 1: Dựng lên một chế độ dựa trên luật để chế tác ra một pháp lý, có nội chất của nhân quyền, thực chất của dân quyền, làm nền cho nhân trí, làm gốc cho nhân sinh. Trong Tuyên bố Nhân quyền, 1948, có câu “Il est essentiel que les droits de l’homme soient protégés par un régime de droit (rule of law)” (vấn đề luôn thiết yếu là nhân quyền phải được bảo vệ bằng một chế độ luật). Trong đó quyền làm người được bảo vệ bằng luật được làm người, luật theo nghĩa luật dân chủ (công bằng, tự do, bác ái), ngược lại với phi luật của công an hiện nay là bừa bãi đàn áp, lạm quyền bắt bớ, lộng quyền giam cầm. Quyền làm người khi trở thành luật được làm người, thì không một chế độ độc tài, độc quyền, độc đảng nào có thể lạm quyền, vượt luật pháp được. Tình trạng lạm pháp luật hiện nay bằng cách cho sinh sôi nảy nở các luật lệ mới mà thực chất là “né luật”, “lách luật”, “trốn luật”, là điềm báo động về ung thư nội tạng của một chế độ không dân chủ, không nhân quyền, tức là không có pháp quyền. Như vậy phải nhận diện nội chất của luật pháp trong lãnh đạo qua định chế và cơ chế, trong đó mọi tổ chức về pháp chế đều phải dựa trên công lý, một công lý vừa là ước mơ của công bằng, vừa là nguyện vọng của công tâm, mà quy luật của luật pháp là chống cho bằng được cái bất công đang có mặt trong cuộc sống. Cái bất công có thật, cái công lý là ước mơ, nhưng ước mơ cho công bằng phải thắng, phải thành sự thật vì nhân cách làm người làm bằng phẩm cách của nhân trí. Đây là chuyện rất Người, mục súc không lý luận như vậy, súc sinh không lập luận như thế. Cho nên nội chất của một cộng hoà không phải chỉ có tự do, mà còn có công bằng (chống lại với bất công) và bác ái (hỗ trợ cho công bằng để chống lại những cái vô nhân). Vì vậy, Cornelius Castoriadis gọi các các định chế bảo vệ công bằng trong xã hội là các cơ chế tưởng của quyền làm người, cơ chế tưởng không phải là các bộ máy để mộng tưởng, mà thực sự là sức thông minh của con người muốn thoát khỏi bùn lầy của động vật tính chỉ biết “cá lớn nuốt cá bé”, làm Người để hướng thượng, dùng nhân tính để quản lý nhân tình, theo nghĩa cụ thể nhất là dùng định chế dân chủ để bảo vệ an toàn nhân sinh.

**Chuyển kiếp bằng dân**

Trước sau gì thì ĐCSVN cũng phải trả lại dân chủ cho xã hội dân sự, những kẻ làm trì hoãn quá trình này sẽ có tội với tiền đồ của dân tộc, vì dân chủ dựa trên dân quyền, bảo đảm sự thông minh của dân trí. Nhưng trước mắt và tức khắc bây giờ thì ĐCSVN phải điều chỉnh lại ngay quỹ đạo về các phương sách phát triển đất nước, lấy lại nhân cách của mình bằng việc thay đời đổi kiếp của Việt tộc, đã quá nhục nhằn hiện nay. Từ một người thường dân tới những chuyên gia quốc tế cao nhất về tình hình Việt Nam từ 40 năm qua, từ ngày đất nước thống nhất 1975, đều kinh hoàng với vị thế thấp kém của dân tộc ta so với các nước láng giềng xung quanh, nhất là với các nước cùng nôi văn hóa tam giáo đồng nguyên với Việt Nam. Chỉ cách đây nửa thế kỷ: Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, cùng đồng hành với Việt Nam về kinh tế mà bây giờ họ làm chủ, dân ta thì làm công, làm tôi, làm tớ, thậm chí làm mọi cho họ với lương bổng thấp, điều kiện lao động ngặt nghèo, với phản xạ cúi đầu, khom lưng, im tiếng. Không một người lãnh đạo nào yêu nước thương nòi mà có thể ngủ yên trước một thực trạng nô bộc của dân mình như vậy. Những người có quyền lực hiện nay mà để cho các nhà đầu tư Trung Quốc vào đất nước ta, kéo theo hàng nghìn người Hoa, lập làng xã ngay trên đất nước ta, cùng lúc nhắm mắt trước chuyện buôn người Việt Nam qua Trung Quốc để làm tôi mọi, đầy tớ cho họ; những người có quyền lực này có tội với tổ tiên, với các thế hệ mai sau. Thực trạng hiện nay là chỉ vài người thương gia Trung Quốc vào Việt Nam với hộ chiếu du lịch, xuống tận đồng bằng sông Cửu Long là có thể làm xáo trộn thị trường giá nông sản và thủy sản của ta; cũng chỉ vài con buôn Trung Quốc vào ra mua rồi bán, bán rồi mua với số vốn mơ hồ của họ cộng thêm với các tin đồn xảo quyệt chính họ xếp đặt cũng có thể làm xáo trộn hệ thống xuất nhập khẩu của đất nước. Từ đầu đường cuối phố mọi người dân đều biết, cũng như các chuyên gia quốc tế đã nhận định trong các hội thảo quốc tế về Á châu: Tại sao lãnh đạo của ĐCSVN lại để Việt Nam lệ thuộc Trung Quốc quá nhiều như vậy? Câu trả lời không chỉ có sức nặng về chính trị và kinh tế, mà nó có trọng lượng cho cả số phận của một dân tộc, nếu không tìm được câu trả lời thì đừng lãnh đạo, lãnh đạo kiểu này chỉ làm triệt hậu Việt tộc. Có một số đông trong các chuyên gia quốc tế về quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc đã bắt đầu đưa ra phân tích là Trung Quốc có thể xâm chiếm và thôn tính Việt Nam qua đường kinh tế mà không cần dùng vũ lực quân sự. Đã có một nhà lãnh đạo nào của ĐCSVN phân tích xác đáng và minh bạch trên chiến lược nước ngầm kinh tế này chưa của Trung Quốc? Trong các hội thảo quốc tế về Á châu, về Việt Nam, các chuyên gia quốc tế đã kết luận rõ ràng từng điểm một: 40 năm vừa qua dưới quyền lãnh đạo của ĐCSVN, đất nước Việt Nam không hề có một công trình nào đáng kể, để tạo nên sức bật đưa dân tộc Việt Nam vào đúng quỹ đạo phát triển. Thậm chí cũng không có luôn các công trình tối thiểu để ổn định giao lưu, không có được một đường sắt bình thường, một xa lộ bình thường, một mạng bến cảng bình thường trong việc giao thông và vận tải trên một hệ thống bình thường của một quốc gia. Quên hẳn việc luôn phát triển các phương tiện giao thông công cộng trong thành phố với các chính sách ủng hộ những người dân có lợi tức thấp; cùng lúc hỗn loạn phát triển du lịch trên một hạ tầng kiến trúc vận chuyển lạc hậu.

Đề nghị 2: Nhân quyền là chỗ dựa cho dân quyền để bảo vệ công lý và công bằng qua định chế và cơ chế, trong đó trật tự của luật pháp không tách rời điều kiện vật chất của một dân tộc, nhưng cũng không thể bị bóp nghẹt bởi điều kiện vật chất này; vì nhân quyền bảo đảm cho dân quyền không được định nghĩa bởi vật chất mà bởi đạo lý. Tại châu Mỹ, Costa-Rica đã chọn bảo vệ môi trường sống của muôn loài (con người, động vật, thực vật), tức là chọn lựa bảo vệ môi trường, chứ không chọn tăng trưởng kinh tế qua nhà máy, nhưng là một quốc gia sắc nhọn về các khoa học hiện đại. Trong khi đó thì các nhà lãnh đạo ĐCSVN hiện nay chọn con đường bán năng lượng thô, với bao đe dọa về ô nhiễm môi trường trên toàn quốc, trong lúc thế giới đã đi vào con đường kinh tế tri thức (économie de connaisances). Hãy nhìn lại cái sai lầm lớn về lý luận của vật chất chủ nghĩa, của duy vật lịch sử, đã là nền móng cho cộng sản chủ nghĩa trong thế kỷ qua. Bỏ duy vật kiếp, chọn nhân tính kiếp, là thử thách tư duy lớn của các nhà lãnh đạo ĐCSVN hiện nay, bỏ cái tham quyền cố vị vì tư lợi, chọn kiếp người trong công lý và công bằng. Một lực lượng lãnh đạo thông minh là giữ được dài lâu cái thăng bằng của quyền lực, dựa trên cái công lý và công bằng, tác chế ra cái công tâm trong tư duy lãnh đạo. Còn “cúi đầu, khoanh tay” trước bọn trộm, cắp, cướp, giật Bắc Kinh, thì sẽ bị chúng “nhéo tai, kéo mũi”, vì bọn này chỉ nể những ai không sợ chúng; khi được hỏi về đường lối kinh tế và ngoại giao của Trung Quốc, thì nhà Trung Quốc học lão thành Jean Domenach phát biểu là: “Nhân loại rất vui khi Trung Quốc thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu nhờ phát triển kinh tế, nhưng thế giới rất khinh Trung Quốc trong cách cư xử với láng giềng, không có chính sách trong ngoại giao, chỉ thấy có thô bạo, thiếu văn minh”. Câu này đã trở thành chiến lược đàm phán, chiến thuật ngoại giao của nhiều nước láng giềng có xung đột lãnh thổ với Trung Quốc, mà Liên Hiệp quốc đã thông báo là có tới: 14 vụ tranh chấp lãnh thổ và biên giới, trong đó Trung Quốc có thái độ thô bạo, vô luân tới 12 vụ. Bắc Kinh chỉ nắm được tâm lý sợ hãi của các lãnh đạo Việt Nam để bạo hành thao túng ĐCSVN, nhưng Bắc Kinh không nắm được lòng dân Việt Nam, nên rất sợ phản ứng yêu nước của Việt tộc. Các lãnh đạo ĐCSVN hãy tâm niệm điều này, hãy dựa lên trí thức Việt để lập ra ngay nhiều viện nghiên cứu, nhiều trung tâm tư liệu sâu sắc và thâm đậm về Trung Quốc, từ quân sự qua ngoại giao, từ quốc phòng tới kinh tế, từ xã hội qua thương mại, từ cổ sử tới cổ văn, như họ đang làm kỹ càng và thâm độc về Việt Nam chúng ta. ĐCSVN đừng để phải nhận lỗi, nhận tội trước Việt tộc là đã hủy sinh lực, diệt sáng tạo, giết thông minh của dân tộc trước thảm hoạ ngoại xâm. Chuyển hóa định chế và cơ chế dựa trên nhân quyền là nền móng của dân quyền để chuyển hóa kiếp đảng, đã quá lâu xơ cứng trong phản xạ độc đảng, qua tư duy độc tôn, trong hành động độc tài, qua đường tắt độc chủ. Hãy chuyển hóa kiếp đảng mình trước, thật nhanh và thật mạnh, trước khi toàn cầu hóa chuyển hóa mình bằng quy luật duy lý chớp nhoáng của nó, lúc đó “nước đến chân mới nhảy”, thì thật là một thảm họa cho Việt tộc. Qua nhiều thế kỷ với kinh nghiệm dân chủ, các nước văn minh đã sống ổn định trong luật pháp, chính quyền là một kết hợp toàn diện để chế tác ra mọi định chế, mà mục tiêu chính là phải bảo vệ ba lực lượng khác biệt của xã hội: đa số, thiểu số và cá nhân. Như vậy hệ vấn đề “nắm chính quyền” đã được chuyển sang hệ vấn đề “quản lý chính phủ”, và không một chính phủ nào được quyền đứng trên luật pháp, phương thức này đã thực sự trở thành phương tiện hiệu quả của dân chủ. Phản xạ đàn áp, “cả vú lấp miệng em”, “ăn trên, ngồi trốc”, của hệ vấn đề “nắm chính quyền” bị gạt đi, thì nhân-quyền-tạo-dân-quyền chỉ giữ lại đạo lý của công bằng và pháp lý của dân chủ, tiền đề của “thương người như thể thương thân”, “trong ấm, ngoài êm” của hệ vấn đề “quản lý chính phủ”.

**Chuyển kiếp bằng học**

Các chuyên gia quốc tế về Việt Nam học gần đây trong các hội thảo đều đồng ý với nhau về một kết luận là thảm kịch của ĐCSVN không phải chỉ là chuyện thất bại trong kinh tế, mà là chuyện thảm bại trong luân lý chính trị; tức là từ 1975, từ ngày đất nước thống nhất, đã không tìm ra một luân lý mới để lãnh đạo dân tộc, đưa đất nước đi trên con đường nhân phẩm. Phải biết bắt đầu chuyển kiếp qua nhận thức chính trị về giáo dục trên tình hình Việt Nam trong những năm qua, để phân tích rõ một trong những cội nguồn trong chuyện đi sai đường lối giáo dục của các lãnh đạo ĐCSVN, dẫn tới hiện trạng trì trệ, dậm chân tại chỗ của Việt Nam, đã không lấy đúng cái lõi của nhân trí làm nền tảng cho nhân sinh, mà Phan Châu Trinh đặt ra từ đầu thế kỷ qua, hệ vấn đề này không hề bị lỗi thời. Chuyển kiếp bằng tri, chuyện mà ĐCSVN đã không gây dựng được một công trình gì từ 40 năm qua, cùng lúc chặn đường lực lượng trí thức dân tộc, vừa là chỗ dựa cho lương tri, vừa là chỗ dựa cho trí tuệ; ngược lại còn để xảy ra tình trạng cả một nền giáo dục bị ngụp lặn trong học giả, thi giả, bằng giả. Đại học không có viện nghiên cứu, tiến sĩ mà không có công trình, giảng viên không có thông báo kết quả nghiên cứu, đa số lẩn tránh những hội đàm, hội thảo, hội nghị về lý thuyết luận, phương pháp luận, khoa học luận. Đi công vụ đại học ra nước ngoài mà không thấy có đóng góp với học thuật của thế giới, chỉ thấy xuất hiện thường xuyên ở những nơi mua sắm, tiêu thụ. Còn lãnh đạo thì tìm cho được bằng tiến sĩ mà không ai đọc được luận án, hội đồng giám khảo có những ai? Học hàm, học vị, nhất là học lực ra sao? Không ai biết. Lại còn xuất hiện rầm rộ trong các hội đàm, hội thảo, hội nghị để chào cờ, để đọc đường lối, đến khi vào thảo luận, tức là đến lúc vào lý luận khoa học, lập luận trí thức, thì bỗng nhiên vắng mặt, vắng tiếng. Cấp học bổng nhiều năm liền rồi gửi bừa bãi nghiên cứu sinh qua các nước phương Tây làm luận án tiến sĩ mà không có vốn ngoại ngữ, không có căn bản qua giáo khoa, giáo án, giáo trình của các đại học phổ thông của nước sở tại; viết luận án tiến sĩ mà ngữ văn, ngữ pháp thấp hơn học sinh trung học. Đi du học qua đường “con ông, cháu cha”, về lại quê nhà tìm cách thành “quan lại, buôn chức, bán quyền”, Việt tộc này sẽ đi về đâu? Trong chuyến công vụ đại học để nghiên cứu về hệ thống giáo dục và đại học với tôi năm 2007, nhà xã hội học Alain Chenu, Giám đốc Viện Quan sát Xã hội của đại học Chính trị Paris đã tâm sự: “Những trí thức phương Tây đã ủng hộ Việt Nam trong chiến tranh chống Mỹ, họ rất buồn trước thảm cảnh giáo dục Việt Nam, tại đây đại học nhân văn và xã hội chỉ là trung học nối dài, không có trung tâm nghiên cứu, không có kiểm soát khoa học, không có tranh luận trí thức, không có dân chủ truyền thông…”. Hãy đặt giáo dục là ưu tiên hàng đầu để cứu tri thức của Việt tộc, hãy tâm nguyện trên chữ học, để cứu nhiều thế hệ mai sau, đừng “học chơi hưởng thật”, cũng đừng có phong cách lãnh đạo khoe tiền, khoe của, khoe nhà, khoe dinh thự… mà nên khoe nhau mỗi ngày mình đã học được gì của nhân loại, của thế giới, của láng giềng để đưa dân tộc, cộng đồng, tập thể của mình đi lên, đi về hướng hay, đẹp, tốt, lành, từ tri thức đến đạo lý. Vì từ khi lập quốc, Việt tộc chỉ trân quý hiền sĩ, chứ họ không hề tôn sùng trọc phú. Nếu chỉ thấy duy vật qua của cải của mình thì chỉ là loại duy vật thấp hèn, chứ không còn là duy vật lịch sử có lý, có luận. Phải tìm hiểu gốc, rễ, cội, nguồn của thảm họa “khoe khoang thành quả cướp được” này để biết chuyển kiếp từ gốc: nếu bị nô lệ trong bối cảnh ngại bang là thực dân thế kỷ qua thì chuyện cướp chính quyền là việc tất yếu để tự giải phóng mình; nhưng nhất quyết không để phản xạ cướp điều kiện hóa mình trong quản lý chính trị. Lịch sử của ĐCSVN đã để lại một tiền đề xấu là sau khi cướp chính quyền 1945, cho tới khi thật sự có chính quyền trong tay, đã không tổ chức được những cuộc đối thoại giữa các đảng khác, các lực lượng yêu nước không cộng sản, không cách mạng, nhưng cùng một gốc quốc, cùng rễ quốc, cùng cội tộc với mình. Ngược lại còn rơi vào chuyện thanh toán, thanh trừng, thanh loại, một phản xạ không dân chủ, thiếu văn minh, rợn hình sự và tiếp tục chuyện thanh lọc này trong gần một thế kỷ, cho tới ngày hôm nay, vừa phản nhân quyền, vừa trái ngược lại gốc, rễ, cội, nguồn của hòa hợp, hòa giải của một dân tộc gọi nhau là đồng bào – cùng mẹ và cùng bào thai từ ngày lập quốc. Năm 2005, mời và tổ chức cho thiền sư Thích Nhất Hạnh về lập trai đàn, giải oan sau thảm họa huynh đệ tương tàn 1954-1975, sau đó lại tổ chức cho côn đồ, du đãng hành hung các môn sinh của thiền sư này tại thiền đường Bát Nhã, tại sao phong cách lãnh đạo lại mờ ám như vậy? Gần đây lại chặn quỹ ngân hàng của nhà dân chủ Nguyễn Thanh Giang, tại sao nhân cách lãnh đạo lại thấp kém như vậy? Nếu muốn làm lãnh đạo liêm chính, thì hãy tự hứa là sẽ không còn thảm kịch đưa một ý thức hệ ngoại lai, buộc dân tộc phải chịu cảnh gà nhà bôi mặt đá nhau, mà thật sự được bảo vệ bằng luân lý cội của tổ anh em như thể tay chân. Hãy chuyển kiếp đảng bằng một vũ trụ quan mới! Những lực lượng lãnh đạo mới đứng trước tiền đồ nguy khốn của đất nước, hãy mau tìm ra một quốc sách để định hướng lối đi trước mắt của Việt tộc. Nếu không bảo vệ được toàn vẹn lãnh thổ đất nước thì chỉ là một loại lãnh đạo vô tri. Nếu không bảo vệ được hệ thống giáo dục và y tế để đưa hai ưu tiên này theo hướng thiện, chỉ là một loại lãnh đạo vô tuệ. Nếu không tức khắc tạo được một, hai thế hệ chủ động và sáng tạo trong công nghiệp hiện đại, để đưa dân tộc vào quỹ đạo đúng của toàn cầu hóa, chỉ là một loại lãnh đạo vô minh.

Đề nghị 3: Phân ranh giữa chính phủ và quyền lực qua tổ chức pháp lý của xã hội dân sự, được hỗ trợ bởi một liên minh giữa các đạo lý khác nhau (quốc gia, cộng đồng, tập thể, thống tộc, gia đình, cá nhân), từ đó chọn ra được một mô hình dân chủ khai thác từ kinh nghiệm của Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore đã làm được, không nhất thiết phải theo Âu Mỹ, nhưng hằng số dân chủ-dân quyền không thay đổi: chính phủ và chính quyền luôn được quản lý, kiểm soát, thanh tra bởi tam quyền phân lập. Ở đây, phân tích về pháp lý phải làm rõ, một chuyện chưa bao giờ rõ tại Việt Nam là tính tương đối thuộc về địa lý và lịch sử của một quốc gia không phải là thước đo phổ quát và khách quan, tính tương đối này phải dựa trên tính trung tâm của pháp lý mà nền gốc của nó là: nhân phẩm tạo ra lương tâm, lương tâm tạo ra ý thức, và ý thức tạo ra công minh, công minh tạo ra luật pháp. Vì vậy, có những khúc mắc về luân lý, có những bức xúc về đạo lý, thì luật pháp xử lý những khúc mắc, những khó khăn này bằng công minh, dựa trên công lý và công bằng của luật. Luân lý có thể chống ly hôn, đạo lý có thể ngăn ly thân, thì luật pháp cho phép ly dị, vì sống chung mà biến gia đình thành địa ngục, thì luật pháp được quyền làm trọng tài để bảo vệ tự do cá nhân của mỗi bên. Thí dụ này không khác gì những cá nhân trên đất nước Việt Nam hiện nay không đồng ý với ĐCSVN, những cá nhân đó phải được bảo vệ từ hiến pháp tới luật pháp, từ an toàn tính mạng tới an ninh của gia đình họ, thân thuộc họ. Như vậy, yêu cầu hiện nay là trước mắt không những gạt bỏ Điều 4 của Hiến pháp là ĐCSVN độc quyền lãnh đạo dân tộc, mà còn phải thêm vô một điều mới nữa là: bất cứ những cá nhân, những tập thể, những thành phần xã hội nào không đồng ý với ĐCSVN đều được sống và được bảo vệ từ an toàn tính mạng tới an ninh của gia đình trên đất nước Việt Nam; vì đây là định nghĩa chính thống của dân chủ, là gốc, rễ, cội, nguồn của pháp lý của xã hội dân sự.

**Chuyển kiếp bằng tạo**

Nước Việt Nam hiện nay đã bị xếp hạng vào các nước du lịch mà khách tới một lần thì không muốn trở lại, vì giao thông dở, vì dịch vụ kém, vì nhân viên du lịch yếu tay nghề, nhất là vì lãnh đạo quyết định các chính sách du lịch chỉ thấy tư lợi trước mắt, trong đó khách du lịch không thấy rõ phong cách, phẩm cách, nhân cách của Việt tộc trong du lịch. Hãy tự chuyển hóa mình bằng cách tạo cho mình một tư duy mới: tư duy của những kẻ làm chủ như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và nhất quyết rời kiếp làm công, làm tôi, làm tớ, làm mọi, càng sớm càng hay. Việc đầu tiên là loại ra khỏi bộ máy lãnh đạo các cá nhân vì tư lợi đã dễ dàng ký giấy, đóng mộc mở cửa cho các tập đoàn ngoại quốc vô đạo lý đầu tư và sau đó là nô bộc hoá dân tộc ta. Đây là chuyện khả năng và tài năng trong bổ nhiệm mà thực chất của học hàm, học vị phải qua học lực, tức là chỉ chọn người có khả năng, loại ra những kẻ lãnh đạo bằng đường tắt: quen biết, hối lộ, mua chức, bán quyền… Việc thứ hai là bằng đường lối thượng nguồn lập ra và tạo nên phong cách tự chủ trong khoa học kỹ thuật để thực sự làm chủ, tự sáng tạo trong kỹ nghệ, công nghiệp, truyền thông… qua học hỏi, thể nghiệm, nghiên cứu. Dân tộc Việt Nam cũng biết “thức khuya dậy sớm”, “một nắng hai sương” như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Trung Quốc, chỉ lo là những kẻ lãnh đạo không thấy, không hiểu, không tin dân tộc này mà thôi! Đừng biến những nơi giàu đẹp của đất nước thành những nơi ăn chơi cho người ngoại quốc, nhất là bọn người trong đầu chỉ có câu “có tiền mua tiên cũng được”. Đừng biến đảo Phú Quốc thanh bình thành một nơi ăn chơi mới, hãy biến nó thành một trung tâm nghiên cứu, khám phá và ứng dụng của khoa học kỹ thuật, của kỹ nghệ, công nghiệp, truyền thông… như Mỹ đã có Silicon Valley, như Pháp đã có Sophia-Antipolis, như tất cả các nước láng giềng: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Trung Quốc... đã có những vùng sáng tạo, những khu vực thông minh, những lãnh thổ của sáng tác, tạo điều kiện cho chuyện làm chủ, quyết không làm tôi tớ, nhất định không làm tôi mọi. Đừng biến Côn Đảo, ngục tù của thực dân thế kỷ qua thành một nơi du lịch bừa bãi, hãy biến nó thành một trung tâm chất xám của Việt tộc bằng cách lập nên những đại học xuất sắc, những trung tâm nghiên cứu chủ đạo trong sáng tạo, từ nghệ thuật tới nhân văn, để làm sáng, làm rõ, làm cho ra hồn: nhân cách giáo lý Việt tộc. Cách đây nửa thế kỷ, Hàn Quốc và Việt Nam song đôi về mức sống, bây giờ tại Hàn Quốc có khoảng 20000 người Việt sống trái phép, không có thẻ cư trú, chấp nhận sống chui rúc trong số phận tôi mọi. Có vài lãnh đạo đã biết công nhận là hiện nay trên nhiều phương diện là Việt Nam còn thấp hơn Campuchia và Lào. Tại sao số kiếp dân ta tụt hậu đến như vậy? Nếu lãnh đạo sáng suốt, “nhìn xa trông rộng”, thì những năm tới những thành phần xuất sắc của dân tộc phải có mặt trong các mạng lưới đầu tư, từ cổ phần kinh tế tới khoa học hiện đại, từ công nghệ tới thương mại, từ nghệ thuật tới nhân văn, trong bối cảnh toàn cầu hóa vừa gay gắt, vừa rất thuận lợi cho dân tộc ta; để ta không còn chịu cảnh “ít hơi, ngắn tiếng” như hiện nay trước bọn trộm, cắp, cướp, giật Bắc Kinh. Ý thức làm chủ qua sáng tạo là ý thức làm chủ vận mệnh của chính mình, sống với láng giềng, với nhân loại không cúi đầu, không mặc cảm, đây là sứ mệnh hàng đầu của những người lãnh đạo còn liêm sỉ của ĐCSVN.

Đề nghị 4: Pháp quyền, dân chủ, nhân quyền là một tổng thể, không cắt rời được, một thống hợp hoàn chỉnh để thực hiện tam quyền phân lập có thực chất, nó vừa dựa trên văn hoá, văn minh, văn hiến của một dân tộc, vừa dựa trên sức biểu hiện thông minh của dân tộc qua các cá nhân lãnh đạo nắm chính quyền, và tất cả dựa trên vốn liếng đấu tranh vì độc lập, vì nhân phẩm của dân tộc này. Đấu tranh vì độc lập đã trở thành bản sắc của Việt tộc, đây là hằng số, không biết, không nắm hằng số này thì đừng lãnh đạo. Vì trong chủ quan của các lãnh đạo, luôn có một cái bẫy, như Jean-Pierre Vernant đã phân tích từ khi chính quyền nằm trong tay các nhà lãnh đạo: “Cái bẫy được giăng ra tới độ mà các lãnh đạo muốn sử dụng chính quyền cách nào cũng được, cho tới ngày tận thế đến đột xuất với mình mà không biết, vì trên thượng nguồn cái bẫy này rất vô hình”. Phân tích này đúng từ thượng cổ chính trị của nhân loại, càng đúng hơn với bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay mà trong đó có ẩn chứa một cái bẫy khác là: trình độ hiểu biết và mức độ thông suốt các kiến thức chân lý thuộc về khoa học xã hội và nhân văn. Không có kiến thức dựa trên chân lý các khoa học này trong bối cảnh hiện nay thì không gỡ được các loại bẫy này, nếu không biết chuyển hóa kiếp lãnh đạo của mình thì chỉ đưa dân tộc Việt từ nơi “khốn nạn” qua chốn “khốn kiếp” mà thôi.

**Chuyển kiếp bằng đa**

Hàng chục ngàn kiến nghị của hiền tài, hiền sư, hiền sĩ mỗi năm yêu cầu nhanh chóng và triệt để cải tổ bộ máy chính quyền để cải cách đất nước, đều không được lắng nghe, không được đưa ra bàn cãi; đây là thái độ vừa là vô tri, vừa là bất chính, vì không có tư cách lãnh đạo trong sáng, vì không có nhân cách chính quyền trong sạch. Tệ hơn là từ 40 năm thống nhất đất nước không có một hội nghị, hội thảo nào mà các nhà lãnh đạo trực diện với trí thức, với chuyên gia để cùng nhau tìm cách đưa đất nước đi lên. Trong khi đó các quốc gia thực sự dân chủ thì mỗi ngày các lãnh đạo phải làm nhiệm vụ giáo khoa chính trị để giải thích trước công chúng qua truyền hình, phát thanh, báo chí về đường lối và phương pháp lãnh đạo của mình. Hàng tuần đối thoại với trí thức, với chuyên gia để thực sự gặp được kiến thức mới, được tư vấn hay, được chuyên môn giỏi. Hãy cùng nhau đi tìm một sinh lộ cho Việt tộc bằng cách thành lập một chế độ mà chính quyền theo số đông, chính phủ theo số nhiều, trong đó đa số không phải chỉ là vấn đề định lượng, mà số đông và số nhiều là một hệ vấn đề định chất, quyết định năng lực chính quyền và kỹ năng của chính phủ. Khi mà số đông và số nhiều được hiểu qua “an cư lạc nghiệp”, “sung túc, ấm no”, thì hạnh phúc đã có mặt trong cuộc sống. Người hiểu quy luật số đông và số nhiều một cách cặn kẽ không ai khác hơn là Đặng Tiểu Bình, đã dùng cải cách kinh tế từ 1979, dẫn tới hiện đại hóa Trung Quốc, đưa đất nước này từ nghèo nàn lạc hậu qua sung túc của số đông và số nhiều, với tốc độ nhanh nhất chưa hề có trong lịch sử của nhân loại. Chỉ qua một chuyến “Nhật du”, rồi một chuyến “Mỹ du”, mà nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan của một cá nhân lãnh đạo đã thay đổi toàn bộ, từ đó thay đổi cả số kiếp của một dân tộc hàng tỷ người. Giờ đây chế độ chính quyền theo số đông, chính phủ theo số nhiều đã thành mô hình, rồi thành phương hướng, trở nên một hệ vấn đề nghiên cứu sôi nổi trong giới học thuật hiện nay. Riêng tôi, hệ vấn đề minh quân, minh chúa, minh chủ không hề bị lỗi thời, vì minh quân, minh chúa, minh chủ không theo nghĩa hủ bại của một chế độ phong kiến độc quyền; mà chuyện chính ở đây là chủ từ: minh, vừa là tính từ, vừa là trạng từ trong câu chuyện dân tộc này của chúng ta. Vì chính cái thông minh cá nhân làm gốc cho cái sáng suốt trong chính quyền, làm cội cho cái tỉnh táo trong chính phủ, làm rễ cho cái “nhìn xa, trông rộng” của mọi lực lượng lãnh đạo, vì tất cả chuyện “vật đổi sao dời” đều từ cá nhân mà ra. Vì cá nhân vừa là giá trị sắc bén của tập thể, vừa là mũi nhọn sáng tạo của dân tộc; vì cá nhân vừa thể hiện bổn phận qua chế tác, vừa thực hiện trách nhiệm qua cải cách, đưa tập thể theo hướng thăng hoa, đưa cộng đồng theo hướng thiện mỹ, để số đông và số nhiều được sống trong cái hay, đẹp, tốt, lành giữa hiện tại, trong hiện thực. Ở đây phải nói thật, mặc dầu “sự thật mất lòng”, còn có thể dẫn tác giả bài này tới chuyện bị đe doạ, bị khủng bố, bị ám hại, nhưng sự thật-chân lý-lẽ phải là một tổng thể thuần nhất: hiện nay Việt tộc không hề thiếu hiền tài, hiền sư, hiền sĩ, mà chỉ có ĐCSVN không có minh quân, minh chúa, minh chủ. Một triết gia sáng suốt và một nhà Trung Quốc học tỉnh táo François Jullien, Giám đốc viện Tư tưởng đương đại của Pháp, cùng đi liên tục công vụ đại học với tôi trong nhiều năm liền tại Việt Nam, trên cả ba miền đất nước, đã thổ lộ, đã tâm sự khi nhìn thấy cảnh khốn cùng của dân chúng ta trên đoạn đường xe hỏa từ Hà Nội lên Sapa: “Sau bao nhiêu năm dài mà Việt Nam không có một thay đổi theo hướng phát triển đúng, trong khi đó thì Trung Quốc “thay hồn đổi xác” hằng năm, rời kiếp nghèo nàn lạc hậu, giờ lại vào được khu vực tiên tiến, văn minh, không thua kém Nhật Bản, Hàn Quốc trên rất nhiều lãnh vực; cùng trong khu “tam giáo đồng nguyên”, nhưng lạ là Việt Nam vẫn lạc hậu. Nếu các lãnh đạo Việt Nam chưa hiến tặng cho dân tộc Việt Nam: nhân quyền, thì ít ra họ cũng phải hiến tặng dân tộc này: khả năng lãnh đạo của họ, cái xuất sắc nhất của họ, để đưa dân tộc Việt Nam ra khỏi lạc hậu, không bị bỏ rơi quá xa sau Trung Quốc”. Ngân hàng Thế giới (WB) thẩm định GDP bình quân đầu người năm 2013 của Việt Nam chỉ trên 1000 USD/người, thì ta không nên hãnh diện, vì đó là mức thấp của thu nhập trung bình. Về nợ công thì Chủ tịch nước đưa ra một con số, Thủ tướng đưa ra một con số khác, với hai nhận định đối nghịch nhau, một chuyện không hề có trong một chính quyền có đường lối. Thông báo quốc tế thì rất rõ là Việt Nam phải dành khoảng 25% tiền thu về cho ngân sách để trả nợ trong năm 2015, với 75% phải nuôi bộ máy nặng nề của nhà nước qua lương bổng, không còn đủ 5% để đầu tư vào các kế hoạch phát triển. Một cổ mà đã hai tròng: phải vay mới để trả nợ cũ, trong một nền kinh tế không có phương hướng chính, không có lý luận về hiệu quả, và rơi nặng vào gia công, tức là rơi vào kiếp làm tôi, làm tớ, làm công, làm mọi cho ngoại quốc. Nếu lãnh đạo mà đưa dân tộc vào kiếp này thì đừng lãnh đạo. Tổ chức Đại hội Đảng để đưa dân tộc ra khỏi kiếp tôi, tớ, công, mọi thì nên tổ chức, chớ tổ chức Đại hội Đảng để tranh giành quyền bính, củng cố tư lợi thì đừng tổ chức Đại hội Đảng, nhục lắm! Mất nhân cách lãnh đạo lắm!

Đề nghị 5: Sự chủ động sáng tạo của nguyên tắc bình đẳng để chống lại cái lạm quyền, tức là phạm luật, vì lạm quyền của chính quyền là một trong những nguyên nhân chính trong quá trình sụp đổ của hệ thống cộng sản ở cuối thế kỷ qua. Nguyên tắc bình đẳng không có sẵn trong văn hoá, trong xã hội, chuyện bất bình đẳng giữa nam nữ, chuyện bất bình đẳng giữa giàu nghèo vẫn còn trước mắt chúng ta. Nhưng nhân phẩm của nguyên tắc bình đẳng là động cơ sáng tạo, thúc đẩy chúng ta dùng đạo lý, dùng luật pháp, dùng kiến thức, dùng khoa học, để giải quyết bất bình đẳng, thay thế bằng cái hay, đẹp, tốt, lành của bình đẳng. Cho nên có văn hóa, chưa chắc có văn minh, vì muốn có văn minh thì phải có một hệ thống pháp lý chống bất bình đẳng. Giữa văn hóa và văn minh, Việt tộc còn có thuật ngữ văn hiến, chúng ta nên cho nó một nội dung chính đáng, vì với số lượng bất bình đẳng ngập trời hiện nay, số lượng bất công tràn đất hiện tại, thì Việt tộc có còn giữ được bốn ngàn năm văn hiến của mình không? Luật là hệ thống của quy tắc, vừa để bảo vệ quyền lợi của mỗi cá nhân, vừa để đảm bảo đa nguyên trong khác biệt về quyền lợi giữa các cá nhân, bè nhóm, đảng phái… trong đó mỗi cá nhân có tự do thực hiện quyền lợi của mình và tổng thể của các quyền lợi của một dân tộc chính là hạnh phúc của dân tộc đó nếu được một chính phủ đủ trình độ thực hiện, một chính quyền đủ năng lực hoàn thành sứ mạng này. Như vậy, pháp lý sinh ra luật pháp không bằng giáo điều cứng ngắc, mà bằng một hệ thống nhân bản trong đó lý luận sinh ra lập luận, lập luận dẫn tới giải pháp, giải pháp chế tác ra kỹ thuật quản lý, để quyết định kỹ năng của các lãnh đạo trong chính quyền. Bổn phận của pháp lý không phải để quản lý các dữ kiện xã hội, mà để bảo đảm quyền làm người của chủ thể, được định nghĩa từ cá nhân, giờ đây đã biết sáng tạo ra quyền lợi của chính mình bằng tự do cá biệt của mình mà cùng lúc nhận trách nhiệm, bổn phận của mình đối với xã hội.

**Chuyển kiếp bằng minh**

Các chuyên gia quốc tế về y khoa và sức khoẻ cộng đồng đã có điền dã, điều tra trên tình hình sức khoẻ xã hội Việt Nam những năm qua, đều nhận định cùng một hướng là ĐCSVN rất mơ hồ về hệ vấn đề sức khoẻ của dân tộc Việt Nam; không có chính sách rõ ràng về các tệ nạn xã hội (ma túy, rượu bạc, mãi dâm…), thậm chí còn có các lãnh đạo dính vào các chuyện hối lộ, tham nhũng qua các tệ nạn này. Chưa kể tới câu chuyện môi trường, ĐCSVN không hề có một chính sách nghiêm minh về lâm trường và ngư trường, nhiều thông báo quốc tế báo động trầm trọng về ngư trường với cách đánh cá, giết hại bừa bãi như hiện nay, thì sau 2050 Việt Nam cũng sẽ không còn cá cơm để làm nước mắm, hậu quả là sẽ mất quốc hồn, quốc túy trong ẩm thực dân tộc, tại sao dân chúng ta hiện nay không được biết đến các báo cáo quốc tế này? Có những giai đoạn minh bạch để đánh giá một dân tộc có văn minh hay không, qua các thể hiện, dựa trên các chỉ báo xã hội. Một dân tộc được hưởng văn minh là dân tộc có được một chính quyền, ngoài chuyện lo về ấm no, hạnh phúc, chính quyền đó đặc biệt chăm sóc những người già nua, những kẻ tàn tật, không quên cương quyết bảo vệ phụ nữ và trẻ em. Qua mắt các quan sát viên quốc tế trước thực trạng của Việt Nam hiện nay, thì chính quyền không làm được ba việc này; đây chính là định nghĩa của cụm từ nhân sinh. Trong chuyến công vụ đại học để nghiên cứu về tâm lý xã hội Việt Nam với tôi năm 2010, nhà tâm lý học Marie-Rose Moro, Giám đốc Viện Tâm lý Thiếu niên và Thiếu nhi của Đại học Sorbonne, Paris tâm sự: “Các thiếu niên và thiếu nhi của đất nước này nếu không được chăm lo kỹ lưỡng về giáo dục và sức khỏe, lại còn bị rơi vào thảm trạng nghèo đói đe dọa, thì đất nước này khó thoát khỏi lạc hậu, tương lai chưa có đã bị đe dọa”. Trước đó, năm 2008, một nhà tâm lý học khác, Alain Blanchet, Giám đốc Viện Nghiên cứu Khoa học Tri thức của Đại học Paris.8-St Denis, cùng tôi tham gia trong các cuộc điền dã trên ba miền đất nước về điều kiện xã hội và nghề nghiệp của phụ nữ Việt Nam đã phân tích rất sâu: “Tại sao lãnh đạo quốc gia này lại để phụ nữ Việt Nam một lực lượng thông minh sắc sảo của dân tộc này phải làm những việc vô cùng cực nhọc, nhục nhằn về thể lực, khốn đốn về điều kiện lao động. Tại sao giới lãnh đạo và đàn ông của xứ này lại để phụ nữ của mình trong thảm cảnh như vậy? Cách mạng ở đâu?”. Không những không có cách mạng mà ngược lại là phản cách mạng trong nhân tính và nhân đạo. Muốn làm được việc nhân sinh rồi thì phải quyết tâm đi tới để giải quyết giai đoạn hai là: dân chủ, nhân quyền và pháp quyền, dựa trên tam quyền phân lập; đây chính là định nghĩa của cụm từ nhân lý. Vì đây là bản đại hòa tấu của một nhân loại tốt lành trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, mà ĐCSVN không đi ra ngoài được, nếu muốn tiếp tục tồn tại trên chính trường Việt Nam, vì Việt tộc phải được quyền nghe, để tận hưởng bản đại hòa tấu nhân phẩm này. Muốn bảo đảm dài lâu được việc nhân lý, thì phải luôn dựa vào lực lượng trí thức; trí thức là tri thức của một quốc gia, vào lực lượng thanh niên là nguyên khí của một dân tộc, từ đó tìm ra một lực lượng lãnh đạo tỉnh táo về đạo lý, sáng suốt về chuyên môn, vì đạo lý là nguồn cội của chính sách, và chuyên môn là gốc rễ của mọi đường lối. Muốn lập đảng nào cũng được, muốn giữ đảng nào cũng được, nhưng những người lãnh đạo của mỗi đảng phải là những chủ thể đúng nghĩa nhất, vì chủ thể dùng kiến thức để sáng tạo ra phương án, dùng phương án để sáng tạo ra chiến lược, dùng chiến lược để sáng tạo ra cái hay, đẹp, tốt, lành cho dân tộc, chớ không phải cho riêng đảng mình, cho bè nhóm mình, hay cho cá nhân mình. Hãy dùng tiêu chuẩn chủ thể này để loại ra khỏi lực lượng lãnh đạo hiện nay những kẻ phản chủ thể, nhất là những con ký sinh trùng bòn rút sinh khí của dân tộc qua tham nhũng, những con đỉa đói hàng ngày chấm mút tài lực của quốc gia qua hối lộ. Ở đây vai trò của cá nhân vô cùng quan trọng; trong chính trị thì mọi việc luôn bắt đầu bằng một cá nhân, vì một cá nhân có thể làm thay đổi số kiếp của một dân tộc, làm chuyển hóa được thực trạng của một quốc gia.

Đề nghị 6: Quản lý quyền lực qua pháp luật và pháp quyền, trong đó định chế văn minh là định chế thật sự dân chủ, có bầu cử hoàn toàn từ đa-nguyên-tạo-ra-đa-đảng, do dân kiểm soát vì dân được chọn lựa từ pháp luật tới định chế, với nội lực công minh của tư pháp. Nhân loại đã từ từ rời bỏ quan niệm chính-quyền-là-chính-phủ, quá thô sơ dựa trên hai hình thái cũ kỹ là quản lý thiên nhiên và quản lý chiến tranh, đã được định hình quyền lực theo mô hình của Locke (Traité du gouvernement civil, 1690); mà hiện nay thế giới đã dần dà đi tới quan niệm: thực-hiện-chính-quyền-qua-năng-lực-chính-phủ. Chính-phủ (gouvernement) như vậy đã được “thay hình đổi xác” bằng kỹ năng mới: năng-lực-chính-phủ (gouvernementalité), một quan niệm mà Michel Foucault đòi hỏi là định nghĩa đầu tiên của các kẻ muốn lãnh đạo một chính quyền. Tình hình lãnh đạo chính trị ngày càng phức tạp trong bối cảnh toàn cầu hóa, vì nó đã cho xuất hiện hai loại chính phủ, chính phủ nổi của mỗi quốc gia và chính phủ chìm từ các tập đoàn kinh tài quốc tế, ngày đêm thao túng các chính phủ nổi bằng sức ép của lợi nhuận, sẵn sàng tổ chức mạng lưới hối lộ tinh vi trên bình diện toàn cầu. Trung Quốc đã bước vào giai đoạn này, để tha hóa các chính phủ nổi trên nhiều lục địa qua hệ chìm của các tập đoàn doanh nhân gốc Trung Quốc; và Việt Nam sẽ là nạn nhân trực tiếp, lãnh trọn vẹn mọi hậu quả xấu nhất, nếu các lãnh đạo Việt Nam không có nội công của một pháp luật mới, không có bản lãnh của một pháp quyền mới. Chuyện minh quân, minh chúa, minh chủ luôn là hằng số thượng nguồn cho mọi việc hay, đẹp, tốt, lành của dân tộc. Minh quân không theo lối định nghĩa của một định chế quân chủ hẹp hòi, minh chúa không theo lối định nghĩa của một bè phái đóng kín, minh chủ không theo lối định nghĩa của một tướng lĩnh độc tôn. Hãy bắt đầu bằng chữ minh và chấm dứt cũng bằng chữ minh; minh là lãnh đạo trong tỉnh táo về đạo lý của phương hướng và trong sáng suốt về chuyên môn của chính sách. Như vậy, sau chữ minh, thì các từ: vương, chúa, chủ chỉ là phụ so với điều kiện tiên quyết là minh. Hãy cùng nhau kết luận: Việt Nam hiện nay chỉ thiếu minh quân, minh chúa, minh chủ, không hề thiếu hiền tài, hiền sư, hiền sĩ, vì trí thức của Việt tộc có, nhưng không hề được các kẻ lãnh đạo vô minh, vô tri, vô giác tận dụng. Vì sau lưng mọi chính sách kinh tế, mọi đường lối chính trị, luôn có một thực chất là: trình độ của chính sách sẽ quyết định mức độ của đường lối, vì trình độ là kiến thức, là tri thức, nền của ý thức, gốc của cái khôn, muốn làm người khôn phải hàng ngày mài nhọn tri thức, vì “người khôn chưa đắn đã đo, chưa ra tới biển đã dò nông sâu”.

Việt tộc biết tôn thờ các minh quân (Lý Thái Tổ, Trần Nhân Tông…), biết tôn vinh các minh vương (Trần Hưng Đạo, Quang Trung…), biết quý trọng các minh sư (Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm…), còn biết yêu kính các minh mẫu (Nguyên phi Ỷ Lan, Huyền Trân công chúa…) đã nhận đầy đủ trách nhiệm, bổn phận với non sông đất nước. Những ai có ý định làm lãnh đạo trong thời gian tới hãy tâm niệm chữ minh, tâm nguyện chữ nhân, chữ dân, tâm thức chữ học, chữ tạo, để tâm đắc hơn với chữ đa.

**NHÂN VIỆT: N°3**

***(Nhân cách giáo lý Việt tộc)***

**Nhân tâm-niềm tin**

***(nhân trí vị nhân tri)***

*Đò dọc, vững tay chèo, theo tổ tiên,*

*xuôi cùng dòng sinh mệnh của Việt tộc.*

**Tặng NGUYỄN ĐẶNG MINH MẨN**

Các cuộc nghiên cứu, điều tra, điền dã gần đây của khoa học xã hội nhân văn về lòng dân với chế độ hiện nay trên đất nước chúng ta, từ chính trị học qua dân tộc học, từ tâm lý học qua xã hội học, có cùng một mẫu số chung trong kết luận tổng kết là chuyện *mất lòng tin* của dân chúng đối với đường lối, cách tổ chức và quản lý xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN). Lý giải bằng các dữ kiện cụ thể trong đời sống hàng ngày, lý luận bằng kết quả thực nghiệm của nghiên cứu, lập luận bằng kiến thức của các ngành khoa học xã hội nhân văn, từ đó rút ra những diễn luận có tuệ giác, là chuyện phải làm của một người nặng lòng với đất nước, cũng là chuyện của mọi thành viên của cộngđồng Việt tộc, nó không phải là chuyện riêng của một đảng, một nhóm, một phái nào… Nếu trong lòng dân có chuyện mất niềm tin thì chuyện gì sẽ xảy ra? Chuyện có thể xảy ra là số phận dân tộc đó sẽ *bị* – hoặc sẽ *được*– thay đổi, vì *lòng tin* luôn có chỗ đứng trung tâm trong *lòng người*, nó giữ thế thăng bằng của *nhân tâm* trước các biến thiên của cuộc sống, nó sẽ điều kiện hóa mọi lập luận của tác giả và là chủ đề chính của bài này. Quá trình giải luận của bài này dựa trên cách vận hành của niềm tin: niềm tin tổ chức mọi hành động, mọi quyết định, mọi sáng tạo, niềm tin tạo ra cái *lý*để làm cái *lõi* cho niềm tin. Một cái *lý* phải *mạnh* khi thuyết phục, phải *cứng* khi lý luận, phải *bền* trong thử thách và nhất là phải *khôn*, tức là biết mở cửa khi gặp các lý khác, cũng khôn bằng hoặc khôn hơn nó, như vậy cái lý này nó vừa *cứng vía* trong đấu tranh, nó vừa *nhu thuận*trong giao tác, trước các *lý* khác*,*“*đã mở cõi thì đừng ngăn miền*” (Bùi Giáng). Cái *lý*cũng là cái *rễ*cho niềm tin; và niềm tin trong bài này hoàn toàn ngược lại với các niềm tin mù quáng, cuồng tín, quá khích, cực đoan, một chiều, chủ quan, huyền hoặc… Tin vào cái *lý*, rồi lấy cái *lý* để hiểu cái *tin*, lấy cái *tin* để chế tác cái *niềm*, cái *lòng* là câu chuyện chính của bài này.

**Niềm tin, lòng tin**

Đọc lại *Hịch tướng sĩ* của Trần Hưng Đạo, trong bối cảnh đất nước bị đe doạ, chỉ mành treo chuông, phải lấy ít đánh nhiều, phải lấy yếu đánh mạnh, ta thấy rõ chân tướng của niềm tin lúc đầu chỉ là một hạt giống, là một mầm non dù nhỏ bé nhưng được bảo vệ vững vàng trên lòng tin là một mảnh đất, mà Việt tộc gọi là đất nước, không bao giờ chịu khuất phục bất cứ bọn ngoại xâm nào. Niềm tin không nhất thiết được xây dựng bằng lòng mộ đạo đối với một tôn giáo, lòng tin không nhất thiết được chế tác bằng sự dấn thân tuyệt đối cho một ý thức hệ; tin mình và tin đồng loại trong cuộc sống chung được xây dựng trên đạo lý *hay, đẹp, tốt, lành*, nó khác xa với các hành vi cuồng đạo, với các hành động cuồng tín. Niềm tin có cội rễ trong quan hệ xã hội, vì lòng tin có ngọn nguồn trong luân lý cộng đồng; nó là sự trông chờ có cơ sở của con người đối với đồng loại của mình, mà không cần một sự can thiệp nào của thương đế, mà không cần một sự cầu cạnh gì đối với bất cứ tập đoàn lãnh đạo nào, nó là chuyện đạo lý giữa người và người. Hãy tìm cách định lượng, định chất để tìm hướng định nghĩa cho niềm tin: nếu một dân tộc mà tin một chính quyền, một chính phủ, một đảng lãnh đạo, tức là dân tộc đó đang *cân, đo, đong, đếm* để *nghiệm, thử, xét, xem* chính quyền đó, chính phủ đó, đảng đó có được *chiều cao, chiều dài, chiều sâu, chiều rộng*tới đâu, so với lòng tin của dân tộc đó. Và, nếu chính quyền đó, chính phủ đó, đảng đó quá thấp, quá tồi, quá tệ, quá xấu thì chuyện gì sẽ xảy ra? Có ít nhất là bốn chuyện sẽ xảy ra khi mất *niềm tin (confiance)*: thứ nhất là sự xuất hiện của *bất tín (défiance)*, dẫn tới chuyện thứ nhì là *ngờ vực (méfiance),* chóng chầy gì cũng tới chuyện thứ ba là do dự, chần chừ, *phân vân (hésitation)*, tất cả ba chuyện trên đưa tới chuyện thứ tư, tới hậu quả mất phương hướng trong cộng đồng quốc gia, trước tương lai, sống vật vờ trong tâm lý *hoảng sợ sự phản bội (la peur de la trahison).*Trong lịch sử trí thức và triết học phương Tây, có một câu chuyện phản bội giữa hai trí thức, giữa hai Nam Tào và Bắc Đẩu của hiện tượng luận trong thế kỷ thứ hai mươi; giữa Husserl, gốc Do Thái, người thầy khai sinh ra *hiện tượng học (phénomènologie)* (mà dân tộc ta có một chuyên gia tài ba, sắc sảo về trường phái này là bác Trần Đức Thảo). Và môn sinh tin yêu của Husserl không ai khác hơn là Heidegger, chủng tộc Đức, đã cúi đầu, khoanh tay trước thảm họa tàn sát người Do Thái, đồng bào của Husserl, do Đức Quốc Xã tổ chức trong đệ nhị thế chiến. Từ thất vọng qua tuyệt vọng trước thái độ kém hèn của Heidegger, mà Husserl đã định nghĩa niềm tin là *tình bạn chung thủy của tâm hồn* còn phản bội là *đất của phi nhân*, Husserl dặn trí thức hãy thận trọng trước sự phản bội và đừng dung túng, đừng nhượng bộ nó: “*Une attaque contre les racines les plus profondes de notre existence*”*, vì nó tấn công vào cái rễ sâu nhất của nhân sinh*, rồi để lại một vết thương sâu đậm giữa những tâm hồn chung thủy, nó giết tình người trong trứng nước, nó làm chúng ta bị tổn thương về *nhân tính,* thiệt hại về *nhân phẩm*. Nếu niềm tin là người bạn chung thủy của tâm hồn, còn phản bội là phi nhân, thì phản bội luôn gây ra một sự chấn thương dài lâu khi con người đoạn tuyệt với niềm tin ban đầu, nhất là khi sự phản bội lấy *cái lợi hèn* để bóp chết *cái lý sáng* trong *nhân tri*, Husserl tin rằng luôn luôn có một vùng tối tăm, mờ ám của sự phản bội, vì kẻ phản bội thường phải giấu cái lý nguyên thủy của sự phản bội, và kẻ này chỉ đưa ra cái cớ bên ngoài mà không dám đưa ra sự thật, vì kẻ phản bội biết là luôn luôn có sự liên minh chặt chẽ giữa *sự thật – chân lý – lẽ phải*, kẻ phản bội luôn rất sợ bị lột mặt nạ. Chuyện xa rồi chuyện gần, chuyện người rồi chuyện ta, trong hơn thế một thế kỷ qua, Việt tộc đã bị phản bội biết bao nhiêu lần trong các chuyện ý thức hệ, trong các chuyện chính trị, trong các chuyện lãnh đạo, mà kẻ bị phản bội là những chiến sĩ kháng chiến đã thấy cảnh cha mẹ mình bị thảm sát trong cải cách ruộng đất sau 1954, thấy niềm tin cách mạng của mình đang bị các kẻ lãnh đạo tồi tệ lạm dụng để giết hại gia đình mình. Chuyện xưa rồi chuyện nay, chuyện hy sinh rồi chuyện bán buôn, các thế hệ chiến sĩ kháng chiến tiếp theo cũng đang thấy bao công lao của mình trong chuyện hy sinh để đất nước được thống nhất năm 1975; giờ đây qua hệ thống hối lộ, tham nhũng, có những lãnh đạo đã bán những vùng, những miền, những nơi, từ núi tới đồi, từ bãi biển tới đảo cho ngoại quốc, cho ngoại bang, thậm chí cho kẻ thù muôn kiếp của Việt tộc là bá quyền Bắc Kinh. Người dân Việt rất tỉnh táo trên chuyện này, sự phản bội này được họ đặt tên bằng trực quan, trực cảm của họ, họ gọi bọn này là *bọn bán nước*.

**Niềm tin, đức tin**

Khi chuẩn bị biểu tình chống chiến tranh Mỹ tại Việt Nam ngay thủ đô Hoa Kỳ, mục sư L. King hỏi thiền sư Thích Nhất Hạnh: “*Trên đoạn đường đi biểu tình thì* *dùng khẩu hiệu gì để nói lên tính hiếu hòa bất bạo động để chống lại cái bạo lực giết chóc của chiến tranh*?”, thiền sư Thích Nhất Hạnh trả lời: “*Hãy lấy lời của một bài hát của Phạm Duy*: *Tôi từ chối giết người, vì giết người rồi, tôi sống với ai?*”. Từ chối giết người vừa là cái tin, cũng là cái đức, đức bảo vệ *nhân sinh*, đức bảo trì *nhân phẩm*, đức bảo quản *nhân tính*, đức bảo hộ *nhân đạo*, đức bảo trọng *nhân tâm…*Tin chuyện chống giết người là đúng, vì cái đức này đường đường chính chính, đi trên vai, trên lưng các chiến tranh chết chóc bừa bãi. Niềm tin bảo vệ cho bằng được *nhân sinh*dựa trên đức tin để bảo trì *nhân đức.* Đức tin đây không phải là tin một đấng quyền năng siêu việt nào cả, cũng không phải là tin một thượng đế vô hình, mà nó là đức trọng (*vertu*), phẩm của phẩm (*qualité*), giá trị của giá trị (*valeur*). Vì là giá trị nên phải cảm nhận nó bằng luân lý, đạo lý, tâm linh, và không bao giờ mua bán nó được; không bao giờ “*đánh lận con đen*” với nó được. Triết học luân lý và tâm lý học xã hội cùng nhìn nhận rằng niềm tin vừa là hành vi, vừa là phong cách làm nên *nhân cách của nhân tâm*, đặt niềm tin vào nhau để cùng nhau đối phó với các hoạn nạn trong cuộc đời, từ đó có chuyện che chở nhau, bảo vệ nhau, trong *tương trợ (entraide),* một loại tình người có vai vóc cao nhất. Che chở nhau, bảo vệ nhau, tức là đang củng cố quan hệ giữa người với người, ngày thêm vững, thêm mạnh, thêm chắc, chấp nhận mọi thử thách, trước các biến thiên của kiếp người, dấn thân vào giông tố, vào bão táp mà không sợ lẻ loi, không sợ bị bỏ rơi, tôn giáo làm được chuyện này trong lịch sử của nhân sinh. Nếu tôn giáo dùng niềm tin để đi tìm con đường tâm linh, rồi cứu rỗi con người ra khỏi hoạn nạn, như vậy kết tội tôn giáo là thuốc phiện của quần chúng là một thái độ rất hồ đồ. Còn hiện nay, nhiều kẻ tu hành, từ thượng tọa tới hoà thượng, mượn chùa chiền để tổ chức các trò mê tín, dị đoan, chiêu hồn, cầu vía để làm thương mại bất chính, lại là một chuyện hồ đồ khác, vì họ đang nạo rỗng niềm tin của các tín đồ của họ. Có một điểm trọng tâm trong mọi niềm tin là *ý lực* muốn chuyển khổ đau thành hạnh phúc, niềm tin mà đích thực thì gọi là *chánh tín*, nó đòi hỏi phải được *thực chứng,*tức là được thể nghiệm qua sự thật, cả hai được nuôi dưỡng bằng hai nội lực của nhân tâm là: ý chí và ước mong, mang chiến bào cho niềm tin, tên gọi của nó là *chí nguyện.*Niềm tin là rễ sâu nếu nó sống trên đất, niềm tin là dòng chảy nếu sống với nước, xuyên thời gian, nó ngược lại với chuyện tuyên truyền, nhồi sọ trong ý thức hệ chính trị, nó ngược xa với chuyện “buôn thần, bán thánh” qua mê tín, dị đoan trong một số nơi thờ tụng hiện nay. Những kẻ đi buôn chính trị và tôn giáo nên suy nghĩ kỹ: mỗi lần con người mất niềm tin, là họ bị mất hai chuyện: mất lý tưởng và mất hạnh phúc.

Ricœur, trường giang của triết luân lý, bình nguyên thênh thang của hiện tượng luận, cho rằng niềm tin tạo dựng nên cộng đồng, con người vừa muốn sống chung với nhau, vừa muốn chia sẻ với nhau những phương án trong tương lai, nhưng cộng đồng thì rất mong manh, dễ đổ, dễ tan, dễ vỡ, và chuyện sống còn của một cộng đồng luôn tùy thuộc vào *niềm tin tập thể*, vì nó là giá trị gốc của nhân sinh quan trong mỗi cá nhân. Giá trị của niềm tin được nuôi sống như ước vọng vượt qua thăng trầm của lịch sử, nhưng cùng lúc cũng là thực tế luôn xét nghiệm và đánh giá lại niềm tin trước những thử thách mới của thời cuộc, tình thế… trước những chuyện thay lòng đổi dạ của những kẻ *thâm, hiểm, ác, độc* trong cộng đồng. Tin vào giá trị của cộng đồng thì đừng nên quá khích, chỉ làm ngộp thở các chân trời của các thế hệ sau; tin vào giá trị của một tương lai tốt lành thì đừng buông tay, cúi đầu, vì nội chất của niềm tin là một năng lượng vô song, một nội lực hùng tráng, nó cất giữ trong kho tàng của nó ba kho báu tinh khôi: tự mình biết tôn trọng mình; ân cần với đồng loại trong khó khăn của cuộc đời, tin tưởng vào định chế được sinh ra bởi lý tưởng của niềm tin. Niềm tin không rời hoài bão trong thử thách của thời gian, tin rằng *quan hệ tốt* giữa người và người sẽ sinh ra được một *xã hội tốt*, được hỗ trợ bởi những *định chế tốt*, tin vào *cái tốt* như tin vào một *điềm lành* cho hiện tại, cho mai sau. Con người tạo ra niềm tin vì họ tin vào cái *tin* của họ, đây không phải là lý thuyết suông, mà nó là tiền đề của đạo lý, thượng nguồn của luân lý: lấy cái *tốt* chế tác ra cái *lành*, lấy cái *lành* tạo ra cái *hay*, lấy cái *hay*để sản sinh ra cái *đẹp*. Cho nên, Kant tin là cái *thiện* luôn gắn liền với cái *mỹ*; trong mỹ thuật, mỹ học cái luân song hành với cái lý. Niềm tin là cánh cửa mở, nó không phải là cánh cửa đóng, mở để làm ba chuyện: để *cảm nhận* cái *hay, đẹp, tốt, lành*; để dựng nên cho bằng được cái*thỏa ước* cùng nhau sống chung trong một cộng đồng, một xã hội biết và hiểu hạnh phúc để có hạnh phúc; để có chung một môi trường*đạo lý*. Hãy phạm trù hóa ba chuyện này:*cảm nhận*thuộc về hệ vấn đề giá trị; *thỏa ước* thuộc về hệ vấn đề định chế; *đạo lý* thuộc về hệ vấn đề của nhân tâm. Đưa chuyện đổi chác vào niềm tin là có lỗi, đưa chuyện mua bán vào niềm tin là có tội. Cái biết, cái hiểu của niềm tin là một loại kiến thức bao trùm, một loại tri thức sắc nhọn; kẻ nào biến niềm tin thành chuyện thực dụng lỗ lời, thì kẻ đó không có chỗ đứng trong cộng đồng. Chuyện niềm tin là *chuyện chân trời*– tương lai của tương lai – niềm tin rất xa lạ với loại quan hệ “*tiền trao, cháo múc*”, khi đã “*cạn tàu, ráo máng*” với nhau, thì lúc đó coi như đã mất niềm tin.

**Niềm tin, tin yêu**

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn khi còn trẻ thì: “*Tôi yêu mọi người, cỏ cây, nhân loại…*”*,* cuối đời thì: “*Tôi là ai mà yêu quá đời này*”*,*đây không còn là tình yêu nhỏ hẹp của hai người, mà là tình thương phủ trùm lên cuộc sống, chan hoà với muôn loài, mà Phật học sẵn sàng gọi là *vô lượng tâm*, tâm chứa bao nhiêu lượng cũng được, tình yêu và tình thương như vậy có một chỗ dựa là tin yêu, tin đời và tin người, cái hèn mọn của ích kỷ sẽ không có chỗ để dung thân. Chính trị học giáo dục và xã hội học đạo lý, cùng nhau nhận diện niềm tin vừa là tâm nguyện, vừa là hoài bão, nó xuất hiện với danh chính ngôn thuận giữa cuộc sống để chống lại hai loại ích kỷ, hàng ngày nhan nhản giữa chợ đời: *ích kỷ tương đối* (*l’égoïsme relatif)*, sống chỉ để bảo vệ tư lợi của

mình, và *ích kỷ tuyệt đối* (*l’égoïsme absolu)* không những sống chỉ để bảo vệ tư lợi của mình, mà còn loại ra khỏi môi trường của mình những ai có ý phản kháng, luôn cả những ai có ý định tranh cãi với mình, đây là nội chất của ĐCSVN từ hơn nửa thế kỷ nay, độc đảng nên độc quyền, độc tôn nên độc tài. Sự thật mất lòng, và nói lên sự thật có thể bị hãm hại, nhưng sự thật là sự thật, nền của chân lý, gốc của lẽ phải. Chuyện gì đang xảy ra trong xã hội Việt Nam hiện nay: làm lãnh đạo Đảng thì cần vơ vét, nhưng không cần niềm tin; trong gia đình thì cha mẹ, anh, em triệt hại nhau chỉ vì một mảnh đất, một cái nhà, một gia tài, cần tiền chớ không cần tình, tình đây là tình nghĩa, tình người chỗ dựa của niềm tin. Bề trên ăn ở sỗ sàng, bầy dưới ê chề tha hồ bạo ngược; chữ *tin*, dẫn đường cho chữ *tín*, cả hai chữ vắng tiếng, vắng mặt, vắng bóng một cách lạ kỳ trong quan hệ hàng ngày hiện nay giữa đồng bào mình! Nhân cách Việt tộc rồi sẽ đi về đâu? Dưới đời Trần có nhiều chuyện thật hay, thật đẹp, ngoài những minh vương, ngoài những chiến công làm nên vai vóc của Việt tộc, ba lần dẹp Mông, giữ cho đất nước vừa bình, vừa an; các điều tra sử học cho thấy đây là thời mà Việt tộc có đời sống tâm linh rất cao: nhiều đồng bào tập thiền, luyện thiền, tu thiền, dưỡng thiền, cả nước thiền với đời sống tâm linh sạch đẹp, có chiều cao đạo lý, tất cả dựa vào niềm tin cộng đồng thật trong sáng. Cái ích kỷ, cái tham lam, cái vơ vét, xa lạ trong không khí thiền này; thiền cho sáng suốt, thiền cho tỉnh táo, thiền để nắm chắc: *niệm, định, tuệ*. Huyền Trân công chúa nhận trách nhiệm giữ hòa bình cho hai nước Đại Việt và Chiêm Thành, chấp nhận cuộc hôn nhân với Chế Mân, với niềm tin thái hòa cho hai dân tộc; khi về lại quê cha đất tổ, cũng đi tu, nhập thiền, mà còn biết lo rất đầy đủ cho dân địa phương xung quanh mái chùa mà vị minh mẫu này chủ trì. Nhân cách giáo lý Việt tộc này đẹp như vậy, tại sao chế độ hiện nay không mang ra hiển vinh nó trong học đường, trong xã hội, trong giáo khoa, trong định chế? Chúng ta đang bàn về nội công của các minh vương, bản lĩnh của các minh mẫu, chúng ta “*thỉnh nguyện*” các vị muốn lãnh đạo đất nước trong những tháng năm tới, không cần phải đi tu, mà chỉ cần sáng suốt bồi đắp lại niềm tin, tỉnh táo gầy dựng lại lòng tin; vì mất niềm tin, vì bỏ lòng tin là đã đặt bước-gởi thân mình vào chốn tà đạo rồi.

Trong tác phẩm *Métaphysique de l’amour (Siêu hình học tình yêu),*Schopenhauer phân tích cái tỉnh táo thấp hèn, cái sáng suốt tồi xấu của các kẻ ích kỷ: “*loại người không bao giờ thấy mình sai lầm trước tư lợi*”, kẻ này đếm từng đồng, tính từng cắc một, thì làm sao đếm sai, tính lầm được. Tính toán tủn mủn, bòn rút keo kiệt, luôn thấy mình khôn hơn những người chung quanh. Nhưng ông bà ta dạy: “*khôn quá, hoá dại*”, vì không có niềm tin được tưới tẩm bằng đạo lý, vì không có lòng tin được vun xới bởi tâm linh, nên hay rơi vào thảm họa “*bỏ của, chạy lấy thân*”, trước những biến động của nhân thế, sống kiếp “*thạch sùng tiếc của*”, khi họ kể về chuyện mất của, thì càng làm cho nhân cách họ thấp hèn hơn. Tôi sống tại Âu châu cũng gần nửa thế kỷ, thường thấy cảnh “*bi hài kịch*” cuả các bạo chúa, vơ vét tiền của, vàng bạc, châu báu của dân tộc mình, rồi gởi vào các ngân hàng Âu châu, khi tới ngày tàn của các bạo chúa này mà tiền của vẫn “*kẹt*” trong các ngân hàng này, không lấy ra được, vì pháp lý chưa điều tra xong, vì công pháp quốc tế chưa thẩm định xong. Gia đình các tên bạo chúa này sống vất va, vất vưởng như ”*bụi đời*”*,* còn các bạo chúa thì vật và vật vờ nửa “*oan hồn*”*,* nửa “*âm binh*”*.* Các kẻ đang vơ vét của cải của Việt tộc hiện nay nên “*thiền*” để có “*niệm, định, tuệ*”trong câu chuyện “*bụi đời*” *-*“*oan hồn*” *-*“*âm binh*”này*.*Người có niềm tin là người buông bỏ được phản xạ ích kỷ, can đảm tự giải phẫu các con tính tư lợi thấp hèn của mình để tìm chiều cao trong ý nghĩa làm người, lấy niềm tin hay, đẹp, tốt, lành để xây dựng nên *nhân cách*, lấy nhân cách làm *tư cách*, rồi biến *tư cách* thành *phong cách*, gạt hẳn bóng dáng “*bụi đời*” *-*“*oan hồn*”*-*“*âm binh*”ra khỏi môi trường nhân tâm của mình. Hãy tự nhận diện ra mình bằng chính niềm tin của mình, mà Celan đúc kết thành *niềm tin đôi*: “*Je suis toi, quand je suis moi!*”, *tôi là bạn, khi tôi là tôi*.

**Niềm tin, niềm vui**

Thi sĩ Tô Thùy Yên, dòng nước ngầm nghẹn ngào với bao biến nạn của Việt tộc, mưa nguồn của bao nỗi khổ đau chiến loạn của thế kỷ hai mươi, sau những năm dài trong ngục tù cải tạo, ngày được trở về lại Sài Gòn, sắp thấy lại gia đình, ngôi nhà, bạn bè… đã tự dựng cho mình một niềm tin mới, nó bắt đầu là niềm vui của tự do rất mới, tự do kích thích mỗi cá nhân phải xây dựng lại nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan của mình, trong bài *Ta về*: “*Ta về một bóng trên đường lớn… Ta về khai phá bùa thiên yểm, thức dậy đi nào gỗ đá ơi… Ta về qua những truông cùng phá… Thế giới vui từ mỗi lẻ loi…*”*.* Vui từ mỗi lẻ loi, đã thành chất keo kết niềm tin với niềm vui, khi kết lại rồi thì khó tách được niềm vui ra khỏi niềm tin. Không oán thù, không cừu hận ai, vui trong lẻ loi, cô đơn, cô độc; vui luôn trong thanh bạch, thanh đạm, thanh bần; vui luôn trong thử thách, cam go, trầm luân. Khổng Tử thấy được chuyện này: “*người ta không sợ nghèo túng, chỉ sợ bất công*”*.* Bất công tới từ bất bình đẳng, bất công và bất bình thiêu hủy niềm tin, giết chồi lộc của niềm vui. Các vị lãnh đạo đang bòn rút tài nguyên đất nước, chấm mút của cải xã hội, làm suy kiệt sinh lực đồng bào, hãy suy nghĩ về thái độ của mình, vì Việt tộc vừa mất niềm tin nơi lãnh đạo, vừa mất niềm vui trong cuộc sống, thì nguy hiểm không lường được! Trong đám người lãnh đạo xấu, ta đừng quên là họ khi lọt vào guồng máy lãnh đạo thì củng cố bộ máy tuyên truyền qua xảo thuật *ngu dân hoá*, tự xem mình khôn hơn dân tộc mình, thái độ xem dân chúng là “*ngu muội, dễ lừa*”;loại người này, họ bị ung thư tư duy mà họ không biết. Trong những ngày tháng điên đảo của cách mạng Pháp, Hugo đã chỉ thẳng vào mặt bọn con buôn chính trị này đang khai thác con bài ngu dân để tha hoá tri thức dân tộc họ: “*C’est insensé de croire que je ne suis pas toi!*”,*thật bất thường khi anh tưởng tôi không phải là anh.*Tôi cũng là anh, vì tôi cũng có tri giác, nhận thức, thông minh như anh; chỉ có anh là vô tri, vô minh, vô giác, mới không thấy kẻ xung quanh anh, thiên hạ rất sáng suốt, tỉnh táo. Câu này khác với *câu suy bụng ta ra bụng người,* vì câu của Hugo đặc biệt dành cho những kẻ chuyên giật dây trong chuyện buôn bán chính trị, biến chính trường thành thương trường. Giữa thế kỷ vừa qua, tại Hoa Kỳ cũng có một trường phái xã hội học xuất sắc của Garfulkel, với tên gọi *ethnométhodologie (dân tộc phương pháp học)*, cũng luôn nhắc nhở các chuyên gia, các trí thức, các học giả đừng tự đặt mình cao hơn người thường dân, đừng tự coi mình giỏi hơn người đời, nếu đặt mọi người vào cùng một thế cuộc, vào cùng một tình huống, mà tác giả này gọi là *ở đây (ici)* và *bây giờ (maintenant)*, thì chưa chắc ai sẽ khôn hơn ai! Trong suốt cuộc sống làm người, mỗi lần chúng ta gặp loại người “*dạy đời*”ta, không phải bằng cái *khôn ngoan*của nhân loại mà chỉ bằng cái *lươn lẹo* trong tư lợi của họ, lúc đó niềm tin của chúng ta bị xúc phạm. Xin kể câu chuyện về lịch sử của trí thức Việt kiều của thế kỷ hai mươi vừa qua tại Pháp: thế hệ đầu tiên giữa hai thế chiến với các nhân vật có niềm tin: Trần Đức Thảo, Trần Đại Nghĩa, Nguyễn Khắc Viện… xuất sắc trong học thuật, tinh chuyên trong nghề nghiệp, chấp nhận về nước sau 1945 với ý nguyện chống thực dân để giành lại độc lập dân tộc, sau đó mỗi người một bi kịch, nhưng họ không để mất nhân cách của họ trước bạo hành của chuyên chế, trước bạo lực của độc tài. Thế hệ tiếp theo thì sao? Cũng có những người xuất sắc trong học thuật, tinh chuyên trong nghề nghiệp, chấp nhận về nước sau 1975 với ý nguyện xây dựng lại đất nước sau những năm dài chiến tranh, nhưng tiếc thay trong số người này lại có hai nhân vật, hai anh em, về nước để nhận bổng lộc của chế độ, qua cơ chế của Ban Việt kiều trung ương, với tư cách thấp hèn của loại người nịnh hót, tâng bốc quyền lực, làm đồng bào “*xem rẻ*”Việt kiều, làm cho Việt kiều “*thấy nhục*” khi đồng bào mình nhắc tới họ. Muốn đồng bào quê nhà viết sử của đất nước tới nơi tới chốn, thì Việt kiều cũng phải viết sử của “*xa đất, xa nước*” tới nơi tới chốn, từ đó tự xét mình thật cặn kẽ, như cụ Tiên Điền đã căn dặn: “*Phải dò cho tới tận nguồn lạch sông*”*.*Đừng cào cào, xới xới, hãy đào sâu, đào rộng để thấy một chuyện lạ khác về lòng tin trong sinh hoạt trí thức Việt kiều trước và sau 1975, khi thế hệ chúng tôi còn là sinh viên, phải “*thưa, bẩm, dạ, vâng*” với một loại *đàn anh* mang tiếng là trí thức, là tiến bộ, là theo cách mạng, là biết dấn thân… Chuyện lạ là mỗi lần chúng tôi lấy sáng kiến về dân chủ, về công bằng, về pháp chế thì họ luôn lấy cái hèn nhát của họ trước ĐCSVN, để dập tắt sự can đảm cần thiết trong chuyện giữ vững niềm tin của thế hệ chúng tôi. Thật tức cười khi họ giải thích cái hèn nhát của họ bằng cái mà họ gọi là khôn khéo của minh triết, kín đáo của hiền triết. Ngữ văn và ngữ pháp của Việt ngữ rất minh bạch: minh triết, hiền triết dựa trên sáng suốt và tỉnh táo, khi thấy đúng thì làm, không lùi trước cái *xấu, tồi, độc, ác*, nếu cần quyết định thì dùng can đảm mà quyết đoán. Ngược lại, cái hèn nhát diệt sáng suốt, hủy tỉnh táo, triệt can đảm, vùi quyết đoán. Lạ hơn nữa là mỗi lần họ nghe kể về các thành quả, các thành công của thế hệ đàn em, thì họ lại dùng kinh nghiệm thất bại của họ trong nghề nghiệp, trong tri thức, trong xã hội, nhất là trong chính trị… để vừa *giả đò phân tích,* vừa *cố tình hạ giá* các thành quả, các thành công của thế hệ đàn em. May mà, các thành quả, các thành công của thế hệ đàn em đã trở thành niềm vui để đàn em giữ được niềm tin trước các thử thách của cuộc đời, của đất nước. Có lần, tôi lấy câu chuyện này ra tâm sự với điêu khắc gia Điềm Phùng Thị, người mẹ tinh thần của tôi trong cuộc sống vong thân nơi xứ người, thì bà lý giải rằng: “*lấy thất bại cũ để phán đoán thành công mới, thì có thể đây là chuyện vô thức hoặc tiềm thức của một loại người trong dân tộc ta, đã bị đô hộ, bị nô lệ lâu quá chăng?*”. Các thế hệ trẻ của Việt tộc, các bạn nghĩ thế nào về các câu chuyện Việt kiều này? Có hai tác giả lớn trong văn học pháp là Flaubert và Maupassant, hai đỉnh núi ngang trời của tiểu thuyết luận, hai ngọn thủy triều trải rộng của văn chương, rất tâm giao, đắc khí khi cả hai đều định nghĩa niềm tin là: “*Việc trao truyền sự nhạy cảm của nhau qua các thế hệ, nhạy về cái hay trong tư duy để sau đó đưa nó vào đời sống xã hội, mà xã hội là nơi tác chế ra kiến thức của nhân loại, được lấy từ niềm tin tới từ tư duy của mỗi người*”*.*Niềm tin và niềm vui luôn có một chỗ đứng thân quen trong nhân cách giáo lý Việt tộc. Hãy nhớ lại câu chuyện của Nguyên phi Ỷ Lan, nội công của minh mẫu, bản lĩnh của hiền mẫu, đã can đảm đứng ra cáng đáng việc nước, khi Vua Lý phải đi bình Chiêm, nhận đầy đủ trách nhiệm “*trong ấm, ngoài êm*” của một người phụ nữ, luôn lạc quan, yêu đời, sống với niềm vui, lại trao truyền được niềm tin của mình tới quần thần xung quanh. Ở đây, không phải là “*trong ấm, ngoài êm*” chỉ của một gia đình mà của cả một dân tộc. Với một niềm vui trong sáng và thành thật, nam giới chúng ta hãy cầu mong có thật nhiều phụ nữ sẽ vào thật nhiều các chức năng lãnh đạo sắp tới trong giai đoạn mới, với phong cách giáo lý Việt tộc của hai Bà Trưng, Bà Triệu, Ỷ Lan, Huyền Trân… Vì một thể chế có liêm sỉ là thể chế đó luật pháp hóa được chuyện *bình-đẳng-để-bình-quyền*, *bình-quyền-để-chia-quyền*, *bình-đẳng-trong-quyền-lực-và-quyền-lợi*, thật sự bình đẳng giữa nam và nữ trong tam quyền phân lập, mà nhiều quốc gia văn minh phương Tây đã làm và đang làm mạnh mẽ trong định chế và cơ chế của họ, bất cứ người đàn ông Việt Nam nào chống lại chuyện này đều là *bất chính*.

**Niềm tin, đồng thuận**

Thi sĩ Hoàng Cầm, của thi ca biết biến niềm tin thành đam mê, đứa con tin yêu của Kinh Bắc, ngọn gió Bấc đầy năng lực đánh thức được bao ước vọng tự do, phải thẳng lưng khi bị vây hãm bởi bạo lực, luôn cảnh tỉnh chúng ta hãy thận trọng với các loại nhà tù vô hình: “*Ta con phù du ao trời chật chội/ Đứng cánh bèo đo gió lặng tìm sao*”*.*Ao trời không phải là bầu trời, ao trời là nhà tù vô hình, bầu trời có sao, có gió mới thật là tự do*.* Hiện nay, trong xã hội học vi mô của Mỹ, có sự xuất hiện thật thông minh các công trình của Goffman về quan hệ giữa niềm tin, truyền thông và tin tức, sự tác động qua lại của chúng trong quá trình nhận thức thể hiện các giá trị đạo lý của cuộc sống, trong đó sự sai lầm của nhận thức về tin tức luôn dẫn đến cái thất bại của niềm tin, nếu ta để niềm tin bị đóng khung bằng chủ quan vô tri trước tin tức, trước truyền thông, nếu ta không đủ tri giác để phân tích tin tức, không động lòng thương đồng loại khi trong truyền thông có nội chất của khổ đau. Trong cuộc sống hàng ngày, từ tin tức tới hình ảnh, từ vô tri tới vô tâm, ta sống trong một cái khung chủ quan, thì cái khung chủ quan cá nhân này tạo cho ta một thói quen, rất tiện lợi trong cách xử lý truyền thông và giao tế, nhưng chính cái khung chủ quan này sẽ trở thành một nhà tù, mà mỗi cá nhân sống như một con ngựa khi đã bị bịt mắt, thì chỉ biết đi về một hướng, hướng của người nài ngựa, ra lệnh cho nó. Đây là vấn đề của đất nước ta hiện nay, của loại tin tức một chiều, tạo ra các con người *nhìn mà không thấy,*vì muốn thấy thì phải có các chất liệu của kiến thức, của nhận thức, của ý thức, cả ba cũng là chất liệu của niềm tin. Có những kẻ giàu có, khi ra đường thấy đồng bào mình nghèo đói mà không thấy thương tâm, lại còn tỏ vẻ khinh miệt. Nhìn mà không thấy, không thấy thì không hiểu, không hiểu được thì làm sao thương được? Tình thương luôn là cơn mưa, xuất hiện để tưới mát niềm tin, làm cho những hạt giống tốt đẹp của niềm tin có thể nảy lộc, đâm chồi ngay trên những mảnh đất khô cằn vì khổ đau.

Trong những năm qua, triết học luân lý đã mở đường cho xã hội học đạo lý trong điều tra, nghiên cứu, điền dã và diễn luận về các hành động trong xã hội dựa trên các tình cảm luân lý, được củng cố bởi những lý luận luân lý, mà khi có được các lý luận này thì con người đã nắm trong tay ba nguyên tắc cốt lõi: nguyên tắc thể hiện luân lý trong cách hành xử hàng ngày; nguyên tắc phán đoán bằng luân lý các chuyện đang xảy ra trong xã hội; nguyên tắc sử dụng luân lý một cách cụ thể vào cuộc sống. Đây là một sự đồng thuận có sức nội kết vững, sức kết lý cao, để xây dựng và bảo vệ niềm tin. Cả ba nguyên tắc này được hỗ trợ bởi một sự đồng thuận khác: *đạo lý* (éthique, nguyên ngữ là *ethos*từ tiếng Hy Lạp), và *luân lý* (morale, nguyên ngữ là *more*từ tiếng La tinh), đạo lý dẫn ta về hướng *hay, đẹp, tốt, lành*; luân lý dắt tay ta trên con đường nhận ra *bổn phận* và *trách nhiệm* đối với gia đình, cộng đồng, xã hội, và quốc gia. Có vài tác giả phương Tây cho rằng đạo lý trú trong phạm trù cá nhân, luân lý ẩn trong phạm trù tập thể, khi một đạo lý cá nhân được đám đông công nhận thì nó trở thành luân lý. Câu chuyện chính của chúng ta trong bài này là niềm tin, và niềm tin vừa là đạo lý, vừa là luân lý ngay trong thưởsơ sinh của nó. Bền hơn nữa, niềm tin là cầu nối huyền diệu giữa hai loại đạo lý: *đạo lý khuôn phép (éthique normative)* nói lên những gì ta phải làm trong cuộc sống, và *đạo lý mô tả (éthique descriptive),*hướng dẫn ta thấy các đặc thù, đặc điểm, đặc sắc của mỗi phán đoán về đạo lý. Vì phán đoán đạo lý về giáo dục không phải là phán đoán đạo lý về văn hóa, vì phán đoán đạo lý về tôn giáo không phải là phán đoán đạo lý về chính trị; như vậy ta tránh được các hiểu lầm “*trống đánh xuôi, kèn thổi ngược*”,“*ông nói gà, bà nói vịt*”,“*râu ông, cắm cằm bà*”*.*Vững hơn nữa, đạo lý và niềm tin luôn đồng thuận trong phạm trù của giá trị, giá trị đòi hỏi con người *tin* vì *lý*, dùng *lý* để *luận*, rồi dùng luận để củng cố cái tin, nhưng phải nói rõ là giá trị đạo lý của niềm tin hoàn toàn khác với các giá trị của khoa học thực nghiệm, vì giá trị đạo lý của niềm tin không mang ra thí nghiệm được. Chuyện lạ là dù không thí nghiệm được nhưng nó có mặt trong xã hội, trong cộng đồng, trong nhân sinh như một hằng số, vừa phổ biến trong quan hệ giữa người và người, vừa cụ thể trong ước nguyện, hoài bão, lý tưởng của mỗi cá nhân. Trong những công trình nghiên cứu gần đây của tâm lý học xã hội và xã hội học hành động, ta thấy rõ có hai hệ vấn đề khác nhau trong nhận định về giá trị. Các trường phái của Mỹ thì lập ra chủ thuyết *core value,* dựa trên *self-reliance (ta chỉ tuỳ thuộc vào ta)*, khi nhận diện, đánh giá, phán đoán về các hành động của mình. Khác hẳn với Âu châu, nghiên cứu giá trị theo ba hướng được sắp xếp vào một cấu trúc luận với ba định đề: có một quan hệ hàng dọc giữa những giá trị khác nhau, tức là có những giá trị này quan trọng hơn những giá trị kia; mỗi giá trị có định hướng riêng của mình tức là có cách hành động riêng; mỗi giá trị lại được tổ chức theo hệ thống riêng, nếu muốn thực hiện được giá trị này thì phải nắm được ba yếu tố chính là: *con người, thời gian và hành động*. Một người có thể giải thích chớp nhoáng niềm tin của mình, nhưng cần thời gian và hành động hiệu quả để biến niềm tin của mình thành thực tế. Các kinh nghiệm diễn luận này yêu cầu chúng ta phải công nhận là có nhiều giá trị khác nhau, có nhiều giá trị khác nhau, có nhiều niềm tin khác nhau, đạo lý của cá nhân có khi không phải là luân lý của tập thể, như vậy có niềm tin, vẫn chưa đủ, muốn niềm tin này sống còn thì phải phân biệt hai loại phán đoán khác nhau: phán đoán để đánh giá đạo lý của mỗi giá trị và phán đoán để đánh giá mỗi thực tế của cuộc sống. Tổ tiên ta rất rõ về hai cách phán đoán này, và để lại những dấu ấn xuất sắc trong phong cách đạo lý giữ nước của Việt tộc. Trong đời Lý, dân tộc ta có một kiện tướng: Lý Thường Kiệt. Khi phán đoán để đánh giá xong ý đồ *thâm, độc, ác, hiểm* của nhà Tống là xâm lăng nước ta, thì phán đoán đã biến thành quyết đoán trong thực tế: đánh địch trước khi địch đánh ta, ngăn chặn ý đồ chiến tranh của địch ngay trên đất địch. Ngay trên thượng nguồn, ta đã không cho phép địch biến quê hương đất nước ta thành bãi chiến trường. Về chiến thuật quân sự cũng như về cách vận hành địa lý, đánh trước để tạo bất ngờ, để tạo yếu tố quyết định chắc thắng trên chiến trường; về bản lĩnh quân sự cũng như về chiến tranh tâm lý, Lý tướng quân nói cho quân và dân ta biết là ta không hề sợ Hán tặc, vì chúng ta “*đi guốc trong bụng*”của chúng nó.

**Niềm tin, nhân trí**

Thanh Tâm Tuyền, ngọn núi xa tắp của thơ tự do, dòng thác thâm lực của văn xuôi cận đại, cũng là thi sĩ của sự mất niềm tin sâu thẳm, luôn vấn nạn giống nòi bị dẫn dắt bởi những ý thức hệ bạo ngược, đã có một định nghĩa thật đẹp về niềm tin: “*… Giật mìn ngay những vùng trời riêng rẽ*… *ta chui xuống hố cá nhân*, *ôm ngày mai vào lồng ngực*, *tình yêu làm giáp sắt*, *ta rút về chiến khu*, *pháo đài dựng lên tua tủa niềm tin*, *nguyện chiếm lại đại lộ bờ cây tâm sự…*”*.*Trong niềm tin có hai chuyện cốt lõi: *ngày mai*và *tình yêu,*tình yêu đây vừa là tình yêu đôi lứa, vừa là tình yêu đồng loại, nếu cần chúng ta sẽ có *hố cá nhân,*có*chiến khu,*có*pháo đài dựng lên tua tủa,*để bảo vệ cho bằng được niềm tin*,*nếu không bọn *thâm, hiểm, độc, ác* sẽ tính chuyện *giật mìn ngay những vùng trời riêng rẽ*của chúng ta*.* Nguồn cội của niềm tin vẫn là lý trí của con người trước những thử thách của vũ trụ, của thiên nhiên, của xã hội, của chuyện sống còn trong nhân sinh; nếu chúng ta muốn nhân tính bám trụ sâu trong nhân tâm, thì chúng ta phải dựa trên ba cái gốc: kinh nghiệm được chuyển hóa thành kiến thức; kiến thức được xét nghiệm bởi đạo lý; đạo lý được kết tinh bởi ý thức, mà ý thức này giờ đây đã trở thành hải đăng cho niềm tin. Trong triết học phân tích, khi Hume xây dựng lý thuyết của kiến thức, đã nhận định rằng có lẽ lý trí của con người được thể hiện qua cuộc sống cũng để phục vụ những hoài bão của nhân tính, cho nên mỗi cá nhân trong chúng ta khi hành động, đều có cái *lý* về hành động của mình, cái lý có thể tới từ động cơ tình cảm, con người không bao giờ duy lý một cách máy móc tuyệt đối. Sau một thế kỷ, lý thuyết duy lý đã trở thành chủ thuyết duy lý hiện đại, tìm cách giải thích các hành động, qua lăng kính của cái *lý*; các công trình gần đây của Coleman đã lập được nhịp cầu cho chủ nghĩa duy lý cá nhân đến gần với quyền lợi của tập thể, khi tác giả này nhận ra mọi hành động duy lý đều có cách giải thích riêng cho nó, rồi tự nó thuyết phục nó, và nó có sức thuyết phục với tất cả người xung quanh, vì nó biết mang tư lợi lên *cân, đo, đong, đếm* với các hậu quả tốt và xấu trước khi hành động, mà không cần kêu cứu các chủ thuyết khác về văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng, tâm linh… giải thích hộ nó. Hành động duy lý tự mình lý giải được những việc mình làm, chủ thuyết duy lý này cho rằng các cách giải thích dùng thượng đế, siêu hình, dị đoan… đều mơ hồ, đều không có chỗ đứng để tạo được một niềm tin đứng đắn, chỉ làm tối đen thêm nhân cách. Tổng kết hơn một thế kỷ học thuật, chủ thuyết duy lý đã tìm đủ mọi lý lẽ để đánh đổ những niềm tin mù quáng, cuồng tín, huyền hoặc; gần đây lại được sự hỗ trợ của *tri thức luận*, được củng cố mạnh mẽ bởi *thần kinh học* mà trong giới học thuật hiện nay đã đặt hẳn cho nó một cái tên gọn hơn: *khoa học bộ óc*. Dứt khoát giải thích là mọi chuyện giữa người với người đều là chuyện giữa những bộ óc; thượng đế, thần linh, mê tín… bị đẩy lùi như những giả thuyết, có cũng được, mà không có cũng được. Nhưng các tác giả của chủ thuyết duy lý này dường như chưa đào sâu hai loại duy lý trong nhân sinh: duy lý dựa trên trật tự của luân lý và duy lý dựa trên thông minh cá nhân, vì có những tình huống, có những thế thái nhân tình mà hai loại duy lý này xung đột, đối chọi, khử trừ nhau. Việt Nam nằm trong cái nôi chung, cạnh Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, trong khu vực *tam giáo đồng nguyên (Khổng, Lão, Phật),* có đạo thờ ông bà, nhưng vắng mặt Ấn Độ giáo, và trong giáo thoại của đạo này có truyền thuyết Gaita, xử lý rồi lý giải sự xung đột, đối chọi, khử trừ nhau giữa duy lý dựa trên trật tự luân lý và duy lý dựa trên thông minh cá nhân. Gaita là một bài học mà người thầy Krisna giảng cho môn sinh mình là Azura, chuyện lạ là bài học này không diễn ra trong một lớp học, mà xảy ra trên một chiến trường, và như mọi chiến trường, luôn có hai bên: địch và ta, với chiến tuyến phân định rõ rệt. Bên ta có thầy Krisna điều binh khiển tướng, với sự trợ lý của của môn sinh Azura, vừa quan sát, vừa học binh lược của thầy mình. Bài học đầu tiên thật dễ hiểu: ta phải diệt địch, nếu không địch sẽ diệt ta. Nhưng các bài học tiếp theo thật khủng khiếp: khi binh lính của địch tới gần, qua trực quan mình Azura nhận ra có người mình quen biết, đây là hàng xóm, kia là bạn bè; kinh hãi hơn là tướng tá của địch quân lại là bà con quyến thuộc của mình, rồi từ kinh hãi qua thất kinh, khi môn sinh Azura khám phá ra vị chỉ huy tối cao của địch quân, đứng trong hậu đài giật dây cả một chiến trường không ai khác hơn là người thầy kính yêu của mình: Krisna. Người thầy tuyệt vời không ai khác hơn là tên phản bội vô cùng thâm độc. Các bạn trẻ của Việt tộc, ta rút ra được gì trong bài học này? Một bài học vô cùng quý báu, qua *phương pháp luận đột biến thay ngôi, đổi vị* của Krisna, người thầy này dặn mọi môn sinh phải luôn luôn tỉnh táo để luôn luôn cảnh giác, nhất quyết không rơi vào chuyện đặt niềm tin một cách vô điều kiện với bất cứ ai, với bất cứ ý thức hệ nào, với bất cứ đảng phái nào, với bất cứ lãnh tụ nào. Kết thúc bài học này là lời tâm sự của người thầy Krisna với môn sinh Azura: “*Tại sao con tin thầy một cách mù quáng vậy? Tại sao con không để lý trí thông minh cá nhân của con tự đặt một giả thuyết là thầy cũng có thể là tên phản trắc vô luân!*”. Các bạn ơi, đừng để bất cứ một niềm tin vô điều kiện nào làm cho lý trí sáng suốt cá nhân của ta bị thui chột; đừng để sự thông minh của mình bị bóp chết từ trong trứng nước bởi một niềm tin mù quáng về ngôi thứ, về vị thế của kẻ lãnh đạo mình. Nếu các bạn muốn bảo vệ sự thông minh của mình, thì trước hết phải có tự do cá nhân của riêng mình, tự do trong tư duy sinh ra độc lập trong hành vi, tạo ra tự chủ trong hành động. Có một bài học khác trong Phật giáo, xa cái bạo động của chiến trường, vắng cái hung tàn của chiến cuộc, nhưng dạy ta thật nhiều chỉ số và chỉ báo trong việc giữ niềm tin một cách sáng suốt, đó là phạm trù giáo khoa trong bài học trước khi Phật qua đời: *Hải đảo tự thân*. Khi biết Phật sắp qua đời, nhiều môn sinh đã khóc, vì họ bi quan, khi thầy mình qua đời, thì mình sẽ bị mất từ tuệ giác tới tâm linh, từ kiến thức tới kinh nghiệm, từ lý luận tới phương hướng; nhân sinh quan, thế giới quan, vũ trụ quan của tăng đoàn sẽ ra sao? Sẽ đi về đâu? Và Phật đã giảng bài *Hải đảo tự thân,*trong đó lời khuyên chính là mỗi cá nhân phải độc lập trong tư duy để tu thân; phải tự chủ trong hành động để phòng thân; phải chủ động trong nhân cách để lập thân, theo Phật luận vững chắc của *từ, bi, hỷ, xả*. Một bài học duy lý, xa màu sắc tôn giáo, đem lập luận nhân lý gần hơn nữa với lý luận của lý trí khoa học, một bài học đầy nhân trí, xa thần linh, tránh thượng đế, nơi mà mỗi *thân* là một *đảo,* bị bao vây bởi đại dương, nhưng vẫn biết đứng vững vàng trước mọi giông tố. Bài học *Hải đảo tự thân,*Nguyễn Trãi đã làm được theo phong cách của riêng mình, từ chính trị tới binh lược, từ lý luận tới luân lý, từ chuyện chờ thời trong những năm ròng tại Đông Quan, tới chuyện án binh cũng trong nhiều năm dài trên núi Chí Linh. Chuyện chờ đợi thời cơ, không phải là chuyện khoanh tay, ngồi yên, thụ động, mà nó dựa trên cái sáng suốt của *lý*, cái tỉnh táo của *trí*, chờ đợi trong chủ động, có cân nhắc, có tính toán, chuyện này rất rõ trong lập luận của cụ Ức Trai “*Đố trời mà biết thời, lại có chí để thành công, đợi thời chờ dịp, giấu sắc giấu tài, ăn thường nếm mật, ngủ thường nằm gai*”*.* Bọn quân Minh ngoại xâm dù mạnh, dù nhiều tới đâu, ta sẽ thắng chúng bằng kiên trì trong chiến đấu, bằng bền gan trong thử thách, bằng vững tâm trong trầm luân. Các bạn à, Nguyễn Trãi đã để lại một dấu ấn sâu đậm trong nhân cách giáo lý Việt tộc qua chữ *nhẫn*.

**Niềm tin, nhân lý**

Quang Dũng, dòng suối êm ả nhưng bền bỉ chảy qua bao địa danh của Việt tộc, cũng là đôi mắt sâu thẳm của thi ca nhìn thấu mọi địa lý của quê hương có lúc phải thành chiến trường của bọn thực dân thế kỷ vừa qua, gởi niềm tin của mình trong chiến dịch *Tây Tiến*, hẹn ngày về lại Thủ đô thân yêu, như hẹn với chính niềm tin của mình, trong bài *Sông Mã:*“*… Mắt trừng gởi mộng qua biên giới/ Đêm mơ Hà Nội dáng Kiều thơm…*” Tin là tin vào một cái lý, rồi biến *lý lẽ* thành *lý tưởng*, có nội công của ước vọng, có bản lĩnh của hoài bão. Khi niềm tin đã có chỗ đứng trung tâm trong tư duy, con người chấp nhận thử thách; như vậy quá trình nuôi niềm tin vẫn là quá trình *duy lý hoá nhân sinh quan* của mỗi người trong chúng ta, muốn đưa cuộc sống thăng hoa. Trong thử thách những lý lẽ vững nhất sẽ biến thành nhân lý, sống sót qua trầm luân, những lý lẽ vững nhất này sẽ vừa là kết luận của nhân sinh quan, vừa là chỗ dựa cho mọi thế giới quan, từ đó làm nguồn cội của mọi hành động. Một niềm tin không phải là một mô hình cứng ngắc như một khuôn bánh, mà nó linh động, luôn tìm cách hoàn chỉnh hóa, lúc nó được gặp gỡ các niềm tin khác, có thể *hay, đẹp, tốt, lành* hơn nó. Việt tộc ta hãy nhìn hàng xóm láng giềng để học họ. Sức mở của toàn cầu hóa là sức mạnh của thế giới hóa niềm tin, một bối cảnh vô cùng thuận lợi để ta trau chuốt các niềm tin đã có nơi ta, kiến thức mới mỗi ngày tới ồ ạt qua các mạng truyền thông, dẫn theo không những các kinh nghiệm lành, các sáng tác đẹp, các tri thức tốt, các khám phá hay của nhân loại, hãy chế tác chúng thành năng lượng của nhân tâm Việt tộc, hãy dựa vào sức mạnh mới *nhân chủ*(dân chủ của dân chủ) của toàn cầu hóa để hiện đại hóa *nhân tâm* (nhân tính của nhân tính), để chuyển hóa chính mình, từ xã hội qua môi trường, từ trí tuệ tới sáng tạo. Niềm tin là thượng nguồn trong mọi sáng tạo của tư duy, hãy biến nó thành sáng tạo ngay trong cuộc sống của dân tộc ta, đẩy nó lên cao theo chiều hướng tốt đẹp của nhân phẩm. Các trí thức của Việt tộc nên tâm nguyện rằng niềm tin còn là một biểu đồ dựng nên một hệ thống tri thức hướng dẫn mỗi cá nhân trong quan hệ xã hội, mà các quan hệ xã hội này ẩn tàng những đồ án tương lai của dân tộc; và những đồ án này nếu được công nhận là *hay, đẹp, tốt, lành*, thì chúng sẽ trở thành một hệ thống của đạo lý, mặc dù luật pháp và chính trị không nhắc gì tới chúng, cũng chỉ vì không theo kịp chúng. Chưa là thực tế của xã hội, nhưng niềm tin đã trở thành một loại *tình cảm luân lý*, với niềm tin vững vàng được hỗ trợ bởi các giá trị, không cần phải tuyệt đối duy lý, vì niềm tin này được trợ lực bởi một giá trị vô song khác: *nhân phẩm*, làm người một cách toàn diện nhất, làm người một cách cao đẹp nhất*.*Habermas, nhà triết học giải thể được các hiệu lực của truyền thông, nhà xã hội học giải mã được các hiệu quả của đối thoại, đứa con yêu quý của học thuật Đức, một quốc gia ngày càng vắng bóng các nhà tư tưởng gia vai vóc; ông luôn nhắc nhở ta khi tìm nội dung của một truyền thông, của một cuộc đối thoại thì phải đi tìm ba nội dung sau đây để hiệu quả hóa niềm tin của ta trước các quan hệ giữa người và người: *Tiềm năng tri thức* trong truyền thông và đối thoại qua kiến thức làm nền cho lý luận và ý thức; *tiềm năng truyền đạt* qua tính thuyết phục của ngôn ngữ dựa trên quyết đoán của nhân tính; *tiềm năng luận thuyết*qua cách tận dụng niềm tin đưa trình độ tin tức của người nghe hoặc người đối thoại lên mức độ cao rộng của đạo lý. Ba tiềm năng này quyết định tính chính xác và sáng suốt của lời nói, của cách sử dụng các phương tiện truyền thông. Ý kiến của Becker về cách xử lý các kinh nghiệm của truyền thông và đối thoại củng cố lý luận này, và ông đề nghị hẳn một mô thức truyền đạt tính hữu dụng (*modèle de l’utilité espérée*, *the utility maximizing approach*) dựa trên các kinh nghiệm không phải chỉ là những dữ kiện bình thường, mà là một mô hình có chỗ dựa của các lý luận nội chất của niềm tin, chỉ đạo các hành động duy lý, làm nhân sinh quan cho mọi quyết định, một loại nhân sinh quan mà ai cũng có thể hiểu được, mà không cần phải kêu gọi các cách giải thích khác ngoài niềm tin này. Như vậy, nội chất tri thức của lý lẽ giúp ta hiểu được quá trình hình thành một quan điểm trong cuộc sống, nơi có nhiều cá nhân với các quan điểm vô thưởng, vô phạt; mà cũng là nơi có nhiều chủ thể có trách nhiệm từ lời nói tới lý luận, có bổn phận từ tri thức tới phương pháp truyền đạt, có ý thức từ đạo lý tới quyết định. Tức là có niềm tin, có nhân tâm. Các tác giả hiện đại của chủ thuyết duy lý, từ cách xây dựng quan điểm tới cách xây dựng niềm tin, đều đồng ý với nhau là có nhiều khác biệt giữa *thứ tự của giá trị* và *thứ tự của sự thật*, nhưng cả hai đều được xây dựng bằng một hệ thống duy lý được lý luận, lập luận, chứng minh, tổng kết qua đó các phán đoán về giá trị là các phán đoán về các sinh hoạt của con người, tùy thuộc vừa vào hoàn cảnh của thực tế, vừa vào mức độ và trình độ của mỗi cá nhân. Cho nên, tất cả các sinh hoạt thất bại của con người tới từ sự sai lạc về niềm tin, ngay trong cách xây dựng cái *lý* làm *lõi* cho niềm tin; vì vậy trong thực tế: tình thương yêu đã thành chiến tranh, lý tưởng đã thành ích kỷ, cách mạng đã thành tham nhũng. Hãy suy diễn sâu hơn: nếu cứu cánh biện minh được cho phương tiện, thì phải chứng minh toàn bộ cứu cánh đó qua toàn diện của sự thật; vì vậy tất cả phương tiện đều đáng ngờ vực, đều đáng nghi ngại, khi nó không được chứng minh toàn hảo bởi cứu cánh của nó trong thực tế; xảo thuật chính trị không phải là giá trị phổ biến của nhân sinh. Mọi hành động phải có ba chỗ dựa sau đây: *giá trị của niềm tin, tri thức về xã hội, hiểu biết về thực tế*; nếu một hành động mất ba chỗ dựa này thì sẽ trở thành một loại hành động khó giải thích, khó thuyết phục, khó thông cảm được. Cái *lý* phải đi với cái *nhân*, bản thân cái nhân không phải chỉ đi với cái *hay, đẹp, tốt lành*, mà còn phải nhập nội với cái *thật, thực, đúng, trúng* trong nhân sinh*.*

Việt tộc có một người thầy thật đáng quý trọng, hiền tài tin yêu của Hải Dương, chủ thể tinh hoa của Hải Phòng, giải tỏa cái mù mờ, cái mất phương hướng, cái mất niềm tin của Nguyễn Hoàng, nhà tiên tri thông suốt mọi thăng trầm của thời Trịnh Nguyễn phân tranh: Nguyễn Bỉnh Khiêm. Nếu đánh giá cụ Bạch Vân chỉ qua tài năng tiên đoán của cụ, cũng còn bất công với cụ, phải thấy rõ cụ hơn qua câu chuyện nhân tâm của cụ trong chuyện giữ niềm tin. Vì chuyện nhân đức trong nhân tính của Việt tộc được cụ viết rất rõ qua giáo dục, giáo khoa, giáo án, giáo trình của cụ dành cho nhân dân sống quanh bên cụ. Qua đó, cụ báo động cho nhân dân biết là bọn quan lại trong triều Lê, xung quanh chúa Trịnh là bọn chỉ thấy tư lợi, mà không đau đáu với số phận của đất nước đang lâm nguy tới tận gốc rễ. Nếu Nguyễn Bỉnh Khiêm và Mạnh Tử gặp được nhau, họ sẽ rất tâm đắc, vì họ đặt nhân dân họ trên vua, trên vương, trên triều của họ. Niềm tin phải dựa trên chân trời của đạo lý, chính đạo lý tạo ý nghĩa cho niềm tin, cái *hay* muốn được lâu dài, nó phải được công nhận là *tốt* trong quan hệ xã hội, cái *đúng* trong pháp luật, rồi phải thành cái *trúng*, cái chính xác trong pháp hành. Luật pháp phải có định nghĩa rõ ràng về cái *đức* của nó, một cái đức có ba rễ: trách nhiệm, bổn phận, quyền lợi. Sự *ân cần*, chỗ dựa của *tương trợ*, luôn cần trách nhiệm, bổn phận để xây dựng công bằng của pháp lý, nó vượt qua quan hệ giữa hai cá nhân, vì nó tới từ nhân lý theo nghĩa bao trùm nhất, nó là cội của quan hệ xã hội, nó là gốc của định chế, nó là rễ của dự phóng tương lai để đưa cuộc sống về hướng thiện. Hoàn cảnh, lời hứa, niềm tin khi kết tụ thành nội kết bền vững với thời gian, sẽ làm xuất hiện ra cái *ai?* chứ không phải cái *gì?*;vì cái *ai?*thuộc về cái *nhân*;còn cái *gì?* thuộc về vật *chất*. Giữ lời hứa như giữ niềm tin là giữ bền bỉ cái *nhân*qua không gian, qua thời gian, qua biến thiên của kiếp làm người, nó khác xa cái hằng số trong vật chất, của cái*gì?*chỉ dựa trên cái tính toán lâu dài của tư lợi. Ngược lại, cái *ai?*của cái *nhân*là cái “*đá mòn nhưng dạ chẳng mòn*”*.*

**Niềm tin, tỉnh ngộ**

Trần Dần, thi sĩ không nguôi bất khuất, đứa con tin yêu của chân lý nhân tâm, thi pháp tỏa sáng giữa bóng đêm bạo lực, một con tàu nhân tính đơn côi trong lòng muôn hải lý nhân sinh, luôn nhắc chúng ta phải hàng ngày canh giữ nhân tâm: “*Bỗng nhói ngang lưng, máu rỏ xuống bùn*. *Lưng tôi có tên nào chém trộm… Ôi cả nước! Nếu mà lưng tê lạnh*. *Hãy nhìn xem: có phải vết dao?…* ”.Bọn người phản bội không những là bọn “*chó cắn trộm*” như ông bà ta đã dặn dò con cháu, mà chúng còn có thể nhẫn tâm *chém trộm,*chúng sẵn sàng giết người vì tư lợi*.*Trong nhận định các dạng thể hiện của cái lý, Kalberg thấy xuất hiện hai loại *lý*, loại thứ nhất được điều khiển bởi *giá trị*, loại thứ hai được điều khiển bởi cứu cánh của *tư lợi*, như vậy một niềm tin có giá trị đạo lý thuộc loại thứ nhất, và chúng ta phải luôn luôn cẩn trọng với loại thứ hai, vì nó có thể núp sau lưng, hoặc núp ngay trong lời lẽ tốt lành của loại thứ nhất để giật dây, để thao túng, để tha hóa các niềm tin có giá trị đạo lý. Đối với loại thứ hai này, với nhân cách giáo lý Việt tộc, ông cha ta đã lột mặt nạ nó, đó là loại không những “*thừa nước đục thả câu*” mà còn tồi tệ hơn nữa trong cách ứng xử “*mượn đầu heo nấu cháo*”;chúng luôn khai thác tình huống “*đục nước béo cò*”với cái ích kỷ thấp hèn của chúng “*ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau*”*.*Các thành viên của Việt tộc thân yêu: niềm tin nhận trách nhiệm, còn tư lợi chỉ tìm lời; niềm tin kham bổn phận, còn ích kỷ tránh trách nhiệm các bạn à. Khổng giáo hiểu rõ chuyện này trong hệ vấn đề trật tự: *quân, sư, phụ*, ở đây tri thức của *sư* vừa làm nền, vừa làm cầu nối giữa *quân* và *phụ*, tri thức chuyển tải không những kiến thức của luân lý, của đạo lý, mà còn là chiều cao của tâm linh trong lịch sử của một dân tộc. Có ba nguyên tắc về đạo lý khi con người chuẩn bị các hành động của mình: nguyên tắc về giá trị và quyền lợi phải *bình đẳng* cho mỗi cá nhân, nguyên tắc *bình quyền* trước của cải của mỗi cá nhân, nguyên tắc *chống bất công* bằng luật pháp cụ thể. Chỉ cần hiểu rõ ba nguyên tắc này là chống được chuyện hối lộ tham nhũng của các lãnh đạo hiện nay, tránh luôn được chuyện công an uy hiếp nhân quyền, loại được luôn phản xạ tranh giành quyền bính trong việc tổ chức chính quyền. Khi nghiên cứu về thể chế của dân chủ, Tocqueville có nhận định là giá trị của niềm tin không phải luôn luôn là một chọn lựa hoàn toàn duy lý, cá nhân có yêu thích khác nhau trước các định đề của dân chủ và cộng hoà: *công bằng, tự do*, *bác ái,*người này thích cái này, thì người khác thích cái khác, đa nguyên về giá trị là bản chất của dân chủ, chính cái đa nguyên khi nhập vào quan hệ xã hội với danh chính ngôn thuận của nó dựa trên ích lợi chung của tập thể, giúp ta hiểu được là xung đột về quyền lợi luôn luôn có, nhưng cũng luôn luôn được trọng tài bởi nguyên tắc ích lợi chung của tập thể. Luận thuyết công lý của Rawls từ nửa thế kỷ qua làm sáng tỏ chuyện này: mỗi cá nhân có quyền như nhau trước hệ thống pháp luật với quyền tự do căn bản được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quyền tự do căn bản này là mặt bằng của tất cả nguyên tắc của công lý, mọi người như nhau về tự do, về quyền lợi. Chuyện đặc quyền, đặc ân, đặc lợi cho đảng viên trong khi bổ nhiệm nhân lực do ĐCSVN độc tôn, độc trị, độc ban bố là chuyện hoàn toàn bất bình thường và bệnh hoạn không những đối với dân chủ và cộng hòa, mà cũng đối với công lý và pháp luật; vì nó đi ngược lại cái công bằng trong chuyên môn, chuyên ngành, chuyên nghề lúc bố trí nhân sự, thậm chí nó còn chống lại nhân lý và nhân trí. Một phán đoán có *nhân lý* là một phán đoán rất cụ thể dựa trên một *nhân trí* rất dễ hiểu là: muốn người ta tôn trọng mình thì mình phải tôn trọng người ta, như vậy *nhân phẩm* mới có chỗ dựa là *nhân đạo.*Arendt đề nghị luôn trong triết học chính trị là luật pháp phải bảo vệ chúng ta trước các bất công tới từ kẻ khác, và phải bảo vệ luôn tất cả kẻ khác trước các bất công tới từ chúng ta. Các lãnh đạo của ĐCSVN, các đại biểu Quốc hội, các chức trách của bộ công an phải nghiệm, phải niệm, phải suy về điều này, vì khi tự cho mình đặc quyền, đặc ân, đặc lợi là đã tạo ra bất công, đã diệt niềm tin của dân tộc đối với mình. Một chế độ bất công là một chế độ tự cho phép mình làm ba việc bất chính dưới ba chiêu bài: lý lẽ của nhà nước (raison d’Etat), luân lý giáo điều của chính quyền (moralisme d’Etat), lập luận của chủ nghĩa phụ quyền (paternalisme d’Etat). Khi Stuart Mill phân tích về tự do, ông yêu cầu tất cả chính quyền phải xem tự do là nguyên tắc của đạo lý: “*Không khó gì để ta chứng thực được, bằng nhiều thí dụ, khi ta nghe nói về sự cấm đoán của một loại công an luân lý, khi tự do vô cùng chính đáng của cá nhân bị chà đạp, tự do này là một nhân quyền phổ biến nhất của nhân loại*”. Đi làm cách mạng vì muốn đòi tự do cho mình, khi cướp được chính quyền thì chà đạp lên tự do của kẻ khác, của dân tộc, hỏi sao dân tộc không mất niềm tin nơi mình! Tự do là nội công của niềm tin, niềm tin là bản lĩnh của tự do.

Tất cả mô hình luân lý chính quyền đều bất chính nếu các mô hình trọng ta mà không trọng người; bắt kẻ khác theo luật chơi của mình, mà không cần biết là đạo lý của người khác có thể công bằng hơn, công lý hơn, tức là thông minh hơn mình, là một loại vô minh nguy hiểm. Nếu yêu cầu kẻ khác tôn trọng giá trị của mình thì mình phải thể hiện đầy đủ là mình hiểu, mình thông, mình thấu các giá trị của kẻ khác; còn chưa hiểu cái hay, đẹp, tốt, lành của kẻ khác, thì ít ra cũng phải hiểu một cái mà trong đạo đức học gọi là: *đạo lý tối thiểu (éthique minimaliste),* tức là tuyệt đối không hãm hại, không quấy nhiễu, không trù dập, không đè nén kẻ khác. Còn muốn hiểu *đạo lý tối đa (éthique maximaliste),* cũng rất dễ: phải thương dân chúng đang đói nghèo, phải giúp người khác trong hoạn nạn, phải nâng đỡ đồng loại trong khó khăn. Xã hội học phân định rõ có hai loại người trong xã hội vắng niềm tin, rỗng lòng tin: *loại cá nhân nguyên tử* *(atomistes)* nhỏ như nguyên tử, thì sống trong xã hội chỉ để thực hiện các tư lợi của mình; *loại cá nhân tụ đàn* *(holistes)* sống và giao số phận mình cho đám đông định đoạt. Từ xa xưa trong cổ triết hy lạp, Aristote đã phân tích rành mạch là: nếu niềm tin là cơ sở của đạo đức, thì trong đạo đức luôn có một phần cảm xúc, phần này là thiết yếu vì có cảm xúc, tức là đã có cảm nhận về nhân đạo, cảm động về nhân tâm; cho tới nay những nhà tư tưởng hiện đại vẫn đồng ý với cách diễn luận này. Một niềm tin đúng luôn được kèm theo một tình cảm luân lý đúng, cả hai tạo điều kiện tốt cho *nhân sinh* đi vào hướng *nhân phẩm*. Như vậy khi ta xét nghiệm về cái đạo của đức, thì ta phải công nhận là có một *nhân lý* bắt buộc ta tôn trọng của công và sẵn sàng hy sinh của tư. Khổng giáo còn nói rõ hơn: có *chức* phải có *đức.*Chỉ cần một câu này, và nếu thực hiện một cách thành thực và liêm sỉ là sẽ vệ sinh hóa, sạch sẽ hóa được ĐCSVN. Niềm tin được xây dựng vừa trên ý thức của xã hội, vừa trên ý thức của luân lý, chuyện đầu tiên là cái lý về chủ quyền: các của cải trong xã hội, các tài nguyên trên đất nước là của chung của dân tộc, không phải của riêng tôi, và nó sẽ không bao giờ là của tôi nếu tôi muốn trao truyền các của cải, các tài nguyên của đất nước này cho các thế hệ mai sau, như tổ tiên của tôi đã làm cho thế hệ chúng tôi. Cái lý chủ quyền về của chung, giúp cho tôi sống chung được với đồng bào tôi, giúp mọi người bảo vệ được công bằng, và bảo trì được công lý; tức là bảo đảm được niềm tin. Ngược lại cái *bất công* sinh ra cái *bất bình*, không chóng thì chầy sinh ra cái *bất nhẫn*, nạn nhân của *bất tín,*lúc đó niềm tin đã bị nạo rỗng, nhường chỗ cho sự vùng dậy để đòi lại *nhân phẩm*, sự vùng lên để lấy lại *nhân tâm*. Thẳng lưng vùng dậy để chống bất công luôn lấy năng lượng đấu tranh từ trong chuyện xây dựng lại niềm tin.

Gần đây, trong nhân gian ta, ngoài đường trong phố, cũng như các chuyên gia quốc tế đang theo dõi tình hình Việt Nam, có cùng nhau một nhận định và đã biến nó thành *bi kịch diễn luận* về tình hình đất nước ta hiện nay: “*Theo Trung Quốc thì còn Đảng, nhưng mất Nước; theo Mỹ thì còn Nước, nhưng mất Đảng*”*.* Câu này, tưởng có tri giác nhưng thật ra vẫn mờ ảo vô minh, tưởng minh bạch nhưng vẫn bày biện vô tri. Theo Trung Quốc thì mất Nước là chắc rồi, nhưng Đảng cũng không còn, nếu một Đảng mà chỉ có phản xạ “*quỳ lạy để triều cống*” thì không phải là một Đảng mà chỉ là một nhóm Việt gian. Theo Mỹ nếu Mỹ đúng, nếu Mỹ có cách hỗ trợ Việt Nam đúng từ chính trị tới quân sự, nếu lương tri người Mỹ đồng thuận với nhân tâm Việt tộc, cả khi Mỹ đặt vấn đề *nhân quyền,*thì đây là cách đặt vấn đề đúng, vì vấn đề nhân quyền không phải là của riêng Mỹ, mà là chuyện của cả nhân loại văn minh hiện nay, vì *nhân quyền* là *nhân trí*, là *nhân đạo*, là *nhân tâm* là *nhân chủ.*Vào cuối thế kỷ qua, khi biết tôi đi lần mò nghiên cứu sử học về chuyện “*triều cống*” của Việt tộc trong suốt quá trình giữ nước của tổ tiên ta, chỉ vì ta muốn sống hòa bình, yên nước, yên dân, trước ý đồ xâm lăng thường xuyên của Hán triều, ông cha phải nhận “*lệ triều cống*”*,*tôi muốn hiểu rõ cách “*dựng cảnh, theo tuồng*” trong vở kịch khó chấp nhận đối với nhân cách giáo lý Việt tộc, có lần bác Hoàng Xuân Hãn giải thích với tôi: “*Khi qua tận thủ đô Trung Quốc để làm việc triều cống, thì vua Tàu ngồi trên, đoàn sứ giả ta vừa phải ngồi dưới, vừa phải ở thế quỳ lạy để dâng tặng các đồ vật triều cống. Nhưng ông cha ta dặn nhau là khi phải quỳ lạy, thì bày ra bài vị của tổ tiên ta, đặt ở kế bên, và chỉ quỳ lạy hướng bàn thờ, vong linh tổ tiên ta mà thôi, không quỳ lạy về phía vua Tàu*”*.*Các trí thức, các sinh viên, các thanh niên, các chính khách sắp lãnh đạo đất nước này trong tình thế hiện nay nên nhớ là: từ nay chúng ta cũng vậy, sẽ không bao giờ quỳ lạy trước bất cứ một cường quốc, một ngoại bang nào!

*Kỷ (và) niệm Cách mạng Tháng Tám.*

Thư mục và công trình của tất cả tác giả được trích trong tiểu luận này có đầy đủ trong bộ sách *Anthropologie du Vietnam (Nhân học Việt Nam),* Lê Hữu Khoá, nhà xuất bản Les Indes Savantes, collection Anthropol-Asie. Paris.

**Nhân Việt. N°4**

(Nhân cách giáo lý Việt tộc)

**Nhân quyền-nhân trí**

***(nhân sinh tìm nhân lý)***

*Gánh giông tố nhân sinh, tìm nhân lý, tin nhân trí,*

**Tặng NGUYỄN THỊ NGA**

Chỉ có một kiếp để làm người -trước và trong- cũng chỉ một cuộc đời, chúng ta muốn gì? Chúng ta muốn *nhân quyền* mở cửa đón *nhân trí*, rồi nhân trí nắm tay dắt nhân quyền đi xa về hướng lành, đi rộng vào hướng tốt, đi sâu vào hướng hay, và đi cao lên vào hướng đẹp. Nhân quyền không phải là một đường lối chính trị, cũng không phải là một ý thức hệ, nó cũng chẳng phải là một đặc sản văn hoá của phương Tây; nó là lõi của *nhân phẩm*, r**ễ** của *nhân đạo*, cội của *nhân tâm*, nguồn của *nhân tính*, không có nhân quyền làm nội dung thì tất cả những định nghĩa về: *nhân phẩm, nhân đạo, nhân tâm, nhân tính, nhân lý, nhân đạo, nhân nghĩa*… đều là những định nghĩa thiếu sót, hụt hẫng, què cụt, thui chột… Nhân quyền là nội công của nhân trí, nhân trí là bản lĩnh của nhân quyền; mọi chính quyền, mọi chính phủ, mọi đảng phái, mọi lãnh đạo không tôn trọng nhân quyền không những phản lại: nhân tâm, nhân lý, nhân đạo, nhân tính, mà phản lại luôn cả tiến bộ và văn minh. Nhân quyền cũng không phải là một lý thuyết đúng để chỉ đưa nó vào hiến pháp một cách mơ hồ, để đó rồi quên đó, mà nó là chuyện thực tiễn hàng ngày từ giáo dục tới bảo hiểm xã hội về sức khoẻ và y tế, từ chuyện tự do phát biểu tới chuyện tự do truyền thông, tự do theo nghĩa thực nhất, sâu nhất, rộng nhất, cao nhất, dày nhất, tức là theo nghĩa thông minh nhất. Ý lực của nhân quyền còn nằm ở một chỗ khác: không có nền tảng của nhân quyền thì mọi định nghĩa về lòng yêu nước sẽ mất chỗ dựa, đòi hỏi người ta hy sinh để bảo vệ Đất Nước, mà không bảo vệ nhân quyền của người ta thì chỉ là trò lừa đảo, xảo trá. Ý lực của nhân quyền là một sức mạnh thật sự, và nó hướng dẫn các lý luận, các lập luận, các diễn luận của tiểu luận này, và tác giả còn xin được đi xa hơn: không có *nhân quyền* thì chắc chắn là *nhân cách* sẽ bị đe dọa, rồi hư hao, dẫn tới què quặt, nếu nhân cách được định nghĩa theo nhân phẩm, vì chính nhân phẩm làm ra phong cách cho một cộng đồng, làm ra tư cách cho một cá nhân. Như vậy đừng nói nhân quyền là chuyện viển vông, nó là chuyện của *thân*, của *tâm*, của *trí* trong mỗi cá nhân; là chuyện *đạo lý* và *luân lý* của một quốc gia; vì nhân quyền là phương hướng chủ đạo của kiếp làm người, muốn làm người thì phải loại ra khỏi môi trường nhân sinh của mình cái kiếp *«nửa dơi, nửa chuột»*, *«người không ra người, ngợm không ra ngợm»*. Như vậy, *nhân quyền là phẩm của nhân, nó là tri của tâm, nó là lý của trí*. Đối với người Việt Nam chúng ta, nhân quyền là một phạm trù tri thức của hệ liên kết: vừa của cả Việt tộc, vừa của mỗi người Việt, tất cả người Việt sống trong và ngoài xã hội việt. Muốn có nhân quyền thì phải đấu tranh, nhưng thực chất của một xã hội có nhân quyền là một *xã hội bảo đảm sự an toàn* cho mọi người, từ sức khỏe tới trường học, từ tự do tới bình đẳng, mà an toàn được hiểu theo nghĩa bảo toàn, bảo an, bảo đảm. Điều này rất rõ trong bản tuyên ngôn quốc tế nhân quyền năm 1948, điều 22, của Pháp, quê hương khai sinh hai cuộc cách mạng cho nhân sinh - cách mạng dân chủ và cách mạng nhân quyền: *«Mỗi người là một phần tử của xã hội được quyền hưởng mọi bảo hiểm xã hội».* Hiện nay, lực lượng lãnh đạo nào quên câu này là có lỗi, đảng phái nào muốn xoá bỏ nội dung này là có tội với dân tộc, với đất nước họ.

**Nhân quyền, từ nhân tâm****lãnh đạo**

Trong một quốc gia mà chính quyền thực sự muốn *«xoá đói, giảm nghèo»,* tức là chính quyền đó muốn xoá các vết chàm, vết thẹo, vết bẩn của dân tộc đó; Nhật Bản đã làm được, Hàn Quốc đã làm xong, Trung Quốc đã làm được thật mạnh và đang thành công trong ba mươi năm qua, Việt tộc cũng nằm trong khu vực văn hóa Tam giáo đồng nguyên như họ, vẫn chưa làm được, tại sao? Chỉ có hai giả thuyết hợp lý: một là dân ta kém, hai là lãnh đạo sai. Hai giả thuyết nhưng thật sự chỉ có một câu trả lời: nếu một dân tộc kém mà lãnh đạo giỏi, thì lãnh đạo phải làm cho dân khôn lên, khá lên, như vậy mọi chuyện đường lối trên đời này đều từ khả năng lãnh đạo mà ra. Vì, muốn thắng *«xoá đói, giảm nghèo»,* thì phải thắng cho bằng được *«nghèo nàn, lạc hậu»,* bằng nhân trí*,* vì nếu nhân trí mà loại được lạc hậu, thì nó sẽ khử luôn nghèo nàn. Muốn lãnh đạo thì phải có *nhân trí của nhân lý. Trí* của *lý* là *trí «nhìn xa, trông rộng», trí* của cái *khôn* (*người khôn chưa đắn đã đo, chưa ra tới biển đã dò nông sâu),* đây là định nghĩa dành cho chữ *trí* của những người muốn lãnh đạo. Không có lập luận này rõ ràng trong tư duy lãnh đạo thì đừng lãnh đạo! Hãy cụ thể hóa tiền đề này, vì tiền đề này không rõ trong đầu của một số **lãnh** đạo hiện nay: một lực lượng muốn lãnh đạo một quốc gia, của một dân tộc, thì trước hết phải biết làm cho được chuyện lãnh đạo một xã hội; một chính quyền trong thực tế hàng ngày, trước hết là một chính quyền đối với một *đời sống xã hội*, đối với tất cả *sinh hoạt xã hội*. Vì xã hội là chân tướng của một quốc gia, hình hài của một dân tộc. Tên gọi của chính quyền đó đã có hơn một thế kỷ nay: *«Welfare Stade», «Etat-providence»*, một chính quyền biết bảo trợ dân nghèo, biết bảo đảm an toàn lãnh thổ, biết bảo an công bằng xã hội. Bảo trợ, bảo đảm, bảo an bằng đường lối chính trị lãnh đạo của mình, tức bằng *trí* của mình. Bảo trợ, bảo đảm, bảo an tức là bảo hiểm. Chính quyền phải làm công tác bảo hiểm cho toàn xã hội, thì ai sẽ làm bảo hiểm cho chính quyền? Người bảo hiểm cho chính quyền chính là *chân lý của* *nhân quyền*, biết dùng *nhân trí* để lập ra *nhân đức*, giờ đã là một tổng thể *nhân-trí-đức,* sẽ thể nghiệm, sẽ kiểm nghiệm, sẽ xử lý mỗi cá nhân lãnh đạo qua tiêu chuẩn *nhân-trí-đức* của nó*;* tất cả được gạn lọc đầy đủ từ ứng cử tới bầu cử, được kiểm soát toàn bộ qua công pháp và tư pháp, cơ chế này có tên gọi là *dân chủ*, anh (chị) em sinh đôi với *nhân quyền*. Đây không phải chỉ là chuyện của Việt Nam, mà là chuyện của tất cả các chính quyền đang có mặt trên mặt đất này. Như vậy công cụ chân chính của một chính quyền biết bảo trợ, bảo đảm, bảo an, bảo hiểm cho xã hội là gì? Thứ nhất là dùng công cụ bảo hiểm qua *luật pháp và định chế*, cùng lúc có các chính sách bảo trợ vĩ mô, từ kinh tế tới giáo dục, từ tài chính tới y tế… Thứ nhì là dùng công cụ bảo hiểm qua *quy định của tự do* được tạo ra từ ba thế quân bình của nhân quyền: bảo đảm tính mạng và tương lai của mỗi cá nhân tức là mỗi thành viên trong xã hội; chính sách bảo trợ xã hội dựa vào sự đóng góp của toàn xã hội, làm nền tảng cho ngân sách quốc gia; chính sách lãnh đạo bảo vệ quyền lợi của cá nhân, kể cả những biến cố xấu có thể tới với cá nhân này, bằng các định chế tương trợ, trong đó y tế và kinh tế đóng vai trò bảo hộ. Cả ba công cụ chân chính này đều bị xoá mờ trầm trọng trong xã hội Việt Nam hiện nay, vì nó bị đục khoét hằng ngày từ trong trứng nước bởi ba tệ nạn: tham nhũng, hối lộ, bè đảng; ba tệ nạn này như trọng bịnh, lại còn đeo theo ba ung thư: lãnh đạo không tôn trọng nhân tâm, chuyên môn không tôn trọng nhân trí, công an không tôn trọng nhân quyền. Trí lực của một chính quyền là dùng tài lực của xã hội để bảo vệ cá nhân, đây là một định nghĩa sắc nhọn của phạm trù nhân quyền; xã hội như vậy không còn là một cộng đồng mộng tưởng, một tập thể huyền ảo mà là chỗ dựa cho mọi cá nhân, từ một chính quyền biết dùng tài sản xã hội để bảo trợ cho mỗi thành viên, mỗi cá nhân. Xã hội từ một định nghĩa mơ hồ, giờ đã là xã hội cụ thể của mỗi cá nhân và của tất cả các cá nhân (*société des individus*). Nếu không còn những đe dọa về sinh mạng, sức khoẻ, bệnh tật, thì xã hội đó sẽ đi về hướng *hay, đẹp, tốt, lành*, ngày càng văn minh, cho nên định nghĩa *nhân quyền* được nâng lên cao một bật nữa, và *nhân trí* kích thích được chuyện này: không những *bảo hiểm cho mỗi cá nhân, mà còn phải lo phát triển năng khiếu, tiềm năng của mỗi cá nhân.* Và nếu khai thác thành công năng khiếu, tiềm năng này, thì chính mỗi cá nhân sẽ phục vụ khôn ngoan hơn, sẽ đóng góp tốt lành hơn cho xã hội của họ, cho gia đình của họ, cho định chế của họ. ĐCSVN tự cho độc quyền bảo vệ giai cấp công nhân, nhưng thực tế hàng ngày thì đàn áp giai cấp này một cách thô bạo nhất từ các cuộc biểu tình chống bóc lột, đòi hỏi an toàn lao động, chống lại các chính sách thụt lùi mới về bảo hiểm xã hội. Cấm các công đoàn tự do sinh hoạt cùng lúc bắt bớ các lãnh đạo của các công đoàn tự do của ĐCSVN là một hành vi phản nhân quyền mà hằng ngày các hội đoàn nhân đạo báo cáo thường xuyên với các hội đồng của Liên Hiệp Quốc. Thậm tệ nhất cho Việt tộc là ĐCSVN đã đàn áp công nhân bằng phản xạ *«thượng đội, hạ đạp»,* đội lên các tập đoàn ngoại quốc mà họ nhận hối lộ, trong đó đa số là Trung Quốc, đạp xuống nhân quyền của đồng bào lao động của họ, những nhận định này rất rõ trong các kết quả điều tra quốc tế về quyền lao động trên đất nước này. Những tên bồi bút, những kẻ đang xuyên tạc cho rằng nhân quyền là *«diễn biến hòa bình là ý đồ xấu của phương Tây»;* họ có biết là họ *tục, tệ, tồi* như thế nào không trước thế giới và trước nhân cách giáo lý của Việt tộc? Những kẻ này không bao giờ đủ can đảm xuất hiện trong các hội nghị, hội thảo, hội đàm cấp quốc tế để lý luận, để lập luận, để diễn luận rõ ràng quan điểm của họ, họ rất sợ lộ chân tướng *gian, xảo,lừa lận* của họ trước thế giới, trước tiến bộ, trước văn minh. *«Diễn biến hòa bình»* là một cụm từ vô nghĩa nếu không lấy nó ra mà tranh luận cho tới nơi tới chốn; nếu sử dụng ngữ văn loại này để chụp mũ, vu khống, thì tự biến cái khốn nạn của ngữ pháp thành cái khốn kiếp của kẻ giật dây nó, khi muốn *«gây oan, giá họa»* cho kẻ khác, biến cái khuyết tật của một tư duy vô minh *«gà què ăn tựa cối xay»,* thành cái tư cách vô tri *«khôn nhà, dại chợ»* của mình*.* Không có *tư cách* thì làm sao có *nhân cách*, không có nhân cách thì làm sao *hiểu, thấu, tiếp, nhận*, để thương *nhân quyền* được. Khi bọn người này còn *xum xoe* xung quanh các bộ máy lãnh đạo độc đảng, độc tôn, độc quyền, thì Việt tộc ta bao giờ có *nhân trí*? Bao giờ được hưởng *nhân quyền*? Nhưng nhân quyền có thể tới từ nhân tâm lãnh đạo!

*Đề nghị 1. Nhân quyền từ nhân tâm lãnh đạo: chính các lãnh đạo của ĐCSVN phải tìm lối ra bằng cách cho nhân quyền và nhân trí một định nghĩa cao đẹp nhất, tức là đầy đủ nhất và thông minh nhất để đưa xã hội Việt Nam vào hướng tiến bộ, dân tộc vào lối văn minh, theo lẽ phải của toàn cầu hóa hiện nay, chỉ có cách này mới tránh được xung đột trong xã hội và nội chiến trong dân tộc.*

**Nhân trí, từ cá thể dân chủ**

Phạm trù chính quyền nắm xã hội, đã đi tới phạm trù chính quyền bảo vệ và thăng hoa cá nhân, *nhân loại* đã hưởng nó từ hơn hai thể kỷ nay, cách mạng dân chủ sánh vai cùng cách mạng công nghiệp, cách mạng khoa học kỹ thuật song hành cùng toàn cầu hoá tri thức và *nhân quyền* đang hiển hiện trước mắt mọi người, đây toàn là chuyện thực sự, thực tế, thực tiễn; kẻ nào nói ngược lại, không ngoan cố thì cũng thuộc loại cực đoan, không ngụy biện thì cũng thuộc loài lừa đảo. Phạm trù chính quyền bảo vệ và thăng hoa cá nhân, không phải chỉ là hệ vấn đề của cá nhân, mà là lĩnh vực tích cực nhất của định nghĩa về chủ thể, vì ở đây cá nhân không còn đơn thuần là cá nhân, mà đã trở thành *tác-nhân-sản-suất-của-xã-hội*, vì chính họ nuôi sống xã hội qua kinh nghiệm, qua kiến thức, qua ý thức, qua chân tài, qua đạo lý của nhân quyền trong họ, để nâng cao xã hội của họ lên. Hai quốc gia có bề dầy về cách mạng dân chủ, và cách mạng công nghiệp là Anh quốc và Pháp quốc, có những nhận định khác nhau về vị trí, vai trò, chức năng, quyền hạn của mỗi cá nhân. Tại Anh quốc, Beveridge phân tích rằng: nếu xã hội bị chủ nghĩa cá nhân dẫn dắt, thì chính quyền được phép điều chỉnh lại chủ nghĩa cá nhân đó, vì nó có thể sinh ra chủ nghĩa ích kỷ, và chính quyền có thể điều chỉnh nó vừa qua định chế, vừa qua pháp luật, để cho đời sống xã hội có chỗ đứng cho tập thể, để sinh hoạt xã hội bảo vệ được cộng đồng. Tại Pháp quốc, Jouvenel lập luận khác: nếu trong xã hội đã biết lo cho cá nhân, thì xã hội đó phải chấp nhận có cạnh tranh, có thi đua, có xung đột quyền lợi giữa các cá nhân, chuyện chính là kẻ lãnh đạo phải biết mở con đường tiến thân cho những kẻ có tài. Nếu trong xã hội đã có chuyện bất bình đẳng, thì kẻ lãnh đạo nên nhu thuận theo trình độ của mỗi tầng lớp xã hội mà bảo đảm tốt chuyện gặt hái các thành quả xã hội của họ theo hướng đi lên, để mỗi tầng lớp xã hội này được đổi kiếp của họ theo hướng cao đẹp; thâu chuyện bất bình đẳng nhỏ dần, ngắn dần, để chuyện bất bình đẳng không thành hố sâu không lấp được trong xã hội. Muốn làm được việc này thì phải bảo đảm được vấn đề công ăn, việc làm; cùng lúc lo đầy đủ vấn đề bảo hiểm xã hội. Những kẻ lãnh đạo bất tài thường viện ba cái cớ để không làm các việc mà Beveridge và Jouvenel đã phân tích, cớ của họ là: *«nói dễ, làm khó»,* *«lực bất tòng tâm»*, *«cái khó bó cái khôn»,* nhưng những kẻ này *lừa người chưa được nên vội lừa mình*, vì sao? Vì nhân quyền có nội dung lý luận thực tiễn của nó, vì nhân trí có tiềm năng diễn luận thức tế của nó. Chính quyền được sinh ra từ thượng nguồn là để bảo an lãnh thổ quốc gia, nhưng muốn tồn tại trong chính nghĩa thì chính quyền đó phải có kiến thức để làm ra luật, vừa bảo vệ tiền đồ của dân tộc, vừa bảo đảm sự phát triển của xã hội, cho nên chính quyền vừa là nền móng quốc phòng, cũng vừa là động cơ của nhân trí trong mọi chính sách phát triển. Nhưng có chính quyền khôn và có chính quyền dại, một chính quyền khôn là một lực lượng lãnh đạo xem dân tộc mình không phải chỉ là một tập hợp dân chúng đồng loạt *«cá mè một lứa»,* mà là tổng thể thông minh của những chủ thể sáng tạo, *«mỗi người, mỗi vẻ»,* đủ trí tuệ để sử dụng lao động của mình với kỹ thuật tinh tế, đưa năng suất lên cao, đưa hiệu suất vào rộng trong sản xuất. Như vậy nhân quyền đã được định nghĩa ngay trong lao động, đây không phải là chuyện hư ảo, mà là sự thực, giờ đã thành sử của nhân loại: các dân tộc thành công trong chuyện này, họ có văn minh vì có dân chủ; họ có tiền của vì có tiến bộ. Khi phân tích về các dân tộc thành công này, các chuyên gia tìm thấy có ba nội chất nhân quyền trong nhân trí của họ: biến lý trí thành hiệu năng, biến bình đẳng thành đạo lý, biến tự do thành chính sách; ba động lực này đủ sức vừa đẩy lùi được nghèo nàn, lạc hậu, vừa dẹp bỏ được mê tín, dị đoan. Các xã hội thành công này luôn có các chính quyền tôn trọng cá nhân, trước hết là họ biết giáo dục về ý thức cho mỗi cá nhân, một ý thức có bổn phận với cộng đồng, có trách nhiệm với tập thể, dùng tự do của mình để sáng tạo, đưa xã hội vào hướng hay, đẹp, tốt, lành. Như vậy, nhân quyền đã được trợ lực bởi nhân trí, nơi mà mọi người được sống trong một không gian vừa có *cá nhân tính*, vừa có *xã hội tính*, không lạc lõng trong cơ chế, không mồ côi trong định chế; vì chính quyền của họ khi nắm quyền lực đã biết tin tưởng và trao truyền được các kiến thức văn minh cần thiết tới mỗi cá nhân, để cá nhân được sáng tạo trong lao động với tư cách của chủ thể. Chủ thể khi hành động với kiến thức và ý thức, tức là chủ thể đó đã vào đúng quỹ đạo tiến bộ của nhân loại, và *cá-nhân-quyền* đã nhờ *«an cư lạc nghiệp»* nên đã tạo ra được tiền đề cho chuyện *«trong ấm, ngoài êm »* cho chính quyền. Một chính quyền khôn đủ lực để đưa cá nhân ra khỏi không gian của chủ nghĩa bản năng *«ăn tươi, nuốt sống»*, ngày càng tới gần với không gian của ý thức *«ăn coi nồi, ngồi coi hướng».* Các dân tộc thành công chuyện này là nhờ chính quyền của họ đã xây dựng được một nội dung nhân quyền qua *cá thể xã hội,* một cá thểbiết chấp nhận, biết tuân thủ, biết bảo quản các quy định của tập thể, của cơ chế, của luật pháp. Đào càng sâu vào các thành tích về văn minh, xới lên các thành quả về nhân quyền của nhân loại, chúng ta phải nhận diện rõ một nội lực khác của *nhân tính* là sự *cùng hợp tác,* như một *tổng lực,* từ cá nhân tới gia đình, từ tập thể tới cộng đồng, từ công đoàn tới đảng phái… trong tất cả các sinh hoạt xã hội, trong bối cảnh một sự vận hành lớn của nhân sinh. Cùng hợp tác trong sản suất để cùng chia sẻ trong thành công, *«đồng hội, đồng thuyền»,* đây vừa là chỗ dựa, vừa là sức bật của nhân quyền. Thực chất thì đây là sức mạnh *«quang minh chính đại»* của dân chủ, vì dân chủ là một thể chế độc nhất của con người với đúng tên gọi *«đường đường chính chính»* của nó, vì tên gọi của nó dựa trên « *luật chơi, trò chơi và sân chơi »* của chính nó tạo ra, từ ứng cử tới bầu cử trong một tam quyền phân lập, có định kỳ và có kiểm tra. Những ai đã sống trong các thể chế dân chủ nhận ra rất rõ cái trò *«lập lờ đánh lận con đen»* của các chế độ độc tài, độc đảng, không dân chủ mà dám nói mình là dân chủ, thì chỉ là loại *«ăn gian, nói dối».* Sự xúc phạm trắng trợn nhất cho Việt tộc hiện nay là cái bệnh hoạn của hiến pháp *nhập nội* với cái ung thư của lập pháp. Điều 4 trong hiến pháp áp đặt ĐCSVN là lực lượng duy nhất lãnh đạo dân tộc Việt Nam, mà hiện đang bị các liên minh nhân quyền thế giới xếp hàng đầu trong các hiến pháp phản nhân quyền nhất của nhân loại, thể hiện cùng cái ung thư lập pháp, để biến cái *độc đảng* trong hiến pháp thành cái *độc quyền* trong quốc hội, một xảo thuật để biến 10% số lượng đảng viên trong tổng số của dân tộc của một đất nước gần một trăm triệu dân, để giữ hơn 90% số ghế dân biểu trong quốc hội; một chuyện không thể có trong một chế độ thực sự dân chủ. Chúng ta ước mơ cho Việt tộc một điều: một cá thể xã hội trọn vẹn và thông minh, đầy đủ và sáng suốt phải là một cá thể dân chủ thực sự.

*Đề nghị 2. Nhân trí từ cá thể dân chủ phải được ghi nhận và thực hành được từ hiến pháp tới luật pháp, từ giáo dục tới lao động, từ kinh tế tới chính trị… phải được chính quyền, chính phủ, công nhận từ hành chính tới định chế, từ đào tạo tới bổ nhiệm, từ bầu cử tới truyền thông… trong một hệ đa nguyên được bảo đảm từ hiến pháp tới lập pháp, từ tư pháp tới công pháp, từ chính quyền tới pháp quyền.*

**Nhân trí, môi sinh của nhân quyền**

Nhân quyền là hải đăng cho mọi đường lối chống độc tài, tìm văn minh,hỗ trợ cho dân trí làm sức bật của mọi quốc sách của một chính quyền, để có được lực lượng lãnh đạo thông minh, khôn ngoan trên con đường pháp triển đất nước. Chính quyền thực sự được dân tộc bầu ra chắc chắn họ sẽ không có phản xạ đàn áp dân chúng họ bằng một chính quyền do một đảng, một nhóm đưa ra; chính quyền thực sự được dân tộc bầu ra có phản xạ bảo vệ dân hơn một chính quyền do một đảng, một nhóm đưa ra; đây là sự thật của nhân sử, chân lý của nhân sinh, kinh nghiệm của nhân lý. Nhân quyền khi trở thành đường lối, thì nó khẳng định được mọi cá nhân đều là chủ thể, độc lập trong tự do và tự chủ trong bình đẳng; chắc chắn các xung đột giữa các cá nhân sẽ có, và định chế sẽ có mặt, từ hành chính tới luật pháp, từ kinh tế tới giáo dục, để xử lý và giải quyết các mâu thuẫn về quyền lợi giữa các cá nhân này. Khi công nhận điều này, thì một chính sách thực sự dựa trên nhân quyền là một chương trình trực tiếp chống độc tài, chống độc đảng, chống độc tôn, đây là đường đi, lối về của chính trị vì nhân tâm nên bảo vệ nhân quyền, vì nhân đức nên bảo vệ nhân trí, tất cả sẽ cùng nhau bảo vệ nhân phẩm. Việt tộc không thể nào để việc lấy bạc tỷ để xây các tượng Hồ Chí Minh trong vài tỉnh hiện nay, qua đó các lãnh đạo từ trung ương tới địa phương mượn cớ để biển thủ, để bòn rút, để chấm mút… trong khi nợ công ngày càng ngập đầu mà chưa có cách giải quyết, trong khi các con em chúng ta trên nhiều vùng của đất nước thì học trong các trường ốc mà mái trường không biết bao giờ sẽ sụp trên đầu các em, bao giờ nước lũ sẽ cuốn trôi lớp của các em. Cả nước đều thấy giáo dục bị sa đọa một cách tồi tệ, cùng các điều kiện vật chất trường lớp xuống cấp một cách quá tệ hại, mà lớp học ở một số nơi còn thua chuồng thú, và càng đi lên cao trong khu vực đại học thì đầy dẫy chuyện: học giả, thi giả, bằng giả… Các em học sinh, sinh viên thương yêu, nhân cách giáo lý Việt tộc dạy ta đoàn kết với nhau trong khi sa cơ: *«sẩy cha, còn chú», «sẩy mẹ, bú vú dì»;* trong toàn cầu hóa giáo dục hiện nay, các em sẽ có các hùng lực của các giáo khoa, giáo trình, giáo án của thế giới tới từ *các chú, các dì* có thể rất xa về địa lý, nhưng nhờ qua mạng thông tin toàn cầu hóa, mặc dầu họ không cùng thống tộc, không cùng họ hàng, không cùng văn hóa với Việt tộc, nhưng nhân lý của họ hay nên giáo lý của họ tốt, giáo dục của họ đẹp vì dân chủ nhân tính của họ lành, các em cứ tìm họ mà học, học cái *hay, đẹp, tốt, lành*, dù từ xa tới còn hơn cúi đầu *«lãnh đủ»* cái tồi, xấu, thấp, hèn của một chế độ vô trách nhiệm với các em!

Một chủ thể độc lập trong tự do và tự chủ trong bình đẳng, thì ta không nên nhìn các cá nhân chỉ qua hành động của họ, mà phải xem đây là *môi sinh nhân trí* của mỗi cá nhân, ngày càng rộng theo sự pháp triển của kiến thức, của truyền thông, của khoa học kỹ thuật. Môi sinh nhân trí sinh ra *môi sinh tự lập* *cá nhân*; chuyện này rất rõ trong nhân cách giáo lý Việt tộc: tu thân để phòng thân, phòng thân vì biết thủ thân, thủ thân để lập thân, lập thân để tiến thân, đây là quyền làm cá nhân, quyền làm chủ thể, quyền làm người rất bình thường và chính đáng, nếu một lực lượng lãnh đạo không thực hiện được việc này cho mỗi cá nhân, thì họ chưa hiểu, chưa thấu được *hệ vấn đề môi sinh của nhân quyền*. Trong một môi trường xã hội có văn minh vì biết bảo vệ mọi cá thể, luôn luôn có hai thực thể đi đôi với nhau: thực thể thứ nhất là sự có mặt của một chính quyền liêm chính quản lý các định chế hiện hữu trong pháp lý để bảo vệ tất cả các thành quả của tự do và dân chủ đã gặt hái được, từ đầu phiếu tới ứng cử, từ giữ gìn tri thức tới bảo hiểm xã hội… cùng lúc có thực thể thứ hai mang nội chất của tự do và công bằng, luôn ở thế tiến công, từ đòi hỏi tới đấu tranh, từ sáng tạo tới chỉnh đốn các cơ chế, đòi hỏi nhân quyền qua quyền làm người của mỗi cá thể. Chính quyền không những phải lo cho các cá nhân già yếu, mà phải lo luôn cho các cá nhân tật nguyền, lo trọn vẹn cho trẻ em và không quên bảo vệ phụ nữ trước các hậu quả bạo hành của nam giới… Các cuộc điều tra quốc tế so sánh về sức khoẻ cộng đồng các quốc gia trong khu vực châu Á Thái Bình Dương để lộ ra một nhận định bi ai về thể lực của người Việt, với chế độ dinh dưỡng kém, thể lực yếu, thân thể thấp, vắng bóng lạ thường trong tất cả các kỷ lục thể thao. Giống nòi Việt tộc đã, đang suy kiệt? Đây là trách nhiệm của một lực lượng lãnh đạo bất tài hoặc bất tâm, rút tài lực của nhân dân qua đường tham ô, tham nhũng, vô tình hoặc vô ý nạo rỗng thể lực Việt tộc, đây là một trong những hậu quả mất nhân quyền, thầm lặng, sâu kín nhưng quá trầm trọng cho mai hậu. Các số liệu về y tế, lấy ra từ báo cáo từ các bệnh viện: 7 người/ 1 giường, khu vực nhi khoa thì 6 trẻ/ 1 giường, đi kèm theo các lời than vãn của các người có trách nhiệm trong y giới: bệnh nhân ngủ trong hành lang, ngủ dưới gầm giường, điều kiện vệ sinh và điều trị thiếu nhân tâm, thiếu nhân phẩm. Thiếu nhântâm, thiếu nhân phẩm (ra) xuất phát từ cái vô tâm của chính sách, tới từ cái vô nhân của lãnh đạo.

Trong một môi trường xã hội có văn minh biết lo cho dân, tất cả những ai ở thế *yếu, kém, nhỏ, thấp* đều có quyền đòi hỏi một chỗ đứng ngang hàng với các kẻ mạnh, giầu, cao, lớn trong xã hội, trước mắt là qua luật pháp, giáo dục và y tế. Tự cho phép mình thường xuyên đòi hỏi để *luật bù trừ* được tính toán lại, quyết định lại, tổ chức lại ngày một công bằng hơn, mà mục đích chính là để bảo vệ các cá thể yếm thế trong cộng đồng, các cá nhân thất thế trong tập thể. Nhưng không có một cá thể nào đứng ngoài cộng đồng, cũng như đứng trên tập thể, tự cho phép mình lấy của công làm của riêng, cá thể luôn nằm trong tổ chức của xã hội, quyền năng của cá thể cũng như quyền lực của lãnh đạo, luôn được định nghĩa, định chất, định lượng từ quan hệ trong xã hội, qua các sinh hoạt của xã hội. Đây không phải là chuyện sống quây quần theo đàn, sống tự tồn theo bầy, mà sinh sống theo một tổ chức phức hợp, có giáo dục đi đôi với đạo lý, có kinh tế đi đôi với văn hóa, chữa bệnh đi đôi với phòng bệnh… Ở đây nhân tính làm nội lực cho nhân sinh, con người khi muốn sống chung với nhau, thì mọi kinh nghiệm du mục riêng rẽ vô tổ chức trước đó phải bị loại bỏ, giờ đây phải chấp nhận được quản lý bởi các định chế có đủ sức làm hai việc: bảo vệ sự bình đẳng về quyền lợi của mỗi cá thể, cùng lúc phải bảo đảm cả tài sản của mỗi cá thể đó, tài sản vật chất và tài sản sáng tạo. Khi định nghĩa về xã hội học, Durkheim khẳng định: cá nhân không những sinh ra *trong* xã hội, mà sinh ra *từ* xã hội, như vậy *xã hội tính* có chỗ trung tâm trong *cá nhân tính*; vấn đề của nhân quyền là bảo vệ cho bằng được cá nhân tính trước các bạo động của độc tài, trước các bạo hành của độc đảng, cùng lúc bảo vệ luôn xã hội tính của cá nhân, trước các thái độ vô chính phủ, trước các hành động vô trách nhiệm sinh ra từ bản năng ích kỷ của cá nhân. Chuyện Tố Hữu dùng công an riêng của mình, lấy danh nghĩa của ĐCSVN, chụp mũ tập thơ *Về Kinh Bắc*, rồi bắt và giam cầm tác giả tập thơ là thi sĩ Hoàng Cầm trong nhiều năm - khi mà ích kỷ khi đã nhập nội với ganh tỵ, thì tỵ hiềm sẽ keo sơn với tội ác - là một chuyện phản nhân quyền vô cùng đau đớn của giới văn nghệ sĩ Việt Nam dưới quyền lực lãnh đạo thô bạo, phản nhân quyền. Cũng như trước đó ĐCSVN đã truy diệt phòng trào Nhân Văn Giai Phẩm, sau cải cách ruông đất, một cách vô nhân đạo, không qua pháp lý vì không có nhân trí, không qua nhân lý vì không trân quý nhân quyền. Việt tộc nên luôn luôn cẩn trọng với một số thái độ thờ ơ, vô tâm đã có trong cuộc sống tập thể và cộng đồng hiện nay, cái tư duy *«ai chết mặc ai»* vừa phản xã hội tính, vừa phản cá nhân tính, không biết rằng *nhân sinh* luôn tùy thuộc vào *nhân tính*, mà nhân tính muốn trường tồn phải dựa vào *nhân tâm, nhân đạo, nhân phẩm, nhân đức*. Khi nghiên cứu các quan hệ xã hội giữa chính quyền và cá nhân, xã hội học nhận ra là mỗi lần sự tự chủ của cá nhân được củng cố, được phát triển thì có sự phân hoá trong tập thể, phải hiểu phân hoá ở đây theo nghĩa tích cực, tức là cơ chế của cộng đồng phải thích ứng, tùy nghi, nhu thuận để đủ sức quản lý các quyền tự chủ mới, các quyền tự do mới. Một chính quyền giỏi là một chính quyền làm được *«chuyện nước đôi này»:* không ngừng phát huy cácquyền tự chủ mới, các quyền tự do mới cho cá nhân, cùng lúc linh động tổ chức các cơ chế, luôn theo kịp các thể hiện nhân quyền mới sinh ra từ các nhân trí mới. Chính quyền giỏi này hiểu được một chuyện cốt lõi trong tổ chức xã hội là mỗi lần cá nhân được tôn vinh lên, thì quyền năng của xã hội cũng rộng ra, từ văn hoá tới pháp luật, từ giáo dục tới nghệ thuật… Vì muốn tăng quyền độc lập của cá nhân lên cao, thì cùng lúc phải đủ sức linh động quản lý xã hội sâu rộng ra. Cái bất công, cái bất bình đẳng của các xã hội có chính quyền độc tài, có chính phủ độc đảng là cái thô bạo chống lại tự chủ và tự do cá nhân, qua hành vi thô thiển hóa các tổ chức xã hội, dùng tuyên truyền để chống nhân quyền, dùng nhồi sọ để loại nhân trí. Gần đây, các thanh thiếu niên Việt Nam đã dùng internet qua hệ Youtube để nói lên hoài bão, ước mong, chí nguyện về tự do, dân chủ và nhân quyền của mình trước thế giới, trước nhân loại, trước toàn cầu hóa, đây là một cuộc *cách mạng nhân lý* rất thông minh, vì nó vừa cao, vừa sâu, vừa rộng, nó không những nói rõ được nhân cách giáo lý Việt tộc trong chuyện đừng *«lấy vải thưa mà che mắt thánh»* của một chế độ không tôn trọng nhân quyền, vì trong định nghĩa của nhân quyền thì: *lương tâm và liêm sỉ là một*, một tổng lực để tự bảo vệ mình, và cũng để bảo vệ đồng loại của mình, *«thương người như thể thương thân».* Hãy cùng nhau nhận định sâu hơn về dân chủ: *dân chủ thực luôn sinh ra nhân quyền thực*, (*có thực mới vực được đạo*, và *thực* không những là thực phẩm mà trước hết là sự thật) và khả năng của dân chủ là tôn trọng tính chủ động của cá nhân, từ học tới hành, từ làm ăn tới làm giầu, nhưng chính xã hội dân chủ đó sẽ hướng **dẫn** cá nhân bằng giá trị của đạo lý cao đẹp, của luân lý tốt lành, với các sinh hoạt tâm linh có nhân đạo, với các sinh hoạt văn hóa có nhân tâm, với các sinh hoạt nghệ thuật có nhân phẩm. Như vậy kẻ yếu sẽ không thành người bại; kể cả triệu phú, tỷ phú cũng được cứu vớt bằng kiến thức và ý thức, để không trở thành trọc phú. Mandeville nhận định *«cái đức công»* không sợ *«cái lợi tư»,* vì nó đi trên vai, trên đầu cái tham lam, cái ích kỷ, nó mở đường cho mọi người thấy chân trời của nó, để từ đó thế giới quan của cá nhân được rộng ra, để vũ trụ quan của cá thể được lớn lên; để nhân sinh quan của chủ thể được cao hơn.

*Đề nghị 3.* *Nhân trí là môi sinh của nhân quyền****,*** *phát huy nhân trí là phát huy nhân tính theo nghĩa toàn diện nhất, từ giáo dục tới y tế, từ văn hóa tới kinh tế… đặt tự chủ và tự do cá nhân làm trung tâm cùng lúc xây dựng một khung vừa rộng, một nền vừa vững về đạo lý cao đẹp, luân lý tốt lành, sinh hoạt tâm linh có nhân đạo, sinh hoạt văn hóa có nhân tâm, sinh hoạt nghệ thuật có nhân phẩm, và chính quyền phải nhận đầy đủ nhiệm vụ và trách nhiệm qua chính sách lãnh đạo, qua đường lối lãnh đạo của họ, được kiểm tra bằng một pháp quyền liêm chính.*

**Nhân quyền, từ cá thể nhân trí**

Mỗi lần nhân quyền được hiểu rộng ra, sâu ra, cao ra, thì định nghĩa về cá nhân được mở ra, mới ra, sáng ra; chính chuyện này làm cho ý lực muốn sống chung trong một xã hội phải luôn được điều chỉnh, được hoàn thiện, được cải tiến, từ quan hệ xã hội tới định chế xã hội, từ sinh hoạt xã hội tới tổ chức xã hội. Các biến động lớn của toàn cầu hóa hiện nay được kích thích bởi tự do truyền thông càng làm cho quá trình cá nhân hóa ngày càng nhanh, ngày càng mạnh; các nghiên cứu gần đây cho thấy lối ra và cách giải quyết phương trình nan giải này nằm trong một hệ vấn đề đôi: *xã hội hóa cá nhân* đi đôi với *cá nhân hóa bằng xã hội tính*. Xã hội hóa cá nhân là năng lực của xã hội chuyển hóa cá nhân theo hướng cùng hợp tác, cùng tham gia, cùng giải quyết, cùng chia sẻ các trở ngại của tập thể, các khó khăn của cộng đồng. Cá nhân hóa bằng xã hội tính là sự hiểu biết và tiếp nhận các ý thức, các đạo lý, qua giáo dục của gia đình, của học đường, của xã hội, để biết bảo vệ tự do và quyền lợi của cá nhân mình, nhưng cùng lúc phải *«biết người, biết ta», «biết trên, biết dưới», «biết trên kính, dưới nhường».* Nhân cách giáo lý Việt tộc giáo dưỡng rất sắc **sảo** hai chuyện này; nội công của Nhân Việt là ở đây. Đừng tránh né hệ vấn đề tự do cá nhân, mà thẳng thắn đặt nó vào trung tâm các chính sách lãnh đạo để phát triển xã hội, đưa dân tộc đi lên. ĐCSVN giữ thói quen ngăn chặn và kiểm duyệt, trừng phạt và bắt bớ… từ gần một thế kỷ nay, thì chỉ làm trò cười cho các thế hệ mai sau; trước mắt là làm trò hề trước thế giới văn minh. Bắt bớ các blogger, đóng cửa các blog, công an tưởng dùng bạo quyền một cách thô bạo thì không ai dám làm gì được mình, họ lầm! Hậu quả không lường được! Các cơ quan, các hội đoàn, các liên minh về nhân quyền của thế giới đã xếp lãnh đạo ĐCSVN vào loại lãnh đạo không có nhân tính, nhân đạo, nhân tâm, với một hệ thống công an mang vật tính, súc tính, man tính. Hiện nay, tất cả tội ác của công an không nằm trong biên bản của công an, không được quản lý bởi Bộ Công an, không được giám sát bởi chính quyền, dưới quyền lãnh đạo ĐCSVN, mà nó đã thành tư liệu, thống kê, thư viện, văn khố… trên internet với hằng triệu tin tức, phóng sự, dữ kiện, chứng từ… có hình ảnh, có âm thanh mà thế giới thấy rất rõ là nhân quyền bị chà đạp, miệt thị, phỉ báng bằng nhiều cách, rất vô tâm, rất bất nhân trên đất nước việt nam. Công an hằng ngày đánh chết người, hằng ngày hành hung, bạo động với nhân dân từ chợ ra đường, từ nông thôn ra thành thị, từ miền núi tới miền xuôi, từ nhà ga tới sân bay, từ chùa chiền tới nhà thờ … Các lãnh đạo ĐCSVN đang đưa Việt tộc đi về đâu? Trong khi nhân cách giáo lý Việt tộc thì rất rõ, được Nguyễn Trãi đúc kết đã thành mô hình luân lý: *«Đem đại nghĩa thắng hung tàn, lấy trí nhân thay cường bạo».* Chuyện này càng rõ trước mắt mọi người năm nay 2015: tổng thống Mỹ vui vẻ mở rộng cửa Nhà Trắng đón tiếp ký giả dân chủ và nhân quyền Điếu Cầy, tươi cười vui vẻ trò truyện trong một môi trường văn minh đầy nhân trí. Trước báo chí thế giới, các lãnh đạo Mỹ hiên ngang và nói thẳng, nói rõ về vấn đề nhân quyền trên đất nước Việt Nam trong sự *«yên lặng lắng nghe»* của các lãnh đạo Việt Nam, vì trong hệ vấn đề nhân quyền lãnh đạo Mỹ đã chủ động coi đây là chuyện trung tâm trong quan hệ của hai nước. Nhân cách giáo lý Việt tộc dạy chúng ta rõ chuyện này: *«đi với thầy tu mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy»,* mà trênthượng nguồn là *«trứng rồng lại đẻ ra rồng, điêu điêu lại đẻ ra dòng điêu điêu»,* cho nên ởhạ nguồn thì *«nồi nào úp vung nấy»…* Tự do cá nhân là nội lực vận hành của xã hội, tính chủ động cá nhân dẫn tới những phong trào tích cực làm tiền đề cho văn minh và tiến bộ, trực tiếp phục vụ cho nhân quyền và nhân trí, vì cá nhân giờ đã trở thành tác nhân trực tiếp làm ra kiến thức, tri thức, của cải, tiền tài cho xã hội. Khi một kiến thức mới ra đời, chúng ta phải tìm cho ra tác giả của kiến thức đó, để biết lýtưởng và hoài bão của tác giả này, để hiểu đúng nhân quyền của cá nhân này; như vậy, sau một doanh nghiệp phát đạt, phải thấy doanh nhân tạo ra nó, để hiểu thêm động cơ và quyền lợi doanh nhân này, để thấu rõ nhân sinh quan của doanh nhân này. Tự do cá nhân luôn dựa vào tư tưởng cá nhân, một lực lượng lãnh đạo khôn ngoan trước hệ vấn đề đôi *nhân quyền-nhân trí*, là một tập hợp tinh hoa hiểu được *gốc, rễ, cội, nguồn* của tự do, vì tự do không phải chuyện của giáo điều mà là kết quả tất yếu của nhân tính, không phải chỉ là khung của nhân sinh mà là nền của nhân phẩm. Tự do cá nhân không có sẵn trong bẩm sinh, mà tới từ sức mạnh của nhân loại luôn dùng văn minh để tự giải phóng mình, luôn dụng tiến bộ để tự chuyển hóa mình. Dunoyer phân tích rằng lịch sử của nhân loại luôn được sử dụng không những như *kiến thức*, mà còn được khai thác như một *tri thức* để chế tác *ý thức*, luôn tìm cách đưa nhân sinh đi theo hướng nhân phẩm. Khi lịch sử biến kinh nghiệm thành kiến thức, được hỗ trợ bằng đạo lý và luân lý, thì con người sẽ biết làm ra luật để bảo vệ cá nhân, tập thể và cộng đồng, luật không đơn thuần cho một giai cấp, không đơn giản cho một chế độ, mà là *bộ luật*, trong đó có luật hình sự và luật gia đình, có luật hành chính và có luật thương mại… tất cả được bảo trợ bằng hiến pháp, có chính thể của tư pháp, có công lực của pháp quyền. Spencer yêu cầu nếu làm luật để bảo vệ tự do cá nhân, thì đừng làm một cách hình thức, mà phải làm vừa cụ thể, vừa ở thế sẵn sàng, hễ chế độ mà thô bạo, hễ hành chính mà bạo hành, hễ công an và quân đội mà bạo động đe dọa tính mạng dân chúng, thì luật phải có mặt ngay, với luật sư chính thực, toà án công minh, để vô hiệu hóa ngay mọi bạo quyền. Như vậy, luật được làm ra để bảo vệ tự do cá nhân, phải luôn cụ thể, phải luôn ở thế sẵn sàng, đi cùng với một *chính quyền xã hội*, chính quyền này hoàn toàn ngược lại với loại chính quyền độc tài bằng quân đội, với loại chính phủ độc đảng bằng công an. Chính quyền xã hội bảo vệ cá nhân bằng chính sách sáng suốt của *hệ vấn đề sống chung* *(l’être-ensemble)* trong đó cá nhân chọn lựa tỉnh táo cùng sống chung với các cá nhân khác trong cùng một môi trường xã hội, trong đó tính mạng và tương lai của mỗi cá nhân được bảo đảm bằng luật. Dicey còn phân tích thực tiễn hơn: trong tiến trình bảo vệ tự do, luôn có sự xung đột giữa chủ nghĩa tập thể chống lại chủ nghĩa cá nhân, vấn đề không còn là bảo vệ tập thể và hy sinh cá nhân, mà xét xử nghiêm minh, lý của cá nhân đúng hay lý của tập thể đúng, tất cả phải dựa trên cái lý của nhân quyền và cái lý của nhân trí. Schatz công nhận rằng mỗi lần có xung đột giữa cá nhân và tập thể, thì phản xạ của xã hội là bênh vực tập thể, một phản xạ bất công *«cả vú lấp miệng em»*, sinh ra từ thói quen *«áo mặc sao qua khỏi đầu».* Trong nhân cách giáo lý Việt tộc, ông bà ta vẫn dặn dò con cháu *«sống có tình, có nghĩa»,* chúng ta xin tổ tiên được thêm vào một câu mới: *«sống có công bằng, xử có công pháp»* để giáo dục và bảo vệ cá nhân của cộng đồng và cả các thế hệ sau. Mill rất thực tế khi cho rằng chính quyền luôn tìm cách thao túng xã hội, giới hạn tự do cá nhân, để củng cố quyền lực của mình, nên có những bước lùi về nhân quyền trên một số quốc gia trong lịch sử chung của nhân loại; cho nên muốn thật sự bảo vệ tự do cá nhân thì lập ra các *luật ngăn trước (droit d’anticipation)* để làm rào chặn các khả năng của bạo quyền. Weber, cũng có nhận định này, và cảnh giác các lực lượng đòi hỏi tự do trong xã hội phải cẩn trọng với hành chính, nó như con dao hai lưỡi, và khi nó bị chính quyền độc tài biến thành công cụ thì nó trở thành quan liêu, bao cấp, sẵn sàng coi thường tính mạng, số phận và nhân phẩm cá nhân. Khi nghiên cứu về tổ chức hành chính cai quản các sinh hoạt xã hội, Schumpeter có thêm vào nhận định khác: một doanh nghiệp không thể có, nếu không có doanh nhân**;** hành chính cũng vậy không thể có nếu không có các cá nhân; chính các cá nhân điều hành bộ máy hành chính và các cá nhân sử dụng bộ máy hành chính, sẽ đấu tranh làm thay đổi tệ quan liêu, tục hủ lậu của của hành chính. Trong một chế độ thật sự dân chủ, thì cá nhân trong thiên nhiên giờ đã thành chủ thể của xã hội, chính quyền độc quyền lãnh đạo giờ đã thành chính quyền xã hội bảo đảm được tự do của mọi cá nhân; trong đó mỗi cá nhân có quyền đòi hỏi chính quyền vừa phải bảo vệ tài năng và vừa phải bảo vệ tài sản của họ. Tự do cá nhân luôn đi đôi với độc lập của cá nhân, chuyện này không hề bất hợp với việc các cá nhân muốn sống chung với nhau trong cùng một xã hội, vì chính xã hội là nơi bảo đảm được chủ quyền của cá nhân, từ vật chất tới kinh tế, từ sáng tạo tới sáng tác, từ thành quả tới thành công, tránh được chuyện vô chính phủ *«cá lớn nuốt cá bé»* của luật rừng, tức là không có luật. Chúng ta cũng không quên phân tích của Greef, một xã hội đầy đủ nhân quyền là nơi mà đặc tính, đặc điểm của mỗi cá nhân được tôn trọng, mặc dù các đặc tính cá nhân, đặc điểm của cá thể bó buộc các định chế xã hội phải luôn luôn linh động trong đa nguyên, luôn nhanh nhạy trong đa dạng, để các đặc tính, đặc điểm này có chỗ đứng, có chỗ sống.

Trong nhân cách giáo lý Việt tộc, chúng ta nên dặn dò con cháu đừng có phản xạ hoảng sợ trước luật rừng, *rừng nào cọp nấy*,rừng và cọp sinh tồn trong điều kiện thiên nhiên, xa nhân tính nên xa nhân quyền, vô tri về công bằng nên vô minh về pháp luật, chúng ta nên giáo dục nhau phải có pháp quyền để bảo vệ công bằng và tự do của mỗi cá nhân, vì chúng ta không hề sợ cọp, sợ rừng. Chúng ta cũng đừng sợ các quan lại loại mới được bao che bởi chế độ độc đảng, độc tài hiện nay, dám *«xài lại»* xảo thuật của bọn quan lại phong kiến xa xưa: *«Miệng nhà quan có gang, có thép»,* chúng ta không sợ nữa và thẳng thắn yêu cầu: *«miệng nhà quan »* phải tôn trọng luật pháp*, gang* phải được uốn nắn bằng tư pháp*, thép* phải được rèn luyện bằng công pháp! Để mọi tiếng nói được tôn trọng như nhau, để mọi cách hành xử phải nằm trong khung của luật lệ; để mọi hành vi phải dựa trên nền của luật pháp. Hãy đi thêm một bước diễn luận nữa với *cá-nhân-quyền trong một xã hội dân chủ* để thực hiện được hai phương thức của Smilles: *self-made-man (cá nhân tự làm)* và *sefl-help (cá nhân tự lo);* chuyện này không hề mơ hồ trong các xã hội văn minh hiện nay, nó là chuyện có thực hằng ngày, thí dụ: tất cả cá nhân lái xe đều phải tôn trọng luật lưu thông để tránh tai nạn, nhưng tất cả cá nhân lái xe này đều trả tiền đóng bảo hiểm ngừa tai nạn, phòng khi có bất trắc giao thông xảy ra. Nó ngược lại với một số hành động gian lận «*mua âm, bán dương»* hiện nay của các lãnh đạo ngay trong các nghĩa trang liệt sĩ, mặc dầu họ không phải liệt sĩ, họ tự chế ra *khu từ trần,* để dành *«chỗ tốt, đất cao»* khi qua đời,theo kiểu phong kiếnhủ bại *«chiếu trên, chiếu dưới»,* với xảo thuật *«ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau»,* xâm phạm nhân quyền ngay trên lãnh địa thiêng liêng của cái chết. Trong Văn Tế Chúng Sinh, Nguyễn Du có một lời than để đời: *«Cõi dương còn thế, chi là cõi âm»,* để nói lên cái (bi) quan nhân sinh quan của cụ trước thế thái nhân tình (không nhân tính); xin kính cẩn thưa với cụ Tiên Điền: nếu lấy nhân tính để soi nhân lý, lấy nhân lý để rọi nhân trí, thì ta có thể lập luận rằng: nếu *cõi âm* mà có những người giữ cho bằng được nhân phẩm của họ thì chắc là nó hơn hẳn *cõi dương* hiện nay của các lãnh đạo đang dành ch**ỗ** trong các nghĩa trang liệt s**ĩ** của chế độ này!

*Đề nghị 4.* *Nhân quyền, từ cá thể nhân trí, trong đó cá nhân hóa tự do đi cùng với xã hội hóa cá nhân trong hệ vấn đề bảo đảm trọn vẹn chủ quyền của cá nhân, từ sáng tạo tới sáng tác, nơi mà đặc tính, đặc điểm của mỗi cá nhân được tôn trọng, trong đó cá nhân có quyền đòi hỏi chính quyền vừa phải bảo vệ tài năng và tài sản của họ, trong đó tính mạng và tương lai của mỗi cá nhân được bảo đảm bằng luật.*

**Nhân quyền, từ giá trị cá nhân luận dân chủ**

Thượng đế vắng mặt trong hệ vấn đề nhân quyền, thần linh cũng không xuất hiện trong hệ vấn đề nhân trí, xử lý hai hệ vấn đề này là chuyện giữa các con người, là chuyện giữa người với người, chúng ta cũng đừng kêu gọi thượng đế hoặc thần linh làm trọng tài, kể cả tôn giáo cũng đừng nên can thiệp một cách *«vô ý, vô tứ»* vào hai việc này, như đã được phân tích trong Concordat, năm 1801: *«Tôn giáo làm ra một xã hội được xây dựng trong quan hệ giữa con người và thượng đế, còn xã hội của con người là xã hội giữa con người và chính quyền».* Trong các quốc gia tôn trọng nhân quyền, tôn vinh nhân trí, thì dân chủ đã đủ bản lĩnh, đủ nội công, đủ tầm vóc đặt tôn giáo vào đúng chỗ của nó, không để tôn giáo quyết định vào các việc nhân đạo mà tôn giáo không xử lý được, không để tôn giáo hành động vào các việc nhân lý mà tôn giáo không hành xử được. Vì nhân đạo đòi hỏi phải có công bằng về pháp luật, vì nhân lý đòi hỏi phải chống bất bình đẳng bằng công pháp; đừng trông chờ thượng đế, thần linh, tôn giáo làm ra pháp luật và công pháp. Sau khi đã đưa *dạng siêu nhiên (surnaturel)* của thượng đế, thần linh, tôn giáo ra khỏi các định chế, xã hội dân chủ cũng đẩy lùi được *dạng thiên nhiên (naturel)* của bản năng, *đói ăn, khát uống*, giờ đây con người đã tới đúng *dạng nhân tính (humain),*biết lấy kinh nghiệm hay làm thành kiến thức tốt, lấy đạo lý lành làm thành giáo dục đẹp. Trong lịch sử nhân loại, con người không hề rời bỏ quan hệ siêu nhiên với thượng đế, thần linh, nhưng hiểu biết của con người về tôn giáo là hiểu biết có điều kiện; còn hiểu biết của con người về khoa học là hiểu biết không cần điều kiện. Một bên là tôn giáo không được đặt lại vấn đề, mặc dù không kiểm chứng được là có thượng đế, có thiên đường hay không? Còn một bên là khoa học luôn luôn tính chuyện: thí nghiệm lại, tính toán lại, khảo tra lại. Niềm tin về thượng đế phải ở thế trường cửu một cách vô điều kiện, ngược lại không có một chân lý nào của khoa học là vĩnh hằng cả. Cái giống nhau, cái hội tụ giữa khoa học và dân chủ là ở đây, không có gì trường cửu, không có gì vĩnh hằng, phải luôn luôn làm rõ ra để thấy sự thật, phải luôn luôn làm sáng ra để thấy chân lý, phải luôn luôn làm tốt hơn, khá hơn ra để thấy lẽ phải.Mà hiện nay, những con người thông minh, những chính quyền khôn ngoan đã đưa vào trong quan hệ giữa con người và chính quyền một phương hướng chủ đạo hoàn toàn mới trong văn minh nhân loại: *giá trị cá nhân luận dân chủ (valeur de l’individualisme démocratique).* Khi *cá nhân luận dân chủ* này ra đời, nókhông những bị các lực lượng độc tài, độc đảng hủ lậu tấn công liên tục một cách vô minh, mà cũng bị luôn cả giáo hội cùng các linh mục giáo điều xỉ vả ngày đêm một cách vô tri. Nhưng trong toàn cầu hóa hiện nay, thì nó hiển nhiên xuất hiện ở những nơi văn minh nhất, lại còn làm hải đăng cho tất cả các xã hội đang còn tăm tối trong các chế độ phản nhân quyền, chống nhân trí. Nó đương nhiên thành chủ đề, thành định đề, thành tiền đề giữa các dân tộc văn minh tiến bộ khi trao đổi với nhau, nó thành *«miếng trầu là đầu câu chuyện»* của toàn cầu hóa nhân quyền hiện nay. Nó là hình ảnh của em thiếu niên 15 tuổi, Tuấn Anh lên internet qua hệ Youtube, kêu gọi thế giới hãy bảo vệ cha mẹ, ông bà của em, mà công an đã hành hung tàn nhẫn khi đến cướp đất, cướp nhà của gia đình em, từ ông ngoại đến cha mẹ của em bị đánh trọng thương, chính em cũng bị tra tấn dã man trong đồn công an, sau đó lại bị đuổi học; cả ba thế hệ cùng một gia đình mà số phận thua súc vật. Và, câu cuối cùng trong lời trần tình của em là: *nhân quyền không được tôn trọng tại Việt Nam*, *Liên Hiệp Quốc hãy tìm mọi cách để bảo vệ những con người đang sống trên đất nước này!* Nghe lời kêu gọi của em, chúng ta thấy thương em, muốn chia sẻ các khổ nạn này cùng với gia đình của em, cùng lúc chúng ta thấy bị xúc phạm nặng nề như gia đình của em. Hình ảnh Việt tộc đó sao? Tại sao Việt tộc lại lâm vào cái cảnh vô luân này? Nhưng đây cũng là một chứng từ quý báu của nhân quyền, đánh dấu cho một vùng nhận thức mới về nhân trí, trong một bối cảnh vô cùng thuận lợi của toàn cầu hóa dân chủ hiện nay: mọi cá nhân, dù chưa đến tuổi trưởng thành, nhưng đã ý thức được nhân quyền của mình, và đã báo động đúng lúc cho nhân loại biết: kiếp làm người trên đất nước này, đã có 4000 năm văn hiến, nhưng nhân quyền dân tộc này đang bị chà đạp thậm tệ!Cái *lý muốn sống* phải được h**ỗ** trợ bằng cái *quyền được làm người* một cách trọn vẹn nhất, hoàn hảo nhất, trong quan hệ xã hội mà người với người biết đối xử tử tế với nhau, *xem nhau như bát nước đầy*. Như vậy, hệ vấn đề nhân quyền khi được chuyển tải bằng các phương tiện truyền thông dân chủ đã cho phép thẩm định hai loại chính quyền trong bối cảnh toàn cầu hóa mà tin tức có thường xuyên làm cho thông tin được liên tục, không ngừng nghỉ: loại thứ nhất là *chính quyền đáng tin cậy* vì biết tôn trọng nhân quyền, tôn vinh nhân trí; và loại thứ nhì là *loại chính quyền không đáng tin cậy* vì không tôn trọng nhân quyền, không biết tôn vinh nhân trí, cả hai được đánh giá trực tiếp, khi dữ kiện đã thành chứng từ trên internet, dựa trên phương pháp cổ xưa nhưng rất hiệu quả: *«vô trương bất tín» (không thấy thì không tin),* thấy mới tin! Các tổ chức nhân đạo quốc tế mà tôi biết thường lấy các phóng sự trên internet mà trong có cảnh: các vị lãnh đạo của ĐCSVN và các tướng lãnh của Bộ Công an vào các chùa, đứng thắp hương vào những ngày lễ, họ biết cúi đầu, biết chắp tay, biết khấn lạy… những hình ảnh này được đem ra so với các phóng sự khác cũng trên internet: công an của các vị lãnh đạo này đánh đập, bắn giết dân chúng, kể cả các phụ nữ đang mang thai; để thấy đây thực sự là trò *«phô trương bất tín».* Thật bi đát cho Việt tộc! Các liên minh nhân quyền quốc tế mà tôi biết cũng vậy, họ chỉ làm đơn giản một chuyện là họ lấy các phóng sự trên internet về Việt Nam: một bên là cảnh đàn áp các cuộc biểu tình mà công an đánh đập không xót xa đồng bào của họ; một bên là cảnh công an bị dân chúng tấn công trong các cuộc biểu tình mà hình ảnh là do các đài truyền hình của chế độ rao truyền trên các kinh chính thức của chính quyền. Thực hư rất rõ, một bên là sự thực của tổng thể, một bên là quan điểm một chiều, làm công cụ cho tuyên truyền; nhưng tại sao chính quyền lại tuyên truyền ở một trình độ thấp kém như vậy? Làm cho các tổ chức nhân quyền, nhân đạo quốc tế không thể nào thông cảm với một chế độ phản nhân trí như vậy. Lại chưa hết, đất nước đang trong cảnh *chỉ mành treo chuông* trước hiểm hoạ thôn tính của Bắc Kinh, thì một số lãnh đạo ĐCSVN lại dùng internet để truyền lan chuyện đấu đá, chém giết nội bộ của họ qua mạng *Chân dung quyền lực,* trong đó người dân thấy các lãnh đạo ĐCSVN không những là các con đỉa đói trong tham ô, tham nhũng với lòng tham không đáy, mà còn là những tên sát nhân, sẵn sàng giết hại đồng đảng để chiếm quyền lực.Khả năng của khoa học kỹ thuật truyền thông thật sự đã mở ra một không gian mới về quyền làm người, một bối cảnh mới cho nhân quyền có chỗ đứng trung tâm, nó giúp cho nhân loại trong các vùng văn hoá khác nhau gần nhau hơn, sẵn sàng biết bảo vệ nhân quyền chung để bảo vệ lẫn nhau trong nhân sinh toàn cầu hiện nay. Chính quyền của một quốc gia không còn độc quyền về lãnh thổ và biên giới của quốc gia đó, và dân tộc sống trong quốc gia này giờ ít nhiều đã được thế giới che chở, nếu bị chính quyền đó bạo hành với họ. Các quan hệ hàng dọc và hàng ngang trong các định chế quốc gia, giờ cũng bị -hoặc cũng được- các hùng lực truyền thông toàn cầu hóa tác động liên tục, tin tức trực tiếp kèm theo hình ảnh trực tiếp, kích thích hệ dây chuyền *đề nghị - tranh luận - đàm phán - quyết định - hành động,* phải kịp thời, phải đúng lúc, phải nhanh nhẹn. Thật đáng mừng là cái bạo quyền hàng dọc độc tài thủa nọ, bây giờ phải tìm cách tồn tại tử tế trước cái hùng lực mới của truyền thông hàng ngang, được trợ lực bởi cái ngoại lực của toàn cầu hóa, ngày càng tỉnh táo về nhân trí, ngày càng sáng suốt về nhân quyền. Chưa bao giờ sức tự chủ của cá nhân, sức nhạy bén của tập thể, sức phản hồi của cộng đồng được phát huy một cách thuận lợi như trong điều kiện truyền thông toàn cầu hóa hiện nay.

*Đề nghị 5. Nhân quyền, từ giá trị cá nhân luận dân chủ là hướng đưa Việt tộc vào quỹ đạo nhân quyền, vào chân trời nhân trí, nó không những phải được bảo vệ bằng hiến pháp, công pháp, luật pháp mà phải bằng chủ trương, chính sách, quyết tâm của chính quyền từ định chế tới hành chính, từ giáo dục tới y tế, từ văn hoá tới kinh tế… và luôn được hỗ trợ, che chở, bảo vệ bởi các lực lượng xã hội chủ đạo trong tri thức, trong khoa học, trong đạo lý.*

Năm 2015, ĐCSVN muốn có những *«lễ lớn»*: 40 năm thống nhất đất nước, 70 năm tuyên ngôn độc lập, không quên 85 năm thành lập ĐCSVN; chúng ta có nên để chuyện *«lễ mừng»* lấn áp sinh hoạt của tư duy về các ngày tháng này không? Mỗi cá nhân được (nhân) quyền đánh giá về các sự kiện lịch sử này với tự do (nhân) lý trí của mình, trước hai câu hỏi: *Tiền đồ dân tộc sẽ ra sao? Dân tộc ta sẽ khá lên chăng để làm chủ trọn vẹn được vận mệnh của mình?* Cũng năm này, tại Pháp là nơi sinh ra cuộc cách mạng dân chủ và bản tuyên ngôn quốc tế nhân quyền, có một sự cố hay lạ về (nhân) trí thức, đó là cuộc tranh luận giữa hai tư tưởng gia hàng đầu trong học thuật hiện nay: Alain Badiou, một triết gia đa năng, đa nghệ và luôn tin vào *chủ thuyết cộng thể* (cộng sản-cộng đồng-tập thể), đối diện với Marcel Gauchet, triết gia chính trị, dòng thác chủ đạo của chủ thuyết dân chủ, ngọn hải đăng của luận thuyết nhân quyền; đối diện với nhau-nhưng thật ra là đối đầu với nhau-về tương lai của nhân loại qua tương lai của dân chủ và nhân quyền. Từ tranh luận về dữ kiện đến bất đồng trong phân tích, rất dị biệt từ diễn luận tới phán đoán trước các dự phóng của nhân sinh, ngay trên đài truyền hình quốc gia, vào cuối tuần, lúc nhiều người nghe, xem, chú ý, sau nhiều giờ tranh luận trôi qua, chủ trì của chương trình yêu cầu mỗi bên phải dứt khoát kết cuộc! Và Alain Badiou kết trước: *«con người luôn có mơ ước về một chế độ cộng thể (cộng sản-cộng đồng-tập thể) vì muốn sống chung với nhau».* Đến lượt Marcel Gauchet làm việc kết (của kết), ông nói: «*Vấn đề không phải chỉ là* *mơ ước về một chế độ, mà là kinh nghiệm của nhân loại giờ đã thành kiến thức cho nhân trí, vì từ tạo thiên lập địa đến nay con người đã biết, đã sống, đã trải nghiệm với các chế độ cộng thể (cộng sản-cộng đồng-tập thể), tất cả các chế độ cộng thể này đều thất bại, từ tự do tới dân chủ, từ hành pháp tới lập pháp, từ tư pháp tới công pháp, từ kinh tế tới giáo dục, từ hiệu quả tới năng suất… như vậy, vấn đề của con người không phải mơ ước, mà là ý thức làm người, ý thức của nhân quyền và nhân trí».*

***Nhân Việt. N°5***

***(Nhân cách giáo lý Việt tộc)***

**Nhân tri dắt chính tri.**

***(chính tâm nâng chính kiến)***

*đoạn đức*, chặt đứt hết mọi hận thù để tránh mọi đau khổ, thương tâm;

*trí đức*, dùng tuệ giác để tháo gỡ mọi hiểu lầm, khúc mắc, để nhận diện sự thật, thấu đáo chân lý, tiếp nhận lẽ phải;

*ân đức,*khả năng hiến dâng hạnh phúc cho mọi người, hiến tặng an lạc tới mọi nơi.

Tặng **MAI THỊ DUNG**

Hãy nói chuyện *lương tri*, trước khi nói chuyện *nhân tri* và *chính tri*. Lương tri của con người luôn được đúc kết bằng *lương tâm* và *tri thức*, lương tâm là phạm trù của đạo lý, nơi mà tình thương làm nên tình người, và *tri thức* là phạm trù của *kiến thức* giờ đã thành *ý thức* giúp tình mỗi người hành động bằng cái sáng suốt của *đạo lý*, cái tỉnh táo của *luân lý*. Nếu ngữ văn và ngữ pháp của lương tri được thông suốt để tạo ra thông cảm, rồi thành chỗ dựa cho các đồng cảm giữa chúng ta, thì nhân tri là tổng hợp của lương tâm và tri thức của kiếp làm người, là tổng thể của kiến thức và ý thức. Như vậy, *chính tri* phải là một *chính kiến*, ngược lại với *tà kiến* tới từ cái xấu hoặc cái ác, và *tạp kiến* tới từ cái tồi, cái dở; chính kiến đại diện cho ý tưởng đúng, cho lý luận ngay, cho lập luận phải, nó mổ xẻ được tương quan giữa sự thật, chân lý và lẽ phải. Trong bài chính luận này, tôi xin được tâm sự với các bạn lập trường của tôi về cụm từ *chính tri*vừa phải là chính kiến có lực nội kết trong diễn luận, vừa phải là chính kiến trong *chính giới*, tức là trong giới đang tổ chức chính trị, đang điều hành chính trường, đang nắm sinh mệnh Việt tộc, đang cầm vận mệnh đất nước này, trên một quê hương, trong một xã hội dân sự mà ai cũng biết: chỉ có những người thuộc Đảng Cộng sản mới được quyền làm chính trị. Nếu luật chơi, sân chơi và trò chơi mà độc đoán như vậy, thì tôi là công dân Việt, thao thức vì sinh-vận-mệnh của đồng bào tôi, tôi được quyền yêu cầu chính giới của ĐCSVN hãy đưa dân tộc tôi bằng con đường: *nhân tri dắt chính tri*, cụ thể là chính tri phải ở dưới, ở thấp hơn nhân tri qua công thức: *nhân tri dẫn chính tri*, cùng lúc chính tri phải nâng, phải gánh nhân tri. Giải luận về tự tình dân tộc, tôi muốn lập một cầu nối, nếu thành công sẽ thành một cuộc đối thoại chân chính với những người đang muốn nhận trách nhiệm lãnh đạo với đất nước, quyết định số phận của đồng bào mình. Nếu không thành công trong đối thoại này, vì không lập được *cầu nối*, thì ta vẫn phải tiếp tục vận não, phải liên tục thao tác tư duy, để cùng nhau có một ý thức là không có ai độc quyền nắm sinh mệnh Việt tộc, kìm hãm vận mệnh đất nước này. Thất bại trước mắt sẽ không phải là thất bại vĩnh viễn, tại sao? Vì nếu không có *cầu nối* thì cũng có *cầu vòng*, cầu vòng không phải ảo tưởng, mà nó hiển hiện trước mặt mọi người như chứng nhân, chứng từ, như *chứng giải (oan)* cho chúng ta, có trăn trở với đất nước, với dân tộc, vì *chính tâm* của chúng ta không trốn tránh trách nhiệm, không lẩn lách bổn phận của công dân; *cầu vòng* cũng là lúc chúng ta trực diện với các lãnh đạo hiện nay, trên các vấn đề, vừa là bức bách trước mắt, vừa là đạo lý dài lâu của Việt tộc. Đại hội ĐCSVN này tới đại hội ĐCSVN kia, tin buồn lớn cho Việt tộc là sẽ không gì thay đổi, từ 1976, đại hội 4, từ hơn 40 năm qua, 8 đại hội Đảng, 8 lần lỡ con tàu phát triển đất nước, 8 lần bỏ lỡ vận hội của *chính tri*, (bỏ rơi**)** 8 lần bỏrơi*nhân tri;*8 tin buồn trĩu nặng kiếp nhân sinh, 8 lần làm suy kiệt sinh lực giống nòi, 8 lần làm “*nhược kiếp hóa*” năng lực Việt tộc. Kể từ ngày thống nhất đất nước1975, có nỗi buồn nào có sức đè, có lực ép tăm tối như vậy không?

**Chính đạo đón chính tri**

Có độc quyền thì làm toàn chuyện độc đoán, lại một tin buồn lớn cho Việt tộc là sẽ không có một *đạo pháp* mới làm đường đi nước bước cho công pháp nhân quyền để bảo vệ nhân tri theo nghĩa thông minh nhất, làm nên sức mạnh tổng hợp đưa dân tộc theo hướng đi lên. Người ta chỉ thấy phản xạ của các lãnh đạo ĐCSVN giữ-quyền-để-giữ-tư-lợi, trong khi đó việc tối cần hiện nay là đưa vận mệnh của Việt tộc vào một đạo lý tốt để có pháp lý đúng! Mà thượng nguồn là đặt nó vào trong tư duy lãnh đạo hiện nay: *lấy nhân tri để chế tác ra chính tri.* Con đường chính tri này có tên gọi là*chính đạo,*phải là con đường cho chúng ta được chọn lựa hiện tại và tương lai, như vậy nó phải là những *ngã tư* *của dân chủ,* chớ không phải là độc đạo của độc đảng, chóng chầy sẽ dẫn chúng ta vào độc đọa: ngõ cụt! Ngã tư của dân chủ giúp ta chọn những con đường *nhân lý* trước các thử thách mới của toàn cầu hóa; cũng không quên con đường *nhân trí* trước các cuộc cách mạng khoa học, truyền thông hiện nay; đó cũng là những con đường *nhân sinh* không những trước các cuộc đấu tranh chống nghèo nàn lạc hậu, và chống luôn cái kiếp *làm công* cho các nước láng giềng châu Á, có cùng một nôi văn hóa tam giáo đồng nguyên với Việt Nam (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan), mà các nước láng giềng này giờ đã *làm chủ*, mà nhiều người Việt Nam đã nhận kiếp *lao nô* cho họ với điều kiện lao động không chút nhân phẩm.

Cái chính đạo của dân chủ không những giúp ta có cái nhìn tổng quát nhất trước những ngã tư để chọn ra con đường thích hợp cho hiện tại và hiệu quả cho tương lai, mà qua lịch sử của dân chủ ta thấy được một quá trình tư duy thông minh của nhân loại. Trong quá trình này, con người luôn chế tác ra các định chế, các cơ chế ngày càng tự chủ để tự phát triển, ngày càng tự do để tự thăng hoa, trong khung luật của hiến pháp, của công pháp, của tư pháp. Dân chủ sẵn sàng đặt lại vấn đề, tức là đặt lại khả năng lãnh đạo của quyền lực qua bầu cử, đặt lại khả năng quản lý của chính quyền qua chọn lựa trực tiếp hành pháp, dưới quyền kiểm tra của quốc hội, bằng bầu cử các cấp toàn quốc, vùng, miền, thành phố. Khả năng *đặt lại*, tức là *xem lại* và *nghiệm lại* các khả năng của lãnh đạo thể hiện *cặp thông minh song đôi*: một bên là tài năng của lãnh đạo, một bên là đào tạo các công dân thực sự có *nhân tri* – có nhân trí trong bầu cử, có nhân phẩm trong chọn lựa lãnh đạo. Khả năng này không thấy (tức là không có) trong các chế độ độc quyền, độc tài, độc tôn, độc đảng! Thật tồi tệ khi chưa tới cuộc bỏ phiếu để bầu quốc hội giữa năm 2016, lần này với các ứng cử viên tới từ xã hội dân sự, mà các ứng cử viên này đã bị chụp mũ, vu khống là con cờ của các lực lượng ngoại bang: tại sao lãnh đạo của ĐCSVN, thông qua bọn bồi bút, lại có chính tri thấp hèn như vậy trước các công dân muốn trở thành đại biểu để tự nhận trách nhiệm của mình, vì xã hội, vì dân tộc? Nếu dân chủ đủ nội lực để bảo vệ tự do cá nhân, thì chính dân chủ cũng phân tích tới nơi tới chốn chủ nghĩa ích kỷ trong tư lợi của mỗi cá nhân, để có đủ bản lĩnh *luật pháp hóa* quyền tư hữu, *định chế hóa* qua thuế má cho quyền tự do làm giàu. Cái liêm chính của một chế độ thật sự dân chủ không chấp nhận chuyện đang xảy ra trong bối cảnh tụt hậu về đạo lý như hiện nay trên đất nước Việt Nam, nơi mà con người cúi đầu, nhắm mắt trước thực trạng “*ai chết mặc ai*”,kẻ nắm quyền thì *chế luật* nhưng cũng chính là kẻ lén lút *xé luật* trong hối lộ, tham nhũng; còn kẻ quen biết, cậy nhờ quyền lực thì *lách luật*trong bóng tối cũng qua tham ô, đút lót. Hối lộ, tham nhũng, tham ô, đút lót là ung thư của mọi chế độ, kể cả chế độ dân chủ, nhưng trong chế độ dân chủ khi dân lên tiếng thì tư pháp phải xuất hiện, đó là diễn biến ngày 15 tháng 4 năm 2016, chỉ một lãnh đạo của Brasil rơi vào hối lộ, mà đã có hơn 8 triệu dân xuống đường, đòi hỏi tư pháp phải xử cho tới nơi, tới chốn, và tư pháp phải hứa trước quần chúng là sẽ xử tới nơi, tới chốn, và sau đó là tổng thổng bị truất phế! Chế độ dân chủ của Brasil còn rất trẻ, cơ chế dân chủ của Brasil còn rất mới, nhưng nội công dân chủ của Brasil đã có hùng lực hằng ngày trong sinh hoạt xã hội. Ngược lại, từ ngày ĐCSVN nắm độc quyền chính giới, với bao bất công như “*cơm bữa*”, với bao bạo quyền như “*đi chợ*”, vậy mà không có cuộc biểu tình nào tập hợp được 1 triệu dân xuống đường, phản đối bất công, chống đối bạo quyền. Vì trong các chế độ độc quyền, độc tài, độc tôn, độc đảng thì *quyền được đòi hỏi* *công khai* bị bóp chết từ trong trứng nước; với chuyện xuống đường biểu tình phản đối, mà mọi người có thểxem trên internet, chính quyền của ĐCSVN sẽ biến *bạo quyền* thành *bạo hành* ngay trên đường phố, đi cùng với *bạo lực* trong tù đày, ngục tối. Trong các cuộc đối thoại, trao đổi, tư vấn tại phương Tây, tôi luôn chống lại các luận điệu của người nước ngoài cho rằng dân Việt Nam không có trình độ dân chủ, sống cho qua ngày vì chuyện “*cơm, áo, gạo, tiền*” luôn đè rất nặng trên vai, trên lưng họ, khiến họ không đặt dân chủ vào ưu tiên hàng đầu để bảo vệ nhân cách – *nhân phẩm qua nhân trí*. Tôi luôn đưa ra lập luận của *nhân tri*phải được thắp sáng hằng ngày bởi*chính tri* của chính giới: các nước Âu châu có truyền thống dân chủ lâu đời cũng phải qua con đường *chính tri nâng nhân tri*, với vai trò thiết yếu của kiến thức, cần thiết của trí thức. Và trong lịch sử của Việt tộc thì *chính tri nội kết nhân tri* được thể hiện rất rõ qua Hội nghị Diên Hồng, qua một giai đoạn dài của của hai triều: Lý và Trần. Vì hai đời Lý và Trần này đã có những *minh quân* thương dân, đã có những *minh chủ* quý dân, đã có những *minh chúa* trọng dân, có luôn cả *minh sư* (Vạn Hạnh) nhìn xa trông rộng, để che chở dân. Như vậy, chính các lãnh đạo của ĐCSVN hiện nay mới bị vướng mắc vào chuyện thiếu trình độ dân chủ, mới bị mắc bẫy vào chuyện “*cơm, áo, gạo, tiền*”quahối lộ, tham nhũng, tham ô, đút lót, chớ không phải dân tộc Việt Nam.

Chính đạo nằm ngay trong biểu tượng, vì biểu tượng sống để biểu hiện nội dung của một chế độ, và một chế độ đang suy kiệt luôn dùng các biểu tượng đã bị sói mòn, đã thoái hóa để làm bình phong, khi chế độ đó không còn mang một ý nghĩa chính đạo gì cả trong chính tri hiện nay. Các biểu tượng “*ĐCSVN lãnh đạo hai cuộc kháng chiến thần thánh chống hai đế quốc*”,“*Học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại*”… từ thủa nào giờ đây luồn lách vào các khẩu lệnh trơn tuột, đánh lừa dân mỗi dịp tết đến: “*mừng đảng, mừng xuân*”, khôn quá hóa dại, vì nó chỉ nói lên cái thiếu chính tri trong chính kiến của ĐCSVN. Từ cái biểu tượng quá khứ giờ đã xơ cứng, qua cái hiện tại rỗng ruột trong chính tri, ĐCSVN chỉ bày ra cho thế giới biết cái bí lối, lầm đường của họ. Các chế độ độc tài dùng tuyên truyền như một con dấu ấn vào não bộ nhân tri, họ lầm khi nghĩ là các khẩu lệnh tuyên truyền sẽ là những vết chàm, vết xăm trong trí não dân tộc họ, để họ dễ dàng làm chuyện đánh lận con đen*.* Trong các nước văn minh có dân chủ, các biểu tượng không hề mang ý đồ tuyên truyền của vết chàm, vết xâm, mà là một tư duy rộng, trong đó biểu tượng sống trong một ngôi nhà luôn mở, đầy dưỡng khí và ánh sáng của chính tri (tự do, công bằng, bác ái), nơi mà *nhân tri* được quyền sống, sống yên, sống bền, sống lâu trong *nhân trí* và *nhân phẩm*. Một biểu tượng đúng luôn có một nội dung đúng! Vì một chế độ thật sự có dân chủ thì phải có một *nội dung* *dân chủ*, trong đó *nội chất* *dân chủ* bảo đảm *nhân lý* cho *nhân sinh*, và có *nội lực* *dân chủ* bảo hành *nhân trí* cho *nhân tri*. *Nội dung dân chủ* nằm trong tiến trình *tư tưởng dân chủ*: một người nếu tự thấy mình *có lý,* thì phải mang cái lý của mình ra đối thoại để thuyết phục tập thể, để cái *có lý* trở thành cái *đúng lý.*Nếu tập thể này được thuyết phục vì cái *đúng lý* này, thì họ sẽ mang ra để đàm phán với cả xã hội, qua quá trình đa nguyên của đa đảng, qua tiến trình của ứng cử và bầu cử, để biến cái *đúng lý*thành cái *đúng luật*, được công nhận từ hiến pháp tới tư pháp, từ pháp luật tới pháp chế. Trong quá trình đó, *nội công* *dân chủ* là tiến trình *dân chủ hóa* luôn đi song hành với tiến trình *hiện đại hóa,* khi khoa học đã thành công suất trong công nghệ, khi kỹ thuật đã thành năng suất cho truyền thông, để cái *đa nguyên* luôn được củng cố bởi cái *đa năng*, cái *đa trí* luôn được nuôi dưỡng bởi cái *đa thức*. Trong lịch sử của nhân loại, tiến trình *dân chủ hóa* luôn kề vai sánh đôi với tiến trình *hiện đại hóa,*được minh chứng rất rõ trong lịch sử phương Tây (Tây Âu và Bắc Mỹ). Và trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, tiến trình *dân chủ hóa*này được nhiều quốc gia ứng dụng thành công với đặc thù, đặc tính, đặc điểm của dân tộc họ; từ đó làm nên những kinh nghiệm mới, làm ra những mô hình hay, dựng được những *nhân lý* *lành* trong môi trường của *lý đúng* và *luật đúng* của dân chủ. Không cần tìm xa, chỉ cần nhìn các nước láng giềng của Việt Nam, cùng nôi tam giáo đồng nguyên với ta như Nhật Bản và Hàn Quốc đã ứng dụng thành công, và ta cũng không quên là chế độ dân chủ đông dân nhất thế giới chính là Ấn Độ, một láng giềng không xa mấy của Việt tộc. Cũng phải phân tích sâu hơn là Bắc Hàn và Nam Hàn cùng một dân tộc, cùng một lịch sử, cùng một văn hóa, nhưng lãnh đạo Bắc Hàn bám kiếp độc tài và chế độ của họ hiện nay bị nhân loại nhìn như một quái thai; còn Nam Hàn có dân chủ lại có luôn khoa học kỹ thuật đã thành một nhân tố tích cực cho toàn cầu hóa theo nghĩa tiến bộ nhất. Như vậy, chuyện chế độ quyết định cơ chế dân chủ để một dân tộc được thăng hoa là một chuyện có thật và là chuyện tiên quyết. Nếu đem lịch sử để định niên đại, thì nguyên tắc và kinh nghiệm của dân chủ đã có từ rất xưa trong sinh hoạt chính trị của Hy Lạp, *sung lực dân chủ* này luôn liên tục hội nhập trong thế thắng tại các quốc gia có văn minh đậm, có giáo dục cao, tức là có nhân tri vững như: Anh, Đức, Pháp**…** Còn các chế độ độc tài, lấy nguyên tắc toàn trị để áp đặt trên đầu dân chúng, trên lưng xã hội, mà định nghĩa toàn trị là *cướp chính quyền để có toàn quyền*, thì các chế độ toàn trị này đã xuất hiện rất trễ, so với các chế độ dân chủ đã có. Các chế độ toàn trị này xuất hiện trong bối cảnh của thế kỷ XX, với suy thoái kinh tế thâm đậm, mang theo những khủng hoảng chính trị sâu sắc, trong đó có chế độ toàn trị của Lênin rồi tới Staline tại Nga sau 1917, có Quốc Xã tại Đức trước 1939, và có phát-xít tại Ý, cả hai Đức Quốc Xã và phát-xít Ý có cùng sổ bộ đời mà sử học đặt tên chúng là bọn *sát nhân bằng thế chiến*, và cả ba chế độ toàn trị vừa nêu tên đều có cùng một lý lịch sinh sau đẻ muộn, có cùng một hồ sơ chính trị rất mới mẻ trong lịch sử của nhân loại. Tôi cần đưa ra minh chứng này để gạt đi luận điệu của bọn đầu nậu và bồi bút đang sống quây, sống nhây như ký sinh trùng xungquanh các chế độ toàn trị, chúng rất hồ đồ khi kết luận dân chủ là loại “*hàng hóa mới* *của phương Tây*”, để lừa gạt những ai chưa biết rõ về cổ sử, cổ triết, cổ văn của dân chủ. Chính đạo của dân chủ có rễ sâu trong nhân sinh, có cội mạnh trong nhân tính, có nguồn rộng trong nhân lý, có gốc vững trong nhân tri, và nhân gian không lầm đâu!

**Chính nghĩa dìu chính tri**

ĐCSVN còn thì tin buồn lớn cho Việt tộc là sẽ không có *đa nguyên*, để có *đa lực* làm nên *tổng lực* cho việc phát triển đất nước, để lấy dân chủ dìu tự do, rồi lấy tự do nâng dân chủ, trong mọi sinh hoạt xã hội ngày càng tự chủ, trong mọi định chế ngày càng có chính tri, và biết dựa vào nhân tri (chính nghĩa của nhân trí), trong đó những người tài được quyền ứng cử, và người dân được quyền chọn các người tài này qua bầu cử. Trong quá khứ của nhân loại, một cộng đồng dân tộc từ chỗ chấp nhận quyền lực từ trên áp đặt xuống, bắt dân coi vua là thiên tử, rồi tôn giáo tự cho phép mình đại diện cho thượng đế; trong khi đó một *xã hội dân sự* hiện đại luôn được bảo vệ bởi tam quyền phân lập: lập pháp, hành pháp và tư pháp, trong đó hành pháp không ở trên tư pháp, mà phải tuân thủ tư pháp đại diện cho luật pháp, được thi hành qua công pháp, đại diện cho công lý. Hiện nay, Việt tộc chưa có cái cơ may để sống trong các định chế này, chỉ vì độc tài, độc tôn, độc quyền do độc đảng hiện nay không cho phép lập pháp đại diện cho nhân tri, tư pháp đại diện cho nhân lý, đủ sức hướng dẫn hành pháp phải sinh hoạt trong khung chính lý của chính tri. Một xã hội dân sự luôn được bảo vệ bởi tam quyền phân lập: lập pháp, hành pháp và tư pháp, luôn có khả năng rời những cái áp đặt vô hình (trời, thượng đế), để lập ra các định chế, các cơ chế ngày càng *tự chủ để tự quyết* cho *nhân quyền* của mình, do chính mình *tự định nghĩa*. Tự do để tự chủ, tự quyết để quyết đoán về chính *nhân cách* của mình, được chế tác từ *nhân phẩm* và *nhân trí* của mình. Tự do, tự chủ, tự quyết vừa là quyền lợi, vừa là quyền lực của *nhân sinh;*vừa là sự thông minh của *nhân trí*, vừa là cái sáng suốt của *nhân lý*, vì nó biết làm ra đạo lý (bình đẳng) để bảo vệ luân lý (công bằng), nó cũng biết làm ra pháp luật để bảo vệ *nhân tính*, lại vừa biết sáng tạo các hợp đồng (ứng cử, tuyển cử, bầu cử) có nhiệm kỳ, có định kỳ. Một xã hội dân chủ có tự do, tự chủ, tự quyết biết *tổ chức xã hội* qua các *định chế xã hội* để bảo vệ các *sinh hoạt xã hội*, tức là các sinh hoạt của tập thể, của cộng đồng, của dân tộc, qua đạo lý của truyền thống đẹp, phong tục hay, cùng lúc dùng khả năng sáng tạo ngay trong hiện tại của mình để tìm ra nhân sinh quan tốt, thế giới quan lành cho tương lai. Đây là điểm hội tụ không những giữa xã hội học và dân tộc học, mà cũng là nơi gặp gỡ giữa chính trị học và đạo đức học, trong đó luật học biết bảo vệ nhân phẩm, không rời triết học biết bảo hành cho nhân tri. Hãy giữ lại bài học của Khổng Tử: *vô trương bất tín,*không thấy không tin, không thấy trời sinh ra vua thì không tin, không thấy thượng đế trao quyền lại cho tôn giáo thì không tin, cũng như hiện nay không thấy ĐCSVN là lực lượng tinh hoa nhất của dân tộc thì được quyền không tin! Cái nội lực của dân chủ là biết *nghiệm lại để làm lại*, biết *tính lại để quyết lại*, biết *suy lại để* *đi lên,* đây cũng là một nội công mà các chế độ độc tôn vì độc tài và độc quyền, độc đảng rất ngại, rất lo, rất sợ! Vì cái *độc* (quyền) sinh ra từ cái *tư* (lợi), lớn lên trong cái *chiếm*(của), cho nên luôn tìm cách diệt, hủy, hại cái *đa,*chỉ vì cái *đa* ***s***inh ra từ cái *chung*, lớn lên trong cái *chia*, cho nên cái *đa* xa lạ với cái *tư*, nó lạ lẫm với cái thói *chiếm* đoạt. Cái *độc*không muốn thay đổi, cái *đa* luôn muốn đổi để đi lên; cái *độc* không muốn mở cửa, cái *đa* luôn muốn mở nhà, mở vườn, mở cổng; cái *độc*muốn *bế môn tỏa cảng*, cái *đa* muốn *đi cho biết đó biết đây;*cái *độc*muốn *ngăn sông cấm chợ*, cái *đa* muốn *đi một ngày đàng học một sàng khôn*. Trong quá khứ của nhân loại, khi dân chủ chưa định hình thành thể chế, khi nhân quyền chưa hình thành qua công pháp, thì cái *đa* đã có trong cái *triết* của một minh quân, cái *chung* đã có trong cái thông minh của một minh chủ, cái *chia* đã có trong cái vị tha của một minh chúa (chính vì vậy họ mới *minh)*. *Minh*, sáng dạ nên sáng lòng, luôn trực diện với chữ *độc*của ích kỷ, của tham quyền cố vị*,*để lột mặt nạ cái (ham) *chiếm* của cái *độc. Minh* thì phải *thức*, đây là chức năng minh triết của minh sư, để chống lại cái *độc* (giả đò) *ngủ*trước cái *tri*. Cái *độc*như một con ác thú (giả vờ) ngủ, cái *đa* là *nhân sinh* luôn mở mắt, để vừa nhìn rõ *nhân tính*, để thao thức cho *nhân phẩm*, để sáng tạo cho *nhân trí,* trong *nhân lý* cho *nhân tri*.Và *nhân trí*thì không mơ hồ, không trừu tượng, *nhân trí* luôn theo hướng tiến bộ của khoa học, kỹ thuật để đưa cuộc sống đi lên, củng cố *nhân tri* để hoàn thiện giáo dục, tạo sung lực cho *nhân lý* để bảo vệ *nhân tâm.*Cáctiện nghi vật chất cho *nhân sinh* tới từ các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, có tác động tích cực tới điều kiện sống luôn muốn được ấm no cho *nhân loại.* Cái vô tri của thực dân, của đảng phái trong đầu thế kỷ XX, đã dùng bạo lực để diệt cái *nhân trí* trong *nhân lý* của Phan Chu Trinh; họ vô tình – hoặc cố ý – hủy luôn cái *nhân tri* trong *chính tri* của họ. Cái chính nghĩa của *nhân trí* là lấy cái *đầu* để nuôi cái *bụng*, ngược lại với cái vô tri – vô nhân vì vô trí – là lấy cái *bụng* để nô lệ hóa cái *đầu.* Cái duy vật – nếu thông minh – thì sẽ lấy *nhân trí*đểchăm lo cho *nhân sinh*, cái duy sản – nếu khôn ngoan – thì sẽ lấy *nhân lý* để bồi đắp cho *nhân tính.*

Cái chính nghĩa của chính tri không chỉ nằm trong việc đi tìm tự do, tự chủ, tự quyết mà còn là cái thông minh biết chuẩn bị tương lai trong công bằng, là cái khôn ngoan biết dò tìm các chân trời để cộng đồng, tập thể, nhân loại được sống chung và sống yên trong bác ái. Cách mạng công nghiệp trong thế kỷ thứ XVIII tại Âu châu không những làm thay đổi đời sống vật chất của xã hội theo hướng *tự sản suất* rồi *tự tăng năng suất,* mà còn làm cho xã hội ngày càng tự do, tự chủ, tự quyết đối với quyền lực luôn tìm cách áp đặt xã hội theo ý đồ chính trị của nó. Đầu thế kỷ XX, nhà triết học cũng là một trong những cha đẻ của xã hội học là Comte nhận định rất rõ: “*Le pouvoir est stationnaire, tandis que la société est progressive*”, *quyền lực luôn đứng khựng, trong khi đó thì xã hội luôn (tìm đường để) tiến bộ.* Chính cái luôn tìm đường tiến bộ của xã hội làm cho xã hội ngày càng tự chủ trước quyền lực, và muốn làm được điều này thì xã hội dân sự luôn tìm cách làm tăng *tự do cá nhân* qua các sinh hoạt của xã hội, để *cá nhân* thành *tác nhân* đủ sức chế tác các hành động tự chủ có từ tự do của mình, rồi sau đó thành *chủ thể* sáng tạo ra *nhân tri tự quyết* để bảo vệ quyền lợi trong bổn phận, để bảo trì tư hữu trong trách nhiệm, có *nhân lý* và có *nhân trí*, đây là một trong những định nghĩa về *nhân quyền*. *Tác nhân*là năng lực của xã hội, *chủ thể* là năng lượng của lịch sử, *nhân sinh* ngày càng nhiều tự do, *nhân tính* ngày càng nhiều tự chủ, nhờ vậy xã hội kết nối được với lịch sử, và khi phối hợp với nhau sẽ làm tăng *nhân trí*, để đẩy *nhân lý* ngày càng cao, rộng, sâu, xa mở hướng cho *nhân tri* phải hay, đẹp, tốt, lành*.*Cái*nhân lý*cao, rộng, sâu, xa phối hợp, hòa điệu với cái *nhân tri* hay, đẹp, tốt, lành làm ra *cao trào* cho *nhân trí*, định hình các *phong trào* cho *nhân lý*, luôn chủ động để hành động. Còn quyền lực độc tài, độc tôn, độc quyền, độc đảng thì thụ động trong ích kỷ, cho nên các chế độ toàn trị rất sợ các cao trào, và hay “*mất ăn, mất ngủ*” vì phong trào. Triết gia Deleuse thấy rõ nỗi lo này của cái *độc* quyền-tài-tôn-đảng này khi ông đúc kết: “*Le totalitarisme ne craint pas les valeurs, le totalitarisme ne craint que les mouvements*”, *chủ nghĩa toàn trị không sợ các giá trị, chủ nghĩa toàn trị chỉ sợ các phong trào*, muốn thay đổi, muốn đi lên, muốn tự quyết, vì muốn tự sinh. Hãy tìm cách đi xa hơn nữa nhận định của Comte, đi sâu hơn nữa phân tích của Deleuse để thấy rõ là tất cả các xã hội trong lịch sử của nhân loại, đều có *chính tri* (hiểu biết chính trị) trong sinh hoạt *nhân tri* *(hiểu biết nhân quyền)* của mình, chính tri này ngày càng sắc nhọn qua nhân tri ngày càng thâm đậm, với sự có mặt của tự do của tác nhân, tự lực của chủ thể. *Chính tri* (tri thức của chính trị) phải dìu dắt *chính giới* (ý đồ của phe nhóm, ý muốn của đảng phái*),* và *chính trị* luôn dùng *ý thức hệ* để giải thích quá khứ, với ý đồ là điều kiện hóa tương lai, theo một chiều hướng, tức là theo một mô hình tổ chức xã hội, dựa trên một quyền lực; và từ đó không còn tôn trọng nhân quyền, vì nhân quyền được chế tác từ *đa quyền* trong *đa nguyên*. *Đa* trong *tự*: tự do cá nhân, tự chủ tập thể, tự quyết dân tộc; *đa* hòa với *tự* tạo ra *tri,*chính tri có *đa thức* nhờ *đa dạng;*còn chính trị khi nhốt *ý* trong *hệ,*thì *đa* không bị cải tạo, cũng bị cải trang. Tự do là khai phá, ngược lại với ý thức hệ là theo một mô hình, lúc đầu là khuôn khổ, sau thành nhà tù, không những để nhốt các nạn nhân của ý thức hệ đó, mà cầm tù luôn cả các tác giả của ý thức hệ ngay trong tư duy của họ. Chính tri dựa vào nhân tri là mắt ngựa luôn mở, ngay cả giữa đêm khuya; còn chính trị của ý thức hệ là mắt ngựa dù mở giữa ban ngày nhưng đã bị che kín bới vải đen của *hệ*, chỉ biết chạy về một hướng, và chỉ biết cái hướng đó dù là tăm tối, chỉ vì không thấy đầy đủ ánh sáng của các hướng khác.*Đa* trong *tự,* nhưng *tự*cũngtrong *đa,*những đồng lý hội tụ nhau để thành đa số, nhưng những khác biệt khi biết các sống chung với nhau cũng có thể lập thành đa số; có khi cái đa số trong dị biệt còn thông minh hơn, còn sắc sảo hơn cái đa số của đồng lý (vì là đồng chí) đã có sẵn. Không phải chỉ có một loại hình về đa số, mà có *đa loại hình*, *đa mô hình* về đa số, cũng như có *đa* *loại hình*, *đa mô hình* về thiểu số. Và trong thực tế chúng ta còn có luôn *thiểu số của thiểu số*, nhưng nếu thiểu số của thiểu số có tài năng, có thông minh thì sẽ được đón tiếp bởi nhân tri của đa số. Nhân tri đa số có đủ nội lực để biến *thiểu số của thiểu số* này, một ngày kia thành *đa số của đa số*, để đưa cho bằng được *nhân trí của thiểu số* này vào *nhân sinh của đa số*. Kinh nghiệm tổ tiên của Việt tộc đã làm rõ chuyện này, cái chính nghĩa của *bề trên*là *thiểu số của thiểu số* sẽ trở thành *đa số của đa số* của *bề dưới*có trong bài học: “*Bề trên lượng cả bao đồng*, *khiến cho bề dưới đem lòng kính yêu*”; ngược lại *bề trên*muốn đại diện cho *đa số của đa số* mà: “*Bề trên ở chẳng chính ngôi,* *khiến cho bề dưới, bề tôi hỗn hào*” thì một ngày kia sẽ trở thành *thiểu số của thiểu số,* và sẽ đi tới mạt vận!

**Chính lý dẫn chính tri**

ĐCSVN dựng kịch bản “*phân quyền tứ trụ*” mà nhân gian nêu đích danh: “*cá mè một lứa*”*;*cho nên thảm họa lớn cho Việt tộc là sẽ không có *chia quyền* *vì bổn phận,*sẽ không có *cộng sức vì trách nhiệm*cho tất cả thành phần xã hội, đồng ý hoặc không đồng ý với ĐCSVN. Vậy thì *lối ra*, ở đây, vừa là *lối thoát* và vừa là *lối lên* của dân tộc hiện nay là gì? Chỉ có *nhân trí* mớibảo vệ được *nhân tri*, chỉ có *dân chủ*  bảo vệ được *dân chúng*. Dân chủ không phải chỉ là quyền ứng cử và quyền bầu cử, mà nội chất của dân chủ là *đối thoại thường xuyên,* là *đàm phán liên tục*; đối thoại và đàm phán trước, trong, sau khi đã ứng cử, sau khi đã bầu cử, vì hợp đồng dân chủ qua bầu cử chỉ là một trong những quá trình quản lý và xử lý dân chủ. *Khả năng đối thoại và bản lĩnh đàm phán* là các quá trình hằng ngày của dân chủ, thắng thành đa số, thua làm thiểu số, thắng thua nhau bằng *lý giải*, tức là bằng *lý luận* và *lập luận*, chứ không bằng bạo động dẫn tới bạo hành, tức là không bằng công an và quân đội. *Chính lý dẫn chính tri* rất dễ thấy trong các xã hội có dân chủ, biết sống văn minh, người ta di chuyển, giao thông trên đường phố, sẽ không thường thấy cảnh sát, công an *canh, gác, gườm, rình* mà chỉ thấy luật đi đường nơi mà mọi người hiểu và tôn trọng vì an toàn cho mỗi người, an ninh cho mọi người. *Chính lý dẫn chính tri* cũng dễ thấy trong nhân sinh quan của một quốc gia khi họ tự sáng tạo ra thế giới quan để sống chung với láng giềng, với lân cận. Honduras và Costa-Rica là láng giềng, là lân cận, nhưng trên lãnh thổ của Honduras, người ta thấy các tượng chiến sĩ với các khẩu lệnh “*sẵn sàng quyết tử*”, nhưng trên đất nước của Costa-Rica, cũng có tượng và khẩu lệnh nhưng rất khác Honduras, vì tại đây du khách có thể đọc được những câu rất *nhân tri dẫn chính tri* của dân tộc này: “*Trên quê hương này không có bà mẹ nào bị bắt buộc phải làm mẹ của liệt sĩ*”. Dân tộc Costa-Rica cũng yêu nước như dân tộc Honduras, vậy mà trên đất nước họ vắng bóng công an, tanh bóng cảnh sát, nhưng họ rất hiệu quả trong việc bảo an; họ không có quân đội, không có ngân sách quốc phòng nhưng họ rất bản lĩnh để bảo vệ đất nước họ, và họ rất khác người láng giềng kề cận Honduras. Costa-Rica bảo vệ môi trường rất thông thái, họ phát triển du lịch rất thông minh, họ sáng tạo trong kỹ nghệ truyền thông rất thông suốt, họ tiếp nhận toàn cầu hóa với sáng kiến rất thông hòa của họ. Costa-Rica lấy nội lực “*trong ấm*”,để dựng lên nộicông“*ngoài êm*”;lấy vai vế “*được mắt ta*” để gây dựng lên vai vóc “*ra mắt người*”;lấy tầm cỡ “*thuận buồm*” chính lý làm tầm vóc “*xuôi gió*” cho chính tri. Mặc dầu Costa-Rica là một nước nhỏ, dân số ít, nhưng họ vào các buổi họp của Liên Hiệp Quốc lưng thẳng, đầu ngẩng, và chưa hề quỳ gối trước bất cứ cường quốc nào. Trong khi hiện nay, người Việt mà đi lang thang trong các hành lang của các cơ chế quốc tế, thì hay bị chận hỏi bởi một câu rất lạ, làm ta phải chột dạ:“*Việt Nam có nhiều kinh nghiệm chiến tranh, đánh giặc giỏi, chiến thắng các cường quốc lớn, tại sao hiện nay các bạn để Trung Quốc ăn hiếp các bạn quá vậy?*”. Bị chận hỏi nhiều lần, bị nhiều lần chột dạ, tôi thấy cần phải trả lời thành thật với họ: “*Nói gần, nói xa, không qua nói thật: chúng tôi bị Trung Quốc ăn hiếp chỉ vì “bề trên ăn hưởng độc quyền, để cho bề dưới toàn quyền lênh đênh”, tức là chính quyền, tức là lãnh đạo của chúng tôi không có nội công chính lý, không có nội lực chính tri. Không có nội công trong chính lý, không có nội lực trong chính tri thì làm sao có tầm vóc trong chính trị!*”*.* Với năm tháng trôi qua, tôi không muốn đổi một dấu phẩy trong câu trả lời này. Nghĩ sâu chỉ thêm buồn, vì theo thống kê về số lượng tướng lãnh trong Bộ Quốc phòng và Bộ Công an, thì Việt Nam hiện nay là quốc gia có nhiều tướng nhất, nhưng *định lượng không phải là định chất*, vì những ông tướng này không biết và không muốn bảo vệ lãnh thổ, biên cương của tổ quốc Việt tộc trước ngoại xâm Trung Quốc, mà họ chỉ có “*biệt tài ăn hiếp dân oan*”, đàn áp *nhân quyền*, truy diệt *nhân lý*, mà chính họ cũng không biết là khi *nhân lý* đã bị diệt thì *chính lý* của họ cũng sẽ mất luôn.

Dân chủ sẽ là lối ra của Việt tộc, vì đây là chế độ vừa cởi mở liên tục với đa nguyên, vừa thao thức thường xuyên với nhân quyền – *nhân tính của nhân sinh*– luôn tìm cách tháo gỡ những khúc mắc tới từ các chướng ngại không những được tạo ra bởi các tư lợi mỗi ngày một phức tạp, mà còn tới từ các *ẩn số* luôn luôn mới đến trong khoa học, kỹ thuật, truyền thông… bó buộc các cơ chế phải thay đổi để có hành chính thích hợp, các định chế phải chuyển đổi để có pháp lý thích ứng. Như vậy thực chất của dân chủ là gì? Là khả năng giải luận – bằng lý luận và lập luận – sự thay đổi trong chính quyền qua bầu cử, sự chuyển tiếp quyền lực qua khả năng lãnh đạo của các chính phái khác nhau, trên mục tiêu và chương trình của họ; mà tất cả phải dựa trên thực tế “*có thực mới vực được đạo*”, với cái song nghĩa của từ *thực,*vừa là *lương thực*, vừa là *sự thực. Lương thực* cũng theo nghĩa đôi: “*cơm no, áo ấm*” và “*trong ấm, ngoài êm*”;rồi*sự thực* cũng theo nghĩa đôi: “*có tích mới dịch nên tuồng*” và “*có bột mới gột nên hồ*”*.* Không hiểu và không nắm *song nghĩa-lưỡng tự* này thì đừng lãnh đạo, cho dù là lãnh đạo của bất cứ đảng phái nào! Trong quá trình xây dựng chủ thuyết cộng sản mà lập luận là dựa trên duy vật biện chứng, lý luận kinh tế là hạ tầng kiến trúc để gầy dựng thượng tầng kiến trúc qua định chế và cơ chế, thì cha đẻ ra chủ thuyết này là Marx chưa hề giải thích đầy đủ về *lực hệ trọng của thị trường* được tổ chức qua *tự do cạnh tranh* trong các sinh hoạt kinh tế, mà Marx chỉ dùng kinh tế như chỉ báo lịch sử để giải thích các quá trình tổ chức xã hội. Cái thất bại từ thượng nguồn của chủ thuyết cộng sản chỉ xét kinh tế như *hạ tầng,*mà không xét nghiệm kinh tế là *chủ lực - chủ đạo;*định đề này ngày càng rõ trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế hiện nay, nơi mà các khủng hoảng thị trường tạo ra các suy thoái kinh tế, luôn bó buộc các quốc gia phải vừa thích ứng theo thời cuộc trong thương mại, phải vừa thích nghi theo tình huống trong cạnh tranh. Cuộc khủng hoảng 1919 là hậu nạn của chủ thuyết tự do cạnh tranh; nhưng cuộc khủng hoảng 2008, là họa nạn của một toàn cầu hóa kinh tế và thương mại đã có *sân chơi*, có *trò chơi*, nhưng chưa có *luật chơi*. Ở đây phải đẩy lý luận dân chủ đi thêm bước nữa: dân chủ là *động não* để tổ chức xã hội theo hướng công bằng, *vận não* để quản lý kinh tế theo quy luật của pháp lý, *vắt não* để bảo vệ tự do phải đi song hành với bác ái. *Tự do của nhân tri* phải kề vai với *công pháp của chính tri.* Chính vì vậy mà *nguyên tắc dân chủ* đã sống còn, vẫn tồn tại với thời gian, rồi phát triển mọi nơi trên thế giới, như một nguyên tắc phổ quát cho *nhân sinh,* trong một *nhân loại* biết quý trọng *nhân quyền*. Nhưng *nguyên tắc dân chủ*không phải là *ứng dụng* *dân chủ,*vì áp dụng qua hành động cụ thể là vấn đề trình độ nhân tri, mức độ của nhân trí. Phạm trù *nhân tri-nhân trí*là hệ vấn đề trung tâm của các *nguyên tắc - ứng dụng - hành động* trong dân chủ*,* luôn lấy cái danh chính của *nhân tính*, cái ngôn thuận của *nhân lý* để thắng cái vô minh của độc tài, cái vô tri của độc đảng. Vì nội chất *đa nguyên* của dân chủ là *đa kiến* để thấy được nhiều chiều, *đa thức* để có nhiều kiến thức khác nhau, tới từ *đa nguồn* trong quá trình hiện đại hóa các sinh hoạt xã hội.

Dân chủ còn là quá trình *tự chủ hóa* của nhân loại, trong đó các phong trào xã hội ngày càng *đa dạng*, vì tự do của cá nhân, của tập thể, của cộng đồng ngày càng *đa nguyên*, tạo ra các tác nhân tự chủ chế tác ra các sinh lực xã hội mới, từ chính trị tới công đoàn, từ kinh tế tới văn hóa… Các cuộc cách mạng công nghiệp, khoa học, kỹ thuật, truyền thông liên tục xuất hiện để củng cố hai cuộc cách mạng lớn của nhân loại: *cách mạng nhân quyền* và *cách mạng dân chủ*. Tất cả các cuộc cách mạng này không bao giờ ngừng, chúng không ở đằng sau chúng ta mà luôn ở trước mặt chúng ta, định hướng các chân trời cho nhân loại. Nhân tri của Việt tộc phải giải luận tới nơi tới chốn các chân trời này để *sống còn-rồi-sống chung* với thế giới văn minh, như vậy chính tri của chính trị phải luôn luôn thức tỉnh trước thử thách này của dân tộc, không được lỡ đò, sai tàu, trật đường như đã phản vận, bội kiếp với cái *hay, đẹp, tốt, lành*. Dân chủ luôn được mổ xẻ qua hai thực thể: chính trị và công pháp. Chính trị theo nghĩa chính tri trong cặp đôi *chính quyền-quốc gia*, trong đó chính quyền bảo vệ xã hội từ hiến pháp tới định chế, nơi mà pháp luật sẽ bảo quản tất cả các sinh hoạt của nhân tri, không ai được tham nhũng qua độc quyền, không ai được hối lộ qua lạm quyền. Tức là phải sống trong luật, không xé luật, không lách luật; tổ tiên Việt tộc đã dạy chúng ta rất kỹ: *Con ơi nhớ lấy câu này, cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan*. Dân chủ khẳng định phải thay đổi thường xuyên để tìm hướng đi lên trong luật pháp, vừa làm luật cho công bằng có đạo lý, vừa làm luật cho tự do có ý thức. Dân chủ không cho phép quyền lực chính trị đứng trên vai, đi trên lưng xã hội dân sự; ngược lại dân chủ tạo điều kiện cho quyền lực chính trị thực hiện các phương hướng đi lên cho nhân trí, tạo ra môi trường thuận lợi để bảo vệ nhân tri. Dân chủ không cho phép quyền lực chính trị ra lệnh, ép quyền trên xã hội dân sự, nhưng dân chủ tạo điều kiện thuận lợi cho quyền lực chính trị đề ra các chương trình giáo dục, đào tạo, huấn luyện trong một hệ thống xã hội biết tôn trọng nhân trí. Dân chủ rộng và mở luôn cho phép tồn tại trong chế độ dân chủ nhiều lực lượng chính trị rất khác nhau, mà lịch sử nhân loại đã cho thấy ít nhất là ba lực lượng: lực lượng bảo thủ (conservatisme) tôn vinh trật tự để quản lý xã hội; lực lượng tự do (libéralisme) dùng pháp luật để bảo vệ tự do cạnh tranh; lực lượng xã hội (socialisme) dùng công bằng để tạo ra công lý. Tranh cử qua bầu cử của các lực lượng này không những là sự tranh đua về phương hướng đi lên của xã hội dưới dạng các chương trình chính trị, mà cùng lúc là sự tranh hùng về tài năng và hiệu quả tổ chức xã hội. Bó buộc các lực lượng chính trị muốn lãnh đạo phải luôn có sáng tạo, có cải cách hoàn thiện để thắng cuộc trong chính trường dân chủ, làm ra được lực tổng thể giữa các cuộc cách mạng công nghiệp, khoa học, kỹ thuật, truyền thông, các cuộc cách mạng này hợp sức với các lực lượng chính trị – rất khác nhau nhưng có cùng một động cơ cạnh tranh – để củng cố dân chủ, từ đó đã làm ra cuộc *cách mạng nhân quyền*, mà sung lực từ 1789 không ngừng thăng hoa cho tới ngày hôm nay.

**Chính tâm đưa chính tri**

Đại hội XII của ĐCSVN đã xong, tin buồn lớn cho Việt tộc là sẽ không có *hòa hợp, hòa giải dân tộc* theo nghĩa vị tha nhất, bao dung nhất, khoan hồng nhất, để mọi con dân, để mọi thành phần, để mọi tầng lớp xã hội được đóng góp vào việc đưa đất nước đi lên. Làm chính trị mà không có nhân tri để thương dân thì làm sao có chính tri trên chính trường quốc tế. Nghịch lý là đây: lãnh đạo ĐCSVN ký vào hiệp ước nhân quyền của Liên Hiệp Quốc trong việc tôn trọng nhân quyền và ngừng tra tấn, nhưng cùng lúc mọi người có thể xem trên internet: công an bạo hành dân oan trên ngay mồ mả, đất đai của tổ tiên họ, công an tra tấn trong đồn bốt các thanh niên yêu nhân quyền, đày đọa trong ngục tù các tác nhân của dân chủ. Không có *nhân tâm* đừng mong có *chính tri* để làm *chính trị* trên bình diện quốc tế. Một bi kịch khác của ĐCSVN là sự vắng bóng thường xuyên của *trí tri* như một hằng số, trong cả lịch sử của ĐCSVN, cũng gần một thế kỷ từ khi thành lập Đảng 1930, không hề có một cuộc đối thoại – trực diện và trực tiếp giữa trí thức và các nhà lãnh đạo của ĐCSVN, công khai trước công chúng, như chúng ta vẫn thấy hằng tuần trên truyền hình của các nước dân chủ, văn minh. Đây không phải là lỗi của các đảng viên trí thức, mà chỉ là lỗi của các nhà lãnh đạo, họ không muốn vì họ lo, họ không làm vì họ sợ, cái lo và cái sợ để lộ cái *vô minh*, cái*vô giác* tức là cái *vô tri* của họ trước bối cảnh diễn biến phức tạp của *kiến thức* và *ý thức*, tức là của *nhân tri.*Đây là hậu quả trực tiếp của *độc đảng* đưa tới *độc quyền* rồi *độc tài* trong thể chế. Nếu chỉ biết dựa trên một ý thức hệ độc tôn thì dân tộc sẽ nhận mọi hiểm họa; vì khi một ý thức khi đã trở thành ý thức hệ, tức là tự nó đóng khung nó trong nhà tù của chính nó làm ra, mà tư duy là nhà tù thì không sao thấy, hiểu, chấp nhận các *đa dạng* của nhân tri, các *đa năng* của chính tri, các *đa thể* của cuộc sống. Khi một ý thức đã trở thành *hệ độc tôn* để giành độc quyền trong tổ chức và quản lý xã hội thì nó đã giết cái thông minh *đa chiều* của nhân tri, trong các kiến thức *đa phương* của nhân trí. Flaubert rất tỉnh táo khi nhận diện chuyện này: “*un pouvoir n’aime pas un autre pouvoir”, một quyền lực này không ưa một lực kia*. Giữ quyền để độc quyền, tư hữu hóa quyền lực như giữ của riêng của họ, thì mong gì họ đủ sức giải thích công khai trước công chúng: quyền lực của chính tri là để phục vụ cho nhân tri – nhân sinh và nhân trí – chứ không của riêng ai, không của một đảng nào cả! Chuyện lạ hơn nữa là khi họ nhìn vào lịch sử cận đại của nước láng giềng Trung Quốc, họ sẽ thấy trường hợp của Đặng Tiểu Bình không chia quyền cho ai nhưng có tầm vóc của minh vương, có bản lĩnh của minh chủ, có nội công của minh chúa, lấy cái độc đảng – độc quyền để nhanh chóng đưa đất nước to như một lục địa này ra khỏi nghèo nàn lạc hậu, giờ đã ở vị trị hàng đầu, đủ lực để tác động bước đi chung của nhân loại trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Nhìn qua hàng xóm, láng giềng để tự nhìn ra mình rõ hơn, tổ tiên Việt tộc đã dặn dò rõ điều này: *biết người (để) biết ta*. Không có nhân tri dựa trên *đa thể* của nhân quyền và *đa nguyên* của dân chủ, các nhà lãnh đạo của ĐCSVN cũng không có luôn vai vóc của minh vương, có gân cốt của minh chủ, có nội lực của minh chúa, như vậy chỗ đứng của họ trong nhân tri không còn chính đáng nữa, chỗ ngồi của họ trong chính tri không đáng tôn trọng nữa, chúng ta được quyền kết luận như vậy vì đây là *nhân trí* của mọi công dân yêu nước.

Khi tiếp xúc với các nhà lãnh đạo của ĐCSVN, chúng ta thường thất vọng trước kiến thức giới hạn của họ về các kinh nghiệm thông minh của chính giới trong các quốc gia dân chủ, văn minh, *họ không biết* và *khi được thông tin để biết* thì họ tự kết luận là họ *không cần biết*, đây thật là một tai họa cho Việt tộc, vì các kinh nghiệm thông minh của chính giới quốc tế có đầy ngập trong chính tri. Chẳng hạn như thủ tướng Willy Brandt của Tây Đức, trong bối cảnh phức tạp của Âu châu sau thế chiến thứ hai mà Đức Quốc Xã đã tàn diệt bao triệu sinh linh, dân tộc Do Thái bị tàn sát theo một chương trình diệt chủng; rồi trong thực tế của Tây Đức sau thế chiến thứ hai với các lực lượng bảo thủ và cực hữu còn mạnh, ông đã (tự ý mà không cần hỏi ý kiến ai cả) *quỳ* trước đài tưởng niệm những người Do Thái đã bị tàn sát. Chỉ một cử chỉ như vậy, không diễn văn, không nhiều lời, trong biểu tượng *quỳ* này ông đã xin lỗi cả dân tộc Do Thái một cách sâu đậm nhất, vì ông *làm chính trị với chính tri*, luôn dựa trên *chính tâm*. Các bạn thanh niên, những đứa con tin yêu của Việt tộc, nếu có dịp – du học hoặc du lịch – các bạn hãy tới những thành phố có nhân tri cao, có các lãnh đạo có chính tri rộng, các bạn sẽ thấy những con đường, những công trường mang tên Willy Brandt, *nhân tri* *thật* không bao giờ “lộn sòng” *chính tri giả* đâu các bạn ạ! Người Việt có quyền mong ước một điều thiêng liêng, mà chính giới gọi là *hòa hợp - hòa giải dân tộc*, mà Phật giáo biết lập thành *trai đàn giải oan*, và chúng ta hy vọng là các lãnh đạo tối cao của ĐCSVN, của nhà nước, của chính phủ: *biết quỳ gối* (như Willy Brant) trước các hương linh – trực tiếp hoặc gián tiếp – là nạn nhân của ý thức hệ cộng sản, của cái độc quyền có lúc đã trở thành bạo quyền, truy hại bao sinh linh của Việt tộc. Cái *liêm chính của nhân tri* được quyền yêu cầu cái *liêm s****ỉ*** *của chính tri* để “giải oan” cho tới nơi, tới chốn trên đất nước có một dân tộc biết gọi nhau là *đồng bào*, có cùng một bào thai, vì có cùng một mẹ Việt Nam. Những câu chuyện xưa trong quá trình đàn áp văn nghệ sĩ của chế độ toàn trị do ĐCSVN áp đặt, từ trong kháng chiến, khi phỉ báng những người”*về thành*”, rồi tới vụ án Nhân Văn – Giai Phẩm sau cải cách ruộng đất, cho tới chuyện trừng phạt những người sáng tác miền Nam sau 1975 trong các trại cải tạo, đây không phải chỉ có chuyện ý thức hệ, mà còn là chuyện hoàn toàn của *tri thức*, tức là chuyện của trình độ trong sáng tạo cũng như trong nhận định giá trị cái *hay*, cái *đẹp*, từ *mỹ thuật* qua *mỹ học*. Những kẻ được giao quyền kiểm duyệt, tuyên huấn, cải tạo, phê bình các văn nghệ sĩ chân chính, thật ra là một đám bồi bút trình độ quá thấp so với các văn nghệ sĩ chân chính. Trí thức có tri thức phải *nực cười* vì những lý lẽ giáo huấn loại văn nghệ phục vụ chính trị của các kẻ đại diện ĐCSVN, những lý lẽ vừa bạo hành trong quyền lực, vừa thô thiển về tri thức trong văn nghệ, khi Tố Hữu hại Hoàng Cầm, khi Trần Hoàn ganh với Trịnh Công Sơn; không kể những bọn bồi bút “thô tri” tự cho quyền phê phán Phạm Duy. *Dân tri* – dân chúng có tri thức – không lầm khi họ vẫn hát, khi họ vẫn hàng ngày thưởng ngoạn nhạc Phạm Duy, Trịnh Công Sơn, trong say mê, trong trân quý. Vì họ nhận diện được *tự tình dân tộc* trong ca từ của Phạm Duy, *tự tình nhân tri* trong thi từ của Trịnh Công Sơn, chưa kể tới tài năng sáng tạo giai điệu âm nhạc của các nhạc sĩ này. Nhân tri có nhân trí, họ không để xảy ra chuyện *vàng thau lẫn lộn,*chỗ đứng của *nhạc vàng*trên*nhạc đỏ* hiện nay thì ai cũng rõ; chỉ có bọn bồi bút là không có *nhân tri*vì không có *nhân trí*, lại để vắng bóng *nhân lý* nên đã đánh mất luôn *nhân cách*, vì chúng không đủ can đảm tự thú là chúng thiếu tài, kém khiếu… thấp xa các văn nghệ sĩ chân chính mà chúng đã có lần nhục mạ. Vậy mà, các văn nghệ sĩ chân chính này không thèm trách cứ chúng, dù qua ngạn ngữ, ca dao, chẳng hạn như “*Rồng vàng tắm nước ao tù/ Người khôn ở với người ngu bực mình*”, chẳng hạn như “*Thân em như giếng giữa đàng*/*Người khôn rửa mặt, kẻ hèn rửa chân*”. Nhân tri có nhân trí không chấp nhận cảnh “*Lụa kia tuy trắng, vụng cầm cũng đen*”, cái trắng bị làm bẩn thành đen của bọn “*chặt to, kho mặn*”,trong số phận“*chó cậy gần nhà*”, luôn sống kiếp “*gà què ăn tựa cối xay*”.

**Chính pháp nắm chính tri**

Đại hội ĐCSVN đã xong, tin buồn lớn cho Việt tộc là sẽ không có *dân chủ hóa* xã hội dân sự. Cái khác nhau giữa hai chế độ: *toàn trị* và *dân chủ* nằm ở trong lý luận và lập luận của *chính pháp* – chính nghĩa của pháp luật. Hãy lấy thí dụ con bệnh ung thư đang gặm nhấm xã hội Việt Nam hiện nay: tham nhũng nội kết với tham ô, đút lót sinh đôi với hối lộ, *chế độ* *toàn trị* dàn cảnh, dựng tuồng để dân tình phải coi con bệnh ung thư này là bình thường, là cơm bữa, ngược lại*chế độ* *dân chủ* chỉ chấp nhận nó tạm thời, sau đó sẽ mang nó ra ánh sáng để tra, để xét, để xử, để phán cho bằng được. Cái *xấu, tồi, tục, dở* thường được coi là *chấp nhận được* trong chế độ toàn trị, vì bị bắt buộc chấp nhận, thì trong chế độ dân chủ sẽ bị coi là *không thể* *chấp nhận được,*vì không có nhân lý gì phải chịu đựng nó. Cái chính pháp của chế độ toàn trị nó huyền ảo, để dễ đánh lận con đen; cái chính pháp của chế độ dân chủ nó hiện thực, để làm rõ chuyện “*cướp ngày là quan*” là không thể chấp nhận được*;*“*con vua thì được làm vua*” là không thể chấp nhận được*,*và nếu không thể chấp nhận được*,* thì đừng dung thứ nó, vì dung thứ cái *xấu, tồi, tục, dở* bây giờ, thì sau này sẽ vô tình tha thứ cho cái *thâm, độc, ác, hiểm.*Đó cũng là cái bi kịch của ĐCSVN đangdung thứ cái *xấu, tồi, tục, dở* ngày qua để phải nhận cái *thâm, độc, ác, hiểm* của bọn lãnh đạo Trung Quốc ngày nay.Chính pháp luôn mang theo nó ba nội dung: mọi người bình quyền trước pháp luật, dù người đó cầm quyền hay là nạn nhân của quyền; không ai được đứng trên luật, dù người đó viết ra luật hay không biết luật. Sáng ngày 1 tháng 4 năm 2016 trong buổi họp quốc hội, chúng ta thấy được ba *nhân tri đẹp* của ba vị đại biểu: Võ Thị Dung, Lê Văn Lai, Trương Trọng Nghĩa, bị lạc lõng trong một quốc trường hoàn toàn vắng chính tri, trên truyền hình chúng ta thấy các khuôn mặt của các đại biểu ngồi chung quanh ba vị đại biểu này, một tập thể thờ ơ đến độ trâng tráo, không có nhân phẩm trong sĩ diện, không có nhân tâm trong khí thế để đứng cùng phía với ba vị này, khi cả ba đề cập đến các lĩnh vực đang bao trùm trên số phận của Việt tộc từ kinh tế tới xã hội, từ giáo dục tới đạo đức, và không quên kể tội bọn ngoại xâm Trung Quốc trên biển Đông đang cướp chủ quyền của ta. Ba vị đại biểu này càng thẳng lưng khi phát biểu, thì đám *nghị gật* chung quanh càng cúi đầu, cúi thân, như bị đe dọa bởi một bạo lực vô hình nào đó, vì cúi quá thấp nên đám *nghị gật* này đã đánh rơi xuống đất *nhân cách chính tri* của họ. Đại biểu Võ Thị Dung nêu lên cái“*lo về sự suy thoái về đạo đức xã hội, văn hóa càng lúc càng suy đồi, các giá trị truyền thống bị mai một hoặc xuống cấp*”,đi cùng với cái“*lo nạn ngoại xâm từ Trung Quốc, kẻ trước đây đã chiếm Hoàng Sa và Trường Sa, nay lại bồi đắp các đảo nhân tạo ở Trường Sa để mưu toan lấn chiếm cả Biển Đông của Việt Nam*”*.*Đại biểu Lê Văn Lai rất rành mạch trong chất vấn:“*Tôi ngạc nhiên khi trong tất cả báo cáo của* ***c****hính phủ và các cơ quan hữu quan đánh giá về Biển Đông đều cho rằng “đảm bảo chủ quyền, lợi ích quốc gia”. Đánh giá “đảm bảo chủ quyền quốc gia” trong khi người ta xây sân bay, kéo pháo hạm, đưa máy bay tiêm kích, o ép dân, cướp bóc dân, thậm chí là giết dân… Người ta sắp tuyên bố những điều xâm phạm tới chủ quyền như là dùng các chuyến bay cắt ngang các chuyến bay truyền thống được quốc tế công nhận… Trung Quốc xâm phạm chủ quyền của chúng ta tần suất 20 năm một lần. Năm 1956 chiếm Đông Hoàng Sa. Năm 1974 lấy Tây Hoàng Sa. Năm 1988 lấy đảo Gạc Ma. Năm 2014 kéo giàn khoan vào biển Đông và sau đó tần suất dài hơn, dày hơn để xâm lấn chủ quyền. Trong khi đó chúng ta ngồi đây và yên bình đánh giá là đảm bảo chủ quyền quốc gia. Liệu điều đó có công bằng? Đánh giá như thế thì chúng ta đưa ra quyết sách, sự phản đối, đối kháng đã đủ chưa, phù hợp không*?”*.*Đại biểu Trương Trọng Nghĩa yêu cầu nêu đích danh Trung Quốc là ngoại xâm, vàphải xác định chúng là*thù,*chớ không phải là*bạn.*Mà năm qua chúng ta không quên cảnh *hỗn quân, hỗn quan* ngay trong chóp bu của Bộ Chính trị, nơi mà Nguyễn Phú Trọng bôi mặt khi tuyên bố: “*Tình hình Biển Đông không có gì mới*”, và Nguyễn Tấn Dũng, khi đó còn là **t**hủ tướng đã bơi ngược dòng, để nói ngược chiều: “*Chủ quyền lãnh thổ, biển đảo là thiêng liêng, nhất định không chấp nhận đánh đổi điều thiêng liêng này để lấy một thứ hòa bình, hữu nghị viển vông lệ thuộc nào đó*”. Câu chuyện chính tâm trong chính tri của giới lãnh đạo hiện nay, phải được xem xét cho tới nơi, tới chốn: cúi đầu trước ngoại xâm Trung Quốc nhưng lại đàn áp thẳng thừng các cuộc biểu tình yêu nước đòi lại chủ quyền của ta trên biển Đông (Hoàng Sa, Trường Sa). Hương linh của hàng vạn đồng bào đã bị giết hại ở biên giới Việt – Trung, cùng với sự hy sinh của 88 chiến sĩ ở đảo Gạc Ma, đã không nhận được một nghi lễ tưởng niệm chính thức nào lại còn bị cấm; chưa hết các đồng đội của các chiến sỹ đã hy sinh tại biên giới 1979, chỉ muốn đặt vòng hoa tưởng niệm, đã phải chứng kiến cảnh *công an trá hình thành du đảng* tới sỉ nhục, quấy phá, xua đuổi họ.

Hiểm họa, trực tiếp và dài lâu, đe dọa từ chủ quyền của đất nước tới sinh mệnh của giống nòi Việt tộc vẫn là xâm lược Trung Quốc, nhân tri cũng phải xem xét cho tới nơi tới chốn các hiểm họa này. Tại sao lại để cho các tập đoàn Trung Quốc vào ào ạt ngay từ cuối thế kỷ qua, để xây dựng hơn 40 nhà máy đường trong gần 30 tỉnh, thành phố, những nhà máy này không làm ra lợi nhuận mà chỉ để lại những con nợ khó đủ sức thanh toán? Cũng vẫn con số hơn 40 nhà máy xi măng lò đứng của Trung Quốc sản suất ra loại xi măng chất lượng tồi, mang đến tai họa hiện nay là 40 nhà máy này biến thành 40 hố thẳm vùi tiền, cùng lúc gây ô nhiễm trầm trọng môi trường. Tai tiếng của các tập đoàn Trung Quốc ai cũng biết: đi tới đâu là làm ô nhiễm môi trường tới đó, từ Á châu qua Phi châu, mà họa nạn thấy rất rõ ở ngay trên nước bạn láng giềng với Việt Nam là Lào, qua việc sử dụng quá bừa bãi thuốc chống rầy, được dùng với mức quá cao, hiện gây ra bao bệnh tật với số lượng nạn nhân ngày càng cao, mà chính quyền Lào đang giấu dân họ. Môi trường ô nhiễm của Lào do các tập đoàn Trung Quốc gây ra vừa trong nông nghiệp, vừa trong chuyện xây dựng bừa bãi các nhà máy thủy điện, giờ đây đã theo dòng sông Mê Kông xuống gây ô nhiễm cho Thái Lan, mà Việt Nam sẽ khó tránh khỏi trong những ngày tới. Các tập đoàn Trung Quốc đi tới đâu là tham nhũng và hối lộ sinh sôi tràn lan tới đó, tiếp đến là nạn thất thoát ngân sách, rồi sản xuất bị què quặt, sau đó là thị trường bị gài bẫy, đi cùng với ý đồ chuyển người, đưa dân qua đường lao động. Thế giới ngày càng thấy rõ cách làm gian lận về mọi mặt này của các tập đoàn Trung Quốc, luôn được sự hỗ trợ trong bóng tối của các lãnh đạo Trung Quốc, mà hiện nay khi đã dính tới các tập đoàn Trung Quốc thì sa lầy không có lối ra. Nhà máy gang thép Thái Nguyên đang chịu số kiếp thui chột trong sản xuất; nhà máy liên hợp gang thép Vạn Lợi, Hà Tĩnh cũng trong số phận dở sống, dở chết; còn nhà máy sợi Đình Vũ, Hải Phòng quyết định dừng sản xuất để chống thua lỗ. Chính các lãnh đạo của Bộ Chính trị đã quyết định mở cửa cho các tập đoàn Trung Quốc ngay cuối thế kỷ vừa qua, đó là lời giãi-bày-như-tự-thú của Phan Văn Khải khi còn là **t**hủ tướng, như vậy thì Bộ Chính trị đừng nói là họ không biết là các tập đoàn này đã có sẵn các ý đồ thao túng kinh tế, gài bẫy thương mại, giật dây thị trường Việt Nam. Trong đạo đức học, các triết gia phân biệt hai loại đạo lý, ở đây đạo lý làm giá trị cho luân lý: *đạo lý tối thiểu* là không được làm hại tính mạng, làm tổn thương nhân cách kẻ khác; *đạo lý tối đa* là có trách nhiệm trước các nguy hiểm đe dọa tính mạng của kẻ khác, phải giúp đỡ kẻ khác trong nguy cơ. Nếu Bộ Chính trị không có *đạo lý tối đa*để bảo vệ Đất Nướctrước thảm họa Trung Quốc, thì ít ra họ phải có *đạo lý tối thiểu*trước Việt tộc. Nếu Bộ Chính trị có *chính tri* được chế tác bằng *chính tâm* của họ, thì họ phải nói cho dân chúng biết là bao nhiêu chục ngàn tỷ đồng bị thất thoát, bị tham nhũng vào các vụ có dính dáng đến các tập đoàn Trung Quốc? Tại sao phải giấu? Giấu là hèn, là nhục! Họ giấu tức là họ đang điếm lận với chính tâm của họ.

**Nhân tri nâng chính tri**

Đại hội ĐCSVN đã xong, dự báo một tin buồn lớn cho Việt tộc là sẽ không có thay đổi, thay đổi theo nghĩa là thăng hoa về hướng *hay, đẹp, tốt, lành,* theo nghĩa thay đời đổi kiếp của hướng đi lên, để làm chủ vận mênh của mình, làm chủ trong phát triển, làm chủ để bảo trọng *nhân tri* của mình. Cái mãn cuộc trong *phân công*, tức là cái kết cuộc trong *giành quyền* và *đoạt chức* của đại hội ĐCSVN, vậy là cái “*chia chác*” coi như tạm xong của những nhóm có lợi ích riêng, tạo ra *cái buồn suy não* vì: sinh mệnh của Việt tộc vẫn thấp hơn các tư lợi của các bè nhóm này. Ở đây, người viết bài này, phải giữ lòng tôn kính không những đối với các người đã hy sinh để thống nhất đất nước và đã nhận thức cái sai lầm khi chọn cộng sản chủ nghĩa làm ý thức hệ, và người viết bài này, cũng phải trân quý luôn các đảng viên ĐCSVN hiện nay vẫn liêm chính yêu nước, nhưng không đủ lực để làm thay đổi chính tri của các lãnh đạo đã và đang nắm quyền lực trong tay. Nhưng các lãnh đạo tối cao hiện nay của ĐCSVN phải hiểu là không có cái *liêm chính của chính tri* thì đừng mong có cái *chính đại* *của chính tâm*. Phải biết tâm nguyện bài học của tổ tiên Việt tộc, đúc kết chỉ trong bốn chữ: *ăn ở có hậu,*mà *minh triết của chính tri* nói rõ trong câu:*hãy để giành củi những ngày mưa!*Ngày 11/4, World Bank – Ngân hàng Thế giới – đã nghiêm báo với chính phủ Việt Nam là các tác động tiêu cực vẫn đe dọa sinh hoạt kinh tế hiện nay, họ không tin là triển vọng tăng trưởng 2016 của Việt Nam sẽ vượt mức 6,5% như chính các lãnh đạo đã đưa ra, chỉ vì thâm hụt tài khóa của Việt Nam đã diễn ra ở mức cao trong thời gian đã quá dài, trong đó tình trạng nợ công luôn vụt tăng nhanh, cùng với nghịch lý của dự trữ ngoại tệ thấp và luôn theo xu thế giảm. Ngoài nợ công luôn tăng, còn ẩn giấu một ung thư khác trong tài chính là nợ xấu của các ngân hàng chưa hề được mạnh mẽ cải thiện, đi đôi với một ung thư khác trong kinh tế là doanh nghiệp nhà nước nhiều về định lượng và kém về chất lượng*;*cùng lúc mang theomột hoạn bệnh khác nữa trong doanh nghiệp tư nhân, có nơi phải ngừng hoạt động vì không có xung lực trong cạnh tranh, có nơi lại đi bán cho các công ty khác qua thương vụ mua lại sáp nhập. Trong khi đó thì sức lực nền kinh tế hiện nay chỉ tới từ khu vực đầu tư nước ngoài, cái bất ổn này có thể là động cơ của các biến loạn sắp tới. Cùng lúc ASEAN đang cho lộ hình xuất dạng Cộng đồng Kinh tế của mình với tự do cạnh tranh, và hàng hóa của các nước ASEAN láng giềng chung quanh Việt Nam sẽ tràn lan hơn hiện nay, và cuộc đổ bộ của các doanh nghiệp của Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Philippines… đã bắt đầu rồi từ vài năm qua, khi họ sớm đầu tư vào Việt Nam để chiếm ưu thế thị trường của Việt Nam, nơi mà các doanh nghiệp trong nước còn òi ọt, nơi mà chính sách của nhà nước vẫn «nhắm mắt» trợ lực cho đầu tư nước ngoài mà các tập đoàn của Trung Quốc vẫn đa số, và ngược lại quốc sách kinh tế vắng bóng để tạo ra một xung lực cho các doanh nghiệp tư nhân quốc nội. Cái luận điệu được sử dụng xung quanh đại hội XII của ĐCSVN vừa qua là: “*doanh nhân yêu cầu chính quyền giữ trật tự xã hội tốt để doanh nghiệp yên trí làm ăn, tránh trường hợp hỗn loạn “dân chủ” kiểu Thái lan vừa qua*”, đây chỉ là trò lén lút bịp bợm, sự thật là kinh tế và đầu tư tại Thái Lan vẫn ổn định, chớ không bất ổn như Việt Nam hiện nay. Du lịch tại Thái Lan vẫn lên, trong khi du lịch Việt Nam đã xuống; hàng hóa của Thái Lan tại Việt Nam ngày càng nhiều, ngày càng đa dạng, trong khi hàng hóa của Việt Nam tại Thái Lan có chỗ đứng rất què cụt. Cũng chính bọn lạm dụng luận điệu này cũng đưa ra một luận điệu khác là: “*muốn làm công nghiệp, du lịch, kinh tế thì phải chấp nhận ô nhiễm môi trường*”; nhưng trong thực tế thì các nước để ô nhiễm môi trường tràn lan thì chỉ thấy công nghiệp, du lịch, kinh tế đi xuống… xuống vực! Ngược lại các quốc gia biết bảo vệ môi trường khi làm công nghiệp, du lịch, kinh tế thì họ đi lên, hội nhập quốc tế của họ vững, chính tri của họ trong chính trường toàn cầu hóa ở thế cao; các báo cáo quốc tế minh chứng bằng các số liệu rất rõ về chuyện này. Chúng ta đừng để bọn có chính trị *chống dân chủ - hủy môi trường* lãnh đạo chúng ta, vì chúng không có chính tri, nên chóng chày chúng sẽ tìm cách tiêu diệt nhân tri của chúng ta.

Khuyến cáo củaNgân hàng Thế giới có *chính lý,*vì họ yêu cầu các lãnh đạo ĐCSVN trở lại với nhân tri để tạo *nội lực* cho khu vực doanh nghiệp quốc gia, để làm ra *xung lực* trong hội nhập quốc tế, tạo nên *sinh lực* khi thi hành các hiệp định mà Việt Nam đã ký trên chính trường quốc tế. *Ngoại lai hóa kinh tế* Việt Nam như hiện nay là phản nhân tri, tức là vô tri trước các biến động sắp tới của toàn cầu hóa. Di sản kinh tế Việt Nam kể từ ngày đất nước thống nhất 1975, là nợ công luôn đi đôi với thâm hụt ngân sách, với những thất thoát lớn của một loạt tập đoàn kinh tế nhà nước mà tham nhũng là nguyên nhân chính, vẫn chưa bị đẩy lùi, vẫn tràn ngập. Đọc kỹ hơn thông điệpcủaNgân hàng Thế giới đối với chính quyền Việt Nam: *nếu không cải cách thể chế thì Việt Nam sẽ không thể phát triển được,*không thể đạt được mục tiêu là năm 2020 để trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đất nước chúng ta đang đứng trước ba hiểm họa: nợ công trùm phủ các dự phóng về phát triển; nợ xấu làm ung nhọt hệ thống ngân hàng; đi cùng với cái thiếu hơi, ít sức trong quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Ba hiểm họa đang bị biến thành nhiều trọng bệnh khác do tham ô, hối lộ có mặt trong mọi định chế và cơ chế. Nhân tri trong xã hội Việt Nam hiện nay để lộ rất rõ *5 khủng hoảng niềm tin* vừa to lớn, vừa sâu đậm trước khả năng lãnh đạo của ĐCSVN, vì ĐCSVN *không có* *năm nội dung chính tri*. *Không có chính đạo* khi vừa để Trung Quốc chiếm đảo, vừa đưa các tập đoàn của Trung Quốc vào làm thâm thủng kinh tế Việt Nam. *Không có chính nghĩa* khi không vạch mặt, chỉ tên chính Trung Quốc là kẻ thù đang cướp nước chúng ta, lại vừa lừa bịp dân tình khi coi kẻ thù này là láng giềng tốt với luận điệu lừa bịp “Bốn tốt”, “Mười sáu chữ vàng”. *Không có chính lý* khi không có chương trình quyết liệt để diệt tận gốc tham nhũng, hối lộ, đang gây bao ung thư cho kinh tế, cho xã hội, mà ĐCSVN vẫn là nơi làm chuyện “*cướp ngày là quan*”, trực tiếp hoặc gián tiếp tha hóa nhân tri. *Không có chính tâm* khi không thấy rõ quyền lợi của đất nước trước hiểm họa ngoại xâm, không nhận *lỗi* trước cái sai lầm trầm trọng trong tổ chức và quản lý kính tế, văn hóa, giáo dục… mà lỗi hiện nay đang đi vào lộ trình của *tội*. *Không có chính pháp*, vì *lỗi*và *tội*hiện nay không hề được pháp luật xét xử công minh, qua công bằng trước công lý; bọn *xé luật, né luật, lách luật* vẫn ngang nhiên vơ vét của cải dân tộc.*5 khủng hoảng niềm tin này*tớitừ chuyện vắng bóng*năm nội dung chính tri,* đây là lịch sử cận đại đau buồn của đất nước từ khi có ĐCSVN, 1930, mà hậu quả được thấy ngay từ 1975, ngày càng lộ rõ nội chất trong thế kỷ XXI này, với thái độ vừa ươn hèn, vừa lừa lọc của các lãnh đạo trước nguy cơ ngoại xâm Trung Quốc. *Có chức phải có đức*, liêm sỉ của *chức* là biết nhận ***lỗi****,*lương tri của *đức* là tránh rơi vào *tội*, muốn gỡ *lỗi*thì phải biết *hối –*lấy nhân lý bồi đắp chính tri*,* muốn không rơi vào *tội* thì phải biết *cải* – lấy nhân nghĩa cải hóa chính tri; vì *hối cải* đưa *chính tri* vào con đường *danh chính ngôn thuận* với nhân tri. Hãy đọc lại các tuyên bố của tân **c**hủ tịch **n**ước Trần Đại Quang, sau khi nhậm chức:

*1. Độc lập, để bảo vệ vững chắc chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, lãnh hải, để chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, bảo vệ lãnh thổ, lãnh hải thiêng liêng của Tổ quốc,*

*2. Giữ hòa bình để phát triển đất nước, cải cách tư pháp, bảo vệ Hiến pháp, pháp luật, quyền công dân, phát huy dân chủ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân*.

Thời gian sẽ trả lời về chính tri này của ông trước nhân tri của Việt tộc, nhưng như đầu bài chính luận này đã nhắc 8 lần lỡ tàu của ĐCSVN, tới từ chuyện thiếu nhân lý nên vắng chính tri của các lãnh đạo, chúng ta nên cẩn trọng với các lời hứa (hão) của chính khách, qua các xảo thuật của chính giới. Trong tâm lý học, có trường phái s*ituationniste*, giải luận tình huống*,* nhận định là không ai sinh ra thành hèn nhát, cũng không ai sinh ra là can đảm; hèn nhát và can đảm không hẳn là một *hằng số*, mà thường là *ẩn số*, rất dễ trở thành *biến số* trước con tính ích kỷ cá nhân trong bối cảnh phức tạp luôn thay đổi của so sánh lực lượng, trong những tình huống khác nhau, con người “biến thiên” theo thời cuộc, *thời bắt thế, theo thời phải thế*. Aristote không đồng ý với quan điểm này khi ông phân tích nguồn cội của đạo đức, được sinh ra và lớn lên trong quá trình tôi luyện của cá nhân trong những môi trường giáo dục đạo lý, biết kiềm chế trước hưởng thụ, biết can đảm trước thăng trầm. Can đảm có sức thể hiện đạo đức bề ngoài, nhưng có mang nội dung luân lý không? Một người lính trung thành trong mù quáng dưới quyền điều khiển của một bạo chúa, hắn can đảm trong trận mạc, rồi dùng can đảm này trong đàn áp dân oan, thì hắn có nội dung luân lý không? Câu trả lời là không! Và Việt tộc mong là quân đội và công an sẽ biết từ chối khi nhận được các lệnh bất nhân là đánh dân, giết dân. Như vậy, một hành động can đảm phải luôn mang trong gốc, rễ, cội, nguồn của nó một giá trị *đúng*, đúng trong bất di bất dịch, đúng khi chống bất công để bảo vệ công bằng, và đúng khi đưa nhân phẩm thăng hoa theo những cái *hay, đẹp, tốt, lành*. Đạo đức luôn dựa vào nghĩa vụ trong đó can đảm phải kham bổn phận và trách nhiệm, làm nguyên tắc và phương hướng của mọi tình cảm luân lý; đạo đức cũng phải biết dựa vào tư duy về hậu quả, không gây hậu quả xấu cho đồng loại, luôn tạo hiệu quả lành cho nhân sinh. Dewey dặn dò ta phải ngờ vực luôn cả các cứu cánh của ta, mặc dù ta có đầy đủ các lý lẽ để thực hiện chúng, vì các cứu cánh của ta khi biến thành mục đích, mục tiêu trong cuộc sống, mà ta không thực hiện được trọn vẹn, đầy đủ vì nó đòi hỏi sự can đảm, lòng dũng lược quá cao mà không ai với tới, thì nó không còn nguyên vẹn là cứu cánh nữa. Từ đây *trường phái* *thực dụng* ra đời, dựa trên định đề: lập luận về cứu cánh dù là đầy đủ về ý thức, trọn vẹn về luân lý, hoàn chỉnh về đạo lý cũng chỉ là thượng nguồn của lý trí, làm chỗ dựa cho các ý nguyện; nhưng trong thực tế thì không gian và thời gian của một quyết định thực, của một hành động chính thực và cụ thể mới là gốc, rễ, cốt, lõi của vấn đề. Hãy giữ câu*:*“*Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân*” trong tuyên bố của tân chủ tịch nước Trần Đại Quang, để xét *nhân lý - nhân trí* của cá nhân ông trong những ngày tới. Vì*nhân tri* khi đã dẫn dắt được *chính tri*, thì quyết đoán chính tri đúng và lành sẽ có chỗ đứng sâu đậm trong nội công và bản lĩnh của Việt tộc; vì nhân tri đủ tầm vóc để nhìn lại quá khứ của cả một dân tộc, chẳng hạn như cuộc chiến tranh cuối cùng của thế kỷ qua, Bắc Nam máu đổ xương rơi, với hơn 6 triệu hương linh, mà thực chất chỉ là một cuộc nội chiến huynh đệ tương tàn. Trong cả một giai đoạn dài, 1954-1975, chính tri – *chính kiến trong chính giới*– đã không có chỗ đứng trước các sức ép không những của các cường quốc muốn áp chế Việt Nam thời đó, mà chính các ý thức hệ lai căng đã dồn ép dân tộc ta vào thảm trạng và bi kịch huynh đệ tương tàn này. Chúng ta phải lấy ra những bài học tỉnh táo của nhân tri để làm ra cái sáng suốt cho chính tri: các thế hệ đàn cha, đàn anh hãy viết thật rõ lịch sử giai đoạn này với tất cả *thiện ý* của nhân tri để các thế hệ đàn con, đàn em hiện nay đang muốn đóng góp với đất nước có được cái thông minh qua đối thoại của *bầu bí vẫn leo chung được một giàn,* trong cái *thiện chí* của một dân tộc cùng giống, cùng nòi, *Nam Bắc một nhà,* để vượt qua cái vô minh *gà nhà bôi mặt đá nhau* bằng các ý thức hệ của ngoại bang. Cái thông minh đối thoại của anh em một nhà, đóng cửa chỉ bảo nhau, có trong truyền thống tổ tiên của Việt tộc, *một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ,* thông minh vì biết đối thoại, biết đối thoại để hiểu nhau, biết hiểu nhau để thương nhau, biết thương nhau để che chở, đùm bọc nhau. Nếu chúng ta có nhân tri thì chúng ta đủ thông minh để biến *chuyện* *thương tâm* trong cuộc chiến vừa qua thành *nỗi niềm chung* trong chính tri như là một *hộ lực* để cùng dặn dò nhau không để xẩy ra chuyện huynh đệ tương tàn nữa. Chỉ có những kẻ *khôn nhà dại chợ*mới vỗ ngực là mình đã “*thắng trận*” trên xương máu anh em của mình, họ không biết là cái *vô tri* này tới từ cái *vô minh* của họ, làm họ trở nên *vô giác*, rồi họ tự lạc hướng trong *vô cảm,* để giờ họ thành *vô lý* trong cái *vô tình*trước các hương linh của Việt tộc, họ phát biểu với câu chữ *vô duyên*, và tương lai của họ thì chắc chắn là *vô hậu,* vậythì làm sao họ có chính tri được! Các sử gia Việt Nam đừng viết sử Việt tộc dễ dãi và nhất là các lãnh đạo chính trị hiện nay phải có cái *thông minh của đối thoại*, họ phải đủ trình độ *thiện thức*, đủ vai vóc *thiện căn* để thấy, hiểu và làm rõ *nỗi niềm chung* trong quá khứ, để tránh tất cả *chuyện* *thương tâm* có thể xẩy ra trong tương lai. Các lãnh đạo hiện nay không cần đi học thêm, cũng chẳng cần đi du học xa xôi để có chính tri thông minh của cái *nuôi nỗi niềm chung cũ để tránh chuyện* *thương tâm mới*, họ chỉ cần *điều tâm, lọc ý* ngay trong văn hóa, văn minh, văn hiến của tam giáo đồng nguyên (Khổng, Lão, Phật). Đây là nơi mà Phật đã nâng vai cho Khổng, đỡ lưng cho Lão, khi mà Việt tộc đã chế tác ra được một tư tưởng rất sáng suốt, để có được các hành động từ tâm chỉ trong một động từ: *xí xóa (chín bỏ làm mười).* Đây là thượng nguồn của *mọi thông minh trong đối thoại, đều dựa trên cái* *thông minh tôn trọng lẫ****n*** *nhau* – giữa các *chính phái* không cùng một *chính kiến* trong *chính giới*, vì gốc, rễ, cội, nguồn của thông minh này làm được ba việc: việc thứ nhất là *đoạn đức*, chặt đứt hết mọi hận thù để tránh mọi đau khổ, thương tâm; việc thứ nhì là*trí đức*, dùng tuệ giác để tháo gỡ mọi hiểu lầm, khúc mắc, để nhận diện sự thật, thấu đáo chân lý, tiếp nhận lẽ phải; việc thứ ba là *ân đức,*khả năng hiến dâng hạnh phúc cho mọi người, hiến tặng an lạc tới mọi nơi.



***Nhân học vị nhân tính,*** *nghiên cứu về văn hóa, giảng dạy về nhân học, trong học thuật động cơ học hỏi của tôi luôn dựa trên tự do cá nhân tôi; tôi yêu nhân trí, quý nhân tri, trọng nhân lý, không bị đảng phái nào thao túng, không bị bè nhóm nào khống chế, không bị một ý thức hệ nào điều khiển; tri thức luận là động cơ khởi đầu cho tôi suy nghĩ; thương nước, yêu nòi là sức nội kết giữa tư duy và diễn luận khi tôi viết tâm luận này.*

**Nhân Việt. N°6**

**(Nhân cách giáo lý Việt tộc)**

**Nhân đạo phán ác, nhân từ xét tà**

***(dân đen-dân oan-dân chủ)***

Nhận ngọn đuốc sáng của *nhân trí,*

biến *nhân tính* thành *tuệ giác*,

chuyển hóa *tuệ giác* thành *nhân lý* của *giác ngộ*,

dụng *giác ngộ* tạo ra *tình thương yêu đồng loại*,

chế tác ra *ý nguyện sống* cho mình.

**Tặng NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH (Mẹ Nấm)**

*Nhân đạo* là con đường của *nhân tính*, được khai sáng bởi *nhân trí*, dìu dắt bởi nhân tâm, rộng thoáng bởi *nhân nghĩa*, luôn đi về hướng của *nhân tri* để bảo vệ *nhân phẩm*; còn cái *ác* là dùng cái *độc* để chiếm đoạt, lấy cái *thâm* để giành giựt, cái *hiểm* để truy diệt cái thiện, chỉ để thắng, nó đã vượt mặt cái *xấu, tồi, tệ, dở*, và nó bất chấp lỗi, vì nó đã đi vào con đường của *tội*, Việt tộc gọi tên nó là: *tội ác*. *Nhân từ* là quỹ đạo của vị tha, là trạm ghé của rộng lượng, là thượng lộ của khoan hồng, là chân trời của tình thương, lấy cái *bi* để trên lưng cái *gian*, lấy cái *từ* để trên vai cái *tà*, vì cái tà chỉ biết biến cái ý muốn ích kỷ thành ra cái ý đồ tham lam, lấy con tính bất chính để phục vụ cho tư lợi, lấy cái bóng tối để lấp liếm cái liêm chính, lấy cái nhá nhem để trùm phủ cái chính đại. Thống nhất về ngữ vựng, ngữ văn, ngữ pháp tạo trí lực cho lý luận để lập luận khi lấy đạo đức làm *gốc, rễ, cội, nguồn* cho mọi sinh hoạt từ xã hội qua kinh tế, từ giáo dục qua văn hóa, từ chính trị qua định chế… đây là chuyện không một đảng phái nào tránh né được, không một nhóm quyền lợi riêng nào luồn lách được, không một chế độ nào gạt bỏ được.

Trong Tam giáo đồng nguyên (Khổng, Lão, Phật) mà Việt Nam đã chia nôi văn hóa, văn minh, văn hiến với Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, chúng ta phải nhận diện sâu, rộng cái khác biệt giữa *ba-nhân-đạo* này để thấy lúc nào cái ta ở trong cái chung cùng với láng giềng; và lúc nào thi cái ta có cái riêng của ta. Sớm nhất về niên đại là Phật giáo, trong đó lý luận của *từ, bi, hỷ, xả* dạy ta: hiểu được thì thương được, mà thương được thì tha thứ được, như vậy nhân đạo là năng lực của nhân tính, không những biết tha lỗi mà còn đủ sức để tha tội. Trong Khổng giáo, luận điểm của Khổng Tử thì ngược lại: *nếu lấy ân để trả cho oán, thì lấy gì trả cho ân?* Nếu lấy tình thương để “trả nợ” cho tội lỗi, thì lấy gì “trả lại vốn” cho tình thương này, cho nên cái sáng suốt của đạo lý phải giữ được cái phán xét công minh, soát xử công tâm, quyết đoán có công lý, pháp luật nghiêm minh phải đứng cạnh để trợ lực cho vị tha. Trong Lão giáo, quy luật lưỡng nguyên giúp nhân tính nhận xét được trong một tổng thể khi khai phá được cái *thuận*, sẽ chóng chầy khám phá ra được cái *ngược*, thấy *dương* thì biết sẽ có *âm*, vượt qua bóng tối thì ánh sáng sẽ tới, ác tà sẽ bị lột mặt nạ bằng đối trọng của nó là: *nhân lý*. Qua kinh nghiệm đúc kết của tổ tiên Việt tộc mà *đạo thờ ông bà* kết nối với *đạo thờ các công thần* đã giữ vững được bờ cõi, biên cương, thì Việt Nam có lối đi riêng, lối đi này đa dạng, phong phú, sáng tạo. Trong đạo lý của Việt tộc, sự nghiệp *Cư trần, lạc đạo* của Phật hoàng Trần Nhân Tông dạy ta giữ *tâm* yên trước mọi biến loạn, mọi thăng trầm, mọi thử thách qua công thức *“đối cảnh vô tâm”,* giữ *tỉnh tâm* để nhìn rõ ngoại giới, luôn tỉnh táo, luôn sáng suốt để phán đúng, xét trúng. Trước hiện tượng *hung tàn* của *cường bạo*, công thức của Nguyễn Trãi thì khác, lấy *nhân nghĩa* làm *nhân lý* phải có chỗ đứng trung tâm: *“lấy nhân nghĩa thắng hung tàn, lấy trí nhân thay cường bạo”.* Trước biến thiên của *“vật đổi sao dời”,* chọn lựa của Nguyễn Du vừa có *nhân tâm* cao để làm chỗ dựa cho *nhân tính* rộng: *“chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”,* tài phát tiết ra ngoài, nhờ tâm làm trụ, nền, móng, cột bên trong, tâm là tài của tài, đưa tài ra ngoài để cho nhân sinh thấy cái hậu đài đầy hùng lực bên trong là tâm. Hãy lấy các vốn liếng văn hóa, các từng trải văn minh, các thông minh văn hiến vừa của Tam giáo đồng nguyên (Khổng, Lão, Phật), vừa của tổ tiên Việt tộc ra để phán cái *ác*, xử cái *tà* đang xảy ra trên đất nước Việt Nam, đang gây bao ung thư đạo lý và luân lý trong lòng dân tộc chúng ta hiện nay. Về phương pháp luận trong phân tích cũng như trong giải thích, trong lý luận cũng như trong lập luận, tôi xin đề nghị phối hợp sử học với triết học để nhận rõ quá trình từ kinh nghiệm của con người giờ đã biến thành nhân lý của nhân loại, phối hợp dân tộc học với xã hội học để nhận diện rõ vai trò của văn hóa dân tộc trong các sinh hoạt của xã hội, nhất là chính trị học với đạo đức học để thấy dũng lực của đạo lý, hùng lực của luân lý luôn là khuôn thước để *đo, tra, nghiệm, xét* cái lạm quyền trong chính trị. Từ đây chúng ta sẽ lập ra ba mức độ giải luận khác nhau về hệ lụy tiêu cực chung quanh cái tà và cái ác: mức thấp nhất là cái *xấu* để làm ra *lỗi*; mức tiêu cực hơn là cái *tà* – sắp hoặc đang bước – từ lỗi qua *tội*; và cái ác thì đã đi vào con đường của tội. Lỗi xấu và tội ác: hai thái cực, lỗi thì có thể tha thứ được, còn tội thì phải phân xử cho công minh, bằng công lý, có công tâm, và khi phán quyết qua pháp lý và pháp luật và xử là: *không thể tha thứ được!* Thì nhân lý phải kết luận là: *không thể chấp nhận được!* Và nhân tri phải quyết đoán là: *đừng để cái ác xuất hiện nữa!*

**Thiện vạch ác**

Cái thiện không chỉ là phạm trù của đạo lý và luân lý xây dựng lên đạo đức cho nhân tính, làm lõi cho ý thức, được định nghĩa như một tổng lực của các kinh nghiệm giờ đã thành kiến thức được thanh tâm, lọc ý qua *nhân phẩm* trên đường đi tìm *nhân đạo*; nó hoàn toàn ngược lại với cái *ác*, từ thượng nguồn tới hạ nguồn, vì cái ác ngăn chận ý thức khi nó dẹp ngang nhân phẩm, xóa bỏ nhân đạo trong hành vi bạo ngược qua hành động bạo lực của nó; đây là định nghĩa nền về cái ác. Từ Nguyễn Trãi, tới Chu Văn An qua Nguyễn Bỉnh Khiêm, khi họ đứng ra **“**vạch mặt chỉ tên” cái *tà* của bọn tham quan, nịnh thần, thì trong ý thức của họ, họ đã biết họ sẽ là nạn nhân của cái *ác*, luôn núp sau cái tà, để *“đâm lén, chém oan”* họ. Cái *thiện* biết chấp nhận trả giá cao, để nhân phẩm được đề cao! Việt tộc có không ít trung thần có liêm sỉ, có nhiều trí thức có liêm minh, với rất nhiều công dân có liêm chính để bảo vệ cái thiện. Nhưng trong chương trình giáo dục hiện nay trên đất nước quá ít các sách giáo khoa sử học, đạo đức học nói rõ cái *trung*, cái *hiếu* luôn đứng ra để bảo vệ cái *thiện* qua lịch sử Việt tộc của các công thần, các trí thức, các công dân, cái thiếu sót này không chấp nhận được! Có giáo khoa về cách sống với thiện, có giáo án về cách *trung* với thiện, có giáo trình về cách *hiếu* với cái thiện, sẽ làm nội lực để chống lại các vô cảm đang tràn lan trong xã hội chúng ta hiện nay, nhất là vô cảm trước cái *ác* đang hủy diệt nhân phẩm, xoá mờ nhân đạo, đốn tận gốc rễ của ý thức, đây là chuyện không chấp nhận được! Vì ý thức là muốn làm người thì phải bảo vệ đồng loại như bảo vệ chính nhân tính của mình, thương người như thể thương thân. Hãy nhận diện rõ cái *ác* trong thảm họa môi trường vừa qua tại miền Trung do chất hóa học độc hại thải ra từ các công nghiệp mang phản xạ của cái *tà* là mua lén các chất hóa học rất độc hại cho môi trường này rồi thải lén trong môi sinh của dân Việt; cái tà này đã được bảo trợ bởi cái *ác* của ba tầng lớp lãnh đạo bao che cho nó, vì đã chia chác lợi lộc với nó. Lãnh đạo địa phương, với một phó chủ tịch, xúi giục dân tắm biển và ăn tôm cá tại Vũng Áng sau khi biển đã bị ô nhiễm nặng nề; lãnh đạo chính phủ vắng bóng trong một tháng trong thảm họa của môi sinh và dân sinh; lãnh đạo tối cao của ĐCSVN yên lặng không nhận bổn phận bảo vệ nhân dân, trừng phạt kẻ tà trong công nghiệp giờ đã thành kẻ ác diệt môi trường, với một tội ác chưa hề có trong lịch sử môi trường của đất nước. Từ khi ĐSCVN độc quyền trong độc đảng, Hiến pháp bị cưỡng hiếp bởi điều: *ĐCSVN lãnh đạo*, vậy mà khi dân tộc bị trọng nạn môi sinh, đất nước bị ô nhiễm môi trường thì không ai thấy vai trò lãnh đạo của ĐCSVN! Trên thượng nguồn thì tạo điều kiện cho *kẻ gian-nhóm tà* thâm nhập vào quê cha đất tổ, dưới hạ nguồn thì *im hơi-vắng tiếng* trong thảm họa, đây là định nghĩa chìm của cái *ác*, bất nhân kề **vai** với bất tài, khi nó sinh đôi trong tội ác với cái *tà*.

Một chuyên nghành đầy sáng tạo trong triết học là hiện tượng luận (phénoménologie) đã làm rõ năng lực của con người khi biến được kinh nghiệm thành kiến thức, chưa hết! Vì khi kinh nghiệm nội kết được với kiến thức thì lý trí ra đời, có lý trí rồi thì cái *thiện* không bao giờ *“ăn cùng chiếu, ngồi cùng mâm”* với cái *ác*. Hùng lực của cái *thiện* là luôn nhận diện tức khắc cái ác, để đối đầu tức thời với cái tà, trên đường đi khi nó đi tìm cái *chân* (lẽ phải) và cái *mỹ* (cái đẹp), ý thức không bao giờ đơn lẻ, đơn phương, đơn độc, vì nó sống trong bộ ba *chân-thiện-mỹ*, làm rõ bộ bốn: *hay, đẹp, tốt, lành* của nhân sinh. Con đường thiện nhân, có từ những bước của *thiện căn*, trong quỹ đạo của thiện chí, định hướng bởi thiện tâm gầy dựng được *niềm tin* (confiance), chế tác được *hy vọng* (espoir), hằng ngày ấp ủ qua *niềm-tin-vào-sự-sống* (espérance). Trong hiện tượng luận hiện đại, các tư tưởng gia còn nhớ rất rõ cuộc hùng luận giữa triết gia Derrida, cha đẻ của phương pháp luận *déconstruction* (tháo cái đã xây để gỡ cái đã dựng) với triết gia Levinas, Bắc Đẩu của hiện tượng luận mà Derrida luôn xem như thầy. Derrida hỏi Levinas: *“Hiện tượng luận thì đi nghiên cứu và giải luận hiện tượng của nhân sinh, cớ sao ông lại đi nghiên cứu các ông thánh?”;* câu trả lời của Levinas làm rõ nội chất của cái *thiện* trong cái thánh: *“Tôi không phân tích các ông thánh, mà tôi đào sâu nhiều cuộc đời của các ông* *thánh, để thấy rồi để hiểu chất thánh của họ”.* Chính cái chất *thánh* làm nên hành vi rồi hành động của các ông thánh, mới là hằng số của cái *thiện*, không cúi đầu trước cái ác, không khoanh tay trước cái tà, không nhượng bộ cái gian, không làm ngơ trước cái xảo. Đây cũng là phân tích của nhà dân chủ Phạm Chí Dũng khi trả lời phỏng vấn về nội dung chuyện thành lập Hội các cựu tù nhân lương tâm Việt Nam, do Nguyễn Đan Quế thành lập cùng với các *bạn-đường-nhân-quyền* của ông: *“Tôi thấy trong ánh mắt của hơn 60 thành viên của hội này, vừa có cái sắc sảo đã vượt qua cái sợ, vừa ánh lên những niềm tin, mong cầu làm được cái đẹp cho cuộc sống”,* đây vừa là hiện tượng bên ngoài, vừa là bản chất bên trong của cái *thiện*, luôn tin là nó “dư sức” đi trên lưng cái *tà*, đi trên vai cái *ác*. Chất thiện là lửa ấp ủ trong con người thiện, cũng như chất thánh luôn là than hồng âm ỉ trong các ông thánh, chính cái *tà, gian, xảo, mánh* bật lửa cho nó sáng lên, chính cái *thâm, độc, ác, hiểm* làm nó bùng lửa!

Các lãnh đạo nhận hối lộ, qua tham nhũng, giờ được sống trong các dinh thự qua cái giàu sang bất chính, thường hay lén lút ngayxung quanh trong chính dinh thự của họ, khi họ dựng ra cái *xảo* để tự đặt tên cho mình là *“đầy tớ của nhân dân”,* khi lừa dân bằng khẩu hiệu: *“dân làm chủ ”* của họ, mà giờ dân Việt Nam đã thành *dân đen* vì quá nghèo, rồi thành *dân oan* khi đất bị cướp, khi nhà bị đoạt, hiện đang *“cù bơ, cù bất”,* lê lết, quỵ mỏi trước các dinh thự của bọn *“cướp ngày là quan”* này, thì ai là chủ? Ai là tớ? Người đời không thấy các chủ dinh thự này đối diện, trao đổi, đối thoại, tranh luận với các *người (“chủ”) dân oan* này. Giàu thường thích khoe, giấu thì tiếc, thích khoe thì phải mở cửa dinh thự ra, như cựu lãnh tụ tối cao của ĐCSVN là Nông Đức Mạnh, khi khoe nhà mạ thạch bóng, khi khoe bàn ghế mạ vàng chói. Khi chưa được bên ngoài công nhận là *“tỷ phú”,* thì đã tự *trần trụi hóa* mình trong cái nội thất vô minh, trong cái trang trí vô tri, trong cái xây cất vô giác, để tự định nghĩa mình là *«trọc phú»,* vô tri thức nên vô giáo dục vì vô văn hóa. Cái *tồi* và cái *tà* đã lộ trần trong cái *trọc*! Tổ tiên Việt tộc dạy không sai: *thằng ngu cởi truồng, người khôn mất mặt*; các đồng nghiệp, các sinh viên Việt Nam khi gặp tôi bên phương Tây, họ nói rằng họ rất xấu hổ! Vì một lãnh đạo không có *tư cách* của nhân tính, không có *phong cách* của nhân tri, nên không có *nhân cách* bình thường! *Con sâu làm rầu nồi canh*, chỉ một cựu lãnh đạo mà cả nước mất mặt! Các đồng nghiệp trân quý, các sinh viên thân thương – những đứa con tin yêu của Việt tộc – cái *lành* luôn hay, và cái *thiện* luôn đẹp các bạn à. Vì sao? Vì những cái *hay, đẹp, tốt, lành* không phải là cái bề ngoài hào nhoáng, cho kẻ tà phủi phủi để bày biện, phất phất để khoe khoang, mà cái *thiện* phải được đào thật sâu, phải được moi lên và đưa ra thật rõ trong ánh sáng đạo lý làm người, theo đúng như lời dặn của thi hào Nguyễn Du, cụ Tiên Điền quý trọng, sư phụ Tố Như kính yêu của chúng ta đã dạy: *“Phải dò cho tới tận nguồn lạch sông”,* để cái *thật* tách ra khỏi cái *giả* các bạn à. Cái *ác* ép cái *thiện* bằng cái *bạo* (bạo quyền, bạo ngược, bạo động, bạo hành) qua cái *diệt*, diệt nhân sinh để diệt nhân tính, xóa nhân tri để hủy nhân phẩm, hại một con người để loại sức sống của nhân lý, sáng tạo của nhân trí, đây là định nghĩa nguồn của cái *ác*, như dòng nước ngầm đen tối, chảy lén lút, luồn rồi lách, để tránh các ánh sáng của *nhân nghĩa*. Ý thức hệ của cái *ác* là vừa thầm lặng trong cái hiểm, cái độc, cái thâm, vừa “phùng mang, trợn mắt” trong đe dọa, trong cưỡng ép, trong đàn áp, nó có phản xạ máy móc của một bộ máy theo quy luật tư lợi của nguồn máy, đừng trông chờ nó có tư duy để suy nghĩ, có lý luận trúng để lập luận đúng. *Nhân nghiệp* xây dựng trên đa năng của *nhân tri*, đa nguyên của *nhân trí*, đa lực của của *nhân bản* làm nên cái trọn vẹn của *nhân tính*, cái đầy đủ của *nhân phẩm*, trong khi cái ác chỉ được làm nên bởi quyền lực, và nếu nó muốn tồn tại thì nó phải biến thành bạo quyền, cướp tự do của chủ thể bằng bạo lực của độc tài, đây là định nghĩa nửa chìm, nửa nổi của cái ác: *ác tâm nên ác tính*. Chính quyền độc đảng tuyên bố với thế giới là tại Việt Nam không có tù nhân lương tâm, nhưng cùng lúc không cho các hội đoàn nhân đạo quốc tế vào đất nước này để điều tra là có nhà tù nhốt các tù nhân lương tâm hay không ? Có bao nhiêu tù nhân lương tâm hiện nay? Các tù nhân lương tâm có bị bạc đãi, hành hạ, đánh đập không? Cái *ác* luôn *bất-chính-vì-bất-nhân*, không dám khai báo vì không dám công khai. Cho tới bây giờ, Việt tộc cũng chưa có một định nghĩa minh bạch nào của ĐCSVN về nội dung của cụm từ: *tù nhân lương tâm*. Trong khi các chỉ báo để định nghĩa thế nào là tù nhân lương tâm thì rõ trong minh chứng và sáng trong minh bạch: *nhân sinh* bị tù đày khi đòi hỏi *nhân quyền* của mình, *nhân tri* bị tù rạc khi đòi hỏi *nhân tính* của mình, *nhân phẩm* bị tù ngục khi đòi hỏi *nhân đạo* của mình. Hiểu được cái *đa* (đa nguyên, đa năng, đa lực, đa trí…) của chữ *nhân*, sẽ có được trợ lực của chữ *lương*, sẽ có được hộ lực chữ cái *tâm*. Đây là cuộc đời của Lê Hiếu Đằng, dày tuổi đảng, cao chức quyền, nhưng chữ *nhân* của ông không cho phép ông tiếp tục với kẻ ác-bọn tà, nên ông trả thẻ đảng viên cho ĐCSVN, và đấu tranh cho tới hơi thở cuối cùng, căn dặn người đời lấy chữ *thiện* để cõng chữ *nhân*, cuộc đời của ông vẫn đẹp cho tới phút cuối, cho tới hơi thở cuối cùng.

**Lành loại bạo**

Một cá nhân chỉ trở thành *chủ thể* khi dùng tự do của mình để định vị trách nhiệm của mình, mà trách nhiệm đầu tiên là xác nhận *nhân cách* của mình trước các bất công, chấp nhận trực diện với cái *ác*, cái *tà*, tức là biến *ý nguyện* của *tâm* thành *ý chí* của *nhân*, ý chí không chịu thuần hoá này được chế tác từ ý nguyện sống ngẩng đầu, đi thẳng lưng trong cuộc sống như thẳng bước trong lịch sử của nhân tính. Số kiếp nhân sinh không phải là số phần của nhân tính, nếu nhân tính nhận diện được thú tính trong quan hệ giữa người với người, thì nhân tính sẽ lấy cái *lành* để loại cái *bạo*. Dân chủ để lộ rõ cái *lành* trong công thức *thẳng hơn cúi* và *nói hơn câm*, cái *vốn lành* được gầy dựng từ trong cái *biết nói*, nên *biết hét* lên trước cái bạo: *Đây là bất công!* Thì tư duy sẽ vận não từ kinh nghiệm của *nhân sinh* giờ đã là kiến thức của *nhân trí* để nói lớn cái *lành*: *Đây mới là* *đúng*! Đúng trên thế kiềng ba chân: đúng như sự thật, đúng như chân lý, đúng như lẽ phải.

Plotin nhận định là con người không những được-hoặc-bị làm nên bởi thực tại, thực tế, thực trạng của cuộc sống, mà con người cũng được làm nên khi biết mình sống để khám phá cuộc sống, sống không chỉ để sống, để đói thì ăn, khát thì uống, mà *sống để tồn tại trong cái đẹp* của *nhân tri*. Chuyện này rõ khi con người khám phá ra được tự do, dùng tự do để vực *nhân tính* họ đứng dậy tiếp nhận *nhân phẩm*; và con người cũng biết luôn là nếu họ không đứng lên để ngang tầm với nhân phẩm, mà chỉ biết cúi xuống thì chính họ sẽ nhận bạo hành mãi mãi tới từ *bạo lực* trong cái *bạo động* vô nhân đạo của kẻ *bạo ngược*. Bạo hành từ bạo lực trong bạo động qua bạo ngược, đây là định nghĩa nòi của cái *ác*, ngang nhiên có mặt trong độc quyền để tham ô, độc tài để tham nhũng, độc tôn để tham vị, độc đảng để tham thâm! Phạm trù tham thâm là nơi cái *ác* đã được trộn lẫn một cách thâm đậm với cái *tà* để thành cái *xảo* (vừa ăn cướp vừa la làng). Khi cái *lành* xuất hiện và trực diện với cái *ác*, vạch mặt cái *tà*, lột mặt nạ cái *xảo*, thì chủ thể của tự do chăm lo cho *công lý* của mình hơn là lo cho danh dự của mình; vì công lý chấp nhận tù đày vì *công bằng*, còn danh dự thích chăm sóc cho thể diện, danh dự cá nhân luôn thấy nhân cách cá nhân biết bảo vệ nhân tính trong nhân sinh của đồng loại, nhân nghĩa trong nhân đạo của tha nhân. Như vậy, danh dự phải được đặt trong khuôn viên của *tư cách*, nếu không thì chỉ là danh dự hão; vì danh dự thật phải dựa vào *phong cách* của cá nhân trong quan hệ xã hội, mà phong cách luôn được dựng bởi *nhân cách* trong đạo lý xã hội. Trong phân tích của triết học thì *tư cách* tới từ *nhân cách* luôn có xuất xứ từ sự hiểu biết về tự do, một khi đã hiểu được tự do thì *cá thể* (individu) sẽ có *cá tính* (individualité), cá thể e ngại thử thách, cá tính chấp nhận trầm luân; cá thể ngần ngại trước gian truân, cá tính tiếp nhận can đảm để mở lối cho lẽ phải, vì đã sẵn sàng cầm đuốc dấn thân. *Cá tính hóa* (individualisation) là quy trình của tự do đang trên đường sáng tạo; chế tác ra một kiếp mới lành hơn, một phận mới cao hơn, một duyên mới đẹp hơn. Tự do luôn cần cái *hay, đẹp, tốt, lành* không những để chống cái *ác, thâm, độc, hiểm*, mà gạt ra luôn cái *tà, gian, xảo, lừa*, đẩy lùi xa luôn cả cái *dở, tồi, xấu, tệ*.

Kẻ ác khi diệt cái *nhân*, luôn tin và nghĩ là cái nhân sẽ quỳ gối, cúi đầu, khoanh tay, khuất phục, nó không đủ tư duy của lý luận để hiểu là cái nhân, luôn tiềm ẩn trong nội công của một sức bật, đó là lực biết đứng dậy trong cái *nan* (cái *khó*): *nan lực*! Sức bật, làm ra lực dậy của cái nhân có ngay trong nội bộ của cái ác, có ngay trong nội tạng của cái tà, chuyện “cải tà quy chính” là chuyện “cơm bữa” của nhân tri, khi cái *ác* biết nhận tội trước nhân đạo, cái *tà* biết nhận lỗi trước nhân từ. Trong nội bộ của cái ác, có kẻ hiểu được rằng: *được mắt ta ra mắt người* (khi ta muốn làm người) để tự cứu mình. Những kẻ mới thành đảng viên ĐCSVN hiện nay rất ngạc nhiên về một *hiện tượng nhân* mới là hằng loạt các đảng viên lão thành, với bao đóng góp trong chiến đấu, với bao hy sinh, họ đã dâng hiến cuộc đời họ cho ĐCSVN vậy mà họ vẫn *“trả thẻ đảng!”,* để giữ *nhân tri*, để bảo vệ *nhân cách* của họ. Hiện tượng nhân này đang trở thành *hiện thực chân* trong nhân tính, chân thật để chống lại *hiện trạng tà* trong cái *độc* của ĐCSVN. Vì *độc đảng, độc tài, độc quyền, độc tôn* luôn mang theo mầm *độc hại* của nó. Trong nội tạng của cái tà, có kẻ thấu được rằng *“suy bụng ta (tà) bụng người (lành)”* để tự vấn. *Nhân đạo* được chế tác từ *nhân từ* làm từ năng lượng của *nhân tính*, tạo bản lĩnh cho *nhân phẩm* trong thử thách trước cái *đau* khi cái *nhân* bị chà đạp; đó là cái đau đôi: đau khi bị tước đoạt tự do, đau khi bị tách ra khỏi cuộc sống bình thường khi bị cái *ác* hãm hại. Cái *nhân* thương cái *đau*, chấp nhận đương đầu với cái *ác*; và để cướp sự sống, cái ác cho chúng ta cái cảm tưởng là nó bao trùm toàn diện cái *nhân*, cho chúng ta cái cảm giác là nó trùm phủ toàn thể cái *thiện*, nhưng khi cái tốt của bác ái kết hợp được với cái lành của tình thương thành một tổng lực hỗ trợ cái nhân, cho ra cái nhân từ, rất xa lạ cái nghịch của chuyện *“được làm vua thua làm giặc”* của cái ác. Cái thuận của nhân ngược lại với cái ác, nhân thuận trong: *“bầu ơi thương lấy bí cùng, dẫu là khác giống nhưng chung một giàn”,* thuận đôi của *“bầu, bí”* khắc hẳn cái nghịch lý của *“vua, giặc”,* cái nhân nhận diện được cái khác để làm ra cái chung, nên tên nó là đa (đa nguyên nên đa năng, đa lực nên đa tài). Còn đối với cái *ác* thì cái *khác* phải bị loại, cái *đa* sẽ bị diệt, cái ác không muốn hợp, vì không muốn chung, cho nên cái ác là cái ung thư toàn bộ của cái ích kỷ (ít của ít), đây là hồ sơ tâm bệnh của cái ác. Nhân quyền của cái *thiện* là thế kiềng ba chân của: quyền làm người trong tự do, quyền được có cái *khác* qua tự do trong công bằng, quyền hưởng *chung* trong bác ái, để chống lại sự đồng nhất bằng bạo lực qua sự ích kỷ trong bạo quyền của cái *ác*.

Những kẻ đang sợ cái ác, nên phân tích sâu cái ác khi nó đe dọa chúng ta bằng cái *đói* và cái *chết*, và *triết học phân tích hiện đại* (philosophie analytique moderne) khuyên ta nên phân biệt cái chết và biểu tượng của cái chết. Cái ác sử dụng cái chết để hù dọa, nhưng cái chết khi đã thực sự chết rồi thì cái ác có khi *“mất ăn mất ngủ”* vì cái chết, nhất là khi nó biến thành biểu tượng cho đấu tranh, cho *nhân quyền*, tức là cho *nhân phẩm* và *nhân đạo*. Cái đẹp của “tử vì đạo”, mà ĐCSVN đã khai thác triệt để trong chiến tranh qua các cái chết của Nguyễn Thị Minh Khai, của Nguyễn Văn Trỗi… để thần tượng hóa cuộc tranh chấp của họ, giờ đây ngược lại khi họ thẳng tay bắt bớ các con dân yêu nước biểu tình chống Hán tặc, thẳng thừng đàn áp các phong trào dân chủ, tàn nhẫn khi hành hung các nhà hoạt động cho dân chủ, đánh đập luôn cả phụ nữ và trẻ em trong các cuộc biểu tình bảo vệ môi trường chống lại cái ô nhiễm vô nhân của các tập đoàn Tàu. Rồi họ sẽ *“ăn không ngon, ngủ không yên”* với các Nguyễn Thị Minh Khai hiện đại của nhân quyền thật, của Nguyễn Văn Trỗi tân tiến của dân chủ thật, sẵn sàng hy sinh vì công bằng và công lý, vì nhân đạo và nhân từ. Đàn áp, bắt bớ, tù đày, giết chóc chỉ là hành động nổi của các ác, chính trị học và xã hội học đã phân tích quá rõ; còn chuyện “mất ăn, mất ngủ” là hành vi chìm của các *ác*, dân không thấy nhưng tâm lý học, phân tâm học, nhất là tâm thần học nghiên cứu rất kỹ trong những năm qua về hậu quả chìm của cái *ác*. Các chuyên gia của các chuyên ngành này cho ta thấy là kẻ ác luôn ở thế phòng ngự quá đáng, thế vùng vẫy quá khích, thế phản công cực đoan. Chỉ vì kẻ ác ngủ trong ác mộng, vì khi tay nhúng máu trong ngày thì óc sẽ nhúng chàm trong đêm, quyền lực khi trở thành bạo lực thì nó sẽ cô đơn trong quan hệ, cô độc trong tâm sự, lẻ loi trong *ác-mộng*, các bạo chúa nếu không điên loạn bẩm sinh thì cũng tâm thần trong thâm sinh. Chính vì vậy nên các bạo quyền, bạo chúa rất tránh né chuyện gặp gỡ, đối thoại, đàm phán với dân chúng đại diện cho dân chủ, công dân đại diện cho công pháp, trí thức đại diện cho tri thức, vì cái bất bình thường không bao giờ “yên tâm đối thoại” trước cái bình thường. Cái ác bị tâm thần ngay trong cách ra lệnh độc đoán không có lý lẽ, trong cách mắng chửi độc quyền không có lý luận, trong cách trừng phạt độc tài không có lập luận. Những kẻ bị tâm thần là những kẻ chỉ thấy cái lý của họ mà không thấy, không nhận, không hiểu các lý khác tới từ các kẻ khác. Kẻ ác luôn mang tâm bệnh trầm cảm, rất sợ hãi cái tỉnh táo của lý lẽ, rất lo âu trước cái sáng suốt của lý luận, rất căng thẳng với cái thông minh của lập luận. Vì lý lẽ là hải đăng, lý luận là con đường thẳng, lập luận là chân trời đã tỏ trước mặt!

Descartes mong muốn *nhân tính* luôn có mặt trong cuộc sống, dù biết *nhân sinh* chưa trọn vẹn: *“un monde plus parfait de ce que je suis moi-même imparfait” (“một thế giới ngày càng hoàn hảo, từ con người của tôi vẫn chưa hoàn hảo”),* nhân sinh ngày càng hoàn hảo được lý luận qua sự thông minh của bao dung, hiện diện để chống lại cái ác hằng ngày thử thách *nhân tính*, và nếu *nhân đạo* không xuất hiện thì *nhân gian* sẽ phải nhận các bi kịch. Đây cũng là nội dung của các phát biểu của nhà nghiên cứu Nguyễn Khắc Mai vạch mặt các lãnh đạo ĐCSVN không liêm chính, đi đêm với các kẻ *ác, thâm, độc, hiểm* là Hán tặc, đi đêm là tà, trong hội nghị lén lút Thành Đô, mà cho tới giờ Việt tộc vẫn chưa có một thông tin nào, nội dung là gì từ hứa hẹn của kẻ ác tới cam kết của những đứa gian. Mang vận mệnh dân tộc để đi đêm, tội càn khôn, tội này càng nặng khi giấu giếm các nội dung trong khi ký kết với kẻ thù, Hán tặc chỉ là thù, không thể là bạn. Vì sau các cuộc đi đêm là: đảo bị chiếm, đất bị đoạt, đầu độc công nghiệp, độc hóa thực phẩm, lũng đoạn thị trường, giờ lại hủy diệt môi sinh ở mức trầm trọng mà nhiều thế hệ khó thoát khỏi luồng nước độc Hán tà này, nó đã làm suy kiệt sinh lực Việt tộc do Hán ác đã “chơi ép, đè chìm” Việt gian, đang bị *“tròng cổ, xiết đầu”* vì đã sa vào bẫy của kẻ ác. Nhân tri Việt tộc sẽ còn tồn tại, các cuộc đi đêm Nguyễn Văn Linh, Lê Đức Anh *“thưa, trao, dạ, nộp”* trong hội nghị Thành Đô chóng chầy sẽ được bạch-hóa. Hán tà khi đã trở thành kẻ thù, thì tên của nó là Hán tặc, và tổ tiên Việt tộc khuyên con cháu phải biết “cầm giáo dài” để giữ khoảng cách với chúng. Còn cái *tà* tới từ bọn Kiều Công Tiễn, Lê Chiêu Thống đang cầm vận mệnh dân tộc để đi đêm thì chúng ta đoán được ngày tàn của chúng. Diễn viên Kim Chi rất liêm chính trước các bộ mặt lén lút của lãnh đạo ĐCSVN, cùng các khuôn mặt chui rúc của các dân biểu khi bà cùng các trí thức yêu nước đến trước Quốc hội để trình thỉnh nguyện thư yêu cầu ĐCSVN bạch-hóa nội dung của hội nghị Thành Đô, cái im hơi vắng tiếng của lãnh đạo không dám dối diện và đối thoại với trí thức, luôn đi cùng cái đàn áp vắng nhân đạo, thiếu văn minh của bọn công an trấn áp các trí thức này trước Quốc hội.

**Nhân tách ác**

Khi sử học đưa ra chứng từ lịch sử, khi triết học phải xây dựng lý luận trên các chứng từ lịch sử này về quá trình hình thành cái *ác*, thì các tư tưởng gia nhận ra một điều là cái *ác* di chuyển vừa lén lút, vừa rất nhanh trong bóng tối, nhanh hơn cái *nhân* chỉ biết sống với tình thương, vị tha, khoan dung, rộng lượng, *nhân* dựa lên *thiện*, có khi chậm hơn cái ác, vì sao vậy? Vì cái *nhân* đứng trên cái *thiện*, thì sẽ không ngờ là cái *ác* có thể “ác” như vậy! Nhân tính sẽ không hiểu nổi tai sao con người lại có thú tính, mà có lúc còn tàn nhẫn hơn cả thú, vì thú chỉ biết giết để ăn khi đói, còn con người dám giết để cướp quyền, dám diệt để lấy của, tàn sát đồng loại chỉ vì tư lợi. Luật sư Nguyễn Văn Đài bị công an hành hung nhiều lần, trên nhiều đoạn đường sau buổi thảo luận Nhân Quyền tại Nghệ An, họ đánh đập vừa dã man, vừa liên tục, chính nạn nhân cũng không hiểu được tại sao thú tính lại có thể lấn nhân tính đến thế! Cái *ác* có độ sâu của cái *tối* thăm thẳm sâu của đại dương, không có lối đi đạo lý nên không có lối ra luân lý; cái ác chỉ thấy cái lối vào trước mắt, tức khắc vì tư lợi của nó, cái ác không thấy cái lối ra mà Việt tộc gọi là *có hậu,* là có đạo lý nâng luân lý, là có đạo đức dìu nhân đức. Cái *ác* vùi chất sống cái nhân vào thời gian và không gian của nhân sinh vào cái *“chết đôi”,* con người tốt lành phải chết cùng với đạo lý cao rộng của họ. Cái bóng tối mà cái ác trùm phủ lên cái nhân, không có đèn dẫn đường, không có hải đăng định hướng, làm mất đi ánh sáng của nhân đạo mang đến cái sáng suốt làm nên cái thông minh; cái ác diệt cái thông minh để cái phản diện của thông minh là vô minh (sự ngu dốt biết giết người cướp của) được sống dưới quyền của nó, sẵn sàng chà đạp lên đồng loại. Các bạn văn nghệ sĩ nên cẩn trọng, cái ác diệt cái thông minh là để hủy hoại cái sáng tạo của tâm hồn; các nhà khoa học cũng nên cẩn thận, cái ác diệt cái thông minh là để loại trừ cái khám phá của tri thức. Còn công dân, thì càng phải cẩn thận hơn nữa, cái ác diệt cái nhân tính qua cái đói, lấy cái đói để đe dọa nhân sinh, bắt nhân lý quỳ gối, buộc nhân đạo phải lùi, bịt miệng nhân tri phải câm. Chúng ta dặn nhau đừng để thốt ra dễ dãi câu: *“cái khó bó cái khôn”,* cẩn trọng trước cái *ác* bằng tư duy mới là: *“đừng để cái đói dọa cái khôn!*”. Đàn áp biểu tình, bỏ tù những người yêu nước, hành hung các nhà đấu tranh cho nhân quyền, truy sát các nhà hoạt động cho dân chủ là cái bạo hành lộ ra từ nội chất bạo động của cái ác; còn chuyện dùng cái *đói* để trừng phạt, dùng cái *nghèo* để cai trị là nọc độc để xài lâu của cái ác, vì khi cái ác thống trị, thì nó luôn đem theo cái thâm, cái hiểm cùng với hai cái *sát (nhân)*: giết nhiều cùng lúc giết dần mòn! Tạo ra đói và nghèo là lôi kéo nhân cách về phía bóng tối của sự khuất phục, đẩy nhân sinh tới sự thuần hóa của *thú tính* (đói ăn, khát uống), để thay thế cho đạo lý của *nhân tính* (miếng ăn là miếng tồi tàn). Cái *ác* mang *bạo tính* (ăn tươi, nuốt sống) để thay cho *thiện tính* (bầu ơi thương lấy bí cùng). Cái *thâm* của cái ác là đe dọa con người khi bị đói thì dễ bị chết, lấy cái chết để răn đe cái sống. Cái *độc* của cái ác là hù dọa rằng cái đói là cái chết đến từ từ, chết dần, chết mòn. Cái *hiểm* của cái ác là dùng cái đói để thổi phồng cái chết là kẻ đói sẽ chết trong đau đớn, nhục hình. Ba chỉ báo: *thâm, độc, hiểm* của cái *ác* làm ta thấy rõ hơn những định nghĩa về cái ác. Từ tù Hỏa Lò tới tù cải tạo, trong đó tra tấn, đánh đập tù nhân luôn đi đôi với cái nguội lạnh và đen tối của các ác khi dùng cái đói để trừng phạt các tù nhân. Từ cưỡng chế tới quản thúc, cái ác luôn lạnh lùng ngăn cấm nạn nhân của nó quyền lao động, cùng lúc bao vây kinh tế gia đình để ép cái nghèo một cách bạo ngược vào nhân kiếp nạn nhân của nó. Các bạn thanh niên đang có các bữa ăn đầy đủ, các bạn phải dùng lý luận của lương tâm mình để nhận diện ra cái *ác*, mà chắc chắn là trong quá khứ của tổ tiên, trong lịch sử của họ hàng, trong ký ức của gia đình của các bạn còn mang các thương tật khi bị cái ác *chà, giẫm, đạp, nghiến* trong quá khứ thân quyến thủa nào, để thấy rõ được trong gia sản thật đáng thương của cha ông các bạn, cái ác đã vài lần có mặt. Để nhận diện về các tội của cái ác hiện nay, các bạn hãy đọc lại các chứng từ của Võ Văn Thanh Liêm, Nguyễn Thanh Phong và những nạn nhân là các tù nhân lương tâm, đã bị đánh đập như thế nào trên đường phố, trong chợ búa, rồi bị tra tấn như thế nào trong tù rạc, và khi thả ra thì bị cấm hành nghề, xiết cổ qua bao vây kinh tế gia đình. Trong đói lạnh của tù rạc cũng như trong quản thúc, nhân cách của họ bị đe dọa hằng ngày, cùng chuyện khám xét nhà cửa thường xuyên để biến cuộc sống của họ thành *“địa ngục diện tiền”,* địa ngục tại chỗ. Chúng ta cùng nhau mở mắt nhìn thẳng vào cái *ác* để biết cái quý của cái *nhân*, luôn ngược chiều và trực diện với cái *ác*.

Balzac, văn sĩ của đại chúng sáng suốt, trường giang của tiểu thuyết hiện thực xã hội, định vị rất rõ chỗ đứng của ông trong xã hội: *“Je fais partie de l’opposition qui s’appelle la vie” (“Tôi là một thành phần của đối lập mang tên gọi là cuộc đời”),* vì cuộc đời phải đối lập với bất công, vì cuộc sống phải phản kháng cái ác, cái tà. Chắc chắn phải vừa ác, vừa tà mới bắt giam nhạc sĩ Việt Khang, tù rạc những năm ròng chỉ vì sáng tác những bài hát yêu nước. Các bạn muốn nhận diện cái ác, rất dễ, không khó, vì kẻ ác có phản xạ đe dọa hình hài kẻ thiện, tù đày người ngay, xóa diệt tự do nạn nhân của nó, trong ngục tù thì tạo đói, gây bệnh để hãm hại họ, và khi tính mạng họ thật sự lâm nguy, với cái chết gần kề, thì dùng đạo đức giả để phóng thích họ, thật ra là trả họ về gia đình trước khi họ chết, thế giới đã quá rõ cái trò xảo diệt này của kẻ ác, lương tri Việt tộc sẽ là chứng nhân cho các nạn nhân này. Khi cái *ác* muốn tha hóa cái *nhân*, để cái *tà* làm chuyện giết mướn-chém thuê để truy diệt cái *thiện*, thì cái sáng suốt của nhân đạo sẽ sánh đôi cùng cái tỉnh táo của nhân từ để nhận diện được cái *“thay hình đổi dạng”* của cái ác, khi nó tiếp tục lừa đảo nhân sinh. Sau khi công an giả dạng côn đồ để hành hung các nhà đấu tranh vì nhân quyền và dân chủ, thì bây giờ chúng ta lại thấy xuất hiện một lực lượng khủng bố mới: *lưu manh đỏ*, nhân gian đặt tên rất đúng nội dung bất chính của đám người này. Đó là một lực lượng thanh niên được-và-bị cầm đầu bởi các đàn anh trung niên, họ mặc áo cờ đỏ-sao vàng tới tấn công các gia đình, rồi đập phá nhà cửa, và khủng bố các nhà đấu tranh vì nhân quyền và dân chủ ngay tại nơi họ sinh sống với vợ con của họ. Đám lưu manh đỏ này hội đủ tất cả các tiêu chuẩn của xã hội học chuyên nghiên cứu về các hành vi du đãng (sociologie de la délinquance), với các chỉ báo (indicateurs) chính xác để định nghĩa đúng: chúng thật sự là lưu manh, đích thực là côn đồ: lấy bạo động để trấn áp nạn nhân, dùng bạo hành để đe dọa nạn nhân, khai thác bạo lực để khủng bố nạn nhân, lấy hành vi cực đoan để thay thế thảo luận, dùng hành động quá khích để xóa dẹp tranh luận, không muốn đối thoại vì không có lý luận, không biết trao đổi vì không có kiến thức, không có nhân lý vì không có nhân tri, không tôn trọng nhân trí vì thiếu vắng nhân tính. Các trí thức Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn Đài, Nguyễn Lân Thắng, cùng bao người khác đã là nạn nhân của chúng trong những năm tháng qua. Đừng trông chờ đám lưu manh đỏ này có các *diễn luận đạo đức* *(lý luận đạo lý chế tác ra lập luận luân lý)* qua các sinh hoạt văn minh dân chủ: hội thảo, hội đàm, hội luận… vì họ xuất hiện để hãm hại và truy diệt văn minh của dân chủ, thậm chí trên mạng xã hội chúng còn thẳng thừng xách động bằng các ngôn từ du đãng của kẻ ác chính thực: truy nã, truy sát, tiêu diệt… các nhà đấu tranh vì nhân quyền và dân chủ. Trong các nước văn minh dân chủ thì kích động có chủ ý bạo động là một tội hình sự, vậy mà tại Việt Nam hiện nay: tư pháp nhắm mắt, chính quyền làm ngơ, còn công an thì *hề hề* vì đã *hùa hùa* với chúng. Nhưng chúng ta hãy nắm chắc *nhân đạo* để sáng suốt, cầm vững *nhân từ* để phân loại đám lưu manh đỏ này ra (ít nhất) năm thành phần mà xã hội học chuyên nghiên cứu về các hành vi du đãng đã phân tích và giải thích qua phương pháp luận *phân loại hóa định tầng* *(catégorisation):*

a. *Thành phần thanh niên tay sai* hò hét đi đầu, hung hăng ra mặt thì chỉ là tay chân vì đã là nạn nhân của một quá trình nhồi sọ của chế độ, tạm thời bị thay não-đổi óc qua hậu quả giáo dục một chiều bằng tuyên truyền, họ lại ít nhiều được nuôi-mớm trong nôi cha ông của họ, đã sống bám, ăn nhờ bằng bổng lộc của ĐCSVN. Đám thanh niên này không đủ tỉnh táo để hiểu các tai ách của *dân đen*, không có sáng suốt để thấu các họa nạn của *dân oan*, nên chưa có tri thức để tự phân tích các bất công xã hội tới từ cái ác, cái tà. Họ chưa thấy cái nhục hình của các nạn nhân trong chế độ nô lệ lạo động mới: trai thì phải làm công ở nước ngoài như nô lệ lưu vong, gái bị làm điếm cho các nước láng giềng chung quanh trong quan hệ chủ nô, trẻ con thì bị bắt giết để lấy nội tạng… Hãy tìm mọi cách để đối thoại, tranh luận với họ, từ chối không để họ kích thích bằng bạo động, đưa nhân đạo vào ý thức của họ, đưa nhân từ vào lương tri của họ, ta nên tin là họ đủ thông minh để tách được cái *hay, đẹp, tốt, lành* ra khỏi cái *ác, thâm, độc, hiểm* đã gieo mầm từ lâu vào não trạng của họ.

b. *Thành phần lãnh đạo bạo hành* làm chuyện xúi giục, giật dây các thanh niên, chúng chỉ ra mặt để kích động đám đàn em, nhưng chúng tránh trực tiếp đối đầu với lẽ phải, lộ mặt trước công lý, chúng làm chuyện *“lấy điểm”* với các lực lượng trong bóng tối thao túng chúng qua *hứa, hẹn, thưởng, tặng* chúng bằng *bổng, lộc, quà, vật* mà chính thành phần thanh niên trên cũng không được biết. Đây là loại tay sai của bọn đầu nậu trong bóng tối, qua lại giữa *tà* và *ác* như “ăn cơm bữa”, chúng dùng quan hệ lén lút với công an, để coi thường pháp luật, phải vạch mặt chỉ tên bọn đi đêm giữa ban ngày luôn làm chuyện mờ ám luồn lách giữa *xã hội đen* và *công an đen*.

c. *Thành phần lãnh đạo chìm* trong bóng tối giấu mặt để giấu chức vị của chúng, đã thành các nhóm quyền lợi mờ ám trong các cơ chế an ninh, định chế công an, mà tư lợi cá nhân trị và gia đình trị của chúng đã thành xảo thuật để đưa đường, chỉ lối cho các tay sai của chúng trong thành phần lãnh đạo bạo hành đẩy đám thanh niên tay sai “vào lửa” bạo động của du đãng, bạo hành của côn đồ, bạo lực của lưu manh… Thành phần lãnh đạo chìm trong tối này đã quen thói: *“mượn đầu heo nấu cháo”, “vừa cướp, vừa la”, “trộm hoa cúng đảng”,* luôn tìm cách khai thác vị thế của chúng trong chính quyền để *“giật dây thiên hạ”* qua du đãng, côn đồ, lưu manh, chúng là kẻ ác hằng ngày thở tà-hít bạo trong hành động đôi bất chính của chúng là vừa trộm cướp, vừa hành hung.

d. *Thành phần đầu nậu vô diện*, chúng là bóng tối của bóng tối, khi cái *ác* làm chủ cái *tà*, khi cái ác lãnh đạo cái *xảo*, khi cái ác có toàn quyền trên cái *gian*, chúng quan hệ với đám đàn em là thành phần lãnh đạo chìm trong tối qua quyền lệnh ngắn gọn, ít có thảo luận, vì không cần bàn bạc của cái *ác, thâm, độc, hiểm* khi *“điều binh, khiển tướng”* cái *tà, gian, xảo, lừa* lấy cái nhanh của kẻ cướp, cái lén của kẻ trộm, mà đám đàn em phải tuân thủ theo khẩu lệnh: *“đột nhập để bạo hành”, “đột xuất để bạo ngược”*, chính bọn đầu nậu vô diện hiện nay đang xúc phạm đến tận cùng nhân cách đạo lý Việt tộc.

e. *Thành phần chóp bu giấu dạng*, phải là giả thuyết chính đáng của Việt tộc trong những ngày tháng tới, vì lực lượng này không ai khác hơn là Hán tặc Bắc Kinh, tưởng xa nhưng rất gần qua bọn tay sai của chúng đang chui rúc trong các bộ máy lãnh đạo của ĐCSVN, thao túng đất nước chúng ta, vùi dập lương tri đồng bào ta. Các tay sai này giờ đã thành thân tín, mà mánh khóe qua tiếng lóng của Tàu mánh gọi chúng là *“đệ tam nhân”,* làm môi giới cho cái *ác* của Hán triều, cho cái *tà* của Hán tặc, có mặt trong nội bộ để làm nội gián, trực tiếp gây bạo bệnh thâm đậm trong xã hội Việt Nam, hằng ngày gây ung thư trọng nạn trong thể lực của Việt tộc. *“Chủ sai đâu làm đó”*, vì chủ Tàu phỉ của bọn tai sai này đã bảo trợ lối thoát của chúng, *“rỏ vào tai”* của chúng là: Trần Ích Tắc, Kiều Công Tiễn, Lê Chiêu Thống cũng đã được tổ tiên Hán gian của chúng cho có nơi để *“gởi nắm xương tàn”* thủa nọ.

Khoa học xã hội và nhân văn khi nghiên cứu về tội phạm học (criminalogie), đã trưởng thành trong sáng suốt khi phân định cái *ác, thâm, độc, hiểm* thao túng cái *tà, gian, xảo, lừa* để giật dây cái *xấu, tồi, dở, tệ* của loại thanh niên ngây ngô khi rơi vào bạo động, họ cũng là nạn nhân trực tiếp hay gián tiếp của cái ác tâm-tà ý. Chúng tha hóa cái *nhân* để bắt cái *thiện* phải cúi đầu vào khuôn bạo lực của chúng, nhưng bóng đen côn đồ, đầu nậu vô diện, chóp bu giấu dạng là loại *“cá mè một lứa”* luôn luồn lách, lẩn trốn, chui rúc trong cái *đen*, cái *tối* nên chúng rất sợ *công quyền* của *công bằng* qua *công lý* thể hiện qua *công luật,* dựa trên *công tâm* để phán xử chúng làm nên sức mạnh của *công pháp*. Tâm lý học xã hội (psychologie sociale) gọi đích danh bọn giật dây hại người này là: giấu mặt để lừa người (manipulateur) mà hồ sơ tội phạm cũng như lý lịch cá nhân của chúng đã được nêu rất rõ trong các chỉ báo sau đây: giấu mặt khi kích thích tay sai hoặc đồng bọn phạm pháp với các hành vi cực đoan; vắng mặt khi luật pháp điều tra về nguyên nhân tội phạm của nó, giấu mặt và vắng mặt tạo nên cái vô danh để lẩn trốn công lý. Các bạn thanh niên, tạm thời bị gọi là lưu manh đỏ, đang bị bọn này giật dây, hãy nắm rõ tông tích của các đầu lãnh bất chính này, bọn giấu mặt để lừa người này, đang sống cạnh kề các bạn, vì chúng sẽ lẩn trốn trước các bạn khi *công pháp* ra tay, và không bao giờ nhận tội trước tòa án, chỉ vì chúng *vừa ác-vừa hèn*, chúng sẽ bỏ rơi các bạn một sớm một chiều, nếu các bạn còn tiếp tục xem bọn giật dây này là đồng chí thì đây là: lỗi của các bạn!

Các bạn thanh niên, tạm thời bị gọi là lưu manh đỏ, cùng các bạn đeo nhãn hiệu “thanh niên xung phong” đã bị giật dây, thao túng bởi kẻ ác, đám tà để rồi đã nhẫn tâm tham gia đàn áp, đánh đập, bắt bớ, tra tấn các đồng bào thân yêu biểu tình bất bạo động ngày 01, 08, 15 tháng 5 năm 2016, trong khi đồng bào mình xuống đường chỉ để bảo vệ môi trường sống của mình, trong hòa khí rất văn minh mà thế giới đang thán phục, các bạn hãy vận não để suy nghĩ, theo một phương pháp luận rất hiện đại, nhưng rất thuyết phục vì có sức nội kết cao trong *tri thức luận (cognitivisme)* với tên gọi: diễn luận phối hợp giữa các *giả thuyết liên kết (déduction combinatoire entre hypothèses alliées)* về diễn biến của tháng 5, năm 2016: khi ô nhiễm có mặt ở mức độ cao nhất, thì TBT Nguyễn Phú Trọng có mặt tại Vũng Áng, Hà Tĩnh, không những không dám trực diện với bọn lãnh đạo Formosa, mà còn không đi thăm các khu đang bị họa nạn môi trường, mặc dù đang có mặt tại chỗ, mà không một lời thăm hỏi các ngư nhân đang gánh chịu trực tiếp các đại họa này; và các ngày tiếp theo là ra lệnh trong bóng tối, cùng với các đồng lõa trong Bộ **C**ông an: đàn áp, đánh đập, bắt bớ, tra tấn các đồng bào biểu tình bất bạo động trong trật tự, thì nhãn hiệu dân chúng gọi mặt, chỉ tên *“hèn với giặc, ác với dân”* là có cơ sở. Formosa mang thương hiệu Đài Loan, nhưng các bạn hãy điều tra và “khui ra” là các phần hùn để lập vốn cho nó có phải bị Trung Quốc giật dây không? Khi ta biết 90% công nhân của Formosa là người Trung Quốc; liên kết các chỉ báo này lại để lập giả thuyết xác đáng là: đàn áp dân để lấy lòng Trung Quốc, vừa cúi đầu, vừa tự xưng mình là tay sai trung thành cho Hán tà Bắc Kinh, *“cúi trước giặc, xảo trước dân”.* Khi chúng ta có sáng suốt để *liên kết các chỉ báo (alliance dé indicateurs)* thì đã tạo ra *sức nội kết (cohérence)* cho *diễn luận (interprétation):* có hay không bàn tay của Hán triều Bắc Kinh trong ẩn số của họa nạn ô nhiễm môi trường tại miền **T**rung? Các bạn thanh niên nạn nhân tạm thời, bị giăng lưới, bị rơi bẫy, bị giật dây bởi kẻ ác-đám tà, các bạn vẫn là đồng bào của Việt tộc, các bạn hãy bình tâm để tỉnh trí, và không cần tìm mua để đọc tri thức luận của diễn luận phối hợp giữa các giả thuyết liên kết trong học thuật phương Tây. Vì trong hành trang lịch sử của nhân cách giáo lý Việt tộc có nội công tri thức của tam giáo đồng nguyên (Khổng, Lão, Phật), nhất là ngẫm về *Phật luận*, mà không cần là *phật tử* qua *thiền luận* để vận não qua *quán chiếu* (nhận diện toàn bộ thực tế đang diễn biến) trong *chánh niệm* (hiểu biết trực tiếp và sâu sắc cái bây giờ và ở đây), qua ba thế chân kiềng: *niệm* (tư duy sáng suốt để trực diện đầy đủ với hiện tại), *định* (tập trung toàn diện để suy ngẫm trọn vẹn về sự thật), *tuệ* (biến trí tuệ thành giác ngộ để nắm chân lý). Tri thức thiền, dựa trên lý luận của quán chiếu, trên lập luận của chánh niệm, để *niệm* lý giải hiện tại, để *định* luận giải sự thật, để *tuệ* thẩm luận chân lý. Các bạn biết không: *tri thức thiền* có trước *tri thức luận* của phương Tây 26 thế kỷ, các bạn cứ trở về với nhân cách tri thức Việt tộc, để bảo vệ *nhân tri*, *nhân trí* làm nên nhân *tính* của các bạn.

**Nhân tạo hậu**

Ricoeur xây dựng triết đạo đức của ông qua phân tích: cái *ác* là cái leo thang trong *bạo ngược*, leo không ngừng để giữ độc quyền qua *bạo lực* mà chính kẻ ác không rõ lối ra của nó, không rành gì về lối thoát của nó. Cái ác khi đã tiếp tục ác thì nó hay dùng *bạo quyền* để leo thang trong bạo lực, rồi lấy *bạo lực* để áp đặt cái độc đoán của nó qua *bạo hành*, đây là định nghĩa nguồn của cái ác bằng *bạo động*; cái bạo khi đe dọa nhân tính, khi chà đạp nhân tri, khi bóp ngộp nhân trí, là để xiết cổ nhân phẩm. Leo thang trong bạo lực nhưng thật ra là đang chìm trong vực thẳm đen tối của *vô nhân*, nên *vô hậu*! Thí dụ rõ là hiện nay kẻ ác vừa bắt bớ, vừa đánh đập các công dân Việt Nam biểu tình chỉ để bảo vệ môi trường của họ sau vụ ô nhiễm môi trường tại miền Trung, trước một chính quyền không những không dám đứng ra nhận trách nhiệm để trừng phạt bọn thủ phạm gây ô nhiễm, mà còn không làm bổn phận bảo vệ các ngư dân miền Trung mà đời sống hằng ngày và môi sinh của bao thế hệ sắp tới đang bị đe dọa nặng nề và dài lâu. Cái *gian* trong cái *ác* không những diệt sự sống của nhân tri, mà hủy luôn cả sự thông minh của nhân trí, vì tri thức luận định nghĩa sự thông minh là: cái biết của tự tư duy để tự phân tích (réflexibilité), tự chủ trong lý luận để tự quyết trong sáng tạo (créativité). Tự tư duy để tự sáng tạo không bao giờ rời lịch sử của nhân loại, nhân tri luôn dùng *lịch sử* (histoire) để làm ra *lịch sử tính* (historicité), tức là **s**oát lại *lịch sử xấu* của nhân loại, để sáng tạo ra *lịch sử tính lành* cho *nhân lý*, đây là đường đi lối về của *nhân đạo* khi phán cái ác, của *nhân từ* khi xử cái tà. Sự tàn nhẫn làm ra bởi cái *ác* trong quá khứ không có chỗ đứng trong nhân tính của hiện tại, trong chân trời của tương lai; chỉ vì nhân trí không cho phép nhân sinh rơi vào cái bẫy của lịch sử xấu, quá khứ tối, kỷ niệm tồi nữa; chỉ vì nhân tri không để nhân tính rớt xuống vực thẳm đang đe dọa các chân trời tương lai! Cái *nhân* luôn mang theo hai cái *hậu*: biết *hậu-phía-sau* để đón *hậu-phía-trước*, cái ác dẹp cái nhân nên đã gạt đi cái hậu, ở đây kẻ ác đã tự rơi vào tử lộ của nó, mà lộ trình tử vong của họ đã tách khỏi giáo lý tổ tiên Việt: *“ăn ở phải có hậu”* với nhân gian. Kẻ ác thường có phản xạ khẩu lệnh hóa các mô hình quốc phòng để chống nhân quyền, tuyên truyền hóa các phương châm an ninh để chống lại tính tự quyết của nhân tính, tuyên ngôn hóa các phương thức công an để chặn tự do. Đây là hành vi đê tiện của đài truyền hình An ninh, ngày 14 tháng 5 năm 2016 đã hành động mờ ám khi chụp mũ Nguyễn Quang A, Nguyễn Huệ Chi, Hoàng Hưng qua bản Tuyên bố bảo vệ môi trường của họ trong biến nạn ô nhiễm miền Trung. Bạo quyền tự cho quyền có một đài truyền hình công an đã là chuyện vô cùng quái thai đối với các nước văn minh dân chủ, lại đi dùng thủ đoạn tà, phương thức ác để bôi nhọ trí thức, thì đúng là *“hành vi của ma bùn”.* Xã hội học truyền thông đã phân tích minh bạch là: khẩu lệnh, tuyên ngôn, phương châm được “trộn đều” với bôi nhọ, chụp mũ, vu khống chính là *tính thực dụng thâm dại* của kẻ ác, không muốn tranh luận để thấy sự thật, không thích tranh cãi để nhận chân lý, không ham tranh lý để tiếp lẽ phải.

Foucault dùng các kết quả trong điều tra xã hội học để củng cố các luận giải trong triết học, ông dặn dò các chuyên gia của khoa học xã hội và nhân văn là khi nghiên cứu về cái *quyền* trong cái *ác* mà chỉ thấy nó trong định chế và cơ chế là một cái nhìn rất phiến diện, phải thấy cái *ác* trong mọi quan hệ xã hội, vì cái ác dùng quyền của nó để trùm phủ bóng tối lên toàn các sinh hoạt xã hội, lấy bóng đen của bưng bít để che chặn sinh hoạt xã hội. Đây là định nghĩa rộng về cái ác, nó vây bủa các quan hệ xã hội, nó ngăn chặn các sinh hoạt xã hội, để lấp đè đời sống xã hội. Hãy đi xa hơn nhận định của tư tưởng gia này để thấy là cái ác luôn tìm cách moi móc nhân tính ta, dò lùng nhân cách ta, để sẵn sàng bôi nhọ nhân phẩm ta. Hãy nhận diện đúng hiện tượng *“trả lại thẻ đảng viên”* hàng loạt, hằng ngày trong nội bộ của ĐCSVN. Họ trả lại thẻ đảng để bảo vệ *nhân tính* họ mặc dù họ đã hiến dâng cuộc đời của họ cho đảng này; để giờ đây được chăm lo cho *nhân đạo* họ và cho đất nước trước các thối nát của đảng này đang xúc phạm trầm trọng nhân cách giáo lý Việt tộc. Nếu phải chọn lựa giữa quá khứ đóng góp của cá nhân họ trong đảng và *nhân phẩm* của họ, họ đã chọn nhân phẩm, họ chôn thẻ đảng, họ đã chọn *nhân cách* giáo lý Việt tộc. Tôn trọng nhân cách, nhân tính, nhân phẩm của chính mình là công việc hàng ngày của cái *thiện*, chống lại cái *“đổ đồng để trị”* qua cái *“rập khuôn để ép”* dựa trên cái *“lấy khuôn thay tù”* của kẻ ác; *“đổ đồng”* thì rất ngại đa nguyên, *“rập khuôn ”* thì rất sợ đa đảng, *“khuôn tù”* thì *“mất ăn, mất ngủ”* với *nhân đạo* và *nhân từ*. Cái *ác* ngược với cái *nhân*, vì trước hết là nó bạo ngược với cái *sống*, đấu tranh với kẻ ác không những là phải vượt qua cái đói, cái bệnh, cái tra tấn thể xác và tinh thần, mà phải luôn vực dậy cái *sống* (sống đứng, sống thẳng) trên mảnh đất vô nhân do kẻ ác làm ra, bảo vệ cái sống ngay trên những nơi (tạm thời) không còn là đất sống nữa. Cái *đau* khi tự do bị cướp, tới cùng với bạo lực muốn vùi dập cái sống, rồi kẻ ác mang cái đau để đe dọa cái *nhân*: sau đau đớn là chết chóc, đây là chiến thuật biến nhục hình thành xảo thuật đe dọa của kẻ ác. Việt tộc không quên cái thấp hèn của kẻ ác là lập lại cái trò đấu tố dưới nhiều hình thức khác nhau: trong đồn công an tới tòa án, trong hỏi cung tới ép tự thú trường hợp của ký giả Trương Minh Đức và vợ bị công an đưa ra đấu tố rất vô liêm sỉ là một trong hàng bao nhiêu cuộc đấu tố mà chủ tòa luôn lén lút trong chui rúc. Ta không quên cái *trò hiệp thương* để loại bỏ các ứng cử viên quốc hội tới từ xã hội dân sự, mà ĐCSVN chủ mưu với con bài tồi, con cờ hèn của Mặt Trận Tổ Quốc càng ngày càng bôi bùn bẩn lên chính cái tên gọi của mình.

Sartre, thấy rất rõ nhân cách của chủ thể khi đấu tranh: *“condamnés à être libres”, bị buộc tội để rồi tự buộc mình phải luôn ở thế phải tự do*. Tự do là nền của mọi số phận muốn tự giải thoát cho số kiếp bị bôi đen, ép oan bởi tà quyền, ác lực. Tự do trong đề kháng hòa điệu cùng tự do trong sáng tạo để bảo vệ cái *nhân* trong cái *thiện*, cái *lành* trong cái *tốt*. Cái nhân, cái thiện rất xa lạ cái bản chất của kẻ ác là nuôi nọc độc hận thù để giết hại các chủ thể can đảm đối đầu, kiên cường đối mặt với nó. Nhưng cái nhân, cái thiện khôn ngoan và thông minh hơn cái ác, vì kẻ ác tự cho quyền được giận dữ, trong khi cái nhân, cái thiện khẳng định là *“giận mất khôn”,* chỉ vì *“ác mất minh”,* dân đen, dân oan không giao số phận của họ cho bọn ác mất khôn là họ rất sáng suốt. Bọn ác rất lẻ loi khi cái *lý* hợp với cái *tâm* để vạch mặt chúng, vì cái lý cộng với cái tâm làm tựu điểm cho cái *công* có mặt để bảo vệ cái *chung*. Tổng hợp của *lý, tâm, công, chung* to lớn hơn cái ác, bao la hơn cái tà, cao đẹp hơn cái xảo, để cái *thiện* lan tỏa rồi căng rộng trong cái nhân. Khi bọn gian Formosa giở trò đánh lận con đen: *“phải chọn lựa thép hay cá”,* thì chúng rất lẻ loi trước cái lý hợp với cái tâm của ngư dân, mà một bà cụ gãy gọn viết trên giấy rồi dán lên thân: *“Cá chết dân sống với ai?”.*

Nietzche giải luận cái *“rập khuôn”* để diễn luận cái *“khuôn thành ngục”,* ở đây kẻ ác luôn được kích động qua cái tự lợi của nó, bắt buộc nó phải lập ra một trật tự mới: *dùng bạo lực của độc tài qua cái toàn trị* tất cả các định chế với luật rừng là khủng bố dân bằng chính quyền của nó, mà việc đầu tiên là cướp tự do của con người. Nếu con người muốn bảo vệ tự do của mình thì mỗi cá nhân phải trở thành chủ thể phá tung khuôn của cơ chế, để đạp tan ngục của chế độ. Trật tự ra từ ích kỷ của kẻ ác luôn chật hẹp hơn không gian tự do của chủ thể, không cần khuôn, cũng chẳng cần nhà tù.

**Phán ác, xét tà**

Diệt cái *ác* bằng *nhân đạo*, hủy cái *tà* bằng *nhân từ*, không phải là chuyện lý thuyết mà là chuyện thực tiễn, không phải là việc trừu tượng mà là việc thực tế; vừa có đạo lý, vừa có luân lý, vừa có lợi chung cho đất nước, vừa có lợi riêng cho tự do và nhân quyền của mỗi cá nhân:

1. *Làm công dân* *Việt Nam* hiện nay mà không đứng về phía *dân đen* để chống lại đói nghèo không những là ích kỷ mà còn là vô tâm nữa; khi còn đồng bào mình, không nhà không cửa phải “ăn xin” ngoài đường thì nhân phẩm của mỗi chúng ta còn tật nguyền!

2. *Làm trí thức* *Việt Nam* hiện nay mà không đứng về phía *dân oan* không những là bất bình thường mà còn là bất chính nữa, có học thức nhưng sẽ mất sĩ diện khi đồng bào mình đã mất thể diện.

3. *Làm khoa học Việt Nam* hiện nay mà không đứng về phía *bảo vệ môi trường*, sau quốc nạn Formosa đã hủy diệt môi sinh của đất nước trong nhiều năm tới, qua nhiều thế hệ không những không xứng đáng với chức năng khoa học của mình mà còn là bất nhân nữa, nếu khoa học luôn bảo vệ *sự thật*, thì nó phải có tiếng nói của *chân lý*, chính sự thật khoa học và chân lý thực nghiệm đứng lên để bảo vệ *lẽ phải*.

4. *Làm dân biểu* *Việt Nam* hiện nay mà không đứng ra bảo vệ nhân quyền và môi trường, không bảo vệ dân chủ và nhân nghĩa không những là xấu, dở, tồi, tệ mà còn đang rơi vào con đường *bậy, tà, bạo, dữ* vì vô tình hoặc cố ý tạo điều kiện cho bọn *thâm, độc, ác, hiểm* tiếp tục con đường sát nhân đạo, diệt nhân phẩm của Việt tộc.

5. *Làm pháp luật Việt Nam* hiện nay với trách nhiệm *tư pháp*, để bảo vệ *pháp lý* hiện nay mà không lấy công tâm để bảo vệ *công bằng* vì *công lý*, tức là công pháp của lương tri, thì không những là vô lương tâm mà còn tham dự trực tiếp hay gián tiếp với tham nhũng, hối lộ tha hóa nhân cách Việt tộc.

6. *Làm chính quyền* *Việt Nam* hiện nay mà không đứng ra chăm lo nhân sinh, bảo đảm cho nhân tính, củng cố cho nhân tri, bồi dưỡng cho nhân trí, vun đắp cho nhân đạo, thì không những đang rơi vào con đường tà, mà đã sa vào quỹ đạo ác, để cho sử Việt sau này xếp vào loại bất nhân, vì bất tín, rơi vào bất trung, lạc lõng như oan hồn trong bất hiếu chống dân.

7. *Làm công an* *Việt Nam* hiện nay để bảo vệ trật tự mà không thấy chuyện “mất trất tự” là từ trên chóp bu của các lãnh đạo ĐCSVN, Bộ Chính trị, Trung ương Đảng, Chính phủ, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc chớ không phải từ *dân đen* và *dân oan*, thì không những lý trí đã bị mù loà mà sẽ rơi vào con đường ác khi đàn áp, bắt bớ, giết hại đồng bào mình, đây là chuyện *sát dân*, tội này còn nặng hơn tội *sát nhân* trong hình sự.

8. *Làm quân đội* *Việt Nam* hiện nay để trấn giữ biên cương, bảo toàn lãnh thổ mà nhắm mắt, cúi đầu, khoanh tay để Hán tặc cướp quê cha đất tổ, là trực tiếp làm ta**y** sai cho Hán triều, *«cõng rắn cắn gà nhà», «đem voi giày mồ tổ»*, đây là ác của ác, tà của tà, sẽ mang *tội* đời đời với đồng bào, với Việt tộc.

9. *Làm vong niên* *Việt Nam* hiện nay, với tuổi đời dầy trải nghiệm, phải khuyên nhủ, khuyến khích con, cháu (rồng, tiên) đứng lên đòi quyền sống, quyền làm người có *nhân cách* vì có nhân tính, có nhân tri vì có nhân nghĩa, có nhân trí vì có nhân đạo.

10. *Làm thanh niên* *Việt Nam* hiện nay là tương lai của Việt tộc, là nguyên khí của quốc gia, là tiền đồ của đất nước, mà không nhận diện ra cái ác của toàn trị, cái tà của độc đảng, cái tồi của tham nhũng, cái xấu của bất công, cái nhục của kiếp làm công lương rẻ cho ngoại quốc, thì chưa lập thân đã *thất nhân*, chưa lập nghiệp đã *bất nghiệp*.

**Nữ nâng phẩm**

Nhất Chi Mai, ngọn lửa của *nhân* *phẩm* thắp sáng giữa chiến tranh Bắc-Nam, mà các kẻ ác đã xúi giục rồi bó buộc dân ta phải sống trong bao năm cảnh huynh đệ tương tàn, Nhất Chi Mai tự thiêu để làm ngọn đuốc sáng của *nhân trí* trong quả cảm biến *thiện nhân* thành *tuệ giác*, hóa *tuệ giác* thành *thiện hữu* của *giác ngộ*, dùnggiác ngộ làm tình thương đồng loại làm ý nguyện sống cho mình, đây là một trong những định nghĩa về *bồ đề tâm* của Phật học, để gạt *ác*, loại *tà*. Là giáo viên, trước ngày cô tự thiêu, cô dặn đám trẻ chúng tôi chỉ mới bảy, tám tuổi trong một lớp tiểu học trường Tân Định, quận Nhất, Sài Gòn: *«Các em phải luôn biết thương yêu nhau, đùm bọc nhau nhé!»*, hôm đó chúng tôi không hiểu hết câu của cô, nhưng câu này đeo đuổi tôi cả đời, và với tuổi đời tôi mới hiểu ra là chỉ có một câu như vậy mà *tu* cả đời không hết nghĩa của nó: cái *ác* rất sợ cái *thương*! Chỉ vì nó biết là tình thương bao la hơn nó, lan tràn trong cuộc sống làm cuộc-sống-đáng-sống, bàng bạc trong nhân sinh với vị tha, bao dung, rộng lượng, nó cười tươi trước những cái *hay, đẹp, tốt, lành*, nó đầy nội lực để thẳng lưng trước cái *ác*, nó có luôn nội công để thanh thản trước cái *chết* các bạn à!

Chính trị học giúp chúng ta nhận ra cái *ác* trong các chế độ toàn trị qua các hình phạt, vừa công khai, vừa lén lút của chính quyền; vừa qua việc ngăn chặn tự do đi lại trong nước, vừa qua việc ngăn cấm xuất ngoại; trong phản xạ của độc tài thì *«ngăn sông cấm chợ»,* luôn đi đôi với *«bế môn, tỏa cảng»*. Nhưng cái *ác,* khác cái *gian* và cái *xấu,* là nó thích lấy cái *quyền* để trừng trị cái *lành,* và khi trừng trị thì nó muốn cái *đau* hằn trên thân xác nạn nhân của nó, nó dùng cái *đau* để *dọa*, nó dùng cái *đau* để làm ra cái *sợ.* *Dọa nhẹ, sợ sơ* là cách trừng phạt nhà dân chủ Anna Huyền Trang khi không cho xuất ngoại để dự hội thảo quốc tế về nhân quyền. *Dọa nặng, sợ đầy* là bỏ tù Đỗ Thị Minh Hạnh, trong tù rạt kẻ ác làm cai tù thì dùng cái *tà* để lập cái *gian* là xúi giục các tù hình sự đánh đập tàn nhẫn cô, vậy mà cô không giận, vẫn coi những kẻ này là nạn nhân của cái *ác* trong *phản ứng tà*, *phản xạ gian* của nó. Hai nạn nhân này, khi bị công an đàn áp trong tù ngục họ thường bị làm nhục vì công an vừa đánh đập, vừa bắt buộc họ phải cởi quần áo, trong cái *vô nhân* hiện nay của bọn này luôn mang theo cái *mạt vận* sau này của chúng! Các hội đoàn nhân quyền quốc tế vẫn xem chế độ của ĐCSVN áp đặt lên xã hội dân sự Việt Nam là một chế độ rất *vô nhân*, phải được canh chừng thường xuyên về mặt nhân đạo, mặc dù họ đã ký vào văn bản để xin làm thành viên nhân quyền chống tra tấn của Liên Hiệp Quốc, nhưng họ chưa gạt được cái *ác* trong họ, nên họ mới xoay qua *dùng tà-dụng gian* để *«đánh bạc lận»* với thế giới. Cái *ác* thích trừng trị, khoái trừng phạt, vì nó như bị mê mệt trong tra tấn, vì nó tin là nhục hình thì khuất phục được nhân tính; trong tra tấn nó *hủy thân* để *diệt tâm* nạn nhân của nó, đây là một trong những *định nghĩa gốc* về cái *ác.* Cái *ác* thích nói câu*: «đánh cho chừa»; «đánh cho thân tàn, ma dại»*, vì nó thích biến cái *nguyên vẹn hình hài* của *nhân sinh* thành *thương tật* rồi mang *khuyết tật* của *nhân tính*. Trong những năm chiến tranh 1965-1975, tại nhà tù Tổng nha Cảnh sát của miền Nam tại Sài Gòn, các người đấu tranh cho hòa bình còn nhớ bảng hiệu trong phòng hỏi cung thời đó, nơi mà cái *ác* hiện rõ *bản chất, nội chất, độc chất* của nó trong cái khẩu lệnh đã được viết thành chữ: *«Không có đánh cho có, có đánh cho chừa, chừa đánh cho uống thuốc»*; mẹ tôi đã bị tra tấn trong các phòng hỏi cung này! Vậy mà ta cứ tưởng cái thời man rợ đó đã thật sự qua rồi, nhưng không, trên đất nước Việt Nam hiện nay, hàng ngày vẫn có công an đưa vào đồn buổi tối một nạn nhân của họ, mà hôm sau là gia đình nạn nhân này phải tới nhận một xác chết, cái *ác* công-an-sát-nhân, thì dân chúng không lạ gì! Thống kê chính thức báo là hơn 100 nạn nhân một năm, thực sự phải cao hơn, hành pháp phải công khai về con số này! Lập pháp phải điều tra minh bạch về cái *ác* này! Tư pháp phải nghiêm minh với cái *sát (nhân)* này! Lịch sử về cái *ác* trong cải cách ruộng đất qua đấu tố chưa được viết, lịch sử về cái *ác* trong cách thanh trừng các văn nghệ sĩ của Nhân Văn Giai Phẩm chưa được viết, lịch sử về cái *ác* trong các trại cải tạo đã truy hại các công chức, sĩ quan, văn nghệ sĩ miền Nam sau 1975 chưa được viết. Chưa viết rõ, viết đủ, viết đúng thì đừng mong sẽ có chuyện *giải oan*, không giải oan được thì bao giờ chế độ này đủ nội công, dầy bản lĩnh để *hòa hợp-hòa giải dân tộc*? Cái *xấu* dễ nhận lỗi, cái *tà* dễ nhận tội hơn là cái *ác,* chỉ vì cái *ác* khi thành *ác* thì nó đã coi thường pháp luật, chà đạp nhân tính, leo thang trong bạo động, đấu giá trong bạo hành; nên *ác* sinh ra *ác*, nó khó lùi, ngày tàn của cái *ác* thường là ngày tận thế của kẻ ác. Các cuộc biểu tình để bảo vệ môi trường chống cái ác đang diệt cả môi sinh của Việt tộc, cả thế giới đã thấy rõ công an hành hung, trấn áp rồi đánh đập luôn cả các phụ nữ, các trẻ em; internet đã là thượng nguồn cho công pháp quốc tế giữ được đầy đủhình ảnh và âm thanh của loại bạo hành tồi tệ này! Cái *bạo* mà cũng là cái *thấp* trong cái *ác* là xem nhân tính, nhân tri, nhân trí, nhân đạo, nhân phẩm, nhân nghĩa là *«không có!»*, cái *ác* còn mang theo cả cái *tệ* là nó muốn mọi người phải *«xếp hàng»* trước khẩu lịnh của nó, nó còn lê theo cái *tồi* của nó là dân phải *«cúi đầu»* khi *«xếp hàng»,* ta không quên cái *dở* của nó bắt dân *«im hơi, vắng tiếng»* trong khuất phục, nhưng cái *ác* luôn sai lầm trước cái bất khuất của cái *nhân.* Trong một tình hình tăm tối của Việt tộc hiện nay, *dân đen* lại có các kinh nghiệm can đảm tuyệt vời, *dân oan* lại có các đại diện quả cảm dấn thân mà Phụ nữ Việt chính là các gương ngời sáng đó: các *nữ tù nhân lương tâm* đang đại diện cho liêm sỉ Việt, cho nhân phẩm việt. Trường hợp của Tạ Phong Tần, một đại úy công an, lúc đầu vào công an với lý tưởng bảo vệ công lý, nhưng hàng ngày phải nhìn cảnh những kẻ *có tội* qua đút lót mà chính công an đã biến cái tội này thành cái *vô tội*. Khi chị lập ra trang *Công lý và sự thật* trêninternet, sau đổi thành *Sự thật và công lý,* chị đã thật sự đấu tranh cho công bằng và lẽ phải với hằng ngàn bài viết, trong lao tù, thế giới báo cho chị biết chị đã được chọn là người phụ nữ can đảm của thế giới năm 2013. Mai Thị Dung đấu tranh vì dân oan, nhận cảnh ngục tù cùng tra tấn dã man với thân thể đầy trọng bịnh, nhưng luôn tỉnh táo trước các xảo thuật của cái *ác*, chị không chấp nhận viết đơn nhận tội để được xin khoan hồng, mà chị cho là trò xảo của cái *ác*. Đỗ Thị Minh Hạnh, đấu tranh cho quyền lợi công nhân, trực diện vạch mặt ĐCSVN vờ vĩnh đại diện cho giai cấp công nhân nhưng đưa đẩy công nhân Việt Nam vào thực trạng lao nô, cô xác định vị trí tranh đấu của mình tại đất nước khi đi hội thảo về nhân quyền tại Mỹ: *«Không có nhu cầu ở lại nước ngoài!»*. Hoàng Vi trong ngục tù cũng như trước đánh đập của cái *ác*, luôn xác định: *«Trấn áp sẽ không dập tắt được các tiếng nói tranh đấu, thấy đúng thì làm, đừng do dự !»,* bạn đồng hành của Thục Vy người đã khẳng định: *«Chúng tôi chỉ là người nếu chúng tôi có tự do!»,* cả hai cùng các bạn gái khác lập ra hội *Phụ Nữ Nhân Quyền Việt Nam*, năm 2013, làm thăng hoa tư duy bảo vệ phụ nữ trong xã hội hiện nay. Hội Liên hiệp Phụ nữ, bỗng dưng trở nên trơ trẽn, một sớm một chiều trở nên trâng tráo, vì chỉ là *bàn tay tà* nối dài của ĐCSVN. Còn bao gương thật đẹp của nữ giới Việt hiện nay: Bùi Thị Minh Hằng, ngữ văn của chị rành mạch, ngữ pháp của chị trong suốt và quyết đoán trùm phủ cái *tà*, không nhượng bộ cái *ác*: *“Tôi tuyên bố sẽ đi tới tận cùng của công lý và sự thật để đưa kẻ tà quyền ra trước công luận và pháp luật”*. Chị Cấn Thị Thêu thật trong sáng khi *lý* của *nhân* là phải vạch mặt cái *ác*, cái *tà*: *“Chúng tôi đã bị cướp mất tất cả quyền làm người… Đất chúng tôi bị cướp, dân không có đất để làm ruộng, không có đất để chôn khi họ chết, tội ác này của ĐCSVN thì “trời không dung, đất không tha”… Chúng tôi tiếp tục chiến đấu… Chúng tôi không chùng bước…”*, xin khoanh tay, cúi đầu, tiếp nhận lời của chị; chị là dân oan, nhưng trong ngục tù chị vẫn hằng ngày bảo vệ các tù nhân bị cai tù đánh đập. Lê Thu Hà, có gương mặt của niềm tin vững, có hy vọng cao trước cái bạo và độc của cái *ác;* Nguyễn Đặng Minh Mẫn nhân phẩm sáng rực trong khu biệt giam tăm tối, không có nước, mỗi ngày là cơm với muối, đã trấn an với thân phụ khi ông đi thăm cô: *«Ba yên tâm!»…* Các phụ nữ này là tù nhân lương tâm với ý nghĩa cao đẹp nhất! Nam giới Việt hãnh diện được đứng cạnh họ, vì họ làm sáng nhân sinh quan của nhân đạo, làm rõ thế giới quan của nhân lý, làm rộng vũ trụ quan của nhân trí. Chúng ta không quên diễn viên Kim Chi, lương tri luôn sáng trong mọi đấu tranh xã hội, từ nhân quyền qua chống ngoại xâm Hán tặc, từ dấn thân cho dân chủ qua bảo vệ môi trường. Ai thương dân đen hơn các phụ nữ này, vì họ biết là dân đen trong thành thị thì *«đầu tắt mặt tối»;* giữa đồng áng thì: *«Bán mặt cho đất, bán lưng cho trời»,* những kẻ ác thì ácđể vơ vét, tên tà thì tà để chụp giựt, chúng không sao hiểu thấu thực trạng của dân đen. Cái bi kịch của *dân đen* là lại bị cướp đất, cướp nhà, nên họ mới trở thành *dân oan*, oan đến ngất trời nằm trong phân tích của Lâm Ngân Mai: *«Không trông chờ gì ở ĐCSVN, ở chính quyền của nó… dân đen, dân oan, phải ôm nhau để che chở nhau… ».* Đùm bọc nhau trong nguy nan là hành động không sao mà kẻ ác hình dung được về nội lực nhân đạo, về bản lĩnh nhân từ; cái *ác* chỉ muốn mọi người phải giống nhau trong khuất phục, bắt chước nhau trong cúi đầu, theo nhau khoanh tay, cùng nhau quỳ gối. Tìm mọi cách đùm bọc nhau, tìm đủ hướng che chở nhau, là nội dung sáng tạo của *nhân đạo* để nhân từ chế tác được can đảm vì *nhân nghĩa*, dấn thân vì *nhân tình*, chuyện đời giờ đây không còn là thành công hay thất bại của *nhân sinh*, mà là chuyện là *nhân tính* phải luôn đứng trên lưng cái tà, với *nhân phẩm* phải luôn ở trên vai cái *ác*, vì sao? Vì cái *lành* (le bien) làm ra cái *nối* (le lien), cái *lành* nối người với người, cái *tà* thì lấy người để hại người, cái *ác* thì lấy người để diệt người.

Trường hợp của Phạm Thị Lài cũng là một gương đẹp khác, lúc đầu chỉ là nông dân, bị biến thành *dân oan* trước các bất công về đất đai trên quê hương của chị, không cam nhận cúi đầu mà thẳng lưng lãnh nhận tù đày, trong vị thế của một tù nhân lương tâm, với câu thơ: *“Chín tháng tù như một giấc ngủ trưa”.* Cái *ác* thường *“mất ăn; mất ngủ”* vì các câu thơ này, vì nó không còn là thơ để mơ tưởng, mà là nguyên tắc của liêm sỉ, mô hình của can đảm, luận thuyết của tự do, giải luận của nhân quyền. Cái *thiện* xây lên từ các quan hệ xã hội theo cái *tốt* của *lành,* cái *hay* của *đẹp,* khi tự định nghĩa cho mình là *thiện*, thì cái *thiện* đã trở thành tòa án để *phán* cái *ác*, *xét* cái *tà,* vì nó định vị trong cái *đúng* để *trị* cái *sai.* Ăn ở *tử tế* với đồng bào mình mới *có hậu*, đối xứ *đàng hoàng* với đồng loại mới có lối ra, đây là *phương pháp hữu dụng* về cái *thiện* giành cho kẻ *ác*, đây cũng là *kỹ thuật thực dụng* về cái *thiện* giành cho kẻ *tà*. Vì cái *thiện* là hùng lực của *công lý*, nội lực của *công bằng*; còn cái *ác* lẻ loi ngụp lặn ngược giòng chống *nhân tâm,* cái *tà* luồn lách lén lút trước *nhân lý*, nên cả hai rất trần trụi trước *nhân phẩm* của cái *thiện.* Cái *thiện* này luôn biết mình là trung tâm của *công lý* nên *quang minh chính đại* trước ánh sáng của *công luật*, nên không có gì phải sợ sệt trước bóng tối của cái *tà*, không hốt hoảng trước vực thẳm của cái *ác.* Cái *thiện* còn làm nên*“cặp bà****i*** *trùng”* tích cực với cái *sống*, để bảo vệ sự sống, qua cái *thương* luôn dựng cuộc sống *“thẳng vai, ngay lưng”* để giữ chất *người* trong chất *sinh*; như *nhân sinh* luôn biết dựa vào *nhân phẩm*. Hãy nhớ lại những gì mà nữ sinh viên Nguyễn Phương Uyên nói trước tòa bằng *nhân cách* qua *nhân phẩm* của cô: *«Tôi không cần giảm án. Tôi chỉ cần toà xử đúng người đúng tội. Tôi cho rằng chống ĐCSVN không phải chống phá đất nước, dân tộc. Các ông đừng đánh đồng!». «Đánh đồng»* tức là *«hóa mù ra mưa»* khi dàn dựng pháp luật giả, là vị thế tệ hèn của cái *ác* khi nắm tòa án trong tay; *«vàng thau lẫn lộn»* trong truy tố là *thế tồi của kẻ ác* khi giật dây luật pháp. *«Tung hỏa mù» để «vàng thau lẫn lộn»* là xảo thuật của kẻ *ác*, gian thuật của kẻ *tà*, luôn tìm cách tư hữu hóa chính quyền qua đạo đức giả để vùi dập các giá trị tốt lành, rồi trắng trợn đòi đại diện cho các giá trị đó, khi đã nắm quyền lực trong tay. Đạo đức giả luôn là son phấn rẻ tiền của cái *ác*, cái *gian*, chỉ vì chúng không có cái gì là *thật,* để tự làm đẹp cho chúng*,* đây là *định nghĩa bản lề* về cái *ác* qua cái *xảo ngôn* của nó: *«khẩu Phật, tâm xà»* để làm chuyện *«ngậm máu phun người».* Thí dụ thì rất nhiều, chẳng hạn nhưkhi kẻ ác chụp mũ để bắt rồi xử Thụy Vi để *«phạt thuế truyền thông»,* chớ không phải vì qua hành động thật của cô là đòi nhân quyền và dân chủ, chống ngoại xâm Hán tặc, chống nội xâm tham nhũng. *«Giả để dễ trộn»* là *xảo hành* của kẻ ác, tự xảo rồi tự hành, không cần đạo đức của tập thể, giáo lý của cộng đồng, đạo lý của tổ tiên, kẻ ác chỉ biết *độc thoại* (bản chất của độc tài), kẻ ác rất sợ *đối thoại* (bản chất của dân chủ). Một khuyết tật khác của cái *ác* khi độc tài, cái *tà* khi độc quyền, cái *gian* khi độc đảng là không thiết lập một quan hệ bình thường có *công pháp* được hỗ trợ bởi *đạo pháp* -phương pháp của nhân đạo, toàn năng của nhân nghĩa, nội lực của nhân tính- chỉ vì cái *ác* không có *nhân* trong *gốc, rễ, cội, nguồn* nên không có *hậu* trong *cây, cành, lá, quả* qua cách hành xử hằng ngày với nhân sinh. Đánh đập một nữ sinh viên yêu nước nhỏ bé như Phương Uyên trong ngục tối, rồi khi thả ra thì cấm cô học tiếp đại học, vậy mà không có một nhân vật nào của chính quyền, của giáo dục đứng ra để giải thích tại sao quyền làm công dân, có giáo dục, có kiến thức lại bị tước đoạt như vậy, luật pháp thật ở đâu?

Các nữ tù nhân lương tâm -các đứa con tin yêu của Việt tộc- qua hành động của chính các chị, các bạn đã làm sáng lên bao chính nghĩa của *nhân tính*, tôi nhớ rõ câu tuyên bố mà cũng là lời tâm sự của nữ triết gia Arendt: *«Je revendique le devoir de la désobéissance civile contre la banalité du mal, mon metier est la théorie politique, quand les lecteurs comprennent ma théorie c’est une grande satisfaction de quelqu’un qui aime son métier»,* *Tôi đòi hỏi cái quyền không tuân lịnh luật pháp của kẻ ác là để chống lại chuyện bình thường hóa cái ác của chúng, nghề của tôi là nghề làm lý thuyết cho chính trị, khi các bạn đọc hiểu các lý thuyết này, tôi có một nỗi vui lớn của kẻ yêu nghề.* Gốc Do Thái, Arendt thoát chết trong bối cảnh diệt chủng của Đức quốc xã đã tàn sát đồng bào của bà, trong khi người yêu của bà là nhà triết học Heideggers, gốc Đức đã im hơi, vắng tiếng trước bọn sát nhân thế chiến này. Chính cái đau khổ của một dân tộc bị thảm sát, trước cái bội bạc thấp tồi của người yêu, đã làm nên động cơ giúp bà làm được tầm vóc triết học chính trị của bà.

Tôi cũng không quên một nữ chính trị gia lỗi lạc của Pháp quốc, bà Veil, cũng thoát chết sau nhiều năm tù đày của Đức quốc xã trong đệ nhị thế chiến, các bạn biết bà định nghĩa nhà tù trong một xã hội nhân đạo và văn minh để chống lại cái *ác* là gì không: *«la prison est lieu qu’on doit protéger la dignité humaine, un lieu pour apprendre, ce n’est pas un lieu pour punir”, nhà tù là nơi phải bảo vệ nhân phẩm, nơi mà con người vẫn học được, không phải là nơi để trừng phạt*. Như vậy, nhà tù nào đã trừng phạt dã man các chị, đã trừng trị các bạn bằng đòn thù, thì nó chắc chắn là nhà tù này là của kẻ *á*c, không những không văn minh mà còn rất man rợ. Bà Veil cũng là bộ trưởng Bộ Y tế đã ban hành bộ luật lẫy lừng của Pháp năm 1975 với quyền phụ nử được ngừa thai và ngừng thai, trước bao tấn công hồ đồ, vô minh của đám nam giới trong các đảng phải bảo thủ và cực đoan.

Cuộc tranh đấu của nữ giới vì bình đẳng vẫn còn tiếp diễn hằng ngày, ngay trên cả các châu lục được xem là văn minh, tôi cũng muốn tâm sự với các chị, các bạn tư tưởng mới của nữ triết gia Badinter vạch mặt bọn ác, kẻ tà là bắt phụ nữ chỉ được làm mẹ, rồi khung họ trong gia đình, để làm suy kiệt sinh lực của phụ nữ trong trách nhiệm và bổn phận suốt ngày phải lo cho con cái, bà khẳng định: *«On peut être une femme sans être une mère, les femmes ont le droit de choisir qu’elles veulent être mère ou non, et personne n’a le droit de toucher à ce droit !», phụ nữ vẫn là phụ nữ dù họ không làm mẹ, đây là quyền chọn lựa của họ, không ai được đụng vào quyền này!* Bà chính là người bạn đời với bộ trưởng Bộ Tư pháp Badinter, suốt đời h**ỗ** trợ người bạn đời của bà trên con đường nhân lý: xáo bỏ tội tử hình trong hiến pháp và luật pháp của Pháp quốc.

Con đường chiến đấu của các chị, các bạn vì quê hương và dân tộc phải làm r**õ** lên quyền phụ nữ trên đất nước chúng ta và vì các thế hệ sau, đây là *nhân bản* làm nên *nhân nghĩa* của các chị, các bạn, tôi đã thấyrõ *nhân phẩm* hiện nay của các chị, các bạn trong *nhân tri* của Việt tộc thương yêu. Cái can đảm thông minh của nam giới là phải biết cảm phục và trân quý các phụ nữ Việt đã đại diện xứng đáng cho *nhân phẩm* Việt, trực diện khi không nhượng bộ cái *ác*, cái *tà.* Trên có trời, dưới có đất, các nữ tù nhân lương tâm này có mặt ở mọi nơi với dân đen, dân oan; những ngày tháng mà các chị, các bạn bị cầm tù, giam cầm bởi các kẻ ác, bọn tà, tôi không nghĩ những năm tháng đó của các chị, các bạn là thụ động, vì cơ thể bị kềm kẹp bởi gông cùm, mà đó là những năm tháng có cái chất *thiêng* của nó, đó là những lúc mà tôi lập đi lập lại trong tâm tư mình câu hát của người nhạc sĩ thân thương của chúng ta, Trịnh Công Sơn: *«Mẹ Việt nằm… đợi giờ sông núi thiêng!»*

**Nhân nguyện dậy!**

Các bạn trẻ thân quý, khi các bạn xem trên internet các cuộc biểu tình gần đây trên đất nước, các bạn sẽ thấy tập thể thương dân, yêu nước lúc xuống đường, họ có âm thanh, có giai điệu của họ, đó là lúc họ đang hát bài *“Dậy mà đi hỡi đồng bào ơi”… Dậy mà đi hỡi đồng bào ơi / Ai chiến thắng không hề chiến bại / Ai nên khôn không dại một lần… Bao nhiêu năm qua dân ta sống không nhà / Bao nhiêu năm qua dân ta chết xa nhà…”.* Khi các đồng nghiệp trong ngành tư vấn, truyền thông, báo chí, ấn bản, nghiên cứu của tôi tại Âu châu hỏi tôi: *“Đồng bào của bạn đang hát gì vậy?”*; cũng như khi các sinh viên Âu châu trong các đại học cũng hỏi tôi: *“Dân chúng nước của thầy họ hát gì vậy?”,* tôi chỉ trả lời gãy gọn là khi: *“Họ tranh đấu thì họ đang hát chữ* nhân *của họ!”.* Nhân phẩm làm nên nhân cách, nhân trí làm ra nhân tri, nhân đạo chế tác ra nhân nghĩa, nhân tính bảo vệ nhân sinh… Nhưng chúng ta là người Việt Nam, tôi muốn tâm sự với các bạn rõ hơn, đó là tiếng hát của những người bị áp bức đó các bạn! Đó là tiếng của dân đen, dân oan đó các bạn! Các bạn trẻ thân quý -những đứa con tin yêu của Việt tộc- các bạn có biết không trong cuộc nội chiến Bắc-Nam vừa qua, giữa thế kỷ thứ hai mươi, mỗi lần bài hát này được hát lên trên đường phố miền Nam, đồng bào mình vừa hát vừa khóc trong các cuộc biểu tình; thế là chỉ cần chờ vài tuần, vài tháng là *chế độ tà* đổ, *chính quyền ác* sụp. Chuyện đổi đời là có thật các bạn à! Chuyện này có thể nghiệm được, cái gì chúng ta coi là thiêng, thì phải nghiệm cho bằng được, nghiệm đúng thì ta mới tin, tin vào cái nhân sẽ tới để dẹp tan cái ác, cái thiện tới để quét sạch cái tà. Dậy mà đi hỡi đồng bào ơi…

**Nhân Việt. N°7**

**(Nhân cách giáo lý Việt tộc)**

**Nhân tình-nhân thế**

***(nỗi niềm giáo lý Việt tộc)***

*Đường mòn nhân nghĩa không mòn!*

**Tặng NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN**

Trong chứng từ của các tù nhân lương tâm, bị công an «bắt nóng, bắt nguội» nhiều lần trong những năm qua các phong trào đấu tranh cho nhân quyền, cho dân chủ, cho môi trường…, mà mọi người có thể xem trên mạng, tôi thấy họ luôn tỉnh táo tươi cười, riêng tôi xúc động khi nghe họ kể là họ thông cảm cho những người công an đã bắt bớ, áp đảo, đày đọa chỉ vì họ tin là trong số người này có nhiều người mà họ có thể thông cảm, mặc dầu những công an biết là họ đang làm sai, làm những việc trái pháp luật, trái với lương tâm của chính họ! Hãy bắt đầu câu chuyện nỗi niềm giáo lý Việt tộc từ đây, trong đó có nhân tình của đồng bào mình khi đối mặt với chế độ công an trị hiện nay, mà đàn áp đã thành phản xạ của các kẻ lãnh đạo, và hiện nay đã hành xử vô cùng sai trái đối với dân đen, dân oan; tôi muốn tìm nỗi niềm giáo lý Việt tộc trong nhân thế thời này đã bị chế độ hiện nay nhào nặn hằng ngày thế nào mà con người chỉ thấy tiền, dễ mất nhân cách vì tiền, nhất là những kẻ có quyền sẵn sàng nạo tiền một cách bất chính nhất qua tham ô, tham nhũng, hối lộ, cửa quyền. Hãy bắt đầu câu chuyện bằng động từ: thông cảm trong ngữ văn, ngữ pháp tiếng Việt nó luôn mang sức thần thông của lòng nhân ái, của lòng rộng lượng, của lòng vị tha, nhưng cũng là nội công của sự tỉnh táo, bản lĩnh của sự sáng suốt, làm cho Việt tộc luôn là Việt tộc.

**Giá trị của tình cảm luân lý**

Mỗi cuộc đời không những chỉ có thử thách, mà còn có tiếp nhận để nắm giữ cho bằng được các giá trị của nhân phẩm được coi như *hoài bão* -nhân tố sinh động của cuộc sống- lấy *ý nguyện* để vượt thắng nghiệp chướng, vì có những kiếp người, chẳng hạn như *dân oan* hiện nay bị cướp đất, cướp nhà, họ đang phải sống trong tù ngục của nhân sinh, vì *địa ngục điện tiền*, địa ngục không đâu xa, địa ngục ở trước mắt chúng ta. Mỗi lần chúng ta nhớ về họ, chúng ta thấy chuyện dấn thân để bảo vệ họ là tất nhiên, không có phản xạ chống bất công để bảo vệ kẻ yếm thế trong *nhân tình*, thì chính ta đã đánh mất *nhân tính*, từ đó *nhân lý* của ta coi như đã bị *ngọng, què, chột, điếc* trước *nhân thế*. Chúng ta có nhiều cách chống bất công, cửa quyền: bao dung nhưng minh bạch như Lý Thái Tổ, hoặc nhân từ nhưng khiêm cẩn như Phật hoàng Trần Nhân Tông; thậm chí cứng rắn, quyết liệt như Trần Thủ Độ để bảo vệ cơ đồ chung. Trong lúc chờ đợi dân chủ thật sự đến với Việt tộc, chúng ta mong mỏi các lãnh đạo hiện nay của ĐCSVN tìm ra được những kẻ có bản lĩnh minh chủ, có nội công minh chúa, có tầm vóc minh quân, như cha ông ta đời Lý, Trần. Còn nhiều cách nữa để chống tham ô, tham nhũng: trực tiếp tố cáo bọn gian thần như Chu Văn An, hoặc thâm trầm tiên tri vận nước như Nguyễn Bỉnh Khiêm; thậm chí trực diện trong quyết đoán như Nguyễn Trãi, về Côn Sơn để *«mai danh, ẩn tích»,* nhưng không hề sao lãng việc đời, việc nước. Tất cả những danh nhân này điều mang đậm nét trong cuộc đời của họ: các nỗi niềm giáo lý Việt tộc.

Trong cấu trúc ngữ pháp: *nỗi niềm giáo lý* đã có sự mở lòng để đón nhận *lòng quả cảm* ngay trên thượng nguồn, sẽ làm ra chất xúc tác cho các hành động tích cực mang đến điềm lành, chuyện hay cho đồng bào, đồng loại. *Nỗi niềm giáo lý* còn làm nên cá tính của của một dân tộc: đặc điểm của lòng yêu nước, đặc thù của lòng thương nòi, đặc tính của quyết tâm giữ quê cha đất tổ, đặc sắc của tấm lòng *một con ngựa đau, cả tầu bỏ cỏ*. Hãy bắt đầu câu chuyện nhân tình, nhân thế bằng *nỗi niềm giáo lý* này để thấy trong văn hóa Việt tộc đã có văn minh của quyết tâm không bao giờ khuất phục trước ngoại xâm, cường quốc; có luôn cả văn hiến của lòng bất khuất giữ đất nước cho bằng được, không buông bỏ độc lập dân tộc, nắm vững và nắm chắc các giá trị nhân bản của mình. Động từ *thông cảm* đầu câu chuyện, bây giờ đã có chỗ dựa là chữ: *lòng,* như con tim không ngừng nghĩ chuyển máu tươi cho lương tri, như buồng phổi không ngừng hít thở khí lành cho nhân cách. *Tấm lòng*, mà nhạc sĩ Trịnh Công Sơn lấy làm hải đăng cho sự nghiệp nghệ thuật của mình (*sống trong đời sống, cần có một tấm lòng*), sống mà không có *tấm lòng* thì có thể coi như là không sống, vì đã mất lương tri, đã đánh mất luôn nhân cách. Như vậy, *tấm lòng* vừa là *con ngươi* cho ta thấy đường đi, nẻo về; lại vừa là *đôi chân* dìu dắt thân thể ta trên đường đi, nước bước để tìm về *gốc, rễ, cội, nguồn* của tổ tiên. *Con ngươi* và *đôi chân* của tấm lòng là tiền đề, để vào *nỗi niềm giáo lý Việt tộc*, trong đó *con ngươi* và *đôi chân* không có lãnh thổ riêng rẽ, không có biên giới phân chia, mà cả hai luôn mang trọn vẹn tính tương tác; luôn phối hợp nhau để lao tác ra: *thể lực Việt,* *trí lực Việt*, *tâm lực Việt*, cả ba tạo ra *sung lực Việt* , cội rễ của *nỗi niềm Việt*. Hiện nay, *thể lực Việt* -vừa là đất nước, vừa là dân tộc-đang bị đe dọa nghiêm trọng trước *Tầu họa,* mà Việt tộc không thấy con ngươi sáng suốt và đôi chân cương quyết của ĐCSVN đã và đang lãnh đạo số phận giống nòi này, đã và đang mơ hồ trong khiếp nhược trước Tầu tặc, đã và đang yếu đuối trong bất nhất trước ĐCSTQ (Đảng cộng sản Trung Quốc) mà mưu đồ bành trướng, mà mưu mánh bá quyền đã rõ.

Giá trị của nhân phẩm có chỗ dựa là giá trị của đạo lý, ta tiếp nhận và nắm giữ cho bằng được các giá trị của nhân phẩm, vì chúng làm nên cá tính và bản sắc của ta, trong đó hướng đi của đạo lý dựa trên tiếng nói của tự do, dẫn dắt mỗi công dân Việt trong mỗi thử thách, sau đó giúp ta đánh giá đúng số phận của dân tộc, qua các quan hệ mà chúng ta có với tổ tiên và tổ quốc. Từ đó, ta sống và nhìn đồng bào mình qua những bậc thang của các giá trị đạo lý, lấy đó để xét, để soát lại các kinh nghiệm công dân của ta. Triết học luân lý nhận định là các thói quen của chúng ta, luôn có một cái nền của đạo lý (*con cháu ở đâu, ông bà ở đó*), nền đạo lý này giúp cho thói quen của con dân nhập vào các nội chất *hay, đẹp, tốt, lành* tới từ cha ông (*ăn trái nhớ cây, uống nước nhớ nguồn*), mang cái sáng của lịch sử vào soi rọi cái chưa sáng của hiện tại. Trong giá trị của nhân phẩm, ta cũng phải thấy khác nhau giữa các *nguyên tắc luân lý* và *tình cảm luân lý*, trong đó tình cảm luân lý luôn sống động và có lúc thông minh hơn các nguyên tắc luân lý, vì tình cảm luân lý là *gốc, rễ, cội, nguồn* của mọi nỗi niềm giáo lý, vì tình cảm luân lý biết kết thân-nhập xác với các niềm tin thâm sâu nhất về dân tộc mà Việt tộc gọi nhau là đồng bào: những con dân ra đời cùng một bào thai, để rồi thâm nhập vào giá trị chân thật của lòng yêu nước, thương nòi, mà không cần khuôn vàng, thước ngọc, lắm lúc giáo điều của các nguyên tắc luân lý. Cái hay của các tình cảm luân lý là nó không duy lý một cách máy móc, không «dạy đời» kiểu một chiều như các văn bản về nguyên tắc luân lý; nó tìm và hiểu nhân phẩm qua các quan hệ đồng bào, để định hình tình yêu nước, thương dân của chúng ta, biết đùm bọc nhau nhưng cũng biết tha thứ cho nhau (*yêu nhau chín bỏ làm mười*). Nó ở những dạng rất khác nhau (*yêu nhau, yêu cả đường đi, lối về*), nó không chỉ là biểu hiện nội tâm của ta trước cuộc sống mà còn là định hướng của cuộc đời mỗi người (*yêu nhau, cởi áo cho nhau*), nơi mà cái *phải sống đẹp* lấy ra từ *chất sống đẹp* của các tình cảm luân lý. Cái *phải sống đẹp* không chỉ là hoài bão, ý nguyện, làm nên niềm tin và làm nên cả lý tưởng cho chất sống, mà nó còn là thước đo để *cân, đo, đong, đếm* mọi hậu quả của mỗi hành động của chúng ta. Trong những năm tháng tới, đất nước chúng ta s**ẽ** bị thử thách hằng ngày, kẻ có ý thức về hậu quả trong hệ vấn đề giống nòi, dân tộc, đất nước… phải lấy thông minh của mình một cách liêm sỉ nhất ra để phán xét các thử thách đó, lấy tình yêu quê hương thật bền chắc ra để phán đoán các diễn biến trên đất nước này. Tòa án quốc tế quyết định là chuyện Phillipines kiện Trung Quốc trên biển Đông là: *đúng!* Vì Trung Quốc không hề có một chủ quyền lịch sử nào trên biển Đông, cả thế giới yêu cầu Trung Quốc phải tôn trọng chủ quyền của các nước láng giềng, nhiều quốc gia quý Việt Nam cũng thắc mắc tại sao lãnh đạo ĐCSVN lại quá hèn, không như Phillipines, đưa Trung Quốc ra tòa! Nỗi niềm giáo lý Việt tộc cũng vậy (vừa buồn, vừa chán) là: *«Tại sao lãnh đạo ĐCSVN lại cúi đầu như vậy?»*, cha ông ta khi xưa giữ nước, khi bảo vệ bờ cõi đâu có ươn hèn như vậy! Cái đáy của sự hèn nhát là: điếm nhục! Đừng bắt Việt tộc đóng vai hèn nhát, gánh trò điếm nhục. *Nhân phẩm, nhân đạo, nhân cách, nhân diện* chỉ là một chuyện, có cùng một *con ngươi*, có cùng một *đôi chân*: biết nhìn thẳng nên không hèn, biết đi ngay nên không nhục!

Nhưng người ta có thể hiểu được các quyết định xấu, các hành động sai, các hậu quả tồi đã xảy đến cho dân tộc, cho đất nước bằng cách *xem, xét, soát* lại các sai lầm, các khuyết điểm, để hiểu tại sao lòng yêu nước thủa ban đầu khi đấu tranh giành độc lập bây giờ đã biến chất qua tham quyền, tham ô; cái hy sinh cho kháng chiến thủa nọ chóng chầy biến thành cái *bất trung, bất tín*, lời hứa cách mạng thủa xưa trước dân tộc giờ đã tìm đường rẽ ngang qua con đường *bội tín*: phản bội lòng tin của dân tộc! Cứu cánh không thể biện minh cho phương tiện, nếu ta chứng minh được là sự thật phải đầy đủ, toàn bộ, trọn vẹn (*nửa trái táo vẫn (là) còn là táo, nhưng nửa sự thật không phải là sự thật*) và không có phương tiện nào là không phán xét được, nếu cứu cánh vẫn chưa rõ, thiếu sót, què cụt, khi còn nhiều điều đáng bị ngờ vực, cái xuất sắc không phải là cái chắc bẩm, con tính tư lợi của cá nhân không phải là các giá trị phổ quát cho cộng đồng. Các thủ đoạn cướp đất, cướp nhà mà dân oan là nạn nhân, đều đến từ cái ích kỷ trục lợi của những kẻ cầm quyền, nó bắt ta khi phân tích tình hình đất nước, khi đi sâu vào nỗi niềm giáo lý Việt tộc là phải làm hai chuyện cùng lúc: chuyện thứ nhất là phải xem lại các giá trị của luân lý, của đạo lý trên đất nước hiện nay; chuyện thứ hai, là phải luôn nghiệm lại các kiến thức của mỗi công dân Việt trước các thử thách mới của dân tộc, trước các thăng trầm đang đe dọa các giá trị của luân lý, của đạo lý. Các giá trị đạo đức luôn dựa trên cách thuyết minh của nó, chắc trong lý luận, vững trong lập luận, tạo ra cơ may cho chính nó, nếu nó muốn sống sót lâu dài và bền bỉ trong nhân tri; cũng như lẽ phải, phải luôn được kiểm chứng hằng ngày (*đường mòn nhân nghĩa không mòn)*.

Chúng ta cũng đừng quên là có những *giá trị giả* được áp đặt trong vài bối cảnh được dàn dựng bởi những kẻ có chủ mưu xấu, như cái trò «*chữ tốt, chữ vàng»* của đám lãnh đạo **T**ầu khi *«vuốt đầu, rờ gáy, xoa lưng»* khi ra giọng *«đàn anh»* trước các lãnh đạo ĐCSVN, nhưng khi bị đối diện với các hệ thống kiểm chứng phổ quát hằng ngày, và với các chứng cớ bằng chứng từ tạo ra chính kiến, thì các *giá trị giả* này sẽ tự sụp đổ (*cháy nhà lòi mặt chuột*). Khi nghiên cứu về lịch sử Trung Quốc, trước đó là Hán triều, giờ đây là Tàu tặc, thì ai cũng rõ là chúng: *«cướp trước rồi hòa sau»,* như vậy chúng không những *«vừa ăn cướp, vừa la làng»,* mà còn *«vừa giật, vừa khuyên»*; chúng *thấp, tồi, dở, tục* mà chúng cứ tưởng là *khôn, khéo, lanh, ngoa*. Đây là những vết chàm trong quan hệ láng giếng giữa Tầu và ta, Tầu của Khổng, Lão, Mạnh, Trang có phong cách đại quốc, nhưng trên biển Đông hiện nay, nhất là đối với Việt Nam, Tầu của Đảng cộng sản Trung Quốc chỉ là bọn *trộm, cắp, cướp, giật*! Không rõ chuyện này thì không đối đầu với Tầu được. Chúng ta dặn con cháu phải nghiêm cẩn trước cái *khôn, khéo, lanh, ngoa* thật ra chỉ là *thấp, tồi, dở, tục* của Tầu! Vì sao? Vì cái vô minh, vô tri, vô giác đã nhập vào não bộ của thế hệ trẻ Việt hiện nay, sao bao năm làm nạn nhân cho một chính sách thiếu văn hóa Việt, vắng văn minh Việt, mất văn hiến Việt, lại còn bị thay thế vào bằng các tiêu thụ dễ dãi phim ảnh, báo chí, truyền hình Tầu… với tài tử, diễn viên, ca sĩ Tầu, và lắm thanh thiếu niên Việt xem các nhân vật Tầu này là thần tượng. Hậu quả là hè năm 2016, sau khi Tầu bị tòa án quốc tế chỉ mặt, gọi tên là kẻ *trộm, cắp, cướp, giật* trên biển Đông, thì lãnh đạo Tầu đã giựt dây hơn 100 tài tử, diễn viên, ca sĩ Tầu để chống lại quyết nghị của tòa án này, vậy mà có các thanh thiếu niên Việt «hùa theo» các đám tài tử tồi, diễn viên tục, ca sĩ bồi của Tầu này. Hậu quả, thiếu văn hóa Việt, vắng văn minh Việt, mất văn hiến Việt, dẫn tới mù quáng trước mọi nguy cơ của Việt tộc, trước mọi nguy nan của tổ quốc trong đám thanh thiếu niên Việt này, về hiện tượng này các lãnh đạo ĐCSVN phải chịu trách nhiệm trước tòa án lương tri Việt tộc!

Các bất công trong xã hội hiện nay tới từ bất tài, bất lực của lãnh đạo, luôn được chế độ giải thích qua các cớ (*lực bất tòng tâm*), nhưng cớ không phải là sự thật, càng không phải là chân lý, hoàn toàn không có chỗ dựa trên lẽ phải. Vì *ăn ở có nhân mười phần không khó*, khi kẻ đưa ra các *cớ* này lại nắm quá nhiều quyền và vơ vét quá nhiều tiền; còn nạn nhân của họ khi nghe, khi nhận các *cớ* này thì đã trắng tay vì đã thành *dân đen*, trắng mắt vì đã thành *dân oan*. Cái *cớ* mang theo cái *xảo* để làm nên cái *lừa*, mang cái *gian* để làm ra cái *lận* (*đánh lận con đen*), nó luôn dựa trên một tình huống riêng của nó, nó «chế» ra *cớ*, để cho *thủ đoạn* được bày biện một cách có nội kết, để *tác giả gian* của một *ý đồ xấu* được phát biểu ý kiến của họ, qua biện luận nhưng thật ra là ngụy biện, qua quyết định nhưng thật ra là gian lận, những kẻ này tự gạt đi mọi tình cảm luân lý, để họ tránh bị xét nghiệm bởi dân tộc trước khi họ hành động*.* Mánh khoé, thủ đoạn, tà kiến, ngụy biện… chính là bản chất của kẻ gian, sẽ bị lột mặt nạ, lộ chân tướng khi con tính tư lợi của họ không thuyết phục được các giá trị luân lý. Vì con người luôn thấy được và nhận ra *cái đúng* (*le juste),* để hành xử theo *cái tốt (le bon),* để tìm ra *cái hay (le bien),* mà không cần chờ đợi *cái hợp pháp (le légal)* của mỗi hành động. Như vậy quá trình tiến hành của các *tình cảm luân lý* tạo nên các *nỗi niềm giáo lý*, luôn nằm trong quỹ đạo liêm chính của mỗi người yêu nước, vì quỹ đạo này thoát được mọi kìm kẹp của các bất công, tới từ lạm quyền.

**Giá trị của lý luận luân lý**

Ngày chủ nhật 18, tháng 7, năm 2016, dân chúng yêu nước, chống Tầu cướp đảo biển của ta dặn dò nhau: *«mềm mỏng ôn hòa nhưng cương quyết», «chuẩn bị nhiều khẩu hiệu trong người đề phòng trường hợp bị cướp», «tuyệt đối đúng giờ, không đi sớm để tránh bị bắt nguội, bị xé lẻ»…* Đi biểu tình chống ngoại xâm, để bảo vệ đất nước mà phải chuẩn bị nghiêm cẩn như vậy trước bộ máy *bạo quyền*, sẵn sàng *bạo hành*, dùng *bạo lực* để đàn áp dân của công an hiện nay. Chỉ cần các vị lãnh đạo của ĐCSVN còn một chút lương tri, một tấc lương tâm thôi cũng thấy bao nỗi niềm dân tộc trong các lời dặn dò đầy quyết tâm yêu nước này. Cách thể hiện các tình cảm luân lý của mỗi công dân yêu nước thì thường được kể qua các biến cố đã và đang xẩy đến cho đất nước đó; các biến cố này thường nằm ngoài mọi ước lệ hình thức của xã hội. *Tình cảm luân lý yêu nước* được thể hiện qua các *lý luận luân lý thương nòi*, chính lý luận luân lý này sẽ làm nền cho các *nguyên tắc giáo lý dân tộc* và dẫn chứng cho mọi *phán đoán luân lý* của dân tộc sau đó. Cái khác nhau giữa *luân lý (la morale)* và *đạo lý (l’éthique);* ở chỗ *đạo lý* là ý nguyện của chủ thể xây dựng cuộc đời qua các chiều hướng *hay, đẹp, tốt, lành* của mỗi người trước nhân sinh, trong bối cảnh vàng thau lẫn lộn; còn *luân lý* là khuôn phép của *phải, đúng, hợp, nhập* trong quan hệ xã hội giữa con dân và đất nước trong quan hệ dân tộc. Như vậy, đạo lý của một công dân, khi được tập thể, cộng đồng, xã hội công nhận nó sẽ trở thành luân lý cho dân tộc. *Nỗi niềm giáo lý Việt tộc* giữ chỗ trung tâm cho Lý Thường Kiệt (*Nước Nam của người Nam*), nó giữ luôn chỗ huyết mạch cho Nguyễn Trãi (*Lấy nhân nghĩa thắng hung tàn, lấy trí nhân thay cường bạo*). Tầu chiếm biển đảo của ta bằng xảo thuật của *bạo lực*, ĐCSVN bị dân phán cho nhãn hiệu: *«hèn với giặc, ác với dân»,* như vậy bi kịch của ĐCSVN hiện nay là có *«đồng thuận»* với giặc Tầu qua hình ảnh: *bạo-ác*, lại không tìm được một đồng thuận nào với dân tộc là: *cùng dân giữ nước*; để biết làm theo lời khuyên của Trần Hưng Đạo trong giờ hấp hối, dặn dò Trần Anh Tông cách *đánh Tầu, trừ Hán*, nếu chúng đến xâm lược tổ quốc ta: *«Cả nước một lòng… rễ sâu, cội chắc!».* Muốn có *nỗi niềm đạo lý Việt tộc* phải có *cảm nhận đạo lý dân tộc*, đó chính là chất kết tinh của mọi *tình cảm luân lý* trong mỗi công dân yêu nước, trong đó *đạo lý* đưa ra các định hướng cho ta biết lối đi, nẻo về của những cái *hay, đẹp, tốt, lành*, cho dân tộc, cho đất nước. Tại đây xuất hiện ra một loại *đạo lý khó* mà các triết gia của đạo đức học gọi là *siêu đạo lý (métaéthique)* bắt chủ thể yêu nước phải nhận ra tính đặc thù của *môi trường mới* khi tổ quốc bị đe dọa, để có phán đoán đúng trước khi hành động, vì sao? Vì môi trường đạo lý không phải là môi trường quân sự, môi trường ngoại giao không phải là môi trường truyền thống. Nhưng chỉ có một *nỗi niềm đạo lý* cho cả *Việt tộc*, làm nên *tình cảm luân lý* Việt tộc là: lòng yêu nước! *Rễ sâu, cội chắc* cho mọi tầng lớp xã hội (*quân, dân là một),* cảm nhận thật thâm sâu rồi dặn dò nhau là phải bảo vệ cho bằng được tổ quốc (*giặc đến nhà, đàn bà phải đánh*), cẩn trọng trước mọi mưu đồ *thâm, độc, ác, hiểm* của ngoại xâm, có cách đối phó với bọn (*cõng rắn cắn gà nhà),* với các kẻ *(mang voi dày mả tổ*), mặt mũi chúng nó «giống» đồng bào ta, nhưng trong tâm địa chúng chỉ thờ Hán triều.

Khi giá trị của tình cảm luân lý dân tộc đang thử thách nhân cách mỗi công dân Việt, giữa cái vận nước tối hơn sáng, thì giá trị của luân lý bảo vệ tổ quốc luôn là *cái chung ở trên cao* các tư lợi cá nhân; *cái chung ở trên cao* phải được tôn vinh, và nó đi trên vai, trên lưng các cá nhân ích kỷ chỉ thấy tư lợi của mình (*ai chết, mặc ai*). Giá trị của luân lý bảo vệ tổ quốc này mở lối cho các định nghĩa về bổn phận, về trách nhiệm cho mỗi công dân, nó mang tính phổ quát, tính phổ biến trong giờ khắc đất nước lâm nguy. Nhưng các giá trị luân lý này không **x**ơ cứng, luôn là *hệ mở*, vì mỗi cá nhân cảm nhận nó qua cách đóng góp của mình, qua tính hiệu quả trong chiến đấu; hảy bỏ thói nghĩ thui chột dễ dãi của tư duy, thí dụ như một lãnh đạo (*ăn trên, ngồi trốc*) thì *«yêu nước hơn»* dân đen, dân oan (*biết quyết tử cho tổ quốc quyết sinh*). Các giá trị luân lý yêu nước sẽ không giống nhau, nếu các chủ quyền của các cá nhân, của các thành phần xã hội không giống nhau. Nhưng ta biết là mỗi công dân yêu nước không chỉ bằng cái tự do tuyệt đối của riêng mình, mà còn tùy thuộc ở mức độ rất cao và rất sâu vào các công dân yêu nước khác; tính lệ thuộc lẫn nhau trong lúc cùng nhau bảo vệ giang sơn, làm nên *một khung luân lý bảo vệ tổ quốc chung,* biến bản năng tự do cá nhân ra thành *mẫu số chung yêu nước*, chung sức cùng nhau bảo vệ tổ quốc. Hãy luôn giữ công thức của Hưng Đạo Vương *«Cả nước một lòng… rễ sâu, cội chắc!»*; tránh mâu thuẫn rồi chia rẽ giữa các cá thể yêu nước trong các thành phần xã hội khác nhau. Nếu có nhân sinh quan riêng rẽ, thế giới quan cá biệt, vũ trụ quan đặc thù, tức là rất khác nhau giữa các công dân yêu nước, nhưng nếu biết tạm thời dẹp các khác biệt này để làm nên chuyện lớn, thì *giáo lý dân tộc* sẽ trở thành *sức mạnh dân tộc*, thì *luân lý dân tộc* sẽ trở thành *thông minh dân tộc* đó. Những kẻ lãnh đạo hiện nay muốn được xem là *minh quân, minh chủ, minh chúa* thì phải biết nhận ra hai loại giá trị: *giá trị luân lý trong khuôn phép mô phạm quốc phòng* (cứng) và *giá trị luân lý trong vận hành xã hội* (mềm), linh hoạt qua các biến cố, qua các giai đoạn chiến lược. Những kẻ lãnh đạo giỏi này phải có đủ thông minh, để luôn phối hợp hai loại giá trị này, không những để bảo vệ đất nước mà còn làm thăng hoa tính đa dạng đã sẵn có trong mỗi công dân cùng một dân tộc. Trong giáo lý dân tộc, giá trị của công dân chỉ là một phần của giá trị của tổ quốc; công dân thể hiện bổn phận qua *nghĩa vụ quân sự,* giá trị của tổ quốc đề cao *lòng yêu nước quả cảm*, biết can đảm trên chiến trường, nhận hy sinh ngoài trận mạc. Những kẻ lãnh đạo này phải nắm rõ một khúc mắc nữa là trong sự nghiệp bảo vệ tổ quốc: phán đoán về thực tế không phải phán đoán của giá trị; trong đó phán đoán về vận mệnh dân tộc là gốc rễ của mọi quyết định luân lý trong mọi sách lược. Những kẻ lãnh đạo vận mệnh dân tộc không sao thoát khỏi quy luật nhân quả từ quyết định qua hành động trong quan niệm *chính (trị) nghiệp* của mình, họ phải truy giải nó qua gốc rễ của nó là *nhân,* để lý giải nó qua cành ngọn của nó là *quả,* luật *nhân quả* này trùm phủ toàn bộ *chính (trị) luận* của họ trên các thời điểm khác nhau: *hiện nghiệp* bắt họ trả giá ngay trong hiện tại, *hậu nghiệp* gởi chuyện trả giá của họ cho tương lai*, nghiệp vô hạn định* không ai biết được bao giờ mới hết các hậu quả của các sai lầm trong trong quá khứ*, nghiệp vô hiệu lực* không ai đủ sức tháo gỡ nỗi các tội lỗi đã thành nội kết trong *chính (trị )nghiệp* của họ. *Chính (trị) luận* phải biết tác động trong *chính (trị) nhân* để chế tác ra: *chính (trị) thức* để nắm trọn các tri thức về cái xã hội đương thời của dân tộc mình, đây là cái khác nhau giữa các *cá nhân* (an phận) và *chính (trị) khách* (quyết đoán) dùng tinh hoa của dân tộc mình để thay đổi vận nước mình, rồi làm thăng hoa dân tộc mình, để sáng tạo ra cái tương lai đẹp cho tổ quốc; làm cho hiện tại phải *hay, đẹp, tốt, lành* hơn cái quá khứ cũ. Những con đường mà Việt tộc phải qua trong những năm tháng tới, cũng là những ngã ba, ngã tư bắt lãnh đạo còn liêm sỉ, còn lương tâm phải chọn lựa, giữa *đạo lý* (*cái được xem là tốt*) và *luân lý* (*cái bắt ta làm tốt*); một bên là *ý thức về cái tốt*, một bên là *bổn phận phải tốt*. *Đạo lý* là *tình cảm tốt* sẽ hành động theo *hướng tốt*, còn *luân lý* là *khuôn phép tốt* bắt đi ta vào *lối tốt*. Hiện nay, có quá nhiều chuyện không tốt đang xảy ra trên đất nước Việt, trong đó cái *bất lực, bất tài, bất tín, bất trung* của nhiều lãnh đạo ĐCSVN hằng ngày sánh đôi cùng cái *thấp, tồi, kém, dở* trước các đối tác, trước các đối thủ. Tại sao phải để tới ba tháng để kết luận là chính Formosa là thủ phạm gây ô nhiễm nghiêm trọng tại miền Trung, và ai cũng biết là không bao giờ mới khôi phục được ngư trường tại đây, bọn tội phạm môi sinh này bày trò *«đứng khóc và xin lỗi»* nhưng chúng đang: *«coi thường và cười trong bụng»* khi chúngcoi rẻ dân Việt, khinh chính quyền Việt Nam, khi chúng chỉ bồi thường 500 triệu USD. Cái *bất tín, bất trung* của các lãnh đạo ĐCSVN giờ đây lại kèm ráp thêm vào các *bất lý*, *bất tri* khi để một phát ngôn viên ra giọng kể lể: *«giáo lý Việt Nam đánh kẻ bỏ đi, không ai đánh người quay lại»,* một tuyên bố vừa vô duyên vì sai bối cảnh, vừa vô minh vì lầm thực trạng khi đàm phán các thiệt hại quá trầm trọng về môi sinh với bọn bất nhân diệt hại môi trường này, mà nhân dân bốn tỉnh miền Trung đang gánh chịu. Ai lo cho các ngư dân của các tỉnh này phải bỏ nghề, bỏ quê hương, bây giờ đang lang thang, thất tha thất thểu hàng loạt làm *«lao nô»,* từ Trung Quốc qua tới Lào? Nỗi niềm giáo lý Việt tộc cũng là câu hỏi chính đáng nhất: tại sao chính quyền không lo cho họ? Tại sao lãnh đạo Formosa không nhận các hậu quả về xã hội, gia đình, nghề nghiệp… cho các nạn nhân này như các công ty tại các nước phương Tây khi phải bồi thường về môi trường? Chúng nó gây cho dân ta một *nạn nghiệp*, chúng nó phải nhận đủ mọi *hậu nạn*, đó là quy luật công bằng của nhân sinh, các lãnh đạo của ĐCSVN phải biết lấy lại lương tri của mình để bảo vệ ngư dân và môi trường miền Trung, phải biết lấy lại lương tâm của mình để bảo vệ dân tộc và đất nước! Không có lương tri lại để mất lương tâm thì đừng nói chuyện giáo lý, đừng bàn chuyện đạo lý, nhất là đừng lãnh đạo nữa!

*Đạo lý phải cứu nước* là tiền đề cho mọi mục đích khác nhau về các *hay, đẹp, tốt, lành* cho tổ quốc, nó luôn đi cùng với *đạo lý phải giữ nước* làm ra luân lý của một dân tộc là nơi thẩm định các mô hình về nghĩa vụ, đã khuôn thành bổn phận, đã khung thành trách nhiệm, mà các lãnh đạo vận mệnh đất nước phải luôn nắm vững hai đầu mối. Đầu mối thứ nhất là *kinh nghiệm đạo lý giữ nước* của tổ tiên trong lịch sử; và đầu mối thứ nhì là đạo lý giáo dục các thế hệ tương lai phải có *đạo lý phải tổ quốc*, trong đó số phận (*bây giờ và ở đây)* của dân tộc quyết định mọi phán xét hai đạo lý kể trên: *cứu nước* và *giữ nước.* Khi tòa án quốc tế tuyên bố là Trung Quốc không có một chủ quyền lịch sử gì trên biển Đông, nên rút ra càng sớm, càng hay hai khu vực: Hoàng Sa và Trường Sa và không được làm ô nhiễm các môi trường tại đây, qua các việc xây dựng bừa bãi các căn cứ quân sự, thì thế giới muốn nói gì với Trung Quốc? Thế giới muốn nói bọn lãnh đạo Tầu chỉ là: bọn *trộm, cắp, cướp, giật*! Khi bị ra tòa và kết tội tức đã là bị lột mặt nạ, thì số phận lành của *kẻ trộm* là phải trở về con đường *thiện*. Còn muốn tiếp tục theo *gian*, thì chỉ trở thành *kẻ cướp* mà thôi, mà muốn cướp cho bằng được đất biển của hàng xóm, thì sớm muộn gì cũng thành *kẻ sát nhân*! Bọn *trộm, cắp, cướp, giật* này đã có hành vi *kẻ trộm,* hành động *kẻ cướp,* hành khí *kẻ sát nhân* bao nhiều lần trong lịch sử Việt tộc, mỗi khi chúng rình rình xâm chiếm nước ta. Vậy mà chỉ hai ngày sau phán quyết của Tòa án Quốc tế, thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã gặp tên thủ tướng Tầu, và sau khi gặp thì không có một câu tuyên bố nào thật liêm sỉ về chủ quyền biển đảo Việt, không có một tuyên thệ nào có lương tâm về toàn vẹn lãnh thổ Việt. Vậy thì, Việt tộc đừng trông chờ gì về loại lãnh đạo này khi tiền đồ Việt tộc đang bị lâm nguy, và tài sản riêng của hắn đã nằm phần lớn tại Mỹ, nhưng (cũng) giáo lý Việt tộc cũng dạy ta rất rõ là: *«khôn quá hóa dại»,* nếu tiền của của ông ta mà tới từ các nguồn bất chính. Đúng vậy, Thượng nghị viện Mỹ vừa quyết định cuối năm 2016: chặn các tài sản bất chính của các lãnh đạo tham ô, cấm chúng nhập cư vào lãnh thổ Mỹ, sẵn sàng trả lại cho các dân tộc là nạn nhân của bọn tham nhũng này. Đây là một *nhân luật* làm sáng ra luật *nhân quả* của *nhân lý* vì *nhân tri*.

Nỗi niềm giáo lý Việt tộc cũng là những mơ ước của một dân tộc về một *đạo lý đúng* có *nhân sinh đúng* (nghĩa) trong một *nhân tình đúng* (cách), cả hai được bảo vệ và tôn trọng bằng các *cơ chế đúng* (luật). Cái *đúng* nếu nó chưa làm ra được cái *tốt*, thì ít ra nó cũng làm ra được cái *lành*, được sống *lành* đã là chỗ dựa cho bao cái *hòa*, cái *yên*, cái *vui* rồi. Con đường của nỗi niềm giáo lý Việt tộc, có nội lực của tình thương nước, yêu nòi, nhất quyết không biến đất nước Việt thành địa ngục của dân đen và dân oan, mặc dù chúng ta biết hai thành phần xã hội này tăng rất nhanh trong xã hội hiện nay, vì họ là nạn nhân trực tiếp của quá trình cưỡng chế đất, của đàn áp bất nhân trong chế độ công an trị hiện nay. Nỗi niềm giáo lý Việt tộc cũng là *ý lực* của dân tộc muốn có được từ *một đời sống tốt* trong thực tại, mà một dân tộc yêu nước đủ *sung lực* để biến *ý lực* thành *pháp lực*, một *cách làm tốt* để hành động, từ đó hình thành một sức mạnh hạ nguồn trong đấu tranh: *quốc lực*, trực diện với cái *gian, tà, lận, tráo* của tham nhũng, tham ô trong chế độ hiện nay, sau đó *quốc lực Việt* sẽ tính toán *sòng phẳng* tới cái *trộm, cắp, cướp, giật* của Tầu tặc, từ đó thay đổi *nghiệp lực* của dân ta. Khi *ý lực* chuyển hóa thành *pháp lực* làm nên *quốc lực*, thì loài ký sinh trùng tham nhũng, tham ô sẽ được biết rõ là tuổi thọ của chúng là rất thấp, so với các công dân yêu nước có đạo lý rộng vì có giáo lý cao, có đạo đức mạnh vì có luân lý sâu.

**Giá trị của lập luận giáo lý**

Nỗi niềm giáo lý Việt tộc cũng là khả năng vạch mặt chỉ tên các hành vi vô nhân, các hành động bất nhân, không tôn trọng dân tộc, không trân quý tiền đồ tổ tiên, đây là tình cảm của luân lý mà cũng là *lý tính của đạo lý* của chúng ta. Vì chúng ta tin trong mỗi công dân Việt luôn có một *sung lực* để làm được chuyện *giữ nước*, để *cái tôi thương dân* làm ra *cái ta thương nước*, cái *tôi* này không cần có chỗ đứng riêng rẽ, kiêu căng, tự đắc, vì nó có chỗ dựa rất lớn và rất mạnh là cái *chung*, làm ra *nền, cột, mái, tường* cho cái *ta,* biết tự tôn trọng mình trong dấn thân, biết giữ lòng yêu nước mình như giữ nhân phẩm mình, biết quý trọng mình như biết kính trọng tổ tiên, tiền nhân. Lấy sáng kiến để *sống đúng*, qua *quyết định đúng,* để *hành động đúng*. Như vậy *nỗi niềm giáo lý Việt tộc đúng*, sẽ đưa tới dân tộc mình có *lối sống đúng,* dựa trên một chế độ chính trị *đúng,* từ đây *nỗi niềm giáo lý Việt tộc* sẽ có được một *suy nghĩ đúng* về *công bằng* (*égalité*), làm cơ sở cho *công lý* (*justice*), làm chỗ dựa cho tình cảm luân lý (*sentiment moral*). Cái lừa đảo trong điêu ngoa trong phản xạ tham nhũng hiện nay, nơi mà nhân phẩm vắng tanh trong con tính hằng ngày của những kẻ muốn giành quyền để giành tư lợi, thì vô tình họ đã đưa cái cái vô đạo đức của họ nhập nội vào cái vô giáo dục, cái vô văn hóa vào quan hệ xã hội, luồn tuông vào cái vô tri thức của họ vào hành vi cộng đồng, chúng ta không trông mong họ có hoặc họ hiểu gì về nỗi niềm giáo lý Việt tộc! Mỗi lần có sự vắng mặt của cái *biết* (*biết đối nhân xử thế*; *biết người biết ta*; *biết trên kính dưới nhường)* là mỗi lần Việt tộc bị đe dọa. Trong nỗi niềm giáo lý Việt tộc này, cái *nhân Việt* (tình thương tức khắc với dân tộc) luôn song hành cùng cái *nghĩa Việt* (lòng yêu nước bền lâu với tổ quốc), *nhân Việt* và *nghĩa Việt* là hai giá trị chủ đạo cho mọi nỗi niềm giáo lý Việt tộc, trong đó dân tộc làm nên sự nghiệp của một triều đại, trong đó *nhân dân* làm ra một lẽ phải của một chế độ. *Nhân* của *tộc* và *nghĩa* của *dân* là nội công tư tưởng trong nỗi niềm giáo lý Việt tộc, vì *nhân Việt* và *nghĩa Việt* là *gốc, rễ, cội, nguồn* của *giáo lý Việt tộc*, *nền* của đạo thờ tổ tiên, *khung* của đời sống làng nước, *gân cốt* của các thế hệ đang trưởng thành, vì nó làm ra *cốt cách* cho tư cách *hiếu*, phong cách *trung*, nhân cách *dũng* của Việt tộc. Các giá trị này không hề rời rạc, lẻ loi, lạc lõng, mà đã thành hệ thống hoàn chỉnh, bởi chính *ý lực* của đạo lý, đủ sức làm nên *hành lực* cho luân lý trong xã hội, đủ vai vóc làm nên *sung lực* tương tác trong gia phong, biết tương trợ lẫn nhau để các thế hệ giữ được *phong tục tốt, tập quán hay* cho nhau. Để *nhân phẩm* luôn là nội tạng cho *nhân lý*, để *nhân tri* luôn là huyết mạch cho *nhân sinh*. Nhưng các giá trị này đang bị đe dọa trong xã hội hiện nay ngay trên quê hương Việt Nam của chúng ta, nơi mà người với người sẵn sàng truy diệt, hãm hại, thanh trừng nhau vì tiền, vì vàng, vì đất, vì nhà… tức là vì những thứ thấp hơn *nhân đạo, nhân trí, nhân nghĩa*.

Không có các giá trị đạo lý và luân lý thì sẽ không có giá trị cá nhân để hướng dẫn hành động cá nhân gần tình thương đồng bào, vì tình thương này đẩy ra xa cái ích kỷ, vì cái ích kỷ rất dễ trở thành vô nhân, tức là vô giá trị nhân bản. Các giá trị đạo lý làm nên tình cảm luân lý giữa chúng ta luôn được ta xem là *xứng đáng* trong *nhân sinh quan* (*thương người như thể thương thân)* của chúng ta, vì giá trị này, tình cảm này trên thượng nguồn đã được xem là *đúng,* chính cái *đúng* này sẽ tạo ra cái *hay* trong đạo lý, cái *đẹp* trong giáo lý, làm nên *thế giới quan (trong ấm ngoài êm)*của chúng ta, làm nên *vũ trụ quan (mưa thuận gió hòa)* của chúng ta, trong cách *đối nhân, xử thế (trên kính, dưới nhường)* của Việt tộc. Như vậy, *giá trị đạo lý* làm nên *tình cảm luân lý,* đã từ *lý* trở thành *đạo* (đạo chớ không phải tôn giáo, đạo là đi tìm hướng đi đúng, tôn giáo đi tìm hướng tới để tôn thờ). Nếu mỗi quyết định, mỗi hành động đều có chỗ dựa là giá trị đạo lý để làm nên tình cảm luân lý, thì cái *đáng*, cái *đúng*, cái *hay*, cái *đẹp* lại có thêm cái *lý* và cái *đạo* trợ lực thì sẽ làm ra cái *bền,* đủ gân cốt để làm nên cái *lệ*, rồi dần dà trở thành cái *luật*, sẽ được sử dụng trong luật pháp, đủ nội lực điều chế các thành phần xã hội đang chần chừ, phân vân, lưỡng lự. Sinh lực của luật pháp đủ sức nói *rõ*, nói *giùm*, nói *hộ* cho luân lý: bổn phận và trách nhiệm của mỗi người, rồi phân công và phân bố các bổn phận và trách nhiệm này qua các định chế.

Luân lý và luật pháp luôn có mặt trong quan hệ xã hội, theo Durkheim thì nó nằm ngay trong phân nhành và phân nghề, theo Weber nó còn có sung lực làm ra *cơ may* cho mỗi người: thành công qua học đường, trưởng thành qua nghề nghiệp, thăng hoa qua kinh tế, tăng vị trong xã hội; mà Elias giải thích các cơ may này làm cho các quan hệ xã hội được bền vững, được dài lâu. Ba tổ sư này của ngành xã hội học đã nêu rõ ba chuyện hệ trọng trong xã hội: *phân công* trong xã hội tạo ra *cơ may* trong quan hệ xã hội, củng cố các cơ may này là củng cố các *hệ luân lý* của xã hội; đối với một dân tộc thì ba chuyện hệ trọng này đã là ba cái nền cho một quốc gia tồn tại. Tham quyền sinh ra tham nhũng hiện nay vừa là một cái bẫy truy hại nhân lý, vừa là vũng bùn của *nhân sinh*, vì chúng hủy diệt cái liêm chính của phân công, cái liêm sỉ của cơ may, cái liêm khiết của các hệ luân lý. Những kẻ tham quyền để trục lợi, phải chụp để giựt, phải nuốt mà không nhai, ngấu nghiến cho tới nghẹn, vùi dập dân chúng vào bùn đen (nên họ mới thành *dân đen*), đè giẫm dân nghèo vào hố sâu (nên họ mới thành *dân oan*), chúng thiêu hủy mọi tình cảm luân lý đồng bào, vì nhân tâm đồng loại của chúng đã tàn rụi từ lâu*.* Phản xạ tiền bạc đã thành cử động hàng ngày của tham ô, sống để kiếm tiền, cầm quyền để tìm lời, nắm chức để sinh lợi, biến chuyện buôn lời thành chuyện buôn người, nhẫn tâm biến đồng bào lương thiện mình thành *lao nô* qua xuất khẩu lao động, qua *lao động chui*, bọn này không hề có lương tâm lẫn danh dự, không hề có liêm sỉ lẫn tự trọng, để đưa dân tộc vào con đường sáng tạo để *làm chủ,* để tránh phải *đi làm công*; với lương thấp, điều kiện lao động tồi, bọn này không hề có tư duy thông minh để học các thành công của Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc đã *làm chủ*, bỏ kiếp *làm công*; Việt Nam có cùng một nôi văn hóa, văn minh, văn hiến tam giáo đồng nguyên với các quốc gia này, tại sao: *họ giầu, ta nghèo?* *Họ cao, ta thấp*? *Họ hay, ta dở ?* …

Bọn tham ô chủ trì tham nhũng hiện nay, chỉ thấy con tính trước mắt *không vốn nhưng lời nhiều*, đã nuối nấng và phổ biến *nhân sinh quan ký sinh trùng* của chúng trong xã hội Việt, nơi mà *tư lợi là thu lợi,* bám quyền để *ăn lén-ăn lời*! Chúng ngày càng lộng quyền trên đất nước của Việt tộc, chúng bòn rút vốn liếng của dân, chúng định chế hóa chuyện *vơ, vét, chụp, giựt* của chúng, từ tiền tới đất, thì *kiếp nghèo, phận thấp, nghiệp dở* còn đeo đuổi dân tộc Việt. Chúng còn tự khoe là *«làm giầu mà không cần vốn»*, chúng không hề ngượng về tư cách *mượn đầu heo nấu cháo* của chúng*,* chúng hít thở, vui chơi trong điếm nhục mà cứ tưởng là sang trọng, hoàn toàn vô cảm trước cảnh đói nghèo, ghẻ lạnh của đồng bào mình. Chúng không biết *giá trị của lập luận giáo lý* thì làm sao chúng có *nỗi niềm giáo lý Việt tộc*, chúng tuyên truyền các mô hình luân lý đơn điệu, một chiều, chớ chúng không bao giờ trực diện để đối thoại với trí thức-để có tri thức-để có phương hướng đưa Việt tộc thăng hoa. Vì gặp trí thức tức là gặp kiến thức trong *lý luận đạo lý*, gặp ý thức trong *lập luận giáo lý*, gặp để phải *giải luận đạo đức* các hệ vấn đề gay gắt của nhân lý và nhân trí. Không có tri thức, kiến thức, ý thức trong lý luận, lập luận, giải luận mà chúng vẩn *ăn trên ngồi trốc*, nghiệp chướng này phải được Việt tộc giải oan càng sớm càng hay. Buôn quyền để buôn tiền, cướp của dân đen rồi cướp đất dân oan, lấy gian lận để vùi nhân cách, đừng trông chờ chúng để làm rõ *nhân phẩm* trong *nhân quyền*, *nhân trí* trong *nhân tri*, vì *nhân đạo* không có mặt trong con tính tự lợi của chúng, *nhân nghĩa* không có chỗ trong tư duy hằng ngày của chúng, sống giữa *nhân thế* nhưng chúng ngày càng xa rời *nhân tính*, nhất quyết chúng ta không để chúng dắt Việt tộc vào lối *vô nhân* này. Buôn quyền để buôn tiền, chúng sống thành bày đàn trong các đường dây quyền lợi tăm tối, các mạng lưới của xã hội ngày càng đen, chúng luồn tuông trong *tà quyền* để chế độ hóa tham nhũng, lập *cơ chế chìm* để lũng đoạn *cơ chế nổi*, thối tha hóa các định chế qua phản xạ tham ô, đút lót, cá mè một lứa, chúng có ngôn ngữ riêng của chúng: *bố****c****, hốt, chụp, giật,* vì tư duy của chúng đã bị ung thư, cái ung thư phản giáo lý đang ăn mòn tất cả tình cảm luân lý của chúng, rồi lan dần, lan rộng ra các sinh hoạt xã hội, làm ung thư mọi đạo lý cá nhân, mọi luân lý cộng đồng. Bòn rút tận xương tủy người khác là *lẽ sống thường nhật* của chúng, cái bất nhân trong con tính tư lợi luồn chui vào quan hệ xã hội bằng ngõ ngách *lúc ăn bám, lúc ăn cướp* của chúng theo kinh nghiệm sống vì tiền của Mã Giám Sinh và Tú Bà: «*người còn thì của hãy còn».* Trước trò đểu của bọn tội phạm môi trường Formosa, *«xin lỗi»* với 500 triệu USD, nhử vào miệng bọn tham nhũng vì tham tiền này, dân ta không lầm trong năm 2016, khi ra câu ngạn ngữ mới để tự dặn lòng là phải luôn tỉnh táo: *«Formosa xin lỗi, chính quyền nhận tiền, nhân dân nhận hậu quả!».*

Chúng ta phải làm hai chuyện trong cuộc sống hiện nay cho đồng bào, cho quyến thuộc: loại cho bằng được bọn ký sinh trùng ra khỏi đạo lý của chúng ta; và tìm cho ra các kháng thể, kháng tố mới để bảo vệ thể lực cho đạo lý, thể phách cho luân lý. Khi chúng ta phải gặp chúng trong cuộc sống, chúng ta bảo vệ nhân cách của chúng ta bằng các định đề của *nhân tính, nhân đạo, nhân phẩm, nhân quyền, nhân tri, nhân trí, nhân nghĩa*… chúng ta nói cho chúng biết là *sống phải có tình, có nghĩa*… mới *có hậu*. Vì sao? Vì bọn buôn quyền để buôn tiền này, chúng đâu biết là chúng đang đi vào con đường *triệt hậu*! Bọn có quyền nhưng *vô hậu* này sống trong thảm kịch mà chúng không biết; vì chúng không tôn trọng *công bằng*, nên không biết nội lực của *công lý*, chúng tạo ra *bất công* để sau này sẽ *bất lực* trước *công lý*, khi vào đường cùng! Tại sao lại đường cùng? Vì có một định đề bất biến trong đạo đức học: *lời nói* là *lời hứa*, lời hứa là *dấn thân*, dấn thân để bảo vệ lời hứa, lời hứa làm nên *lời hẹn*, dấn thân làm nên *luân lý*, là thước đo giữa *sự thật* làm nên *chân lý*, để bảo vệ *lẽ phải*. Từ đó lẽ phải có nội công vạch trần mọi xảo trá, lột mặt nạ mọi điêu ngoa, và ngày tàn của chúng luôn thật bi đát trong điếm nhục, trong ghẻ lạnh của công lý quốc gia, công pháp quốc tế! C*ó (sự) thực mới vực được (đúng) đạo* luôn sánh vai cùng *quang minh chính đại*, đi giữa *thanh thiên bạch nhật*, trong nhân cách *đường đường chính chính*, trong phong cách *thẳng lưng mà bước* của các công thần của Việt tộc (Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Quang Trung…). Bọn buôn quyền để nạo tiền này, khi chúng nói về *đạo* là để lừa người, khi chúng bày chuyện *diệt tham nhũng, chống tham ô* là để hãm hại nhau, khi chúng ra chính sách mới là chúng đang dàn cảnh cho một cuộc gian lận mới. Khi chúng gồng hơi để nói là chúng đang thật sự cúi đầu, làm l**ơ**, chớ không dám gặp, dám nói chuyện tử tế với những người thật sự có chính nghĩa, có nhân đức, khi chúng tạo ra nghị quyết mới là đang đóng kịch để lập ra các trò ma đạo mới. Rơi vào *ma đạo* thì chỉ có thể trở thành *ma bùn*.

**Giá trị của nội lực nhạy cảm**

Xã hội học khi điều tra về quyền lực và triết học khi sát nghiệm chính trị, cả hai giúp ta nhận diện ra bọn buôn quyền để nạo tiền này, ngay trong nhân sinh quan lập lờ của chúng, trong thế giới quan nhá nhem của chúng, trong vũ trụ quan lè tè của chúng, nhưng chúng lúc nào cũng tin là mình khôn lanh hơn thiên hạ: *ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau,* trong lúc sơn hà nguy biến thì *ai chết mặc ai,* lúc ngoại xâm đến thì: *của ta ta giữ, của người ta vơ*. Còn quyền thì còn phản xạ *chó cậy gần nhà,* lúc tai biến đến với tổ quốc thì *cao bay, xa chạy* trước mọi người, vì vậy chúng sống mà không thao thức, chúng thức mà không đau đáu với các nỗi niềm của Việt tộc. Chúng không hề quan tâm tới ba nguyên tắc căn bản trong đạo lý của nhân sinh: nguyên tắc thứ nhất là *giá trị của luân lý* sẽ bảo vệ quyền hạn của mỗi bên trong quan hệ cũng như trong cơ chế; nguyên tắc thứ hai là tính *công bằng xã hội* trong đó tư lợi cá nhân không phải là ưu tiên tối thượng của tập thể, nguyên tắc thứ ba là *bảo vệ đối tượng*, tuyệt đối không biến tha nhân, hoặc đối tác của mình thành nạn nhân cho tư lợi cá nhân mình. Ngược lại, bọn *tà quyền, tham lợi* này đeo canh cánh bên hông chúng bốn phản xạ *lừa*: lừa người bằng bề ngoài giả, lừa người bằng lời nói điêu, lừa người bằng lời hứa hão, lừa người bằng hành động gian. Đây là các trò xảo thuật giả dối mà Việt tộc đang gánh chịu qua bốn cái tai ách hiện nay: độc đảng, độc tôn, độc quyền, độc quyết. Chúng thích đóng vai *người hùng,* nhưng khi giặc tới thì nhận ngay vai thật của mình là *thằng hèn.* Cái *hùng* qua cái *hèn* chỉ trong chớp mắt, *đổi nhanh-thay lẹ* đã thành phản xạ sinh tồn trong tư lợi của chúng, làm quan, làm tướng lĩnh hiện nay, hôm trước *“ưỡn ngực”* ăn hiếp dân oan, hôm sau *“cúi đầu”* trước bọn cướp đảo, cướp biển, cướp đất Tầu tặc, mai kia đất nước bị xâm lược chúng tẩu tán cả của lẫn thân. Nhân gian không lầm bọn *khôn nhà dại chợ,* nhân thế không lầm bọn cõng *rắn cắn gà nhà,* nhân tình không lầm bọn *mang voi dày mồ tổ.*

Trong hệ thống xây dựng các lập luận giáo lý, J.Stuart Mill xem tự do là nguyên tắc đầu tiên của mọi đạo lý:*“Đâu khó gì khi ta thấy qua bao thí dụ trong lịch sử, khi ta thấy cái quyền lực của đám công an giành đại diện cho luân lý, sẵn sàng chà đạp quyền tự do chính đánh nhất của cá nhân”.* Luân lý của tham quyền để tham nhũng là luân lý giả, đạo đức của độc quyền để độc chiếm là đạo đức giả, vì luân lý thật thì phải để lên *cân, đo, đong, đếm* cho thật công bằng giữa cái *ta* và cái *người;* cái đau khổ và cái hạnh phúc của *ta* chưa chắc là cái đau khổ và cái hạnh phúc của *người,* đừng làm chuyện *cá mè một lứa* để *đánh lận con đen.* Chúng không hề được giáo dưỡng bởi đạo lý phổ biến của Việt tộc, cũng không hề có luân lý phổ quát của nhân sinh, lấy cái *lợi của ta* để đè, để giẫm, để đạp lên cái *quyền làm người,* nên chúng bị xếp loại là *vô nhân*, tức là *vô tri*, vì *vô luân*. Chúng không biết chuyện sơ đẳng nhất là cái tự do cao quý nhất của mỗi cá nhân là đừng: làm hại, làm khổ, làm buồn, làm phiền người khác! Vậy mà chúng bòn rút dân đen hằng ngày, bóp nghẹt dân oan từng bữa. Rồi con cháu của chúng bây giờ theo thói chúng, tự coi mình là: *con ông cháu cha*, tiêu xài phung phí bằng tiền của tới từ tham nhũng, hối lộ bất chính qua chức quyền của ông cha chúng. Cha ông thì *buôn thần bán thánh,* còn *con ông cháu cha* thì *mua bằng bán chức*, vì vậy Việt tộc đừng trông chờ đám con này có *tình cảm luân lý đồng bào* dựa trên các *nhân cách giáo lý Việt tộc*. Con cháu chúng đang làm ung thư cả một hệ thống giáo dục hiện nay, như cha ông chúng đã *điếm nhục hóa* các định chế, đã *sa đọa hóa* các cơ chế của xã hội hiện nay. Trong tay chúng*, dân thường* giờ đã thành *dân ngu*, vì bọn này *giả mạo hóa* mọi kiến thức, mọi ý thức, mọi tri thức, vì bằng cấp của chúng là bằng giả, học hàm, học lực, học vị của chúng chỉ trên giấy, biệt giáo trình, vắng giáo khoa, bặt giáo án, không qua học tập, nên không qua các bậc thang đích thực của học thuật. Hằng ngày chúng nhởn nhơ nói cười bằng tiền bạc của dân, rồi còn tự xưng là *“đại gia”,* nhân cách này của chúng là nhân cách giả. Có tiền, chúng tự cho phép được khinh miệt đồng bào mình, chúng là quái thai ngay trong bản chất *trọc phú* của chúng. Vô tri, vô minh, vô giác vì vô giáo dục, vô văn hóa, vô liêm sỉ; nhân cách chúng rất thấp trước dân oan; vì dân oan vừa là nạn nhân, nhưng cũng là chứng nhân của đạo lý để vạch mặt bất công, dân oan đại diện cho công lý khi pháp lý bị tham quyền vùi dập!

*Đạo đức* luôn dựa vào *chính nghĩa* trong đó lòng *quả cảm* phải kham *trách nhiệm*, làm nguyên tắc và phương hướng của mọi *tình cảm luân lý*. Đạo đức của can đảm cũng phải biết dựa vào lý luận về hậu quả, không gây hậu quả xấu cho đồng bào, đồng loại, luôn tạo hiệu quả lành cho nhân sinh, tốt cho nhân tính. Bọn tham quyền cố vị để trục lợi không có một tình cảm luân lý nào, vì không có một nội lực đạo lý gì để phán quyết *“đây là nhân cách giáo lý đúng!”,* không có bản lĩnh giáo lý gì để quyết đoán: *“đây là tư cách giáo lý tốt!”,* chúng sống chỉ mang tới phiền não cho đồng bào chúng, chúng nắm quyền chỉ mang tới hiểm nạn cho nhân dân chúng. Vì chúng sẵn sàng lộng quyền để *ăn hiếp công bằng*, *ăn hại công lý*, *ăn tục công của*… để thỏa mãn *tư lợi* trong phản xạ *trục lợi* của chúng! Nếu chúng ta loại chúng ra khỏi mọi cơ chế luân lý để tìm con đường cứu nguy cho dân tộc, thì chúng ta nên có vị tha, bao dung, nhân hậu với con cháu của chúng đã bị ô nhiễm vì lý lịch *xấu, tồi, tệ, tục* của cha ông, qua hồ sơ *lận, gian, tráo, lừa* của họ. Nỗi niềm giáo lý dân tộc là *sức hiểu biết về khổ hạnh của đồng bào* để có *nội công chạnh lòng* trước dân đen, nhục kiếp qua bao bất công trong xã hội của dân oan. Xét lý lịch, tra hồ sơ kẻ xấu hay người tốt để biết nhân cách hay nhân phẩm của cá nhân đó, nhưng cũng để nhận ra nhân sinh quan và thế giới quan của mỗi người. Cuộc đời của mỗi cá nhân được xây dựng ít nhiều bằng tự do của cá nhân đó, nhưng số kiếp của mỗi người chưa chắc được gầy dựng bằng quyết tâm tự chủ của người đó, mà phải được trợ duyên bằng công bằng, trợ lực bằng công lý. Nỗi niềm giáo lý Việt tộc cũng phải là tiền đề cho mọi sung lực *phát biểu thẳng* để *phán xét thẳng*, *nhận định thẳng* để *hành động thẳng*, để chỉ vào mặt bọn quan lại thời nay, đã tạo ra bao bất công trong xã hội, *nghiêm xử thẳng* chúng để chuẩn bị chặt xiềng những bất công, để giải thoát cho đồng bào. Giá trị của lập luận giáo lý làm chỗ dựa cho: *phát biểu thẳng, phán xét thẳng*, *nhận định thẳng, hành động thẳng*, *nghiêm xử thẳng.*

Độc quyền thì giở trò răn đe, nhưng cũng hay *«mất ăn, mất ngủ»,* càng *«mất vui, mất sướng»,* khi nỗi niềm giáo lý dân tộc đã tới g**õ** cửa công lý, đã tới đẩy cửa pháp luật, mở rộng cửa cho một tòa án lương tâm, nghiêm minh để giúp Việt tộc nghiêm túc trong mọi phán xét. Nỗi niềm giáo lý dân tộc là hậu đài trong chuẩn bị và tổ chức để thực hiện rõ chuyện *nhân lý*, thể hiện trọn vẹn cái *hay, đẹp, tốt, lành* của tình cảm luân lý, đi ra từ nội lực-yêu nước-thương nòi, từ đó yêu tri thức chân chính của công bằng, vì công lý, cho công pháp. Nội lực-yêu nước-thương nòi tới từ *nội công nhân tính bất khuất*. Chúng ta nên hiểu rằng tính khách quan thường không có mặt trong *nội lực nhạy cảm* yêu nước*,* trong *nội công chạnh lòng* thương nòi, có khi chúng còn đi ngược lại tính mọi tính toán duy lý, để tự bảo vệ quyết định và hành động thương đồng bào, yêu quê hương. Nếu muốn xây dựng dân chủ để có một nền cộng hòa, thì phải có ba định đề: *công bằng, tự do, bác ái*, ba định đề được nhận diện và nhận định rất khác nhau trong mỗi cá nhân. Có kẻ để công bằng lên trên tự do, có kẻ để tự do thấp hơn bác ái, có kẻ đánh giá công bằng cao hơn bác ái vì muốn có công bằng phải nắm công lý để làm ra pháp luật, có kẻ lại đặt bác ái chỗ cao nhất để bảo vệ chuyện đoàn kết trong tập thể, chuyện tương trợ trong cộng đồng. Nhưng cả ba giá trị này vẫn có ch**ỗ** đứng vững vàng trong nhân lý, vẫn có chỗ ngồi chắc bền trong nhân trí, cùng lúc chúng cũng là nơi định hình các ưu tiên về quyền lợi và quyền hạn mỗi công dân trong một quốc gia. Và nếu có xung đột, tranh chấp trong xã hội, thì *luật chơi* là đa số thắng thiểu số, và thiểu số vẫn giữ được quyền bảo vệ ý kiến trong *cách chơi,* và *sân chơi* được cả hai bên, đa số và thiểu số công nhận.

Công lý bảo vệ *công bằng* qua luật pháp, dân chủ bảo vệ *tự do* qua hiến pháp, lập pháp và hành pháp; chỉ riêng có *bác ái* là phải dựa trên *nội lực nhạy cảm,* dựa trên *nội công chạnh lòng,* để tồn tại, vì luật pháp và hiến pháp không xử lý và giải quyết các hệ vấn đề của bác ái, trong đó lòng thương người trùm phủ và bao bọc lòng rộng lượng, lòng vị tha, lòng khoan dung, kể cả lòng trắc ẩn (không chấp nhận những chuyện không chấp nhận được). Thí dụ cụ thể là chuyện công an bạo hành với dân oan, chuyện chính quyền cho phép tra tấn các tù nhân lương tâm, chuyện vô trách nhiệm của bọn **tội** phạm môi trường, chuyện đầu độc dân tộc ta qua ẩm thực… là những chuyện không chấp nhận được! Lòng thương đồng bào, yêu quê hương làm tăng *nội lực* cho *nhạy cảm,* nâng *nội công* cho *chạnh lòng*, vì nó luôn mong muốn được sống trong một hệ thống giá trị luân lý có tự do, có công bằng. Lòng thương đồng bào, trọng tổ quốc còn có một sức mạnh khác là luân lý *«thêm bạn,bớt thù»:* biến *đối phương* thành *đối tác*, và tạo niềm tin cho đối tác qua liêm sỉ của bác ái, đủ sức giữ *ý nguyện* như giữ *tình*, đủ khôn để giữ *ý lực* như giữ chữ *tín* trong một thỏa ước mới của luân lý mà mọi bên đều muốn thỏa ước này vừa bền vững, vừa dài lâu. *Nội lực nhạy cảm,* song hành cùng *nội công chạnh lòng* là sức mạnh cụ thể của các *tình cảm luân lý* luôn đứng thẳng lưng chống cái bất công, nói rõ cái công bằng, không bằng lý thuyết mà bằng thực nghiệm trực tiếp với cuộc sống qua các quan hệ xã hội, mà giá trị luân lý của một tập thể quốc gia phải vừa phổ quát, phải vừa trường tồn. Như vậy, các cuộc biểu tình chống bọn tham nhũng (đã biến dân đen thành dân oan) là *uy lực* của tình cảm luân lý. Như vậy, nhân *trí* của quần chúng xuống đường chống **T**rung **Q**uốc xâm lược là cái *uy linh* của *nội lực nhạy cảm* yêu nước, thương nòi. Như vậy, các cuộc tuần hành chống bọn tội phạm Formosa diệt môi trường là cái *uy nghi* của *nội công chạnh lòng* bảo vệ môi trường miền **T**rung như bảo vệ tiền đồ của dân tộc. Tất cả các nỗi niềm giáo lý Việt tộc sẽ thành hành động cụ thể trong những ngày tới! Nếu các kẻ lãnh đạo ĐCSVN không có ý niệm gì về sức mạnh vũ bão về *uy lực* của *tình cảm luân lý*, *uy linh* của *nội lực nhạy cảm, uy nghi* của *nội công chạnh lòng* của Việt tộc, thì tuổi thọ chính quyền của họ sẽ rất thấp, rất tồi, tức là: *rất yểu*!

**Giá trị của ý thức giáo lý**.

*Nội lực nhạy cảm,* song hành cùng *nội công chạnh lòng,* là hạt giống của bác ái, luôn chống lại cái vô cảm (*ai chết, mặc ai*) là các mầm móng của vô nhân (đạo); không những là hạt giống *nội lực nhạy cảm thương dân, nội công chạnh lòng yêu nước* lại vừa là đất tốt, vừa là mưa rào làm cho *chí nguyện* nẩy nở, làm cho *lý tưởng* đâm chồi, làm cho *bác ái* ra hoa, tình thương đồng bào, đồng loại thành quả trong môi sinh đầy đủ, tràn đầy của tình cảm luân lý. Từ đây một công dân yêu nước, thương nòi, quý nhân quyền, trọng dân chủ tránh được hai hố sâu rất xấu:

1. Sự vắng mặt của đạo đức tập thể tạo ra quan hệ xã hội gian lận làm ô uế lương tri qua tham ô, tham nhũng.

2. Sự biệt dạng của đạo lý tạo nên những cá thể không phân biệt được thiện ác nên rất sẵn sàng lấy cái *tham, độc, ác, hiểm* ra để diệt cái *hay, đẹp, tốt, lành*.

Đừng trông chờ bọn tham ô, tham nhũng, bọn buôn quyền bán chức, có tình cảm luân lý, vì não bộ của chúng chỉ hoạt náo hằng ngày qua quyền lực và lợi nhuận. Chúng có lý luận xấu để quyết định hiểm rồi hành động thâm, bất chấp hậu quả ác. Môi trường cá nhân của chúng không có bao dung, vị tha, rộng lượng; vì môi trường «hành quyền» của chúng là: lách công lý, né công pháp, tránh công tâm; chỉ vì môi trường não bộ của chúng không có các giá trị của công bằng vì tự do và bác ái. Nghiên cứu lý lịch, phân tích hồ sơ của các lãnh đạo xấu, ta thấy có không ít loại người này có mặt, có quyền trong ĐCSVN hiện nay. Một trong những vai trò tri thức của trí thức liêm chính là phải vạch mặt bọn này cho nhân tri của Việt tộc thấy rõ hiểm họa phản nhân phẩm, nghịch nhân đạo, chống nhân quyền do chúng gây ra. Làm đúng điều mà Kant luôn dặn: *đồng loại là cứu cánh, chớ không phải là phương tiện*. *«Hành quyền tà»* để *«hành nghề gian»,* chúng chỉ thấy tư lợi trước mắt, giẫm lên các giá trị luân lý, lấy quyền lực đè lấp tử tế, *sai một ly đi một dặm*, nên khi chúng biết là đạo lý và luật pháp sẽ chóng chầy xử tội chúng, nên chúng sẽ «sa đà» vào con đường *buôn dân, bán nước*, nhất là khi công bằng, tự do xuất hiện cùng dân chủ và nhân quyền, thì chúng bỏ chạy ra *«nước ngoài»*. Nhưng ai cũng biết: *«khôn quá, hóa dại»,* vì trong tình hình toàn cầu hóa hiện nay, thì quan niệm *«nước ngoài»* giờ đã thành *«nước trong»* (*«trong»* theo cả hai nghĩa: *bên trong* và *trong suốt*), nhân cách giáo lý Việt tộc chỉ cho ta biết là chúng làm sao có thể *«lấy vải thưa che mắt thánh»* được! Làm sao *«thoát được lưới trời»*! Trong cái *thế giới một làng* hiện nay, khi chúng đã phá hoại gia sản tổ tiên chúng, thì không có làng xóm, láng giềng nào dám cho chúng đất dung thân! Đây là một chân lý (mới, đẹp) trong đạo lý chính trị (thế giới hóa) hiện nay, để xét xử và trừng trị bọn *bán nước, buôn dân.* Khi xem kỹ hồ sơ và lý lịch bọn này, thì chúng ta thấy lộ ra một nội dung dù là sống chung một nước, cùng là đồng bào với nhau, nhưng bọn này tha hóa quan hệ xã hội qua quá trình khống chế rồi tướ**c** đoạt, lấy quyền để giành, lấy chức để chiếm, tất cả nằm trong cái *trật tự bất bình đẳng* do chúng lập ra, trong loại trật tự này không ai được ngang hàng với chúng, ở đó quyền của chúng ở trên, dân ở dưới. *Quan cao-dân thấp*, cơ chế đè cá nhân, *trên ra lệnh-dưới tuân lịnh*, nên chúng sợ công bằng và tự do như sợ *«tai trời, ách đất»* đánh lên hành vi *trộm, cắp, cướp, giật* của chúng. Chúng càng sợ hơn các dòng thác nhân quyền và cá**c** sóng thần dân chủ trong toàn cầu hóa hiện nay, tới để quét sạch các *cơ chế tham quyền-cơ ngơi tham nhũng* của chúng. Trong quan hệ xã hội bất công này, thì mọi công dân đều có thể là nạn nhân của các cơ chế không tôn trọng công bằng này, của chế độ không tôn trọng tự do cá nhân này, trong một bối cảnh như vậy thì ý muốn của kẻ nắm quyền chính là quyền lực của chúng trên số phận của người khác, đây rõ ràng là bi kịch hiện nay của xã hội Việt Nam, *dân đen* là nạn nhân của độc quyền, dân oan nạn nhân của độc đảng.

Chủ thuyết kinh tế thực tế của John Stuart Mill đề nghị tiêu chuẩn đầu tiên của công lý là mang lại tối đa các điều kiện vật chất cho số đông nhất của xã hội; trong lý luận về công lý thì Rawls giải thích là chỗ đứng của mỗi cá nhân có quyền bình đẳng trong một hệ thống xã hội rộng rãi nhất cho tự do của cá nhân đó, mỗi cá nhân như nhau, có quyền được sống như nhau, đây là *hợp đồng công bằng* làm cơ sở cho mọi *nguyên tắc công lý*. Trong bối cảnh các nước văn minh nhờ dân chủ thật sự hiện nay, thì tự do song hành cùng nhân phẩm và công bằng sánh bước cùng nhân tri, nơi mà tư cách tự tôn trọng mình phải đi đôi với tư cách biết tôn trọng các người xung quanh. Arendt yêu cầu nếu làm luật để bảo vệ công bằng và công lý thì phải nghĩ tới hệ thống mà mỗi cá nhân tự bảo vệ khi có các bất công tới từ kẻ khác, cùng lúc phải có luật để bảo vệ kẻ khác khi có các bất công do ta tạo ra cho kẻ khác. Lý luận nghiêm minh về công lý cho chúng ta thấy rõ bộ mặt của kẻ cầm quyền, khi muốn lộng quyền thì nói với dân là do lý lẽ (tối mật) của chính quyền, khi đàn áp dân thì nói là vì luân lý (bí mật) của nhà nước, mà ý đồ là chỉ để bảo vệ kẻ cầm quyền, đây là bộ mặt đôi của chính quyền: làm cha thiên hạ qua giọng điệu trật tự (mơ hồ) của mình. Khi chúng ta gặp loại chính quyền này, thì chúng ta thấy tự do chúng ta bị thu lại, và ngược lại khi chúng ta hội ngộ được với công bằng, bác ái qua nhân quyền và dân chủ chúng ta thấy tự do chúng ta được đề cao và nâng lên. Trong thực tế, khi chúng ta chạm mặt loại *bán nước, buôn dân* chúng ta thấy đạo đức chính quyền chỉ là loại đạo đức giả, vì nó không biết tôn trọng tự do cá nhân, công bằng xã hội. Nói giọng đạo đức giả qua các nghị quyết, nhưng trong bóng tối của quyền lực thì *trộm, cắp, cướp, giật* của công*;* giả giọng luân lý trước quần chúng *dân đen*, tráo lời công lý trước *dân oan*, nhưng trong bóng đêm thì *ăn trên, ngồi trốc*, mà tiền của là tới từ tham nhũng, hối lộ, tham ô, cửa quyền, vậy mà gặp các nước giầu thì lại có phản xạ *van, xin, trợ, viện;* trong tư cách *đại gia giả* của chúng có nội chất của một hành vi *ăn mày thiên hạ*. Trong cái xung đột giữa dân chủ và chuyên quyền, thì tổ tiên Việt tộc có để lại ngữ pháp: *thói sai nha,* nói rõ đạo lý quần chúng luôn chống lại thói lộng quyền quan lại, để tránh cho bằng được chuyện: *mới hay địa ngục ở miền trần gian* (Nguyễn Du).

**Có Việt là có Nhân, còn Việt là còn Nhân,**

Những cái *hay, đẹp, tốt, lành* thì ai ai cũng đi tìm chúng trong cuộc sống, nhưng nó từ đâu tới, nó bắt đầu bằng nguồn nước *tình cảm luân lý*, băng đèo, vượt thác bằng *ý thức luân lý*, để nhập dòng vào hạ nguồn *kinh nghiệm luân lý*. Từ đó *tình cảm luân lý - ý thức luân lý - kinh nghiệm luân lý,* thành một: *tâm-cảnh nhất như,* một khối nhất thể, từ đây *thương nước, yêu nòi* vừa là tình cảm, vừa là lý trí; vừa là lập luận của dân tộc, vừa là sức thông minh của nhân dân. Nhân trí dân tộc cũng là *ý thức công dân,* muốn làm *công dân* liêm chính, vừa phải thức sâu, thức suốt để nhân sinh quan thương đồng bào trợ duyên cho thế giới quan thương đồng loại. Biết làm *người sống*, nhưng cũng phải biết làm *người thức*, lấy *đồng cảm* chống *vô cảm*, *sống* với *thức* làm ra *nhạy*, nhạy cảm và nhạy tâm, không phải chỉ để dễ cảm, dễ xúc, mà để đào sâu cảm, nạo rộng xúc, để làm cao lòng thương dân, tình yêu nước gạt ra được cái ích kỷ, không những để giữ tiền đồ cho tổ tiên, mà còn giữ luôn đất sống cho các thế hệ con cháu mai sau. Trong nhân học của Dumont, ông nói r**õ** được loại tình cảm luân lý này: *"Lorsque foi et sentiment envahissent le domaine de la raison, lorsque l'histoire acquiert une forme et l'avenir de l'humanité s'éclaire d'espoir, on croit assister à une réhabilitation de la vie dans le monde...". Khi niềm tin và tình cảm tràn vào lĩnh vực của cái lý, khi lịch sử có mang theo nhân dạng, thì tương lai của nhân sinh sáng lên hy vọng, cho ta tin là nhân sinh được tái tạo giữa nhân thế*.

Chia sẻ với đồng bào mình các nỗi niềm giáo lý Việt tộc để làm gì vậy? Để *tra phận nước*, để *vấn nạn dân*! Tra-vấn rồi thì phải truy tầm nghiêm cẩn: *gốc, rễ, cội nguồn* của các nguyên nhân có thể gây ra mất nước, diệt vong trước ***T****ầu họa* hiện nay. Câu chuyện nỗi niềm giáo lý Việt tộc là nhận kiếp làm người Việt trước bao thử thách, mà trước nhất là thử thách của lòng yêu nước, như tôn trọng tình thương đồng bào, như trân trọng các chân trời phải dấn thân trong hành động, triết gia Levinas có công thức giúp ta đào sâu quan hệ giữa người và người, biết giữ lòng như biết giữ tâm: *"l'humain ne s'offre qu'un à une relation qui n'est pas pouvoir", người có nhân tính là kẻ biết hiến dâng một quan hệ làm người không qua quyền lực.* Bọn buôn quyền, bán chức hiện nay phải tâm niệm, phải thiền định câu này, vì một công dân yêu nước nhận *ba chuyển biến* trong nhân sinh của mình: *chuyển biến qua luân lý* trong quá trình học hỏi về nhân cách giáo lý Việt tộc qua sự nghiệp dựng nước và giữ nước của tổ tiên; *chuyển biến qua biến cố* khi tổ quốc lâm nguy vì ngoại xâm, vì nội xâm (tham nhũng, tham ô), *chuyển biến trong biến loạn* nhận tranh đấu để giữ nhân phẩm, làm nên tư cách công dân, làm ra phong cách yêu nước, tạo ra nhân cách thương dân. Kinh nghiệm yêu nước làm ra ý thức công dân, làm nên cá tính bất khuất của một dân tộc. Công dân khi đối diện với dân tộc phải học được kinh nghiệm làm người yêu nước ngay trong quan hệ với tổ tiên, với thống tộc, với lịch sử, với văn hóa, để có cá tính khi yêu nước, thương nòi; khi đối đầu với thử thách ngoại xâm. Nhất là không để các biến cố bề ngoài: lớn hiếp nhỏ, mạnh đè yếu, giầu diệt nghèo nuốt đứng bản sắc dân tộc làm ra bản lĩnh yêu nước của mình, đây là một trong những định nghĩa về chủ thể yêu nước trước vận nước lâm nguy. Tư tưởng độc lập dân tộc của chủ thể yêu nước, đủ sức dẹp *cái tôi* nhỏ để nhận *cái ta* lớn của dân tộc, trong đó tự do của tôi thấp hơn tự do của cái ta. Cái tương quan mật thiết giữa ý thức yêu nước và ý thức dân tộc, định hình chủ quyền của môt dân tộc; ý thức công dân là *nền, cột, trụ, mái* cho ý thức luân lý, chính ý thức luân lý này làm nên ý thức lý luận yêu nước và lập luận thương nòi. Ý thức giáo lý Việt tộc được chế tác từ tình cảm luân lý của chúng ta, tình cảm này không quan hệ dính dáng gì với các tâm lý: lo âu, sợ hãi, buồn rầu, sung sướng… nó là loại tình cảm dựa trên nguyên tắc *biết-làm-dân* để *biết-làm-người*, và *phải-làm-người-thương-đồng-bào mình* để *làm-người-thương-đồng-loại,* một cách đúng nghĩa nhất, tức là đúng đạo lý và luân lý nhất, mà tên gọi gẫy gọn của nó là: *nhân đạo.*

*Tình cảm luân lý* kết tinh và hình thành *ý thức luân lý* yêu nước sẽ chi phối từ đầu tới cuối: các chọn lựa, các quyết định, các hành động, các phán xét của chúng ta trên nguyên tắc của nhân phẩm, không tôn trọng nó thì sẽ sinh ra bất bình đẳng rồi bất công, tức là thất nhân rồi vô nhân. *Tình cảm dân tộc* làm tiền đề *ý thức dân tộc*, nhưng chính tình cảm dân tộc này lại bắt đầu bằng *cảm xúc dân tộc*, giúp ta thấy rõ là xâm lăng, cướp nước láng giềng là chuyện không thể chấp nhận được; bạo động, bạo hành, bằng bạo lực công an đánh đập các người yêu nước hiện nay biểu tình chống ngoại xâm, chống hủy diệt môi trường là không thể chấp nhận được! Từ đó thì *cảm xúc dân tộc* đã thành *lý luận dân tộc*, mở cửa cho *tình cảm dân tộc* để trở thành *giá trị dân tộc*, hoàn chỉnh qua thử thách để thành *lập luận yêu nước* vừa tích cực, vừa chủ động, giúp mọi cá nhân có hành vi *vì* *nhân tính*, có hành động *vì nhân phẩm.* Nỗi niềm giáo lý Việt tộc giúp thấy rõ ràng chiều sâu của con người Việt trong vận nước nguy nan, đồng bào Việt trong hoạn nạn, thấy sâu sa việc bảo vệ nhân cách Việt, bảo trọng nhân phẩm Việt của ta, trong chiều rộng vô hạn của các quan hệ *công dân-dân tộc-tổ tiên-tổ quốc* đầy gian truân, luôn bắt con người Việt phải nhìn xa trông rộng trong cách gắn bó giữa Nhân và Việt.

**Nhân Việt. N°8**

(Nhân cách giáo lý Việt tộc)

**Toàn cầu hóa nhân quyền,**

**toàn cầu luận Việt tộc,**

***(giòng sinh mệnh Việt tộc***

***trước họa Trung Quốc hóa)***

*«Tout global est local»*

*(Mọi chuyện toàn cầu đều là chuyện địa phương).*

Tặng **PHẠM THỊ LÀI**

Toàn cầu hóa hiện nay đang diễn biến kịch liệt, đặt sinh mệnh Việt tộc vào một quỹ đạo hoàn toàn mới, ở đây trí thông minh của Việt tộc được thử thách, và nếu biết tận dụng trí thông minh này như chiến lược toàn cầu về chính trị, ngoại giao, quân sự thì chúng ta thoát họa Trung Quốc hóa hiện đang là vấn nạn hàng đầu của dân tộc ta, trước bối cảnh bất tri vì bất tài, bất tín vì bất trung của lãnh đạo của ĐCSVN. Phương pháp diễn luận thực nghiệm của toàn cầu hóa hiện nay phải được hỗ trợ bởi một cấu trúc thống hợp, dựa trên các thực thể đã được nhận diện: chính quyền mở, quyền lực mới, được bối cảnh hóa bởi sức mạnh trực tiếp của truyền thông mà internet được lý giải qua mạng hóa xã hội dân sự, qua đó các sinh hoạt xã hội được hóa mạng bằng thông tin và truyền thông quốc tế trong đó diễn đàn truyền thông là dữ kiện thực tế được sử dụng bởi công pháp quốc tế, dưới sự chỉ đạo của các chỉ báo về nhân quyền và dân chủ. Muốn lãnh đạo một đất nước mà không hiểu chuyện này thì đừng lãnh đạo, vì lãnh đạo mà vô minh về toàn cầu luận hiện nay thì chỉ mang họa đến cho dân tộc, vì trong hiện trạng này khả năng nhận định để quyết định các chính sách của lãnh đạo về kinh tế và tài chính giữa ảo và thực, về thị trường lao động quốc tế là nội công lãnh đạo để đặt Việt tộc vào đúng quỹ đạo về việc phát triển đất nước. Trong hiện tình toàn cầu hóa này, đã xuất hiện các thành phần xã hội toàn cầu mới nơi mà các hội đoàn nhân quyền quốc tế là tác nhân trực tiếp cùng lúc là tham vấn cho Liên Hiệp Quốc và cho các cường quốc dân chủ, cũng xuất hiện các chủ thể địa phương đã trở thành tác nhân toàn cầu mà chính quyền quốc gia không còn đủ sức kềm tỏa, ngăn chặn. Trong hiện thực đó, quan hệ toàn cầu giữa các lực lượng dân chủ, hội đoàn nhân quyền, xã hội dân sự vượt lên mọi quan hệ lãnh thổ giữa các chính quyền quốc gia; nếu một chính quyền mà không có kiến thức về toàn cầu hóa này, không có tri thức về toàn cầu luận này thì đừng lãnh đạo; vì độc tài qua độc đảng và độc đoán qua độc tôn chỉ đưa tương lai của Việt tộc vào vực sâu, vách hẹp.

*Mở* để *liên, xuyên*, *siêu*

Động từ chủ lực của toàn cầu hóa là động từ: *mở*, mọi lý luận mở đường, mọi lập luận xây dựng mô hình lý giải để định hướng và định nghĩa về toàn cầu luận phải dùng cái *mở* để hiểu cái *liên,* cái *xuyên*, cái *siêu*, qua liên kết và liên minh của các mạng xã hội quốc gia và quốc tế, qua nhận thức và thực hành của *mở mạng* để *kết mạng, nối mạng.* Toàn cầu hóa đang và đã chuyển đổi nội dung tổ chức quốc gia qua nghĩa *mở*, mà nội dung và quan niệm về *mạng*, vừa mang *định lực* để tự tồn tại, vừa có *thông lực* để liên kết rồi liên minh với các mạng toàn cầu, luôn tạo ra sự bất ổn của các trật tự hàng dọc cũ, đã lỗi thời, lạc hậu vì không tôn trọng nhân quyền, và dân chủ, vì không tôn trọng tự do và công bằng. Từ *năng động mạng* qua *tăng dạng mạng*, mỗi *nội địa* (quốc gia, địa phương, vùng, miền…) là một *khâu* của *mạng*, thuật ngữ *toàn cầu hóa (globalisation)* thích hợp hơn từ *thế giới hóa (mondialisation)*, trong đó các vấn đề môi trường, môi sinh của toàn cầu được đặt vào trung tâm của nhân sinh, nhân tri. Lý luận của *mở* để *liên, xuyên*, *siêu* sử dụng dữ kiện toàn cầu để hiểu sự vận hành của cái *lý* của *mở*, nắm được cái lý này thì sẽ hiểu được mô hình về quyền lợi của các siêu cường hiện nay. Trong đó ta cũng phải thấy ý định của *mỹ hóa-toàn cầu hóa*, và ta cũng phải thấy luôn ý đồ *trung quốc hóa-toàn cầu hóa* không những qua kinh tế và tài chính mà còn qua truyền tin và truyền thông, dựa trên vai trò của khoa học kỹ thuật mang tính tranh giành ảnh hưởng không những về địa lý chính trị trong một châu lục. Trong toàn cầu hóa hiện nay, có mầm ung thư của *cường quốc luận,* luôn muốn áp đặt cái ưu tiên, cái độc quyền của các siêu cường trên cái tự do và công bằng của nhân loại. Từ thực tế này, mọi chính quyền của mỗi quốc gia phải tìm ra các lập luận lãnh đạo để hiểu rõ các quyền lợi của các siêu cường, từ đó phân tích các liên minh hiện nay, trong đó các hành vi: *cúi đầu, khoanh tay, tuân lịnh* của một số lãnh đạo ĐCSVN trước ĐCSTQ là phản thông minh, chóng chày sẽ trở thành phản quốc, phản Việt tộc. Từ hội nghị Thành Đô giữa ĐCSVN và ĐCSTQ cuối thế kỷ qua cho tới chuyến *Hoa du* của tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đầu năm 2017 với 15 văn bản mà Việt tộc không được thông tin minh bạch, trong thói quen lén lút phản dân chủ, giấu diếm bên ngoài và che lấp bên trong, mà chủ đích là tìm sự *bảo trợ* của ĐCSTQ trong việc *bảo hành độc đảng* của ĐCSVN tiếp tục quản thúc số phận của Việt tộc đang trở thành quốc tội. Bưng bít và khỏa lấp là phản xạ *đóng*, phản lại cái *lý* của *mở* làm nên bản lĩnh của thế giới của nhân quyền hiện nay, làm nên nội công của toàn cầu của dân chủ, lỗi chính thể giờ đã thành tội chính trị trước tiền đồ của Việt tộc. Phân tích các liên minh để thấu đáo các cán cân lực lượng giữa các siêu cường, để thấu đáo các so sánh lực lượng giữa các châu lục trong toàn cầu hóa hiện nay, để tổ chức các chiến lược cụ thể về chính trị, ngoại giao, quân sự trên nền tảng mới của toàn cầu hóa không những kinh tế, thương mại, mà còn về nhân quyền và dân chủ. Tại đây nên nhớ các liên minh giữa các nước dân chủ có bảo trợ của công pháp quốc tế, giúp cho các chính thể liêm chính tránh được các *tráo lợi* sinh ra các *tráo trở* chính trị giữa các chế độ *độc tài* qua *độc đảng*, đặt *độc lợi* bè nhóm và cá nhân lên trên sinh mạng của dân tộc và đất nước. Định hướng của toàn cầu hóa sinh ra ba tác động làm biến đổi quá trình sử dụng lãnh thổ quốc gia, quá trình tổ chức chính quyền quốc gia, quá trình hội nhập các cơ chế quốc gia vào các sinh hoạt quốc tế. Như vậy, toàn cầu hóa đẩy sự lệ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia vào chiều sâu và chiều rộng, toàn cầu hóa xếp loại lại các quốc gia qua định nghĩa: *mở* hoặc *đóng* của mỗi chính quyền quốc gia. Trong đó toàn cầu hóa ngày ngày đưa tổ chức chính quyền của một quốc gia vào quá trình chung trong sự lệ thuộc lẫn nhau, ngày mỗi ít nhiều gắn bó với nhau trước sự vận hành của thế giới hiện nay. Từ thực tế toàn cầu hóa cho tới lý giải toàn cầu luận, chúng ta nhận diện được ba quá trình khác:

\*Sự hình thành các cơ chế toàn cầu hóa làm nền cho các tổ chức thương mại thế giới, y tế thế giới, tòa án thế giới… tác động trực tiếp trên lãnh thổ, chính quyền, cơ chế của mỗi quốc gia.

\*Các cơ chế toàn cầu hóa này có độc lập, tự chủ riêng, có sinh họat năng động trên nhiều vấn đề rất khác nhau: môi trường, luân lý, phát triển, nhân quyền…

\*Các cơ chế toàn cầu hóa này có sự vận hành riêng, chủ động tham dự vào quá trình xếp loại lại cùng lúc phong phú hóa các tổ chức địa phương, xã hội dân sự, làm tăng vận tốc lưu hành tin tức, truyền thông theo chiều hướng thu ngắn không gian và thời gian.

Toàn cầu hóa trong liên kết và lệ thuộc qua *liên*, *xuyên, siêu,* chúng ta phải phân tích thêm ba hiện tượng nữa: xuyên lãnh thổ và xuyên biên giới; siêu quốc gia và siêu cơ chế; liên chính phủ và liên chính quyền qua các liên minh từng châu lục, rồi giữa các châu lục. Hiện nay, trong ý đồ thôn tính Việt Nam của Bắc Kinh, Trung Quốc không sợ Việt Nam, mà chỉ ngại các liên minh trong châu Á và Thái Bình Dương luôn tìm cách ngăn chặn ý đồ bành trướng và trong ý muốn bá quyền của họ. Như vậy, chiến lược ngoại giao của Việt Nam là phải khai thác các liên minh trong châu Á và trên Thái Bình Dương, chớ không phải chỉ *«đu theo»* ĐCSTQ, mà lại mệnh danh là chiến lược *«đu dây».* Vì trong chính trị học ngoại giao, định nghĩa *«đu dây»* dựa trên trí thông minh của kẻ yếu phải giữ thế thăng bằng của mình trước các đối thủ và đối tác mạnh hơn mình, lấy cái *thông minh biết mở* để làm nên cái tự do sáng suốt trong lưu thông ngoại giao, để tạo ra cái tự chủ tỉnh táo trước các ngã tư của địa lý chính trị. Vậy, *«đu theo»* thì chỉ vì tư lợi, *«đu dây»* thì còn có bình tĩnh để *tùy cơ ứng biến* mà cứu dân, cứu nước*; «đu theo»* thì phải ký văn bản kiểu Phạm Văn Đồng nhường Hoàng Sa cho Tàu, phải tới Thành Đô để khuất phục, tới Bắc Kinh đầu năm 2017 ký thêm văn bản biến khuất phục thành quy phục. Các chuyên gia Việt Nam học phải chú ý thêm ba hiện tượng khác sản sinh ra ba thực trạng mới trong toàn cầu hóa:

\*Toàn cầu hóa qua *mạng hóa* qua tác động của liên, xuyên, siêu, theo chiều sâu và chiều rộng của các hợp tác quốc tế. Trên địa hình của châu Á Thái Bình Dương, thì các nước ảnh hưởng Khổng giáo lấy sáng tạo của lao động làm đường phát triển: Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc giữ thế chủ lực *làm chủ* trên một Đông Nam Á, của một đa số đi *làm công*.

\*Toàn cầu hóa qua *trạm hóa* những lãnh thổ, biên giới, cơ chế quốc gia; trong đó các quốc gia, các đô thị nhanh nhạy trong toàn cầu hóa sẽ nhanh mạnh trong truyền thông, trong quan hệ quốc tế. Tại châu Á Thái Bình Dương thì Hồng Kông, Đài Loan, Singapour, Nam Hàn giữ được vị thế rất thông minh trong quá trình này bằng các cơ chế *mở*.

\*Toàn cầu hóa qua *vùng hóa*những tổ chức quốc gia và địa phương vào quá trình chung của sự vận hành của thế giới, tạo nên các phong trào nhân quyền và môi trường, dân chủ và xã hội phục vụ trực tiếp cho tự do của nhân sinh, công bằng trong nhân tri. Các cuộc biểu tình chống nạn ô nhiễm môi trường của Formosa đã tạo nên nhận thức mới không những tại Việt Nam, mà cả cho Châu Á. Ta không quên chuyện *dân đen, dân oan* không còn là chuyện tham quan làng xã, mà đã là chuyện của toàn cầu hóa, mà các lãnh tụ của ĐCSVN nên hiểu càng sớm chuyện này vừa trở nên thông minh, vừa làm cho *dân đen, dân oan* sớm bớt khổ.

Đây cũng là quá trình *quốc tế hoá thực tế địa phương* trong đómột bản sắc địa phương có thể được toàn cầu hoá, một di sản địa phương có thể được quốc tế hoá, một cuộc đấu tranh địa phương có thể được thế giới hoá, với câu châm ngôn mới của toàn cầu hóa: *«tout global est local» (mọi chuyện toàn cầu đều là chuyện địa phương).* Vậy, *toàn cầu hóa thực tế địa phương* tác động trực tiếp vào quá trình chuyển đổi nội dung về quan niệm quốc gia qua nghĩa*mở,*trong đó tính năng động của toàn cầu hóa nâng quan niệm *mở* về địa hình và mức độ *cởi trói* chống lại phản xạ *bế môn tỏa cảng* của các chính quyền độc tài*.* Tính bén nhạy của toàn cầu hóa về vận tốc truyền thông làm *mở mắt,* loại dần các thói quen *ngăn sông cấm chợ,* trong đó quan niệm quốc gia mang nghĩa *mở* theo chiều rộng giữa các biên giới liên quốc gia, theo chiều dọc giữa các chính quyền quốc gia, cả theo chiều sâu giữa các sáng kiến *mở mắt* để *mở cửa* rồi *mở đường* để phong phú hóa các hợp tác quốc tế*.* Phải nói r**õ** là quốc gia mang nghĩa *mở*hoàn toàn không phải là *phi quốc gia,* vì nội hàm của toàn cầu hóa là làm thay đổi cách tổ chức của cơ chế, theo lượng tin tức ngày càng đa dạng của truyền thông, ngày càng phong phú của các hợp tác quốc tế. Quốc gia mang nghĩa *mở* khuyến cáo chính quyền độc tài phải diễn luận năng động câu*thời bắt thế theo thời phải thế* theo hướng nắm *thời quốc tế* để củng cố *thế quốc gia.*

**Chính quyền mở**

*Thế giới quan quốc gia mở* tới từ *toàn cầu hóa thực tế địa phương,* thúc đẩy việc tổ chức lại địa lý của quyền lực địa phương và quốc gia, trong bối cảnh mới của các liên minh quốc tế luôn tìm cách khai thác các tiềm năng mới trước hết trong kinh tế, tài chính, thương mại, trong đó *quyền lực tư mới* của các tập đoàn siêu quốc gia luôn khai thác *không gian chung mở.* Các *không gian chung mở* nàytrực tiếp tác động lên hợp tác quốc tế, liên kết ngoại giao, liên minh quân sự, theo *hệ quốc tế giăng rộng,* đưa đẩy rồi bó buộc các chính quyền quốc gia thủ cựu phải *nhập mạng toàn cầu,* tức là phải dân chủ hóa cơ chế quốc gia để có vị, có thế, trong một mặt trận mới mà tên gọi là: *tự do cạnh tranh toàn cầu*. Trường hợp đóng cửa triệt để của Bắc Triều Tiên hiện nay chỉ là quái thai của nhân sinh toàn cầu, ung thư của nhân trí quốc gia, mà nhân dân Triều Tiên phải trả giá qua rất nhiều thế hệ. Soi xa rồi lại nghĩ gần: chính quyền Việt Nam hiện nay nên mau chóng tập trung các *chuyên gia*, gầy dựng lên các *chuyên môn*, sáng lập ra các *chuyên nghành* qua các trung tâm *chuyên nghiệp* nghiên cứu *chuyên cần* sâu sắc các phạm trù mà toàn cầu hóa đang đặt nhân loại vào một quy trình hoàn toàn mới ; hãy chuẩn bị giúp Việt tộc tỉnh táo qua các thử thách: *toàn cầu hóa thực tế địa phương, thế giới quan quốc gia mở,* *quyền lực tư mới, không gian chung mở, hệ quốc tế giăng rộng, nhập mạng toàn cầu, tự do cạnh tranh toàn cầu…* Làm càng sớm càng hay các *chuyên* này*(chuyên gia*, *chuyên môn*, *chuyên nghành,* *chuyên nghiệp,* *chuyên cần)*, sẽ trực tiếp giúp Việt tộc *tránh, lách, thoát, vượt, thắng* được họa Trung Quốc hóa. Nếu chưa có dân chủ, thì ĐCSVN phải tìm ra cho bằng được các *minh quân, minh chúa, minh chủ* có tuệ giác lãnh đạo sáng suốt, nếu không thì cái vô minh trong ngoan cố, vô tri trong mù quáng, vô giác trước tương lai của Việt tộc, chóng chày s**ẽ** đưa đất nước vào con đường lầm than; vì *vô (vô minh, vô tri, vô giác)* là tự sát. Toàn cầu hóaluôn thúc đẩy việc chuyển hóa mạnh m**ẽ** các lý luận mới về công pháp quốc tế, vì *trò chơi* *mới* của toàn cầu hóa đòi hỏi *sân chơi mới*, *luật chơi mới*, nơi mà luân lý trong hợp tác quốc tế là *nhân quyền*, nơi mà đạo lý trong liên minh quốc tế là *dân chủ*. Cuộc vận hành này trực tiếp chống lại sự tuần hoàn hạn hẹp của *độc tài* qua *độc đảng*, vì nó diệt sự thông minh của một dân tộc, hủy sự sáng tạo của một văn minh, diệt đường phát triển của một đất nước. Trí lực đa nguyên mới của toàn cầu hóa tấn công liên tục vào các *độc đoán* vì *độc tôn* của một chính quyền *độc tài* dựa trên *độc đảng*. Tuổi thọ của cái *độc (độc đoán, độc tôn, độc tài, độc đảng)* đang ngày đêm bị đe dọa bởi cái *mở: mở để động, động để tự, tự để tạo, tạo để tiến, tiến để khôn, khôn để sống* bảo trọng nhân phẩm cho nhân tri. Từ lý luận tới thực tế công pháp quốc tế đồng vai trò đạo lý qua lý của luật trong toàn cầu hóa, các lãnh đạo tham nhũng đang ào ạt chuyển tiền bạc, của cải tham ô ra ngoại quốc, họ tưởng là họ khôn lanh, nhưng công pháp quốc tế sẽ có những bộ luật rõ ràng để điều tra và hoàn lại cho dân tộc họ các của cải bất chính này. Mỹ đã đi đầu trong quá trình này, với đạo luật cuối năm 2016: đóng băng tiền tới từ tham nhũng, cấm nhập cảnh vào Mỹ các lãnh đạo tham ô, kiểm tra cặn kẻ tài sản của họ đã có trên đất nước Mỹ, *khôn quá hóa dại* với tư duy vô minh *khôn nhà dại chợ*, mang khuyết tật của *gà què ăn dựa cối xay* giờ ra khỏi quê hương thì sa vào cảnh: *cá mắc cạn!*

Các *chính quyền độc trị* đang phải trực diện với các *tác nhân toàn cầu* của nhân quyền và dân chủ trong liên minh sinh động giữa Liên Hiệp Quốc và các hội đoàn quốc tế, tác động song song với các quy luật mới của thị trường toàn cầu, luôn có ý thức về bảo vệ môi trường, chống ô nhiễm, bảo vệ quyền an toàn lao động, cùng lúc chống bóc lột nhân công, chống khai thác lao công thiếu nhi, thiếu niên. Một chính quyền liêm chính phải bảo đảm để bảo hành các ý thức nhân quyền và dân chủ này, và đưa các ý thức này vào giáo dục quần chúng, giáo khoa học đường, giáo trình các chuyên môn mới chung quanh hệ vấn đề toàn cầu hóa. Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapour cùng nôi văn minh tam giáo với Việt Nam, họ đã thực hiện thành công, thì tại sao ĐCSVN chưa làm? Không làm hay không muốn làm? Các chỉ báo của một chính quyền với *thế giới quan quốc gia mở* đã rõ:

\*Kinh tế toàn cầu hóa dựa trên những lãnh thổ quốc gia, nhưng đồ hình sinh hoạt toàn diện thì linh động tổ chức theo mạng truyền thông siêu quốc gia.

\*Kinh tế toàn cầu hóa luôn tìm cách thoát các quy trình cơ chế cũ, đòi hỏi chính quyền của các quốc gia phải cải tiến quy định cũ bằng cách thay đổi luật, cả chiều dọc lẫn chiều ngang.

\*Vai trò của chính quyền sẽ không mất đi, nhưng chuyển biến qua hướng *mở*, tiền đề cho việc hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu.

\*Nội dung về chính quyền, quan niệm về quyền lực được chuyển sang hướng mới: tháo gỡ các phản xạ *đóng cửa* cơ chế, để dân chủ hoá tự do cạnh tranh*.*

\*Chính quyền độc đảng được đặt trước ba chọn lựa mới: đóng cửa, từ chối hội nhập là tự *cô lập hóa* mình; nhưng mở cửa mà thích ứng một cách máy móc thì tự *vô hiệu hóa* mình; vậy nên: *mở cửa, hội nhập, thích ứng, chủ động* làm ra luật mới vừa phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa, vừa bảo vệ được quyền lợi của dân tộc, tức là biết *phòng thân* để *thủ thân* rồi *lập thân.* *Cái hẹp của quyền lực đóng cửa* được thay bằng *cái rộng của quyền năng mở cửa* tạo ra một địa lý mới của quyền lực, thế đứng mới của chính quyền. Kinh tế toàn cầu hóa không xóa chỗ đứng của chính quyền, mà đặt nó vào một địa lý mới rộng hơn và phức tạp hơn. Kinh tế toàn cầu hóa gắn thêm những chức năng siêu quốc gia mới vào các cơ chế cũ, đưa *nội dung quốc tế mở* tác động trực tiếp vào *quan niệm quốc gia đóng.* Lãnh đạo của ĐCSTQ đang *mất ăn, mất ngủ* vì quá trình này, các trí thức yêu nước Việt Nam nên phân tích sâu sắc các nhược điểm và khuyết điểm của Trung Quốc hiện nay, chúng không nằm trong quân sự và ngoại giao, cũng không nằm trong kinh tế và thương mại, mà nằm trong *các* *hạt mầm nhân quyền, các hạt giống dân chủ* đang diễn biến sôi nổi và phát triển liên tục tại đất nước này. Mỗi lần ta thắng được Tầu là nhờ ta biết khai thác để khai phá *nhân địch luận*, biết khuyết tật địch để *đánh*, để *đả*, để *thắng* địch: Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Quang Trung… *thắng Tầu vì biết đi guốc trong bụng Tầu*! Các công thần này rất khác các lãnh tụ của ĐCSVN hiện nay đang để ĐCSTQ thao túng rồi tổ chức, khuất phục rồi giật dây, chèn ép rồi giam hãm mình ngay trong chính ĐCSVN của mình. Đạo lý Việt tộc rất khác các con tính *thâm, hiểm, độc, ác* của các lãnh tụ Tầu, *khác nhưng không lạ*, vì chúng ta đã -được và bị- thử thách hàng ngàn năm với các lãnh tụ Tầu, chúng ta không muốn xài loại châm ngôn tưởng là *chính trị* nhưng thật ra là *xảo trị*, từ Tam quốc tới Thủy Hử, từ Mao Trạch Đông tới Tập Cận Bình, khi ta nghe ra rả: *bất độc, bất* *trượng phu (không độc không phải trượng phu).* Vì ta biết là đã *độc* rồi thì mất luân lý*,* nếu *trượng phu* mà *độc* thì không còn là *quân tử*, cũng không đáng làm *tiểu nhân*, vì đã để nạo mất đạo lý *hay, đẹp, tốt, lành* của nhân lý, Việt tộc ta không cần có loại trượng phu loại Tầu hóa này, không cần có loại *chính trị xảo độc* này.

Kinh tế toàn cầu hóa sử dụng cách làm *tư hữu hoá mở,* tác động rộng rãi trên trên các *lãnh vực kinh tế* *chung* củatoàn cầu, thúc đẩy các chính quyền phải có các chính sách linh động về *tư hữu hóa* hoặc *quốc hữu hóa* các tài nguyêncủa quốc gia mình. Đây là mặt trận *biết người để biết thêm ta* vừa công nghiệp, vừa kinh tế trong hệ vấn đề đôi: lao động quốc dân và phát triển quốc gia, mà ĐCSVN đã thất bại khi giao hoán công nghiệp và tài nguyên cho các tập đoàn Trung Quốc, trong đó Formosa gây ô nhiễm trầm trọng cả một vùng rộng lớn, vừa môi trường, vừa ngư trường tại miền Trung. Các hậu quả tiếp theo cũng không lường được về chuyện các tập đoàn Trung Quốc khai thác bauxite tại Tây nguyên, cùng các nhà máy gây nhiều ô nhiễm trên nhiều vùng của đất nước ta mà chúng ta không có một báo cáo khoa học đầy đủ nào phân tích rành mạch về hậu quả khai thác cũng như quyền lợi lao động của nhân dân ta trong các khu vực này.

Chính quyền nhập mạng

Liên minh giữa các tiềm năng quốc tế mới trực tiếp hay gián tiếp làm thu lại sự độc quyền về lãnh thổ, toàn cầu hóa từ kinh tế qua văn hóa *làm loãng* nội dung độc quyền của chính quyền trên lãnh thổ quốc gia. Quá trình của toàn cầu hóa hiện nay không định hình qua một ý muốn chính trị, một quyết định của một chính quyền, nó khởi đầu và khởi sắc qua sức mạnh giao lưu giữa các sinh hoạt kinh tế và truyền thông. Một chính quyền linh hoạt trong toàn cầu hóa biết tự tạo ra khả năng *hành chính mở* và biết đổi mới, cùng lúc biết tôn trọng quyền sở hữu toàn dân và biết tôn trọng các hợp đồng quốc tế. Vai trò mới của chính quyền trong toàn cầu hóa: không từ bỏ quan niệm quốc gia, nhưng phải biết *giãi mã* quan niệm quốc gia cũ theo tinh hình mới. Không máy móc chạy theo quan niệm quốc tế vô chính phủ, mà ngược lại biết *lập mã* mới cho các cơ chế quốc gia có sẵn theo yêu cầu của tinh hình mới. *Giãi mã* những ràng buộc cũvà *lập mã*tiềm năng mới*.* Chính quyền trong toàn cầu hóa biết nhận diện ra các *quyền lực quốc tế tư mới* của các tập đoàn siêu quốc gia, sử dụng kinh tài tác động sinh hoạt xã hội; các quyền lực tư mới của các tập đoàn siêu quốc gia, tận dụng dân chủ tự do canh tranh để chi phối các luật lệ quốc tế mới. Chính quyền quốc gia luôn tồn tại trong toàn cầu hóa nhưng không còn độc quyền và toàn quyền trên các cơ chế quốc gia, vì trật tự mới của các cơ chế quốc tế trong toàn cầu hóa tế vừa đứng trong; vừa đứng trên các cơ chế quốc gia. Liên minh giữa các quốc gia trong toàn cầu hóa luôn ở thế áp đảo các quốc gia đơn phương đóng cửa*.* Trong bối cảnh đó, sinh hoạt dân chủ tự do cạnh tranh trong toàn cầu hóa có hai đặc điểm: thêm *luật mở cửa*, giảm *luật đóng cửa*, để tăng tự do hợp tác, bớt kiểm soát chính trị. Vai trò của chính quyền sẽ bị các luật quốc tế mới chi phối ngay trên lãnh thổ quốc gia theo hệ quả của nhân quyền, môi trường, di dân, nhập cư, bịnh tật… đã trở thành những phạm trù trung tâm của toàn cầu hóa. Các quy trình phi quốc gia hóa được thể hiện qua các thỏa hiệp mới liên quốc gia, vượt tầm cỡ quốc gia, tới tầm cỡ châu lục, dẫn tới liên minh loại toàn cầu trên những vấn đề trọng đại này của nhân loại. Tính năng động mới toàn cầu hóa làm thay đổi nội chất của sinh hoạt địa phương, làm mới vai trò trọng tài của chính quyền trước các công pháp quốc tế mới. Vì chính quyền phải phạm trù hóa ba dữ kiện mới: quan hệ mới giữa địa phương và quốc tế, quan hệ mới giữa quốc gia và toàn cầu hóa, quan hệ mới giữa các hệ thống công pháp quốc tế, các cơ chế và các tự do của các mạng xã hội. Toàn cầu hóa hiện nay làm lộ ra những các loại chính quyền sau đây trước kinh tế mở:

\*chính quyền nạn nhân bó tay và chịu đựng toàn cầu hóa;

\*chính quyền bảo thủ vì phủ nhận sự thay đổi cơ chế trước toàn cầu hóa;

\*chính quyền thích nghi vì biết thích ứng theo tiến trình của toàn cầu hóa;

\*chính quyền năng động vì chủ động với nhiều sáng kiến mới trước toàn cầu hóa.

Sự đối kháng giữa nội dung quốc gia và nội dung toàn cầu hóa là có thật, ta không nên phủ nhận, ch**ỉ** nên tìm cách dung hòa, những vai trò của chính quyền vẫn then chốt trong quản lý các cơ chế quốc gia, làm nền tảng của các giai đoạn đầu tư phát triển trong toàn cầu hóa. Vai trò mới của chính quyền vẫn là chủ đạo trong quá trình bảo đảm luật giữa các *lực lượng tư (mới, lớn, mở)* các *lực lượng công (cũ, đóng, kín)* của quốc gia. Từ đó, làm nổi lên vai trò mới nhất của chính quyền là *quốc hữu hoá* các khu vực nhạy cảm tới quốc phòng và an ninh, nhưng cùng lúc cũng *phi* *quốc hữu hoá* các công nghiệp truyền thông nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho việc phát triển kinh tế, thí dụ điển hình trong toàn cầu hóa, internet là thí dụ hiển nhiên của phi quốc hữu hóa*.* Trong đó, toàn cầu hóa hiện nay làm xuất hiện ba dữ kiện mới về chính quyền:

\*Vai trò lịch sử nắm quyền lực để bảo vệ quốc gia, lãnh thổ và dân tộc đã bị thay đổi từng ngày bởi khoa học truyền thông trong quản lý tin tức và dân chủ.

\*Vai trò độc quyền của chính quyền về quản lý sinh hoạt kinh tế đang bị chi phối mạnh mẽ bởi các *lực lượng tư (mới, lớn, mở)* từ bên ngoài.

\*Vai trò quyết định của chính quyền về tổ chức hệ thống kinh tế quốc gia cũng bị ảnh hưởng mạnh của toàn cầu hóa mà bản thân là một hệ thống sâu rộng đang hoàn thiện hóa về tổ chức qua các luật quốc tế mới.

Quá trình này tạo nên ba thái độ mới của chính quyền: chấp nhận không gian của toàn cầu hóa qua các mạng rộng, mở, trực tiếp; thừa nhận thực tế của toàn cầu hóa qua truyền thông, giao lưu, tạo mạng; tiếp nhận thực tiễn của toàn cầu hóa bằng đàm phán, thỏa hiệp, liên minh; để chuẩn bị tinh thần trước các biến động sắp tới về kinh tế và khoa học kỹ thuật, trước các lý luận pháp lý, sẵn sàng tạo ra các luật mới để thích ứng theo tình hình. Đây là quá trình *phi quốc hữu hoá* để gỡ đi quan niệm lãnh thổ quốc gia hạn hẹp, cùng lúc đưa quá trình *tư hữu hoá* tới các tác nhân ngoài sự kiềm tỏa của chính quyền: thị trường, doanh nghiệp, hội đoàn… được quốc tế hóa. Toàn cầu hóa được kích thích bởi các lực lượng tài chính, các tập đoàn kinh tế siêu quốc gia, với ý đồ bành trướng các quyền lợi tư, luôn muốn tác động trực tiếp lên sự lãnh đạo của chính quyền. Từ đây, toàn cầu hóa làm xuất hiện các tổ chức mới, các trung gian mới để đàm phán trực tiếp với chính quyền, bằng cách sử dụng các dữ kiện truyền thông nằm ngoài khu vực kiểm soát và kiểm duyệt của chính quyền, ngoài sự tuần hoàn hẹp của quốc gia. Quá trình phi quốc hữu hoá luôn đi cùng với sự ra đời các luật mới về đầu tư, về chuyển vốn, về sử dụng nhân công… trực tiếp làm thay đổi nội chất về việc sử dụng quyền lực của một chính quyền. Sự duy trì quyền lực của một chính quyền như vậy sẽ tùy thuộc vào khả năng thích ứng với tình hình, từ đó chủ động làm ra các luật mới thích nghi với yêu cầu mở của thị trường*.* Ẩn tàng trong toàn cầu hóa một quy luật ngầm mà ta phải phát hiện sớm: *chọn nơi chơi khơi chuyện chọn luật chơi*, hãy quan sát kỹ lưỡng các dữ kiện hiện nay của toàn cầu hóa: địa lý của toàn cầu hóa kinh tế dựa trên chiến lược *chọn nơi tìm lời* hơn là *bao trùm cùng toàn cầu*một cách máy móc; nhưng luôn có một quy luật chung nơi nào mở sẽ được đầu tư, nơi nào nhập mạng sớm sẽ được khoa học kỹ thuật mau chóng. Chính quyền nào chọn mạng rộng với luật mở, sẽ phải thấy quá trình tất yếu của nhân quyền và dân chủ, vì tư hữu hóa cao dựa trên tự do canh tranh rộng, tự do canh tranh rộng dựa trên ổn định của pháp lý quốc tế, mà pháp lý quốc tế dựa trên nền tảng của phạm trù mở của *nhân:* nhân đạo tạo nên nhân quyền, nhân tính bảo vệ nhân tình, nhân tri củng cố nhân trí... *Cường độ cao* đi cùng với *mật độ rộng* của toàn cầu hóa với các dữ kiện sau đây:

\*Sự giao lưu toàn cầu về nhân công, vốn liếng, tài nguyên, năng lượng… ngày ngày sẽ tách xa vòng kiềm tỏa độc quyền của chính quyền.

\*Cường độ giao lưu kinh tế, mật độ tăng trưởng các công pháp quốc tế ngày càng nhiều và mở, thích hợp với vận tốc toàn cầu hóa, tạo ra đồ hình mới về tự do giao thông và sản xuất nằm ngoài vòng kiềm chế của một chính quyền quốc gia.

\*Liên minh để *nhập vốn* giữa các doanh nghiệp siêu cường sẽ trực tiếp tác động liên chính sách kinh tế quốc gia của một chính quyền.

Như vậy, toàn cầu hóa làm thay đổi định nghĩavề *trung tâm* và *trọng tâm* của kinh tế thế giới hiện nay mà ta nhận diện được là Bắc Mỹ vẫn «tìm cách giữ» vai trò trọng tâm; Trung Quốc, Ấn Độ «đang tiến» tới chỗ trung tâm, Đông Nam Á và Nam Mỹ «đang tiến chậm» tới gần trung tâm. Do đó, chính quyền thông minh luôn biết làm linh động đóng vai trò *cầu nối chủ đạo* của mình để bảo đảm và che chở các ngành công nghiệp quốc gia sơ sinh, còn non yếu cho tới lúc chúng trưởng thành và đủ sức cạnh tranh với các các ngành công nghiệp mạnh bên ngoài. ĐCSVN lại làm ngược lại quy trình này: cho nhiều ưu tiên cho các tập đoàn ngoại quốc không qua luật rành mạch, nhất là cho quá nhiều đặc quyền cho các tập đoàn Trung Quốc không có kiểm soát minh bạch, trong đó tham ô rồi tham nhũng đang gây các hậu quả quá xấu mà chúng ta đang phải gánh chịu.

Thông lực mạng

Nội lực của toàn cầu hóa nằm trong *thông lực mạng,* có nội công làm đổi nội dung và quan niệm về khoảng cách giữa gần và xa, giữa biên giới và lãnh thổ, trong đó sức mạnh của truyền thông là bản lĩnh siêu quốc gia của mạng truyền thông, nơi mà mạng xã hội thực hiện nhân quyền và dân chủ ngay tại các quốc gia không tôn trọng nhân quyền, không trân trọng dân chủ. Trong đó, các phong trào di dân liên quốc gia, các cao trào du lịch liên châu lục, tác động mạnh mẽ lẫn nhau qua nối kết, qua thống hợp ngày càng rộng theo nghĩa *mạng mở* với nội lực luôn tăng qua *liên, xuyên, siêu* của mạng truyền thông mà mọi người có thể tham dự, sinh sản ra các *mạng địa phương* vì có cùng quyền lợi, vì có cùng cảnh ngộ, vì có cùng số phận mặc dù không cùng dân tộc, không cùng văn hóa… tạo ra sự bất ổn của các trật tự hàng dọc của chính quyền quốc gia độc tài. Toàn cầu hóa vừa là nguyên nhân, vừa là hậu quả của các phong trào đấu tranh vì dân chủ, các các cao trào đấu tranh vì nhân quyền. Cùng lúc, toàn cầu hóa làm xuất hiện một không gian mới của ba liên minh mới: các liên minh kinh tế, tài chính, công nghiệp siêu quốc gia; các thị trường chung siêu quốc gia; các chế độ chung cho toàn cầu về thương mại. Ba liên minh mới này tạo tiền đề cho ba thao tác mới: các đồ án siêu quốc gia của các tập đoàn xí nghiệp mạnh, các ứng dụng mới về khoa học kỹ thuật công nghệ, các phổ biến mới về khoa học kỹ thuật truyền thông. Cả ba tác động mới này lại tạo điều kiện thuận lợi cho ba loại tổ chức mới: các tổ chức toàn cầu về thương mại, về y tế… với quy định và pháp lý chung; các tổ chức nhân đạo và từ thiện trực tiếp cạnh tranh với các tổ chức của Liên Hiệp Quốc; các cơ chế mới liên quốc gia có cùng quyền lợi kinh tế, tài chính, thương mại… hoặc văn hóa, bản sắc, lãnh thổ… trong quá trình toàn cầu hóa*.* Toàn cầu hóa, từ *năng động* qua *tăng dạng,* làm xuất hiện những tổ chức, những cơ chế mới với:

\*Tính năng động trong tổ chức và vận tốc thực hiện các chỉ tiêu, các mục đích quốc tế bằng cách tận dụng khoa học truyền thông.

\*Tầm vóc cao, bề thế lớn trong sáng kiến và đề bạt những sửa đổi các đạo luật, các kinh nghiệm hành chính theo phản xạ quốc gia chủ nghĩa.

\*Vai vóc siêu quốc gia được củng cố bởi công pháp quốc tế chung, dựa trên dân chủ hóa truyền thông, yếu tố này làm các bậc thang cơ chế quốc gia bị thay đổi, và bắt buộc ở thế tăng dạng, theo nội dung *vô trương bất tín* (không thấy thì không tin), không được tin thì sẽ bị loai trừ khỏi sinh hoạt của nhân quyền và dân chủ của toàn cầu hóa.

Mỗi *nội địa* (quốc gia, địa phương, vùng, miền…) là một *khâu* của *mạng,* toàn cầu hóa được định nghĩa trên ba chỉ báo*:* mức độ và cường độ giao lưu tin tức; tác động qua lại trực tiếp giữa địa phương và toàn cầu; quan hệ giữa các *nội địa* được nối thành *mạng*, mà mỗi nội địa trở thành một *khâu* của *mạng*. Toàn cầu hóa được phân tích trên ba thực tế*:* các mạng được nối nhanh và tăng liên tục; các mạng này luôn bị kiểm soát, kiểm duyệt bởi các chính quyền độc tài luôn tìm cách thao túng trực tiếp các công cụ khoa học truyền thông vì lãnh thổ và biên giới quốc gia không còn có tác dụng *không gian độc lập* như xưa. Toàn cầu hóa được vận động trực tiếp trên ba bối cảnh mới trước các tai nạn lớn về môi trường; các đấu tranh địa phương hay quốc gia; các cuộc đàn áp dân chủ, nhân quyền, làm các quan niệm, các mô hình, các kinh nghiệm về tổ chức chính quyền quốc gia phải được thay đổi, chuyển biến theo thực tế hiện nay của toàn cầu hóa. Sự phân tán các sinh hoạt kinh tế: *giao, khoán, dời, tráo*, trong đó toàn cầu hóa liên tục được kích thích bởi một quy luật *tán tụ* mới:

\**Sự phân tán*các sinh hoạt kinh tế rộng khắp toàn thế giới ngày càng phức tạp; sự phức tạp hóa này là cột trụ của chiến lược *cắm dùi* mọi nơi của các tập đoàn siêu cường kinh tài.

\**Sự bàn giao*các công việc chuyên môn cho vùng nhân công rẻ, hành chính d**ễ**, thuế má thấp trên nhiều lãnh thổ, trên nhiều châu lục, tạo ra một loại *mạng liên kết* mới trong kinh tế mà nhà máy một nơi, kế toán một nơi, lãnh đạo một nơi…

\**Sự khoán dời* tạo ra thị trường mới về dịch vụ chuyên môn, mà nội dung cạnh tranh giữa các dịch vụ chủ yếu dựa trên vận tốc về sản xuất, quản lý, thông tin, làm tăng vai trò của các thành phố toàn cầu, một khâu của đồ hình dày đặc về mạng với cường độ thông tin ngày càng chuyên môn.

\**Sự dời tráo* theo hiệu quả kinh tế và lợi nhuận với sức cung cấp dịch vụ và sản xuất cao theo vận tốc của tự do cạnh tranh làm cho lực lượng lãnh đạo quốc gia luôn phải thay đổi chiến thuật quản lý.

\**Sự tăng trưởng* các nhu cầu dịch vụ ngày càng chuyên môn được kích thích bởi sản xuất và đầu tư sinh ra các mạng quản lý siêu quốc gia không còn lệ thuộc vào sinh hoạt kinh tế chỉ của một nước.

**Chính quyền tác nhân toàn cầu**

Một chính quyền thông minh hiện nay là một chính quyền với các chính sách mở trong sáng suốt, các chiến lược mạnh trong tỉnh táo để phát triển kinh tế, khoa học, kỷ thuật cùng lúc bảo vệ môi trường thiên nhiên và nhân phẩm của xã hội dân sự đa dạng trong sinh hoạt vì đa nguyên trong tổ chức. Chính quyền thông minh này nhận diện được ẩn số của toàn cầu hóa là tập *trung dọc để dựng hệ thống ngang,* trong đó xuất hiện sự *tập trung dọc*trong lãnh đạo của các doanh nghiệp siêu cường trong các thành phố hoàn cầu vững mạnh về công nghiệp và truyền thông, từ đó tạo ra một *hệ thống ngang* để mở rộng về đầu tư trên toàn cầu, với chỉ đạo rất tập trung. Sự *tập trung dọc* này thuận lợi cho các liên minh giữa các tập đoàn, tạo điều kiện thuận lợi về kinh tế theo một *hệ thống ngang* để tận dụng và khai thác các khả năng khoa học, kỹ thuật, truyền thông sẵn có, từ đó sinh ra hậu quả mới trong quản lý các cơ chế quốc gia:các cơ chế quốc gia sẵn có không thể quản lý toàn bộ sự vận hành giữa các doanh nghiệp siêu cường từ đầu tư tới sản xuất. Một hệ thống quản lý hoàn chỉnh tầm cỡ toàn cầu hóa chưa có, những luật quốc tế mới chỉ thuận lợi cho các cường quốc đã vững về pháp lý, công nghiệp và khoa học kỹ thuật, bó buộc ta phải nhận định rõ hai phân tích mới trong toàn cầu hóa kinh tế hiện nay: vai trò ngày càng trọng yếu của ngân hàng siêu quốc gia trong các khối liên minh Tây Âu và Bắc Mỹ qua các quyết định *lập giá, giữ giá, phá giá* đồng tiền; vai trò ngày càng chủ yếu của Bộ Kinh tế và Tài chính trong các nước công nghiệp mạnh.

Chủ động trong sinh hoạt đa dạng của toàn cầu hóa làm ra các cao trào đa nguyên mới   
trong xã hội dân sự trong đó nhân quyền và dân chủ phải phục vụ trực tiếp cho bình đẳng và tự do, với sự trợ lực của các nội lực mới củatoàn cầu hóa: sự có mặt vững mạnh của các hội đoàn nhân quyền cạnh các doanh nghiệp toàn cầu trong mạng lưới kinh tế quốc tế; sự ra đời các liên minh giữa các công đoàn có ảnh hưởng quốc tế cao ngày càng lan rộng trong các phong trào đấu tranh quốc gia của thành phần lao động; sự củng cố liên tục các pháp lý quốc tế của các nước phát triển, triển khai các *luật mở* vì nhân quyền và bình đẳng. Quá trình toàn cầu hóa nêu lên ba hiện thực mới:tự do cạnh tranh tạo ra sự đa dạng về luật pháp; tiến bộ khoa học kỹ thuật tạo ra sự thuận lợi về giao lưu tin tức, hàng hóa; phát triển truyền thông tạo ra sự đa nguyên về kinh nghiệm kinh tế và tài chính của một quốc gia. Trong tiến trình này, toàn cầu hóa đặt chính quyền trước có ba yêu cầu mới nếu mở cửa thì: chấp nhận tự do giao lưu và giao thông; thừa chấp nhận liên minh và thỏa hiệp; công nhận đa dạng và đa nguyên. Lúc đó thì chính quyền đã ít nhiều trở thành tác nhân toàn cầu*,* cận kề với ba tác nhân đã có mặt:

**\*** *thị trường toàn cầu*, làm tăng sự lệ thuộc lẫn nhau vừa về kinh tế, vừa về tài chính giữa các quốc gia.

**\*** *doanh nghiệp toàn cầu*, có tính năng động lớn, trực diện với các chính sách quốc gia hóa kinh tế, liên tục tác động trên kinh tế quốc gia.

**\*** *mạng xã hôi dân sự toàn cầu****,*** mở và rộng, có k**ỹ** năng tạo ra luật chơi mới trong môi trường mới qua truyền thông, mà không cần thông qua quyền lực của chính quyền quốc gia.

Như vậy, lãnh thổ quốc gia không xê dịch nhưng *mạng* truyền thông, truyền tin, truyền luật chơi mới luôn biến động theo chiều hướng mở; từ đây sinh ra một lý luận mới về chính quyền: sự độc quyền lãnh đạo sẽ được chuyển qua dạng sự chọn quyền trung gian, trọng tài, tố chức… giữa quốc gia và quốc tế. Vì cáctác nhân toàn cầu luôn tạo ra lãnh thổ mới*,* tạo sức ép tran chính quyền là phải tạo ra các*cách cửa mở mới.* Nếucác*tác nhân toàn cầu*luôn tạo ra những quy trình đầu tư mới, thì chính quyền cũng phải luôn tạo ra những công trình phát triển mới. Nếu các tác nhân toàn cầu luôn tạo ra luật chơi mới, thì chính quyền cũng phải tạo ra pháp lý mới*.* Khi một chính quyền thông minh trực diện với quy luật thị trường toàn cầu, đủ sức tôn trọng và tạo chỗ đứng cho các tác nhân toàn cầu trên lãnh thố quốc gia, mà trước đó phải biết giới hạn các thái độ quốc gia bảo thủ hẹp hòi của mình để hỗ trợ các quy định quốc gia mở cửa đối với đầu tư và truyền thông. Và muốn thích ứng với tình hình này, chính quyền phải thừa nhận là chính quyền đó không chỉ còn là công cụ của một tổ chức bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị, thực tế bè đảng phải yếu dần với khả năng lớn mạnh của thị trường toàn cầu với các tác nhân quốc tế đa dạng và đa nguyên. Muốn tồn tại dài lâu, chính quyền này phải chủ động tham dự vào sự hình thành ngày càng hoàn chỉnh của thị trường toàn cầu để có chỗ đứng vững chắc, chính quyền này phải đảm bảo môi trường bền vững cho các nguồn vốn kinh tế bằng luật quốc gia. Toàn cầu hóa được tổ chức về mặt địa lý chiến lược một phần lớn qua các liên minh giữa các chính phủ. Chức năng của các liên minh này là củng cố các liên minh láng giềng từ thương mại đến quốc phòng, từ kinh tế đến xã hội; tạo phát triển trong khu vực qua các thỏa hiệp tự do trao đổi và đi lại; tạo ổn định trong khu vực trong một khối liên minh có sức sản xuất, đầu tư mạnh để thích ứng với bối cảnh tự do cạnh tranh hiện nay.Các liên minh này không mang dạng các liên minh cũ về quân sự, vì nội dung của chúng phần lớn dựa trên lợi nhuận kinh tế trong vận tốc nhanh của toàn cầu hóa: nhạy và nhanh khi tìm thỏa hiệp nếu có lợi nhuận trước mắt; đàm phán gọn, ký kết mau nếu tìm ra được luật thích hợp; tăng hợp tác cùng lúc tăng nguồn vốn nếu có cùng quyền lợi dài lâu. Thí dụ cụ thể đã có về liên minh Bắc Mỹ và Tây Âu Transtlantic Décalration, 1990; Transtlantic Economic Partnership Agreement, 1998.

Chính quyền có*khả năng kinh tế ngoại tác* là chính quyền được định hình bởi: khả năng kiểm soát lạm phát quốc gia; khả năng tôn trọng và thi hành các hợp đồng quốc tế; khả năng tạo ra một khung luật mới phù hợp với kinh tế toàn cầu hóa. Những chính quyền có *khả năng kinh tế ngoại tác*nàytham dự trực tiếp vào các quy định quốc tế mở và sẽ thấy quyền hạn của mình tăng trên thị trường toàn cầu; tăng trên chính trường quốc tế; tăng ngay trên cơ chế quốc gia. *Khả năng kinh tế ngoại tác* của chính quyền được thể hiện qua phát triển những khả năng *chuyên môn* về các quy trình tổ chức đầu tư; những khả năng *thanh tra* với kiến thức công pháp quốc tế đầy đủ; những khả năng *kỹ thuật* để quản lý được quá trình toàn cầu hoá. Hiện nay, ĐCSVN chưa có một chính sách nào để đào tạo, huấn luyện về phạm trù *khả năng kinh tế ngoại tác*, trong khi đó Trung Quốc đầu tư rất mãnh liệt, cùng lúc biết thừa hưởng và khai thác các kinh nghiệm gần xa của Bắc Mỹ và Tây Âu. Nếu không muốn có dân chủ tức khắc, thì các minh quân, minh chủ, minh chúa tương lai của ĐCSVN phải nhận thức rõ quá trình và thực tế mới này. Khả năng mới của chính quyền có thể thu khu vực công hẹp lại, cùng lúc mở khu vực tư rộng ra, nhưng sinh hoạt của chính quyền này là nơi tập hợp các *k****ỹ*** *năng quốc tế*, sinh hoạt của chính quyền là nơi *kết hợp các hành tác kinh tế* *quốc tế.*

**Internet, *mạng thông mạng***

Nếu nhận định Internet là *mạng hóa* các sinh hoạt nhân sinh, thì phải nhận ra internet *hóa mạng* mọi đòi hỏi, mọi bức xúc không những của một xã hội trong một quốc gia, mà còn của cả nhân sinh trong một nhân loại mong muốn được *mạng nối mạng* để có *mạng chuyền mạng*. Nơi mà các *quyền tư hữu* đóng góp đựơc vào *quyền hưởng chung* tin tức, chống lại các phản xạ của *ngăn, chặn, kiềm, giữ… trong* thông tin của các thể chế độc tài. Internet *tụ tin để chia tin,* trong *mạch vạn trạng* của *mạng vô hình*, theo định nghĩa của *mạng không khung*, một không gian không ranh giới, không một chính quyền nào có thể quốc hữu hóa được. Internet đa nguyên trong một không gian tự do truyền thông, trong đó mọi ngăn cấm chỉ tạm thời, mọi cấm đoán chỉ tạm bợ, vì nó chính là mạng dân chủ hóa đa chiều, không gian dân chủ truyền thông. Quá tự do nên luôn bị các chính quyền tìm cách kiểm soát và kiểm duyệt, và các doanh nghiệp siêu cường cũng tìm cách thao túng Internet, qua quá trình sở hữu hóa các k**ỹ** năng truyền thông bằng kinh tài; kể cả các trung tâm quản lý tin Internet cũng có thể khai thác tin tức hoặc giới hạn sức truyền tin của Internet bằng cách tố chức lại *hệ cứng (hardware)* và *hệ mềm (software).* Nhưng cho tới nay vẫn chưa có quyền thế nào kiểm soát và kiểm duyệt được toàn bộ Internet, vì nội chất của Internet là *hệ mở đa phương*, trong động tính rộng phi tập trung của nó, một thực tế của dân chủ không khung. Internetbày ra ánh sáng những đặc quyền, đặc lợi của mọi *tác nhân xã hội* (đảng phái, doanh nghiệp, chính quyền, hội đoàn, tập doàn, tập thể, cá nhân…), truyền giao tin tức và đủ sức phân tích rồi giải thích những quyền lợi của các *tác nhân xã hội* này, kể cả của các xã hội đen. Suy ngoài rồi lại ngẫm trong, thuật ngữ dùng cho các *nhóm lợi ích* trong các lực lượng lãnh đạo ĐCSVN hiện nay là không chuẩn xác, thực ra các nhóm này chỉ là những mafia (tôi đồng ý cách gọi tên của giáo sư Nguyễn Khắc Mai), tôi xin đưa ra các chỉ báo rành mạch của xã hội học tội phạm để định dạng, định loại họ: *cướp quyền lực để giật quyền lợi; dùng bạo lực để bạo hành; vừa đe dọa, vừa khủng bố; vừa tham ô vừa hối lộ; vừa lách luật vừa trốn luật; vừa trộm tiền, vừa cướp của; vừa vơ vàng, vừa rửa tiền; vừa biển lận, vừa biển thủ; vừa giữ của cải trong nước, vừa chuyển tiền ra nước ngoài, vừa nắm chính quyền, vừa tìm cách đào tẩu tiền vàng ra ngoại quốc..*. Với tất cả chỉ báo này, Việt tộc đừng trông chờ họ yêu nước, tử vì quốc, vì họ đã bán đứng quá nhiều tài nguyên của dân tộc, chận đường phát triển của đất nước, bằng cách rút ruột mọi công trình, rút tủy mọi sáng kiến, rút óc mọi sáng tạo; mỵ dân bằng giọng lưỡi yêu nước trong các khẩu lịnh đạo đức giả của một loại *độc đảng* để *độc tài, độc tôn, độc trị,* sản sinh ra bao *độc tố*, làm tràn lan bao *độc hại* cho bao thế hệ của Việt tộc. Phản xạ của *mafia* là vơ vét rồi giấu giếm và luôn chuẩn bị để tẩu tán tiền của, để đào tẩu khi bị pháp luật điều tra, nên quyền lợi của *mafia* là làm *ma bùn* và khi *cháy nhà lòi mặt chuột* trước pháp lý, thì trở lại kiếp *ma xó*, Internet đi ngược lại quá trình này bằng cách thể hiện minh bạch hóa để có dân chủ trực tiếp.

Chúng ta phải luôn tỉnh táo để sáng suốt là tương lai của Internet vẫn sẽ là nạn nhân của những chính sách, chế độ, thủ thuật *ngăn, chặn, kiềm, giữ*… tự nhiều hướng, bằng nhiều cách. Kinh nghiệm (*ngăn, chặn, kiềm, giữ*) đã có mặt trong ba lĩnh vực: *Zoning* (phân biệt đối xử trong phân hoá tin tức, dich vụ); *Tunnels protégés des transactions* (đường hầm bảo vệ dây chuyền chứng khoán); *Système de gardiennage* (hệ thống canh cửa của các doanh nghiệp siêu cường). Internet có thể tạm thời bị thao túng nhưng không ai trực tiếp điều khiển được toàn bộ nó; cùng lúc internet có thể được hệ thống hoá bằng những tiêu chuẩn thống nhất trên nội dung tôn trọng công pháp quốc tế và chủ quyền quốc gia; internet có thể được pháp chế hoá bằng những nguyên tắc thống nhất mới để bảo vệ sản phẩm và danh hiệu cho các sáng tạo. Mạch tạo tin (Net) và luồng thông tin (Internet) luôn được nuôi bởi các gân truyền thông (Email) mà độ phức tạp vượt mọi mô hình hoá của hệ thống pháp lý; như vậy,internet vừa là *sinh thể,* vừa là *môi trường*của: *gân, mạch, luồng* trong thông tin,nên khống chế internet phức tạp hơn, khó hơn mua chuộc báo chí, ký giả. Tuổi thọ của bọn bồi bút thật không sáng sủa gì! Những chuyện khi xưa muốn bưng bít, bây giờ khó khỏa lấp được, internet là mối đe dọa rõ ràng nhất, sâu xa nhất của các *thể chế độc (độc tài, độc tôn, độc trị, độc quyền và độc đảng).* Nhưng chúng ta cũng vẫn phải phân tích thêm: internet của quần chúng chỉ là mặt nổi của toàn cầu hóa, mặt chìm các liên minh các cường quốc, doanh nghiệp siêu cường không lộ hết trên internet. Internet trong các hệ đầu tư vốn kinh doanh tập trung ngày càng nhiều vốn, không được quần chúng kiểm soát, có thể tạo ra những tai biến từ những ý đồ xấu, từ tin đồn không được kiểm chứng chính xác. Sự chuyển giao chứng khoán không phải là những luồng tiền tệ thực; nhưng thị trường chứng khoán quốc gia càng mở thì vận tốc và mật độ đi lại của vốn đầu tư càng cao và càng rộng, cho nên internet phát triển song đôi với các trung tâm tài chính quốc tế; với thế giới truyền thông mới; với các thị trường kinh tế liên quốc gia mới. Đối diện với internet thì các nguồn máy phân phối tin tức của các chính quyền phải thay đổi chế độ làm việc; các hệ thống truyền thông công cộng phải ngày càng bén nhạy; các phương tiện truyền thông đại chúng phải luôn triển khai hiệu quả nhanh chóng. Xã hội học truyền thông đề nghị phân tích các diện đa chiều sau đây của internet: cá nhân hóa tin tức theo quy trình quản lý tin tức hằng ngày; tập thể hóa dữ kiện theo quy trình quản lý dữ kiện được trao đổi thường xuyên; quần chúng hóa truyền thông theo quy trình quản lý các chứng từ được làm mới liên tục. Từ đó, đưa ra ba quá trình mới: *hội ứng, thích ứng, đáp ứng* trong một trật tự vô hình: hội ứng là hội nhập nhanh để thích ứng mau; thích ứng mau để đáp ứng hợp thời; đáp ứng hợp thời để tồn tại lâu. Mỗi quốc gia phải biểu dương sức hội nhập vào luật, mỗi tập thể phải biểu dương lực thích ứng vào trò chơi; mỗi cộng đồng phải có năng động chiến thuật vào cách chơi, luôn hãi dùng *kinh tế thực* (kinh tế trong quá trình đầu tư, lao động, sản xuất, tiêu thụ…) để kềm chế *kinh tế ảo* (tài chính trực tiếp tìm lời trên tài chính không qua các quá trình bình thường của kinh tế thực). Trong những năm qua, toàn cầu hóa củng cố vị thế của tư bản tài chính với những hệ lụy của khủng hoảng hoặc suy thoái luôn là nội chất của tư bản tài chính, là giới hạn đạo lý của tư bản tài chính; tư bản tài chính chỉ tự cứu nó, chớ nó không cứu kinh tế quốc gia. Khác biệt giữ kinh tế quốc gia là tính toán qua đầu tư, qua các công trình; còn tư bản tài chính trong toàn cầu hóa tìm lợi nhuận tức khắc. Lợi nhuận sinh ra lợi nhuận phải được hiểu là loại giếng không đáy.

Các lực lượng công nhân lợi tức thấp sẽ chịu nhiều thiệt thòi vì không có tin tức, không biết quyết định, không rõ chiến lược của lực lượng lãnh đạo tư bản tài chính. Chịu những hậu quả lớn và nặng trong khủng hoảng và suy thoái của tư bản tài chính, vì hiện nay chưa có đầy đủ các công pháp quốc tế để bảo vệ mình. Cách bảo vệ các lực lượng công nhân lợi tức thấp còn rất hạn chế: củng cố các vốn kinh tế không bị thao túng bởi kinh tế ảo của tư bản tài chính, bảo đảm an toàn lao động, cùng các phương tiện, dụng cụ, kỹ năng trong sản xuất; phát triển các nhu cầu dài lâu về hạ tầng kiến trúc trong kinh tế thực, những chi phí sáng suốt về hạ tầng kiến trúc dài lâu trong kinh tế thực, luôn tạo ra công ăn việc làm về chất lượng và số lượng. Hãy sát nghiệm kỹ hơn các *chức năng trung tâm trong phân tán kinh tế*: trước hết là địa lý phân tán của sinh hoạt kinh tế trong toàn cầu hóa: nhà máy, kế toán, năng lượng, quản lý được phân tán trên nhiều nơi làm tăng vai trò của lãnh đạo đầu não của chủ vốn. Kế đó là càng phân tán rộng, chức năng chủ đạo trung ương càng tăng, vì chiến lược toàn cầu của lãnh đạo trung tâm quyết định mọi đầu tư của tất cả địa phương. Sau cùng là vai trò của lãnh đạo đầu não của một doanh nghiệp siêu quốc gia càng chặt chẽ về mặt trung ương, càng sâu rộng về mặt địa lý, càng làm tăng giá trị cổ phần của doanh nghiệp đó trên thị trường quốc tế. Chức năng trung tâm của lãnh đạo trung ương một doanh nghiệp siêu quốc gia có thế đứng mạnh trên chính trường kinh tế lẫn chính trị, tài chính lẫn xã hội; thế đứng riêng có lúc *đứng riêng, đứng ngoài, đứng tách*, thậm chí *đứng cao* hơn một chính quyền. Chuyện này tạo nên hai thực thể mới: các doanh nghiệp siêu quốc gia có thế đứng mạnh trên chính trường nằm ngoài khả năng pháp lý của một chính quyền; các doanh nghiệp siêu quốc gia có thế đứng mạnh trên chính trường lại tập trung đa số trên các quốc gia đã phát triển mạnh (Bắc Mỹ và Tây Âu). Hai lập luận này cho phép chúng tạo dựng một giả thuyết tạm thời:toàn cầu hóa đang được hình thành phục vụ cho hệ thống khống chế kinh tế biến dạng từ chế độ thực dân hữu hình sang chế độ liên minh vô hình giữa các siêu cường kinh tế, với sự tham gia gần đây kiểu *tà đạo đường tắt* của Trung Quốc. Thí dụ điển hình là là chuyện khai thác tài nguyên và bóc lột lao động trên cả lục địa Phi châu, mà luôn tự quảng cáo là họ không có vết chàm nào về lịch sử thực dân với châu Phi.

**Lao tạo hay lao nô**

Toàn cầu hóa tạo ra một loại địa lý di dân quốc tế rộng, mang theo thảm họa đáng sợ cho Việt tộc; *lao nô (nô lệ lao động)* tại ngoại quốc và có thể ngay trên quê cha, đất tổ của chính mình, ngược lại với *lao tạo* (*lao động sáng tạo*) bằng chính khoa học, k**ỹ** thuật, sản phẩm, văn hóa, nghệ thuật do mình tạo ra.... Lao nô nói thẳng là *làm công* (ở đợ và làm mọi) cho kẻ khác với điều kiện lao động tồi tệ nhất; ngược lại lao tạo là *làm chủ* từ sáng kiến tới sáng tạo, từ sản **x**uất tới tiêu thụ, từ tổ chức tới vận hành, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan... đã thành công. Họ cùng nôi văn hiến tam giáo với Việt Nam, tại sao lãnh đạo ĐCSVN không đi theo con đường *lao tạo* của họ? Không trả lời rành mạch câu hỏi này là bất lý trong lãnh đạo, không phân tích minh bạch vấn đề này là bất chính. *Nguồn nhân lực* luôn là *luồng ngoại tệ* cho các tổ chức lao nô bất chính, buôn rẻ sức lao động của đồng bào ta cho các nước láng giềng, mà thân phận của người Việt rất tồi tại các nước nhận xuất khẩu lao động Việt Nam, đồng bào mình bị coi thấp, lại thêm cảnh cư trú bất hợp pháp, chóng chầy mang theo các tệ nạn xã hội, mà bằng chứng là tại các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, đồng bào chúng ta phải nhận chịu những cách đối xử kỳ thị nhất. Môt chính phủ mà không giải quyết được *vấn nạn* này thì chỉ nên từ chức, một chính quyền mà không xử lý được *họa nạn* này thì chỉ nên từ nhiệm, một thể chế mà không hóa giải được *quốc nạn* này thì chỉ nên buông bỏ vị thế lãnh đạo của mình. Toàn cầu hoá mang theo các *cấu trúc ngầm* của thị trường di dân, sử dụng lao động theo hệ liên quốc gia; trong đó *bộ phận chìm* là xuất khẩu lao động, đáp ứng về số lượng công nhân trình độ chuyên môn thấp, lương bổng rẻ. Xuất khẩu lao động luôn bị thao túng bởi các đường dây buôn lậu lao động và nhân công; khai thác những sơ hở về luật pháp giữa quốc gia di dân và quốc gia nhập cư. Xuất khẩu lao động hợp pháp hay không hợp pháp đưa tới *lao nô*, tại đây cần có một quyết tâm lãnh đạo chính trị Việt Nam: *biến lao nô thành lao tạo,* tham gia trực tiếp vào tăng tưởng kinh tế toàn cầu với nhân phẩm lao tác, nhân cách giáo lý Việt tộc, biết tự chủ vì biết tự trọng. Thị trường di dân và xuất khẩu lao động dựa trên ba nguồn nhân lực:

\*Luồng di dân và nhập cư giữa các quốc gia có quan hệ lịch sử với chế độ thực dân, giữa nước cai trị và nước bị trị.

\*Luồng di dân và nhập cư giữa các quốc gia, các địa phương theo nhu cầu kinh tế đặc thù giữa nơi đi và nơi đến.

\*Luồng di dân và nhập cư được tạo ra từ những hệ thống kinh tế toàn cầu, trực tiếp kích thích các mạng lưới ngay tại các nước chậm tiến để tuyển dụng lao động.

Có ít nhất là ba đường dây tuyển dụng lao động: do chính quyền nơi đi và các doanh nghiêp nơi đến tổ chức qua trung gian các cơ quan xuất khẩu lao động chuyên môn; do chính quyền nơi đi và các nước công nghiệp nơi đến tổ chức dựa trên quan hệ lịch sử giữa hai quốc gia; do các chính quyền của các nước làng giềng trong cùng một khối liên minh kinh tế trong vùng. Sau khi hội nhập, mỗi cộng đồng nhập cư thường đủ tự chủ để tự tổ chức các đường dây tuyển dụng lao động, trực tiếp tham gia vào đồ hình sinh hoạt kinh tế toàn cầu*.* Chúng ta cũng nên nghiên cứu sâu các khoảng cách giữa di dân và nhập cư trong địa lý kinh tế toàn cầu:

\*xuất khẩu lao động *khoảng cách gần* giữa các nước láng giềng trong cùng một khối liên minh kinh tế: quan hệ ngang hàng về trao đổi chuyên môn.

\*xuất khẩu lao động *khoảng cách xa* giữa các nước đã phát triển và các nước chậm phát triển trong quan hệ bất bình đẳng bắc phát triển-nam chậm tiến.

\*xuất khẩu lao động *khoảng cách mới* giữa các nước chậm phát triển và các nước Trung Đông nắm sản xuất dầu hỏa mà quan hệ dựa trên giá hạ của nhân công.

Toàn cầu hóa để lộ các bất bình đẳng, các bất công vừa theo chiều rộng, vừa theo chiều cao, vì toàn cầu hóa trực tiếp tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình kinh tế vùng giữa các nước láng giềng có trình độ phát triển chênh lệch nhau. Nơi mà châu Á Thái Bình Dương là một thí dụ linh động: Nhật Bản không nhận nhập cư trong lịch sử phát triển kinh tế của mình, cùng lúc đóng vai trò đầu tàu giúp các nước Đông Nam Á chậm pháp triển, mà không quên sử dụng thị trường nhập cư lao động của các nước Đông Nam Á trong công nghiệp, cả trong dịch vụ gia đình với nhân công của Philippine. Một nước đóng kín như Nhật Bản nhưng khi muốn trở thành chủ trì trong hệ thống đầu tư tại Đông Nam Á đã trở thành một không gian mở của thị trường nhập cư lao động. Như vậy, quốc tế hóa kinh tế đi cùng mở cửa cho di dân và nhập cư;đi cùng mở cửa cho tiếp thu đa văn hóa; đi cùng mở cửa cho tự do đi lại. Toàn cầu hóa tạo điều kiện cho:

\*Sự *phát triển* của thị trường lao động với chuyên môn cao, với chuyên viên lương bổng cao, đặc biệt trong quản lý truyền thông.

\*Sự *suy hóa* của thị trường lao động không chuyên môn, với mức lương thấp của lực lượng nhân công không chuyên nghiệp.

\*Sự *lệ thuộc* ngày càng cao của các nước sản xuất lao động các lực lượng không chuyên nghiệp đối với các quốc gia nhận nhập khẩu lao động trong quá trình chuyên môn hóa hiện nay.

Xuất khẩu lao động đặt ra hai vấn đề: nếu *thuận lý* thì xuất khẩu lao động giải quyết vấn đề thất nghiệp, và ngoại tệ từ xuất khẩu lao động giúp để trả nợ. Nếu *nghịch lý* thì xuất khẩu lao động không giải quyết vấn đề phát triển kinh tế, ngoại tệ từ xuất khẩu lao động không có tác dụng trực tiếp trên các công trình quốc gia về y tế, giáo dục, xã hội. Có ít nhất bốn kinh nghiệm châu Á về xuất khẩu và nhập khẩu lao động: Philippines chỉ chọn xuất khẩu lao động để tạo nguồn ngoại tệ. Hàn Quốc chọn xuất khẩu lao động giai đoạn đầu, sau khi thành công về kinh tế chọn khoa học kỹ thuật làm chủ lực cho các công trình phát triển. Nhật Bản chọn xuất khẩu lao động theo dạng cố vấn khoa học kỹ thuật, chọn nhập khẩu lao động cho dịch vụ gia đình, rồi chọn nhập khẩu lao động cho dịch vụ giải trí mà chủ yếu là sử dụng phụ nữ Philippines. Trung Quốc chọn xuất khẩu lao động trong các ngành xây dựng, cùng lúc giữ thế chủ đạo trong xuất khẩu hàng tiêu dùng, liên kết với khai thác năng lượng trong quá trình gây ảnh hưởng trên nhiều châu lục. Trong các quá trình này, tư duy của các lãnh đạo trong chính quyền là then chốt, lý luận hoàn chỉnh các quá trình phát triển phải được phân tích sáng suốt và toàn bộ, phương thức đầu tư ngắn hạn và dài hạn phải được lý giải tỉnh táo và hoàn chỉnh*.* Các quốc gia nhận nhập khẩu lao động thường dùng thế kinh tế mạnh của mình để khai thác thị trường lao động quôc tế, luôn chủ động được đầu tư và lợi nhuận từ đó tạo những ảnh hưởng lớn rộng trong toàn cầu hóa hiện nay. Trong quá trình khai thác và lợi dụng lẫn nhau giữa các quốc gia mạnh và các quốc gia yếu luôn có sự bất bình đẵng giữa *kẻ có của* và *người có công,* mà kẻ có của vẫn *nắm dao đằng chuôi*. Các quốc gia vừa yếu, vừa mắc nợ là những quốc gia chịu thiệt thòi nhất (Zambie, Ghana, Ouganda…) vì phải trả nợ hàng năm mà phải hy sinh các công trình về y tế, giáo dục, xã hội…). Sự khai thác nhân công và tài nguyên tận xương tủy của Trung Quốc tại Phi Châu hiện nay là hoạn nạn cho cả một châu lục, trí thức yêu nước của Việt tộc hãy nhận định kỹ lưỡng cách đối xử để thấy cái xấu, tồi, tục, thấp của quá trình Trung Quốc hóa-toàn cầu hóa. Thất nghiệp, mắc nợ, xuất khẩu lao động là *nghiệp chướng mới* trong toàn cầu hóa; nếu không biết cách gỡ ra, sẽ bị sa lầy trong các quy trình phát triển, mà quy luật chủ yếu vẫn là: lập vốn, giữ vốn. Chúng ta yêu cầu ĐCSVN chính chắn, nghiêm túc, cẩn trọng trong các dữ kiện này, nhất là phải luôn đề phòng quá trình Trung Quốc hóa-toàn cầu hóa.

Thành phố toàn cầu

*Phân tán rộng* để *chuyển động mau*, vừa căng rộng, vừa đào sâu, làm sản sinh ra các *thành phố toàn cầu* (đô thị toàn cầu) có *không gian động* với *địa lý tập trung*, trong chiến lược địa hình và địa thếcó các trung tâm dịch vụ lớn tạo lực dây chuyền cho đầu tư quốc tế, đa năng và đa chủng, theo quy luật nhập cư và nhập nghiệp. Nhưng đa dạng hóa dịch vụ có thể sinh ra đa dạng hóa bất công về lương bổng và lợi tức giữa các chuyên gia quốc tế và nhân viên địa phương trong cùng một nghiệp vụ. Các thành phố toàn cầu này với *không gian động* trong *địa lý tập trung*, làm xuất hiện một loạt những *thành phố toàn cầu* với đầy đủ những chức năng kinh tế, tài chính, thương mại, truyền thông trong hạ tầng kiến trúc với sự hỗ trợ năng động của thượng tầng kiến trúc của các chính quyền thông minh. Những thành phố toàn cầu này nhận những dịch vụ mới từ quản lý hành chính tới tổ chức đầu tư quốc tế cùng lúc đào tạo liên tục các chuyên viên truyền thông để thích ứng với yêu cầu mới và phức tạp của mạng. Trong châu Á hiện nay, Ấn Độ và Trung Quốc hiểu rất rõ quy luật này trong quá trình xây dựng dịch vụ các thành phố lớn. Những hệ quả mới từ các thành phố toàn cầu này là tiếp nhận những cơ chế mới của quá trình toàn cầu hóa từ kinh tế tới văn hóa, là nơi tập trung vốn tài chính cũng là nơi kích thích đầu tư bằng quá trình tăng trưởng các mạng nối giữa các *thành phố toàn cầu* nhằm tạo tiềm lực mới **rồi** khả năng mới, để khai thác triệt để các sáng kiến và các sáng tạo trong các phương pháp luận tổ chức mạng nối quốc tế. Các *thành phố toàn cầu* này tự tạo cho mình một không gian truyền thông mạnh và tác động thẳng vào cách định hình *địa lý dịch vụ tập trung* mà không tuân theo quy luật của tố chức lãnh thổ, biên giới, hành chính theo lối cũ của các chính quyền độc đoán. Toàn cầu hóa tạo song song hai luồng sinh hoạt: sức mạnh truyền thông toàn bộ của mạng hỗ trợ vận tốc cao cho kinh tế, thu ngắn mọi khoảng cách; nơi mà kinh tế doanh nghiệp toàn cầu bảo trợ sự xuất hiện các thành phố toàn cầu, đảm bảo mọi dịch vụ quốc tế với tính năng động vốn đầu tư tập trung. Các luồng sinh hoạt này không mâu thuẫn nhau, không đối chọi nhau, mà ngược lại bổ sung cho nhau về nguồn vốn, nguồn dịch vụ và nguồn nhân viên. Những chỉ báo để nhận diện ra các thành phố toàn cầu này là nằm trong vùng có cường độ xuất nhập khẩu cao; tập trung khoa học kỹ thuật truyền thông cao; mật độ sinh hoạt kinh tế được hỗ trợ mạnh bởi lực lượng lao động dày đặc; có địa thế chiến lược trong phát triển kinh tế toàn cầu; có tính năng động trong giải quyết dịch vụ liên quốc gia… Toàn cầu hóa đang được định hình về địa hình và địa thế qua các thành phố toàn cầu này, những thành phố này được xem như là *những cửa mở* của thế giới, từ tài chính tới kinh tế, từ dịch vụ tới truyền thông, từ luật pháp tới văn hóa…. Các thành phố toàn cầu trở thành những trung tâm dịch vụ trong dây chuyền đầu tư với các tính năng động của những hệ thống đô thị siêu quốc gia; những thị trường tập trung các chuyên viên đẳng cấp quốc tế; những chuyên môn hóa dịch vụ kinh tế, tài chính, pháp lý quốc tế. Các thành phố toàn cầu này sinh hoạt trên lãnh thổ một quốc gia nhưng không còn hoàn toàn lệ thuộc vào guồng máy cơ chế quốc gia. Các thành phố toàn cầu này tổ chức ra những liên minh mới tạo ra những khu vực mới về tự do trao đổi để củng cố *thế toàn cầu* của mình. Tính tự chủ của các thành phố toàn cầu này dựa thẳng lên luật quốc tế hiện hành, có tiếng nói uy tín trên thế giới và tác động ngược trở lại trên chính quyền và cơ chế quốc gia sở tại. Sài Gòn là thành phố nhanh nhạy về các quy luật này, nhưng vẫn còn quá chậm, quá vụng, không những so với Thượng Hải, mà còn vụng chậm hơn Bangkok.

Thành phố toàn cầu là mạng nối các sáng kiến mới về kinh tế, chỗ dựa các khuynh hướng lớn về đầu tư, nơi hẹn các liên minh mới về tổ chức dịch vụ, mang tính năng động siêu quốc gia về tài chính, chuyển động nhanh về khoa học truyền thông, có sức thu hút nhân lực và nhân lực cao, không còn là một không gian giới hạn, mà là một cơ cấu đô thị phức tạp. Vì không còn là một không gian của một quốc gia hay một địa phương mà đã đứng ngoài, có khi đứng trên quy hoạch của quốc gia hay địa phương, vì không còn là một không gian của một dân tộc, một văn hóa, một truyền thống mà của nhiều nguồn văn hiến, nhiều vùng văn minh, nhiều khu vực văn hóa khác nhau. Thành phố toàn cầu làkhông gian phối hợp giữa đại mô và vĩ mô qua không gian phối hợp giữa tăng lực đầu tư và tăng lực chứng khoán, không gian này là gạch nối giữa các trung tâm tài chính quốc tế. Các chuyên gia về toàn cầu hóa đã phân dạng và định dạng ba loại thành phố toàn cầu:

\*Thành phố toàn cầu *đã lớn*: New York, Londres, Tokyo, Paris, Francfort, Zurich, Amsterdam, Los Angeles, Toronto, Sydney, Hong Kong.

\*Thành phố toàn cầu *đang lớn*: Pékin, Shanghai, New Delhi, Bombay.

\*Thành phố toàn cầu *sắp lớn*: Bangkok, Taipei, Sao Paulo, Mexico…

Các chuyên gia nghiên cứu về Việt Nam hiện nay chưa thấy có một văn bản nào của chính phủ, của chính quyền, của ĐCSVN để chứng minh là lãnh đạo hiện nay có ý thức đầy đủ về phương hướng phát triển đất nước qua quá trình này. Thành phố toàn cầu có vai trò không những trong đầu tư mà cả trong đào tạo, nơi mà đầu tư cao cho bất động sản cho dịch vụ quản lý, truyền thông, kế toán đi song hành với đầu tư cao cho kỹ thuật truyền thông trong tạo mạng, nối mạng, nhập mạng, và không quên đầu tư cao cho đào tạo chuyên viên có kỹ năng khoa học và tầm cỡ quốc tế. Thành phố toàn cầu xử lý các vấn đề cụ thể sau đây: có lực lượng chuyên viên trình độ quốc tế; có vai trò trong thị trường đầu tư và sản xuất toàn cầu; có sức hút trực tiếp vốn bên ngoài và không bị trì trệ hành chính bên trong đe dọa. Vì các thành phố toàn cầucó khả năng tổ chức dịch vụ ngày càng phức tạp, để có tổ chức chiến lược kinh tế rành mạch được h**ỗ** trợ bằng pháp lý quốc tế, từ đó tạo ra sức hấp dẫn cao về hiệu quả và giá cả trong dịch vụ quản lý. Thành phố toàn cầu cũng là nơi đa dạng hóa bất công xã hội với những bất bình đẳng mới: bất bình đẳng về lợi tức giữa các chuyên ngành, bất bình đẳng về lương bổng giữa các chuyên môn; bất bình đẳng về giá sinh hoạt giữa trung tâm và ngoại biên. Vì các thành phố toàn cầu nàylà nơi*:* thu hút nhân công cao với giá lao động rẻ; thu hút chuyên viên cao với lương bổng cao; thu hút nhập cư, tạo ra vấn đề di dân gay gắt với những bất ổn mới:sự cạnh tranh giữa những lực lượng cao nhân nghèo về lương bổng; dịch vụ tin học truyền thông càng cao, giá thành về dịch vụ hành chính và quản lý càng thấp, dịch vụ truyền thông, hành chính và quản lý càng nhạy, càng mạnh, các lực lượng lao động không chuyên môn càng bị đe doạ. Các thành phố toàn cầu hiện nay không phải là những trung tâm thuận lợi cho phát triển văn hóa và sáng tạo nghệ thuật, các tập đoàn doanh nghiệp siêu quốc gia vẫn xem những thành phố này công cụ tổ chức để tạo lợi nhuận.

Trong chiến lược làm quỵ gục Việt Nam qua ô nhiễm môi trường, qua khống chế kinh tế, qua áp đảo thương mại từ tiêu thụ tới sản xuất cấp vĩ mô, các chuyên gia Việt tộc phải chú ý thêm nữa đường dây hối lộ của Trung Quốc qua các hệ thống hành chính và cơ chế của các thành phố lớn hiện nay của đất nước ta; nơi mà các lãnh đạo tham ô, các cán bộ tham nhũng không những để “đất trống” bất động sản cho các tập đoàn Trung Quốc, mà còn để “đất hoang” cho các dịch vụ quốc tế của các tập đoàn này. Chuyện hệ thống truyền thông Việt Nam luôn bị phá rối, luôn bị tấn công là những chỉ báo rành mạch về sự chuẩn bị có xếp đặt của Trung Quốc trong giả thuyết thôn tính Việt Nam.

Diển đàn mạng

Trong bối cảnh toàn cầu hóa tạo nên các mạng xã hội, mà xã hội học truyền thông phân tích mười chỉ báo sau đây:

\* Ý dân và dân ý, được trực tiếp rồi trực với chính phủ và chính quyền trên bối cảnh quốc tế;

\* Diễn đàn thường xuyên, tác động trực tiếp vào đường lối lãnh đạo của chính phủ và chính quyền.

\* Thăm dò dư luận, qua mạng để theo dõi mà cũng để thích ứng với tình hình.

\* Dư luận truyền thông trực tiếp, điều phối lại quá trình đọc quyền của các kênh chính thức của chính phủ.

\* Dân chủ hóa dư luận ngay trên môi trường của các chính thể độc tài, độc đảng.

\* Sinh hoạt xã hội qua đường thẳng với xã hội dân sự tạo nên những đường tắt giữa các cơ chế hàng dọc.

\* Dân chủ dư luận hỗ trợ cho tự do báo chí, bảo vệ ký giả, phát triển các phóng sự tức thời.

\* Dân chủ trực tiếp qua truyền thông bằng cách liên kết mạng vừa nhanh, vừa nhạy với các phong trào xã hội.

\* Dư luận qua mạng xã hội được nâng tầm vóc, rộng vai vế, mạnh gân cốt về truyền thông trước chế độ tài, độc đảng.

\* Dư luận tự giải phóng, công luận tự tách ra khỏi các kênh chính thống của quyền lực.  
Toàn cầu hóa tin tức tác động trực tiếp vào các sinh hoạt dân chủ qua truyền thông và báo chí, vì các sinh hoạt dân chủ qua truyền thông và báo chí sẽ sinh ra diễn đàn thường xuyên để dân chủ đươc thể hiện hằng ngày. Các sinh hoạt dân chủ qua truyền thông và báo chí luôn sinh động với các sự cố thường xuyên, sẽ mang tác dụng mới, tạo ảnh hưởng mới, tác động trực tiếp trên các sinh hoạt của chính quyền. Đây là nội dung mới của sinh hoạt dân chủ, không như dân chủ xưa chỉ được thể hiện qua các cuộc đầu phiếu, rồi giữa hai cuộc đầu phiếu thì cử tri cúi đầu chịu đựng. Toàn cầu hóa các tin tức tác động trực tiếp vào cách hình thành các dư luận; đa nguyên hóa các dữ kiện sẽ làm phong phú sự hình thành các công luận; phong phú hóa các chứng từ sẽ dân chủ hóa được ý kiến tập thể. Mạng xã hội là nơi thăm dò dư luận tác động mạnh mẽ quan hệ giữa chính quyền và quần chúng. Nếu thăm dò dư luận thường xuyên để nắm phản xạ dư luận rồi tìm cách *mị dân* thì sẽ *trẻ dại hóa* sinh hoạt dân chủ. Nếu thăm dò dư luận thường xuyên để thao túng công luận dưới hình thức *nịnh dân* thì sẽ *lão suy hóa* sinh hoạt dân chủ. Các lãnh đạo nên suy nghĩ kỹ: chạy theo dư luận, đuổi theo công luận, thì sẽ bỏ rơi tư duy chính trị, rời xa lý luận của tư tưởng, chối từ lập luận của đường lối. Như vậy thăm dò dư luận trong bối cảnh trong dân chủ trực tiếp truyền thông không chỉ còn là công cụ để chuẩn đoán ý kiến quần chúng mà đã trở thành một dữ kiện chính trị trung tâm, từ đó trở thành *tác nhân* ảnh hưởng trực tiếp tới các phương án, quyết định, hành động trong sinh hoạt chính trị. Một dư luận của truyền thông trong toàn cầu hóa trực tiếp có thể ngăn chận sự hình thành một đạo luật mới; lấn áp các công luật hiện hành; thay đổi các phương án kinh tế, văn hóa, xã hội. Có hai hậu quả của dư luận qua truyền thông trực tiếp: làm thoái hóa các chiến lược dài hạn đã được đề ra; làm biến chất các sách lược ngắn hạn đang thực hiện. Nhưng không được quên các ưu điểm của dư luận của truyền thông trực tiếp: *trực tiếp hóa* thông tin về thực tế của một đường lối; giúp *thực tế hóa* những con tính chính trị của một đường lối; giúp *thực dụng hóa* những đầu tư về một đường lối. Hãy tạm thời tổng kết các dữ kiện của toàn cầu hóa truyền thông hiện nay:

\*Dân chủ hóa dư luận bằng truyền thông trực tiếp là tìm cách vượt qua phổ thông đầu phiếu, và dân chủ qua đại biểu bằng phương cách quản lý hằng ngày.

\*Dân chủ hóa dư luận bằng truyền thông trực tiếp dể rơi vào sinh hoạt tập thể theo tin đồn, không có lý luận, thiếu vắng lập luận, vì không có thì giờ để kiểm chứng.

\*Dân chủ hóa dư luận bằng truyền thông trực tiếp là trao một quyền lực mới cho các hệ thống quản lý truyền thông và báo chí, thuận lợi cho phản xạ của dư luận và bất lợi cho tư duy chính trị dựa trên lý luận và lập luận.

\*Dân chủ hóa dư luận bằng truyền thông trực tiếp sẽ *tích cực* nếu nó chống lại sự *câm miệng* trước các bất công.

\*Dân chủ hóa dư luận bằng truyền thông trực tiếp sẽ *tiêu cực* nếu nó tạo ra cái *ồn ào* bề ngoài làm hỗn loạn sinh hoạt bình thường của xã hội.

Dân chủ hóa dư luận bằng truyền thông trực tiếp là chuyển *hệ chính trị học* qua *hệ xã hội học*. Dân chủ hóa dư luận bằng truyền thông trực tiếp là *dìm* quyết tâm chính trị dài lâu để *làm nổi* dư luận tức khắc. Dân chủ hóa dư luận bằng truyền thông trực tiếp là giao cho khoa học kỹ thuật truyền thông dùng vận tốc thay các hệ thống sinh hoạt cơ chế hàng dọc và tập trung. Nếu dân chủ hóa dư luận bằng truyền thông trực tiếp bằng khoa học kỹ thuật dùng vận tốc, tức là dùng đường tắt để thu ngắn quá trình sinh hoạt xã hội, tức là trước mắt hủy bỏ các loại báo chí lý luận, tức là lâu dài loại bỏ các tư duy có tri thức. Các hiện tượng mới trong dư luận truyền thông: *báo chí hóa* các dữ kiện tập thể và xã hội; tư duy báo chí sẽ được thế bằng *phản xạ báo chí*, tri thức lý luận báo chí được thế bằng tin tức trực tiếp. Tự do báo chí bị thay thế bằng dân chủ dư luận: tính tức khắc thay thế sự đầu tư về thời gian cho tư duy; thời gian bị *thu bóp hóa* lại để giải quyết chuyện hiện tại; lấy sự xúc động trước mắt thay thế sinh hoạt của tư tưởng. Chúng ta không quên phân tích của Tocqueville về nội dung của dư luận, luôn co giản theo tâm lý quần chúng. Vì có hai loại dư luận: dư luận của *lợi ích tập thể* và dư luận tạo *xúc cảm tập thể*. Giật dây dư luận tạo xúc cảm tập thể dễ hơn giáo dục dư luận qua lợi ích tập thể. Dư luận tự kiểm chứng dư luận và dư luận có khả năng tự giáo dục để tránh bị thao túng, là dư luận có nghĩa vụ học trong trách nhiệm và bổn phận quảng bá tin tức. Khả năng tự giáo dục của dư luận dựa trên kinh nghiệm hiểu biết về các phương cách truyền thông của báo chí, chính quyền… để bảo vệ lợi ích tập thể của mình. Nếu diễn đàn truyền thông thao túng được dư luận thì các hậu quả sau đây sẽ xuất hiện: chính quyền sẽ bỏ các công trình dài hạn mà chỉ quản lý dư luận hằng ngày; hình ảnh truyền thông sẽ quyết định thái độ của chính phủ; cảm xúc của dư luận bằng hình ảnh truyền thông sẽ điều kiện hóa mọi tuyên bố của chính quyền. Và nếu dư luận thao túng được sinh hoạt của một chính quyền thì:

\*Dư luận trở thành chất kích thích để cho ra đời một nền dân chủ trực tiếp qua truyền thông thì các nội dung sinh hoạt dân chủ qua đầu phiếu sẽ bị lùi và có nguy cơ bị biến dạng.

\*Dân chủ trực tiếp qua truyền thông không thể đảm bảo các quyền tự do được hiến pháp đảm bảo vì nó không dựa trên cơ chế gầy dựng bởi hiến pháp.

Ta không quên là dư luận trong lịch sử của triết học bị xếp hạng thấp nhất trong các bậc thang về kiến thức chính trị. Dư luận bị xếp cùng hạng với: định kiến, tin đồn… và không được nhận là kiến thức chính thống, có thể nghiệm và có lý luận. Dư luận bị xếp hạng thấp trong các bậc thang cao của giá trị luân lý: lý tưởng, hoài bão, người ta có thể chết vì một lý tưởng, một hoài bão không ai chết vì một định kiến, một tin đồn, một dư luận. Một lý tưởng, một hoài bão có nội dung đạo lý, luân lý, tôn giáo, văn hóa… dựa trên một niềm tin sẽ vững hơn dư luận dể chao đảo theo thời thế. Vậy câu hỏi phải đặt ra là làm sao dư luận tự cứu mình là loại dư luận biết dựa trên sự thật và có kiểm nghiệm; dư luận biết từ bỏ định kiến và thành kiến; dư luận biết tôn trọng đa nguyên và thiểu số; dư luận biết hỗ trợ thảo luận và đối thoại; dư luận biết bảo vệ chân lý và lẽ phải. Tính đa dạng của dư luận tác động trực tiếp vào các tổ chức sinh hoạt xã hội, nhưng các chuyên gia về truyền thông phải suy nghĩ thêm mười chỉ báo mới sau đây để nhận định dư luận: trọng hay phản *kiến thức*; trọng hay phản *kiểm chứng*; trọng hay phản *lý luận*; trọng hay phản *lập luận*; trọng hay phản *sự thật*; trọng hay phản *đạo lý*; trọng hay phản *luân lý*; trọng hay phản *giáo dục*; trọng hay phản *bản sắc*; trọng hay phản *văn hoá*… Lối mòn, đường cũ của lối tuyên truyền một chiều, nhồi sọ, làm trắng não quần chúng của ĐCSVN thật đáng cười nhưng cũng đáng buồn trong bối cảnh toàn cầu hóa, gây tai hại cho trình độ nhân trí, mức độ nhân tri của quần chúng Việt Nam luôn là nạn nhân của bưng bít, của xuyên tạc, không những đi ngược với sự thật, chân lý, lẽ phải, mà ngược chiều luôn cả giáo lý, đạo lý, luận lý thông tin và truyền thông của một thế giới văn minh, một toàn cầu trân quý nhân lý.

Hội nhập hay nhập hội?

Toàn cầu hóa tạo ra không gian mới, và các tác nhân mới, có bản lĩnh kinh tế mới, có vai vóc tài chính mới, cùng lúc xuất hiện các cao trào nhân quyền mới, các phong trào dân chủ đấu tranh vì tự do, bình đẳng theo nghĩa *sắc, nhọn, rộng, lớn* của nhân tính và nhân tri. Tại đây, thuật ngữ *hội nhập* mang theo tính không chủ động -vì phải thích ứng nên phải theo- kiểu *thời bắt thế theo thời phải thế*, ngược lại *nhập hội* mang tính năng động, nên rất chủ động từ sáng kiến tới sáng tạo, *nhập* với năng khiếu*, hội* với cá tính, có bản lĩnh của nhân phẩm, có nội công của nhân tính, có vai vóc của nhân cách, biết người và biết ta, vì biết *mình là ai*? Không để ngoại cảnh biến chất, không để ngoại giới tha hóa. Ở đây không phải chỉ là chuyện ngữ vựng, ngữ văn, ngữ pháp mà là định hướng dân tộc tính trong định vị văn minh quốc gia của mình. Và cận kề với Việt tộc, thì Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, kể cả Singapour đã thành công về quá trình *nhập hội* này rồi! Tại đây, chuyện *hành nghề* là đưa vào toàn cầu hóa những chuyên môn mà mình mạnh, mình vững, mang theo chuyện *hành nghiệp*tức là lấy cái *hay, đẹp, tốt, lành* của mình để bảo đảm chuyện *“ăn có nhân, ở có hậu”* với làng giềng, với thế giới. Ngẫm ta rồi nhìn qua Tàu, cho ta nhận định lại các hành vi tráo trở, các hành động gian xảo, các hành tác sống sượng của bành trướng, bá quyền Trung Quốc trên các vấn đề *đất, biển, đảo* hiện nay là thất bại lớn của họ, vì nó ngược lại với chuyện *“tình nghĩa ăn đời, ở kiếp”* với làng giềng, với thế giới. Họ bị vướng vào bi kịch *“lanh quá hóa dại”*, lanh không phải là khôn, mà họ luôn lầm tưởng là họ thông minh, họ hơn người. Việt tộc lấy đạo lý *“đổi bà con xa, lấy láng giềng gần”,* họ thì ngược lại luôn tạo ra căng thăng, tranh chấp, mâu thuẫn, xung đột, chiến họa với láng giềng, để sống với hàng xóm mà không sao dựa vào hàng xóm được. Giáo Lý của Khổng Tử, Lão Tử, Mạnh Tử, Trang Tử có *phong cách đại quốc* của Trung Quốc, nhưng bọn lãnh đạo Bắc Kinh hiện nay chỉ *bạo cách nước lớn* rất hồ đồ trong nhân cách lãnh đạo thấp kém của mình qua hành vi *trộm, cắp, cướp, giật*, chúng ta phải nhận định rõ như vậy mới thấy được lối thoát Trung và thắng Trung. Đây phải là nhận định chiến lược ngoại giao của các lãnh đạo Việt Nam, để thấy là Tầu rất cô đơn, cô độc, cô lẻ trên chính trường ngoại giao toàn cầu. Đây là chuyện *hành nghiệm* trong chính trị toàn cầu để có *hành thực* (lấy thực tế làm sự thật) trong ngoại giao và quân sự. Các *hành pháp (hành nghề,* *hành nghiệp, hành nghiệm,* *hành thực)* mà pháp (phương pháp lập luận) để nhận diện rành mạch quyền lợi của Việt tộc trong trận đồ toàn cầu hóa hoàn toàn mới này. Nhập hội để thắng chớ không phải để thua, để có thành quả mới chớ không phải để tiếp tục chịu thua thiệt. Chúng ta biết là toàn cầu hóa hiện nay đã xuất hiện những thành phần xã hội toàn cầu mới, được định hình qua tự do giao lưu và hành nghề; tự do đầu tư và sản xuất; tự do truyền thông và tư vấn. Trong đó có liên minh các chính phủ mới cùng châu lục, nơi mà Mỹ và Trung Quốc luôn tìm cách *vô hiệu hóa lẫn nhau,* với các quốc gia luôn tìm cách củng cố vị thế cường quốc của mình: Ấn Độ, Nga, trong bối cảnh đó thì Nhật Bản và Úc có phản xạ đôi: củng cố thế mạnh châu lục của mình, cùng lúc giữ phản xạ ngoại giao ủng hộ Mỹ. Trong địa lý chính trị luôn xoay dời này, Việt Nam bị thiệt thòi trong thế tiến thoái lưỡng nan, chỉ vì *độc chế* *(độc đảng sinh ra độc tài, độc tôn, độc trị)* của ĐCSVN, và khi dựa ĐCSTQ để bám víu lấy tư lợi của mình; chỉ vì ĐCSVN muốn *độc quyền* trên chính trường quốc gia, sẵn sàng từ bỏ *quốc lợi* của Việt tộc, thì *lỗi* này sẽ trở thành *tội* trong quốc sử của ĐCSVN.

Hội nhập hay nhập hội toàn cầu hóa hiện nay, chúng ta cần chuẩn bị chu đáo những phân tích về sự có mặt của những thành phần *chuyên nghiệp* có trình độ *chuyên ngành* sâu và có *chuyên môn* cao, rất khác nhau về học lực, học hàm, học vị, và rất lệch nhau từ tư lợi tức thu nhập, tới quyền lợi kinh tế tới địa vị xã hội. Hiện nay, có hai thành phần chênh lệch nhau về quyền lợi trong quá trình toàn cầu hóa: các chuyên gia, cố vấn tầm cỡ quốc tế về kinh tế học, luật học, khoa học; và các hoạt động viên các hội đoàn quốc tế về nhân đạo, môi trường, xã hội... Cả hai thành phần này điều có mạng di chuyển toàn cầu rộng; mạng thông tin toàn cầu nhanh, mạng sử dụng các chi nhánh địa phương nhạy. Những thành phần này mang những động tính xã hội mới: tính siêu quốc gia, năng động siêu lãnh thổ địa phương, chủ động những sáng kiến mới tầm cỡ quốc tế. Trong mô hình cũ của tổ chức kinh tế quốc gia thì *giai cấp* được định nghĩa qua vị thế của một tập thể trong cơ chế kinh tế và xã hội, trong đó quyền lợi làm nội dung của ý thức hệ. Còn *đẳng cấp* được định nghĩa qua vị thế của một tập thể trong lợi tức kinh tế, điều kiện hóa được các sinh hoạt văn hoá, trong đó tư lợi là nội dung cho đời sống xã hội. Toàn cầu hóa hiện nay đang biến quan hệ quốc tế mở cửa thành chiến lược nghề nghiệp; liên kết cơ chế giữa các quốc gia thành liên minh tập trung kinh tế; kết hợp giữa các địa phương thành *chung vốn* để *chia vốn*. Các thành phần xã hội toàn cầu mới này được sinh ra từ ba bối cảnh: *chung và chia, cộng và hưởng, liên và kết.* Cho nên, các mô hình cũ của tổ chức kinh tế quốc gia xem như bị lỗi thời trong điều kiện mới của toàn cầu hoá: vốn liếng vượt biên giới, thì quyền lợi sẽ phi quốc gia; đầu tư nằm ngoài cơ chế quốc gia, thì tư lợi khó kiểm soát được; quan hệ sản xuất siêu quốc gia thì *luật quốc tế đứng trên lệ quốc gia*. Giả thuyết phải đặt ra về giá trị nhân sinh của các thành phần xã hội toàn cầu mới: nhân sinh quan về dân tộc sẽ nhường chỗ cho thế giới quan về tư quyền trong toàn cầu hóa*.* Toàn cầu hóa luôn thúc đẩy quy trình chiến lược hóa các chức năng quốc tế mới, từ đó ổn định các cơ chế toàn cầu mới bằng công pháp quốc tế mới, cũng từ đây xuất hiện các thành phần xã hội toàn cầu mới, nhỏ về số lượng nhưng có tác động quốc tế lớn: các cố vấn của các doanh nghiệp toàn cầu với vốn liếng mới; các quan tòa của các tòa án quốc tế với công pháp mới; các quan chức hải quan với trách nhiệm quốc tế mới. Thế giới quan hoàn cầu (liên quốc gia, kết châu lục) từ từ dẫn tới thực tế toàn cầu (công pháp quốc tế, qua nhân quyền, dân chủ, tự do, bình đẳng) để hội nhập rồi nhập hội. Các nhận định và lý luận trên thực tế toàn cầu cho phép ta phân tích tình hình hiện nay như sau: mạng thì rộng, quốc gia thì nhỏ hẹp; tự do để *hội nhập* làm tăng tự do *nhập hội*; độc quyền sẽ yếm thế, *chung-chia* sẽ vững thế. Trong đó *quyền của luật* dẫn dắt *lệ của quyền*, đây là quá trình chống sự độc quyền của độc đảng trên một quốc gia.Toàn cầu hóa tạo điều kiện ra đời các chuyên gia siêu quốc gia nắm vững các quy luật về phân tích thị trường, tư vấn đầu tư, quản lý sản xuất. Các chuyên gia siêu quốc gia này biết *hành nghề* vì biết *hành đạo* về ba động cơ phục vụ chocác doanh nghiệp có tác động toàn cầu lớn, các trung tâm tài chính có tác động chứng khoán lớn, các chi nhánh sản xuất và phân phối tên diện toàn cầu. Các chuyên gia siêu quốc gia biết *hành nghiệp* bằng cách giới hạn hoặc vô hiệu hóa các chính sách bảo thủ như *bế môn tỏa cảng, ngăn sông cấm chợ, tham ô cửa quyền.* Các chuyên gia siêu quốc gia biết *vận luật* bằng cách phát huy các quá trình *vận hành* kinh tế toàn cầu; *vận lý* công pháp toàn cầu, *vận vốn* trong đầu tư quốc tế. Các chuyên gia siêu quốc gia biết *hành nghiệm* qua thao tác của các sinh hoạt siêu quốc gia, nhưng không vô chính phủ*,* cácsinh hoạt siêu lãnh thổ, nhưng không vô chính quyền; các sinh hoạt siêu biên giới, nhưng không vô hành chính. Các chuyên gia siêu quốc gia này biết *hành thực* (tế) bằng cách tận dụng mạng truyền tin để tìm tin để loan tin để tạo lý để tư vấn. Các chuyên gia siêu quốc gia sử dụng toàn cầu hóa theo các quy luật tìm lợi nhuận trên quy mô rộng siêu quốc gia; tìm quyền lợi mới trên quy luật biến đổi cơ chế quốc gia cũ; tìm ch**ỗ** đứng trong các thành phố toàn cầu, các trung tâm chứng khoán quốc tế. Các chuyên gia siêu quốc gia sử dụng toàn cầu hóa theo các quy chế: linh động di chuyển trong mạng toàn cầu ngày càng rộng, và tận dụng địa bàn quy mô và hiện đại để khai thác quy luật chính của toàn cầu hóa là tự do trao đổi hàng hóa và chuyên môn với các công pháp ngày càng cởi mở cho tự do trao đổi ngày càng rộng; các luật quốc tế ngày càng cởi mở vừa là bàn đạp, vừa là công cụ cho các chuyên gia này. Các luật ngày càng cởi mở cho tự do trao đổi thương mại không phải là các luật tự do di dân và nhập cư; ở đây sự nghèo giầu vẫn còn ranh giới trong toàn cầu hoá hiện nay. Toàn cầu hoá cho xuất hiện các thành phần xã hội mới bị thiệt thòi: công nhân, kiều dân với chuyên môn thấp; nông dân bỏ nông thôn. Những cuộc đòi hỏi, đấu tranh mới sẽ tác động sâu rộng nhờ sự hỗ trợ của tin học truyền thông, từ đó xuất hiện năm hệ luận mới về xã hội toàn cầu sẽ ra đời:

\*các phong trào quốc tế về quyền công nhân và nhân công;

\*các phong trào quốc tế bảo vệ quyền phụ nữ, y tế, giáo dục;

\*các phong trào quốc tế bảo vệ môi trường, chống ô nhiễm;

\*các mạng tương trợ toàn cầu do các cộng đồng kiều dân thành lập để bảo vệ quyền nhập cư; \*các phong trào quốc tế phi quốc gia và phi địa phương trực diện với các tập đoàn doanh nghiệp toàn cầu chống sa thải và đòi hỏi chia lợi nhuận.

Thực tế về điều kiện lao động thấp với lương bổng thấp, an toàn lao động tồi, đang có mặt trên khắp đất nước ta trong các doanh nghiệp ngoại quốc, nhiều nhất là Trung Quốc sẽ tạo ra các phong trào đấu tranh rộng khắp và mạnh mẽ qua các mạng truyền thông toàn cầu. Nếu ĐCSVN không chủ động bảo vệ nhân công Việt, quyền lợi lao động và lương bổng của họ, thì sẽ không tránh khỏi các cuộc đấu tranh địa phương rồi toàn quốc, một sớm một chiều sẽ được mạng hóa và toàn cầu hóa. Dòng thác nhân quyền đấu tranh cho bình đẳng trong lao động vũ bão hơn nhiều so với các phòng trào đấu tranh theo lề thói cũ, bị khung trong biên giới của quốc gia.

Toàn cầu luận: luận chứng hay luận thuyết?

Liên minh các thành phần bị thiệt thòi, sẽ sinh ra hệ *đồng hội, đồng thuyền toàn cầu*, và hệ *đồng hội, đồng thuyền toàn cầu* nối các địa phương cùng số phận trong chiến lượcchung sức *đấu tranh toàn cầu;* rồi hệ chung sức đấu tranh qua các quốc gia, qua các châu lục, có cùng môt viển ảnh cùng nhau bảo đảm *nhân quyền toàn cầu.* Lý luận này không thuộc luận thuyết cộng sản chủ nghĩa với chiến thuật lập đảng, với kinh nghiệm giành chính quyền quốc gia, mà nó dựa trên lập luận của dân chủ toàn cầu trong hệ đa dạng về văn hóa, đa nguyên về chính trị toàn cầu. Toàn cầu hóa luôn được củng cố bởi các liên minh giữa các quốc gia cùng một châu lục, trong đó có vai trò chủ đạo của mạng liên chính phủ, các liên minh này có các lãnh thổ chung, có các luật chung, có các quy chế chung làm sức bật để vượt các rào cản về biên giới giữa các quốc gia. Các liên minh này ngày càng đóng những vai trò *chủ quyết* trong các cơ chế toàn cầu hóa hiện nay: *OCM-Organisation du Commerce Mondial, NAFTA- America Free Trade Agreement, GATT General Agreement on Tarifs and Trade, FMI- Fond Monétaire International…* Các liên minh này là tiền thân của các công pháp quốc tế mới, chúng cũng là *«mặt chìm»* của các *liên minh lãnh đạo*, các *liên minh chuyên gia*, có sinh hoạt chính thức và có sinh hoạt bán chính thức. Các liên minh giữa các chính phủ được quản lý bởi các *liên minh lãnh đạo,* các *liên minh chuyên gia,* họ có vai trò tích cực trong việc chuẩn bị các quyết nghị, các thoả hiệp quốc tế mới. Trước những khủng hoảng, suy thoái do kinh tế ảo của tư bản tài chính sinh ra, vai trò *chủ quyết* của các liên minh quốc gia được quản lý bởi các các *liên minh lãnh đạo*, các *liên minh chuyên gia* càng tăng trong quá trình tìm các công pháp quốc tế mới. Vai trò *chủ quyết* của các mạng này ngày càng then chốt để tạo ra các mô hình về tự do cạnh tranh, về kế toán thế giới. Tính chuyên môn hóa và chuyên ngành hóa sẽ ngày càng xa sự kiểm soát của các cơ chế thuần tính quốc gia. Phân tích về toàn cầu hóa không thể không phân tích sự đối chọi, sự xung đột giữa *toàn cầu tính* và *quốc tộc tính*, tiềm tàng trong định nghĩa giữa *tư lợi, quyền lợi* và *công lợi*.

Tại đây, nhận định *thế trung tâm* hoặc *thế ngoại biên* của một quốc gia, phải dựa trên một phân tích mới về nội lực siêu quốc gia của các tập đoàn quốc tế luôn khai thác tiềm năng địa phương, từng vùng, từng miền để đóng đô, rồi bám trụ để đầu tư rồi để khai thác. Chỗ ngoại biên hay thế trung tâm trong toàn cầu hóa về trao đổi thông tin qua khoa học truyền thông với công cụ kỹ thuật được tư hữu hóa, tạo ra hàng loạt những tác nhân mới trong sinh hoạt quôc tế và xã hội, trong đó các chủ thể địa phương tìm đươc tiếng nói và thế đứng trong các mạng tin tức quốc tế với sự hỗ trợ trực tiếp của các hội đoàn phi chính phủ (ONG). Toàn cầu hóa tạo ra một quá trình mới: phi quốc hữu hoá các mạng thông tin, các cơ chế truyền thông của nội địa quốc gia, làm xuất hiện các*mạng cốt lõi (site-clé)* còn gọi là *mạng chìa khoá,* tập hợp những mạch thông tin chủ yếu không qua sự kiểm soát của chính quyền. Toàn cầu hóa luôn dựa trên *quần chúng hóa internet* để *công chúng hóa* các biến cố địa phương về môi trường, y tế, thiên tai… Nhất là các bất công và bất bình đẳng xã hội, không tôn trọng nhân quyền. Chuyện địa phương không còn bị coi là *chuyện ngoài lề*, nó một sớm một chiều biến thành *chuyện trung tâm* sức thuyết phục của nó trong đạo lý của nhân loại, luôn tôn trọng công bằng và công lý. Toàn cầu hóa gạn lọc *chủ quan địa phương* qua đòi hỏi và đấu tranh; rồi *khách quan hóa* nó trong điều kiện nhân quyền phổ quát; để sau cùng *thế giới hóa* một thực thế địa phương mà các chủ thể địa phương không nhất thiết phải di chuyển hay xê dịch. Toàn cầu hoá nối ba mạng thông tin vào cùng một mạng: mạn truyền thông thế giới (internet), mạng truyền tin địa phương (quần chúng và báo chí), mạng giao lưu xã hội (phong trào, hội đoàn); ở đây cơ chế truyền thông quốc gia không còn đóng vai trò chủ chốt trong quá trình quốc tế hóa tin tức nữa. Công cụ đấu tranh của những người bị áp bức không còn nhất thiết phải bạo động chính trị hay xã hội, mà có thể chuyển qua khoa học truyền thông, trong đó tin tức chính sát vừa là dữ kiện, vừa là chứng từ. Toàn cầu hóa đưa lên mạng truyền thông những hệ vấn đề siêu quốc gia: di dân và nhập cư; dịch truyền nhiễm và y tế; môi trường và ô nhiễm; nhân quyền và quyền tỵ nạn; đấu tranh phụ nữ và bảo vệ thiếu nhi… Xã hội dân sự từ khung quốc gia sẽ dần dà mang tầm vóc lớn hơn trong toàn cầu hóa, với những sinh hoạt mới sẽ ra đời: văn hoá và giáo dục về nhân lý, thông tin và truyền thông về nhân tri. Từ đó, các hệ quả mới ra đời, làm thay đổi các khuôn khổ cũ của xã hội dân sự: các quyền lực độc đảng sẽ bị thu hẹp lại, các cửa quyền sẽ bị các mạng xã hội canh giữ. Một địa lý toàn cầu muôn hình vạn trạng thường trực áp đảo các quyền lực phản dân chủ. Mạng xã hội trở thành *chủ tác,* tác động rộng khắp với tầm vóc quốc tế, đưa *chuyện ngoại biên* thành *chuyện trung tâm.* Toàn cầu hóa làm co giản -và co giật- các định nghĩa về lý lịch, bản sắc, có thể biến chuyện *cộng đồng* thành chuyện *đại đồng.* Toàn cầu hóa đưa định nghĩa về chủ thể qua mật độ và cường độ bằng lý luận và lập luận trên dữ kiện mới trong xã hội dân sự: du lịch không thể nhắm mắt trước các cảnh nghèo đói, bất công mà nạn nhân là dân đen và dân oan; phát triển công nghiệp không thể bịt tai trước thực tế của ô nhiễm; tăng trưởng kinh tế không thể câm miệng trước thực trạng bóc lột nhân công.

Xã hội dân sự toàn cầu mang dân chủ tính rất năng động trong tin tức, truyền thông với nhiều nấc thang về thông tin (hình ảnh, điều tra, phỏng vấn…), với nhiều cách nối mạng về tổng kết các dữ kiện (tư liệu lịch sử, hội thảo quốc tế, chứng từ qua đa văn hoá và đa ngôn ngữ). Toàn cầu hóa vừa là mức độ, cường độ sinh hoạt, vừa là vai vế, tầm vóc của xã hội dân sự. Những ai không được có quyền đi lại, du lịch, bây giờ đã có tiếng nói qua mạng xã hội. Những kẻ không được quyền đi lại du lịch, bây giờ có thể tham gia vào các phong trào dân sự toàn cầu. Những người tham gia vào các phong trào dân sự toàn cầu, bây giờ có thể trao đổi với nhau trên mạng xã hội quốc gia và quốc tế. *Liên minh luận* trong mạng xã hội trở thành *liên kết luận* bằng những hành động hoàn cầu cụ thể qua các mạng. Sung lực mới của các thiểu số bị áp bức tới từ toàn cầu hoá truyền thông tạo tiếng nói trên mạng cho các thiểu số bị áp bức, kể cả các dân tộc đã mất lãnh thổ và chính quyền, như trường hợp của Tây Tạng, được cả thế giới chú ý. Hiện trạng mới là các chính quyền địa phương và quốc gia không dám thẳng tay đàn áp các thiểu số bị áp bức; vì bối cảnh thế giới hóa tin tức đã làm được chuyện toàn cầu hóa dân chủ thuận lý theo hướng nhân quyền. Xã hội dân sự toàn cầu làm được những áp lực mới chung quanh Liên Hiệp Quốc qua các mạng và các cao trào dân sự quốc tế được sự hỗ trợ trực tiếp của tòa án quốc tế. Các tổ chức quốc tế nhân quyền *(Amnesty International, Ligue du Droit de l’homme…)* trực tiếp đầu tư vào thượng tầng và hạ tầng tin học truyền thông để tăng độ rộng và sâu của mạng xã hội trên khắp thế giới. Các tổ chức phi chính phủ (ONG) dùng sinh hoạt dân chủ và nhân quyền để đầu tư vào các phương án phát triển y tế, giáo dục, thương mại, bảo vệ môi trường… Các tổ chức đấu tranh bảo vệ các thiểu số bị áp bức được sự hỗ trợ kinh tài của các tổ chức phi chính phủ, thí dụ: LaNeta nhận tài trợ của The Institute for Global Communication (IGC), từ 1993, LaNeta đã trở thành hội viên của Association for Progressive Communication (APC). Các cuộc đấu tranh địa phương và bảo vệ các thiểu số bị áp bức vừa là *nhân*, vừa là *quả* cho sinh hoat mạng toàn cầu về nhân quyền và dân chủ. Chuyện dựa nhau để tồn tại giữa địa phương và toàn cầu đã vượt ra khỏi khung lãnh thổ quốc gia. Toàn cầu hóa tạo điều kiện phát triển thuận lợi cho *chủ thể chính trị địa phương* trên nhiều mật độ khác nhau khi sử dụng tin tức, thông tin, truyền thông:

\*Tập hợp, tồn trữ, tổ chức, giới thiệu tin tức theo khoa hoc truyền thông hiện đại.

\*Liên minh các mạng nhân quyền, môi trường, dân chủ… bằng quản lý nhà băng dữ kiện (banque de donnés) của *Human Rights Internet, Greenpeace, Oxfam International.*

\*Biến mạng truyền thông (internet) thành mạng báo động (*Urgent Action Network*) của Amnesty International thường trực trên thông tin quôc tế mà báo chí hay hội đoàn đều có thể sử dụng được.

Kết luận phải có trong diễn biến toàn cầu hóa là nơi nào có *độc tài* thì nơi đó sẽ có *đấu tranh dân chủ*; nơi nào có *độc tôn* thì nơi đó sẽ có *đấu tranh nhân quyền*; nơi nào có *độc trị* thì nơi đó sẽ có *đấu tranh tự do*; nơi nào có độc đảng thì nơi đó sẽ có *đấu tranh* *đa nguyên.*

Chủ thể hành tác truyền thông

Trong toàn cầu hóa xuất hiện thực tế *đa mạng hóa* mà đồ hình của nó là tính liên minh giữa các mạng xã hội bằng đa ngôn ngữ (một mạng với nhiều ngôn ngữ); bằng đa giáo dục (một mạng giành cho nhiều thế hệ); bằng đa đối kháng (một mạng nhắm nhiều đối thủ). *Đa mạng hóa* truyềnhơi cho *liên mạng hóa:* chuyện *ít hơi, ngắn tiếng* trước tham quan, cửa quyền tạo ra áp bức và bất công tại địa phương sẽ được ra thanh thiên bạch nhật trong toàn cầu hóa. Vìđịa lý mở của toàn cầu hóa truyền thông là *tháo biên giới để thoát cơ chế.* Từ đây*,* công pháp quốc tế được xây dựng trên công trình liên đới giữa luật pháp có nhân quyền, có dân chủ lại biết liên kết quamạng hóa theo quy luật quốc tế hóa địa phương. Qua cơ chế, chính quyền bảo quản lãnh thổ quốc gia bằng biên giới: một lãnh thổ được khung bởi biên giới tức là được quản lý, bảo vệ, kiểm soát bởi chính quyền, nhưng toàn cầu hóa vượt nội dung và nội chất của biên giới bằng tin học truyền thông. Toàn cầu hoá vượt biên giới của địa lý, đây là lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại: biên giới bị *ảo hóa* trong giao lưu tin tức. Các sự cố *truyền thông phi biên giới*cũng là biến cố về nội dung và nội chất về pháp luật quốc gia. Vì trước khi xuất hiện toàn cầu hóa, hệ thống luật dựa trên luật quốc gia, và quá trình toàn cầu hóa hiện nay phát triển trên hệ thống truyền thông *phi quốc gia*nhưng không *phi pháp.* Nội dung và nội chất mới của hệ thống truyền thông *phi quốc gia*nhưng không *phi pháp* tháo dần lãnh thổ khỏi cơ chế, gỡ dần cơ chế khỏi địa lý quốc gia, trực tiếp làm thay đổi nhân sinh quan và thế giới quan về luật pháp quốc gia. Toàn cầu hóa tạo ra nhiều quan niệm mới về quốc gia: lãnh thổ, biên giới, cơ chế, luật pháp; qua thực tế di dân, du lịch, nhập cư, đầu tư ... nơi mà kiến trúc của công pháp quốc tế dựa trên nền của nhân quyền, được che bởi mái của dân chủ. Toàn cầu hóa tạo ra giao lưu, làm sáng tỏ là có những quốc gia *mở* hơn những quốc gia khác, *mở cửa* là định chuẩn quốc tế mới liên tục tạo ra những cạnh tranh mới giữa các quốc gia về mức độ và mật độ giao lưu, từ xuất cảnh tới nhập cảnh, từ truyền thông tới giao thông.

Mức độ và mật độ giao lưu hàng hoá, sản phẩm vốn đầu tư, dịch vụ, tin tức… ngày càng chuyên môn với chuyên ngành mới ngày càng kỹ thuật hoá, sẽ đào thải những lãnh thổ, biên giới, cơ chế, luật pháp khép kín. Toàn cầu hoá xây dựng lâu dài trong khung và nền dựa trên *công pháp quốc tế* để tới dần *công pháp toàn cầu*, vượt kinh nghiệm quốc tế liên quốc gia, để tới công pháp thống nhất toàn bộ. Tình trạng liên minh song phương hoặc đa phương giữa các quốc gia bằng những thỏa hiệp tạm thời không dựa trên khung và nền chung còn kéo dài, và luôn được điều chỉnh sau các cuộc suy thoái, khủng hoảng lớn về chính trị và kinh tế theo hướng công pháp thống nhất toàn bộ. Các toà án quốc tế sẽ làm trọng tài trên những lĩnh vực khác nhau trong lúc chờ đợi khung và nền chung của công pháp toàn cầu. *Project on international Courts and Tribunal*: hiện nay tập hợp hơn 130 cơ chế quốc tế phân xử những vấn đề rất khác nhau từ nhân quyền tới luật hàng hải, từ thương mại tới môi trường… Toàn cầu hóa tạo điều kiện thuận lợi cho các sáng kiến tư, có chuyên môn cao, có lý luận vững, nên số ý kiến, kinh nghiệm, lý luận, lập luận không quốc gia, mà của các chuyên gia ngày được chú ý.

*\*Các quốc gia có kinh tế mạnh chủ động lấy sáng kiến.*

\**Các liên minh Bắc Mỹ và Âu châu khai thác triệt để kiến thức của chuyên gia quốc tế.*

\**Các quốc gia từ chối hội nhập vào toàn cầu hóa thường bị lúng túng vì thiếu kiến thức công pháp quốc gia.*

\**Các quốc gia dù còn yếu về kinh tế nhưng biết đầu tư vào các chương trình đào tạo các chuyên gia về công pháp quốc tế đã bắt đầu có chỗ đứng trong lý luận hội nhập, lập luận độc lập là hai hệ quả để bảo vệ quyền lợi của dân tộc.*

Công pháp quốc tế có nghĩa vụ xây dựng các công trình liên đới, luật pháp liên kết. Toàn cầu hóa làm tăng về số lượng các vấn đề về công pháp và luật pháp với sự tăng trưởng không ngừng về giao lưu hàng hoá, dịch vụ, vốn đầu tư, kiến thức truyền thông… Toàn cầu hóa làm tăng về số lượng các công trình xây dựng quốc tế, đòi hỏi phải có công pháp quốc tế, rồi toàn cầu về luật xây dựng liên quốc gia, một vấn đề hoàn toàn mới trong nhân sinh quan luật pháp quốc gia. Một lần nữa: các quốc gia có kinh tế mạnh chủ động lấy sáng kiến, các liên minh Bắc Mỹ và Âu châu khai thác triệt để kiến thức của chuyên gia, các quốc gia từ chối hội nhập vào toàn cầu hoá thường bị lúng túng vì thiếu kiến thức công pháp quốc gia… Thí dụ: FIDIC- Liên đoàn quốc tế các kỹ sư tư vấn; FIEC- Liên đoàn công nghiệp xây dựng Âu châu; FIEC- Viện kỹ sư dân sự; ENAA- Hội phát triển kỹ năng xây dựng Nhật bản; AIA- Viện kiến trúc Hoa kỳ*.* Những cơ chế tư này có đóng góp lớn trong việc tìm ra các mô hình, các quy lệ mới cho công pháp toàn cầu. Ở đây, đã có đã có sự chuyển quyền từ lĩnh vực công qua lĩnh vực tư; khung và nền của công pháp toàn cầu mới không còn dựa trên quyền thế của một chính phủ; công pháp toàn cầu vừa ở ngoài, vừa ở trên chính quyền, lãnh thổ, biên giới một quốc gia. Toàn cầu hoá là quá trình song đôi: kinh tế hóa mạng và mạng hóa kinh tế, biến tự do giao lưu hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, sản xuất, tiêu thụ… thành thực tế trong sinh hoạt kinh tế mở. Bối cảnh mới của thế giới, như vậy sẽ theo tổ chức đôi: kinh tế sinh hoạt vật thể và kinh tế phi vật thể của mạng, mà kinh tài đóng vai trò *động não* và *kích thích* trong đầu tư và giao lưu toàn cầu. Một doanh nghiệp có chỗ đứng trên mạng có thể vừa tư nhân riêng rẽ, vừa toàn cầu hóa trong hệ truyền thông và giao lưu, được đánh giá, phê bình, nhận định bằng tiêu chuẩn quốc tế. Mạng hóa sinh hoạt kinh tế quốc tế và hóa mạng sinh hoạt kinh tế tư nhân làm thay đổi các bậc thang của các định nghĩa cũ về: địa phương, vùng, miền, quốc gia, quốc tế… Một doanh nghiệp trên mạng bây giờ vừa địa phương, vừa quốc tế; một hội đoàn bây giờ vừa quốc gia, vừa toàn cầu; một khu vực của mạng vừa cục bộ, vừa liên đới với các mạng khác. Như vậy, toàn cầu hóa được định nghĩa như sự *liên minh* và *liên đới* giữa hai quá trình: mạng hóa và hóa mạng, mà hiệu quả và hiệu lực dựa trên sự giao lưu và trao đổi để tạo ra những luồng mới, mạch mới về thông tin, truyền thông với tầm cỡ toàn cầu. Quan hệ giữa sinh hoạt xã hội và sinh hoạt mạng toàn cầu dựa trên khả năng của kỹ nghệ truyền thông đóng vai trò *chủ chốt* nhưng luôn *biến động* theo bước tiến của khoa học kỹ thuật. Sinh hoạt xã hội hàng ngày như vậy ngày càng *lệ thuộc* sinh hoạt mạng toàn cầu, tạo ra trong thực tế một hệ môi sinh xã hội mà cơ chế, hệ thống, phân công trong sinh hoạt ngày càng *phụ thuộc* vào k**ỹ** nghệ truyền thông. Sự giao thoa giữa quan hệ xã hội thực và trực tiếp người với người và quan hệ qua mạng bằng môi giới của kỹ nghệ truyền thông làm tăng tính *lệ thuộc-phụ thuộc* của hai bên, tác động qua lại lẫn nhau; nhưng mỗi bên đều phải giữ đặc thù, đặc điểm, đặc tính của mình, vai trò bên này không thay thế được chức năng bên kia. Nên xem sét lại chức năng của kỹ nghệ truyền thông trong toàn cầu hóa:

\* kỹ nghệ truyền thông hiện nay là chìa khoá của tính linh động di chuyển của các vốn đầu tư.

\* kỹ nghệ truyền thông hiện nay là cầu nối giữa các doanh nghiệp, xoá đi khoảng cách địa lý đang có.

\* kỹ nghệ truyền thông hiện nay là chủ trì trong khâu hóa giải hành chính nặng nề của cửa quyền.

Mạng hóa sinh hoạt, mạng hóa trao đổi, mạng hóa hợp đồng, mạng hóa hợp tác nâng vai trò kỹ nghệ truyền thông vào việc giải quyết về mặt kỹ thuật, kỹ năng, kỹ xảo ba vấn đề then chốt của toàn cầu hóa: tin tức, khoảng cách, vận tốc*.* Toàn cầu hóa truyền thông biến mạng thành sinh hoạt trung tâm của sinh hoạt xã hội và kinh tế, trong đó vận tốc truyền tin quyết định tính năng động của dữ kiện. Các sự cố, các cuộc hẹn tập thể, các sinh hoạt cộng đồng, các cuộc biểu tình được hẹn hò, trao tin trên mạng xã hội. Có chỗ đứng trong mạng sẽ được *chuyển tin, đưa tin, nhận tin*; còn đứng ngoài mạng sẽ bị cô lập, hủ hoá, loại trừ. Bất động ngoài mạng coi như bị bỏ quên và chuyển động trong mạng được tăng mạnh về ảnh hưởng. Nhưng mạng truyền thông chỉ là công cụ của thông tin; quá trình tư duy, sáng tạo của con người luôn đòi hỏi kỹ nghệ truyền thông những kỹ thuật thích hợp với khả năng sáng tạo của mình. Ở đây, các hệ vấn đề văn hóa vẫn tồn tại. Con người tạo ra mạng truyền thông không phải là con người chung chung, mà là con người của văn minh, sản phẩm và hậu quả của các văn hóa tập thể, cộng đồng, quốc gia… Giao lưu tin tức hoặc kiến thức của con người là giao lưu giữa các văn hóa, trong đó mạng chỉ đóng vai trò công cụ kỹ thuật. Như vậy nếu có dị biệt về văn hóa, muốn hiểu nhau phải có môi giới trung gian qua ngôn ngữ, tư tưởng, học thuật, nghệ thuật, khoa học kỹ thuật… đó là những mã số cũng do con người của tư duy sáng tạo ra chớ không do mạng chế tạo ra. Nhưng trong thực tế những môi giới trung gian mới xuất hiện để làm cầu nối giữa các văn hoá đa số nằm trong mạng, không nằm ngoài mạng. Từ đây sinh ra một văn hóa môi giới trung gian mới với sự pha trộn giữa tư duy con người và kỹ năng của khoa học truyền thông. Mạng vẫn là nơi trao đổi, chuyển tin, kết cấu các kinh nghiệm mới về văn hóa. Toàn cầu hóa truyền thông làm xuất hiện các dữ kiện mới về lãnh thổ: có những địa phương năng động, có những địa phương thụ động; có những địa phương mở rộng, có những địa phương khép kín; có những địa phương hội nhập, có những địa phương bất cập. Toàn cầu hóa giao lưu văn hóa làm xuất hiện các dữ kiện rất mới về nhập mạng: có những địa phương *vượt được* cơ chế quốc gia, có những địa phương *không vượt được* cơ chế quốc gia; có những địa phương *có vai vóc quốc tế*, có những địa phương *chỉ có tầm cỡ địa phương*; có những địa phương *vận động được chính trường quốc tế*, có những địa phương *không vượt khỏi được vùng miền* của mình. Những địa phương, thành phố, đô thị có *vai vóc quốc tế* trong toàn cầu hóa truyền thông và giao lưu văn hóa có thể vượt được sự chuyên chế, chuyên quyền của cơ chế hay chế độ. Quốc tế hóa địa phương trong toàn cầu hóa hiện nay là phạm trù hoàn toàn mới để định nghĩa lại nội dung và nội chất về lãnh thổ quốc gia.

Nhân tính hóa toàn cầu hóa

Toàn cầu hóa cũng cho chúng ta một viễn ảnh đạo lý của *nhân tri hóa*,nơimà hoài bão có thể thành khả thi, nơi màchủ quyền quốc gia không còn chỉ nằm trong tay của một tập đoàn, một đảng phái… mà theo một quy luật chung được *nhân đạo hóa* qua nhân quyền và dân chủ. Có *nhân tính hóa* vì có pháp lý chung, có toà án chung, có *nhân lý hóa* chung vì có giá trị chung, có nhân đạo chung, có nhân phẩm chung: một *nhân tính hóa* chung trong quá trình *nhân loại hóa* trên nền chung của *nhân đạo hóa* dựa trên thềm chung *nhân phẩm hóa*, có chỗ dựa *nhân nghĩa hoá* trong mọi quan hệ quốc tế. Chính quá trình này sẽ làm bá quyền Bắc Kinh, bành trướng Trung Quốc lùi bước trong chuyện *trộm, cắp, cướp, giựt* các đảo, biển, đất của Việt tộc. Quá trình này không nằm trong con tính thông minh về chiến lược quốc tế của ĐCSVN trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Những lý luận này sẽ được định nghĩa từ cách sử dụng dữ kiện để hiểu sự vận hành liên quốc gia, hiểu sự vận hành này để nắm cái lý của các mô hình siêu quốc gia, từ đó giải thích các quyền lợi của từng quốc gia, từng địa phương, từng thành phố, từng tập đoàn, từng tác nhân… đang tìm chỗ đứng đồ hình mới của toàn cầu hóa. Những lập luận sẽ được định nghĩa từ luận giải về các liên minh chiến lược, về các tương quan lực lượng hiện nay, mà mục đính là tìm ra những định hướng, những sách lược thích hợp cho dân tộc mà giá trị đạo lý và luân lý vẫn là cốt lõi cho một cuộc sống có *nhân đạo*, bảo vệ được *nhân cách* cho mỗi người, duy trì được *nhân phẩm* cho đời sau. Duy lý của kinh tế toàn cầu phải dựa trên *nhân lý* và *nhân tri*. Toàn cầu hóa là một chuyên ngành mới, nhưng đã có phương pháp luận riêng, lý thuyết luận riêng, khoa học luận riêng. Các nhà chuyên gia, các nhà tư vấn, các nhà nghiên cứu không thể tiếp tục lý giảimột hệ vấn đề mới với lối tư duy cũ. Các vị lãnh đạo từ quốc gia tới quốc tế, ngay cả các chuyên viên quản lý địa phương, cũng cần nắm các quy luật mới của toàn cầu hóa, vì đây là *bản đại hòa tấu* mới của *nhân sinh*, tỉnh táo tham dự thì tồn tại, ngoa chấp đứng ngoài sẽ bị loại trừ.

**Nhân Việt. N°9**

***(Nhân cách giáo lý Việt tộc)***

**Nhân *Việt* nghiệm nhân *Trung***

***(Đồng bào suy thiên hạ)***

Serres:

*«Nous entrons dans une période où la morale devient objective»,*

*chúng ta đã vào giai đoạn nơi mà luân lý trở thành khách quan*

**Tặng THỤC VY**

Nhân Việt là *nhân cách giáo lý Việt tộc,* nhân Trung là *nhân cách giáo lý Hoa tộc*, trong tiểu luận này tôi chỉ muốn làm một chuyện là tìm hiểu và minh chứng là hai nhân cách này khác nhau, chúng ta không thể nhập hai làm một, và tôi rất xa lạ với lối nói vô tri đang vung vãi trong các cuộc đàm luận là: *«Việt Nam là bản sao của Trung Quốc»,* vì tôi thấy lối đặt vấn đề rồi kết luận cùng lúc như vậy thì là vô minh, vô tri, vô giác. Tôi cũng chưa đồng ý một lối đặt một vấn đề khác hiện nay là: *«thoát Trung»,* chưa đồng ý vì *«thoát»* là *tẩu thoát* để *thoát nạn*, hay *«thoát»* là *thoát* ra ngoài để đi tìm cái ngược lại. Trong xung đột chính trị cũng như trong chiến tranh, chuyện phải đối đầu là không thể tránh được, nhất là hai nước lại là láng giềng, *liền núi-liền sông*. Ta đừng quên có một *«rễ nạn»* là văn hóa, văn minh, văn hiến của Việt tộc chịu ảnh hưởng trực tiếp Trung Quốc, lại thêm một *«gốc nạn»* là Tầu là nước lớn đông dân-mạnh binh, lại mang theo một *«cội nạn»* là Tầu luôn có mộng bá quyền-bành trướng, và luôn là một *«nguồn nạn»* trong lịch sử Việt tộc, Tầu đã đô hộ ta hơn một ngàn năm, có rất nhiều hiểu biết về ta. *Rễ, gốc, cội, nguồn* này như «*nghiệp nạn»* trong quá trình hình thành Việt tộc, vậy mà Việt vẫn là Việt, ta vẫn là ta, tổ tiên ta giữ non sông cho ta; ta cũng đang tìm mọi cách để giữ cho bằng được non sông này cho con cháu, đây là một *hằng số,* làm chùng bước bao triều đại Hán, họ phải suy nghĩ rất kỹ khi tìm cách xâm lược đất nước ta. Như vậy, *ý muốn* của bài này là mong mọi người Việt Nam cứ tiếp tục «*suy bụng ta ra bụng người»*, nhưng *ý định* của bài này cũng muốn mọi người Việt Nam, nhất là các lãnh đạo có tri thức phải biết làm chuyện: *«biết bụng người để vững bụng ta»,* ở đây *ý muốn* ta làm ra cái sáng suốt cho ta, *ý định* làm ra sách lược của ta có từ cái sáng suốt đó, vì nó đã làm nên cái tỉnh táo của cha ông ta, giúp tổ tiên ta vừa có *nhiệt huyết chống thù*, vừa có đầu lạnh để có *mưu cao trí dũng,* đối đầu với giặc. Nếu chuyện *đối đầu* là chuyện không thể tránh, thì Việt tộc nên giành phần thắng khi đối đầu với *Tầu tặc* (với ý đồ xâm lược của lãnh đạo Tàu, chớ không phải đối đầu với tất cả dân tộc Trung quốc), chấp nhận đối đầu không phải là chuyện thô sơ là tức khắc *«đụng độ nẩy lửa»* với giặc, mà ngược lại là chuyện phải chuẩn bị rất chu đáo ngay trên thượng nguồn, để làm được chuyện *«đi guốc trong bụng giặc»,* tức là hiểu giặc *từ tâm tới tính*, *từ trí tới mưu*. Các chiến lược gia Tầu, các quân sư Tầu có truyền thống lâu đời và bảo trì chuyện này rất giỏi, họ đã có chỗ đứng không những trong các sách giáo khoa về binh lược mà còn được tôn thờ từ cổ sử, cổ văn cho tới nay; và Việt tộc cũng có: Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Quang Trung… cũng làm bao Hán triều bại trận, cha ông ta làm chuyện này cũng rất giỏi, nên chúng ta mới còn đây!

Trong bối cảnh quốc nguy hiện nay, ĐCSVN-Đảng Cộng Sản Việt Nam đang mang theo hai phản xạ rất xấu là: *«muốn lấy lòng Tầu»* và *«không muốn mất lòng Tầu»* (Tầu đây là ĐCSTQ-Đảng Cộng Sản Trung Quốc, chớ không phải nhân dân Trung Quốc); và trong lòng dân Việt thì ĐCSVN đang bị mang tiếng xấu là *«hèn với giặc, ác với dân»,* trong nội bộ lãnh đạo thì họ tưởng họ khôn: *«tránh voi có xấu mặt nào».* Nhưng họ không biết là họ *«khôn quá hóa dại»,* vì trước mặt có ít nhất là 5 mũi tiến công của Tầu hiện nay đang áp đảo Việt tộc: chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, môi trường, ĐCSVN sẽ không có lối ra, rơi vào ngõ cụt, thì làm sao tự cho là mình *«khôn»* được! ĐCSVN đã không có một *chương trình nghiên cứu thông thái* (thông minh và thông thạo) về Trung Quốc, chương trình này tạm gọi là *«biết bụng người để vững bụng ta»,* để nắm vững năm hệ vấn đề khi đối đầu xung đột với Tầu, cụ thể là để: *thấu đáo tư duy Tầu, nhập nội tri thức Tầu, suy tra trí lực Tầu, điều tra nội lực Tầu, chuẩn sát tâm lực Tầu.* Đây là thượng nguồn của mọi *chiến lược nhân địch luận*, dùng *nội lực* của đối phương để hủy diệt *thể lực* của đối phương. Nếu ĐCSVN *không có* hoặc *không dám* lập ra *chương trình nghiên cứu thông thái* này để đề kháng mà cũng để phản công, thì mọi công dân của Việt tộc yêu nước phải *vắt óc-soạn não* để cùng nhau làm việc được này, trước là để trao đổi về *lý thuyết luận đề kháng*, sau là nghiên cứu *phương pháp luận đối kháng*, ba là tìm ra *chiến lược luận đối lập* để bảo vệ *Nhân Việt*, bảo trì *Lực Việt*, bảo hành *Trí Việt*, cũng *thông thái-thông minh-thông thạo* không thua Tầu. Như vậy phải thú thật ngay là có một *ưu tư học thuật* trùm phủ bài tiểu luận này, vừa nghiên cứu, vừa chính luận này: hiện nay chủ nghĩa bành trướng *Tầu* trực tiếp đe dọa Việt tộc, chủ nghĩa bá quyền Bắc Kinh trực diện chiến đoạt đất, biển, đảo nước ta, vậy mà chính quyền hiện nay của ĐCSVN không có một trung tâm, một học viện, một chương trình nghiên cứu quy mô và nghiêm túc nào về Trung Quốc. Trên chuyện này, tóm tắc lại chỉ có một giả thuyết là ĐCSVN vô minh trước tầm quan trọng của tri thức trong học thuật luôn là thượng nguồn của mọi chiến lược -thông minh và hiệu quả- cho chính trị, ngoại giao, quân sự*.* Còn trí thức chúng ta thì sao? Chúng ta yêu nước, thương nòi, chúng ta sẽ mang tới các đóng góp cụ thể nhất cho đối tượng mình yêu thương, cũng qua học thuật: lấy *kiến thức* dựng lên *tri thức*, lấy tri thức chế tác ra *tri thức luận*, dựa trên *gốc, rễ, cội, nguồn* trong khám phá và khai phá của khoa học xã hội và nhân văn. Trực tiếp hằng ngày nghiên cứu, điều tra, điền dã, thể nghiệm, phân tích, giải thích, diễn luận các tin tức, các dữ kiện, các *hằng số* của lịch sử, các *biến số* của Tầu trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, để tổng kết các luận chứng trong một thống hợp tư duy hoàn chỉnh về Tầu. Cụ thể chúng ta sẽ dốc lực, dốc tâm, từ công dân tri thức tới tập thể trí thức, từ *cộng đồng mạng truyền thông* tới *liên-hợp-tri-thức* dùng các phương tiện thông tin hiện đại để có được một *khoa học luận*, một *phương pháp luận*, một *lý thuyết luận* về *Trung học*, về *Hoa học*, về *Hán học*, nói rõ là về *Tầu học,* trong tinh thần nghiêm minh khoa học, nghiêm chỉnh trí thức, tức là nghiêm túc tôn trọng ba trật tự: sự thật, chân lý và lẽ phải.

Đồng bào hay thiên hạ

Khi vua Quang trung gởi đoàn sứ giả qua Tầu, để gặp vua Càn Long, thì vị minh quân này có dặn dò Phan Huy Ích là trước mặt bọn bá quyền, bành trướng *nhìn thiên hạ bằng nửa con mắt* nhớ làm cho chúng thấy là nước Nam ta có phong tục, tập quán riêng, và hãy dụng văn, thơ, thi, họa kể cả vũ nhạc để chỉ rõ: Tầu là Tầu, ta là ta. Nhưng, trong *Việt Nam sử lược*, thì sử giả Trần Trọng Kim đã thú nhận, ngay chương dẫn nhập, là trong lịch sử của Việt tộc, qua bao nghìn năm ta chỉ có biết một mô hình là: văn hóa là *Tầu*, làm như *Tầu*, làm giống *Tầu*, làm theo *Tầu*, chỉ vì không có các mô hình khác. Chuyện *«bóng Tầu đè thân Việt»* từ từ được *tháo, gỡ, buông, rời* một phần từ khi phương Tây tới đất nước ta, qua Pháp trong quy trình thuộc địa, qua Mỹ trong quá trình chiến tranh, nhất là tình hình toàn cầu hóa hiện nay thì khác hẳn với nỗi lo của học giả họ Trần. Diễn biến thuận lợi của toàn cầu hóa hiện nay, chúng ta không những học Tầu, Pháp, Nhật, Mỹ mà chúng ta có thể có tầm vóc học hỏi, bản lĩnh học tập, nội công học thuật của năm châu lục, chắc chắn sẽ *cao, sâu, rộng, xa* so với các thế kỷ qua. Nhưng chúng ta nên bắt đầu bằng cổ sử và cổ văn của *Tầu*: khi chúng ta nghiên cứu về thời Tam Quốc, trước sức ép hùng binh của Tào Tháo, Lưu Bị phải bỏ thành rút lui, Khổng Minh (Gia Các Lượng) là minh sư khuyên Lưu Bị đừng mang dân chúng theo sẽ bị hỏng đại nghiệp, chuyện đáng chú ý trong ngữ văn của Khổng Minh cũng như của các quân sư khác trong lịch sử Trung Quốc, nhất là các lãnh đạo phong kiến thì từ: *thiên hạ* hoặc *bá tánh* thường được dùng hơn là từ *nhân dân*. Đây là điểm rất khác nhau giữa Khổng giáo và Phật giáo, đối với Phật đã là người thì là *chúng sinh*, mỗi chúng sinh có sự sống mà giá trị tự nó thiêng liêng, nên Phật giáo mới dùng từ *sinh linh*. Đây cũng là cái khác biệt sâu đậm giữa Tầu và ta, vì ta coi nhau như *đồng bào*, sinh ra cùng một bào thai, có cùng cha cùng mẹ. Hai loại tên gọi: *đồng bào* hoặc *thiên hạ, bá tánh,* khác nhau một trời một vực, mỗi tên gọi là một quan điểm, mỗi quan điểm cắm rễ trong một nhân sinh quan, một nhân sinh quan cắm sào vào không gian của một quốc gia, nó nói lên cái khoảng cách gần hay xa, giữa những người cùng sắc tộc và có cùng một lịch sử, cùng văn hóa và có cùng một giáo dục. Từ đó, nhân sinh quan chính trị của các lãnh đạo luôn làm ra thế giới quan đạo lý của họ: họ *xa cách* dân chúng họ, hay họ *liền da-liền thịt* với dân tộc họ, đây là một câu hỏi rất xác đáng cho từng lãnh đạo của ĐCSVN hiện nay: *dân đen, dân oan* là *đồng bào* của họ hay chỉ là *thiên hạ* hoặc *bá tánh,* nếu là *thiên hạ* hoặc *bá tánh* thì các lãnh đạo của ĐCSVN đã bị *Tầu hóa* rồi chăng?

Chủ nghĩa dân tộc trung tâm (ethnocentrisme) của Tầu khi tự đặt tên họ là Trung Hoa, trung tâm tinh hoa của nhân loại, từ đây họ cho phép họ đặt tên Birmanie là Miến Điện (đất xa), và họ tự cho phép tất cả thiên hạ xung quanh Trung Hoa họ là «man di» (mọi rợ), thiếu văn minh, không văn hiến. Chuyện cần phân tích ở đây là mọi *ý kiến* mà được -hoặc bị- *thái độ kỳ thị* tạo lập nên, thì không còn là *chính kiến*, nếu không là *tạp kiến,* thì cũng là *tà kiến.* Không có chính kiếntrong phân tích thì sẽ không biết được *sự thật*, không có chính kiếntrong giải thích sẽ không nắm được *chân lý,* không có chính kiếntrong lý luận sẽ không bảo vệ được lẽ phải. Mọi định kiến được -hoặc bị- *thái độ kỳ thị* chế tác ra, tức là xem thường người khác, khinh miệt tha nhân, chóng chầy sẽ đưa tới một thái độ khác là: đánh giá thấp đối tác, coi rẻ hàng xóm, dẫn tới hành vi khinh thường đối phương, miệt thị đối thủ. Đây là bi kịch trong lịch sử Tầu: không có láng giềng tốt, không có liên minh lâu dài, vì nước nhỏ hoặc hiền lành như Tây Tạng thì bị Tầu đồng hóa, còn các nước lớn như Ấn Độ, Nga đều thường xuyên bị Tầu gây hấn; riêng đối với Việt Nam khi họ thua trận trước Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Quang Trung… mỗi lần thua trận, thì họ lại ngạc nhiên, rồi tự trách tại sao họ lại: *«khinh thường đối thủ»*. Hình như đạo lý Việt tộc *«đổi họ hàng xa mua láng giềng gần»* không có trong tư duy Tầu, hoặc có mà không được tôn vinh. Trong cái *«bình thiên hạ»* của các lãnh tụ Tầu không có cái đạo lý Việt *«trong ấm ngoài êm».* Khuyết điểm trong nhân sinh quan *Tầu* sẽ trở thành khuyết tật trong thế giới quan Tầu, nó đưa tới các hành xử bất nhân, các ứng xử lấy *khinh thị* là *chính thị*, tức là đưa cái kỳ thị khinh miệt các đối tác vào ý kiến và phân tích chính trị của Tầu. Khuyết tật này mở đường cho kỳ thị có chỗ đứng chính thức trong giáo dục, trong đào tạo, trong huấn luyện các thế hệ trẻ, vì họ sẽ lập lại các tư duy dựa trên kỳ thị, lấy tạp kiến làm chính kiến, lấy tà kiến làm định kiến. Sống mà không có láng giềng gần, bạn bè xa là một *thất bại* lớn không những trong chính trị, ngoại giao, quân sự, mà là một *thảm bại* của kiếp làm người, tự cô lập mình qua các *tự kiến* của chính mình chế tác ra, sẽ chịu cảnh cô đơn trong côi cút khi ra khỏi nhà, xa nước. *Nhân cô đơn* với láng giềng sẽ cho ra đời *quả cô lập* trên thế giới. Khi tòa án quốc tế tuyên bố: Tầu không có chủ quyền pháp lý và lịch sử trên biển Đông, sau vụ kiện của Phillipines, thì rất nhiều người Tầu mới *«vỡ lẽ»* là không những họ có thể bị cô lập trên trường quốc tế, mà họ còn bị tố cáo trước hoàn cầu, nếu họ tiếp tục tự xem mình là trung tâm của nhân loại. Khuyết tật xem thường người xung quanh, Tầu cũng bị lậm lụt trong học thuật, thí dụ điển hình hiện nay là nhà triết học François Jullien của Pháp, dùng một phương pháp luận phân tích hỗ tương, hoàn toàn mới: lấy tư tưởng Trung Quốc để soi rọi vào các *«góc tối»* của triết học phương Tây, và ngược lại dùng triết học phương Tây để soi lùng trở lại các *«góc xếp»* của tư tưởng Trung Quốc. Có các lãnh đạo Tầu, rồi luôn cả các chuyên gia Tầu lại nghĩ sai, hiểu xấu, vì không nghiên cứu kỹ phương pháp luận này, từ đó có vài kẻ buộc tội triết gia này là dùng tư tưởng Trung Quốc để *«làm ăn»* trong nghiên cứu, theo kiểu *«mượn đầu heo nấu cháo»,* đây là một thái độ rất hồ đồ, một hành vi rất *«thiếu học»* trong bối cảnh toàn cầu hóa học thuật hiện nay*.*

*Xét người rồi phải nghiệm tới ta*. ĐCSVN trong quá trình hành xử chính trị cũng có những lỗi lầm xem thường, xem thấp, xem rẻ đối với hai nước láng giềng là Lào và Campuchia. Trong chiến tranh 1954-1975, ĐCSVN cũng *«bắt chước»* kiểu *«nước đôi»* của Tầu, trước ủng hộ Khmers đỏ để có liên minh, cùng lúc bao che cho ông hoàng Sihanout để dùng đất Campuchia làm lãnh thổ quân sự; đây là chuyện mà Pon Pot đã biến thành *«hận đời, oán kiếp tận xương tủy»* trong chính sách triệt để chống Việt Nam của hắn, 1975-1979. Tình hình hiện nay quá phức tạp tại Đông Nam Á với sự có mặt của tất cả các cường quốc xa gần với Thái Bình Dương, Việt Nam phải đủ bản lĩnh đạo lý để xây dựng một đạo đức trọn vẹn với các nước láng giềng, chống lại thái độ coi thường nước nhỏ, mà ngược lại chế tác ra từ giáo lý Việt tộc *«trong ấm, ngoài êm»,* tạo dựng ra một luân lý đối tác quốc tế với láng giềng từ ngay nhân cách Việt: *«Nắng ba năm, ta không bỏ bạn» nên mưa một ngày (ta-và-bạn) không bỏ nhau.* Muốn làm được chuyện này thì phải làm được chuyện *hòa hợp hòa giải dân tộc* trong nước trước đã! Gạt bỏ cho bằng được chuyện hai chiến tuyến quốc-cộng, vì cuộc chiến đã dừng hơn 40 năm nay. Muốn làm được chuyện này, thì bước đầu tiên là ĐCSVN phải buông bỏ hành vi độc đoán qua độc tài, độc quyền qua độc đảng, mà ĐCSVN bị thâm lậm quá lâu khi sống trong vòng kìm kẹp của ĐCSTQ-Đảng cộng sản Trung Quốc. Muốn làm chuyện này, thì ngay trên thượng nguồn tư duy chính trị các lãnh đạo của ĐCSVN phải nhận ra về mặt lý luận: *chuyên chính* không thể sánh đôi cùng *biện chứng*, thuyết duy vật biện chứng của Marx không quan hệ gì tới hệ thống chuyên chính độc đảng kiểu Lénine làm ra, rồi sau đó Staline lại tẩm thêm «độc tố» vào, để Mao và đám đàn em của hắn trong Đảng cộng sản Trung Quốc mài giũa thêm bén để giết các phong trào xã hội và các đảng phái dân chủ tại Trung Quốc. *Chuyên chính* đưa xã hội vào độc đạo, đưa nhân loại vào một con đường tồi hẹp chỉ có một chiều, nó lại còn đóng cửa tất cả các chân trời. Chỉ vì cái *độc* sợ cái đa! Ngược lại thì *biện chứng* bắt ta muốn hiểu phải *đối chiếu*, có đối chiếu thì có *đối kháng*, xử lý các *đối kháng* thì phải qua *phản biện*. Không có phản biện thì không có *đối thoại* giữa lý thuyết và thực tế, không có trao đổi giữa lý luận và cuộc sống, không có cầu nối giữa mô hình (thuyết) và kinh nghiệm (sống). Ngược lại, *chuyên chính* áp đặt *độc tài*, lại bắt dân sùng bái độc tài này, thì đây là quy trình nô lệ hóa chính kiến, hợp thức hóa tà kiến. Nô lệ hóa chính kiến tức là nô lệ hóa tư tưởng, như vậy là ép cuộc sống đa dạng vào khung, tức là vào tù, và đây không phải là giải phóng, mà là *nô bộc hóa nhân sinh*. Như vậy, chúng ta phải cùng nhau đưa ra một kết luận là năm 1975, miền Nam không được giải phóng, mà là chịu sự nô lệ hóa tư tưởng, một tư tưởng chuyên chính nhưng bất tài, nên nó lụn bại từ kinh tế tới xã hội, từ văn hóa tới giáo dục, từ công nghệ tới công thương… những thất bại này làm Việt tộc mất sinh lực, kém thể lực, thấp trí lực trước họa xâm lăng của Tầu. Nhưng cũng có một loại chuyên chính nhưng không bất tài, chuyên chế với *minh chủ*, khai sáng nhân sinh qua nhân trí, đó là trường hợp của Đặng Tử Bình, đã đưa đất nước Trung quốc ra khỏi nghèo nàn, lạc hậu chỉ trong vòng 20 năm, vẻn vẹn một thế hệ. Trong cái thiên hạ mênh mông, trong cái bá tánh thênh thang như lục địa Trung Hoa, tìm ra được *minh quân* hay *minh chúa*, vừa thống nhất được đất nước, vừa thăng hoa được dân tộc, thật là đáng phục. Xem lại Việt Nam, một đất nước gọn hơn, một dân tộc thuần hơn, vì có cùng một văn hóa, một ngôn ngữ, một lịch sử, từ một *«bào thai»,* cùng là *đồng bào,* nhưng cả hơn ba thế kỷ qua tại sao Việt tộc không tìm ra được một minh quân, một minh chủ, một minh chúa, trong lúc chờ đợi một nền dân chủ vững với một nhân quyền bền? Câu hỏi được đặt ra cho mọi người Việt, đừng để chuyện ý thức hệ chuyên chính, đừng để chuyện hận thù trong cuộc nội chiến vừa qua, xen vào rồi che lấp câu hỏi này. Mà một phần câu trả lời nằm ngay trong *dân tộc tính* mà mỗi người Việt đã trao truyền một cách có *ý thức*, qua *tàn thức*, lẫn *vô thức*, từ thế hệ này qua thế hệ khác: tại sao chúng ta không *«thăng hoa»* (hay *«ngóc đầu lên»)* được như Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Singapour, Trung Quốc?

Ban Cao học châu Á mà tôi làm giám đốc từ 20 năm nay, có một chuyện lạ là mỗi năm số sinh viên Trung Quốc ghi danh và thi vào học khá đông, số lượng gấp 10 lần số sinh viên Việt Nam, khi thi vấn đáp về phương án hướng nghiệp thì câu hỏi cuối của ban giám khảo là: *«học xong bạn muốn làm gì?»,* sinh viên Việt Nam trả lời dễ dàng: *«đi xin việc làm»,* tức là đi *làm công*. Còn sinh viên Trung Quốc, thì một người trong hai người, khoảng 50% trả lời khác: *«xin đi làm công trước, sau vài năm sẽ ra làm chủ!»,* mỗi năm đều có loại trả lời này, loại lý luận nghề nghiệp này, ngay cả các sinh viên Âu Châu cũng không có chí hướng làm chủ cao như các sinh viên Trung Quốc. Và trong 20 năm qua, tôi chỉ nghe được một lần, một nữ sinh viên Việt Nam, người Hạ Long, trả lời là sẽ *«tìm cách làm chủ, qua sự giúp đỡ của cha mẹ đang làm chủ». Làm chủ* và *làm công*, hai nhân sinh quan nghề nghiệp, hai thế giới quan kinh tế, hai vũ trụ quan nhân sinh, hoàn toàn khác nhau, một trời, một vực! Nhiều lần, tôi gặp riêng các sinh viên Việt Nam để tâm sự với họ là người Hoa họ có hai cá tính rất khác nhau, mà họ kết hợp được: thứ nhất là *«thức khuya, dậy sớm»*, thứ nhì là *«có gan làm giầu»,* tại sao chúng ta có cái thứ nhất như họ là *«thức khuya, dậy sớm»* với *«một nắng, hai sương»,* với *«dầm mưa, dãi nắng»* để lao động, mà chúng ta lại không có cái thứ hai: *«làm công rồi làm chủ»,* rồi *«có sức chịu, có sức liệu»* trong đầu tư, trong thương mại, trong kinh tế? Bao năm qua, tôi càng thấy rõ: các sinh viên Việt Nam tâm sự: *«đi du học bên phương* ***T****ây là dùng bằng cấp để tiến thân»* (trong chuyện *«làm quan»)* qua cơ chế mà ĐCSVN đã vạch ra cho họ. «*Lấy bằng để vinh thân»,* chớ họ *«không (muốn) có tự chủ để làm chủ»,* chuyện này đã lập đi lập lại qua bao thế hệ, có sinh viên còn nói thẳng là họ: *«đi học nhưng không thiết tha gì muốn trở thành trí thức»,* tức là nghiêm túc trong học thuật, liêm sỉ trong trong kiến thức, liêm minh trong khoa học.

**Nhân loài hay súc loại**

Tháng bảy, 2016, tòa án quốc tế tuyên bố: Tầu không có một chủ quyền pháp lý và lịch sử nào trên biển Đông, như vậy Philippine: đúng, Tầu: sai; sau đó là Nhật Bản, Indonésia, Malaisia bắt đầu làm đơn kiện Tầu, như Philippine, (trong đó không có Việt Nam). Cùng lúc, thế giới kinh ngạc khi thấy trên các mạng tin tức và truyền thông những hình ảnh các nhà hàng tại Trung Quốc đã in những tấm biển lớn: *«Tại đây không tiếp Nhật, Philippine, Việt Nam và chó»*, cái hung giận *Tầu* đã biến thành kỳ thị kiểu *Tầu*, kiểu kỳ thị mà xem người ngang với thú vật, thì chính họ đã là nạn nhân trong khi họ bị thực dân Anh đô hộ, họ *«lấy ra để xài lại»* một cách rất vô liêm sỉ! Nhưng câu chuyện nhân loài hay súc loại có gốc, rễ, nguồn, cội trong văn hóa, trong lịch sử *Tầu*. Vì trong Tam quốc, chúng ta thấy xuất hiện một chuyện lạ, rất lạ so với nhân cách giáo lý Việt tộc, là các lãnh tụ thời đó: từ Đổng Trác tới Lữ Bố, từ Tào Tháo tới lãnh đạo của các chư hầu, khi họ ra tay giết đối thủ, thì ngôn ngữ của họ vừa bạo, vừa tục: *«giết trâu, chó»,«giết dê, gà»,* những kẻ thấp phận bị gọi là «*chuột»*, bé kiếp thường bị gọi là «*sâu, bọ»*! Loại ngữ văn này cho ta thấy là đối phương hay kẻ thù của họ không phải là nhân loài hay mà là súc loại*.* Ngay khi họ lầm trong nhận định, phán đoán, suy xét thì họ luôn để lộ ra loại ngữ pháp rất súc tính, thí dụ điển hình là Tào Tháo, mỗi lần có đối thủ nào thua trận, hoặc đầu hàng hắn thì hắn thường thốt ra câu: *«tưởng là long, phụng, ai ngờ chỉ là dê, chó».* Các thí dụ này khiến chúng ta phải suy nghĩ trong sáng suốt và nghiêm túc về môt loại nhân sinh quan có liên đới với súc tính. Hãy lấy thêm một thí dụ khác: khi biết Điêu Thuyền và Lữ Bố yêu nhau, thì Dương Doãn là nghĩa phụ của Điêu Thuyền đã dùng mưu: mỹ nhân kế, đẩy Điêu Thuyền về phía Đổng Trác là nghĩa phụ của Lữ Bố, để hai cha con này chém giết nhau vì Điêu Thuyền, đó là mẹo để thắng. Có cuộc đối thoại để lại trong sử Tầu là: Điêu Thuyền có hỏi một câu về nội dung luân lý với Dương Doãn: *«Tại sao cha đẩy con vào tay súc vật?»,* Dương Doãn trả lời là: «*muốn thắng súc vật phải nhận rơi vào tay thú vật!».* Câu hỏi thứ hai của Điêu Thuyền, chuyển thắc mắc về luân lý thành nghi vấn về đạo lý: *«Như vậy cha có phải là súc vật không ?»* Dương Doãn trả lời bằng nội dung *hạ nhân-diệt đạo*, đây là loại mưu kế nơi mà cứu cánh biện minh cho phương tiện một cách vô nhân nhất: «*Để thắng súc vật, cha sẵn sàng làm súc vật!».* Loại tư duy coi người là thú, coi đối thủ là loại súc sinh thấp kém, và sẵn sàng có các thái độ, hành vi, phong cách, tính toán một cách *thú tính* nhất để thắng, hoàn toàn không có trong tư duy của người Việt, không có trong nhân cách giáo lý Việt tộc, cho nên bài học của Nguyễn Trãi *«lấy nhân nghĩa để thắng hung tàn»* phải luôn là bài học phải được Việt tộc quý trọng trong mọi cách hành xử trên chính trường quốc tế*.* Ngay tại đây, mọi người phải luôn thận trọng trước các mưu sâu của các lãnh đạo Tầu bất cứ thời điểm nào của lịch sử là: họ lấy chữ *nhân* của Khổng để *truyền Khổng* trong văn hóa, trong giáo dục, nhưng họ *phản Khổng* trong chính trị, trong quân sự. Cụ thể là họ *«dạy đời»* thiên hạ bằng Khổng giáo, nhưng họ lén lút hành xử rất phản Khổng giáo, tổ tiên Việt tộc đã dặn con cháu là: *«lưỡi không xương, nhiều đường lắt léo».*

Nhân loài hay súc loại, bắt chúng ta suy nghĩ thêm về các chiến lược *«biển người»* của các lãnh đạo Tầu, *thí binh-nướng lính*, coi kiếp người như số vật, thí dụ gần nhất là chuyện thiệt mạng hơn 30 triệu sinh linh chỉ trong một cuộc cách mạng văn hóa, không chiến tranh mà thiệt hại hơn bao cuộc chinh chiến. Lý luận lấy *số lượng* để hù dọa đối thủ, sử dụng *định lượng* để ấp đảo đối phương hoàn toàn xa lạ với nhân cách giáo lý (đồng bào) của Việt tộc, lại càng hoàn toàn lạ lẫm trong bối cảnh toàn cầu hóa (nhân quyền) hiện nay. Như vậy, muốn thắng Tầu, thì ta và cả thế giới (văn minh) phải kế**t** hợp với các lực lượng nhân quyền, các phong trào dân chủ của Trung Quốc, cùng vượt thắng bọn lãnh đạo bá quyền và bành trướng vô liêm sỉ bằng chữ *nhân*. Thêm một thí dụ khác nữa cũng thời Tam Quốc, tên gian hùng Tào Tháo có một lối lập luận về *số lượng* rất vô nhân ngay trong chiến bại, hắn thường an ủi những cận tướng bại trận của hắn đang buồn lo trước bao tử vong trong chiến trận rằng: *«Nếu chết số ngàn lần này, thì lần tới ta sẽ tặng các tướng số vạn!».* Ngoài hệ vấn đề luân lý, còn có hệ vấn đề lý luận, trong tư duy Tầu họ còn cho phép dạy thiên hạ: *«muốn bình thiên hạ thì phải cần bạo chúa»; «có bạo chúa mới có công trình»,* có không ít người Việt ta bị *«nhiễm trùng tư duy»* qua loại lý luận vô nhân này, vì trong lịch sử của nhân loại, có nhiều quá trình hòa bình, thanh bình, thái hòa, với nhiều công trình có tầm vóc tri thức, mà không cần có bạo quân, bạo chủ, bạo chúa. Từ chuyện cổ sử tới chuyện đời nay, cách ứng xử giữa người Tầu với nhau làm các du khách ngoại quốc tới Trung Quốc rất thắc mắc: trong những thành phố được xem là hiện đại như Bắc Kinh, Thượng Hải… du khách thấy người Tầu chen lấn, xô đẩy, sát phạt nhau ở những nơi công cộng, người trẻ không kính nhường người lớn tuổi trong xe điện, trong thang máy… Chuyện quái lạ là khi có ẩu đả ngoài đường, thì có người vô cảm và kẻ kích thích bạo động nhiều hơn là người cản, kẻ can, cụ thể là thay vì khuyên ngăn bạo động, đám đông thị hiếu còn kích động: *«đánh đi!», «đánh nữa đi!»*. Chuyện còn quái lạ hơn, ở thành thị cũng như thôn quê hiện nay, khi thấy kẻ tuyệt vọng có ý đồ tự vẫn, thì đám đông mà thị hiếu đã qua hiếu kỳ, đã đưa vô cảm vào vô tâm, còn xúi dục thêm: *«tự tử đi!»; «tự tử đi! Dám thì làm liền đi!».* Đây không phải là chuyện kể để tạo kỳ thị, mà biết để hiểu rằng những người Trung Quốc còn lương tri rất xấu hổ về dân chúng vô cảm, dân tình vô tâm của họ. Dân Việt đã dần dần khám phá ra các chuyện này qua du lịch Tầu hiện nay: họ giành ăn hằng ngày với nhau trong bữa cơm tại Nha Trang, họ xả rác rồi văng tục vô lối tại Đà Nẵng*,* họ xô đẩy rồi lấy cắp hàng vô tội vạ của người Việt bán rong tại Vũng Tàu… Trong phản xạ *«không thích Mỹ»,* vì *«ganh với Mỹ»,* người Tầu có những hành vi bất nhân khi xem trên truyền hình, hoặc qua truyền thông về các vụ khủng bố tại Mỹ, kẻ thì vỗ tay: *«nổ hay!»,* người thì khen ngợi:  *«chết nhiều!».* Khi nghe khủng bố 11 tháng 9, năm 2001, có những xóm làng, có những cư xá sinh viên, có những khu quân sự tại Trung Quốc *«khua nồi, đập chảo»* để *«ăn mừng khen khủng bố»*! Ở đây, *tà kiến ác tri* song hành cùng cái *tạp thức vô luân*, sánh bước không ngần ngại với cái *vô minh biệt luân,* trước cái chết chóc của nhân loài. Việt tộc phải cẩn trọng! Vì cái vô cảm, vô tâm, vô tri, vô giác đã và đang thâm nhập vào tâm hồn Việt, vì trong quá khứ ta đã *chung chạm* quá lâu với Tầu qua bạo quyền phong kiến, rồi hiện nay ta vẩn *chung đụng* quá nhiều qua bạo đảng độc quyền!

Những công trình tri thức lớn của nhân loại là *«trợ nhân»* chớ không phải là *«diệt nhân»,* trong hệ thống lý luận triết học của Desanti lấy cái gốc đạo lý làm rễ cho nhân tính: *«La racine de l’éthique c’est simplement l’accueil de l’autre»,* *cái rễ của đạo lý vẫn rất dễ hiểu nó chỉ là chuyện tiếp nhận tha nhân*, ở đây tha nhân không những cùng đồng chủng, đồng loại mà còn cùng đồng phẩm, đồng chất với ta. Trên đất nước Do Thái, ngày đêm máu đổ, triền miên trong quy luật *«tử thù không đội trời chung»* giữa dân Do Thái và dân Palestine, một mảnh đất mà hai chủ, triết gia Schlanger, gốc Do Thái, trăn trở với các sinh linh ngày đêm bị đe dọa bởi giết chóc, mưu sát, ám hại, khủng bố… ông yêu cầu*: «on peut considérer les philsophes comme des écologistes de l’esprit», hãy coi các triết gia như những kẻ bảo vệ môi trường cho tư duy,* trong đó mọi sinh vật được bảo vệ trọn vẹn trong một môi sinh toàn vẹn*.* Đây là minh triết của nhân sinh để bảo vệ nhân tính trong kiếp làm người, đây cũng là dịp để Việt tộc xem lại rồi viết kỹ hơn và nếu cần thì xét kỹ lại: các chiến trận được xem như là chiến thắng với quá nhiều tử vong có còn là chiến thắng nữa không? Trong xung đột thì có thiệt hại, trong chiến tranh thì có thiệt mạng, nhưng chúng ta có *quyền nhân tính (quyền tư duy đi cùng với quyền tri thức)* để ước mơ rồi biến ước mơ thành hành động đưa nhân phẩm lên cao nhất, bằng *lý trí đồng bào* để chế tác ra *lý tưởng nhân loại*, nghĩa là chỉ có một chiến thắng thật sự là chiến thắng nếu tránh được tử vong, hoặc rất ít tử vong. Chúng ta còn có *quyền nhân phẩm (quyền nhân đạo cùng quyền nhân từ)* một chiến thắng thật sự là chiến thắng khi ta cùng thắng trận với đối phương, không ai là tử thù của ai, không ai là *không đội trời chung* với ai cả, Việt tộc phải giành lẽ phải này để thắng bá quyền, bành trướng Bắc Kinh trong những năm tháng tới, mà bọn chủ mưu là các lãnh đạo của Đảng cộng sản Tầu, chớ không phải nhân dân Trung Quốc. Nhân Việt và nhân Trung phải cùng nhau thắng bọn lãnh đạo vô nhân này! Khi tổng kết về khoa học luận trong triết học và đạo đức học trong giáo dục tìm mọi cách cùng sánh vai cùng các tiến bộ của khoa học và kỹ thuật, của kinh tế và truyền thông, triết gia Serres nhận định: *«nous entrons dans une période où la morale devient objective », chúng ta đã vào giai đoạn nơi mà luân lý trở thành khách quan.* Nơi đây con người nắm ngày càng rộng các kiến thức, ngày càng sâu các tri thức, giúp nhân tính «thuần hơn» để bảo vệ nhân sinh, giúp nhân phẩm «hòa hơn» để bảo vệ nhân đạo; cái sáng suốt của minh triết và cái tỉnh táo của luân lý giúp con người ngày càng cẩn trọng trước các chuyện thiệt hại, ngày càng bảo trọng trước các chuyện thiệt mạng.

Quỷ, thần: không biên giới

Những ai nhanh hơn người từ tư duy tới lý luận, vượt trội hơn kẻ khác từ thông minh tới hành động, thì được văn hóaTầu đặt cho nhãn hiệu là: «x*uất quỷ nhập thần»,* chuyện này người Việt chúng ta đã lĩnh hội, tiếp nhận, không có gì là khúc mắc, nhưng có chuyện lạ là trong chính giới của Tầu, từ cổ tới kim, nhất là trong giới quân sư, tư vấn cho lãnh đạo Tầu lại có một câu khác, khi họ thẩm định nhau, khi họ khen nhau: «*mưu thần chước quỷ»*, mà ta cần phân tích sâu thêm (hiểu ngữ văn để hiểu ý định, hiểu ngữ pháp để thấu ý đồ). Chuyện ở đây không chỉ là chuyện chính trị, quân sự, ngoại giao mà mọi kẻ sống nhờ mưu kế trong chính giới đều hiểu được; nhưng nó cũng là chuyện biên giới giữa *nhân* và *tà,* về mặt đạo đức thì hai lãnh thổ *nhân* và *tà* luôn được phân định rõ ràng, theo đạo lý *nhân* thì phải dùng luân lý của *chính tâm* và *thành ý* để loại *tà.* Vì muốn *tề gia*, rồi *trị quốc* để *bình thiên hạ* thì phải có *chính tâm* và *thành ý.* Vì *tà tâm* dẫn tới *tà ý* không chóng thì chầy đưa tới: *tà đạo*, vậy mà giới quân sư, giới lãnh đạo Tầu không những sẵn sàng vào *tà đạo,* mà họ cũng không ngần ngại vào lối của *ma đạo,* không chần chừ làm loại *bá đạo,* để thắng đối phương, diệt kẻ thù. Trước khi đi thêm bước nữa trong lý luận, diễn luận, lập luận về chuyện *«quỷ, thần, không biên giới»* này*,* chúng ta nên khẳng định với nhau ba điều: thứ nhất, *tà tâm* và *tà ý* đưa tới hành vi *tà đạo,* hành động *ma đạo,* hành xử *bá đạo* nằm trong ý đồ *thâm, độc, ác, hiểm*, thường đi kèm với *lừa, tráo, xảo, gian* mà hậu quả qua hệ lụy là *xấu, dở, tồi, thấp,* không những cho đạo đức mà còn cho giáo dục, tức là cho nhân phẩm và nhân tri. Thứ hai, *tà-ma-bá* là loại biện minh thấp trong lý giải *«cứu cánh biện minh cho phương tiện»,* vì có những cứu cánh, những phương tiện không cần qua *tà-ma-bá*, tức là không cần qua *thâm, độc, ác, hiểm,* không cần qua *lừa, tráo, xảo, gian.* Thứ ba, có thể thắng đối phương mà không cần diệt, tức là thanh toán, giết hại kẻ địch, ở đây Phật học đưa ra một định nghĩa về chiến thắng không hề có trong Khổng học và Lão học là: chiến thắng cao đẹp nhất trong cuộc sống là ta cùng thắng với đối thủ, và cả hai cùng nhau bảo vệ sự sống, vượt qua cho bằng được chuyện sát hại lẫn nhau cũng như chuyện sát hại chúng sinh. Đạo Phật có chỗ đúng vững trong văn hóa Trung Quốc vì nhân dân Trung Quốc cần *từ, bi, hỷ, xả* của Phật từ phương xa tới, để vượt thoát một đất nước có quá nhiều *mưu lược gia* mà lại có quá ít *tư tưởng gia*, lại càng vắng tanh các *đạo đức gia* kể từ khi Khổng, Mạnh quy tiên.

*Suy xa phải nghĩ gần*, hãy trở lại lịch sử thanh toán và thanh trừng của ĐCSVN từ ngày thành lập tới giờ, không những họ đã có phản xạ của các đảng cộng sản khác trên thế giới về chuyện dùng bạo lực để phục vụ chuyện độc tài, độc quyền, độc tôn của họ khi chiếm lĩnh chính giới, mà trong ảnh hưởng giáo dục chính trị của Tầu tà; mà họ đã bị thâm lậm các độc tố của phương thức *«quỷ, thần, không biên giới»,* trong cách hành xử *tà tâm*-*tà ý-tà đạo,* nhiều lần sử dụng *thâm, độc, ác, hiểm* của *ma đạo,* nhiều lần áp dụng *lừa, tráo, xảo, gian* của *bá đạo.* Loại đối nhân xử thế *tà-ma-bá* này được triết gia Trần Đức Thảo đúc kết cuối đời của mình khi trả lời phỏng vấn trong cuốn *Những lời trăn trối,* qua 2 hình ảnh: *«ĐCSVN giết người hôm trước, hôm sau chính họ lại mang vòng hoa phúng điếu, tới khóc trước mộ của nạn nhân»*. Có một điều chắc chắn từ trước tới nay là không ai đọc rõ, hiểu kỹ lý thuyết của Marx hơn Trần Đức Thảo khi ông nghiên cứu và cho xuất bản cuốn *Phénoménologie et Marxisme*. Cũng có một điều chắc chắn là trong lịch sử của ĐCSVN, không có một lãnh đạo nào từ Trung ương đảng tới Bộ chính trị, không có một vị nào đã đọc toàn bộ và nắm rõ từ diễn đạt tới lý luận bộ: *Tư bản luận*, của Marx là cội, nguồn, gốc, rễ để thiết kế cộng sản chủ nghĩa. Các lãnh đạo của ĐCSVN chỉ nghe *trích câu* và *trích đoạn* của các lãnh đạo các đảng cộng sản anh em, hoặc qua các trợ lý chung quanh họ, vì vậy trong gần một thế kỷ mà ĐCSVN chiếm độc quyền lãnh đạo đất nước, ĐCSVN đã không có một công trình học thuật nào về lý thuyết luận, phương pháp luận, khoa học luận về chủ nghĩa xã hội và cộng sản mà họ muốn xây dựng, mà họ ép dân tộc Việt phải theo*.* Không *«cứng vía»* trong kiến thức và tri thức, *«hiểu thấu, suy sâu»* để lý luận và lập luận, nên họ đã vô tình bắt Việt tộc phải trả những cái giá rất đắt, mà thí dụ điển hình là sức ép của Trung Quốc buộc họ phải tổ chức *cải cách ruộng đất* sau 1954, mặc dù Hồ Chí Minh biết là tình hình nông thôn, tổ chức nông nghiệp và cơ cấu văn hóa làng xã của Việt Nam không giống như Trung Quốc. Mặc dù Trường Chinh là tổng bí thư thời đó cũng không đồng ý với đảng đàn anh này, ông vừa muốn hoãn lại, vừa muốn hợp lý hóa các giai đoạn cần thiết về cải cách này, để tránh các chính sách cực đoan, tránh các hành động quá khích, nhưng cũng chính ông phải đứng ra nhận kỷ luật, nhận lỗi và từ chức, sau các sai lầm đầy dẫy chết chóc của cuộc *cải cách ruộng đất* này. Phản xạ phục tùng đảng đàn anh, và đảng đàn anh Tầu đã «nắm đầu» được ĐCSVN cả thế kỷ hai mươi, chuyện này cho ta thấy là các lãnh đạo của ĐCSVN thiếu bản lĩnh tự chủ tư duy, thiếu tầm vóc độc lập suy nghĩ, trong đó nội lực *trí thức* dựa trên *nội công tri thức* của họ thật sự *yếu, kém, thấp, dở*. Các lãnh đạo của ĐCSVN sống trong lệ thuộc không những qua viện trợ của đảng đàn anh Tầu trong nội chiến 1954-1975, mà Việt tộc thấy rõ là họ không có *sung lực phản biện* trên chính trường quốc tế cộng sản, nên họ đã để các đảng đàn anh (Tầu, Liên Xô) thao túng, giật dây họ, mà hậu quả trực tiếp là gieo trên đầu nhân dân Việt Nam những đại nạn của nội chiến. Mà chuyện đau lòng nhất cũng chính đảng đàn anh *Tầu* đã chủ mưu cắt Việt Nam làm đôi tại hội nghị Fontainbleau, 1954, cũng chỉ vì Chu Ân Lai và đồng bọn sợ Mỹ và đồng minh, nên chúng mới lấy đất nước và nhân dân Việt Nam để làm rào chắn chiến tranh, chết thay cho chúng. Chia cắt đất nước Việt bằng vĩ tuyến 17, ngay trong hội nghị Fontainbleau mà Chu Ân Lai và đồng bọn đã chuẩn bị rất kỹ khi đề nghị với Phạm Văn Đồng là dùng sông Bến Hải để phân chia; thì chính Phạm Văn Đồng là người Việt Nam, lãnh đạo tối cao ngoại giao tại hội nghị này cũng không biết là: Việt Nam có sông Bến Hải, và nó nằm ở đâu? Như vậy, thì Tầu biết rõ đất nước Việt hơn người Việt! Con dân Việt phải nghiêm cẩn vì hiện nay Tầu dang thao túng kinh tế, sa đọa thương mại đi cùng với đầu độc thực phẩm, song hành với đưa người trên miền cao là Tây Nguyên, rồi chọn Hà Tĩnh để ra Trường Sa, Hoàng Sa như «với tay chớp nhoáng» khi cần xâm lăng, đây một con tính *thâm, độc, ác, hiểm* không những để xâm lược Việt Nam trên nhiều mặt trận, mà cùng lúc nhẫn tâm hủy diệt thể lực của cả một dân tộc qua ẩm thực và môi trường. Và các nước kề cận như: Miến Điện, Lào, Campuchia cũng sẽ chịu chung một số phận, như Việt Nam, rất ngặt nghèo nay mai. Cái mà Tầu tự khen là *«mưu thần chước quỷ»*, lấy sinh mạng kẻ khác để làm vật tế chiến tranh thay cho chúng chỉ là loại *«mưu tồi chước hèn»*, rất xa lạ với nhân cách giáo lý Việt tộc. Chúng ta đừng quên là cái *«mưu thần chước quỷ»* kiểu Tầu này, đã làm bao trăm ngàn người mất mạng trong cải cách ruộng đất, đã làm bao triệu người thiệt mạng trong nội chiến 1954-1975.

*Suy người phải nghĩ tới ta*: thiếu tự chủ tư duy, thiếu độc lập suy nghĩ, thiếu tầm vóc trí thức, thiếu nội công tri thức, hệ vấn đề này từ đâu ra? Và tại sao nó lại kéo dài cho tới bây giờ như *«nghiệp nạn»* của tri thức, như *«khổ nghiệp»* của trí thức, với hiện tượng *học giả-thi giả-bằng giả* hiện nay trên đất nước của Việt tộc! Nó nói lên ít nhất mười điều! Thứ nhất là sự vô trách nhiệm của chính quyền song hành cùng cái thiếu đạo lý của chính phủ trước kiến thức trong hệ thống giáo dục. Thứ hai là hành vi *lừa, tráo, xảo, gian* đã đưa *ma đạo* vào học thuật, nơi mà cái *giả, vờ, lận, đảo* không có chỗ đứng trong học thuật, mặc dù nó có chỗ đứng trong chính trị. Thứ ba là cái hệ lụy *xấu, dở, tồi, thấp* mặc dù nó có chỗ đứng trong *học hàm, học vị*, nhưng chuyện chính là: *học lực* phải qua *học thật* trong một không gian của *«văn ôn, võ luyện»,* của học thật và thi thật, huấn nghiệp thật và đào tạo thật, giáo dục thật đi cùng giáo khoa thật, giáo trình thật, giáo án thật. Thứ tư là *học gian* sẽ sinh ra *học lóm,* nơi mà *nói liều* một sớm một chiều trở thành *nói điêu,* không tôn sự thật, không trọng chân lý, không quý lẽ phải thì sẽ chịu cảnh *nói giả* và *sống giả.* Thứ năm là *học cóp* sẽ nẩy ra *học mót,* hiểu không tới nơi, thấu không tới chốn, lượm lặt hấp tấp kiến thức sẽ đưa tới bớt xén vội vã tri thức, chưa xuất thế khi đang học, thì *cóp mót* rồi thành tâm loạn *«tẩu hỏa nhập ma»*, gây tác hại không những cho bản thân mà luôn cho xã hội. Thứ sáu là *học phớt* sẽ làm bật ra *học phẩy,* không dám đào sâu trong phân tích, không dám đi xa trong giải thích, không dám lên cao trong giải luận, dễ *«ba phải»* tức là dễ bị thao túng, dễ *«đổi chiều theo gió»* vì không dám bảo vệ chân lý, vừa là rễ của sự thật, vừa là gốc của lẽ phải. Thứ bảy là *học cào* mà không dám *học đào,* cào cho mau để lấy ăn liền, không dùng thì giờ cần thiết để đào tới nơi, để hiểu tới chốn, đào để thấy rõ *rễ, cội, gốc, nguồn* như vậy mới hiểu rõ hơn *cành, lá, hoa, quả;* và *học cào* thì không hiểu tại sao có quả này tốt, quả kia xấu*,* còn *học đào* thì sẽ thấu *rễ mạnh, gốc vững* sẽ cho *trái ngọt, cây lành.* Thứ tám là *học vớt* mà không dám *học cắm,* hành vi *vớt váng* cho nhanh tới từ thái độ *ăn xổi ở thì*, thì không đủ quả cảm và quyết đoán để *cắm sào* mà *«nằm gai nếm mật»* với học thuật, suốt đời *tầm sư học đạo.* Thứ chín là *học nhìn* mà không chí tâm, chí tình để *học thấy,* nhìn mà không thấy thì như không nhìn, vì *thấy để thấu, thấu để hiểu, hiểu để giải, giải để luận, luận để thuật, luận để dụng…* thí dụ điển hình: sáng tạo thuốc nổ là do Trung Quốc tìm ra và chỉ sử dụng để làm pháo hoa, còn phương Tây khi đã *nhìn, thấy, thấu, hiểu* rồi thì *giải, luận, thuật, dụng* để biến thuốc nổ thành thuốc súng, tạo vũ khí, chủ động trong vũ khí luận, để xử lý chiến tranh. Thứ mười là học *lậu* chống học *lâu*, học *lậu* mang chuyện luồn lách vào thi cử, mang chuyện lươn lẹo vào bằng cấp hoàn toàn phản lại học *lâu* dựa vào chữ *nhẫn* để làm nên chữ *nhân*, lấy cái quyết tâm, quyết chí làm nên cái bền lòng, bền trí trong học thuật, học *lậu* đi đường tắt, học *lâu* nhận đường dài, vì học *lâu* muốn làm sáng lên chân lý của tri thức: *«so ra mới biết ngắn dài».*

Hằng số nước đôi

*«Ngôn hành bất nhất»,* lời nói không đi đôi với hành động, có thể sinh ra từ một tâm lý là thiếu tự tin nên thiếu tự chủ trong phát biểu, bỏ quyết đoán chọn *«ba phải»,* nhưng trong phản xạ chính trị của các lãnh đạo *Tầu* thì ngược lại nó tới từ: *hằng số nước đôi,* lúc thì lời nói phản hành động, lúc thì hành động ngược lời nói. Đây không còn là chuyện thiếu tự tin vắng quyết đoán, mà là con tính *xảo* để *lừa*, *lận* để *gian*, ý định xấu chế ra ý đồ ác, sẵn sàng bội tín, chuẩn bị bội nghĩa, vì bội tình đã thành động cơ cho mánh khóe. Cũng trong Tam Quốc, phản xạ «nước đôi» là động cơ cho mọi lời nói láo, mọi câu nói xạo, mà ta có thể gọi là *«nước đôi điểu»* đây dĩ nhiên là hằng số của bọn bị coi là xấu: Tào Tháo và Tư Mã Ý; nhưng lạ là nó cũng là hằng số của nhóm được xem là tốt: Lưu Bị và Khổng Minh, vì vậy nên nó luôn là hằng số của các phái lúc tốt, lúc xấu như Tôn Quyền và Công Cẩn. Khi tất cả các nhóm này chủ trương ba phương sách cụ thể *xảo* để *lừa*, *lận* để *gian*, trong mọi tình huống: *«yếu không nói yếu», «lì không nhận lỗi», «biết sai lén sửa sai, không nhận sai».* Đối với họ, *«sống với sói hổ, phải ác như sói hổ”* là phương châm của tất cả đám này, ở đây ranh giới giữa thiện và ác không những bị xóa bỏ, mà phản xạ *«lừa thầy phản bạn»* được chấp nhận, *«buôn thần, bán thánh»* được tiếp nhận, *«ném đá giấu tay»* được tiếp đón, *«ngậm máu phun người»* được tiếp trao, vì *«khẩu Phật, tâm xà»* đã thành tiếp trợ. *Hằng số nước đôi* còn được Mao Trạch Đông biến thành *hằng số nước ba*: "Đánh vẫn phải đánh, đàm vẫn phải đàm, hòa vẫn phải hòa", khi hắn giáo dưỡng đám đàn em. Cũng chính Mao của tà luận đã hỏi thẳng Lê Duẩn giữa chiến tranh Việt Nam, những năm 1960 là: «…dân Lào, dân Campuchia bao nhiêu người? Đất Đông Nam Á ra sao? Chóng chầy gì thì chúng tôi cũng đưa dân chúng tôi xuống đó!»

Khi chế độ *chuyên chính* rồi *chuyên chế* được áp đặt qua *độc đảng, độc tài, độc quyền, độc quyết* thì càng làm tồi bại hóa các đạo lý của xã hội, vì nó bị đốn tận gốc rễ các luân lý dân tộc. Ở đây cuồng vọng quyền lực sẽ sánh đôi cùng tham vọng tham nhũng quyền hạn, để thành tham ô bằng *bạo sách*, làm chỗ dựa cho *bạo hành* qua công an, *bạo lực* qua quân đội, vì tất cả được lý luận bằng *bạo quyền*, tại đây đồng bào Việt Nam và nhân dân Trung Quốc chịu cùng một số phận: cái ác của bạo chúa phong kiến giờ đây được thay thế một cách xảo trá bởi *bạo đảng độc quyền.* Chuyên chính, chuyên chế, bám vào *độc đảng, độc tài, độc quyền, độc quyết* để tự cho phép *bạo sách, bạo hành, bạo lực*, được kích thích bằng *bạo quyền* vừa tạo ra bất công trong xã hội, vừa sinh ra vô cảm trong luân lý quốc gia, trong đạo lý dân chúng. Các nghiên cứu của khoa học xã hội và nhân văn từ một thế kỷ nay về chế độ cộng sản cho ta thấy rất rõ ít nhất là ba hậu quả:

1. Dưới chế độ cộng sản mang tiếng là đại diện cho giai cấp công nhân, nhưng chính giai cấp này bị bóc lột tồi tệ nhất, mà không được luật pháp hay công đoàn che chở.

2. Dưới chế độ cộng sản, công dân bị cô đơn, cô lập, cô thế nhất trước cơ chế toàn trị mà độc đảng vừa quyết, vừa xét, vừa xử, vừa giam, vừa giết.

3. Dưới chế độ cộng sản, người dân bị căng thẳng tâm thần nhất qua bưng bít thông tin rồi đe dọa qua tuyên truyền, rình rập đồng nghiệp rồi tố cáo láng giềng, đàn áp dân chủ rồi tù đày dân sinh, giam cầm dân chủ và tra tấn nhân quyền*…*

Lời hứa (hảo) thủa nào về thế giới đại đồng của chủ nghĩa cộng sản, đã nhanh chóng chuyển qua các *thủ sách*: định chế hóa đất đai để cướp giật, mà giai đoạn đầu là lấy đất dân biến thành đất chung, mà nhà nước quản lý giành quản lý, giai đoạn sau là cướp đất, cướp của trắng trợn qua tham nhũng, hối lộ. Lịch sử của nhân quyền là quá trình "*bỏ ác theo thiện",* lịch sử của các chế độ cộng sản, nhất là cộng sản Trung Quốc, có hai đàn em là Bắc Triều Tiên và Việt Nam lại là quá trình *"bỏ thiện theo ác".* Lịch sử của dân chủ của nhân loại văn minh là quá trình *«gạt độc đảng, chọn đa đảng»,* còn lịch sử của các chế độ cộng sản, mà chỉ còn lại bốn chế độ quái lạ: Cuba, Trung Quốc, Bắc Triều Tiên, Việt Nam lại là quá trình *«bám độc quyền để diệt đa nguyên».* Đây là thực chất rất khác nhau giữa các chế độ *«vì dân»* và các chế độ *«chống dân»; «vì dân»* thì *«cởi mở»* để *«mở cửa», «chống dân»*thì *«đóng cửa»* để *«chuyên quyền ». «Vì dân»* thì *«mở cửa»* để đón *nhân tri, nhân phẩm, nhân đạo*, tức là tài năng và đức độ của *nhân sinh, nhân tình, nhân loại;* còn *«chống dân»*thì ngược lại: diệt *nhân tài* để hủy *nhân trí*. Trước mắt phương Tây của dân chủ và nhân quyền, thì ba chế độ còn sót lại nằm ngay Á Châu: Trung Quốc, Bắc Triều Tiên, Việt Nam, nói lên ít nhất ba *«ẩn số bất nhân»*: lấy độc đảng ép nhân tính, lấy độc quyền siết nhân trí, lấy độc quyết bóp nhân phẩm. Nhân đây, chúng ta sẽ phân tích một chuyện khác sâu sa hơn trong cách hình thành Khổng giáo và Lão giáo tại Trung Quốc, rồi tìm hiểu cách tiếp cận Khổng, Lão tại Việt Nam, trong đó thượng nguồn của Khổng học là đạo đức học xoay quanh *quyền lực học*; ngược lại tại Âu châu nơi sinh ra nhân quyền và dân chủ, thì ngược lại: quyền lực phục vụ cho *tự do học*. Cũng vậy, Lão học là *nhân học thời thế xoay quanh một trụ quyền lực trung tâm*, một loại quyền lực chống đa nguyên, diệt dân chủ, loại nhân quyền, vì Lão không có một niềm tin gì về: tự do của chủ thể, là nguồn cội của nhân quyền trước mọi quyền lực. Cho nên, vô tình hay cố tình, Khổng và Lão đã *"quan trường hóa"* nhân sinh, "*quan liêu hóa"* nhân tính, *"quan lại hóa"* nhân trí. Do vậy, Nho học một phần có tội đối với người Trung Quốc, mà người Việt nên nghiêm cẩn, khi hấp thụ văn hóa *Tầu*. Diễn luận này có tầm thiết yếu của nó, đây sẽ là cơ sở của lý luận, và cũng là định đề để *thoát Trung-tránh Hoa* không những trước bọn tầu tặc của Đảng cộng sản Trung Quốc hiện nay; mà còn để *bỏ Trung-gạt Hoa* một cách có lý trí, có lập luận mà Khổng, Lão đã ảnh hưởng thật sâu đậm vào cổ sử, cổ văn của Việt tộc từ bao lâu nay! Vậy thì tổng luận của ta là gì? Là *"quan trường hóa"*, "*quan liêu hóa"*, *"quan lại hóa"* sẽ sinh ra *quân sự hóa* đất nước, *công an hóa* xã hội, *binh pháp hóa* chính trị, làm căn cớ cho *bạo quyền* dụng *bạo lực*, làm chỗ dựa cho *bạo đảng* vận *bạo hành*. Đây là một tổng kết cần thiết để cho chúng ta thấy là động cơ của *quân sự hóa*, *công an hóa*, *binh pháp hóa* chỉ có thể là: *bạo động.* Từ tổng luận qua tổng kết để tới tổng quan: Việt tộc phải thoát ra khỏi vòng vây vô nhân này mà tên gọi và số kiếp của nó là: *độc đảng, độc tài, độc quyền, độc quyết,* mà ý đồ và ma lực của nó: *bạo quyền, bạo lực*, *bạo động, bạo hành* qua *bạo đảng*.

Trở lại cổ sử Trung Quốc, nhân dân Trung Quốc có thể ca ngợi sự nghiệp của Gia Cát Lượng, nhưng giới chuyên gia về Trung Quốc học, ngày càng thấy rõ là ông không có *minh tâm dũng chí*, ông dùng người không liêm chính, *nhân thuật* của ông không có *nhân đạo* cũng chẳng có luôn *nhân phẩm*, có lúc ông còn là kẻ chuyên quyền ở thế vô nhân (tính). Tôn thờ ông vô điều kiện, thì giáo dục Tầu có *«ẩn số»,* lương triTầu có *«biến số»,* và nếu Tầu mà lấy gương của Gia Cát Lượng để *đối nhân, xử thế* với nhân loại, thì liêm sỉ Tầu có *«tà số».* Mưu lược gia như Gia Cát Lượng không có hằng số của nhân tính, cũng như Trung Quốc có tư tưởng gia như Khổng, Lão, Mạnh, Trang, dạy cách làm người hợp với đạo trời, kêu gọi nhân sinh lấy thiên mệnh để phục tùng thiên tử, chớ Trung Quốc không có triết học biết đào sâu mâu thuẫn giữa tự do và quyền lực trong chính trị học, để chế tác ra *chủ thể nhân tính* lấy dân chủ để bảo vệ nhân quyền. Phải đi thêm bước nữa trong lý luận để tìm ra cái khác biệt giữa *mưu lược gia* và *chính trị gia*, vì khi mưu lược phải dùng mánh khóe chỉ để lừa đảo, thì chính trị gia có nội công nhân tính, có nội lực nhân bản sẽ luôn có nhân sinh quan sâu hơn, có thế giới quan rộng hơn, có vũ trụ quan cao hơn là mánh khéo, chỉ biết lừa để thắng. Đây cũng là bi kịch của Tầu hiện nay, là nước lớn nhưng không có phong cách đại quốc như Mỹ không cần *trộm, cắp, cướp, giựt* đất, biển, đảo của láng giềng mà tạo ảnh hưởng không lãnh thổ, không qua biên giới mà qua tự do, dân chủ kiểu Mỹ, đó cũng là phong cách văn minh của Âu châu khi dụng nhân quyền, làm ra chỗ đứng trong văn hóa và văn hiến của nhân loại. Những người trí thức Trung Quốc liêm chính mà tôi quen biết, họ ý thức rất rõ cái tư cách *thấp, hèn, tồi, dở* qua chuyện *trộm, cắp, cướp, giựt* đất, biển, đảo, và họ không hãnh diện gì về các mưu mẹo *thâm, hiểm, độc, ác* của chính quyền Tầu hiện nay đối với các láng giềng tại châu Á, rồi bây giờ lại châu lục đói nghèo Phi châu, và từ lâu nay đối với thế giới văn minh của dân chủ và nhân quyền.

Những người Trung Quốc trong di dân rồi nhập cư tại phương Tây, biết ngày ngày học lối sống đẹp của các nước văn minh, họ phải công nhận là Tầu đối đãi không hay, không lành với láng giềng, với bá tánh, nhưng thế giới còn lại thì không đối xử tàn tệ lại với họ, những người Hoa này còn lương tri nên họ thường tâm sự là họ rất ngượng về cái *tồi, tục, thấp, dở* của chính quyền họ, cái *lanh, xảo, đảo, lừa* của Đảng cộng sản Tầu hiện nay. Trong tai nạn buôn người di dân gốc Phúc Kiến qua Âu châu, các nạn nhân bị dồn nén và chết ngộp trong xe chở động vật từ eo biển Dover vượt biên vào Anh quốc thủa nọ, người phương Tây thấy rất lạ là Đại sứ quán Trung Quốc hoàn toàn vắng mặt, cũng không có một người Trung Quốc nào tham gia vào việc mai táng, trong khi đó người phương Tây chăm lo chu đáo cái đám tang tập thể này. Người ta còn ngạc nhiên hơn khi thấy các trẻ em của nước sở tại đã tới tham gia, trong tay chúng cầm đồ chơi do Trung Quốc sản xuất, và biết cảm ơn qua câu: *«đ*ồ chơi mà chúng cháu chơi có thể do một trong số người *Trung Quốc bị chết này* góp phần làm ra". Cái *tâm tình* trong *ân nghĩa* trong câu này là nhân dạng sáng ngời chất văn minh của các xã hội có *tâm dân chủ* nên có *nghĩa nhân quyền*. Chính các trí thức chân chính của Trung Quốc cũng thừa nhận là giáo dục Tầu làm ra con người Tầu: *xem nhẹ* tính mạng của bản thân mình, nên *xem thường* tính mạng quốc dân mình, để rồi *xem thấp* tính mạng của tha nhân. Khi chính bản thân mà *xem rẻ* sinh mạng mình thì sẽ coi số phận của nhân loại chẳng ra gì nữa, lại càng không hiểu tại sao người khác (người dưng nước lã) quý trọng lại sinh mạng mình. Tâm lý bàng quan thì sinh ra tâm thái dửng dưng, tâm thần thờ ơ, tạo ra tâm trạng lãnh đạm, thậm tệ hơn khi thấy người khác bị giết hại, có khi thấy hào hứng kích động. Trong lịch sử Trung Quốc, giai cấp thống trị Tầu cũng có thói lạ là đưa các cuộc hành hình, xử trảm để hoạt náo đám đông. Còn đám đông dân chúng trị thì hưởng cảm giác hưng phấn trước chết chóc của người khác, biến cái *vô cảm* ra cái *khoái cảm*. Những thói quen *"xét trảm trước công chúng"* không hề rời lịch sử Trung Quốc. Đạo đức học không sai khi phân tích: hạ thấp sinh mạng tha nhân chính là hạ thấp sinh mạng của bản thân mình. Thác Bạt Hoành (Hiếu Văn Đế, triều Bắc Ngụy) đổi tên nước Nhu Nhiên thành Nhu Nhu ("sâu bọ"), rồi sau đó ông bị chính Nhu Nhiên đánh bại, như vậy Thác Bạt Hoành đâu có hơn «sâu bọ»!

**Nhân *thuật* hay nhân *đạo,***

Trong giờ hấp hối của Trần Hưng Đạo, vua Trần Anh Tông rất lo, lộ ra lời nói là: *“Nếu tướng quân qua đời mà bọn giặc Tầu phương Bắc trở lại đánh chiếm nước ta thì phải làm sao đây?”*, Hưng Đạo Vương, trọn ý, ít lời, nhưng luận thuyết rất rõ ràng qua một mô hình cứng cáp, đúng với sự thật, trúng với chân lý, đủ với lẽ phải, trong đó *nhân đạo* dìu dắt *nhân thuật*: *“Cả Nước một lòng… rễ sâu, gốc vững”. Nhân thuật,* nếu là nghệ thuật dùng người, thì Việt tộc xem nhân thuật như chất keo sơn của dân-quân, làm được chuyện *dời non lấp biển* chống ngoại xâm, ba lần đánh bại quân Nguyên. Nhưng trong truyền thống chính trị Tầu thì *nhân thuật* trước hết được (hoặc bị) hiểu là: cách *bầy mưu đặt kế,* trong đó con người chỉ là các con cờ. Hai nhân vật mang tên và mang tiếng *mưu thần chước quỷ* là Tào Tháo và Tư Mã Ý có một cuộc đối thoại, bắt đầu bằng câu hỏi của Tào Tháo: *“Minh sư có biết tại sao bàn chân con người trắng hơn mặt người và bàn tay người không?”,* Tư Mã Ý là quân sư nhưng luôn coi tướng công Tào Tháo là thầy của mình về mưu lược, trả lời: *“Tại hạ không biết”,* Tào Tháo dạy: “*Vì bàn chân con người được giấu rất kỹ!”. Tâm tư* phải giấu kín, thì *tâm địa* phải giấu kỹ! Tư Mã Ý *tâm niệm* bài học này, biến chuyện *giấu kỹ* thành chuyện *giấu lâu,* trong suốt quá trình phò nhà Ngụy, và chỉ một ngày với thời cơ thuận tiện khi triều đình Ngụy đi ra khỏi hoàng thành để lễ cúng, thì hắn đã tổ chức đảo chánh rồi cướp ngôi, giành quyền. Khi Tào Cẩn, con cháu giòng chính thống của Tào Tháo bị Tư Mã Ý truy sát, thì Tào Cẩn có thốt ra một câu với Tư Mã Ý: *«Tư Mã Ý, ngươi chỉ cần một ngày mà xóa được bốn đời nhà Ngụy!»* Tư Mã Ý nguội lạnh trả lời về mô hình nhân thuật *giấu lâu-giấu kỹ* của mình: *“Trong đời, ta tung kiếm chỉ một lần, nhưng ta đã mài kiếm cho thật bén từ bao năm nay”.* Trong cái khác biệt giữa nhân Việt và nhân Trung, ta rất khác Tầu, nhưng muốn đối trọng, đối kháng, đối đầu với Tầu, và thắng Tầu thì ta phải biết:

\*Các khu vực *trắng* của não bộ đầy *ý đồ*, đang được chúng *giấu kín*, như *dã tâm* luôn được *vùi, đóng, che, đậy* chờ cơ hội để thành một sự thật tàn nhẫn, mà mục đích là để diệt tận gốc rễ đối phương.

*\*Giấu kín* tức là *giấu lâu* và *giấu kỹ,* dùng phản công qua *nhẫn tâm* để thành công trong đột xuất.

*\*Giấu kín-giấu lâu-giấu kỹ*, đột xuất tạo bất ngờ, khiến đối thủ không kịp trở tay, mất thời gian cần thiết, mất cả không gian căn bản của mình và sẽ không còn chỗ dựa trong chính địa bàn của mình.

Để bị lấn đất, chiếm đảo, đoạt biển cùng lúc bị ức chế trầm trọng hai nguồn sông chính của đất nước có thượng nguồn là Trung Quốc: sông Hồng miền Bắc và sông Cửu Long miền Nam, lại bán qua «ủy quyền» từ Tây Nguyên tới Hà Tĩnh, một không gian rất dễ cắt đôi đất nước, sai lầm đã thành lỗi, và khi «Tầu (trắng chân) ra tay diệt Việt tộc», thì lỗi sẽ thành tội! Các lãnh đạo ĐCSVN hiện nay phải ra khỏi *«vòng vây trắng»* này, đang được Tầu *giấu kín-giấu lâu-giấu kỹ*! Suy ngẫm sâu hơn nữa các thế hệ lãnh đạo ĐCSVN từ khi lập đảng1930 cho tới nay đã gần một thế kỷ, và khi ta áp dụng xã hội học chính trị để phân định các thành phần lãnh đạo, ta nên có phương pháp luận phân loại các lãnh đạo (rất khác nhau) qua bốn thế hệ sau đây:

1. Thế hệ n°1, *tham vọng quyền lực để phục vụ cách mạng* (Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng) lấy nội dung cách mạng cộng sản làm động lực cho giải phóng dân tộc.

2. Thế hệ n°2, *chiếm lĩnh quyền lực để phục vụ chiến tranh* (Lê Duẩn, Lê Đức Thọ) lấy nội dung chiến tranh để phục dịch cho độc đảng trong chuyên chế tuyệt đối.

3. Thế hệ n°3, *nương tựa quyền lực để cứu nguy kinh tế* (Võ Văn Kiệt) lấy nội dung cởi trói miền Nam để tương đối hóa quan liêu miền Bắc.

4. Thế hệ n°4, *cuồng vọng chuyên quyền để tổ chức tham nhũng*, từ đầu thế kỷ này, sau 2000, lấy phân nhóm theo các *«hệ quyền lợi tiểu triều»* từ Trung ương đảng tới Bộ chính trị, cũng cố hệ thống công an (bạo nô) để toàn trị xã hội.

Các thế hệ này có những đặc điểm tổ chức chung chung của một đảng cộng sản từ khi có cách mạng cộng sản tại Liên Xô và Trung cộng: *bạo động với xã hội, bạo hành với dân chúng, bạo lực với nhân quyền, bạo đảng với dân chủ*. Trong đó guồng máy đảng nghiến lương tri, cơ chế đảng nuốt lương tâm, và không quên ngày đêm hủy diệt các lực lượng lương thiện của xã hội dân sự. Các nội dung này có thể kiểm chứng qua đời sống hằng ngày của xã hội, dân tộc, đất nước hiện nay, thí dụ rõ nhất là tư lợi tài chính của một số rất ít lãnh đạo khi đã «hòa điệu» cùng phản xạ tập thể của ĐCSVN phải dựa vào ĐCSTQ-đảng cộng sản Trung Quốc, để bảo trợ được sống còn. Từ đó tăng cường chế độ công an trị của ĐCSVN đã dẫn tới bi kịch mà ta có thể gọi tắc là 3C (*bối cảnh-hoàn cảnh-thực cảnh*, cũng cùng ngữ văn 3C trong tiếng pháp: *contexte-conjoncture-circonstance*) để giải thích hành vi mà hiện nay dân Việt gọi là: *«bán nước cho Tầu»* của ĐCSVN, trước số phận chỉ mành treo chuông của Việt tộc. Muốn hiểu diễn luận rồi giải luận 3C, chúng ta phải vào nội chất của tư lợi cá nhân, luôn lén lút tạo bè nhóm để thao túng tập thể lãnh đạo để sau đó dùng tập thể này kích động một đảng cầm quyền trong quá trình khống chế xã hội, có thể đưa dân tộc của một đất nước vào họa bị ngoại xâm. Cụ thể là trong đó tư lợi tuyệt đối của vài lãnh đạo tối cao sẵn sàng «bán nước», rồi «giật dây» bằng *tính tùy thuộc* của bè nhóm và vây cánh dang nắm guồng máy lãnh đạo, từ đó dùng bè nhóm vây cánh này để tạo ra (thảm cảnh và bi kịch) *vô trách nhiệm toàn diện* của một đảng phái. Phạm trù *vô trách nhiệm toàn diện* không những bị cấm bàn bạc trong hệ thống đảng, mà cả trong pháp trường của tư pháp, lẫn trong hiện trường của Quốc hội, bị chuyên chính của ĐCSVN áp chế. *«Nội chất»* của tư lợi cá nhân tạo ra *«tội chất»* vô trách nhiệm của tập thể đảng, bắt các chuyên gia của khoa học xã hội và nhân văn khi phân tích quá trình từ *«tha hóa»* của ĐCSVN qua *«họa hóa»* Việt tộc, phải đưa vào phân tích và giải thích của ta: *«nội tính»* của tư lợi bè nhóm nơi mà sự ích kỷ của mỗi cá nhân lãnh đạo không những ở trên quyền lợi tập thể, ở trên quyền vị cộng đồng, mà còn ở trên luôn cả vận mạng của một dân tộc. Cụ thể là *khoa học luận* của khoa học xã hội và nhân văn không cho phép ta u mê khẳng định 3 chuyện không đúng sự thật: *«tất cả người Việt đều yêu nước», «lãnh đạo thì yêu nước hơn thường dân», «lãnh đạo tối cao thì không bán nước»*; tất cả 3 điều này đều có thể sai trong khoa học trong xã hội và nhân văn, nó lại càng sai trong lịch sử của Việt tộc và tiếp tục sai cho bất cứ ai tuyên bố các loại câu này. Vì trong dân tộc Việt đã có: Trần Ích Tắc, Kiều Công Tiễn, Lê Chiêu Thống… và trong ĐCSVN đã có Hoàng Văn Hoan, và sắp tới sẽ có các Hoàng Văn Hoan mới.

Xã hội dân sự hiện nay vẫn là nơi cụ thể nhất để bàn bạc, đối thoại, lý luận, lập luận, giải luận, diễn luận về hiện tượng trầm trọng này qua các mạng xã hội sử dụng hệ truyền thông vừa đại chúng, vừa toàn cầu hóa; và xã hội dân sự qua các mạng truyền thông sẽ vừa là *cơ may* và *cơ chế* (tạm thời nhưng dân chủ nhất) để bảo vệ vận mạnh của một dân tộc. Chuyện này thấy rất rõ trong thảm họa môi trường do Formosa gây ra tại miền Trung năm nay: dân tình miền Trung khốn đốn trong sinh nhai mà phải chờ gần ba tháng mới có thông báo kết luận của chính quyền mà thủ phạm thì cả nước đã biết là: Formosa. Và chính quyền độc đảng này nhận «bồi thường không xét xử»: 500 triệu USD, lại còn tuyên bố với loại ngữ pháp ngụy biện (phản lý-vô luận) với bọn tội phạm môi sinh Formosa là: *«đánh kẻ chạy đi, không ai đánh người quay lại»*, trong khi đó môi sinh biển của đất nước không biết bao giờ mới khôi phục lại bình thường. Vấn đề không phải là *quay đi* hay *quay lại*, mà hệ giải luận chính là phải: *xử lại*! Xử cho công minh, xử bằng liêm sỉ của dân tộc quyết tâm bảo vệ đất nước mình: những lãnh đạo nào đã nhận hối lộ ngay từ thượng nguồn và tiếp tục tham ô cho tới bây giờ, bao che cho các tội phạm môi sinh, họ là ai? Mà đã ký những hợp đồng hơn nửa thế kỷ cho giặc? Bạo đảng trong tội phạm đã sẵn sàng làm bạo nô cho giặc khi đàn áp các công dân yêu nước vì Hoàng Sa, Trường Sa, vì môi trường? Nếu mang ra xử thì sẽ là: hình sự của hình sự, vì nó là tội ác của tội ác. Trong khi đó, nếu có ô nhiễm môi trường như vậy trong một nước dân chủ, thì chuyện gì sẻ xảy ra? Có ít nhất là 10 chuyện tuần tự xảy đến:

1. Bộ trưởng môi trường từ chức kèm theo cải tổ sâu đậm chính phủ đương nhiệm;
2. Thủ tướng nhận lỗi và xin lỗi cùng lúc giao cho tư pháp tổ chức mọi quy trình của pháp luật mà không chừa một kẻ lãnh đạo nào;
3. Thông tin thường xuyên qua báo chí, truyền thanh, truyền hình tức là bám sát diễn biến của sự cố;
4. Đào rộng, đào sâu mức độ điều tra không những của các chuyên gia mà cả của các ký giả chuyên môn trên đề tài của sự cố;
5. Chính phủ có báo cáo hằng ngày qua thông báo và họp báo trong quá trình quản lý sự cố;
6. Các kênh truyền thông tạo các điều kiện dân chủ tối đa cho dân chúng địa phương là nạn nhân trực tiếp của sự cố phá**t** biểu thường trực qua thông tin, tin tức hàng ngày;
7. Các hội đoàn từ thiện và nhân đạo không những được tự do hoạt động mà còn được h**ỗ** trợ bởi chính phủ trung ương và chính quyền địa phương để cứu trợ các nạn nhân;
8. Các báo cáo phản biện của khoa học được trợ lực bởi xã hội dân sự, để có chỗ đứng trung tâm trong các cách giải quyết của chính phủ.
9. Các hội thảo liên tục được tổ chức và công bố các thẩm định khoa học mà chính quyền từ trung ương tới địa phương: phải biết, phải tham dự, phải nghe và phải có chính sách kịp thời;
10. Chính phủ, hàng ngày, hàng tuần vừa phải giải trình các biện pháp thích ứng, vừa phải lắng nghe, trả lời và tìm giải pháp hiệu quả trước các phản biện của xã hội dân sự cũng như của giới khoa học, trí thức, chuyên gia…

Các quá trình này vừa bị bưng bít, vừa bị bóp nghẹt, vừa bị đàn áp, vừa bị vu khống, bởi bạo đảng bằng *bạo hành* của công an, và *xảo tin* của các hệ truyền thông chính thống của ĐCSVN trong những ngày tháng qua.

**Việt mở xua Trung đóng**

*Bạo hành* sánh đôi cùng *xảo tin* là bản chất của *bạo đảng*, trước các biến cố lớn mà đảng không lường trước được thì *phản xạ đảng* là *đóng cửa* vừa để che đậy tội lỗi, vừa trấn áp quần chúng lương thiện đang đòi minh bạch hóa sự thật; *phản xạ đóng cửa của bạo đảng* trước là chặn đấu tranh dân chủ, sau là ngăn đòi hỏi nhân quyền. Vì dân chủ và nhân quyền là *mở cửa* để vừa có thông tin, vừa luận giải về sự cố, vừa đòi hỏi tin tức, vừa cảnh tỉnh ý thức tập thể! Phản xạ *đóng cửa* là phản tiến bộ và văn minh, hành động *mở cửa* là liêm minh và chính đại; và liêm minh và chính đại là cơ sở cho quá trình không những để minh bạch hóa sự thật, mà còn để khai thông hóa chân lý, để lập luận hóa lẽ phải. Khi *đóng cửa* là nguồn căn của *«phản dân, hại nước»,* thì *mở cửa* làm căn bản cho *«giúp dân, cứu nước».* Chuyện *đóng cửa* hay *mở cửa* ở đây là chuyện sinh tồn của Việt tộc, luôn nằm trong *hệ mở*, ngược lại mọi chính sách bá quyền, mọi sách lược bành trướng của Tầu phần lớn nằm trong *hệ đóng*, đang cô lập Bắc Kinh trên chính trường quốc tế. Chuyện chiếm biển Đông của Tầu là một *hệ đóng* cụ thể: chỉ chiếm một góc biển Đông mà đã bị thế giới *«đóng* ***s****ập cửa»* qua công pháp quốc tế, qua tòa án quốc tế, *«khôn đất, dại đời»,* dại ở chỗ chỉ làm «mất lòng (tin)» của vài láng giềng Đông Nam Á, mà bị mất đi cả (làng) thế giới đưa ra tòa. Tạo dựng *«quốc tế vị»* qua bành trướng bằng đất, đảo, biển là *dại*, chớ không phải là *khôn*, vì hiện nay chúng ta có một trường hợp ngược lại là: Mỹ và Liên Âu, tạo dựng *«quốc tế vị»* không qua lãnh thổ địa lý mà qua văn hóa, văn minh, văn hiến của dân chủ và nhân quyền. Khi dùng bá quyền đi chiếm đất, đảo, biển của láng giềng thì Tầu tự *đóng cửa* nhốt Tầu, Tầu tự xây *nhà tù* để giam hãm Tầu, nếu có đi lại trong chính trường thế giới thì luôn bị xem như kẻ *trộm, cắp, cướp, giật* mà tòa án quốc tế đã lên án rồi.

Nhân *Việt* nghiệm nhân *Trung,* từ cổ sử, cổ văn tới «chính sử quốc tế» hiện nay, tôi muốn kết luận bài này bằng các nhận định sau đây, vừa mong được có cơ sở để đối thoại với tất cả công dân Việt, đang đau đá**u** vì số phận Việt tộc hiện nay, vừa muốn đóng góp các lý luận để «trông mong» các nhà lãnh đạo thật sự yêu nước biến thành *lập luận đúng* để có *diễn luận trúng* mà giữ nước:

1. C*hính trị học toàn cầu hóa* hiện nay đã khai sáng ra một luận thuyết mới, dựa trên các chỉ báo mới về quy luật chính sự quốc tế hiện đại là: tầm quan trọng của lãnh thổ đã giảm xuống trong thế giới hóa truyền thông và nhân quyền hiện nay, thay vào đó là quan điểm *quốc gia thế* luôn bị chi phối ngày càng sâu nặng *quốc tế vị* của quốc gia đó. Tầm chiến lược thời nay vượt qua yêu sách về lãnh thổ, tránh chuyện *«nhà tù lãnh thổ với láng giềng»*, để có tầm nhìn toàn bộ để tạo dựng thế cho *quốc tế vị*.
2. Bên cạnh kinh tế lớn mạnh Tầu, có yếu tố bất an của một nền kinh tế rất bất an, chỉ vì lòng dân bất an! Lòng dân luôn tạo ra các biến thái trong kinh tế, các chuyên gia có uy tín của Tầu đang vận não và cũng đang chuẩn bị tinh thần cho lãnh đạo Tầu về các hậu quả "ngưng đọng" của kinh tế Tầu, từ các thực tế xã hội có bất bình đẳng trầm trọng, tới các đòi hỏi rất bức xúc về tự do, công bằng mà những đợt sóng ngầm -với tiềm lực của sóng thần- của dân chủ và nhân quyền nay mai sẽ tới, cái *«hưng»* trước mắt sẽ mong manh trở thành cái *«suy»* trong chớp mắt.
3. Mất *quốc tế vị* trong ngoại giao toàn cầu hóa cũng nghiêm trọng như sẽ bị tụt hậu về khí tài trong "quốc gia thế", uy tín quốc tế hiện nay cả Trung Quốc không cao, vì chữ tín của Bắc Kinh thấp, không những đối với các nước láng giềng xung quanh, mà còn cả đối với các châu lục xa Tầu, thiên hạ không thấy *«tấm lòng tầu»,* chỉ thấy *«Tầu trục lợi»,* bá tánh không thấy *«tri âm Tầu»* chỉ thấy *«ích kỷ Tầu».*
4. Trung Quốc có *«nước lớn»* mà không có *«giới hạn lớn»,* chỉ thấy chi tiết lãnh thổ mà để mất cái toàn diện trong vận hành thế giới hóa hiện nay. *«Giới hạn lớn»,* làm ra bản lĩnh *«biết người, biết ta»* để có nhân sinh quan lớn, chế ra nội công *«quý người để trọng chính ta»* để có thế giới quan lớn, tạo ra tầm vóc «*trong ấm, ngoài êm*» để có vũ trụ quan lớn. *«Giới hạn lớn»,* ngược lại với *«đóng cửa»* hoặc xây «nhà tù», mà nó là luân lý của phong cách đại quốc, hiện nay nước Tầu lớn, nhưng phong cách Tầu không lớn! Chỉ vì nhân cách lãnh đạo Tầu nhỏ.
5. Tư duy sai của lãnh đạoTầu hiện nay trong nhận định tình hình về sự «bao vây chiến lược» do Mỹ chủ xướng để chống Trung Quốc, trong khi đó Mỹ đã bước qua từ lâu quan niệm hạn hẹp của địa lý quân sự, đã vượt qua địa lý phòng sự, và đang ở một dạng hoàn toàn khác, mới trong đó khoa học quân sự nắm toàn cục qua truyền thông để xử lý địa lý quân sự, cụ thể là nắm nhân quyền để *«xử trảm»* bá quyền.
6. Trung Quốc tự cổ xưa đã có truyền thống: hận thù, báo thù, trả thù. Đặng Ngải, tướng Ngụy thời Tam Quốc phá xong Thành Đô, con trai Bàng Đức, tướng Ngụy, đem nam phụ lão ấu cả nhà Quan Vũ ra giết sạch. Lịch sử nội quốc báo thù *kiểu Tầu* tanh máu thiên hạ, lịch sử hận thù, báo thù, trả thù quốc tế Tầu cũng đầy máu láng giềng, mà Việt tộc biết rất rõ qua ngàn năm giữ nước. Nhưng chuyện *kham oán thù* và *ham trả thù* hiện nay vẫn xẩy ra, mà thí dụ gần đây đối với Việt Nam là năm 1979, khi Đặng Tử Bình đã thốt ra câu: *«cho Việt Nam một bài học»* đầy oán hận. Đây là cái tự kiêu nhưng cũng là cái thiếu văn minh của Tầu trước công pháp quốc tế sau khi tòa án quốc tế bác bỏ mọi chủ quyền pháp lý và lịch sử của Tầu trên biển Đông, thế là tất cả láng giềng đều bị đe dọa bằng kiểu «*tập binh Tầu, diễn trận Tầu»* trên biển Đông, đây là khởi điểm của một hành động *«đóng cửa tự sát»* kiểu Tầu.
7. Bi kịch nội bộ lãnh đạo Tầu là *chủ quan độc đảng* nên sinh ra *độc quan, độc kiến, độc quyết* trong phản xạ lãnh đạo, với tình trạng phổ biến là: người có tư tưởng sáng suốt thì không có chỗ đứng trong các quyết sách, kẻ «cầm cương» các quyết sách không có tư tưởng sáng suốt. Người có nhận định tỉnh táo thì không có quyền quyết, còn kẻ có quyền quyết thì thiếu đầu óc toàn diện của toàn cầu hóa. Cho nên khi một số người Việt sợ Tầu, vì luôn thấy Tầu mạnh quá so với ta, thì đây là một nhận định sai, vì trong các thất bại mới sẽ đến với lãnh đạo Tầu là do chính các vô minh, vô tri của họ trước tri thức của thiên hạ, trước kiến thức của bá tánh. Cho nên, khi các lãnh đạo của Campuchia đã sai khi: ủng hộ Tầu, chống tòa án quốc tế buộc tội Tầu phải rời biển Đông, bằng chứng là Nhật Bản đã cảnh cáo ngay tức khắc Campuchia là sẽ ngừng viện trợ và ngoại giao với quốc gia này.
8. Thảm kịch sắp tới của Trung Quốc là khi mang khuyết tật bá quyền, thì mang luôn trọng bịnh bành trướng, chứa đầy *hậu nạn* vì không có *«giới hạn (lớn)»,* bám chi tiết lãnh thổ mà không có toàn diện bản lai, diện mục toàn cầu. Chính trị học luôn có chỗ dựa là xã hội học giáo dục và tâm lý học hành vi của các lãnh đạo một dân tộc, một đất nước; tại đây ta thấy rõ một sự kiện rất khoa học đã bị các lãnh đạo Tầu đã: làm ngơ, bỏ rơi, thờ ơ, ngoảnh mặt, phớt lờ, lãnh đạm, vừa vì vô cảm, vừa vì vô tâm khi các tư vấn quốc nội đã khuyên nhủ và các chuyên gia quốc tế đã khuyên răn là mọi sách lược bá quyền, mọi chiến lược bành trướng đều *thấp, dở, tục, hèn*, nhưng các lảnh đạo tầu: không nghe, không thấy, tức là không *quan tâm* chỉ vì thiếu *chú tâm*, không những trong đạo lý chính trị mà luôn trong tri thức chính trường của họ, đây sẽ là *gốc, rễ, cội, nguồn* của mọi thất bại sắp tới của họ.
9. Trừ Việt Nam và Bắc Triều Tiên, tất cả các quốc gia xung quanh Tầu đều lần lượt cải cách chế độ xã hội: Mông Cổ, Kazakhstan, Hàn Quốc, Philippines, Indonesia..., nhất là Nga, học ngày đêm kinh nghiệm của Mỹ và Liên Âu để có chỗ đứng vững, thế ngồi chắc trong toàn cầu hóa hiện nay. Hiện nay, nếu Trung Quốc không bị đe dọa ngắn hạn về quân sự, thì Trung Quốc bị đe dọa dài hạn và nghiêm trọng về tự do và công bằng, tức là trực tiếp bị đe dọa bởi dân chủ và nhân quyền.
10. Cái mà các người *«yếu vía»,* run sợ trước *«mãnh lực* Tầu*»,* càng cho phép Tầu có hành vô luân *«cá lớn nuốt cá bé»,* nhưng trên thực tế đối những ai *«cứng vía»* trong giới chuyên gia quốc tế về Trung Quốc cũng như về toàn cầu hóa hiện nay đều thấy *«yểu lực»* trong sách lược vô thường -vì bất bình thường- của các lãnh đạo Tầu. *Vô thường* là một sự thật của cuộc sống, một chân lý của cuộc đời, một lẽ phải của nhân sinh, và chính trong *sự thật-chân lý-lẽ phải* này chúng ta phải tìm cho ra chiến lược, chiến thuật để đối trọng và đối kháng với Tầu, không luôn mạnh, không luôn vững, đừng thấy họ *hung* lại tưởng họ *hùng!*

Việt tộc luôn có *hướng ra-lối thoát*, trước mắt thì chúng ta phải giúp các kẻ *«u minh»* vì *«u ẩn»* của quyền lực là các nhà lãnh đạo của ĐCSVN, sau đó tháo gỡ cái *«u tri»* vì *«u khuất»* quyền lợi của các tha nhân đang *«ăn nhờ, sống bám»* vào ĐCSVN là: *nước mất-nhà tan* thì chẳng còn *quyền lực-quyền lợi* gì cả. Nhưng hằng số của câu chuyện chính của chúng ta trong bài này, cũng như trong toàn bộ tiểu luận này là: *đạo lý của Việt tộc là nhâm phẩn Việt, luân lý của Việt tộc là nhân đạo Việt, và giáo lý của Việt tộc là nhân trí Việt.*

**Nhân Việt. N°10**

***(Nhân cách giáo lý Việt tộc)***

**Nhân cách tạo nhân dạng**

***(phong cách dựng tư cách, thể diện lập sĩ diện)***

*Không gian trí thức là không gian của những kẻ yêu tự do và công bằng.*

*Hoài bão tự do và công bằng luôn tác động mạnh mẽ vào các chủ thể chân chính.*

**Tặng ĐỔ THỊ MINH HẠNH**

*Các bạn sinh viên Việt Nam đã học với tôi,*

*Các em, các con thương yêu của thầy,*

*Mes chers étudiants,*

Trong triết học đương đại, có luận thuyết sắc nhọn về *nhân diện* (visage) của triết gia Levinas, một luận thuyết chưa hề có trong lịch sử khoa học xã hội và nhân văn, ông khẳng định: *«Le visage est l’antécédent de la philosophie», nhân diện là tiền diện triết học.* Nói rõ hơn là chuyện *nhận diện nhân diện* giữa người với người chắc chắn là có trước các lý luận, các lập luận của tư tưởng. Vì sao, ông lại *«cả gan»* tuyên bố như vậy? Ông giải luận rõ thêm để tránh ngộ nhận: *«La crainte qui me vient du visage d’autrui», nỗi lo tới từ khuôn mặt của tha nhân.* Chính nhân diện của kẻ đối diện báo động cho ta nỗi khổ, niềm đau của nhân sinh, trước khi chúng ta có những lý luận cho nhân tri, lập luận cho nhân trí! Chúng ta thấy được các khuôn mặt của *dân đen*, chúng ta nhận diện được các nhân diện của *dân oan*, từ đó chúng ta mới có trí lực để quyết đoán, tâm lực trong để đấu tranh, thể lực để dấn thân! Thầy viết thư này tới tất cả các bạn sinh viên Việt Nam đã học với thầy, từ 30 năm qua, trong các đại học tại Việt Nam cũng như tại Âu châu; có bạn gọi thầy xưng em theo thông lệ giáo dục nước nhà; có bạn gọi thầy xưng con, và các bạn có kể là tuổi của thầy đã hơn tuổi cha mẹ của các bạn ấy, nên các bạn mới xưng con. Thầy viết thư này tới các bạn, các em, các con, trong tình hình rất xấu của đất nước chúng ta, mà các bạn đã biết là: thầy luôn đứng về phía những nạn nhân của tất cả các chế độ độc tài, độc tôn, độc đảng hiện nay, đối với Việt Nam thì thầy muốn nói rõ hơn nhé là: thầy đứng về phía *dân đen, dân oan* các bạn à, thầy đứng về phía *nhân quyền và dân chủ* để bảo vệ *công bằng và bác ái,* chọn lựa này có thể đe dọa an ninh cùng tính mạng thầy tới từ những kẻ *thâm, hiểm, độc, ác* của ĐCSVN. Thầy viết thư này tới các bạn, mà từ đầu thư tới cuối thư, thầy sẽ không phê bình, không phán xét bất cứ một ai trong các bạn, và chúng ta đã làm việc từ bao nhiêu lâu nay trên tình thần này: không phê bình, không phán xét về chọn lựa của mỗi cá nhân, vì đây là tự do của mỗi người, và một cộng đồng trí thức thật sự văn minh thì phải tôn trọng tự do cá nhân. Nội dung lá thư này thầy chỉ muốn tâm sự về chọn lựa của thầy, từ năm thầy16 tuổi, giờ thầy đã hơn 60 tuổi: thầy luôn đứng về phía *các người bị áp bức* trong bất cứ bối cảnh nào, tình huống nào, hiện trạng nào, và chắc chắn là dưới bất cứ chế độ nào, bất cứ ý thức hệ nào, thầy muốn nói rõ hơn nữa: *thầy đứng về phía nước mắt* các bạn à! Thầy chọn *đứng về phía nỗi khổ niềm đau* để chống lại bất công và bạo quyền! Thầy không sao vui nổi khi thấy một khuôn mặt đầy nước mắt của một dân đen, thầy không sao yên được khi nhận ra một nhân diện uất ức, gào thét trước bất công của một dân oan. Đây cũng là câu chuyện làm *thầy*, làm *trò*, làm *người* của chúng ta mà mỗi ngày mỗi cá nhân phải tự hỏi ít nhất ba câu thật gọn: *Mình là ai? Mình muốn làm loại người nào trong xã hội? Mình dùng cuộc đời mình để làm gì trong cuộc sống này?*

Thầy luôn đứng về phía chữ: *nhân,* nhưng các giảng bài trong đại học và các hành động cụ thể trong tập thể, trong cộng đồng, trong dân tộc là hai chuyện khác nhau, một bên là kiến thức còn một bên là dấn thân, thầy đã chọn cả hai, thầy vừa viết sách về chữ *nhân*, thầy vừa hành động trực tiếp trong xã hội dân sự, qua sung lực của khoa học xã hội và nhân văn, có bản lĩnh để chế tác kiến trúc cho kiến thức, lại vừa có nội công tri thức để tạo dựng ra trí thức. Tác động vào xã hội bằng chính các kiến thức của xã hội. Thao tác vào nhân văn bằng chính các tri thức của nhân văn. Các loại bài của thầy trong trong tiểu luận này: *nhân phẩm, nhân đạo, nhân đức, nhân tính, nhân nghĩa, nhân trí, nhân tri, nhân bản* … được đăng trên các báo Việt ngữ, trên các mạng xã hội mà các lãnh đạo của chế độ hiện nay đã xem thầy như đối thủ, rồi đối phương, sẵn sàng đe dọa, răn đe, hãm hại theo bẩm tính của họ từ lâu nay. Đây là chuyện hoàn toàn có thể lường được, vì bạo quyền qua *thâm, hiểm, độc, ác* thì luôn mang theo bản chất *tà quyền* qua *xảo, gian, lừa, tráo.* Đối với bạo quyền hiện nay tráo trở trong khái niệm đã thành phản xạ, nếu nó cần ngoại tệ thì một cộng đồng người Việt sống xa quê hương hôm trước là *Việt kiều yêu nước*; nhưng cũng cộng đồng này vì yêu nước, quý nhân quyền, thương dân chủ, thì hôm sau đã trở thành *phản động lưu vong*. Mà bản thân bạo quyền này, họ cũng không đưa ra định nghĩa thế nào là *phản động,* mọi thành tâm gặp gỡ qua hội thảo, hội đàm, hội luận để minh bạch hóa: ngữ vựng, ngữ văn, ngữ pháp này, họ đều tránh, cho tới giờ thầy cũng chưa biết ai là *phản động?* Ta *phản động*hay họ *phản động*? Bạo quyền rồi thì phải *«đổi chữ, tráo ý»* bằng tà quyền, họ chắc chắn là thuộc loại *xấu, tồi, tục, dở* trong nhân sinh; vì họ đi ngược lại *nhân lý*, phản lại *nhân trí*! Nếu không kết luận được câu này thì đừng làm khoa học xã hội và nhân văn! Trước sự đe dọa cùng các xảo thuật bôi nhọ, chụp mũ, vu khống của họ: *thầy không hề sợ!* Các bạn, các em, các con biết thầy rõ hơn bọn xấu này, chúng không có đạo đức vì chúng sẵn sàng hãm hại người ngay, để thực hiện tà đồ của chúng. Trong cuộc đời của thầy, thầy đã cùng mẹ, gia đình trực diện nhiều lần với nhiều bạo quyền và thầy khẳng định hằng ngày trước cái *ác, thâm, độc, hiểm* là: *thầy không hề sợ*! Cũng như tất cả các *tù nhân lương tâm* đấu tranh cho nhân quyền và dân chủ mà hiện nay đang bị trấn áp, hành hung, tra tấn, giam cầm, tù đày … họ không hoảng sợ trước bạo quyền, họ không lùi bước trước bạo lực, họ không chùng chân trước bạo hành, giữ vững chữ *nhân* để chống bạo tàn, giữ nhân cách, nhân dạng cho mình và cho nhân sinh.

Nhân cách tạo phong cách

Chuyện *nhân cách* làm nên *phong cách* không phải là chuyện của cá nhân, ta thấy rất rõ trong tư cách của những lãnh đạo, nhất là những lãnh đạo các cường quốc, mà thí dụ thật rõ là chuyến đi thăm của Tập Cận Bình năm ngoái 2015, tại Việt Nam, thì dân ta xuống đường phản đối, ĐCSVN *sợ mất lòng* và *muốn lấy lòng* Trung Quốc thì ép dân đi đón, và trong cả chuyến viếng thăm tư cách lãnh đạo của Tập Cận Bình là chui rúc và luồn lách bằng *ma thuật* chính trị của *tà, gian, xảo, lừa* với các lãnh đạo giờ đã theo *ma đạo* không có *nhân diện*, cúi đầu làm tay sai cho Hán tặc. Các vị dân biểu ngồi nghe tên Tầu gian này và vỗ tay bài diễn văn của nó ngay tại quốc trường của Quốc hội, các vị không những có lỗi mà có tội với Việt tộc trong lịch sử! Ngược lại chuyến đi ba ngày của tổng thống Obama trong tháng 5 năm 2016 này thì khác hẳn, chính dân Việt ra chào đón ông hằng vạn người, như chào đón thông điệp của tự do, như chào mừng phong cách của dân chủ, dân Việt tự nguyện làm việc chào đón này vì họ khao khát tự do và dân chủ. Chuyện hay hơn, là tổng thống Obama đường đường chính chính ra đường phố, gặp dân chúng, sống nhịp sống của người dân, lại còn gặp các đại diện của xã hội dân sự mặc dù ĐCSVN đã dùng bao xảo thuật -giờ thành phản xạ- để ngăn chặn, để bắt cóc một số người đại diện tích cực cho đấu tranh tự do và dân chủ của xã hội dân sự. Ông Obama thoải mái, khoan thai, ung dung gặp gỡ thanh niên trong bầu không khí tự do trao đổi, dân chủ qua đối thoại. Cũng là hai cường quốc, nhưng Trung quốc chỉ là nước lớn nhưng chui rúc trong *trộm, cắp, cướp, giật* đảo, biển, đất của ta… còn Mỹ qua tổng thống Obama thì rõ ràng có *phong cách đại quốc*, với thông điệp nhân quyền vì nhân phẩm, với nhân cách lấy nhân trí để chế tác nhân tri. *Vàng thau không lẫn lộn* được, biểu tình chống lại cái *thâm, độc, ác, hiểm* của Tập Cận Bình khi hắn tới Việt Nam, chào đón với nụ cười, với niềm tin vào cái *hay, đẹp, tốt, lành* đại diện bởi thông điệp của nhân quyền trong dân chủ của tổng thống Obama, tổ tiên Việt tộc không lầm khi dặn con cháu: *«sống lâu mới biết lòng người có nhân».* Trong ba ngày, vẻn vẹn trên dưới 60 giờ, ông gặp gỡ các lãnh đạo xong là gặp ngay: thanh niên, sinh viên, trí thức, doanh nhân… trong tinh thần trao đổi thành thật và thẳng thắn, đối thoại có lý luận nên kết luận có lập luận. Thế mà, các vị lãnh đạo của ĐCSVN từ trước đến giờ chỉ biết độc quyền lãnh đạo, cả đời và cho tới chết, chưa một lần nào trao đổi thành thật và thẳng thắn, đối thoại có lý luận, kết luận có lập luận với thanh niên, sinh viên, trí thức; cũng như trong lịch sử của ĐCSVN từ ngày thành lập tới nay, không hề có một cuộc đối thoại công khai nào trong lý luận và lập luận giữa các lãnh đạo của ĐCSVN và các từng lớp đại diện cho tri thức dân tộc. Giai đoạn đầu của ĐCSVN, có tướng Nguyễn Sơn âm thầm bảo vệ văn nghệ sĩ trong kháng chiến, và sau khi đất nước thống nhất năm 1975, có cựu thủ tướng Võ Văn Kiệt lẳng lặng bảo vệ vài văn nghệ sĩ miền Nam; âm thầm và lẳng lặng vẫn còn là lén lút, tại sao việc *tốt* lại không dám công khai hóa nó? Đây là cái khác biệt căn bản giữa độc đảng và dân chủ. Câu chuyện *nhân cách* làm ra *nhân diện* của chúng ta trong bài này cũng là *câu chuyện đôi của nhân thế*, nó vừa là chuyện *thức khuya mới biết đêm dài,* nó vừa là chuyện *cháy nhà lòi ra mặt chuột*, trong thái độ và hành vi của hai loại lãnh đạo: dân chủ và độc tài. Tổng thống Obama phát biểu trước quần chúng Việt Nam bằng *nhân tâm* về *nhân quyền* đã *«ăn nên làm ra»* với *nhân trí* vị *nhân sinh*, không một tờ giấy trên tay, trả lời từng câu hỏi mà sức thuyết phục người nghe tới từ *nhân tính* dựa trên *nhân đạo* của kẻ trả lời. Ngược lại không một vị lãnh đạo nào của ĐCSVN đủ *bản lĩnh nhân diện để trực diện* với dân, như vị tổng thống này; mỗi lần các lãnh đạo của ĐCSVN xuất hiện thì nhân cách của họ là đường lối chính sách của họ, nhân diện của họ là quyền lịnh của họ; họ chưa nói thì dân đã biết họ sẽ nói gì, và nghe họ nói thì cũng chẳng học được điều gì! Đây là một thảm họa về *niềm tin*, giữa những kẻ cầm quyền và nạn nhân của họ, gây ra bao hoạn nạn cho dân tộc.Vẻn vẹn trên dưới 60 giờ viếng thăm của vị tổng thống này, thanh niên, sinh viên (nguyên khí của quốc gia) học được không biết bao nhiều điều về thế giới văn minh. Khi tổng thống Obama trả lời xong câu hỏi của ca sĩ Suboi, ông còn yêu cầu ca sĩ này hát một đoạn nhạc *rap* là chuyên môn của cô, và trên diễn đàn, trước quần chúng, ông đã vui nhảy, giữ nhịp cho bài hát. Chuyện này không hề có trong phong cách của các lãnh đạo của ĐCSVN, đừng mong họ *vui-nhảy-để-giữ-nhịp-vui* trước quần chúng! Thứ nhất là trong *tư cách tù quẩn* của độc đảng giờ đã *xơ cứng vì độc tài* nên họ cũng bị xơ cứng luôn về cơ bắp, làm sao *vui nhảy* được; thứ hai là trong phong cách lén lút độc quyền thì không dễ dàng *chia vui* trước quần chúng; không có *tư cách*, lại vắng *phong cách* thì làm sao họ có đầy đủ *nhân cách* để *vui-nhảy-để-giữ-nhịp-vui* trước dân chúng. Chưa hết, ngay bài phát biểu đầu tiên, tổng thống Obama nhắc rõ nhân cách giáo lý Việt tộc của Lý Thường Kiệt: "*Sông núi nước Nam vua Nam ở/ Rành rành định phận ở sách trời*", vị tổng thống này tới từ thật xa, nhưng đã nói hộ cho người Việt Nam chân lý này, trong khi không một vị lãnh đạo nào từ bộ chính trị tới trung ương ĐCSVN, từ chính quyền tới thủ tướng, bộ trưởng, kể cả các đại biểu quốc hội không ai dám nói câu này từ khi Hán tặc đến xâm chiếm biển đảo của chúng ta. Vị tổng thống này cũng không quên nhân bản trong giáo lý Việt tộc khi nhắc tới nhạc sĩ quý yêu Văn Cao: “*Từ nay người biết quê người. Từ nay người biết thương người*”, và kết thúc bài diễn văn đầu tiên trên đất Việt bằng *nhân tâm Việt tộc* qua thi hào Nguyễn Du: “*Rằng trăm năm cũng từ đây. Của tin gọi một chút này làm ghi*”. Đừng trông chờ *nhân cách* của các vị lãnh đạo ĐCSVN thốt ra câu: «*người biết thương người*», muốn thương người trước hết là phải thương dân: bỏ hối lộ, gạt tham nhũng, diệt tham ô, loại đút lót, phải lập tức giúp dân đen, phải tức khắc cứu dân oan, họ không làm được vì họ không biết thương. Đừng mong đợi *nhân tâm* của các vị lãnh đạo ĐCSVN bộc ra câu: «*Của tin gọi một chút này làm ghi*», của-tin-là-vốn-niềm-tin giữa những người còn *nhân cách*, niềm tin không còn vì cái *ác, tà, gian, xảo* của độc đảng đã sinh sản ra bao cái *xấu, tồi, dở, tệ* của độc quyền: chống *niềm tin* thì làm sao còn *sức tin* để làm ra *của tin! Nhân cách chính trị* Obama phát biểu những chuyện chủ yếu nhất về quyền làm người đã làm ra *phong cách chính tri* trong lý luận về dân chủ và nhân quyền, cho phép Obama có *tư cách chính thực* để gần gũi với dân tình Việt Nam trong hội trường, ngoài đường phố… Các tiêu chuẩn *hay, đẹp, tốt, lành* làm nên từ ba cái rễ của gốc *nhân*: *nhân cách chính trị, phong cách chính tri, tư cách chính thực* không có trong hồ sơ, lý lịch, cũng không có luôn trong chuyện *đối nhân, xử thế* hiện nay của các vị lãnh đạo ĐCSVN.

Khoa học xã hội dạy chúng ta *tính tương quan* trong *quan hệ xã hội* là *tính tương tức* trong *tác động xã hội*, mọi chuyện đều được hoặc bị tác động qua lại trong không gian và thời gian, chuyện *nhân cách* tới từ *nhân phẩm*, chuyện *nhân nghĩa* tới từ *nhân đạo*, cũng như chuyện bất bình đẳng tới từ bất công, chuyện bạo lực tới từ bạo quyền. Trong chế độ độc tài của ĐSCVN hiện nay, có hiện tượng ung thư xã hội mà dân ta xem như là *nội xâm*, có cùng một tác hại và hậu quả như *ngoại xâm* mà hiện nay chúng ta đang gánh chịu từ phía Trung Quốc, đó là tham nhũng, mà chính các kẻ trách nhiệm của Cục chống tham nhũng phải thú thật là chống tham nhũng hiện nay tại Việt Nam là tự sát, là có thể mất mạng bất cứ lúc nào, mà ai cũng biết thủ phạm chính là những kẻ đang cầm quyền và đã cơ chế hóa tham nhũng. Vậy thì, tương lai trong sáng của Việt tộc để có được một chế độ liêm chính, để bảo vệ giáo lý của mình là lúc nào? Chuyện tưởng khó nhưng thật ra kinh nghiệm hay tốt của thế giới dân chủ đã có đầy đủ để dân Việt thể nghiệm. Trong các nước dân chủ hiện nay, các nhân vật lãnh đạo trong chính quyền phải nhận làm việc *kê khai tài sản cá nhân*; nếu dư luận, báo chí, xã hội khám phá chuyện khai gian của một lãnh đạo, thì lãnh đạo này phải từ chức và phải chịu vào quy trình pháp lý như mọi người dân khác; và không có chuyện như trong ĐSCVN hiện nay là *«xin lỗi»* và *«tiếp tục giữ nhiệm vụ mà Đảng đã giao phó»*, như kiểu nói của cựu thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng. Nhưng câu chuyện nhân cách của chúng ta hiện nay có tầm cao hơn, tức là phải tìm cách chuyển hậu quả tiêu cực của tham nhũng qua chiều hướng thông minh vì kiến thức tích cực, để phục vụ cho nội dung tri thức của Việt tộc. Cụ thể chúng ta có thể đề nghị trong lúc chờ đợi một chế độ thật sự dân chủ cho đất nước, thì chúng ta mong có càng sớm càng hay: một minh quân sáng suốt, hoặc một minh chủ tỉnh táo, hoặc một minh chúa dũng lược làm được chuyện *tổng kiểm kê tất cả tài sản cá nhân của tất cả các lãnh đạo của ĐCSVN* rồi minh bạch hóa qua thống kê, qua kế toán cho dân chúng biết, tiếp theo là tịch thu các tài sản từ tham nhũng mà ra, đầu tư trực tiếp phục vụ cho *nhân sinh* và *nhân trí*. Bối cảnh hợp tác quốc tế rất thuận lợi hiện nay đã trợ lực cho công pháp quốc tế có đầy đủ các phương tiện công lý để kiềm giữ, kiểm tra các tài sản của các lảnh đạo làm giầu qua tham nhũng, và trả lại cho những dân tộc nạn nhân tham nhũng các của cải này; Châu Phi hiện nay là một thí dụ hiện thực. Chúng ta có thể lập ra một giả thuyết về số tiền khổng lồ tới từ tham ô, tham nhũng, hối lộ, đút lót, khi thu hồi được thì dân Việt Nam đủ sức lập ra một *đồ án chiến lược chống nghèo nàn, lạc hậu* qua *phương án khai phá dân trí* trong *phương trình học thuật vị khoa học.* Phương trình này lấy sáng tạo từ trí thông minh qua một hệ thống giáo dục chặt chẽ để chế tác ra một nền tảng tri thức vững mạnh cho các thanh niên, sinh viên, trí thức sáng tạo trong kỹ thuật, kỹ nghệ, công nghiệp… như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, là ba quốc gia có cùng nôi văn hóa, văn minh, văn hiến với Việt Nam trong tam giáo đồng nguyên, họ đã thành công thì không có lý do gì Việt tộc không thành công. Chúng ta thành công trong phương trình này thì con cháu của chúng ta sẽ *thoát kiếp lao nô* cho ba nước láng giềng này với lương thấp, bị bóc lột, điều kiện lao động tồi, chúng ta phải lấy lại *nhân cách giáo lý Việt tộc*. Đây là chuyện *nhân cách* của các lãnh đạo hiện nay, lãnh đạo mà không làm được chuyện này thì không có *phong cách* để lãnh đạo! Và, trong lúc chờ đợi (không biết đến bao giờ) sự xuất hiện của các minh quân, minh chủ, minh chúa, thì mọi cá nhân lãnh đạo tốt, hoặc mọi lực lượng lãnh đạo lành trong Trung ương đảng, nhất là trong Bộ Chính trị hiện nay đều có thể trở thành: minh quân, minh chủ, minh chúa, với sáng suốt, tỉnh táo, dũng lược của mình, hoặc của nhóm mình; và họ sẽ được xã hội ủng hộ, sẽ được dân chúng tin yêu. *«Lấy công chuộc tội»* là chuyện *«cơm bữa»* trong đạo lý chính trị; hôm trước là tội phạm của tham ô, hôm sau làm chủ thể tích cực cho chuyện *đổi đời* qua hướng *hay, đẹp, tốt, lành* cho nhân sinh là chuyện *«đi chợ»* hằng ngày trong luân lý chính trường, phong cách này luôn đúng cho những ai nắm vận mệnh đất nước với bản lĩnh của minh quân, nội công của minh chủ, tầm vóc của minh chúa.

Tocqueville, một Bắc Đẩu trong chính trị học về các thể chế dân chủ, đã sáng suốt khi nhận định không gian trí thức là không gian của những kẻ yêu tự do và công bằng: *«l'espace intellectuel constitue des passions générales et dominantes où s'impose le désir de la liberté et de l'égalité», không gian trí thức được xây dựng từ ham muốn tự do và công bằng*. Hoài bão tự do và công bằng luôn tác động mạnh mẽ vào các chủ thể chân chính chọn con đường chính trị, nếu các chủ thể này bị thoái hóa thì chính họ sẽ bị không gian trí thức *dò, xét, hỏi, tra* về thái độ, về hành vi để lột vạch thật rõ bản chất của họ; đây là một *hằng số* từ khi có thực thể dân chủ. Không gian trí thức này được gầy dựng từ các *phân tích nhân lý* để chế tác ra các *giải luận nhân tri,* chống lại các chế độ độc quyền trên quá trình trở thành bạo quyền; văn hóa của không gian này là nhân bản, văn minh của không gian này là nhân tính, văn hiến của không gian này là nhân đạo, nó luôn luôn đa nguyên để chống độc tài, nó luôn luôn đa trí để chống độc đảng, trong đó vai trò của trí thức là chống lại cái cực đoan của toàn trị, trong đó chức năng của trí thức là chống lại cái quá khích của độc tôn.

Hugo, tác giả *Những kẻ khốn cùng* nhưng cũng là tư tưởng gia về công bằng xã hội, ông luận giải rằng nếu vai trò và chức năng của trí thức là đấu tranh vì tự do và công bằng, thì trí thức phải nhận diện ra vai vóc của mình: *«les intellectuels s'appuient sur le peuple et le guide sur le chemin du progrès », trí thức có chỗ dựa là dân và đủ lực để hướng dẫn dân trên con đường tiến bộ*. Có *tri thức* làm *ánh sáng* cho *trí thức* thì ánh sáng này có thể ở dưới nhiều dạng khác nhau: phân tích để đề kháng, giải thích để đối kháng, diễn luận để đấu tranh… chống lại cái *bóng tối* của độc tài, độc quyền, độc tôn, độc đảng. Ánh sáng này ngày càng mở, lan tỏa rộng không những qua đa nguyên của các khám phá khoa học, kỹ thuật mà qua luôn cả đa trí trong sức mạnh của toàn cầu hóa hiện nay: lấy *nhân trí* để bảo vệ *nhân quyền*. Kiến thức không còn là công thức hoặc mô hình mà đã sinh động trong thực dụng để kết thành *mạng truyền thông*, chính các mạng truyền thông đã thành *mạng xã hội*, rồi mạng xã hội đã thành *mạng chứng từ pháp lý* chống bạo quyền, giờ đã là thành mạng *chứng nhân công lý* chống bạo lực. *Không gian trí thức* làm ra *môi trường trí thức* chế tác ra *thành phần trí thức* (l’intelligentsia) tác tạo từ *kiến thức* làm ra *trí tuệ*, không cần qua hội đoàn, công đoàn, cũng không cần luôn đảng phái. Kiến thức được nuôi dưỡng từ thảo luận tới tranh luận qua hội đàm, hội thảo, hội nghị, nên kiến thức không cần bè đảng, trí tuệ không cần phe nhóm. *Không gian-môi trường-thành phần trí thức* vừa có tính bộc phát chớp nhoáng chống bất công, bạo quyền, vừa có tính bền bỉ qua nghiên cứu dài hạn, điều tra dài hơi, để xác định *sự thật khoa học* trong *chân lý học thuật* tạo dựng ra *lẽ phải nhân tri*. *Không gian-môi trường-thành phần trí thức* này *tự khai, tự báo, tự quyết, tự kết* trong quá trình *tự xây dựng* kiến thức cho trí tuệ của mình! Lấy *quyền* để *quyết* trong chính trị, lấy *tiền* để *buôn* trong thương mại không có chỗ đứng trong không gian này, chỉ có cái *chính* của sự thật được kiểm qua cái *chứng* của chân lý để thành cái *lý* của lẽ phải mới có chỗ đứng, ghế ngồi trong không gian này. *Không gian-môi trường-thành phần trí thức* này từ trước tới nay vẫn là thành trì cho lương tri xã hội, thành lũy cho lương tâm nhân loại. Trong không gian mà *kiến thức* làm ra môi trường cho *trí tuệ* và *tri thức,* để tạo ra thành phần *trí thức*, thì *cấu trúc lý trí* của nó phải tới từ *khách quan* qua thực nghiệm khoa học, các ý thức hệ chủ quan không có đường đi lối về trong không gian này, và độc tài lãnh đạo qua chuyên quyền độc đảng thì lại càng không có cửa trước để vào, không có cửa sau để ra. Vì sao? Vì *kiến thức, trí tuệ, tri thức, lý trí* không thể khuất phục được, không thể thuần hóa được, tức là không thể *trộm, cắp, cướp, giật* được mà phải học: *học mới hiểu, hiểu mới biết, biết mới nghiệm, nghiệm mới chứng, chứng mới giải, giải mới luận, luận mới lý, lý mới kết*!

**Phong cách dựng tư cách.**

Hegel tìm cách đưa *tri thức* đi xa hơn nữa khi lý giải là *tri thức tự tư duy* (trí thức tự suy nghĩ), vì tư duy là xếp đặt dữ kiện trong trật tự, minh chứng dữ kiện qua minh bạch của chứng từ, xây *trí tuệ* thành hệ thống. *Tri thức tự tư duy* là một tổng thể hoàn chỉnh: *có học, có hiểu, có biết, có nghiệm, có chứng, có giải, có luận, có lý, có kết*. Hiện trạng giáo dục Việt Nam hiện nay đang đi ngược hoàn toàn lại quy trình *giáo khoa trí tuệ* này, một thí dụ làm trò cười cho các chuyên gia quốc tế khi nghiên cứu về *giáo trình* của môn học với tên gọi là *tư tưởng Hồ Chí Minh,* mà theo các chuyện gia này thì đây là chuyện *«đánh bạc giả»* ngay trong nội dung *giáo án*. Nếu không có định nghĩa tư tưởng là một hệ thống của: *hiểu, biết, nghiệm, chứng, giải, luận, lý, kết* thì sẽ không có tư tưởng; những lời khuyên nôm na dân dã thực dụng tức khắc cho nhu cầu chính trị, những khẩu lệnh dân gian thức thời vì chính sách qua lời nói của Hồ Chí Minh không phải là tư tưởng, vì người học giáo trình này không thấy: *lý luận, lập luận, diễn luận, giải luận*… của nó. Một tư tưởng chính thống thì có lối vào cho phán xét, lối ra cho phê bình, ĐCSVN có đủ bản lĩnh giáo khoa, có đủ nội công giáo trình, có đủ tầm vóc giáo án để thực sự mổ xẻ phương pháp giáo dục này qua hội thảo, hội đàm, hội luận, vừa khách quan, vừa khoa học không? Nếu không thì chuyện *«đánh bạc giả»* trong tuyên truyền sẽ thành chuyện *«đánh lận con đen»* trong giáo dục, nếu *đánh giả* là bản chất, nếu *đánh lận* thành phản xạ thì đây là trọng nạn cho nhân tri Việt tộc, sẽ kéo dài thành trọng thương trong giáo dục, mà trường học sẽ không còn là nơi truyền đạt kiến thức mà ngược lại là nơi hủy diệt tri thức; sẽ không còn là nơi trao truyền trí tuệ mà ngược lại là nơi truy xóa lý trí. Hậu quả chuyện thần thánh hóa Hồ Chí Minh qua một tư tưởng hư, một kiến thức hão, không những tạo ra *ngu dân*, mà xa hơn nữa nó tạo ra bao thế hệ đi ngang tiểu học, đi dọc trung học, đi xuyên đại học, mà khi nhận *bằng cấp* thì không biết rõ *đẳng cấp* của mình như thế nào trong kiến thức giáo khoa bình thường của giáo dục thế giới hiện nay. Thần thánh hóa Hồ Chí Minh trong học đường, ngoài xã hội, qua tuyên truyền bất chấp sự thật, đây là môt quá trình phản kiến thức, phản tri thức, phản trí tuệ, vì sự thật về lịch sử cá nhân của Hồ Chí Minh còn rất nhiều *ẩn số* chưa công bố hết, còn nhiều *biến số* mà các thế lực chính trị bất chính phải giấu giếm. Các kết quả nghiên cứu về cuộc đời của ông qua các công trình của các sử gia của Tây Âu và Bắc Mỹ thì rất khác, rất xa các hình ảnh thần thánh (nơi mà hình tượng vượt cả định nghĩa về thần tượng) của Hồ Chí Minh mà dân Việt phải chịu nghe qua tuyên truyền -kiểu nhồi sọ- của ĐCSVN. Riêng thầy khi nghiên cứu các văn khố thuộc địa cho luận án tiến sĩ cũng là cuốn sách đầu tay, thầy đã có các chứng từ là bút hiệu Nguyễn Patriote trong các bài đăng trong báo Humanité của Đảng cộng sản Pháp, không chỉ riêng của Hồ Chí Minh mà của nhiều trí thức Việt kiều có tri thức Pháp ngữ vững, với kiến thức có hệ thống của trường lớp tây học, với ngữ pháp có học lực. Chuyện đáng ngại hơn là trong hội nghị Fontainbleau, 1954 mà *lãnh* đạo phái đoàn Trung Quốc là Chu Ân Lai đã qua mặt phía Việt Nam màlãnh đạo phái đoàn Việt Nam là Phạm Văn Đồng, đã đi trên vai, trên đầu các lãnh đạo của ĐCSVN thời đó để đi đêm với các cường quốc trong con cờ Pháp lùi ra cho Mỹ vào Việt Nam, để cắt đôi đất nước. Khi Chu Ân Lai đưa phương án cắt đôi đất nước bằng vĩ tuyến 17, qua con sông Bến Hải, chính Phạm Văn Đồng cũng không biết địa danh đó là chỗ nào trên đất nước ta. Đây là *“điềm xấu”* mà khoa học xã hội và nhân văn đặt tên chỉ báo khống chế thâm-bạo: *xâm phạm báo tin xâm lược sẽ tới*! Hai năm sau, 1956, lãnh đạo của ĐCSVN cũng là Phạm Văn Đồng đã ký thác công nhận Hoàng Sa là của Trung Quốc, nỗi lo sâu của chúng ta là lãnh đạo của ĐCSVN đã nhiều lần có thái độ khuất phục, để Trung Quốc quyết định số phận của Việt tộc, mà cho tới nay nội dung chuyến đi đêm của ĐCSVN trong hội nghị Thành Đô, dân tộc ta vẫn chưa rõ. Đi đêm-cúi đầu-bán đứng đúng là chuyện thật đáng lo!

Husserl, cha đẻ của *hiện tượng luận*, tin rằng *tri thức* là cầu nối giữa tư tưởng bên trong và thế giới bên ngoài, nó có đường ra để khám phá các chân trời, nó có lối về khi dùng kiến thức để chế tác ra *ý muốn*, nơi mà *ý định* đã thành *ý lực,* để ta có lý luận trên chính tư duy của ta; trên những cái mà ta đã biết, luôn cả trên những cái mà ta đang muốn biết. *Tri thức* là cuộc thám hiểm của *kiến thức* để làm nên *lý trí* cho *trí tuệ*; sự hiện diện của *tri thức* trong cuộc sống của chúng ta có ngay trong sự hiểu biết và cách giải thích qua khoa học luận: *hiểu được thì giải thích được, giải thích được thì coi như đã hiểu rồi*, biên giới giữa hiểu biết và giải thích không còn nữa, hai lãnh thổ nhưng thực ra chỉ là một. Ngược lại nếu không giải thích được tức là chưa hiểu, nhưng nếu phát biểu là “hiểu rồi mà không thể giải thích được” thì đây là nói liều! *Nói liều* rất dễ qua *nói điêu*, đây là thảm trạng sách giáo khoa mà các lãnh đạo của ĐCSVN đã giao cho những kẻ có *học vị* mà không có *học lực*, có *học hàm* mà không có *học thực*, và họ đã quản lý, ấn hành, xuất bản, những kiến thức sai trái mà các học sinh phải học. Khi tốn bạc tỷ rồi mới thấy sai, xin lỗi, in lại, tốn bạc tỷ lần nữa, sách giáo khoa mà sai thì chỉ có từ một *chế độ ngu dân*, với một nền giáo dục mà các bộ trưởng, thứ trưởng, cục trưởng của Bộ Giáo dục việt nam không hề để lại một công trình nghiên cứu nào, một văn bản nào, một sáng kiến nào, một đề nghị nào đáng chú ý về giáo dục, giáo khoa trong các hội thảo, hội luận, hội đàm quốc tế về giáo dục hiện đại. *Giật dây động rừng:* giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh trong trường học mang hệ lụy của một môi trường lấy vô tri thay *nhân tri*, lấy vô trí thay *nhân trí*, với các loại sách quái gở: Bác Hồ và giáo dục, Bác Hồ và văn học, Bác Hồ và văn nghệ, Bác Hồ và nghệ thuật… *Sự thật mất lòng*: nếu lấy kiến thức của Hồ Chí Minh để soi sáng giáo dục, lấy tri thức của Hồ Chí Minh để phân định văn học, nếu lấy trí tuệ của Hồ Chí Minh để nhận định nghệ thuật, thì những tác giả của các cuốn sách này thật sự là những quái thai trong hệ tư duy của nhân loại.

Câu chuyện giáo dục của một dân tộc là câu chuyện *nhân diện* qua *nhân tri*, *nhân cách* qua *nhân trí* của dân tộc đó! Khi một *kiến thức* tới từ một *tư tưởng*, giờ đã thành *giáo khoa*, thì *giáo trình* phải mở cửa cho *tri thức* để *giáo án* là điểm hẹn của: phân tích để phân định, giải thích để giải luận, mọi kết luận của một tư tưởng có lực đóng góp vào nền tảng của *lý trí* và *đạo lý*. Như vậy, tri thức là sự hiểu biết các giá trị nhân lý tới từ tư tưởng này; có được sự hiểu biết các giá trị đạo lý này mới bắt đầu đi tìm nền móng cho *luật pháp*. Vậy thì khi *tri thức* đã gầy dựng xong *lý luận* cho *lý trí*, thì lý luận này đã là một *lập luận hợp lý* từ *đạo lý* tới *pháp lý*. Trong giáo dục, thì giáo khoa có chức năng là truyền đạt kiến thức, vừa qua thể nghiệm, vừa qua minh chứng; ngược lại với tuyên truyền là cưỡng ép giáo dục biến nó thành một công cụ của ý thức hệ để phục vụ cho chính sách của tầng lớp lãnh đạo. Giáo khoa là nơi: *nêu để biết, biết để hiểu, hiểu để tiến, tiến để đạt, đạt để nâng*, nâng theo hướng đi lên (cao) và đi tới (xa), chỉ cần xem giáo dục qua giáo khoa, giáo trình, giáo án là nhận ra nhân cách tri thức và phong cách trí thức của một chính quyền, mức độ và trình độ của các lãnh đạo trong chính quyền này. Nói chuyện *nhân cách tri thức* và *phong cách trí thức*, thì không thể nào không bàn tới tư cách của lãnh đạo trong chính quyền hiện nay: họ áp đặt, o ép, chèn nén một hệ thống giáo dục ngày càng suy đồi, nhưng con cháu họ thì đã đi du học ở phương Tây, cũng như tiền của bất chính của họ cũng đã qua phương Tây rồi. Chỉ trên hai chuyện bất chính này: gian lận trong giáo dục và giầu gian nhờ tham nhũng, mọi người dân đều thấy nhân cách tồi, phong cách thấp, tư cách hèn của các lãnh đạo này. Tổ tiên Việt tộc dặn con cháu là bọn người vừa «*ăn trên, ngồi trốc»*, vừa *«đi ngang về tắt»,* thì không có *nhân diện* minh bạch, *thể diện* minh chính, *sĩ diện* thì chắc chắn là không có; vì muốn có sĩ diện phải có tri thức của đạo lý, và lý trí của pháp lý! Và, cách học tập của phần lớn con cháu của bọn này tại Tây Âu và Bắc Mỹ cũng *thấp, hèn, thô, tục* như cha ông chúng, tức là học theo quy trình của *«con vua thì được làm vua», «con quan thì được làm quan»,* đừng mong họ học vì tri thức, học để thao tác trí tuệ, học để sáng tạo kiến thức! Bọn này không có *ý muốn* khai phá nhân trí, mà chỉ có *ý đồ* lấy bằng cấp làm bình phong để tiến thân theo kiểu *«ngưạ quen đường cũ»* của cha ông chúng, phần lớn họ không có *ý lực* khai sáng nhân tri, mà chỉ có *ý tà* lấy *học vị* để buôn *học hàm.* Muốn kiểm tra, thẩm định, phán đoán đám người này thì chúng ta không cần xem học hàm, không cần xét học vị, mà phải vào thẳng *học lực* của họ, bằng cách xem xét về đại học là nơi đã đào tạo chuyên môn, huấn luyện chuyên ngành cho họ rồi cân, đo, đong, đếm *học lực* của họ, chỉ có *học lực* mới là thực chất của kiến thức, là thực tài của tri thức, chớ không phải học hàm hay học vị! Không thấy (thực chất) thì không tin (thực tài), *«vô trương, bất tín»,* mà nhân cách giáo lý Việt tộc của tổ tiên ta chỉ bảo con cháu kỹ lưỡng hơn: *«so ra mới biết ngắn dài».*

Kiến thức là một *hệ thống hợp lý*, tri thức là một *cấu trúc chuẩn lý*, buôn lậu kiến thức hoặc đánh bạc lận với tri thức thì rất dễ bị lột mặt nạ. Vì học thuật không như trong chính giới: lấy mỵ dân để lừa thiên hạ, lấy đạo đức giả để *«buôn thần bán thánh».* Kiến thức nhận diện ra kiến thức, tri thức nhận diện ra tri thức, vì vậy kiến thức đúng, tri thức thực, giữ vai *chánh kiến* tồn tại dài lâu, để *«vạch mặt chỉ tên»* các đồ giả là: *mạo thức, tạp thức, tà thức*… kiến thức đúng không cần được chứng thị bằng học vị, tri thức thực không cần chứng thực của học hàm, vì *đúng* và *trúng* đã là *lực* rồi, nên ta mới đặt tên cho nó là *học lực*. Lực có trong thuyết minh là chứng minh, nơi mà lý luận song hành cùng lập luận, trong phân tích đã có giải thích. Kiến thức đúng, tri thức thực, tạo dựng nên cấu trúc của lý trí, làm rõ vị thế của trí thức; và trí thức không phải là bằng cấp, có những kẻ khoe mình có nhiều bằng cấp nhưng suốt đời không được xem là trí thức. Thống hợp từ *kiến thức* qua *tri thức* được rèn luyện qua *lý luận* và *lập luận*, là nơi mà *lý trí* không những tổ chức được: tin tức, dữ kiện, chứng từ… mà còn là nơi sáng lập ra diễn luận, sáng tác ra giải luận, sáng tạo luôn ra cách giải quyết các ẩn số của cuộc sống. Sáng tác trong văn học cũng như sáng tạo trong nghệ thuật có thể là những công trình của *tâm lực*, còn sáng tạo từ khoa học kỹ thuật tới khoa học xã hội và nhân văn là quá trình của *trí lực*. *Trí lực chỉ tin cậy vào học lực*, chớ không gởi niềm tin của mình vào học vị hoặc học hàm. Một số lãnh đạo của ĐCSVN khoe khoang trong lý lịch hồ sơ họ là: *tiến sĩ*, thì đây chỉ là bày biện, mà thực chất là ta nên làm theo lời dặn của người thầy của chúng ta là Nguyễn Du: *«phải dò cho tới tận nguồn lạch sông»*, vì thái độ của cụ Tiên Điền, của sư phụ Tố Như của chúng ta rất đứng đắn trong học thuật qua điều tra kỹ càng, cặn kẽ, qua truy luận tới nơi tới chốn. Chúng ta phải kiểm lại quá trình học tập của đám lãnh đạo cũng như chất lượng giáo khoa nơi họ học, xem kỹ thành phần hội đồng giám khảo bảo vệ luận án, nhất là đọc công trình nghiên cứu trong luận án tiến sĩ của họ, cùng lúc đọc các báo cáo phản biện và báo cáo chính thức của ban giám khảo sau khi bảo vệ. Tất cả thực hư là đây, học thật hay học giả, tiến sĩ thật hay tiến sĩ giấy; và nếu chỉ có luận án tiến sĩ mà không có các công trình nghiên cứu khác được công bố qua các tập san, tạp chí, các tác phẩm nghiên cứu; qua các hội thảo, hội luận, tức là qua giám định của cộng đồng khoa học quốc gia và quốc tế thì loại luận án tiến sĩ này rất đáng nghi ngờ! Vì, chuyện *«mua bằng, bán chức»* đang đầy dẫy, đang sa đọa hóa giáo dục, lột trần bằng cấp giả là làm được chuyện lột mặt nạ *nhân diện giả*, *nhân cách hão,* đang đầu độc cả hệ thống giáo dục của Việt Nam hiện nay. Trong khoa học cũng như chính trị, trong văn hóa cũng như trong xã hội, vai trò của *phản biện* (*điều tra lại*, *kiểm chứng lại*) là nội công của kiến thức thật, nội lực của tri thức đúng! Ngược lại với độc tài và bất tài (thường là sinh đôi) luồn lách, chui rúc để truy diệt nhân trí, hạ thấp nhân tri, làm băng hoại nhân lý.

Popper phân tích là một *giáo dục* chân chính luôn được hỗ trợ hiệu quả của *giáo khoa* được chế tác từ các *tư duy khoa học luận* (lấy khám phá khoa học củng cố cấu trúc khoa học, lấy thành quả học thuật để đẩy xa tri thức học thuật), thường được đúc kết trong một *giáo trình* qua bốn *quy trình* sau đây: *quy trình khám phá, quy trình chứng minh, quy trình giải thích, quy trình truyền đạt*. Thực hư, vàng thau, chóng chầy đều phải *«lộ chân tướng»* trong chuyện thử đá vàng của bốn *quy trình* này. Vì sao? Vì bằng cấp giả thường dựa vào giáo dục giả, giáo dục thật phải bảo vệ kiến thức bền, giáo khoa vững, mà hiệu quả thấy được trong đời sống của tri thức, mà tiến bộ tới từ khoa học kỹ thuật, từ văn hóa nghệ thuật, từ cải cách nhân trí đến cải tiến nhân sinh. Phải tìm mọi cách để bảo vệ tri thức trong giáo dục vì nhân trí! Tri thức hiện diện trong cuộc sống qua cách sử dụng các phương tiện kỹ thuật, tới từ năng lực của *lý trí* biến *kiến thức* thành thực hành cụ thể, *sự học tập* làm nên *sự hiểu biết*, sự hiểu biết làm ra sự *tự phát triển tư duy*, trong đó *chủ thể của kiến thức* luôn chuyển hóa theo hướng đi lên của cái *tư duy tự lý giải* trước các câu hỏi mà cuộc sống đặt ra. Trong cái *biết* đã có cái *hiểu*, cái *diễn*, cái *giải*, cái *chứng*, cái *suy*, cái *luận,* như vậy thì *tri thức* là: *nhìn để thấy, thấy để hiểu, hiểu để nắm, nắm để giữ*, lấy cái *thông* làm vốn cho cái *thạo.* Vũ trụ quan của *kiến thức khoa học* gầy dựng nên thế giới quan của *tri thức học thuật*, cả hai vừa là nền móng, vừa là tường mái cho *nhân sinh quan của lý trí*. *Lý trí* đòi hỏi lý giải một sự kiện nhân sinh bằng phương pháp luận đã được thể nghiệm khách quan trong khoa học, đi song hành cùng với ý thức về đạo lý của nhân tính, đạo lý này làm cầu nối cho các kinh nghiệm trong quá khứ để dựng lên các dự phóng cho tương lai. Nếu *tri thức* biết dùng hiện tại để phán xét quá khứ, để làm đẹp cho tương lai, thì tri thức cũng biết tập hợp quá khứ và tương lai trong giải trình, trong diễn luận. Tổ tiên Việt tộc lập lý lịch của *tri thức* bằng nhân cách *«nhìn xa, trông rộng»*, giúp con cháu nhận diện ra *nhân diện* những người có trí tuệ, và khuyên con cháu tạo điều kiện và cơ hội thuận lợi đưa họ lên làm lãnh đạo để dìu dắt nhân sinh, ông bà ta gọi người có trí tuệ lãnh đạo là người khôn: *«người khôn chưa đắn đã đo, chưa ra tới biển đã dò nông sâu».*

Nhân diện vực thể diện

*Nhân diện* của một dân tộc được thấy qua các lãnh đạo của dân tộc đó trên chính trường qua quan hệ quốc tế; và *thể diện* của một đất nước được nhận diện qua cách tổ chức xã hội, văn hóa, giáo dục, nghệ thuật… và nhất là được viết rõ ràng trong *hiến pháp* đất nước đó. Trước hết hãy dựa vào hai chuyên môn dầy uy tín trong khoa học xã hội và nhân văn hiện nay là: dân tộc học văn hóa và xã hội học giáo dục để phân tích phong cách chính trị tới từ tư cách tri thức của các cá nhân lãnh đạo của ĐSCVN, vừa chủ chốt trong chính quyền, vừa là ủy viên hàng đầu của Bộ Chính trị, cơ quan chịu trách nhiệm về mọi kết-quả-và-hậu-quả xẩy ra cho dân tộc, cho đất nước, cho xã hội. Gần đây nhất là cảnh bà chủ tịch quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân cho cá ăn cạnh tổng thống Obama tháng 5, 2016 mà khi dân ta xem thì vừa nực cười, vừa xấu hổ, hè nhau trên mạng xã hội internet để vừa “ôm bụng cười”, “vừa hổ thẹn” rồi tâm sự với nhau là: *“bà chủ tịch Quốc hội cho cá ăn mà như xúc cám cho heo ăn”,* không những bà làm tổng thống Obama “ngượng thay bà”, vì rõ ràng là bà không biết ngượng, đây là lõi của hệ vấn đề thể diện, người *thanh* luôn “ngượng” thay kẻ *tục*, chỉ vì người tục đâu có biết là mình tục! Mặc dù tổ tiên Việt tộc đã dặn dò con cháu: *“học ăn, học nói, học gói, học mở”,* dân Việt không biết bà chủ tịch Quốc hội được giáo dục trong gia đình, trong học đường, trong xã hội như thế nào, nhưng chỉ một cử chỉ chớp nhoáng cho cá ăn của bà, bà đã để lộ ra nhân diện của bà là: bà không phải là thành viên của thế giới *thanh,* tư cách của bà làm lộ không gian *tục* của bà, khi bà rành rành “ra tay” cho cá ăn. Còn vị thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc, của một đất nước hơn 90 triệu và đang gần 100 triệu, trong diễn văn nói về xuất khẩu hàng Việt Nam ra nước ngoài, và dặn mọi người là phải hãnh diện khi thấy nhãn hiệu khi đọc: *made in Vietnam*, lúc ông phát âm từ *made* mà cả hội trường nghe ông phát âm là: *ma zê!* Tại sao lại *ma zê?* Chuyện *dị* là ông không biết ngoại ngữ mà ông thích phát âm (sai) ngoại ngữ. Trước cách phát âm *“độc nhất vô nhị”,* mà các người ngồi trong hội trường tâm sự với nhau qua ngạn ngữ của dân gian: *“nghe mà muốn độn thổ!”* giờ đã lên mạng xã hội, không sao xóa được*.* Mặc dù tổ tiên Việt tộc đã dặn dò rất kỹ con cháu là: *“biết thì thưa thốt, không biết dựa cột mà nghe”,* chuyện tư cách lãnh đạo ở đây *“tự sa đọa ngoại ngữ”* làm cho các học sinh biết và đang học ngoại ngữ từ tiểu học tới trung học, từ đại học tới các chuyên gia ngoại ngữ Việt Nam đang làm việc hằng ngày bằng ngoại ngữ trong quan hệ quốc tế vẫn còn: *“mất hồn”,* sau khi nghe cách phát âm mà ông thủ tướng “tự sáng chế” ra. Kinh hoàng nhất là tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng phát biểu về chuyện chống tham nhũng, nhưng thật ra là bao che cho tham nhũng khi ông khuyên người ta nên *“tha thứ”* cho tham nhũng bằng thí dụ là trong truyền thuyết *Tam Tạng thỉnh kinh*, người muốn thỉnh kinh phải *“hối lộ”* cho kẻ giữ kinh, kiến thức Phật học của ông thật là kinh hoàng! Mặc dù tổ tiên Việt tộc đã dặn dò rất rõ con cháu là phải: “*giữ miệng như giữ nút bình”*, chuyện tư cách lãnh đạo tại đây là cái vô minh đã mở đường cho cái xuyên tạc sống sượng, cái vô tri đã mở lối cho cái chụp mũ tồi tục, cái vô giác đã đưa ông vào ngõ cụt không còn lối thoát cho nhân trí của cá nhân ông. Từ lâu cái vô tri cũng đã có chỗ ngồi từ khi ĐCSVN độc quyền cai trị đất nước, ngay trong Hiến Pháp Việt Nam do ĐCSVN viết với điều 4 là đảng là lực lượng duy nhất lãnh đạo dân tộc, nhân cách của Việt tộc đã bị cưỡng hiếp bởi điều 4 này. Vì độc tài là mất dân chủ, vì độc đảng là mất nhân quyền: hơn 90 triệu dân Việt Nam không có chỗ đứng trong Hiến Pháp Việt Nam, nơi mà Hiến Pháp đã là ghế ngồi kiểu Mã Giám Sinh:*“ghế trên ngồi trốc sỗ sàng”,* một kiểu ngồi vô nhân cách vì phản nhân trí. Nhưng ngoài xã hội thì nhãn hiệu “*nhân dân”* có ở mọi nơi: *tòa án nhân dân, ủy ban nhân dân, hội đồng nhân dân, ban kiểm soát nhân dân*… các nghiên cứu, điều tra trong chính trị học xã hội của các chuyên gia quốc tế về việc này thì rất rõ: tại Việt Nam chỗ nào có bảng hiệu *“nhân dân*” thì chỗ đó không có nhân dân, nếu nhân dân xuất hiện thì họ là nạn nhân, không *dân đen* thì cũng là *dân oan*.

Bachelard khuyên chúng ta nên: *«il faut faire la psychanalyse du savoir»*, *phải làm phân tâm học cho tri thức,* làm chuyện mổ xẻ tri thức tới nơi tới chốn, vì *tri thức* làm ra từ kiến thức, giúp *lý trí* điều khiển *lương tri* của mỗi cá nhân, cho nên tri thức là một không gian được tổ chức bằng các quy định khách quan vừa có minh chứng, vừa có lập luận. Từ trường học tới khoa học, tri thức là một không gian có tổ chức qua kiến thức được vận hành bằng trí tuệ, có minh chứng qua chứng từ trong diễn đạt. Ngược lại với giới chính trị, kẻ có quyền có thể dùng quyền của nó để diệt đối phương, để loại đối thủ, nhưng trong học thuật thì hơn nhau qua tri thức, trong khoa học thì thắng nhau chứng minh, nơi mà *sự thật* là *chân lý*. Cái *chân* của cái *lý* có sức nội kết mãnh liệt với cái *luận* của cái *thật*, chuyện “*đánh lận con đen”*, chuyện “*cả vú lấp miệng em”*, chuyện*“ăn gian nói dối”* hoàn toàn không có ch**ỗ** đứng trong không gian vô vụ lợi của học thuật, một không gian luôn được khách quan hóa của khoa học. Trong lịch sử của Việt tộc, các tri thức của Nguyễn Trãi, của Chu Văn An, của Nguyễn Bỉnh Khiêm đi trên lưng, trên vai, trên đầu bọn quan lại nịnh thần *tà tri, xảo lý*! Trong đó bi kịch lịch sử của trí thức việt nam là một nguồn nước ngầm đầy nước mắt: các trung thần có tri thức thường bị các gian thần *xấu, tồi, dở, tệ*, dùng các thủ đoạn *thâm, độc, ác, hiểm* để hãm hại. Nhưng các trí thức trung thần không chấp nhận cảnh*“qua sông thì phải lụy đò”* tức là phải cúi đầu, khoanh tay, quỳ gối trước cái *gian, tà, xảo, lừa*, chỉ vì *nhân diện* của *lành cho sạch rách cho thơm,* chỉ vì *sĩ diện* của *giấy rách phải giữ lấy lề.* Nhưng trước hết *là* họ thật sự thương dân: *“máu chảy tới đâu ruột đau tới đó”*, họ đứng về phía *dân đen* và *dân oan* các bạn, các em, các con à! Kiến thức có bản lĩnh *thông báo*, tri thức có sung lực *công báo*, lý trí có tầm vóc *tri cáo* ra các con đường đi tới của nhân loại, tổng hợp *kiến thức-tri thức-lý trí* luôn là cuộc cách mạng cho *nhân trí* và *nhân tri*, một cuộc cách mạng không ngừng nghỉ, luôn được đẩy tới bằng các khám phá của học thuật, các phát minh của khoa học, nó thực sự giải phóng *nhân sinh* bằng *nhân trí*. Trong cuộc cách mạng tổng hợp khoa học và học thuật này thì: không có kiến thức đừng nên lãnh đạo, không có tri thức đừng nên quản lý, không có lý trí đừng nên làm chính trị, vì làm trong vô minh, vô tri, vô giác thì chỉ làm khổ *nhân cách, phong cách, tư cách* của người khác, cùng lúc làm nhục *nhân diện, thể diện* của mình; và hãy khoan nhắc tới từ *sĩ diện*, phải thật sự làm kẻ sĩ không những với kiến thức, tri thức, lý trí mà phải có luôn đạo lý, luân lý mới có s**ĩ** diện. Trong *khoa học tri thức (science cognitive)* đang vũ bão với các khám phá về bộ óc, trợ lực các khoa học khác với bao thành quả làm thay đổi *nhân trí* của nhân loại hằng ngày, hằng tuần. Miller khẳng định là khám phá của khoa học bộ óc là thành quả của tri thức làm nên kiến trúc sinh động cho *kiến thức vì kiến thức*. Turing thì tin là cấu trúc của bộ óc là một *hệ thống* thông minh làm ra thông minh, ngày càng phức tạp, cùng lúc ngày càng hoàn chỉnh. *Nói gần nói xa không qua nói thật*, chúng ta thành tâm yêu cầu: khoa học bộ óc, khoa học tri thức, tri thức luận có chỗ đứng trung tâm trong Trung ương đảng, trong Bộ Chính trị, trong Chính phủ, trong Quốc hội, trong mọi tuyển chọn và bố trí nhân sự trong lãnh đạo, tức là có chỗ đúng trung tâm trong tri thức của những kẻ muốn lãnh đạo dân tộc ta.

Marx, cha đẻ của chủ nghĩa cộng sản rất thành tâm khi ông viết: *«le savoir vrai du travail intellectuel est dans la critique où la distance par rapport à la société et son ordre est nécessaire », tri thức thật trong công việc của trí thức là phê bình nơi mà chuyện giữ khoảng cách với xã hội và trật tự của nó là cần thiết,* ở đây trật tự của xã hội được tổ chức qua quyền lực của giai cấp lãnh đạo; và vai trò chính của trí thức là làm công việc phê bình khách quan qua trí thức, vô vụ lợi qua học thuật, đây là nhân cách của khoa học và nhân diện của học thuật. Riêng Weber, một trong những tổ khai sinh ra xã hội học, qua các điều tra về các sinh hoạt của trí thức thì khám phá ra một sự thật khác là: *«on devient administrateurs de la science, parce qu'on ne peut devenir les meilleurs scientifiques», có người trở thành các nhà quản lý khoa học, chỉ vì họ không phải là các nhà khoa học giỏi,* đây mới là bi kịch của ung thư cơ chế trong sinh hoạt học thuật và khoa học Việt Nam hiện nay*.* Làm chủ tịch hay làm giám đốc, có chữ ký cùng lúc có con dấu, là để thao túng ngân sách trong nghiên cứu khoa học, là để hưởng bổng lộc rất nhiều cạnh lương bổng hằng tháng, theo quy luật xấu **x**a *“có quyền phải có tiền”* đang sa đọa hóa các sinh hoạt nghiên cứu qua lãng phí ngân sách, biến các hội đàm thành tiệc tùng, biến công vụ quốc tế thành du lịch cá nhân, có khi còn đem theo gia đình xuất ngoại cùng bằng cách luồn lách qua chuyện khách sạn, nhà hàng, du lịch. Péguy rất sáng suốt khi vạch mặt bọn *«đục nước (cơ chế) béo cò (lạm quyền)»* này: *«le milieu intellectuel ne s'identifie pas à un parti – qui dispose d'une organisation – mais à une force des idées»*, *giới trí thức không cần nhập vào một đảng phái luôn dựa trên một tổ chức, nhưng nó có một sức mạnh của ý tưởng*; ý tưởng ngược lại với mơ tưởng viển vông, *ý tưởng* làm nên *ý lực* vì nó sinh ra từ nội lực của kiến thức, nội công của tri thức. Hậu quả là có nhiều lãnh đạo có học hàm lớn, có học vị cao trong các cơ chế khoa học mà không có một công trình nghiên cứu nào để làm tổng kết cho cả cuộc đời làm khoa học của mình; không có đóng góp nào cho học thuật nước nhà trong sinh hoạt quốc gia và quốc tế. Đồng nghiệp, sinh viên không thấy chương trình nghiên cứu đoản kỳ, trung kỳ, trường kỳ của họ; không nhận ra lúc nào họ nghiên cứu vì họ không bị bắt buộ**c** phải công bố, xuất bản, ấn hành các thành quả nghiên cứu của họ. Và trên bục giảng, trong giảng đường, trước sinh viên, họ không giảng bằng các công trình nghiên cứu cá nhân của họ như đại học yêu cầu, mà chỉ **x**ài lại các sách giáo khoa của các tác giả khác. Từ *gian lận* họ đã tự gây ra bao *ngộ nhận*! Vì quy luật của đại học là: đại học tự điều khiển-tự điều hành đại học, bằng chính các công trình khám phá trong khoa học, các nghiên cứu khai phá trong học thuật. Đại học không phải là trung học, tiểu học lấy giáo trình làm xương sống cho giáo dục, lấy giáo án làm xương cốt cho giáo khoa. Trong sinh hoạt đại học cũng như trong sinh hoạt tri thức: *danh chính ngôn thuận* làm ra *nhân diện* của mỗi trí thức là công trình cá nhân của họ, cũng làm nên *sĩ diện* của họ trước đồng nghiệp và quần chúng, khi các công trình của họ được công bố. Tổ tiên Việt tộc vẫn dặn dò con cháu là: *“nói với người khôn không lại, nói với người dại không cùng”*, nói không lại với người khôn vì sự thật của họ phải học, vì chân lý của họ phải hiểu, vì l**ẽ** phải của họ phải thấu; nhưng đáng lo nhất là *nói với người dại không cùng*, vì *không cùng* là *không lý, không trí, không tri, không tuệ, không giác.*

**Nhân diện tạo sĩ diện**

Chuyện gì đã và đang xẩy ra trong hệ thống giáo dục Việt Nam, làm xúc phạm đến sĩ diện của các bạn sinh viên, các nghiên cứu viên không có điều kiện đi du học và đang là nạn nhân trong cả quá trình học tập mà tai tiếng hiện nay là: *học giả-thi giả-bằng giả*? Tự bao giờ mà *văn hóa bì thư* thành phản xạ hối lộ cả chiều dọc lẫn chiều ngang trong mọi ngõ ngách trên các chặng đường học tập của các học sinh, sinh viên, từ mẫu giáo lên tới tiến sĩ? Việt tộc sẽ ra sao với một lượng quá lớn *tiến sĩ giả*-*tiến sĩ giấy-tiến sĩ rỗng*? Tiến sĩ mà chính hệ thống giáo dục cũng không tìm ra được tông tích học lực từ trung học cho tới hết đại học, tiến sĩ mà không có một công trình nghiên cứu cá nhân nào, tiến sĩ mà chưa hề làm việc cho một viện hay một trung tâm nghiên cứ nào, tiến sĩ mà không có một đóng góp gì cho sinh hoạt học thuật, không có can đảm dự hội thảo, hội đàm, hội luận, để giới thiệu công trình nghiên cứu của mình; và khi gặp đồng nghiệp ngoại quốc thì không dám nhận mình là chuyên gia của luận án tiến sĩ của mình. Chưa hết, không có công bố các công trình qua ấn bản, không có đóng góp gì trong các tập san khoa học, không có bài viết, sách vở gì về chuyên môn của chính mình. Gần đây, tôi càng ngỡ ngàng khi gặp các *tiến sĩ (giả*) lẫn lộn các chuyên ngành, chuyên khoa, họ hoàn toàn mơ hồ về các chuyên môn mà chính họ được đào tạo. Ngữ pháp Việt rất tinh: *chuyên môn* được đào tạo trong một *chuyên ngành*, qua một *chuyên khoa*, qua các quá trình *chuyên giải*, tạo nên nội công *chuyên luận,* mà muốn thành công phải có *chuyên cần*! Phương trình chuyên này đang bị khinh bỉ, tráo lận và tha hóa, tạo ra bao hậu quả trầm trọng vừa cho *giáo dục*, vừa cho *giáo lý* của Việt tộc.

Các bạn cũng biết rõ là trong đám người gian lận này có người không biết viết một câu văn xuôi bình thường, kinh hơn nữa: có người đọc tiếng Việt cũng không vững! Họ không có *thể diện* trong chuyện *«mua bằng, buôn chức»* của họ thì làm sao họ có *sĩ diện* để làm trí thức. Thể diện có ít nhất bốn cấu trúc: biết bảo vệ *danh dự cá nhân* đi cùng với biết tôn trọng *đạo lý tập thể*, có *tự trọng cá nhân* vì biết tôn trọng *tri thức tập thể*. Không có *thể diện* thì chắc chắn không có *sĩ diện*, vì sĩ diện là thể diện của kẻ sĩ, của trí thức, sĩ diện là trí thức của tri thức. *Học giả-thi giả-bằng giả* là *lận, lừa*, *tráo, dối*, không có *học lực* mà có *học vị*, không có *học thuật* mà có *học hàm*, thì đây đúng là *tà, gian*, *xảo*, *quỵt.* Ở đây, lỗi hoàn toàn từ ĐCSVN, họ *tà, gian*, *xảo*, *quỵt* trong độc tài, chuyên chế nên sinh ra quái thai giáo dục trong *lận, lừa*, *tráo, dối,* cho nên chủ thuyết nhân quả không phải là chuyện dị đoan mà chuyện rất khoa học có thể kiểm chứng được trong quy trình nhân nào quả nấy. ĐCSVN chống *nhân quyền* để gạt *nhân trí*, loại *dân chủ* để vùi *nhân tri*. Trong học thuật, nhân cách có mặt thường xuyên trong quá trình: biến *dữ kiện* thành *sử kiện*, biến *sử kiện* thành *chứng từ*, biến *chứng từ* thành *lý luận* để tìm ra sự thật, biến *lý luận từ sự thật* thành *lập luận cho hành động*, hành động vì cái *hay, đẹp, tốt, lành*.

Nếu chúng ta là những người trí thức chân chính -có *sĩ diện*- thì chúng ta không chấp nhận chuyện *«văn hay chữ tốt không bằng thằng dốt con quan»*, chuyện *«con quan thì được làm quan»* là một bất công không thể chấp nhận được, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa mà sự phát triển của một đất nước phải dựa vào tri thức của dân tộc đó. Sinh lực thông minh đại diện cho tri thức của Việt tộc trong tương lai phải bảo đảm sự thành công về khoa học, kỹ thuật, kinh tế, thương mại, xã hội, văn hóa… làm ra từ một tổng thể *học lực-học vị-học hàm* là một quá trình tuyển chọn, đào tạo, huấn nghiệp lấy *kiến thức* làm chỗ dựa cho *tri thức*, lấy tri thức làm sức bật cho *trí thức*: lấy *nhân trí* dìu dắt *nhân sinh*. Việt tộc phải đủ sung lực và dũng lược để trừ khử loại *ung thư não bộ các tiểu triều* trong trung ương ĐCSVN trong các định chế đang cho “sinh sôi nẩy nở” ra loại thứ nhì: *ung thư nội tạng thái tử đảng*, trong các cơ chế làm tiếp công việc tham nhũng, hối lộ để vơ vét như cha ông chúng, chúng không những làm cạn kiệt tài nguyên đất nước, làm suy kiệt sinh lực của Việt tộc mà còn đẻ ra ung thư bao các ung thư khác trong thành phố, ngoài nông thôn: *«ở đâu cướp đấy», «ở đâu vơ đấy», «ở đâu chặn đấy»*… Chúng thì giầu càng giầu, dân thì nghèo càng nghèo, từ *dân đen* một sớm một chiều thành *dân oan*; kinh tế tê liệt, xã hội sa đọa… các bạn, các em, các con ơi: giống nòi Việt tộc đang suy kiệt! Hiện nay, nhân gian sống với bi kịch mà họ đã lý thuyết hóa được cái đồi bại của cơ chế hiện nay: *“nhất hậu duệ, nhì quan hệ, ba tiền tệ, bốn trí tuệ”,* trí tuệ bị đẩy lùi ở chỗ thấp nhất, trong một xã hội không tôn trọng nhân trí, gạt ra tri thức, loại ra trí thức, vô tri bất trí, xã hội này sẽ đi về đâu? Chúng ta phải lột mặt nạ bọn *“buôn bằng, mua chức”*, tổ tiên Việt tộc sẽ giúp con cháu nhận diện ra bọn *“hút máu dân lành”,* đây là *nhân diện tồi* của chúng: *«trống chùa ai đánh thùng thùng, của chung ai khéo vẫy vùng làm riêng»;* đây là *nhân cách mạo* của chúng*: «chém cha cái lũ áo dài, ăn no cho tới mang tai vẫn lần»,* đây là *nhân diện tà* của chúng*: «bề trên ở chẳng chính ngôi, khiến cho bề dưới bề tôi hỗn hào».* Văn hóa, văn minh, văn hiến của Việt tộc qua ca dao, ngạn ngữ, dân ca nắm rất rõ lý lịch của bọn chúng, cha ông chúng thì *thâm, độc, ác, hiểm* luôn sinh ra, con cháu chúng thì *tà, gian, xảo, lừa* ; tuyên truyền qua nhồi sọ, tráo khái niệm như tráo lịch sử, nhưng Việt tộc cũng biết nhận diện, cũng biết *cầu người gửi mặt,* họ rõ minh quân, minh chủ, minh chúa của họ là: «*bề trên lượng cả bao đồng, khiến cho bề dưới đem lòng kính yêu».*

Câu chuyện *nhân cách* mang theo *nhân diện* mà tổ tiên Việt tộc đã dặn (thầm) con cháu là *«trông mặt bắt hình dong»*, trông bề ngoài để nắm bề trong, nhìn ngoài *nhân dạng* để biết bên trong *nhân tính* một cá nhân; *nhân cách* liêm chính làm ra *nhân diện* liêm sỉ. Thầy rất ngạc nhiên là nhiều lãnh đạo của ĐCSVN tự cho phép họ: *«mầy tao»* với nhân viên mà họ coi là thuộc cấp của họ, trong màn diễn kịch *«ăn nói bình dân»* để *«giả vờ gần gũi với thuộc hạ»,* như họ đã giải thích, thì đây là một trò lừa bịp phải gạt ra cho bằng được trong giới trí thức của chúng ta. Thầy càng ngạc nhiên hơn là có một số lãnh đạo *«mầy tao»* luôn với cả những người mà họ mới gặp gỡ lần đầu tiên, hai bên chưa biết nhau mà họ đã *«mầy tao»* một cách tùy tiện, thể hiện một *phong thế* (không phải là *phong cách*) *vô giáo dục* đã *dẫn* tới *vô văn hóa* mà *cội, rễ, gốc, nguồn* là vô tri thức. Có lần trong một hội thảo quốc tế tại Phú Yên năm 2011, có một cán bộ địa phương tới trước một bàn toàn trí thức không chào trước, mà bắt đầu bằng *«mầy tao» và «tụi bây»,* mặc dầu ông không biết ai cả xung quanh bàn này, thầy mới hỏi lại ông ấy là: *«chúng tôi không biết ông, xin ông cho biết quý danh?»,* từ phong thế *«mầy tao»* trên đỉnh núi, mọi người thấy ông ấy đã *«rơi xuống vực».* Sau đó, một trí thức của địa phương này xác nhận với mọi đồng nghiệp quốc tế cùng bàn là: *«ông ấy* «rơi xuống vực», *vì từ trước tới giờ trong địa phương này, không ai hỏi lại ông như vậy, vì người ta mỗi lần gặp ông là người ta cười để chờ nịnh, rồi thưa, bẩm, dạ, vâng thôi...»*, nhân cách trong *giao tế* là thượng nguồn của nhân diện trong *đối nhân xử thế,* ở đây phải thêm một phân tích khác trong xã hội học giáo dục về chuyện *«lầm đường, lạc lối»* của các lãnh đạo này đã lẫn lộn bối cảnh: một hội thảo quốc tế mang tri thức của thế giới không phải là một cuộc *họp chi bộ* trước tay sai và thuộc hạ của ông ấy! Đây là chuyện phải bàn thêm, và bi kịch của các lãnh đạo không nhân cách, thiếu nhân diện này đã được tổ tiên Việt tộc phân tích rõ qua cái hớ hênh của họ: *«giấu đầu, lòi đuôi»,* chỉ làm khổ cho nạn nhân của họ, vì *«kẻ ngu cởi truồng, người khôn mất mặt».* Kẻ có độc quyền nhờ độc tài mà *«mất dạy»* trong độc tôn chắc chắn là *«kẻ ngu»,* không kết luận như vậy thì chúng ta sẽ không phân biệt được đâu là *thanh*, đâu là *tục.* Và trí thức thì phải luôn đứng về phía *thanh,* vì tri thức từ học thuật qua khoa học đã đứng ngay từ trên thượng nguồn về phía *thanh,* chuyện này rất rõ trong nhân cách giáo lý của Việt tộc là: *«đố tục, giảng thanh».* Trước cái tục tĩu: thô tục vì thiếu giáo dục, thô lậu vì thiếu văn hóa, thô thiển vì thiếu tri thức, chúng ta phải đứng về phía *thanh* cho tới ngày rời cuộc sống này; để loại đi chuyện *«cá mè một lứa»,* để gạt đi chuyện «*vàng thau lẫn lộn»*, vì sao? Vì người *có học* là có *nhân tính* nhờ có *nhân trí* thì khó *«ăn cùng chiếu, ngồi cùng mâm»* với kẻ nắm cái *quyền* bằng cái *thô*, cái *bạo*, cái *tục*. *Thô tục, thô lậu, thô thiển* tác hại với bao hệ lụy mà dân ta ngày đêm gánh chịu qua cái *thô bạo* của cửa quyền, cái *thô bỉ* của lạm quyền. Nếu thật sự là một *quốc gia văn minh* (có *quốc diện*) thì trường học là *gốc* của chính quyền, tri thức là *rễ* của chính phủ, dựa trên *đạo lý giáo dục* được hỗ trợ bởi *kiến thức có lý* chế tác ra *ý thức có luận;* cái *lý* và cái *luận* chế tác ra phẩm định luân lý, sẽ là cơ sở của phán quyết của *công lý* làm cội cho *pháp lý*, làm nguồn cho *pháp luật*, nơi mà cái *thật* giúp ta tìm ra cái *đúng*, dẫn đường cho ta cái *lành*, nhận diện ra cái *hay.* Từ *tri thức thật* tới *tri thức luận*, trường học là nơi lấy cái biết này để tìm cái biết khác, *biết rồi* để *biết thêm*, biết thêm để *biết xa* hơn, *biết sâu* hơn, *biết rộng* hơn, *biết cao* hơn. Giúp ta định nghĩa rõ về sự thông minh: thông minh là khả năng của tri thức giờ đã thành quyền năng tự do khai phá kiến thức bằng lý luận, khám phá tri thức bằng lập luận để nâng nhân trí, để dắt nhân tri về các chân trời mới của lý trí, trong các chân trời đó: lý mới làm trí lớn ra! Trong lãnh thổ của kiến thức, trên quê hương của tri thức, chủ thể lý trí vừa học tập, vừa sáng tạo, mà cũng vừa chống ngu dân, chống mất trí nhớ tập thể tức là chống lại chuyện viết *sử giả* qua *xảo, lừa, tráo, xóa* ký ức tập thể, ký ức không chỉ là kỷ niệm, mà chính là gia tài của lý trí.

Varela phân tích cặn kẽ về kinh nghiệm của nhân sinh khi đã thành tri thức để chế tác ra *ý thức* cho nhân phẩm, thì kinh nghiệm này đã biến *số lượng* của ký ức thành *chất lượng* cho cái *sống,* sống hay hơn, đẹp hơn, tốt hơn, lành hơn. Con đường *hay, đẹp, tốt, lành* này luôn bị độc tài, độc quyền, độc tôn, độc đảng ngăn chặn, cản trở, phá hoại, *trần trụi hóa theo hướng tục.* Trước thì phong kiến hủ lậu hóa để chặn đường Nguyễn Khuyến, Cao Bá Quát… sau đó là thực dân tìm cách cản trở Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, mà Phạm Quỳnh cũng không yên với bao tà thuật chính trị của bọn hủ lậu. Tổ tiên Việt tộc dặn dò con cái: “*mèo già hóa cáo, cáo già hóa ma”.* Kẻ xấu khi diệt người tốt thì nó diệt luôn sự nghiệp mang cái *nhân* của họ, ông bà ta dặn chúng ta đừng để chuyện bất công xảy ra quanh ta*: “có công mà không có quả”.* Hiện nay cũng vậy, ĐCSVN đang tìm mọi cách để phá hoại các nhân sinh quan dân chủ, các thế giới quan nhân quyền của các bloggeurs đang đòi tự do và tiến bộ cho Việt tộc, nhưng bối cảnh hiện tại thì khác hẳn: *toàn cầu hóa truyền thông đã làm ra thế giới hóa nhân trí* nên Việt tộc ngày càng có nhiều các bloggeurs giỏi, sắc, nhọn, hay! Đây là một tin vui hiếm hoi trong bao nhiêu tin buồn về chuyện đạo đức xuống cấp trầm trọng trong xã hội Việt hiện nay.

Dennett khuyên chúng ta khi xây dựng *lý trí* bằng *kiến thức* được tổ chức bởi *tri thức*, thì lý trí là một cấu trúc nhưng không xơ cứng như một mô hình khó vào ra, mà phải xem *lý trí* luôn mở cửa cho *đạo lý*, luôn mời *ý thức* có được chỗ ngồi bình an, bền vững; cho nên lý trí phải được xem như một luồng nước, một dòng chảy, nó thoải mái, ung dung, thanh thản nối suối khe với đại dương của trí tuệ. Khoa học tri thức khuyên chúng ta xem xét tri thức như một *mạng* sinh động, nối thông minh với khám phá, nối sáng kiến với khai phá. Trong luồng này, trong dòng này, cái *giả* bị loại, cái *thức* mở lối cho cái *đúng*, cái *đúng* làm đường cho cái *trí* (*thông*) qua cái *minh* để lập ra cái *tạo*. Từ hành vi tới hành động, *lý trí* dẫn dắt chúng ta từ kỹ thuật tổ chức tin tức tới kỹ năng xử lý dữ kiện, từ phương pháp trao truyền tới nhận định qua phê bình các thành quả, các hậu quả. Vai trò phê bình của lý trí làm chủ lực cho ý thức giữa chủ thể và các môi trường văn hóa, xã hội, giáo dục và nhất là chính trị, vai trò này bắt buộc chúng ta phải tự suy nghĩ về lý trí của các kẻ lãnh đạo của ĐCSVN đã ký giấy phép cho Trung Quốc mở các đặc khu ngay trên lãnh thổ Việt Nam mà qua vụ ô nhiễm tày trời biển miền Trung vừa qua, nơi mà chính chính phủ và chính quyền cũng không được phép tới Formosa tại Vũng Áng để điều tra, để biết sự thật, để làm rõ nguyên nhân, trước một thực trạng *“chỉ mành treo chuông”* khi Hoàng Sa và Trường Sa đã bị Trung Quốc chiếm; và từ Vũng Áng ra Trường Sa với vận tốc quân sự của bọn Hán tặc chỉ là chuyện rất dễ dàng như *“với tay”*! Lý trí lãnh đạo của ĐCSVN có không? Ở đâu? Lối ra của Việt tộc ra sao? Vừa rồi là Lào, rồi Miên đã ủng hộ xảo thuật trong chiêu bài *“đàm phán song phương”* của Trung Quốc giữa các nước có tranh chấp với nhau về đảo biển, để tránh cách làm của Phillipines là kiện Trung Quốc trước tòa án quốc tế. Như vậy là Lào, Miên đã *“rơi vào rọ”* của Trung Quốc, hay nói đúng hơn là giữa Trung Quốc và Việt Nam, Lào, Miên đã chọn Trung Quốc; nếu chúng ta có lý trí thì chúng ta không được *“than trách”* Lào, Miên vì họ đã thấy rất rõ chuyện mất nhân cách, mất nhân diện của các lãnh đạo ĐCSVN không dám đứng ra bảo vệ chính biển đảo của Việt Nam, thì làm sao họ bảo vệ được láng giềng Lào, Miên trước Trung Quốc! ĐCSVN cúi đầu, khoanh tay, luôn sợ *“mất lòng”* Tầu, luôn tìm cách *“lấy lòng”* Tầu; người khôn không ai theo kẻ mất nhân cách, mất nhân diện. Chuyện phong cách và thể diện không phải chỉ là chuyện danh dự cho chính mình, mà nó là chuyện của lương tri, khi Lý Thường Kiệt, khi Trần Hưng Đạo, khi Quang Trung không chỉ nghĩ về mình mà phải lo cho muôn loài, phải đánh thắng cho bằng được ngoại xâm phương Bắc theo nhân cách giáo lý Việt tộc: “*giết một con cò cứu trăm con tép”*. Cho nên nhân dạng *thẳng lưng mà bước* của Lý tướng quân, của Hưng Đạo vương, của chúa Nguyễn Huệ là đặt sự thật, chân lý và lẽ phải vào trung tâm quan hệ giữa người với người, không ai bị khuất phục vì không ai phải luồn cúi với ai cả! Đối với bọn Hán tà “*một miệng, hai lòng*”, các quốc công của ta đã chọn: *giấy rách phải giữ lấy lề*, đây là nhân cách họ, ít ra thì các lảnh đạo ĐCSVN nên làm theo lời dặn của cha ông Việt tộc ta: *áo rách khéo vá hơn lành vụng may!*

**Nhân cách + nhân diện = nhân dạng**

***(tri thức + tâm thức = nhận thức)***

Tại sao chuyện *nhân cách* và *nhân diện* tạo ra *nhân dạng*, không chỉ là chuyện bề ngoài của phong cách và tư cách nói lên thể diện và sĩ diện của một cá nhân mà lại là chuyện nội dung thâm sâu của *tri thức* và *tâm thức* làm ra tự *nhận thức* của cá nhân đó! Thầy xin trả lời: chọn khoa học xã hội và nhân văn, khác với chọn các ngành khoa học chính xác và thực nghiệm, đi học toán thì không cần biết thế nào là công bằng và công lý; đi học: sinh, hóa, lý thì không cần thấu thế nào là bất công, là tham nhũng… nhưng khi đi học khoa học xã hội và nhân văn mà không có ý kiến gì về nhân quyền và dân chủ, thì bị xem như có khuyết tật trong tư duy, hoặc thui chột trong lý luận. Đi học khoa học chính xác và thực nghiệm thì không cần quả đảm để bảo vệ công bằng và công lý, nhưng đi học khoa học xã hội và nhân văn mà không có can đảm thì sẽ không dám đứng về phía sự thật, chân lý, lẽ phải, như vậy thì không khác gì kẻ *câm, mù, điếc, dại*, có khác gì những kẻ đi *«ăn mày»* bằng cấp chỉ để phục vụ cho tư lợi riêng mình. Khi đi nghiên cứu, điều tra, điền dã cho khoa học xã hội và nhân văn, trên quê hương Việt Nam hiện nay mà không thấy, hoặc thấy mà không dám mô tả, phân tích, giải luận, bằng dữ kiện và chứng từ là *dân đen, dân oan* đang là nạn nhân của tham ô, tham nhũng, hối lộ, đút lót của bạo quyền; cũng không thấy luôn một chế độ công an trị đã công an hóa mọi tổ chức xã hội, trùm phủ bóng đen độc tài lên mọi định chế, mọi cơ chế, nhìn-mà-không-thấy thì: đừng ở lại với khoa học xã hội và nhân văn. Trong chế độ này, trong tay công an thì người dân có thể bị đàn áp, đánh đập, bỏ tù, tra tấn, giết chóc, thấy và hiểu tức là sẽ phân tích được và giải thích được; còn không muốn thấy và không muốn hiểu thì khác gì *chột, què, ngọng, lãng* trước bổn phận và trách nhiệm của *học giả* mà cũng là *tác giả* công trình học thuật của chính mình. Dấn thân vì chính nghĩa là quyền của mỗi cá nhân, nhưng liêm sỉ để bảo vệ sự thật, liêm chính để bảo trì chân lý là hạ nguồn của mọi kết luận trong khoa học nhân văn và xã hội. Hai từ: *chân* và *lý* vừa là gân cốt, vừa là linh hồn của khoa học xã hội và nhân văn. Trong khoa học, hai nhà toán học tranh luận với nhau về toán học thì ít có chính quyền nào để ý tới; nhưng hai nhà kinh tế, hai nhà xã hội học, hai nhà dân tộc học tranh cãi nhau về kinh tài, về giáo dục, về văn hóa thì lập tức gây chú ý cho các lãnh đạo chính trị. Cũng chỉ vì kiến thức của khoa học xã hội và nhân văn thường bị các lãnh đạo này *«lấy xài lại»* cho tính toán chính trị của họ. Cái lõi của vấn đề khi nghiên cứu các vần đề xã hội là chúng ta đang làm chuyện giải mã: từng khâu, từng khúc, từng đoạn quan hệ (thâm trọng) giữa người và người qua *quyền lực* và *quyền lợi.* Câu chuyện *nhân cách* cùng *nhân diện* làm nên *nhân dạng* là câu chuyện *nhân phẩm* làm nên *nhân tính*, trong đó *nhân đạo* làm nên *nhân nghĩa* qua quỹ đạo của *nhân trí* đã chế tác xong *nhân tri*; ở đây chữ *nhân* luôn mang sung lực của *tự do*. Tự do không nằm trong định nghĩa thô thiển là muốn làm gì thì làm, mà nó luôn luôn bị thử thách qua thực tế, trên con đường của thực tại, với các chướng ngại đang ngăn trở chúng ta đi tìm chữ *nhân* (*cao, rộng, sâu, đẹp)* này. Trước bất công tới từ bạo quyền, chúng ta có hai tự do, mà cũng là hai chọn lựa: một là cúi đầu, khoanh tay rồi quỳ gối; hai là ngẩng đầu, đứng dậy để đấu tranh. Và khi chấp nhận đấu tranh thì *nhân phẩm* và *tự do* đã quyện lại làm một: một *tổng thể*, mà xã hội học chính trị gọi là *tổng thể* của *tổng lực đạo lý* đủ tầm vóc tạo ra sức bật *tổng động viên toàn xã hội*. Đây là loại sức mạnh vô cùng lạ trong quá trình làm người -*lộ trình của chữ nhân*- mà các chế độ độc tài, độc đảng thường hay *«mất ăn, mất ngũ»*, nó bắt đầu bằng vài trận mưa sa, rồi thành từng cơn mưa rào và chỉ một sớm một chiều thành mưa lũ, cuối cùng là một trận đại hồng thủy cuốn đi tất cả các rác rưởi, thối nát của độc tài, độc đảng; mà tổ tiên của Việt tộc đã đúc kết thành qua hình tượng: *«tức nước vỡ bờ».*

Các lãnh đạo Việt Nam hiện nay mà thầy thường thấy qua các buổi họp tại Liên Hiệp Quốc, quanh các bàn họp của các chính quyền khối Âu Châu, trong các hội nghị quốc tế, thì thầy: *không biết họ đang gật gù hay họ đang gà gật!* Ngày đầu tiên khi họ tới các sân bay quốc tế, lúc nhận hành lý tại, thì họ có nhiều nhân viên giờ đã trở thành đầy tớ của họ để vác hành lý, để khiêng vật tư, để làm dịch vụ, để thông dịch… vì họ vừa không có ngoại ngữ, vừa không chủ động được chuyện đi lại của chính họ. Ta không thấy *nhân dạng* của họ trong những việc dễ nhất, thì làm sao ta thấy được *nhân cách* họ trong lãnh đạo, *nhân diện* họ trong quản lý. Các lãnh đạo này thường thì chỉ chờ họp xong là họ đi mua đồ, giữa họ với nhau họ còn đùa là: *«có họp gì đâu, toàn đi shopping!».* Hệ lụy ở đâu? Nó ở ngay trong chuyến công vụ của họ, thay vì chỉ chi tiêu một chi phí hàng không, thì ngân sách phải tốn đến ba bốn cái vé máy bay, chưa kể ăn nhà hàng, ở khách sạn trong quá trình công vụ. Như vậy câu chuyện nhân cách giờ đã mang nội dung *kinh phí* chống tập thể, và phản *kinh tế* vì bòn rút trên thuế của dân. Chỉ vài ba ông chủ tịch tỉnh (mà mỗi năm thường kêu than với cả nước là phải *«cứu đói»* tỉnh của họ), vậy mà mỗi lần xuất ngoại mang theo vài người tháp tùng để làm *«đày tớ»* khuân vác vừa hành lý, vừa làm dịch vụ khai báo cá nhân cho họ. Việt tộc sẽ đi về đâu? Nếu vô nhân cách qua lãng phí, thì chắc chắn vô nhân diện trong hối lộ, để thành vô nhân dạng trước thế giới văn minh hiện nay. Khi họ về nước thì họ chỉ khoe khoang các đồ tiêu dùng mà họ mua được, các bức ảnh, các bộ phim du lịch mà họ chụp quay được, còn dân thì không thấy họ *minh bạch hóa thành quả (và hậu quả) công vụ* của họ. Cái thiếu liêm chính trong nhân cách đi đôi với cái vắng nhân diện trong giao tế, khi biết thầy là giám sát viên cùng lúc tư vấn một số công trình của Liên Hiệp Quốc mà họ muốn có chỗ đứng, có ghế ngồi, thì thay vì họ nên hỏi ý kiến của thầy về cách lập hồ sơ thế nào để dự án của họ: có sức thuyết phục sâu, có lý luận nội kết vững, có lập luận hợp lý cao, thì họ thường hỏi thầy về các chuyện: *«quen biết ra sao để móc nối cho dễ», «biết quyền để dễ tặng quà», «biết chức để tính đường tắt»…* như vậy, thì hỏi sao thể diện của họ được tôn trọng, phong cách của họ được quý yêu.

Sartre đã nhận định rõ quá trình làm người: *«Nous sommes condamnés à être libres», chúng ta bị bó buộc phải tự do*, nửa thế kỷ sau văn sĩ Lézio khi nhận giải Nobel văn chương càng làm rõ hơn lộ trình của chữ *nhân*: *«Notre destin est dans notre liberté», số phận của chúng ta nằm trong tự do của chúng ta*. Tức là chúng ta muốn làm gì với *ý thức tự do* của mình? Phục vụ cho công bằng, cho công lý hay cúi đầu trước bất công, trước bạo quyền? Số phận không phải là chuyện *nhân quả xuôi chiều* mà ta không sao xoay chuyển được, ngược lại số phận nằm trong sung lực của chất *nhân* xoay chiều, đổi hướng cái *ác, thâm, độc, hiểm* sinh ra cái *xấu, tội, dở, tệ* qua chiều hướng *hay, đẹp, tốt, lành.* Trong Phật học, câu chuyện này đã rõ từ 26 thế kỷ nay trong lập luận của Phật: *nghiệp lực* có thể được xoay qua chiều hướng bởi *ý nguyện* mà khi trở thành *ý lực* thì *nghiệp lực* sẽ vào quỹ đạo của *nguyện lực,* trong đó *nghiệp* chỉ là môi trường, còn *nguyện* là chủ thể hành động bằng ý thức để thay đổi môi sinh. Vậy mà Phật giáo tại quê nhà đã *“vắng mặt”* trong cuộc đấu tranh hiện nay vì nhân quyền và dân chủ, lại càng *«vắng bóng»* trong cuộc xuống đường đòi một môi trường trong sạch, sau vụ ô nhiễm tại miền Trung. Nếu giải thích là: *«vì «*ăn chay*» nên không ăn cần cá!»* đây là cách nói liều! Vì môi trường trong Phật học là môi sinh nuôi chúng sinh; không có chúng sinh thì không có Phật giáo, và Phật giáo *sống vì sự sống* của chúng sinh, trong đó không những có người, mà luôn cả cá và môi sinh. Trong khi đó tại hải ngoại Phật giáo Việt Nam thăng hoa không ngừng hơn nửa thế kỷ qua với ảnh hưởng quốc tế của thiền sư Thích Nhất Hạnh, với mạng toàn cầu hóa thiền học Làng Mai của thiền sư này, một tu sĩ tin yêu của Phật giáo Việt tộc, với những thế hệ thượng tọa kế thừa xứng đáng: Thích Phước Tịnh, Thích Minh Niệm… Nhưng thật lạ là Phật giáo tại quốc nội thì *«tanh bóng»* trong chuyện *độ đời*, cứu chúng sinh trong đấu tranh chống ô nhiễm, thật thấp khi so với các phong trào đòi dân chủ, bảo vệ môi trường của Thiên chúa giáo hiện nay, tại sao? Thật lạ! Tình thương của Phật giáo là chìa khóa là để cứu người, cứu đời, nhất là những nạn nhân đang chìm đắm trong *nỗi khổ, niềm đau*, mà tiêu biểu nhất là *dân đen, dân oan* hiện nay trên đất nước của Việt tộc. Vậy mà, các thượng tọa xem như không thấy bóng dáng *dân đen, dân oan* trong các bài pháp thoại của họ. Nếu ngay trong pháp thoại của họ mà họ *“nhắm mắt, làm ngơ”* trước nỗi khổ niềm đau của dân đen, dân oan, thì họ đã phản bội các kiến thức căn bản nhất của Phật giáo. Vì, Phật học dụng *quán chiếu* thương người để có *chánh niệm* đi độ đời; chuyển *niệm, định, tuệ* thành *bi, trí, dũng*, để thương yêu muôn loài, không được bỏ sót một ai. Các vị lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo hiện nay, có nhận ra *nghiệp oan* của Việt tộc đang trên quỹ đạo *nghiệp nạn* không?Và nếu các vị cứ *“nhắm mắt, làm ngơ”* thì chính các vị đang vô tình *tạo* *nghiệp chướng* cho chúng sinh, mà nhất là chúng sinh lại là đồng bào, thì *sinh nghiệp* của họ các vị phải xem là *sinh linh* (sự sống linh thiêng) chứ! Đừng xây nhiều chùa, hãy xây dựng lại *tuệ giác Phật giáo*, hãy gầy dựng lại *tri thức Phật học*, hãy tạo dựng lại *từ bi Phật luận* ngay trong não trạng của các vị!

Tại đây các nghiên cứu của xã hội học tôn giáo đã đưa ra ít nhất 5 kết quả điều tra, có thể trở thành 5 chỉ báo để phân tích chuyện *«biệt bóng»* của Phật giáo hiện nay. Thứ nhất, là các thượng tọa, hòa thượng khi được chính quyền công nhận là những kẻ đã cúi đầu trước bạo quyền, thậm chí còn thông đồng với chính quyền, và trong số đó lại còn có kẻ bị phật tử xem là *«công an chìm»* cho chế độ. Thứ hai là các chùa hiện nay được chính quyền bao che thường là nơi để làm thương mại hơn là chỗ để chăm lo cho phật pháp, *«xây chùa để làm tiền»* là một hình thức tham nhũng tồi tệ, vậy mà đã có các tu sĩ thông đồng với bọn tham nhũng chuyên nghiệp biến chùa thành ra *«nơi để làm ăn»,* đây là một vết chàm cho Phật giáo Việt Nam thời nay. Thứ ba là vẫn còn ít các lãnh đạo Phật giáo có bản lĩnh Phật pháp cao, nội công Phật đạo vững để tổ chức Phật tử thành cao trào đấu tranh vì *từ, bi, hỷ, xả*. Thứ tư là có chuyện *đứt đoạn* trong truyền thống đấu tranh của Phật giáo giữa thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, ngọn lửa của Thích Quảng Đức, của Nhất Chi Mai với bao hy sinh của các phật tử vì đạo pháp của các phong trào Phật giáo miền Trung và miền Nam trong thế kỷ XX vừa qua không được kế thừa bền bỉ; các đấu tranh của các thượng tọa tại Huế trong những năm 90 thế kỷ qua đã không thành cao trào. Thứ năm là có chuyện *biến chất* từ một Phật giáo trưởng thành trong đấu tranh của thế kỷ qua với tuệ giác: *bi-trí-dũng* (lấy *từ bi* để dẫn *trí tuệ* bằng *dũng cảm*) đã mất chỗ đứng trong các chùa làm thương mại, đã mở cửa thật rộng cho mê tín, dị đoan tràn vào *niệm-định-tuệ* của Phật học! Nhưng 5 chỉ báo này thật chưa đầy đủ, vẫn còn phiến diện nếu không thấy 5 *thực tế ngầm* của Phật giáo hiện nay: phật tử là cư sĩ có mặt trong các phong trào đấu tranh vì nhân quyền và dân chủ; họ có mặt không ít trong các cuộc xuống đường để bảo vệ môi trường vừa qua; hiện diện luôn trong các bài pháp thoại của các thượng tọa, hòa thượng còn lương tri Phật pháp; không hề vắng bóng trong các cuộc tranh luận: *đạo và đời, đạo vì đời, đạo vào đời* giữa tu sĩ và cư sĩ; và nhất là trong các nhóm tu sĩ có nhiều phân tích khác nhau nhưng tích cực về chuyện tham gia hay không vào các cuộc đấu tranh mới của dân tộc.

Hiện nay thầy còn mộtnỗi lo khác nữa về: *nhân diện, nhân cách* làm ra *nhân dạng* người Việt với bao dòng thác vũ bão của thế giới văn minh đòi nhân quyền cho nhân sinh qua các hội đoàn từ thiện, nhân đạo mà nhân quyền và dân chủ là hải đăng của họ. Các bạn, các em, các con có biết không là trong các hội đoàn nhân quyền này họ có đầy đủ: tin tức, dữ kiện, chứng từ, hồ sơ, nhân chứng… về hiện trạng nhà tù của Việt Nam, họ có luôn hình ảnh trong ngục sâu với nhiều loại xiềng chân: *xiềng vòng cung, xiềng tam giác để xiết, xiềng tam giác có khía* để hành hạ, để gây thương tích, để tạo nhục hình qua thương tích rồi bịnh tật, giết tù nhân dần mòn trong đau đớn, có tù nhân bị nhiễm HIV trong điều kiện này. Thầy quan sát các buổi thảo luận về chuyện đày đọa, tù ải qua các nhục hình kiểu ĐCSVN đang làm này tại các hội đoàn nhân quyền quốc tế tại, thường xẩy ra một chuyện rất bất nhẫn là có các người phương Tây phát biểu: *«Tại sao «*người Việt*» còn mọi rợ như vậy trong khi xiềng xích chỉ giành cho nô lệ từ thủa xa xưa nào, mà nhân loại tưởng nó không còn nữa!».* Trong khi đó sự thật không phải *«người Việt mọi rợ»* mà là chế độ ngục tù của ĐCSVN *man rợ*! Đây là một vần đề *nhận thức* mà tính chính xác của *tri thức* phải phối hợp với tình thương của *tâm thức* để chế tác ra nhân cách đấu tranh chống lại mọi hành vi man rợ từ ngoài xã hội cho tới tận ngục sâu, nơi mà thú tính của cai tù đã lấy đi nhân tính của người tù. Người *trí thức* có trong *tri giác* của mình một cái vốn vô giá là cái *tự do nhận thức*, một tự do của lý trí làm ra trí lực để thăng hoa tâm lực, như vậy đứng về phía *dân đen, dân oan* vẫn chưa đủ, mà trí thức phải bảo vệ tất cả *tù nhân lương tâm*, đã hy sinh cuộc đời của họ để bảo vệ công bằng và công lý, qua dân chủ và nhân quyền, trong đó *nhân quyền luôn làm chỗ dựa cho nhân tính, nhân tri, nhân lý, nhân đạo, nhân nghĩa vì nhân loại*. Cụ thể là trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, mọi người Việt phải hằng ngày bảo vệ nhân cách, nhân diện Việt tộc trong quan hệ quốc tế, trong đó trí thức phải bảo vệ *dân đen, dân oan*, *tù nhân lương tâm,* và tất cả những đồng bào đang bị áp bức. Thể diện của một công dân không hề tách rời quốc thể của một dân tộc. Nỗi lo hiện nay của thầy ngày càng sâu vì trong *công pháp quốc tế* hiện nay đã có các *Tòa án quốc tế* để xử các tội mà tên gọi của nó rất chính xác: *tội ác chống nhân loại (crime contre l’humanité), chống* phải hiểu ở đây là *diệt*, nhân loại ở đây không phải chỉ có dân tộc, mà là nhân loại nói chung, mang nhân phẩm, nhân tính, nhân bản… của cả loài người, cần phải bảo vệ cho bằng được trên bình diện quốc tế ngày càng phổ quát. Bất cứ một nạn nhân nào, người Việt hay người ngoại quốc, nếu có bằng chứng, đều có thể kiện các tội ác man rợ do các tội phạm được điều khiển bởi các lãnh đạo ĐCSVN. Và, nếu một ngày nào đó mà các lãnh đạo ĐCSVN bị vướng vào các tòa án quốc tế này với *tội ác chống nhân loại*, thì mỗi cá nhân chúng ta cũng ít nhiều bị xúc phạm nhân cách, chắc chắn là thể diện quốc gia (quốc thể) bị vấy bùn, mặc dù chúng ta không hề là thủ phạm, mặc dầu chúng ta là nạn nhân.

Tổ tiên Việt tộc dặn con cháu về *nhân cách*: «*đói cho sạch rách cho thơm»,* với *nhân diện* trên đường của *nhân nghĩa*: «*đường mòn nhân nghĩa không mòn»,* làm ra *nhân dạng* bằng *nhân phẩm: «nắng ba năm ta không bỏ bạn*, *mưa một ngày bạn đã (đừng) bỏ ta»,* câu chuyện *nhân cách* và *nhân diện* của chúng ta trong thư này có thể sâu hơn, có lẽ cao hơn câu chuyện *«to be ou not to be»* của Scheckpear, vì nó là chuyện*: (đã) bỏ nhau rồi* hay *(đừng) bỏ nhau* trước bài học của tổ tiên Việt tộc dạy con cháu có cùng một Mẹ Việt Nam, có cùng một bào thai nên gọi nhau là *đồng bào*: *«một con ngực đau cả tàu không ăn cỏ».* Câu chuyện *sống-với-nhau-thì không-bỏ-nhau* của thầy không hề viển vông đâu, qua *tri thức* và *tâm thức* để có *nhận thức* rất dễ *nhận diện* ra trong *nhân dạng*, thí dụ tri thức của nó ta rất dễ nhận ra: *đừng mang gươm giáo vào đời* (Trịnh Công Sơn), thí dụ tâm thức của nó ta rất dễ nghe ra: *Khóc cười theo mệnh nước nổi trôi* (Phạm Duy), thí dụ thật điển hình là Trần Huỳnh Duy Thức tuyệt thực để chống lại bạo quyền trong ngục sâu, để đòi nhân quyền và dân chủ, tức là đòi lại nhân cách giáo lý Việt tộc cho quốc thể của chúng ta; và đồng bào ta, trong nước và ngoài nước, cũng tổ chức đồng hành tuyệt thực cùng ông, lương tri Việt tộc còn, vì nhận thức công dân Việt còn. Như vậy, câu chuyện *«một con ngực đau cả tàu không ăn cỏ»* là có thật, đây là nhân cách Việt, các bạn, các em, các con quý thương của thầy, chúng ta *đừng* bỏ rơi *dân đen*, *dân oan,* các *tù nhân lương tâm* và tất cả những đồng bào đang bị áp bức nhé! Vì đây là nhân cách, nhân diện; nhân dạng của chúng ta.

*Sống có nhân mười phần chẳng khốn…*

**Nhân Việt:**

***Nhân kết***

***Hóa*!**

**Đã bị *tha hóa* thì nên *cải hóa* ngay: hãy lấy *đa* trị *độc*!**

Lấy *tâm* để *tổng* *kết*, lấy *luận* để *kết luận,* tất cả xoayxung quanh hệ vấn đề: *độc đảng* tạo nên *độc tài*, gậy bao *độc hại* cho Việt tộc, chỉ vì *bất tài* trong *độc đoán,* do lãnh đạo ĐCSVN trực tiếp gây ra sau ngày thành lập đảng này 1930, nhất là sau ngày thống nhất đất nước 1975. Trong giới hạn của tiểu luận này, tôi chỉ xin nên ra 50 điểm, như 50 vấn đề, 50 khu vực, 50 sinh hoạt, 50 hậu quả mà Việt tộc phải nhận lãnh. Từ đó, công dân Việt và nhân sĩ Việt hãy dùng *ý thức* trong nhận định, rồi biến thành *nhận thức* tạo tư duy cho *tâm thức* của mỗi người trong tình huống vô cùng xấu hiện nay của giống nòi Việt. Các bạn sẽ thấy 50 nêu ra đây sẽ biến thành 100, rồi 1000 những khúc mắc, những khó khăn, những thử thách đang chực chờ Việt tộc. Nhân cách giáo lý Việt tộc thúc đẩy chúng ta cùng nhau tìm cách giải quyết, tìm cho bằng được lối ra cho Việt tộc, dựa trên đạo lý *đồng bào,* cùng bào thai, cùng tổ tiên, cùng nhau vượt mọi thăng trầm, tuyệt đối tránh mọi nội chiến huynh đệ tương tàn như trong thế kỷ qua. Quyết đoán trên *đồng lý* của hòa hợp, hòa giải để gây dựng lại trọn vẹn tình nghĩa đồng bào, để bảo vệ toàn vẹn đất nước trước Tàu họa, quyết tâm trên *đồng luận* chọn đoàn kết dân tộc, cương quyết không chọn chia rẽ, tị hiềm, mê chấp, tránh cảnh *gà nhà bôi mặt đá nhau*.

1. **Đạo lý**

*Trần trụi hóa*, lãnh đạo ĐCSVN đã và đang trần trụi hóa mọi tình nghĩa đồng bào, đã đi ngược lại đạo lý *bầu ơi thương lấy bí cùng*, chính tham nhũng và bất công đã biến con người Việt Nam hiện nay trở nên ích kỷ, vô tâm, vô cảm.

*Trơ trẽn hóa,* lãnh đạo ĐCSVN đã và đangtrơ trẽn hóa mọi quan hệ đạo lý giữa cộng đồng và cá nhân, giữa tập thể và cá thể, đang biến con người Việt Nam hiện nay trở nên vô trách nhiệm, vô bổn phận trước ý đồ vô cùng thâm độc của Tầu tặc, trước số phận *chỉ mành treo chuông* của Việt tộc.

*Bỉ ổi hóa,* lãnh đạo ĐCSVN đã và đang biến cướp giựt vật chất, đất đai, của cải, tài nguyên của đất nước, trở thành phản xạ phổ biến trong giới lãnh đạo, qua các động thái vơ vét, chụp giựt của bề trên tham nhũng, lan tràn qua cách xử thế giữa các cá nhân trong gia đình, họ hàng, thống tộc, làng xóm…

*Thô bỉ hóa,* lãnh đạo ĐCSVN đã và đang thô bỉ hóa tất cả các quan hệ xã hội qua cơ chế, học đường, nghề nghiệp, chuyên môn, văn hóa, xã hội… lấy văn hóa bì thư tham nhũng làm tiền lệ cho mọi sinh hoạt bình thường trong xã hội, lấy tiền bạc để đổi chác, biến quyền lợi thành tư lợi.

*Tục tĩu hóa,* lãnh đạo ĐCSVN đã và đangtục tĩu hóa từ quan hệ gia đình tới sinh hoạt xã hội, trong đó tư cách ích kỷ *«ai chết mặc ai»,* đã thay nhân cách cao thượng *«thương yêu đồng bào»,* mà các cấp lãnh đạo vô luân, vô tri, vô minh đã cấy vào bao thế hệ từ hơn nửa thế kỷ nay, lấy *«mua quyền, bán chức»* để thay thế đạo lý *«cần cù, chăm chỉ».*

1. **Luân lý**

*Vô luân hóa*, lãnh đạo ĐCSVN đã và đang vô luân hóa các quan hệ *hay, đẹp, tốt, lành* giữa cá nhân và gia đình, họ hàng, thống tộc, làng nước, thay thế vào đó bằng quá trình vật chất hóa các quan hệ, tiền tệ hóa các sinh hoạt cộng đồng, tập thể, lấy phản xạ *tiền đi trước, chức tước đi sau*, tha hóa mọi giáo dục luân lý trong cộng đồng Việt.

*Vô nghĩa hóa,* lãnh đạo ĐCSVN đã và đangvô nghĩa hóa mọi tương quan giữa luân lý và tri thức, gạt luân lý *tôn sư trọng đạo; tầm sư học đạo;* *thanh niên là nguyên khí quốc gia*; ngược lại đang tha hóa thanh niên, các thế hệ qua nhậu nhẹt, hút sách, rượu bạc… mà không hề có một chính sách liêm chính, một giáo dục quần chúng minh bạch chống triệt để các tệ nạn xã hội.

*Vô nhân hóa,* lãnh đạo ĐCSVN đã và đang tiếp tục tê liệt hệ thống tư pháp bằng cách thao túng, giật dây, biến tòa án, thẩm phán thành công cụ phản công lý, nhắm mắt trước bao tệ nạn xã hội luật pháp nghiêm minh vắng bóng, công lý không có mặt để chống bất bình đẳng, bất công, thiếu *gốc nhân* trong cộng đồng, thiếu *cội lý* trong sinh hoạt tập thể, vì không hề có *rễ công* trong độc tài của đảng trị.

*Vô tri hóa,* lãnh đạo ĐCSVN đã và đang tiếp tục vô tri hóa mọi trách nhiệm lãnh đạo qua các cách làm bất minh nhất của *gia đình trị*, tạo tràn lan hiện trạng *thái tử đảng*, với thực trạng *truyền ngôi, trao chức,* đặt lợi ích gia đình lên trên lợi ích của dân tộc, đất nước, cơ chế, hệ thống… Tự nó và từ đó, tạo ra thất thoát ngân sách đi cùng với *bất tài, vô tướng* trong lãnh đạo, mà tham nhũng luôn đi kèm với tranh giành quyền lợi, mà xung đột nội bộ không vì quyền lợi của tập thể, của xã hội mà vì xâu xé nhau qua tiền của.

*Vô giác hóa,* lãnh đạo ĐCSVN đã và đang tiếp tục nhắm mắt trước thảm kịch *dân đen, dân oan*, một lực lượng ngày càng nhiều, ngày càng đông, thất nghiệp trắng tay lại bị mất nhà, mất đất, không chốn nương thân, thường xuyên bị công an đàn áp với các phương tiện bạo lực vừa dã man, vừa thấp hèn, khai thác và sử dụng côn đồ, lưu manh, xã hội đen để trán áp, hãm hại dân lành, đây là tội nặng chớ không phải là lỗi thường.

1. **Tri thức**

*Thui chột hóa*, lãnh đạo ĐCSVN đã và đang thui chột hóa tri thức của dân tộc, trầm trọng nhất là làm mất nội dung giáo dục đạo lý và khoa học làm nền tảng cho vai vóc luân lý một dân tộc, cho sức bật các thế hệ thanh niên, cho tầm vóc một giống nòi trước bối cảnh gay gắt của toàn cầu hóa hiện nay.

*Bồi bút hóa*, lãnh đạo ĐCSVN đã và đang tiếp tục bồi bút hóa các ký giả, các báo đài, các mạng truyền thông bằng quyền lực có nội dung thấp hèn nhất, với các hình thức thô bỉ nhất qua các bộ máy kiểm duyệt, nhưng thực chất là khủng bố truyền thông ở dạng tồi tệ, không thể có trong các quốc gia văn minh.

*Cạn kiệt hóa*, lãnh đạo ĐCSVN đã và đang tiếp tục cạn kiệt hóa sinh lực của các tầng lớp trí thức, khoa học, k**ỹ** thuật, biến tính cần cù thành thái độ chán chường trong công việc; biến tính ham học thành hành vi biếng nhác trong sinh hoạt sáng tạo, cải tổ, canh tân; biến ham muốn cống hiến để Việt tộc được thăng hoa thành các động thái thờ ơ, lãnh đạm trước chuyện sinh tồn của đất nước.

*Nhu nhược hóa*, lãnh đạo ĐCSVN đã và đang tiếp tục nhu nhược hóa các bộ phận năng động trong các ngành khoa học, kỹ thuât, y học, nhân văn, xã hội bằng các cơ chế hành chính cửa quyền vô tri, qua các tổ chức phản khoa học, phản học thuật, tồi tệ nhất là ngăn cản tự do nghiên cứu, độc lập tư duy, tự chủ lý luận.

*Buôn lậu hoá,* lãnh đạo ĐCSVN đã và đang tiếp tục buôn lậu hoá hệ thống giáo dục và đào tạo, tuyển dụng và chuyên môn, nhân sự và phân công, qua một hệ thống thối nát vì tham nhũng, bạo động vì bè phái, thô bỉ trong bạo quyền độc đảng, biến con cái thành quan chức bất tài, biến hậu duệ thành trợ lý bất lực, biến tiền bạc thành quyền uy chính trị.

1. **Nhận thức**

*Ích kỷ hóa* cá nhân trong quan hệ với xã hội, cộng đồng, tập thể kể cả gia đình, phản xạ ích kỷ chụp giựt, *mạnh ai nấy sống*; *ai chết mặc ai*, tới từ phản xạ *nhà dột từ nóc* của bọn tham nhũng bề trên vơ vét trước, bỏ trốn sau. Một lực lượng lãnh đạo đã tham nhũng, đang vơ vét tiền của và sẵn sàng trốn chạy ra nước ngoài, khi đất nước bị ngoại xâm.

*Vô thức hóa* mọi nhân nghĩa với xã hội, cộng đồng, tập thể, gia đình, không có nhận thức đấu tranh cho đồng loại, cho nhân tính, mà ngược lại tôn vinh các hành vi *trộm, cắp, cướp, giựt* khi tìm đến tha nhân. Lấy tư cách thấp hèn *vàng thau lẫn lộn*; *đánh lận con đen; lừa thầy phản bạn* thay cho nhân cách bảo vệ *sự thật* để bảo trì *chân lý*, để bảo hành *lẽ phải.*

*Ngu dân hóa,* lãnh đạo ĐCSVN đã và đang tiếp tục chính sách và chiêu bài ngu dân hóa Việt tộc, từ giáo dục tới văn hóa, từ đào tạo tới tuyển dụng, từ nhân sự tới cơ chế, tìm mọi cách loại bỏ trí thức, gạt bỏ tài năng, hủy hoại sáng tạo, tiêu diệt sáng kiến về cải tổ, canh tân đất nước.Ngu dân hóa luôn đi đôi với bưng bí**t** truyền thông, tráo gạt thông tin, không hề tôn trọng đạo lý của *sự thật,* của *chân lý*, của *lẽ phải.*

*Sa đọa hóa,* lãnh đạo ĐCSVN đã và đang tiếp tục hành vi và hành động sa đọa hóa Việt tộc, xóa nhân nghĩa của cộng đồng, lấp nhân tri của tập thể, vùi nhân đạo của dân tộc, loại nhân sinh của xã hội, để chỉ chọn độc tài trong độc quyền, độc tôn trong độc đảng, bất chấp mọi đạo lý của nhân tính, mọi luân lý của nhân trí.

*Tật nguyền hóa*, lãnh đạo ĐCSVN đã và đang tiếp tục chính sách tật nguyền hóa mọi sinh lực của xã hội, biến cá nhân, tập thể, cộng đồng, dân tộc, sống mà không có *nhân sinh quan* trong đạo lý với đồng loại, sống mà không có *thế giới quan* trong sáng với láng giềng, minh bạch trong các quan hệ quốc tế, sống mà không có *vũ trụ quan* liêm chính với môi trường, môi sinh, không có thái độ và hành vi rõ ràng về ô nhiễm, về toàn cầu hóa nhân quyền và dân chủ.

1. **Lao động**

*Khốn cùng hóa* nông dân, lãnh đạo ĐCSVN đã và đang tiếp tục khốn cùng hóa nông dân, qua các chính sách, cướp đất với chiêu bài luật giả mạo là đất của nhân dân, nhưng do ĐCSVN quản lý, qua quy hoạch để bán lại cho bọn gian thương trong xây cất, rồi chia lời qua tham nhũng. Cướp trắng phương tiện sản suất của nông dân, cũng là *quê cha đất tổ*, nơi *chôn nhau cắt rốn* của họ.

*Lao nô hóa* nhân công*,* lãnh đạo ĐCSVN đã và đang tiếp lao nô hóa tầng lớp nhân công làm thuê với lương thấp, giờ đây phải nhận kiếp lao nô cho các nước láng giềng châu Á, mà cách đây nửa thế kỷ, trước khi ĐCSVN nắm quyền các nước này không hơn Việt Nam, không hề có vai vế của *kẻ chủ* và Việt tộc không hề bị đóng *vai tớ*, bị khinh miệt hằng ngày trên truyền thông của Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan…

*Bần cùng hóa* viên chức, lãnh đạo ĐCSVN đã và đang tiếptụcbần cùng hóa mọi tầng lớp viên chức, với lương tháng không đủ sống, sống đời chật vật đi làm thêm với các nghề không phải chuyên môn của họ. Biến giáo viên phải ở thế tha hóa giáo dục, đưa đẩy học sinh phải học thêm trong các lớp tối, do chính các giáo viên đó đảm nhận, tạo dựng nên một quan hệ giáo dục thô tục: dựa trên tiền để mua điểm, mà sau này sẽ mua bằng ở các cấp cao hơn.

*Nô bộc hóa* các công đoàndo ĐCSVN tổ chức và giật dây, biến công đoàn thành công cụ của ĐCSVN, cùng lúc đàn áp các công đoàn tự do thật sự đấu tranh để bảo vệ quyền lợi của công nhân. Trong lịch sử của chính mình, ĐCSVN không hề đại diện cho giai cấp công nhân, đấu tranh vì công nhân và hiện nay không hề các một chính sách minh bạch để đưa cống sống vật chất và tinh thần của giai cấp này đi lên.

*Đầy tớ hóa* lực lượng lao động qua các chính sách xuất khẩu lao động, lãnh đạo ĐCSVN đã và đang tiếptục quá trình hạ thấp danh dự và nhân cách lao động của Việt tộc bằng cách thông đồng với các chủ thầu lao động trong chính sách xuất khẩu đưa người dân đường cùng, tha phương cầu thực với phong cách lao nô thấp hèn nhất. Từ đây sinh ra hiện trạng lao động Việt làm gian, ở lậu nơi xứ người, với một số phụ nữ chuyện phận nô tỳ tại các nước láng giềng: Trung Quốc, Đài Loan…

1. **Môi trường**

*Truy diệt hóa* môi trường từ đất liền ra tới biển, lãnh đạo ĐCSVN đã và đang tiếptục truy diệt môi trường sống của Việt tộc, từ các chính sách khai thác vô cùng bừa bãi tài nguyên của đất nước để chia chác một cách bất chính nhất các quặng mỏ trong đất liền tới biển, buôn lậu bán dầu thô ngay trên các giàn khoan với giá thấp cho Tầu, mà các ủy viên bộ chính trị cho tới các thủ tướng đã vơ vét một cách đốn mạt nhất.

*Tàn hại hóa* môi sinh, lãnh đạo ĐCSVN đã và đang tiếptục để các công ty, doanh nghiệp, nhà máy của Tầu tàn hại môi sinh của Việt tộc, từ đất liền ra tới biển, mà thảm họa Formosa năm 2016 sẽ tạo ra bao hậu nạn qua nhiều thế hệ từ môi trường tới sức khỏe quần chúng, từ kinh tế tới du lịch… Trong lịch sử của chính mình, ĐCSVN không hề có một chính sách minh bạch được thể hiện qua một đạo luật nghiêm minh để bảo vệ môi sinh của Việt tộc, hậu quả đất Việt là đất trắng, biển Việt là biển bẩn, ô nhiễm từ rừng tới đảo, một đất nước không còn là đất sống, đang là viễn ảnh vô cùng xấu cho các thế hệ mai sau.

*Bòn rút hóa* tài nguyên đất nước cho tới quỵ gục, lãnh đạo ĐCSVN đã và đang tiếptục qua tham nhũng của các nhóm mafia đang nắm quyền và chia chác trong giới lãnh đạo, cạn kiệt hóa từng ngày tài nguyên đất nước, bòn rút tài nguyên trong phản xạ của loại đỉa đói sẵn sàng thành lang sói, giết nhau để giành tài nguyên, mà thí dụ là vụ thanh toán lẫn nhau trong giới lãnh đạo tỉnh Yên Bái, là điển hình của bọn cướp, nếu không trộm được sẽ chớp nhoáng trở thành sát nhân.

*Ô nhiễm hóa* môi trường*,* biến đất sống thành đất chết, biến biển sạch thành biển bệnh chờ chết, ĐCSVN đã và đang tiếptục vơ vét qua các hệ thống *tham quyền-tham ô-tham nhũng*, chụp giật với nhau tài nguyên, biến đấu thầu và ký thác chủ quyền khai thác tài nguyên cho ngoại bang, mà chính là các tập đoàn Tầu, đang thể hiện chính sách ngoại xâm thâm độc của chúng qua môi trường và thực phẩm để tổ chức diệt vong Việt tộc.

*Khốn kiếp hóa* cảnh quan*,* ĐCSVN đã và đang tiếptục đuổi dân, giành đất, mở cửa qua tham ô, tham những cho các tập đoàn thầu từ đất đai tới du lịch, từ Hạ Long tới Đà Nẵng, từ Nha Trang tới Vũng Tầu, từ Côn Đảo tới Phú Quốc, các tập đoàn này đang khốn kiếp hóa các bờ biển lành, các cảnh quan đẹp, các môi trường sángthành những nơi du lịch thấp kém về mỹ quan, tồi tục về cảnh quan.

1. **Chính quyền**

*Ăn trên hóa* của công, của dân qua tham nhũng, tham ô, cửa quyền, nơi mà lãnh đạo biến của công thành của riêng, biến của riêng thành của nhà mình, rồi chuyển tài lực của dân tộc ra nước ngoài, tìm cách tẩu tán tiền tài của đất nước trước khi tìm cách thoát thân khi có quốc loạn.

*Ăn trộm hóa* mọi của cải của xã, thôn, huyện, thành phố, vùng, miền với danh nghĩa giả *đất đai là tài sản của nhân dân*, nhưng thật ra là lấy quyền chức lãnh đạo để trộm cướp ngay trên đất của dân. Lãnh đạo làm giầu nhờ trộm đất, trộm ruộng, trộm rừng, trộm bãi biển… biến dân có đất thành dân đen, dân oan.

*Ăn giựt hóa*, lãnh đạo mà mang tư cách của kẻ trộm, nếu ăn trộm không được thì cướp, sẵn sàng dùng công an, côn đồ để cướp, để giựt qua bạo động, bạo hành với bạo lực của kẻ trộm giữa ngày, đây là loại chính quyền quái thai, ngày ngày đang bị nhân loại dùng nhân tri để loại chúng ra khỏi nhân sinh.

*Ăn mày hóa* viện trợ nước ngoài, không có liêm sỉ trong tự lực, không có tự trọng trong tự chủ, không tự trọng vì không tự tin về năng khiếu lãnh đạo của mình, tìm mọi cách tham nhũng ngay trên viện trợ của nước ngoài. Cùng lúc, xiết dân qua thuế, đã nghèo ngày càng nghèo hơn.

*Ăn xin hóa* trong phản xạ đi xin bên ngoài, không có quanh minh trong độc lập, không chính đại trước đối tác, lại còn không biết đối mặt ngang hàng với láng giềng: cúi đầu, khoanh tay, quỳ gối trước Tàu; mượn nợ của Tàu rồi sẽ bị Tàu bóp nợ, xiết nợ, vì đang ngộp nợ, đóng vai kẻ ăn xin mà phải trả nợ cho đến chết, vẫn chưa hết nợ.

1. Quân đội

*Hèn hạ hóa,* nhân cách an ninh của quân đội không bảo vệ đất nước, lại còn biến thành bọn gian thương qua các doanh nghiệp đi chiếm đất của dân, viện cớ là đất quốc phòng, rồi sau đó bán lại cho tập đoàn gian thương khác.

*Bất nhân hóa,* của các lãnh đạo quân đội là rũ bỏ chức năng quốc phòng là bảo vệ toàn vẹn tổ quốc, buông bỏ nhân tri quốc an để đi tìm quyền lực cá nhân, để trục lợi cá nhân. Có chức là đưa gia đình, bè đảng, hậu duệ vào cơ chế, tha hóa chức năng quốc phòng, vô hiệu hóa các trách nhiệm an ninh quốc gia trước tiền đồ của dân tộc.

*Thủ đoạn hóa,* dùng cơ chế đứng ngoài và đứng trên luật pháp để tự phong cho nhau cấp tướng, cấp tá, trong một cơ chế đầy tràn các tướng tá, chỉ biết chụp giựt của công, của dân, không có phong thái của quân đội, biết bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ trước Tầu tặc, ngược lại sẵn sàng sát hại nhau vì tư lợi

*Tư nhân hóa,* bỏ quốc phòng để làm kinh tế, để trục lợi, lấy danh nghĩa quốc phòng để chiếm đất rồi buôn đất, giành làng, vùng, miền… để tham ô rồi tham nhũng, làm giầu một cách bất chính nhất, ngược lại thì vắng bóng trước Tàu họa, ngang nhiên chiếm đất biên giới, chiếm đảo, chiếm biển.

*Ô nhục hóa* truyền thống bách chiến, bách thắng của Việt tộc trong ngàn năm trước Tàu họa, đang ươn hèn hóa nhân cách cứu nước, đang phỉ báng hóa phong cách kẻ vũ khí vì quê hương, vì dân tộc, vì thiết tha với tiền đồ của tổ tiên.

1. **Công an**

*Bạo động hóa* khi trấn áp, đàn áp nhân dân với các phương cách và phương tiện tồi tệ nhất của một chế độ độc tài vô nhân, độc đảng vô tri, độc tôn vô trí. Không truy bắt côn đồ, lưu manh, du đảng, mà ngược lại đi thông đồng với bọn xã hội đen để hãm hại dân lành.

*Cưỡng hiếp hóa* các đòi hỏi, đấu tranh, yêu cầu, kiện tụng của nhân dân bằng những hành vi phi nhân và phi pháp của độc tài, độc trị. Luôn có thái độ đe dọa, hành hung, chụp mũ, khủng bố một cách bất chính nhất, ngược lại với nhân cách của kẻ bảo vệ an ninh cho nhân sinh.

*Côn đồ hóa*, trong quan hệ với nhân dân, không ngần ngại dùng bọn côn đồ xã hội đen để hãm hại các người đấu tranh vì nhân quyền, dân chủ, các phong trào dân oan giữ đất. Ăn hiếp người ngắn cổ, kẻ bé miệng; ngược lại sẵn sàng làm nô bộc cho các lãnh đạo ăn trên ngồi trốc, mang thái độ cướp ngày trước dân lành, qua phong cách giả mạo bảo vệ dân.

*Du đãng hóa*, trong quan hệ giữa công an và quần chúng, công an đội lốt du đãng để hành hung các người lương thiện đấu tranh để bảo vệ quyền lợi của họ, hãm hại các nhà dân chủ đấu tranh cho nhân quyền. Lại còn xúi dục bọn quá khích, cực đoan hành hung, khủng bố những nhân sĩ yêu nhân quyền, quý dân chủ, thiết tha với công bằng của xã hội nhân sự.

*Đĩ điếm hóa*, ngày càng rõ trong quan hệ giữa công an và bọn côn đồ xã hội đen, khi mua chuộc bọn này để hãm hại người liêm chính, đã tháo lui trước chức năng an ninh của mình lại còn để bọn côn đồ, du đãng hành hung dân chúng, thao túng xã hội. Nhắm mắt trước bao tệ nạn xã hội, ngược lại còn đi truy bắt, hãm hại các nhân sĩ yêu nước, muốn bảo vệ tiền đồ Việt tộc.

1. Giống nòi

*Cùn nhục hóa*, ĐCSVN đã và đang tiếp tục ung thư hóa nhân cách giáo lý Việt tộc đã bao đời được gây dựng trên trí lực của Ngô Quyền, của Lý Thường Kiệt, của Trần Hưng Đạo, của Quang Trung trong “lấy trí nhân thay cường bạo” (Nguyễn Trãi). Bọn Tầu tặc đã quá hiểu chuyện này, còn tham vọng thôn tính quê cha đất tổ của Việt tộc của chúng chỉ là loại tham vọng xấu, tồi, thấp, hèn mà cha ông ta đã bao lần “giáo hóa” chúng là “Đất Nam của người Nam”

*Tê liệt hóa*, ĐCSVN đã và đang tiếp tục đồi trụy hóa nhân cách giáo lý Việt tộc được xây dựng trên đạo lý của Trần Bình Trọng, thà làm quỷ phương Nam, không để một láng giềng dù mạnh, lớn tới đâu xem thường, coi khinh ta. Linh động trong ngoại giao không phải là quỳ gối trước dã tâm với kẻ thù truyền kiếp; uyển chuyển trong đàm phán không cần phải bắt bớ các nhân sĩ, trí thức, thanh niên yêu nước muốn sống và chết trên quê hương trong lành của Việt tộc, hơn là ăn mót, nuốt vụng các đồ bỏ đi của tầu tặc.

*Khuyết tật hóa*, ĐCSVN đã và đang tiếp tục lệ thuộc hóa nhân cách giáo lý Việt tộc được vun trồng bao thế hệ với ý chí bất khuất bảo vệ quê hương, với đạo lý làm người thẳng lưng mà bước, thẳng đầu mà tư duy, với độc lập trong quyết định, tự chủ trong quyết đoán, nhất là đối với bọn Tầu tặc vừa thâm, hiểm, độc, ác; vừa xấu, tồi, tục, thô.

*Trọng thương hóa*, ĐCSVN đã và đang tiếp tục đốn mạt hóa nhân cách giáo lý Việt tộc được bồi đắp bao đời, từ ngày dựng quốc, biết giữ nước để giữ nhân phẩm, trước họa Tầu tặc hiện nay. Bối cảnh toàn cầu hóa nhân quyền và chủ quyền rất thuận lợi cho việc bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, bảo trọng văn minh của Việt tộc, bọn Tầu tặc không thể làm càn, làm liều, làm ẩu, làm tục, nếu ĐCSVN biết bảo vệ nhân tính, nhân tri, nhân trí, nhân đạo, nhân nghĩa, nhân sinh của Việt tộc.

*Sở khanh hóa*, ĐCSVN đã và đang tiếp tục sở khanh hóa mọi quan hệ với Việt tộc, với bề ngoài “mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao”, nhưng nội chất là thái độ “ghế trên ngồi trốc sỗ sàng” qua điều 4 của Hiến pháp là lực lượng duy nhất lãnh đạo dân tộc; đó hành vi của bọn Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Hồ Tôn Hiến, với phản xạ “khẩu Phật tâm xà”, sẵn sàng làm chuyện “ngậm máu phun người”. Hãy rút khỏi điều 4 này, để tạo đa nguyên, tạo sinh lực mới cho Việt tộc, để mọi công dân Việt có tiếng nói, có sáng kiến, có sáng tạo, để bảo vệ tiền đồ của tổ tiền, để bảo trì đất sống hay, đẹp, tốt, lành cho bao thế hệ Việt mai sau.

Hãy lấy *đa* trị *độc*, lấy trong kho tàng *đa nguyên: đa tài, đa năng, đa hiệu* để thoát ra khỏi kiếp nạn nhân của *độc tài, độc quyền, độc tôn* trong *độc đảng!*

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Kết

*Vì nhân cách giáo lý Việt tộc, vì tổ tiên, vì đồng bào, vì con cháu,*

*Vì nhân quyền, để chống lại mọi bạo quyền*

*Vì nhân phẩm, không cúi đầu trước độc tài*

*Vì nhân đạo, không bị thuần hóa trước độc tôn*

*Vì nhân bản, làm rào cản bảo vệ lương tri*

*Vì nhân tính, không đồng lõa với tội ác*

*Vì nhân tri, nhận bổn phận bảo vệ tri thức.*

**Kết nội kết**

*Nhân duyên… nhân khởi*

*Nhân sinh… nhân dậy*

*Nhân tâm … nhân tạo*

*Nhân đạo… nhân quản*

*Nhân lý … nhân gởi*

*Nhân phẩm … nhân trao*

*Nhân trí … nhân thuận*

*Nhân nghĩa … nhân nâng*

*Nhân quyền… nhân Việt.*

**Thư mục các tác phẩm quốc tế**

**LISTE DES PUBLICATIONS**

***OUVRAGES INDIVIDUELS*** *:*

• *Les Vietnamiens en France*, insertion et identité, L'Harmattan.

• Les *jeunes Vietnamiens de la deuxième génération, semi-rupture au quotidien*, L'Harmattan.

• *L'interculturel et l'Eurasien*, L'Harmattan.

• *Asiatiques en France, les expériences d'intégration locale*, L'Harmattan.

• *L'immigration confucéenne en France, "On s’exile toujours avec ses ancêtres",* essai de sociologie de l’exil, L'Harmattan.

• *L'immigration asiatique, économie communautaire et stratégies professionnelle*, Documentation Française, Centre des Hautes Études de l'Asie Moderne, Fondation des sciences politiques.

-*Liens méthodologiques et Parenté épistémologique entre les sciences sociales*,

Collection Sens & Preuves, Presse Universitaire du Septentrion, 2000.

*-Femmes asiatiques en France, places familiales, placements professionnels et déplacements sociaux*.

Editions *Les Indes Savantes.*

**Anthropologie du Vietnam**

Tome I: *l’espace mental du lien*.

Tome II: *l’espace spirituel de la vie*.

Tome III: *l’espace réflexif de l’homme*.

Tome IV**:** *l’espace singulier du destin****.***

Tome V: *l’espace cognitif du peuple*

Editions *les Indes savantes*.

***OUVRAGES COLLECTIFS****:*

**DIRECTION ET CODIRECTIONS D’OUVRAGES COLLECTIFS**

• L’immigration entre lois et vie quotidienne,

Avec J. Barou, L’Harmattan.

• *La part d'exil, sociologie de la littérature des exilés*,

*Publication d'Université de Provence*.

• *Dépayser la pensée*, avec T. Marchaise,

*Les empêcheurs de penser en rond*, Seuil.

• Chine-Europe, Percussions dans la pensée,

Avec P. Chartier, Coll. *Quadrige Essais-Débats*, PUF.

• *Le dialogue entre les cultures, du commun à la production de l’universel*

François Jullien, Le Huu Khoa. Editions *Les Indes Savantes****.***

**DIRECTION DES DOSSIERS DE REVUES**

• *Populations du Sud-est asiatique*, *Revue Hommes & Migrations*.

• *Réfugiés asiatiques*, *Revue Groupement pour les Droits des Minorités*.

• *Lettres d'exil*, *Revue Hommes & Migrations*.

• *Bouddhisme en France*, *Revue Hommes & Migrations*.

• *Confucianisme : permanence et renouveau*, *Revue Approches Asie*, Economica.

• *Pratique alimentaire et identité culturelle*, *Revue de l'Ethnologie française*.

• *Vietnamologie et francophonie*, Revue *Approches Asie*, Economica.

**Thư mục các tác phẩm Việt ngữ**

**Thơ:**

**°** *Vách và vực***,** nxb Grisea, USA.

**°** *Vó*,nxb Đà Nẵng

**°** *Vong***,** nxb Đà Nẵng

**°** *Vó****c*,** nxb Văn học

**Tùy Bút:** nxbMaster-Asie, *Anthropol-Asie*, Grisea

° *Thương yêu (duyên trao nợ cho tình****)***

° *Thư tình-tình thư (tình yêu tiếp tình thương nhận tình người).*

**Chính luận**: nxb Master-Asie, *Anthropol-Asie*, Grisea

° Nhân Việt (Nhân cách giáo lý Việt tộc).

**Báo cáo nghiên cứu quốc tế**

**RAPPORTS DE RECHERCHE**

• **Ministère des affaires sociales,**

**Mission Interministérielle Recherche Expérimentation - MIRE:**

*L'insertion socioprofessionnelle des jeunes issus de l'immigration du sud-est asiatique*.

• **Premier-Ministre**,

**Secrétaire Général à l'Intégration-SGI:**

*La présence chinoise à Paris..*

*L’intégration asiatique dans les secteurs technologiques de pointe.*

*Les générations de l'immigration du Sud-est asiatique.*

*Le dilemme du cadrage de l’intégration asiatique..*

• **Ministère des affaires sociales,**

**Agence du Développement des Relations Interculturelles - ADRI**,

*Les immigrés et réfugiés originaires de la péninsule indochinoise*.

*Les réfugiés du sud-est asiatique*.

*La littérature de l'Asie du sud-est*.

*L'immigration du Sud-est asiatique*.

• **Ministère des affaires sociales,**

**Direction de la population et des migrations - DPM**,

**Fond d’action sociale- FAS, Secrétaire général à l'intégration - SGI**

*L’intégration des populations asiatiques, conditions locales et expériences collectives*.

*L’immigration asiatique : les espaces économiques et ses unités ethniques dans la stratégie d’ascension professionnelle*.

*Connaissance des dispositifs d'accueils et mode d'installation dans le regroupement familial*, *(enquête nationale sur les familles immigrées)*.

• **Ministère de l'Intérieur,**

**Institut des Hautes études de la sécurité intérieure - IHESI,**

**Groupe de recherche interdisciplinaire sur l'autorité**

*L’immigration et l'autorité*.

• **Ministère de la cohésion sociale**,

**ACES - Agence nationale pour la cohésion sociales et l’égalité des chances,**

*Carrières à l'international et masters professionnels, parcours des diplômes, trajets de stage, itinéraires d’embauche, destinations d’Asie*.



**Lê Hữu Khóa**

Giáo sư Đại học Lille

**Professeur à l’Université Lille**

***Teacher at Lille University***

**里尔三大（戴高乐大学）教师**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Tiến sĩ quốc gia trường **gia** cao học khoa học xã hội Paris

**Doctorat d'État, École des Hautes Études en Sciences Sociales de Paris.**

***Doctorate, 1994, School for Advanced Studies in Social Sciences, Paris***

**巴黎社会科学高等学院博士 -**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Tiến sĩ xã hội học đại học Nice-Sophia Antipolis.

**Doctorat en sociologie, Université Nice-Sophia Antipolis**

***PhD in Sociology, Sophia Antipolis University, Nice***

**尼斯索菲亚-安提波利斯**大学社会学博士

**\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Giám đốc Ban Cao học châu Á

**Directeur du Master-Asie-Relations interculturelles et coopération internationale**

***Headteacher of the “Asia” program of the Intercultural Relations and International Cooperation Master***

**亚洲国际关系和跨文化交流（研究生）系主任 - 里尔三大**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Giám đốc biên tập Anthropol-Asie,

**Directeur de la collection *Anthropol-Asie*, Editions** **Les Indes Savantes.**

***Anthropol-Asie editor, publisher : Les Indes Savantes***

**《亚洲人类学》主编 - 印度学者出版社**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Chủ tịch nhóm Nghiên cứu Nhập cư Đông Nam Á

**Président du GRISEA-Groupe de Recherche sur l'immigration du sud-est asiatique**

***President of GRISEA – Research group on immigration in south-east Asia.***

**东南亚移民研究主席**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Cố vấn Chương trình Chống Kỳ thị của UNESCO – Liên Hiệp Quốc.

**Expert à l'UNESCO, Programme *"Luttes contre la discrimination"***

***UNESCO expert, Program «Fight against discrimination ».***

**联合国教科文组织“反对种族歧视”项目专家**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Cố vấn Trung tâm quốc tế giáo khoa

**Expert au CIEP- Centre intenational d’études pédagogiques.**

***Expert at CIEP – International center for pedagogical studies***

**法国国际教育研究中心专家**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Cố vấn thẩm định giáo dục và nghiên cứu đại học Franche-Comté

**Expert d’****évaluation des enseignements et des recherches de l’Université Franche-Comté.**

***Assessment expert on education and researches at Franche-Comté University***

**贝桑松大学教学研究评估专家**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Biên tập viên tập chí *Hommes&Migrations.*

**Membre du comité de rédaction de la revue *Hommes&Migrations.***

***Editorial board member for the periodical “Hommes & Migrations”***

**《人类&迁移》杂志编辑部成员**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Thành viên hội đồng khoa học bảo tàng lịch sử nhập cư

**Membre du comité scientifique de la *Cité et l’histoire de l'immigration.***

***Scientific board member of Cité of migration***

**“移民历史城”科研委员会成员**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Thành viên hội đồng khoa học Viện nghiên cứ Đông Nam Á

**Membre du Conseil Scientifique de l'IRASEC-Institut de Recherche sur l'Asie du Sud-Est.**

***IRASEC Scientific board member (Research Institute on South East Asia)***

**东南亚研究所科研委员会成员**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Hội viên danh dự nhóm Thuyết khác biệt, Học viện nghiên cứu thế giới.

**Membre invité du Groupe Altérité, Chaire sur l’altérité, du Collège des études mondiales.**

***Guest member of the group “Altérité”, chamber an alterity, at Collège d’études mondiales.***

**世界研究协会“相异性”研究组特邀成员及教授.**